

VL00003380



ỘI NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM/DIOXIN VIỆT NAM

DIOXIN

nỗi đau nhân loại

LƯƠNG TRI VÀ HÀNH ĐỘNG



NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

**DIOXIN - NỖ ĐAU NHÂN LOẠI
LƯƠNG TRI VÀ HÀNH ĐỘNG**

Bản sao lưu trữ

NHÀ XUẤT BẢN MONG BẠN ĐỌC
GÓP Ý KIẾN, PHÊ BÌNH

Bản sao lưu trữ

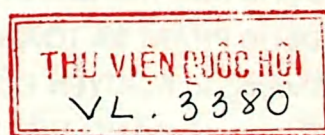
32V

100 - 2005
QĐND - 2005

HỘI NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM/DIOXIN VIỆT NAM

DIOXIN - NỖI ĐAU NHÂN LOẠI LƯƠNG TRI VÀ HÀNH ĐỘNG

Bản sao lưu trữ



NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN
Hà Nội - 2005

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG:

- Thượng tướng **ĐẶNG VŨ HIỆP** - Chủ tịch Hội nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam
- Thiếu tướng **ĐỖ XUÂN DIỄN** - Phó chủ tịch Hội nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam
- Giáo sư, TS. **NGUYỄN TRỌNG NHÂN** - Phó chủ tịch Hội nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam
- Thiếu tướng, Viện sĩ **TRẦN XUÂN THU** - Phó chủ tịch - Tổng thư ký Hội nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam
- Giáo sư, bác sĩ **NGUYỄN THỊ NGỌC PHƯỢNG** - Phó chủ tịch Hội nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam
- Đại tá **PHẠM QUANG ĐỊNH** - Giám đốc - Tổng Biên tập Nxb Quân đội nhân dân

BIÊN SOẠN:

- Đại tá **LÊ HẢI TRIỀU** (Chủ biên)
- Đại tá, PGS. **NGUYỄN THỊ NGỌC TOÀN**
- Đại tá, TS. **VŨ HOÀI TUÂN**
- Đại tá **MAI THẾ CHÍNH**
- Đại tá **PHẠM BÁ TOÀN**
- Thượng tá **NGUYỄN ĐỨC HÙNG**
- Thượng tá **ĐẶNG VIỆT THỦY**

LỜI GIỚI THIỆU

Cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ đối với nhân dân Việt Nam đã đi qua ba mươi năm, nhưng hậu quả tàn khốc và di chứng do chất độc Da cam/dioxin vẫn còn nặng nề, để lại nỗi đau dai dẳng cho nhiều thế hệ những người đã đi qua chiến tranh và các thế hệ con cháu của họ.

Những năm qua, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta cũng như bạn bè trên thế giới đã có nhiều nỗ lực hỗ trợ làm dịu đi phần nào nỗi đau, giảm bớt khó khăn trong cuộc sống cho các nạn nhân của chất độc ghê gớm, khủng khiếp này.

*Nhân kỷ niệm một năm "Ngày vì nạn nhân chất độc Da cam" Việt Nam (10-8), và vụ kiện của các nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam kiện các công ty hóa chất Hoa Kỳ đã cung cấp cho quân đội Mỹ những chất độc hóa học để sử dụng trong chiến tranh Việt Nam, Hội đã phối hợp với Nhà xuất bản Quân đội nhân dân xuất bản cuốn sách: **DIOXIN - Nỗi đau nhân loại - Lương tri và Hành động.***

Những người biên soạn cuốn sách này, bằng tất cả tâm huyết của mình đã cố gắng thể hiện một cách tốt nhất, với mục đích giúp người đọc hiểu rõ hơn về chất độc Da cam/dioxin, hậu quả chiến tranh hóa học do Mỹ gây ra ở Việt Nam và tình cảnh khốn khó của nạn nhân chất độc Da cam; đồng thời thức tỉnh lương tri nhân loại có những hành động thiết thực giúp đỡ nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam.

Do điều kiện thời gian thực hiện cuốn sách gấp nên chúng tôi không thể liên hệ được với từng tác giả và xin được mượn phép sử dụng bài của các vị trong cuốn sách này. Chúng tôi hy vọng các vị thông cảm. Số tiền nhuận bút của các vị chúng tôi có ý định đưa vào Quỹ nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam. Mong các vị đồng thuận.

Nhân cuốn sách ra mắt bạn đọc, Hội nạn nhân chất độc Da cam / dioxin Việt Nam chân thành cảm ơn Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, bà Giáng Hương là vợ của cố bác sĩ Lê Cao Đài và các tác giả có bài đã giúp chúng tôi hoàn thành cuốn sách.

Xin trân trọng giới thiệu với các đồng chí và đồng đảo bạn đọc!

T/M HỘI NẠN NHÂN
CHẤT ĐỘC DA CAM/DIOXIN VIỆT NAM
CHỦ TỊCH



Thượng tướng ĐẶNG VŨ HIỆP

Bản sao lưu trữ

TUYÊN BỐ CỦA HỘI NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM/DIOXIN VIỆT NAM

Ngày 25 tháng 2 năm 2004, Ban Chấp hành Hội nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam đã họp để kiểm điểm những hoạt động trong thời gian vừa qua và bàn về phương hướng, kế hoạch hoạt động cho thời gian sắp tới.

Hội chân thành cảm ơn sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đã ban hành bổ sung chế độ trợ cấp các gia đình có nhiều nạn nhân không tự phục vụ được.

Hội trân trọng ghi nhận sự ủng hộ nhiệt tình cả về tinh thần và vật chất của đông đảo nhân dân trong nước, của nhiều tổ chức quốc tế và quốc gia, nhiều cá nhân tiến bộ từ nhiều nước đồng viên Hội vượt mọi khó khăn để thực hiện nhiệm vụ cao cả của mình. Hội đã cử đại diện nạn nhân Việt Nam đi dự cuộc họp Diễn đàn xã hội toàn thế giới ở Mumbai (Ấn Độ) và cung cấp cho thế giới biết thêm những thông tin về tình hình nạn nhân ở Việt Nam.

Ngày 30 tháng 01 năm 2004, Hội và 3 hồ sơ của 6 nạn nhân đã mở đầu vụ kiện các tập đoàn sản xuất hóa chất độc cung cấp cho quân đội Mỹ sử dụng ở Việt Nam. Rất nhiều nạn nhân khác đã và đang gửi đơn yêu cầu tham gia vụ kiện dân sự này. Dư luận khắp nơi đã đồng tình với hành động chính đáng này của các nạn nhân Việt Nam sau hàng thập kỷ kiên nhẫn chịu đựng biết bao đau khổ và mất mát lớn lao. Nhân dân Việt Nam trung thành và với truyền thống rộng lượng và khoan dung đã nhiều năm tỏ lòng sẵn sàng hợp tác với Mỹ để giải quyết những hậu quả của cuộc chiến tranh tàn khốc. Nhưng rất tiếc thiên chí đó không được đáp ứng. Các nạn nhân Việt Nam tiến hành vụ kiện này không phải chỉ vì cuộc sống riêng của mình, mà còn vì quyền lợi chính đáng của mọi nạn nhân chất độc hóa học/dioxin ở nhiều nước khác, kể cả ở Mỹ. Vụ kiện này không phải chỉ vì một thế hệ, mà còn vì nhiều thế hệ đã, đang và sẽ phải chịu đựng những cực khổ kéo dài. Vụ kiện này được tiến hành vì quyền sống thiêng liêng, quyền trước tiên của con người, vì tin rằng lương tâm và công lý còn tồn tại và được tôn trọng trên trái đất này.

Hội nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam thiết tha kêu gọi toàn thể đồng bào trong và ngoài nước biểu lộ mạnh mẽ hơn sự đồng tình và ủng hộ những hoạt động và vụ kiện tại Mỹ của các nạn nhân.

Hội mong đợi và hoan nghênh những tình cảm, những hành động hưởng ứng nồng nhiệt hơn của mọi tổ chức, mọi cá nhân tiến bộ vì quyền sống của con người từ mọi nơi trên thế giới, đặc biệt ở Mỹ.

Hội nhiệt liệt tán thành tuyên ngôn của hội nghị Stockholm - Thụy Điển (tháng 7 năm 2002) và khẩn thiết kêu gọi các chính phủ, các tổ chức phi chính phủ, nhân dân các nước tích cực ủng hộ những hoạt động nhân đạo giúp đỡ các nạn nhân chất độc Da cam/dioxin ở Việt Nam và khắc phục những hậu quả chiến tranh nặng nề tại Việt Nam.

Hãy ủng hộ các nạn nhân chất độc hóa học để tích cực góp phần bảo vệ hòa bình và công lý trên thế giới.

CHỦ TỊCH
ĐẶNG VŨ HIỆP

**TUYÊN BỐ CỦA HỘI NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM/DIOXIN VIỆT NAM
VỀ VIỆC THẨM PHÁN J.B. WEINSTEIN BÁC ĐƠN KIỆN
CỦA CÁC NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM/DIOXIN VIỆT NAM**

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2005

Ngày 10 tháng 3 năm 2005, Thẩm phán J.B. Weinstein tại Tòa án liên bang quận Brooklyn - bang New York - Hoa Kỳ đã ra phán quyết bác đơn kiện của các nạn nhân Việt Nam.

Đây là một phán quyết phi lý, không bình thường và không công bằng. Phi lý vì từ những năm 90, Viện Hàn lâm khoa học và Viện Y học Mỹ đã xác nhận tác nhân Da cam có liên hệ tới 13 loại bệnh trên cơ thể người; năm 1996, Tổng thống Hoa Kỳ Bill Clinton đã phải xin lỗi, thừa nhận thêm một số loại bệnh và chỉ thị cho Bộ trưởng Bộ Cựu chiến binh Mỹ có chính sách bồi thường cho các cựu chiến binh Mỹ tham chiến ở Việt Nam bị nhiễm chất độc Da cam/dioxin. Phán quyết này phi lý và không công bằng vì Chính phủ Mỹ đã thừa nhận có nạn nhân chất độc Da cam/dioxin trong số các cựu chiến binh Mỹ tham chiến ở Việt Nam; Chính phủ New Zealand đã phải xin lỗi các cựu chiến binh New Zealand tham chiến ở Việt Nam về việc họ bị nhiễm độc. Không có lý gì người Việt Nam bị rải chất độc lại không bị tác hại. Ông J.B. Weinstein chắc không thể quên khi kết thúc vụ kiện năm 1984 của các cựu chiến binh - nạn nhân chất độc Da cam Mỹ, các công ty hóa chất Mỹ đã phải bỏ ra 180 triệu USD để bồi thường cho họ. Phán quyết này đã khước từ quyền được bồi thường sinh mạng và những vết thương do di chứng tàn khốc của chất độc Da cam/dioxin gây ra cho hàng triệu nạn nhân Việt Nam. Phán quyết này đã dung túng cho tội ác sản xuất và sử dụng hóa chất độc gây đau thương, mất mát cho các nạn nhân Việt Nam.

Không chỉ người Mỹ, mà mọi người trên trái đất này đều có quyền sống trong hòa bình, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc. **Hội nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam tuyên bố tiếp tục thúc đẩy vụ kiện cho đến khi nào công lý thắng lợi** không chỉ vì cuộc sống của các nạn nhân chất độc Da cam/dioxin ở Việt Nam, mà còn vì quyền lợi chính đáng của mọi nạn nhân chất độc Da cam/dioxin ở nhiều nước khác, kể cả ở Mỹ. Chúng tôi tin tưởng đồng bào cả nước tiếp tục ủng hộ mạnh mẽ các nạn nhân chất độc

Da cam/dioxin Việt Nam theo đuổi vụ kiện này. Vì lương tri và công lý, chúng tôi khẩn thiết kêu gọi các chính phủ, các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, các nhà khoa học, luật học, nhà hoạt động xã hội và những người yêu chuộng hòa bình, công lý trên thế giới hãy giúp đỡ, ủng hộ chúng tôi trong vụ kiện này.

HỘI NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM/DIOXIN VIỆT NAM

CHỦ TỊCH

ĐẶNG VŨ HIỆP

Bản sao lưu trữ

**TÒA PHÚC THẨM HOA KỲ ĐÃ CHẤP NHẬN THỜI GIAN BIỂU
NỘP CÁC VĂN BẢN NHƯ SAU:**

- Danh mục hồ sơ đưa cho Thư ký tòa Phúc thẩm: 13-9-2005
- Văn bản kháng cáo của Bên Kháng (Hội nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam): 30-9-2005
- Văn bản của Bên Bị Kháng (Các công ty hóa chất Hoa Kỳ): 16-1-2006
- Bên Kháng trả lời văn bản Bên Bị Kháng: 1-3-2006
- Tranh tụng miệng có thể diễn ra trong tháng 3-2006.

Bản sao lưu trữ

THƯ NGỎ GỬI NHÂN DÂN MỸ CỦA HỘI NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM/DIOXIN VIỆT NAM

Các bạn Mỹ thân mến!

Với một tình cảm chân thành và hữu nghị, chúng tôi gửi tới các bạn bức thư này từ một đất nước xa xôi tại phía Tây Thái Bình Dương.

Bức thư này được viết nhân dịp sắp sửa tới ngày 10th tháng 8, ngày mà máy bay Mỹ bắt đầu rải chất khai quang diệt cỏ tại Việt Nam ở phía Bắc Kon Tum năm 1961. Công trình điều tra của các nhà khoa học Mỹ mới đây (đăng ở tạp chí Nature tháng 4 năm 2003) cho biết quân đội Mỹ từ 1961 đến 1971 đã dùng tại Việt Nam khoảng 80 triệu lít hóa chất độc (khoảng trên 1/2 là chất Da cam) chứa gần 400 kg dioxin, một chất độc cực kỳ nguy hiểm, đã tàn phá môi trường và sức khỏe con người.

Ngay trong những năm 60, dư luận rộng rãi và nhiều nhà khoa học Mỹ đã lên tiếng phản đối việc sử dụng hóa chất độc ở Việt Nam.

Chúng tôi vô cùng xúc động khi được xem những đoạn phim chiếu cảnh hàng chục vạn nhân dân Mỹ đổ xuống đường phản đối cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, đặc biệt các cựu chiến binh Mỹ ném trả những huân, huy chương vì hiểu rằng họ đã bị lừa dối đẩy sang Việt Nam chống lại một dân tộc khát khao độc lập, tự do.

Các bạn thân mến,

Từ tòa án lương tâm Bertrand Russel trong thời kỳ chiến tranh đến Hội nghị Stockholm (tháng 7 năm 2002) và đến nay, sự ủng hộ của những người tiến bộ trên khắp thế giới đã động viên nhân dân Việt Nam vượt qua bao khó khăn, gian khổ để thống nhất Tổ quốc và khôi phục lại đất nước.

Chiến tranh đã chấm dứt. Việt Nam đang hồi sinh. Nhưng, hàng triệu người Việt Nam đã bị phơi nhiễm dioxin và mắc nhiều bệnh hiểm nghèo. Hàng vạn người đã chết trong đau khổ, đây phần nọ kẻ gây ra tội ác. Nhiều phụ nữ bị tai biến sinh sản, thậm chí mất khả năng làm mẹ. Xót xa nhất là con cháu họ - những thế hệ không tham gia chiến tranh - đã, đang và sẽ là nạn nhân dioxin khi sinh ra đã phải mắc nhiều dị tật bẩm sinh, các cháu không được hưởng một giây phút hạnh phúc tối thiểu nhất là sống như con

người bình thường. Những nạn nhân chất độc Da cam/dioxin là những người nghèo khổ, đau thương nhất. Nhiều gia đình đông con cháu bị dị tật đã hoàn toàn khánh kiệt.

Nhân dân Việt Nam tha thiết với hòa bình và hữu nghị đã nhiều năm kiên trì tỏ ý sẵn sàng hợp tác với Mỹ để khắc phục những hậu quả chiến tranh, đặc biệt là hậu quả nặng nề của cuộc chiến tranh hóa học tàn khốc. Nhưng rất tiếc thiện chí đó không được hưởng ứng tích cực.

Trước tình hình đó, các nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam buộc phải kiện các tập đoàn Mỹ đã sản xuất hóa chất độc sử dụng trong chiến tranh Việt Nam và đã thu được lợi nhuận khổng lồ trên đau khổ của hàng triệu con người.

Các nạn nhân Việt Nam tiến hành vụ kiện này còn vì quyền lợi chính đáng của mọi nạn nhân, kể cả ở Mỹ, Úc, Hàn Quốc, Thái Lan, New Zealand, Philippin.

Vụ kiện này không phải chỉ vì một thế hệ, mà còn vì nhiều thế hệ. Vụ kiện này được tiến hành vì quyền sống thiêng liêng của con người.

Các bạn thân mến,

Một lần nữa, chúng tôi khẳng định với các bạn rằng nhân dân Việt Nam không bao giờ có hận thù với nhân dân Mỹ - những người cũng đã có những trang sử đấu tranh cho độc lập, tự do. Chúng tôi thiết tha hy vọng các bạn thông cảm sâu sắc với những đau khổ cùng cực của các nạn nhân Việt Nam. Các bạn cần hiểu rõ rằng sử dụng hóa chất độc là vi phạm thô bạo các luật pháp quốc tế, là tội ác chiến tranh, là phản bội tinh thần Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của nước Mỹ.

Vì công lý và lương tri cao cả, các bạn hãy lên tiếng yêu cầu tòa án Mỹ xét xử nghiêm túc, đòi các tập đoàn sản xuất hóa chất độc ở Mỹ phải chịu trách nhiệm bồi thường cho các nạn nhân ở Việt Nam cũng như ở Mỹ và nhiều nước khác.

Cuộc đấu tranh ngày nay chính là vì cuộc sống hòa bình, hạnh phúc của các thế hệ mai sau trên trái đất này.

HỘI NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM/DIOXIN VIỆT NAM

**TUYÊN BỐ CỦA NGƯỜI PHÁT NGÔN BỘ NGOẠI GIAO
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Ngày 9 tháng 9 năm 2004

Chất độc Da cam/dioxin mà quân đội Hoa Kỳ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam đã gây ra hậu quả hết sức nặng nề cho con người và môi trường Việt Nam. Hơn 40 năm đã trôi qua, nhưng hậu quả của nó vẫn còn tiếp tục ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống kinh tế - xã hội Việt Nam. Thực tế này đã được nhiều nhà khoa học, trong đó có các nhà khoa học Hoa Kỳ khẳng định.

Trước sự bức xúc của các nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam, ngày 30 tháng 1 năm 2004, Hội nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam và các cá nhân đại diện cho các nạn nhân chất độc Da cam/dioxin ở Việt Nam đã phát đơn kiện các công ty hóa chất Hoa Kỳ tại Tòa án liên bang Hoa Kỳ ở Brooklyn, New York. Đây là vụ kiện dân sự giữa các nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam và các công ty hóa chất Hoa Kỳ sản xuất ra các hóa chất trên. Chúng tôi cho đây là việc làm chính đáng của các nạn nhân Việt Nam. Trước đây, các cựu binh Hoa Kỳ tham chiến ở Việt Nam bị các căn bệnh liên quan đến chất độc Da cam/dioxin cũng đã khởi kiện các công ty hóa chất Hoa Kỳ. Điều này cho thấy trách nhiệm pháp lý của các công ty sản xuất chất độc hóa học đối với các nạn nhân của chất độc này. Việt Nam hoan nghênh sự thông cảm sâu sắc và sự ủng hộ nhiệt tình của cộng đồng quốc tế đối với các nạn nhân cũng như sự hợp tác, giúp đỡ của các nhà khoa học, trong đó có các nhà khoa học Hoa Kỳ, các tổ chức, các nước trên thế giới trong việc nghiên cứu và khắc phục tác hại của chất độc Da cam/dioxin do quân đội Hoa Kỳ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam.

PHẦN THỨ NHẤT

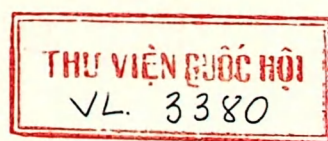
CHẤT ĐỘC DA CAM
TRONG CHIẾN TRANH VIỆT NAM

BS. LÊ CAO ĐÀI

Bản sao lưu trữ



**Ông Len Aldis - Tổng thư ký Hội hữu nghị Anh - Việt
trao đổi với Thượng tướng Đặng Vũ Hiệp -
Chủ tịch Hội nạn nhân chất độc Da cam - Dioxin Việt Nam
về sự ủng hộ các nạn nhân trong vụ kiện các công ty hóa chất Hoa Kỳ
sản xuất chất độc cung cấp cho quân đội Mỹ sử dụng trong chiến tranh Việt Nam.**





**Ông Nguyễn Trọng Nhân - Phó Chủ tịch Hội nạn nhân chất độc Da cam - Dioxin Việt Nam
thăm và tặng quà cho gia đình nạn nhân ở Hà Nội.**

Chương 1

SƠ LƯỢC LỊCH SỬ CUỘC CHIẾN TRANH HÓA HỌC CỦA MỸ Ở VIỆT NAM

Trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, ngoài những vũ khí thông thường, quân đội Hoa Kỳ còn sử dụng một lượng lớn các hóa chất độc rải xuống nhiều vùng rộng lớn của miền Nam nước Việt Nam, một phần nước Lào và Cam-pu-chia.

Cuộc chiến tranh hóa học kéo dài tròn một thập kỷ, từ 1961 - 1971. Nhiều loại hóa chất đã được sử dụng, tuy nhiên cho tới nay, gần 30 năm sau khi cuộc chiến tranh hóa học kết thúc, dư luận vẫn tiếp tục chú ý nhiều tới các hậu quả của các chất diệt cỏ và làm rụng lá cây - chúng ta gọi là "*Chất khai quang*" - trong đó đáng chú ý nhất là chất Da cam có nhiễm dioxin, một hóa chất được biết là cực kỳ độc hại với môi trường và sức khỏe con người.

Trong tài liệu này, chúng tôi sẽ đề cập chủ yếu đến các chất diệt cỏ, và một vài hóa chất khác vẫn tác hại cho tới ngày nay.

I. CHẤT DIỆT CỎ TRONG NÔNG NGHIỆP

Từ lâu, người nông dân ở mọi nơi trên thế giới đều hiểu rằng, việc diệt cỏ dại sẽ làm tăng năng suất cây trồng. Nông dân ta có câu "Công trồng là công bỏ, công làm cỏ là công ăn" chính là đúc kết kinh nghiệm nói trên.

Chính vì vậy, các nhà khoa học từ nhiều năm nay vẫn cố tìm các biện pháp diệt cỏ dại trong khi vẫn bảo vệ được cây trồng.

Từ thế kỷ 19, các nhà khoa học Pháp đã dùng hóa chất diệt cỏ trong nghề làm vườn, nhưng đây là loại hóa chất gốc Asen rất độc nên không được sử dụng rộng rãi.

Từ khoảng những năm 1937 - 1938, các công ty hóa chất Hoa Kỳ phát hiện ra các chất diệt cỏ họ Phenoxy (Phenoxy herbicides) có tác dụng giống như các hocmôn cây trồng, có thể diệt cỏ dại một cách hiệu quả.

Hai hóa chất trong nhóm này được sử dụng rộng rãi là chất 2,4-D (2,4-Diclo phenoxy axetic acid) và 2,4,5-T (2,4,5-Triclo phenoxy axetic acid).

Đây được coi như là những phát minh lớn, và từ những năm 1940 nhanh chóng được đưa vào sử dụng trong nông nghiệp, lâm nghiệp và nghề làm vườn ở nhiều nước trên thế giới như Hoa Kỳ, Nam Mỹ, các nước Bắc Âu, Úc (Australia).

Sản lượng 2,4-D tăng vọt từ 6.000 kg năm 1950 lên 16 triệu kg năm 1960.

Trên thực tế các chất diệt cỏ, cùng với các hóa chất diệt sâu rày đã đóng vai trò quan trọng trong cuộc "Cách mạng xanh" ở nhiều nước.

II. SỬ DỤNG CHẤT DIỆT CỎ VÀO MỤC ĐÍCH QUÂN SỰ

Điều nghịch lý trong xã hội ngày nay là nhiều phát minh khoa học, ngay sau khi được phát hiện và ứng dụng để phát triển sản xuất, nâng cao cuộc sống con người, thì cũng lập tức được nghiên cứu để sử dụng trong chiến tranh nhằm hủy diệt con người.

Các chất diệt cỏ không ra ngoài quy luật trên.

Điều đơn giản mà ai cũng biết là con người và các loài vật phải ăn mới sống và hoạt động được. Mà nguồn thức ăn, nói chung, nguồn lương thực, thực phẩm suy đến cùng, lại là từ nguồn thực vật, từ các sản phẩm cây trồng.

Vì vậy, từ lâu các nhà hoạch định chiến lược quân sự đã cho rằng, trong chiến tranh, nếu triệt phá được nguồn tiếp tế lương thực, thực phẩm của đối phương, sẽ làm cho đối phương đói, mất sức chiến đấu, hàng ngũ rối loạn, nhờ đó, có thể giành được thắng lợi quân sự (Clausewitz).

Thực hiện ý đồ chiến lược này, mục tiêu gần là tiến công vào các kho tàng, bến bãi, nơi tập trung lương thực, thực phẩm, các đoàn tàu xe chuyên chở lương thực, thực phẩm. Đi xa hơn là tiến công vào ngay nơi sản xuất lương thực, thực phẩm, phá mùa màng của đối phương, có nghĩa là triệt phá tận gốc chính nơi sản xuất ra lương thực, thực phẩm của đối phương.

Trước sự phát minh ra chất diệt cỏ, các nhà quân sự phương Tây thấy ngay đây là vũ khí lợi hại có thể sử dụng trong chiến tranh.

Trong Đại chiến thế giới lần thứ hai, nhiều phòng nghiên cứu của quân đội Anh và Hoa Kỳ đã bí mật nghiên cứu việc sử dụng chất diệt cỏ vào mục đích quân sự.

Năm 1943, Giáo sư E. J. Kraus, Chủ nhiệm bộ môn Thực vật trường Đại học Chicago đã đề xuất một số dự kiến khoa học báo cáo cho một Ủy ban do Henry L. Stimson, Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ lập ra nhằm giúp các giới quân sự hiểu các mặt khác nhau của chiến tranh sinh học. Sau đó,

Giáo sư Kraus đã ký hợp đồng với Bộ Quốc phòng Mỹ nghiên cứu tác hại của 2,4,5-T với cây lúa nước. Đến năm 1944, đề tài này chuyển sang cho Trung tâm nghiên cứu chiến tranh hóa học của quân đội Mỹ tại Fort Detrick - Bang Maryland. Tại đây họ đã khảo nghiệm trên 1.000 chất có khả năng phá hủy hoa màu và trên 12.000 chất làm rụng lá cây và phát hiện trên 7.000 chất có triển vọng được sử dụng trong chiến tranh.

Tới cuối Đại chiến II, việc chuẩn bị đã sẵn sàng các phi vụ rải thí điểm chất 2,4-D bằng máy bay quân sự được tiến hành vào năm 1944 - 1945 (Irish và cs, Barow và cs). Không quân Mỹ đã sẵn sàng sử dụng chất diệt cỏ để hủy diệt các cánh đồng lúa chung quanh 6 thành phố lớn của Nhật là Tokyo, Yokohama, Osaka, Lagoya, Kyoto và Kôbê. Nhưng do quân đội Nhật đầu hàng nhanh chóng nên kế hoạch này chưa được thực hiện.

Sau Đại chiến II, các nghiên cứu vẫn được tiếp tục. Quân đội Anh lần đầu sử dụng chất diệt cỏ trong cuộc chiến tranh chống quân du kích Mã Lai (Malaysia) năm 1950.

Ở Mỹ, công tác nghiên cứu được tiến hành ở Viện nghiên cứu quân sự (War Research Service) đặt tại Fort Detrick - Bang Maryland (Hoa Kỳ) (MRI-1967). Tại đây đã thí nghiệm nhiều loại hóa chất khác nhau trong đó người ta vẫn quan tâm nhất đến hai chất 2,4-D và 2,4,5-T.

Các công trình nghiên cứu đề cập tới mọi khía cạnh của việc sử dụng chất hóa học như lựa chọn loại hóa chất, tác dụng trên các loại cây khác nhau, thời gian rụng lá, lượng hóa chất sử dụng, độ cao, độ ẩm, nhiệt độ tối ưu... phương tiện phun rải, địa hình nơi phun rải.

Về phương tiện rải, kết quả nghiên cứu đã dẫn tới việc sử dụng hệ thống phun rải Houglass MC1 đặt trên máy bay C-123, có thể phun từ 1-1.5 galông hóa chất cho một acre (1 acre = khoảng 0,4 héc-ta), sau đó cải tiến thêm, có thể phun rải được 3 galông (12 lít) ~ 0,4 héc-ta, với chiều rộng của băng rải là 240 feet (khoảng 80 mét), máy bay bay với tốc độ 130 dặm và ở độ cao 45 - 50 mét.

Năm 1959, Cơ quan nghiên cứu triệt mùa màng ở Fort Detrick tổ chức một cuộc diễn tập Fort Drum (New York). Trong cuộc diễn tập, máy bay đã rải hỗn hợp chất Butyl-ester 2,4-D và 2,4,5-T xuống một diện tích 4 dặm vuông.

Thành công của cuộc diễn tập nhanh chóng được Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ ghi nhận và chỉ thị cho cơ quan này xây dựng đề án rải chất diệt cỏ và làm rụng lá cây ở Việt Nam Cộng hòa (miền Nam Việt Nam) nằm trong khuôn khổ rải chất diệt cỏ ở chiến trường Đông Nam Á. Tiếp sau đó, Brown, người phụ trách chương trình nghiên cứu đã tiến hành 18 cuộc thử nghiệm rải chất diệt cỏ và làm rụng lá cây ở Thái Lan và một số nơi khác.

III. CHẤT DIỆT CỎ TRONG CHIẾN TRANH VIỆT NAM

Từ những năm 1950, chính quyền Hoa Kỳ ngày càng can thiệp sâu vào cuộc chiến ở Đông Dương. Đến năm 1960, trước những thất bại liên tiếp trong âm mưu đàn áp phong trào cách mạng ở miền Nam Việt Nam (Cuộc đồng khởi ở Bến Tre mở đầu giai đoạn đấu tranh vũ trang của nhân dân miền Nam; vùng giải phóng liên tiếp được mở rộng; tháng 12 năm 1960, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam chính thức thành lập...), trước sự phát triển của phong trào cách mạng miền Nam Việt Nam, trong khuôn khổ kế hoạch Staley - Taylor, nhằm bình định miền Nam Việt Nam trong vòng 18 tháng, Chính phủ Mỹ với sự đồng ý của chính quyền Ngô Đình Diệm ráo riết chuẩn bị cho việc sử dụng chất khai quang vào chiến trường miền Nam Việt Nam.

Tháng 8 năm 1960, tại Langley (Hoa Kỳ) có cuộc họp gồm đại diện Bộ Nông nghiệp, cơ quan TAC, đại diện lục quân và hải quân Hoa Kỳ, để bàn cách trang bị cho máy bay C-123 phun rải chất độc hóa học.

Kennedy sau khi nhận chức Tổng thống Hoa Kỳ (ngày 11 tháng 5 năm 1961) đã họp Hội đồng An ninh quốc gia Hoa Kỳ và ra tuyên bố "*... để ngăn chặn Cộng sản xâm lược Nam Việt Nam, quyết định dùng chất diệt cỏ,... và các kỹ thuật tân kỳ khác để kiểm soát các đường bộ và đường thủy dọc biên giới Việt Nam...*".

Tháng 7 năm 1961, các trang thiết bị, hóa chất được liên tiếp chuyển sang Việt Nam. Không quân Mỹ được tăng cường thêm 6 chiếc UC-123 cùng với phi hành đoàn và các trang thiết bị, hóa chất cần thiết.

Sau buổi họp tại thị xã Kon Tum vào ngày 31 tháng 8 năm 1961, Phái đoàn viện trợ quân sự Mỹ tại miền Nam Việt Nam (MAAG) quyết định chọn quận Đắc Tô, làm nơi thí điểm đầu tiên cho việc phun rải chất khai quang.

Và như vậy, chuyến bay đầu tiên phun rải chất độc hóa học được thực hiện ngày 10 tháng 8 năm 1961, dọc theo quốc lộ số 14, phía Bắc thị xã Kon Tum bằng máy bay trực thăng H34 có lắp thiết bị phun FIDAL. Trong những phi vụ phun rải chất độc hóa học đầu tiên này, phía máy bay được sơn cờ vàng có sọc đỏ của không lực Việt Nam Cộng hòa (chính quyền Sài Gòn). Chất Dinoxol đã được sử dụng trong phi vụ đầu tiên này để phá hủy nương rẫy và hoa màu.

Ngay ngày hôm sau, ngày 11 tháng 8 năm 1961, lúc 10 giờ sáng, họ lại rải tiếp chất Trinoxol lên khu vực đường Kon Tum để phá hủy khoai lang, sắn, chuối và cỏ gianh... Sau hai giờ, các loại cây bị phun rải đã héo và chết. Cuộc thí nghiệm được đánh giá là thành công mỹ mãn...

Tiếp sau đó, ngày 19 tháng 8 năm 1961, chất khai quang Dinoxol lại được máy bay C-47 rải ở khu vực gần làng Chơn Thành, 4km kéo dài quốc lộ 13, từ Thủ Dầu Một đi Hớn Quản, cách Sài Gòn 80km về phía Bắc, được biết chính Ngô Đình Diệm đã chọn mục tiêu này.

Tin cũng cho biết, ngày 15 tháng 8 năm 1961, máy bay Mỹ đã rải xuống khu vực phía Tây huyện Hàm Tân thuộc tỉnh Bình Thuận, một chất bột màu trắng, khi rơi xuống tỏa ra như sương mù, có tác dụng hủy diệt hoa màu.

Tới ngày 8 tháng 10 năm 1961, chất Dinoxol lại được dùng thử một lần nữa trên khu rừng cạnh sân bay Biên Hòa với kết quả được đánh giá là tốt!

Tổng thống Mỹ Kennedy chính thức chuẩn y kế hoạch sử dụng chất khai quang ở chiến trường miền Nam Việt Nam vào ngày 30 tháng 11 năm 1961, nhưng phải tới 4 năm sau, ngày 20 tháng 9 năm 1965, Nhà Trắng mới chính thức thừa nhận việc sử dụng chất khai quang trong chiến tranh Việt Nam.

Về phía chính quyền miền Nam Việt Nam thì ngày 7 tháng 3 năm 1962, Tổng thống Ngô Đình Diệm khi trả lời phóng viên Đài tiếng nói Hoa Kỳ đã trắng trợn tuyên bố: "Việc rải chất khai quang là một phương tiện rất hiệu nghiệm mà các nước chậm phát triển có thể sử dụng để chống lại chiến tranh du kích của Cộng sản".

Hồi 22 giờ 30 phút ngày 7 tháng 1 năm 1962, ba chiếc máy bay vận tải cỡ lớn C-123 cất cánh từ sân bay Clark-Fird (Philippin) cùng với vận hành đoàn và trang bị phun thuốc khai quang hạ cánh xuống sân bay Tân Sơn Nhất - Sài Gòn; tiếp đó, ngày 11 tháng 1 năm 1962, 110.000 galông chất khai quang được vận chuyển bằng đường biển tới miền Nam Việt Nam. Đây là những trang thiết bị và phương tiện đầu tiên của quân đội Mỹ phục vụ cho chiến dịch Ranch Hand.

Mùa xuân 1962, Hoa Kỳ đã tiến hành việc rải chất độc hóa học theo dọc đường 15 nối Biên Hòa với Vũng Tàu, nơi mà quân đội ngụy Sài Gòn phải đi máy bay để xuống Vũng Tàu mà không đi theo đường ô tô được vì không an toàn.

Tiếp theo đó, vào tháng 8 năm 1962 quân đội Mỹ - ngụy đã mở một chiến dịch rải chất khai quang ở 6 địa điểm thuộc mũi Cà Mau. Tính đến tháng 8 năm 1962, diện tích bị phun rải là 3.240 hécta, dài khoảng 80km dọc theo 5 con sông, kênh rạch và một quốc lộ. Khai quang hai bên bờ sông, kênh rạch và dọc theo đường ô tô, rộng mỗi bên 200 mét. Chiến dịch kéo dài từ ngày 3 tháng 9 năm 1962 tới ngày 1 tháng 10 năm 1962, sử dụng máy bay UC-123 để rải chất Da cam (2,4-D và 2,4,5-T). Sau hai tháng 16 ngày, ngày 19 tháng 11 năm 1962, quan sát vùng bị rải bằng máy bay cho thấy khoảng 95% cây cối, gồm cây đước dọc ven sông, cây dừa, cây cọ dọc theo đường bộ bị chết hoặc

rụng hết lá... Như vậy, kế hoạch rải chất khai quang đã qua giai đoạn thử nghiệm (năm 1961-1962) và bước vào giai đoạn ứng dụng thực sự vào chiến tranh... Trong giai đoạn thực nghiệm quân đội Mỹ đã thử hàng chục loại hóa chất khác nhau, nhưng khi cuộc chiến tranh hóa chất phát triển thành quy mô lớn thì họ sử dụng ba loại hóa chất chính là chất Da cam, chất Xanh và chất Trắng.

Trong thời gian đầu, Chính phủ Hoa Kỳ muốn tránh trách nhiệm về việc dùng chất diệt cỏ trong chiến tranh, nên mặc dù chính các máy bay của không lực Hoa Kỳ tiến hành các phi vụ rải chất độc hóa học, nhưng thân máy bay được sơn cờ của chính quyền Sài Gòn và phi công thì nhận được chỉ thị phải mặc thường phục khi bay.

Chính phủ Mỹ muốn Ngô Đình Diệm phải nhận trách nhiệm về việc sử dụng chất diệt cỏ và đã yêu cầu Diệm ra tuyên bố nói rằng các chất này không gây tác hại gì cho sức khỏe con người.

Một đơn vị không quân Hoa Kỳ mang mật danh "Bình chủng không quân 309" được giao nhiệm vụ chuyên trách các vụ rải. Chiến dịch sử dụng chất diệt cỏ và làm rụng lá cây được tiến hành với mật danh là "*Chiến dịch Ranch Hand*".

Phía Mỹ lấy ngày 9 tháng 1 năm 1962, ngày chuyển máy bay chở hóa chất độc đầu tiên hạ xuống sân bay Tân Sơn Nhất làm ngày khởi đầu cuộc chiến tranh hóa học (Brow). Tuy nhiên một tài liệu khác của Bộ Quốc phòng Mỹ cho biết chuyến máy bay đầu tiên mang các hóa chất và phương tiện rải hạ cánh ở sân bay Tân Sơn Nhất vào ngày 29 tháng 11 năm 1961.

Mục đích của chiến dịch Ranch Hand được quân đội Hoa Kỳ xác định là:

- Làm trụi lá cây để tạo điều kiện thuận lợi cho việc quan sát, phát hiện nơi trú quân của đối phương. Ngoài việc rải bằng máy bay, chất diệt cỏ còn được rải bằng các phương tiện trên mặt đất (thiết bị phun lắp trên xe ô tô, tàu thuyền, bình phun tay...) quanh các vị trí đóng quân, trận địa pháo binh của quân đội Mỹ - ngụy và chư hầu, dọc hai bên đường giao thông thủy, bộ để tránh sự tiến công của quân du kích.

- Phá hoại mùa màng nhằm cắt nguồn cung cấp lương thực của quân du kích.

Những năm đầu 1961 - 1964, việc rải chất độc hóa học được tiến hành ở quy mô nhỏ, hạn chế ở dọc đường giao thông và quanh các căn cứ quân sự Mỹ, ngụy.

Phương tiện phun rải chủ yếu trên mặt đất là máy Buffalo tuzbine. Tới những năm 1965 - 1969, cuộc chiến tranh hóa học tăng vọt về quy mô và cường độ.

Tạp chí Khoa học (Science số ra ngày 18 tháng 8 năm 1967) đã đưa tin "Bộ Quốc phòng Mỹ tuyên bố về hóa chất diệt cỏ sử dụng ở Việt Nam đang được tăng cường. Lầu Năm Góc vừa công bố một ký kết cung cấp hóa chất diệt cỏ với 8 công ty của Mỹ với tổng số tiền là 57,7 triệu đôla Mỹ. Như vậy kinh phí chi cho chiến dịch này tăng từ 12,5 triệu đôla Mỹ trong năm 1966 lên 15,2 triệu đôla Mỹ trong năm 1967. Và dự chi cho năm 1968 sẽ tăng đến 43,4 triệu đôla Mỹ. Những công ty cung cấp hóa chất diệt cỏ là: Dow Chemical, Diamond Alkali, Uniroyal Chemical, Thompson Chemical, Hercules, Monsanto, Ansul và Thompson Hayward".

Trong giai đoạn này, phương tiện rải chủ yếu là máy bay có cánh cố định C-123 với thùng chứa khoảng 1.000 galông (tương đương 3.850 lít) đặt trên một khung bàn xoay và vòi phun chất diệt cỏ có ký hiệu A/A45y-1. Trên máy bay thường có 3 nhân viên phục vụ: phi công, phụ lái và một kỹ thuật viên chịu trách nhiệm điều khiển hệ thống rải. Hệ thống này có thể rải 240 galông/phút, mà khi ở độ cao 40 - 45 mét, tốc độ 130 dặm sẽ tạo thành một vệt rải rộng khoảng 80 mét, thời gian rải khoảng 3,5 - 4 phút, vừa đủ để phun 950 galông hóa chất trên một vệt dài 8,7 dặm (14km). Hóa chất được rải thành những hạt bụi nhỏ có đường kính từ 250 đến 300 micron, trong trường hợp máy bay rải bị bắn hoặc có trục trặc kỹ thuật, máy bay có thể thả toàn bộ lượng chất diệt cỏ xuống mặt đất chỉ trong vòng vài ba giây.

Mục tiêu rải mở rộng ra các vùng nghi ngờ có quân giải phóng hoạt động và các nương rẫy ở vùng tranh chấp.

Về hóa chất sử dụng, trong những năm đầu 1961 - 1964, thường dùng chất Tím, và Xanh lam. Hai hóa chất Hồng và Xanh lá cây cũng được dùng nhưng với quy mô nhỏ hơn. Khoảng tháng 1 năm 1965, hai công thức mới của chất diệt cỏ được đưa vào chiến trường, đó là chất Da cam và chất Trắng.

Các danh từ: Da cam, Tím, Hồng, Xanh lam, Xanh lá cây... thực ra chỉ là các mật danh quân sự và thể hiện bằng một vòng sơn màu Da cam, Tím, Hồng... rộng khoảng 20cm quanh thùng 200 lít chứa hóa chất để nhận biết trong khi vận chuyển và bảo quản. Đặc điểm của các hóa chất nói trên sẽ được đề cập trong chương sau.

Các cuộc phun rải chất hóa chất thường được tiến hành vào các buổi sáng sớm, khi đó không khí yên tĩnh hơn nên các hóa chất rải rơi đúng địa điểm cần rải mà ít bị ảnh hưởng của gió, và đến trưa lúc nhiệt độ lên cao nhất hóa chất sẽ phát huy tác dụng tối đa. Thường việc phun rải tiến hành vào những ngày nắng ráo, tránh ngày mưa để cho hóa chất không bị nước mưa cuốn trôi trước khi phát huy tác dụng của mình. Máy bay có thể bay thành phi đội 2 - 3 chiếc. Để tránh hỏa lực mặt đất, khi còn xa mục tiêu, máy bay

thường bay rất cao, khi tới gần mục tiêu, máy bay đột ngột sà xuống thấp sát ngọn cây và phun rải toàn bộ chất độc hóa học xuống trong vòng vài phút.

Về kết quả của việc phun rải chất diệt cỏ phá hoại mùa màng, theo báo cáo của trung tâm tình báo liên quân (CICV) đánh giá là tới năm 1965 việc rải chất độc hóa học đã phá một lượng lương thực đủ nuôi sống 245.000 người trong một năm.

Theo báo cáo của Ủy ban Giải trừ quân bị của Liên Hiệp quốc số CD/82 cuối năm 1966, thì 7 tháng sau khi bắt đầu chương trình khai quang, không quân Mỹ đã bay 200 phi vụ và đã phun rải 760.000 lít chất diệt cỏ dọc theo các trục lộ dọc vĩ tuyến 17 cách hai bên đường mỗi bên 275 mét.

Những năm sau đó việc phun rải các chất diệt cỏ tăng lên nhanh chóng, đạt cao điểm vào năm 1967, có phần giảm đi vào các năm 68-69-70 và kết thúc việc phun rải chất khai quang bằng máy bay C-123 của không quân Mỹ vào năm 1971.

IV. CUỘC ĐẤU TRANH ĐÒI CHẤM DỨT CUỘC CHIẾN TRANH HÓA HỌC Ở VIỆT NAM

Cuộc chiến tranh hóa học, sau này được đánh giá là cuộc chiến tranh môi sinh lớn nhất trong lịch sử nhân loại, ngay từ đầu đã gặp phải sự chống đối của nhiều nhà khoa học có lương tri trên thế giới và ngay trên nước Mỹ.

Ngày 15 tháng 6 năm 1966, trong cuộc họp Hội đồng khoa học thường kỳ của Hội vì sự tiến bộ của khoa học Hoa Kỳ (AAAS) đã công bố: "*Việc sử dụng hóa chất trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam của Bộ Quốc phòng Mỹ gây ra mối lo ngại trong các nhà khoa học về tác hại của nó. Do vậy Phân viện Thái Bình Dương của AAAS sẽ thành lập một nhóm các nhà khoa học đầu ngành nghiên cứu tác hại của các hóa chất diệt cỏ trên môi sinh ở Việt Nam và sẽ có báo cáo cụ thể trong phiên họp tiếp theo*".

Cũng năm 1966, Arthur Galston, giáo sư sinh học trường Đại học Yale đã cùng với Hội sinh lý thực vật Hoa Kỳ gửi thư tới Tổng thống Mỹ Johnson phản đối việc sử dụng chất diệt cỏ ở Việt Nam.

Tháng 2 năm 1967, một nhóm hơn 5.000 nhà khoa học Mỹ trong đó có 17 người đã được giải thưởng Nobel và 129 viện sĩ Viện Hàn lâm khoa học quốc gia Mỹ, dưới sự lãnh đạo của tiến sĩ John Edsall trường Đại học Harvard đã ký vào một kiến nghị trình lên Tổng thống Lyndon Johnson đề nghị Chính phủ Mỹ ngừng ngay việc sử dụng các chất diệt cỏ tại Việt Nam.

Ngày 13 tháng 9 năm 1967, Hội vì sự tiến bộ của khoa học Hoa Kỳ (AAAS) gửi thư tới Bộ trưởng Quốc phòng Robert Mc. Namara đòi tiến hành một cuộc khảo sát khoa học về những tác hại của chất diệt cỏ.

Năm 1968, một nghiên cứu của phòng thí nghiệm Sinh trắc (Biometric Research Laboratories) có sự tài trợ của Viện Ung thư quốc gia Hoa Kỳ, cho thấy tác hại gây quái thai của 2,4,5-T (thành phần của chất Da cam); đồng thời báo chí Sài Gòn cũng đưa tin về sự xuất hiện nhiều trường hợp dị tật bẩm sinh, quái thai ở những vùng bị rải chất Da cam. Tiếp sau đó nhiều nghiên cứu trên thực nghiệm xác nhận khả năng gây dị tật bẩm sinh và quái thai của 2,4,5-T. Sau này, những công trình nghiên cứu cho biết rõ thêm tác hại gây quái thai là do chất Dioxin, một tạp chất của 2,4,5-T gây nên.

Tháng 12 năm 1969, Hội vì sự tiến bộ của khoa học Hoa Kỳ (AAAS) đã tuyên bố cử tiến sĩ di truyền học Matthew S. Meselson của trường Đại học Harvard làm chủ tịch Ủy ban đánh giá tác hại của chất diệt cỏ lên môi trường và con người Việt Nam, kinh phí của Hội là 50.000 USD/năm với sự tham gia của các nhà khoa học thuộc nhiều lĩnh vực.

Trước áp lực của dư luận, ngày 29 tháng 10 năm 1969, Mỹ phải tuyên bố hạn chế dùng hóa chất diệt cỏ ở những vùng có đông dân cư.

Tháng 4 năm 1970, liên Bộ Nông nghiệp, Y tế, Giáo dục và An sinh, Nội chính ra quyết định ngừng sử dụng 2,4,5-T trong nông nghiệp.

Cũng trong tháng 4 năm 1970, Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ phải ra tuyên bố ngừng việc sử dụng chất diệt cỏ ở Việt Nam. Tuy nhiên chỉ tới tháng 2 năm 1971, theo các tài liệu của Mỹ, chiến dịch sử dụng chất diệt cỏ do Mỹ tiến hành mới ngừng hẳn. Cần lưu ý rằng, đây chỉ là sự chấm dứt cuộc chiến tranh hóa học của *không quân Hoa Kỳ*. Trên thực tế, như nhiều tài liệu sau này đã chứng minh, sau khi Chính phủ Mỹ tuyên bố ngừng việc rải chất độc hóa học, thì chính quyền Sài Gòn vẫn tiếp tục sử dụng các phương tiện, hóa chất do Mỹ để lại, cho đến khi bị sụp đổ hoàn toàn vào tháng 4 năm 1975.

Chuyến máy bay có cánh cố định của không lực Hoa Kỳ rải chất diệt cỏ lần cuối cùng vào tháng 1 năm 1971, nhưng việc rải bằng máy bay trực thăng vẫn tiếp diễn cho tới tháng 10 năm 1971.

Theo tài liệu kiểm kê của không quân Mỹ, khi ngừng chiến dịch rải chất diệt cỏ thì tại các kho ở Việt Nam còn tồn 1,37 triệu galông chất Da cam, ngoài ra còn 0,85 triệu galông chứa tại căn cứ hải quân Gulport, bang Mississippi, Hoa Kỳ.

Theo lệnh của Bộ Quốc phòng Mỹ, tháng 4 năm 1972, toàn bộ 1,37 triệu galông chất Da cam còn lại sau chiến dịch Ranch Hand ở miền Nam Việt

Bảng 1

NHU CẦU HÓA CHẤT KHAI QUANG CỦA QUÂN ĐỘI 1973 - 1974¹

*(Biên bản buổi họp ngày 6 tháng 8 năm 1973 CV,
số 40371/TTM ngày 8 tháng 8 năm 1973)*

Vùng chiến thuật	Chất Xanh (Agent Blue) (Đơn vị: thùng)	Chất Trắng (Agent White) (55 galông = 200 lít)	Cộng
I	600 thùng	1.100 thùng	1.700 thùng
II	700	300	1.000
III	600	600	1.200
IV	1.700	1.700	3.400
Cộng	3.600	3.700	7.300

Các tài liệu trên cho thấy, sau khi Mỹ buộc phải tuyên bố kết thúc cuộc chiến tranh hóa học vào năm 1971, thì trên thực tế cuộc chiến tranh này vẫn được ngụy quân Sài Gòn tiếp tục, bằng số hóa chất còn lại trong kho và được Mỹ viện trợ thêm. Tuy nhiên quy mô giảm nhiều so với trước và về hóa chất sử dụng thì dường như chất Da cam đã không còn được sử dụng. Hai chất diệt cỏ chính dùng trong giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh là chất Xanh và chất Trắng.

1. Tài liệu của bộ tổng tham mưu quân đội Sài Gòn.

Chương 2

CUỘC CHIẾN TRANH HÓA HỌC Ở VIỆT NAM

I. MỘT VÀI VẤN ĐỀ VỀ TỔ CHỨC CHỈ HUY CHIẾN DỊCH KHAI QUANG

1. Cơ quan chỉ huy.

Toàn bộ kế hoạch khai quang do Bộ chỉ huy quân sự Hoa Kỳ, Bộ tư lệnh viện trợ quân sự Hoa Kỳ tại Việt Nam (MACV) và Tòa đại sứ Hoa Kỳ tại miền Nam Việt Nam quyết định.

Tuy nhiên để phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quân sự Mỹ, ngay quân Sài Gòn cũng đã tổ chức ra một cơ quan chuyên trách có mật danh là Ủy ban 202.

Trong chỉ thị ký ngày 14 tháng 12 năm 1962 của tổng tham mưu trưởng quân Sài Gòn có ghi rõ:

"Để việc điều hành công tác khai quang được hữu hiệu, nay thành lập tại các cấp Vùng chiến thuật (VCT), Khu chiến thuật (KCT) và Tiểu khu (TK) một ủy ban mệnh danh là Ủy ban 202. Ủy ban này có nhiệm vụ: Nghiên cứu, soạn thảo và đệ trình kế hoạch diệt trừ hoa màu, khai quang các trục lộ giao thông và đồn bốt bằng hóa chất, giám sát thực hiện công tác trên..."

Mật danh Ủy ban 202 là sự kết hợp của hai bí số dùng trong quân đội Sài Gòn là công tác số 2: tiêu hủy ruộng rẫy địch và công tác số 20: làm rụng lá cây để khai quang các vùng cây cối rậm rạp. Ủy ban 202 có nhiệm vụ làm cả hai công việc nói trên.

Các kế hoạch khai quang đều có sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền Sài Gòn các địa phương, cơ quan quân sự địa phương (tiểu khu), tại các bộ tư lệnh các vùng chiến thuật, bộ tổng tham mưu Sài Gòn với bộ chỉ huy quân sự Hoa Kỳ và đại sứ quán Hoa Kỳ tại miền Nam Việt Nam.

2. Sử dụng hóa chất khai quang.

Nếu dùng máy bay C-123 và máy bay trực thăng để khai quang thì hóa chất không pha trộn thêm chất nào khác, nghĩa là lấy nguyên hóa chất đựng trong thùng phuy để phun.

Trường hợp dùng bơm phun tay thì pha 1 galông chất Da cam hay chất Trắng pha thêm hai galông dầu Diesel.

Với chất Xanh có thể để nguyên hay pha thêm nước. Với loại bột đóng gói trong hộp các tông thì cứ 1,36 kg (3 pounds) bột pha với 3,85 lít (1 galông) nước.

Vì chất Da cam và Trắng có tác dụng làm rụng lá mạnh hơn là làm chết cây, nên để làm chết hẳn cây phải phun ba lần:

- Lần 1 dùng chất Da cam hay Trắng để làm trụi lá;
- Lần thứ hai, cùng dùng hai loại thuốc kể trên để làm trụi cành và thân cây;
- Lần thứ ba dùng chất Xanh để thuốc thấm qua rễ, hủy diệt cây.

Thời gian lần 2 cách lần 1 là khi thấy lá rụng. Lần 3 cách lần 2 là khi thấy đã có kết quả với thân và cành cây.

Để phá hủy rừng gỗ, tre, lau, sậy dùng chất Da cam và Trắng. Để phá hủy hoa màu, khoai sắn, loại có củ dễ bị tác động của chất Da cam hay Trắng. Nhưng phải phun trước khi có củ vì nếu cây đã có củ thì khi phun sẽ không ảnh hưởng tới củ.

Với lúa và ngô, thuộc loại lá nhỏ, cũng bị chất Da cam hoặc Trắng hủy diệt nhưng phải dùng liều lượng lớn. Chất Xanh để làm cho lúa úa vàng trong vòng một tuần lễ và không trở bông được.

Với rừng, sau khi hủy diệt cây bằng hóa chất, còn dùng bom cháy (napan) hoặc xăng để đốt, biến khu vực thành trống địa. Với những vùng gần đồn bốt, trực giao thông thì sau khi phun thuốc còn dùng thêm cơ giới hoặc nhân công để đốn những thân cây to.

3. Thời cơ và thời điểm phun hóa chất khai quang.

Theo tài liệu huấn luyện của quân đội Mỹ thì thời cơ tốt nhất để diệt cây là thời kỳ sinh trưởng của cây, 3 đến 4 tuần lễ sau khi mọc lá non. Lúc phun thuốc tốt nhất là vào mùa mưa để nhằm vào thời kỳ cây hoạt động mạnh. Sang mùa khô khi cây đã chết thì có thể dùng napan để đốt trụi.

Thời điểm khai quang tốt nhất là vào buổi sáng sớm vì nhiệt độ không khí thấp hóa chất ít bị bay hơi, tốc độ gió thấp, hóa chất ít bị phân tán theo chiều gió. Tuy nhiên cũng có thể phun rải vào buổi trưa, chiều và những đêm trăng sáng.

Trước khi máy bay C-123 phun thuốc khai quang, máy bay thám thính quần lượn nhiều ngày để trình sát tình hình mặt đất. Nếu nghi ngờ có hỏa lực mặt đất thì dùng máy bay bắn phá trước. Tiếp đó từng tốp máy bay C-123, 2 đến 3 chiếc có khi 6 đến 12 chiếc bay thấp cách ngọn cây từ 50 - 100 mét,

bay ngược hoặc ngang chiều gió, theo đội hình hàng ngang hoặc đội hình bậc thang để phun hóa chất...

Trong một phi vụ rải chất khai quang thường có ít nhất 2 máy bay trực thăng vũ trang hộ tống, một nhóm phi cơ khu trục túc trực sẵn sàng can thiệp khi có hỏa lực mặt đất bắn lên. Phải có an ninh tối thiểu dưới đất do bộ binh phụ trách.

4. Phương tiện phun rải chất khai quang.

a) Phương tiện.

Có 3 loại phương tiện chính dùng vào việc phun hóa chất khai quang: Máy bay vận tải C-130, 123, Dakota, Canberra, máy bay trực thăng H-34, HU-1A, HU-1B... không kể các loại máy bay yểm trợ khai quang như máy bay trực thăng võ trang, máy bay thám thính L-19, OV-10, máy bay chiến đấu phản lực F-4, F-100, v.v.

b) Máy phun hóa chất khai quang.

Có nhiều loại: Có loại máy phun gá lắp lên máy bay C-123, C-130, máy bay trực thăng, v.v.

Có loại máy đặt trên xe cơ giới: Xe tải hoặc giang thuyền như loại PPDA có nhãn hiệu Buffalo Turbine, máy phun Mity Myte.

Có bình phun cầm tay (Hand sprayer) nhãn hiệu Hudson.

Tùy theo mục tiêu cụ thể mà sử dụng phương tiện phun rải thích hợp:

Với khu vực rộng lớn tối thiểu dài 5.000 mét, rộng 1.000 mét, hoặc khi mở các đường hành lang hoặc khai quang rừng rậm, thì dùng máy bay có cánh cố định để khai quang.

Với các khu vực nhỏ hơn cỡ vài trăm hecta thì dùng máy bay trực thăng hoặc phi cơ thám thính để phun thuốc. Thường để phá hủy hoa màu.

Với các mục tiêu cần rải chính xác, như quanh các căn cứ, gần nơi dân cư thì dùng trực thăng, hay cơ giới, xe tải hoặc giang thuyền có trang bị máy phun Buffalo Turbine hoặc phun tay với những khu vực nhỏ.

Bảng 2

ĐẶC TRƯNG KỸ THUẬT CỦA MỘT SỐ PHƯƠNG TIỆN PHUN RẢI CHẤT KHAI QUANG

Phương tiện	Tầm hoạt động (km)	Dung tích bình chứa (lít)	Khả năng phun (lít/phút)	Vận tốc (km/giờ)	Ghi chú
UC-123	1.400 (đi+về)	4.000	450	390	
C-47	-	2.500	260	290	

Phương tiện	Tầm hoạt động (km)	Dung tích bình chứa (lít)	Khả năng phun (lít/phút)	Vận tốc (km/giờ)	Ghi chú
AD-6	1.400 (đi+vé)	1.135	260	290	Phun 3 hecta hết 8 phút
H-34	-	750	75	150	
Bufalo Turbine		230			Phun 1 hecta hết 10 phút
Bình phun tay		11	1		

Nhiều sân bay miền Nam Việt Nam được sử dụng để làm nơi tồn trữ hóa chất trước khi đưa lên máy bay để phun rải.

Một phi đội có tên là phi đội 12 đặc nhiệm Ranch Hand có nhiệm vụ chuyên trách tiến hành các phi vụ rải chất khai quang được chính thức thành lập vào tháng 11 năm 1961.

Bảng 3

Sân bay	Thời gian
Tân Sơn Nhất	1-1962 - 12-1966
Biên Hòa	12-1966-1971
Đà Nẵng	1964 - 6-1970
Phù Cát	3-1968 - 6-1970
Nha Trang	3-1968 - 6-1970
Phan Rang	1-1971

Số lượng phi cơ UC-123 của phi đội Ranch Hand tăng giảm theo nhịp độ của công tác khai quang. Năm 1962, có 3 chiếc đặt tại sân bay Tân Sơn Nhất, vào nửa đầu năm 1969 tăng lên 18 chiếc rồi giảm xuống 12 chiếc, 8 ở sân bay Biên Hòa và 4 ở sân bay Đà Nẵng.

Trên máy bay UC-123 có lắp thùng chứa dung tích 950 - 1.000 galông (khoảng 4.000 lít). Từ đó hóa chất lỏng được bơm tới ba thùng phụ ở hai cánh và đuôi với vận tốc 250 galông (950 lít) trong một phút. Hóa chất được phun ra qua 32 vòi phun, mỗi bên cánh 12 vòi và ở đuôi 8 vòi. Đường kính trong vòi phun 9,5m dọc theo ba bình phụ. Khi hóa chất thoát ra khỏi vòi phun, tiếp xúc với không khí thành những hạt bụi nhỏ cỡ 0,35mm. Tổ bay có 3 người. Mỗi phi xuất UC-123 tạo được thành một vệt rộng 80 mét, dài 15km. Thực tế vệt phun có kích thước lớn hơn khoảng 100 mét rộng¹ và 18.000 mét

1. Chiều rộng của băng rải là một vấn đề cần tranh luận vì liên quan đến diện tích bị rải. Theo số liệu của quân đội Mỹ, như trình bày ở đây, chiều rộng của băng rải là từ 50m - 1.000m. Nhưng dựa vào các ảnh viễn thám, và điều tra trên thực địa Viện Điều tra quy hoạch rừng thuộc Bộ Lâm nghiệp tính ra mỗi băng rải có bề rộng tới 1.000 mét.

dài. Khi máy bay bay với tốc độ 250 km/giờ ở độ cao 50 mét, thời gian phun từ 5 đến 7 phút. Gặp trường hợp trục trặc, máy bơm không làm việc hoặc bị hỏa lực dưới đất bắn lên thì máy bay có thể trút bỏ toàn bộ 4.000 lít trong vòng 30 giây. Thí dụ, bộ tư lệnh vùng 3 chiến thuật xác nhận ngày 11 tháng 7 năm 1967 vào lúc 8 giờ một phi cơ UC-123 bị hỏng máy đã trút bỏ toàn bộ số hóa chất chứa trong máy bay xuống vùng Ấp Nhì thuộc tỉnh Biên Hòa vào một khu tứ giác có tọa độ XT 625, 157-933, 165-943, 140 và 950, 146... Trong toàn bộ cuộc chiến tranh có tất cả 48 trường hợp được ghi nhận như vậy (Xem phụ lục 1).

Từ năm 1968, toàn bộ số máy bay C-123 cánh quạt hai động cơ dùng vào việc phun hóa chất khai quang đều được lắp thêm 2 ống phản lực ở hai bên cánh để tăng nhanh tốc độ bay và có khả năng lên xuống ở những sân bay có đường băng ngắn.

Trong nhiều trường hợp, ngoài số máy bay của phi đoàn đặc nhiệm 12 Ranch Hand còn huy động cả máy bay vận tải C-130, Dakota, Canberra của sư đoàn 2 không quân Hoa Kỳ vào công tác khai quang.

5. Các kho bãi tồn trữ và bãi bơm hóa chất khai quang.

a) Các kho bãi tồn trữ chính.

Các bãi tồn trữ hóa chất khai quang chính gồm các sân bay Biên Hòa, Đà Nẵng, tổng kho dự trữ Long Bình. Căn cứ 20 tồn trữ quân cụ, căn cứ 50 tồn trữ đạn dược, kho C Nha Trang, sân hay Phù Cát và Nha Trang. Ngoài ra tại các bộ tư lệnh quân đoàn, sư đoàn, các kho đạn dược quân khu, quân đoàn. Tiểu khu các sân bay Lai Khê, Trà Nóc, Bình Thủy đều có kho hóa chất khai quang. Trong một thời gian từ 1961 - 1966 sân bay Tân Sơn Nhất cũng là kho tồn trữ hóa chất khai quang.

Các cảng biển, cảng sông, các trạm trung chuyển như cảng Sài Gòn, Nha Trang, Quy Nhơn, Đà Nẵng đều có khu tồn trữ tạm thời trước khi chuyển chất khai quang về các bãi tồn trữ chính đặt tại các sân bay.

Các kho: Kho liên hợp Đà Nẵng, kho hóa chất An Hòa, Duy Xuyên tây nam Đà Nẵng, Quảng Đà, kho Chu Lai, Quảng Nam, kho Gò Hội, huyện Đức Phổ, Quảng Ngãi, kho Phù Mỹ, Bình Định, kho Cam Ranh, Khánh Hòa... đều là nơi tồn trữ hóa chất khai quang.

Phần lớn hóa chất khai quang chứa trong những thùng phuy loại 200 lít (55 galông). Theo thông tin của Mỹ, vào thời điểm tháng 1 năm 1967:

Sân bay Đà Nẵng có khả năng

tồn trữ tối đa

12.000 thùng

Sân bay Biên Hòa

10.000 thùng

Căn cứ 20 tồn trữ quân cụ

8.000 thùng

Năm 1968 - 1969, hai bãi tồn trữ chất khai quang và bãi đậu phi cơ Đà Nẵng và Biên Hòa được nâng cấp và mở rộng, khả năng tồn trữ hóa chất được nâng lên một cách đáng kể.

Ngoài ra tại các sân bay Biên Hòa, Đà Nẵng, Nha Trang, Phù Cát còn có những bồn chứa hóa chất hình trụ dung tích 3.000 galông, tại sân bay Nha Trang và Phù Cát, mỗi nơi có ba bồn. Dung tích 5.000 galông tại sân bay Đà Nẵng 10 bồn và sân bay Biên Hòa có 3 bồn cỡ lớn, không rõ dung tích. Đường kính đáy gần 6 mét.

b) Các bãi bơm chất khai quang.

Từ năm 1962 - 1966, bãi bơm đầu tiên phục vụ cho chiến dịch khai quang đặt tại sân bay Tân Sơn Nhất có nhiệm vụ bơm chất khai quang lên máy bay vận tải C-123 và máy bay trực thăng.

Từ năm 1966, công tác bơm chất khai quang chuyển cho hai sân bay: Ở vùng chiến thuật 1, bãi bơm đặt tại sân bay Đà Nẵng chịu trách nhiệm bơm cho các máy bay rải chất khai quang từ khu vực Kon Tum ra vĩ tuyến 17. Bãi bơm đặt tại sân bay Biên Hòa phục vụ cho các phi vụ rải chất khai quang từ Plây Cu, Phú Yên xuống Cà Mau.

Từ năm 1968, để phục vụ cho yêu cầu mở rộng chiến dịch khai quang, Bộ tư lệnh viện trợ quân sự Hoa Kỳ tại Việt Nam đã cho thiết lập thêm hai điểm phụ bơm hóa chất khai quang tại sân bay Nha Trang và Phù Cát. Ở các điểm bơm phụ này có ba bồn chứa F-6 dung tích 11.000 lít (3.000 galông), một khu vực tồn trữ nhiên liệu và bảo trì phi cơ, một sân bê tông rộng 80 x 130 mét để tồn trữ các hóa chất khai quang có khả năng tồn trữ 60.000 galông (khoảng 1.000 thùng phuy loại 200 lít).

Năm 1972, do nhu cầu mở rộng sân bay Phù Cát bãi bơm hóa chất được di chuyển sang chỗ mới, cũng trong phạm vi sân bay, tọa độ BR 886,445.

Một tổ chuyên trách bơm hóa chất lên máy bay gồm 1 sĩ quan, 2 hạ sĩ quan và 18 binh sĩ cùng với 3 lái xe đủ khả năng bơm chất khai quang cho 7 chiếc máy bay C-123 trong một ngày.

6. Vận chuyển, tiếp nhận, quản lý và cấp phát chất khai quang.

Để vận chuyển chất khai quang từ Mỹ sang Việt Nam, quân đội Hoa Kỳ đã sử dụng một đoàn tàu biển hơn một chục chiếc.

Các tàu chở hóa chất cập các bến cảng Sài Gòn, Tân Cảng hoặc bến phà Tân Lâm, Cogido Biên Hòa, cảng Nha Trang, Cam Ranh, Quy Nhơn và Đà Nẵng. Từ các cảng biển, hóa chất sẽ được chuyển đến các kho tạm như kho K12 của căn cứ chuyển vận Sài Gòn và sau đó được đưa đến các bãi tồn trữ đặt tại các sân bay.

Mỗi chuyến tàu đi mất 60 ngày mới tới các cảng miền Nam Việt Nam.

II. CÁC HÓA CHẤT DÙNG TRONG CHIẾN TRANH VIỆT NAM

Theo số liệu của Bộ Quốc phòng Mỹ, tổng lượng hóa chất khai quang dùng trong chiến tranh Việt Nam là 17.585.778 galông (66.650.086 lít).

Số liệu của Bộ Quốc phòng Mỹ đưa ra có thể chưa đúng với sự thật vì vấn đề an ninh, hoặc vì những lý do khác. Theo các tài liệu của Viện Hàn lâm khoa học quốc gia Hoa Kỳ (National Academy of Sciences) (NAS), và của một số nhà khoa học Mỹ khác như Craig, Westing, Young... thì lượng hóa chất khai quang rải xuống Việt Nam khác nhau khá xa so với số liệu của Bộ Quốc phòng khoảng 1 triệu galông.

Trong cuộc chiến tranh hóa học ở Việt Nam, quân đội Hoa Kỳ đã sử dụng nhiều loại hóa chất nhằm nhiều mục đích khác nhau. Loại hóa chất dùng nhiều nhất trong cuộc chiến tranh là các chất diệt cỏ và làm rụng lá cây (thường gọi là chất "Khai quang"). Ngoài ra, họ còn dùng các chất gây ngạt thở, gây chảy nước mắt, chất độc thần kinh, chất diệt côn trùng...

Để tham khảo, chúng tôi xin đưa ra dưới đây một số tư liệu do các nhà khoa học Mỹ công bố (Westing) (23).

1. Các chất diệt cỏ và làm rụng lá cây.

Trong những năm đầu của chiến dịch Ranch Hand 1961 - 1964, quân đội Mỹ dùng phổ biến 3 loại hóa chất: chất Tím, chất Hồng và chất Xanh lá cây. Những năm sau họ chuyển sang dùng nhiều hơn chất Da cam và các hóa chất khác.

Đặc điểm của từng loại chất diệt cỏ như sau:

a) *Chất Da cam.*

Là dung dịch màu hồng - nâu, hòa tan trong dầu, dầu Diesel và các dung môi hữu cơ. Không hòa tan trong nước. Chất Da cam là hỗn hợp 50 : 50 của hai chất n-butyl ester 2,4-D và 2,4,5-T.

Khi phun rải không pha loãng. Lượng rải trung bình 28,06 lít/héc-ta, trong đó có khoảng 15,3 kg/héc-ta chất 2,4,5-T và 13,6 kg/héc-ta chất 2,4-D (đương lượng axít) trong đó chứa khoảng 107mg dioxin.

b) Chất Da cam II.

Hóa chất tương tự như chất Da cam, chỉ khác ở chỗ thay thế n-butyl ester 2,4,5-T bằng iso-octyl ester 2,4,5-T.

Chất Da cam II chỉ do một công ty hóa chất sản xuất. Trong năm 1968 và đầu năm 1969 có khoảng 950.000 galông (khoảng 3.600.000 lít) chất Da cam II được chuyển sang Việt Nam. Không biết rõ bao nhiêu đã được sử dụng và bao nhiêu còn lại khi kết thúc cuộc chiến tranh hóa học.

c) Chất Trắng.

Là một dung dịch màu nâu - đen hòa tan trong nước, không hòa tan trong dầu, dầu Diesel, hoặc dung môi hữu cơ. Là một hỗn hợp 1 : 4 của hai chất Picloram và 2,4-D.

Khi phun rải không pha loãng với lượng 28,06 lít/hécta, trong đó có 6,73 kg 2,4-D và 1,82 kg/hécta picloram (đương lượng axit).

d) Chất Xanh lam (Agent Blue).

Là một dung dịch màu vàng nhạt, hòa tan trong nước, không hòa tan trong dung môi hữu cơ, dầu Diesel. Là hỗn hợp của axit cacodylic và Natri cacodylat.

Khi phun rải không pha loãng với lượng 28,06 lít/hécta, chứa 10,04 lít/hécta (đương lượng axit) hoặc 5,66 kg/hécta nguyên tố asen.

e) Chất Tím (Agent Purple).

Là chất đầu tiên được sản xuất vào khoảng giữa thập kỷ 50, được dùng để làm rụng lá cây ở căn cứ Drum (Camp Drum) (1959), là dung dịch màu nâu, hòa tan trong dầu, dầu Diesel và dung môi hữu cơ, không hòa tan trong nước.

Thành phần:

n-butyl 2,4-D	50%
n-butyl 2,4,5-T	30%
iso-butyl 2,4,5-T	20%

g) Chất Hồng (Agent Pink).

Dùng rộng rãi trong những năm đầu tiên của chiến dịch Ranch Hand và trong thử nghiệm làm rụng lá cây ở Thái Lan (63-64).

Thành phần:

n-butyl 2,4,5-T	60%
iso-butyl 2,4,5-T	40%

h) Chất Xanh lá cây (Agent Green).

Chất Xanh lá cây chỉ gồm một chất n-butyl ester 2,4,5-T. Chỉ dùng trong một thời gian ngắn vào năm 1963 - 1964.

i) Các chất diệt cỏ khác.

Ngoài các chất diệt cỏ nói trên còn có các chất:

- Dinoxol: hỗn hợp các ester khác nhau của 2,4-D; 2,4,5-T.
- Trinoxol, Diquat... lượng nhỏ của 26 loại hóa chất khác dùng để diệt cỏ dại, diệt tre nứa, bụi rậm quanh các căn cứ hải quân, không quân, bộ binh, trận địa pháo, bãi mìn, kho vũ khí...

2. Các chất diệt côn trùng.

Ngoài các chất diệt cỏ, còn phải kể tới các chất diệt côn trùng, diệt muỗi. Trong đó chủ yếu là chất malathion (Phốt pho hữu cơ) và DDT. Tùy tình hình, có thể rải bằng phương tiện mặt đất, nhưng cũng nhiều khi dùng máy bay phun trên trận địa hoặc quanh doanh trại. Cũng gây tác hại tới môi trường xung quanh.

3. Chất kích thích CS.

Trong các loại hóa chất dùng trong chiến tranh Việt Nam, chất CS hiện nay vẫn còn được phát hiện ở nhiều vùng núi Việt Nam và vẫn còn gây tác hại tới môi trường và sức khỏe con người, vì vậy chúng tôi nói rõ hơn về chất này (xem mục IV).

4. Các hóa chất khác.

Trong các loại vũ khí hóa học, quân đội Mỹ sử dụng trong chiến tranh Việt Nam còn phải kể tới:

- Các vũ khí gây cháy như các loại bom đạn, bom napan, phốt pho trắng. Thường sử dụng kết hợp sau khi ném bom nổ, bom bi hoặc sau khi sử dụng chất diệt cỏ. Ngoài tác dụng gây bỏng, gây nhiễm độc (phốt pho trắng), chúng còn gây cháy rừng, phá hoại mùa màng (đốt nương rẫy). Khi cháy các khu rừng bị rải chất diệt cỏ, các vũ khí gây cháy còn làm tăng hàm lượng dioxin trong môi trường, gây nhiễm độc nặng thêm.

Theo thống kê của Bộ Quốc phòng Mỹ thì tổng lượng napan dùng trong chiến tranh Việt Nam khoảng 100.000 tấn. Riêng từ năm 1963 - 1966 có các số lượng hàng năm như sau:

Năm 1963	2.181 tấn
Năm 1964	1.777 tấn
Năm 1965	17.659 tấn
Năm 1966	54.670 tấn

- Các chất độc thần kinh.

Trong các năm 1967 - 1968, quân Mỹ còn dùng các loại chất độc thần kinh như chất GB (sarin, tên khoa học là: isopropyl methylphosphonofluoridate). Chất độc thần kinh loại VX (ethyl S-dimethylaminoethyl methylphosphonothiolate) cũng được sử dụng thí điểm trong chiến dịch "Redcap" năm 1969 - 1970 với khối lượng là 2,5kg (Neilands, 1970).

III. LƯỢNG HÓA CHẤT RẢI - CHỦNG LOẠI VÀ THỜI GIAN

1. Chủng loại hóa chất - Lượng rải theo thời gian.

Bảng 4

CÁC HÓA CHẤT CHÍNH DO HOA KỲ RẢI BẰNG MÁY BAY TRONG CHIẾN TRANH VIỆT NAM

Hóa chất	Năm rải (ước chừng)	Lượng rải (10 ⁶ kg)	Diện tích rải (10 ⁶ ha)	Diện tích (%)
Chất Da cam	1962-1970	57	1,6	12
Chất Trắng	1966-1971	22,8	0,7	5
Chất Xanh lam	1962-1970	10,7	0,3	2
CS	1964-1970	9,0	5,0	37
Malathion	1967-1972	3,0	6,0	44
Cộng	1962-1972	102,5	13,6	100

Ghi chú: Các chất Da cam, Trắng, Xanh và Malathion chủ yếu rải bằng máy bay C-123, còn các thùng CS được thả bằng máy bay trực thăng.

Bảng 5

CHẤT DIỆT CỎ DÙNG TRONG CHIẾN TRANH VIỆT NAM

Lượng rải hàng năm (m³ = 10³ lít)

Năm	Chất Da cam	Chất Trắng	Chất Xanh	Cộng
1961	?	0	?	?
1962	56	0	8	65
1963	281	0	3	283
1964	948	0	118	1.066
1965	1.767	0	749	2.516
1966	6.362	2.056	1.181	9.599

Năm	Chất Da cam	Chất Trắng	Chất Xanh	Cộng
1967	11.891	4.989	2.513	19.394
1968	8.850	8.483	1.931	19.264
1969	12.376	3.572	1.309	17.257
1970	1.906	697	370	2.873
1971	0	38	?	38
Cộng	44.338	19.835	8.182	72.354

Bảng 6
CHẤT DIỆT CỎ DÙNG TRONG CHIẾN TRANH VIỆT NAM
Thống kê theo số lần rải

Số lần rải	Lượng rải (m ³ = 10 ³ lít)	Diện tích (10 ³ ha)
1 lần	31.572	1.125
2 -	21.431	382
3 -	11.412	136
4 -	5.335	48
5 lần trở lên	2.603	19
Cộng	72.354	1.709

2. Lượng rải theo vùng.

Qua bảng 7 có thể tính lượng hóa chất diệt cỏ rải xuống đơn vị diện tích (héc-ta) các vùng miền Nam Việt Nam như sau:

Toàn miền Nam Việt Nam:	4,2 lít/héc-ta
Vùng chiến thuật 1:	4,4
Vùng chiến thuật 2:	2,0
Vùng chiến thuật 3:	12,7
Vùng chiến thuật 4:	1,7

Bảng 7
CÁC VÙNG BỊ RẢI CHẤT DIỆT CỎ TRONG CHIẾN TRANH VIỆT NAM

Vùng	Lượng chất diệt cỏ (m ³ = 10 ³ lít)	Diện tích bị rải (10 ³ ha)	Tỷ lệ % so với tổng diện tích	Lượng chất diệt cỏ (lít/ đầu người)
Nam Việt Nam	70.720	1.670	10	4,0
Vùng chiến thuật 1	12.022	284	10	3,9
Vùng chiến thuật 2	14.851	351	5	4,8

Vùng	Lượng chất diệt cỏ (m ³ = 10 ³ lít)	Diện tích bị rải (10 ³ ha)	Tỷ lệ % so với tổng diện tích	Lượng chất diệt cỏ (lít/ đầu người)
Vùng chiến thuật 3	37.482	885	29	7,7 (15,9)*
Vùng chiến thuật 4	6.365	150	4	1,0
Bắc Việt Nam	?	?	?	?
Cam-pu-chia	34	1	-	-
Lào	1.600	38	0,2	0,6
<i>Cộng</i>	<i>2.354</i>	<i>1.709</i>	<i>2</i>	<i>1,6</i>

Ghi chú: * Số ghi trong dấu ngoặc là không tính dân số Sài Gòn. Sự phân chia miền Nam theo vùng chiến thuật, diện tích, dân số của từng vùng chiến thuật trong giữa thời gian chiến tranh.

Có thể nhận thấy qua bảng trên, trong các vùng miền Nam Việt Nam, vùng chiến thuật 3 (gồm các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Phước Long, Tây Ninh... có các Chiến khu C, Chiến khu Đ, Chiến khu Dương Minh Châu) là những vùng bị rải nặng nhất. Ngược lại, vùng chiến thuật 4 gồm các tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long bị rải nhẹ hơn.

Bảng 8

**DIỆN TÍCH CÁC THẨM THỰC VẬT MIỀN NAM VIỆT NAM
BỊ CHẤT DIỆT CỎ TÀN PHÁ (10³ ha)**

Loại cây	Diện tích (10 ³ ha)	Diện tích bị rải 1 lần trở lên 10 ³ ha
Rừng rậm	5.800	1.077
Nguyên sinh	4.500	36
Nguyên sinh và thứ sinh	600	111
Thứ sinh	700	130
Rừng thưa	2.000	100
Rừng tre nứa	800	40
Rừng ngập mặn	500	151
Chàm, đước	300	124
Rear (back)?	200	27
Đồn điền cao su	100	30
Rừng thông	100	0
Rừng khác	1.100	36
Rừng xen gỗ	10.400	1.434

Loại cây	Diện tích (10 ³ ha)	Diện tích bị rải 1 lần trở lên 10 ³ ha
Ruộng lúa nước	2.500	59
Nương rẫy	500	177
Đất nông nghiệp một phần	3.000	236
Loại đất khác	3.926	0
<i>Cộng</i>	<i>17.326</i>	<i>1.670</i>

Để có khái niệm về các loại thảm thực vật bị tàn phá do chất diệt cỏ, chúng tôi cũng dẫn ra đây bảng thống kê của Westing (bảng 11). Tuy nhiên cần lưu ý rằng, số liệu này thấp hơn so với số liệu điều tra của Bộ Lâm nghiệp Việt Nam (xem phần dưới).

3. Liều lượng hóa chất sử dụng.

Theo tài liệu của Mỹ, trước tháng 7 năm 1964, lượng chất khai quang rải là 4 lít/héc-ta và sau tháng 8 năm 1964 là 28 - 30 lít/héc-ta.

Liều lượng 28 - 30 lít/héc-ta được sử dụng làm căn cứ để tính diện tích rải. Nhưng trên thực tế không phải loại hóa chất nào cũng được rải với liều lượng nói trên.

Theo tài liệu của Bộ Quốc phòng Mỹ năm 1969 đã quy định liều sử dụng hóa chất khai quang ở Việt Nam như sau:

Bảng 9

	Liều lượng sử dụng (kg/héc-ta)		Ghi chú
	Trong nông nghiệp Mỹ	Trong chiến tranh Việt Nam	
Chất Da cam	2,2	15 - 30	Gấp 15
Chất Trắng	0,6	16 - 18	Gấp 30
Chất Xanh	5,6	3 - 8	Gấp rưỡi

Số liệu của Viện nghiên cứu Hòa Bình quốc tế Stockholm (SIPRI) cho ta thấy thực tế liều lượng còn cao hơn quy định của Bộ Quốc phòng Mỹ.

Bảng 10

	Da cam	Trắng	Xanh
Khai quang rừng rậm nhiệt đới	18 - 36 kg/héc-ta	15 - 26 kg/héc-ta	8 kg/héc-ta
Phá hủy hoa màu	12	15 - 26	8
Phá hủy lúa	60	15 - 26	4

Chất 2,4,5-T đã bị cấm sử dụng ở Mỹ từ ngày 1 tháng 1 năm 1970, nhưng Mỹ vẫn rải chất đó ở miền Nam Việt Nam với liều lượng gấp từ 5 - 15 lần, cao hơn liều dùng trong nông nghiệp Mỹ. Tờ báo Mỹ "Tin nhanh" ngày 30 tháng 3 năm 1970 thừa nhận chất 2,4,5-T có tác dụng còn nguy hiểm hơn chất Thaledomide (một loại thuốc tránh thai bị cấm sử dụng) rất nhiều và gây ra quái thai.

Tại cuộc họp báo ở Pari ngày 14 tháng 12 năm 1970, trong Hội nghị quốc tế các nhà khoa học về chiến tranh hóa học ở Việt Nam, giáo sư Mỹ Pfeifer tố cáo rằng: Mỹ đã dùng các chất diệt cỏ làm rụng lá cây với những liều lượng hết sức cao: gấp 13 - 14 lần tiêu dùng trong nông nghiệp và đã gây ra nhiều tổn hại. Báo Anh "The Times" ngày 28 tháng 12 năm 1970: Từ năm 1962, theo ước lượng còn dè dặt, hơn 5 triệu acre (trên 2 triệu héc-ta) đã bị phun rải hóa chất khai quang, bằng 1/8 diện tích miền Nam Việt Nam, với liều lượng trung bình cao hơn 15 lần liều lượng mà Bộ Nông nghiệp Mỹ cho phép dùng trong nước Mỹ.

4. Lượng dioxin¹ trong chất diệt cỏ.

Theo Westing, trong chất Da cam, bình quân hàm lượng tạp chất dioxin là 4 gam trong một mét khối. Tuy nhiên, Westing thừa nhận, có những mẻ hóa chất, hàm lượng cao hơn từ 10 đến 20 lần. Có nghĩa là khi rải xuống thực địa, mặc dầu tính bình quân, mỗi héc-ta bị rải 110 mg/héc-ta dioxin, nhưng cũng có vùng bị rải tới 1 - 2 gam dioxin/héc-ta.

Cần phải nói rằng có nhiều tranh luận xung quanh vấn đề trên. Theo Fokin, Viện sĩ Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô (Hội thảo Quốc tế lần thứ nhất tháng 3 năm 1983 tại thành phố Hồ Chí Minh) thì hàm lượng dioxin rải xuống Việt Nam không phải là 170 kg như các nhà khoa học Mỹ thừa nhận mà là 500kg! Cơ sở để tính toán của ông là dựa vào trình độ công nghệ sản xuất chất 2,4,5-T trong những năm 1960. Ngoài ra để cung cấp khối lượng lớn phục vụ chiến tranh, các nhà máy hóa chất đã không tôn trọng các quy trình kỹ thuật làm cho tạp chất dioxin trong sản phẩm tăng cao. Ngoài ra do việc sử dụng bom cháy sau khi rải chất diệt cỏ cũng làm lượng dioxin tăng cao trong môi trường các vùng bị rải.

Tuy nhiên, nếu căn cứ theo tài liệu của Westing thì lượng dioxin rải xuống Việt Nam hàng năm như sau (bảng 11).

1. Xem thêm chương 3 về một số vấn đề liên quan đến dioxin và các hợp chất hữu quan.

Bảng 11**LƯỢNG DIOXIN TRONG CHẤT DIỆT CỎ RẢI XUỐNG MIỀN NAM VIỆT NAM***(Ước tính - số quy tròn - đơn vị kg)***A- LƯỢNG (kg)**

Năm	Vùng chiến thuật 1	Vùng chiến thuật 2	Vùng chiến thuật 3	Vùng chiến thuật 4	Cộng
1961	?	?	?	?	?
1962	-	-	0,1	-	0,2
1963	0,2	0,2	0,6	0,1	1,1
1964	0,6	0,8	1,9	0,3	3,6
1965	1,2	1,4	3,6	0,6	6,8
1966	4,1	5,1	12,9	2,2	24,4
1967	7,7	9,6	24,1	4,1	45,5
1968	5,8	7,1	18	3,1	33,9
1969	8,1	10	25,1	4,3	47,4
1970	1,2	1,5	3,7	0,6	6,9
Cộng	28,9	35,7	90,1	15,3	170

B- LƯỢNG DIOXIN TRÊN ĐƠN VỊ DIỆN TÍCH VỚI GIẢ ĐỊNH RẢI ĐỀU TRÊN TOÀN BỘ VÙNG CHIẾN THUẬT (mg/ha)

Năm	Vùng chiến thuật 1	Vùng chiến thuật 2	Vùng chiến thuật 3	Vùng chiến thuật 4	Cộng
1961	?	?	?	?	?
1962	-	-	-	-	-
1963	0,1	-	0,2	-	0,1
1964	0,2	0,1	0,6	0,1	0,2
1965	0,4	0,2	1,2	0,2	0,4
1966	1,5	0,7	4,3	0,6	1,4
1967	2,8	1,2	8,0	1,1	2,6
1968	2,0	0,9	5,9	0,8	2,0
1969	2,9	1,3	8,3	1,1	2,7
1970	0,4	0,2	1,2	0,2	0,4
Cộng	10,3	4,6	29,8	4	9,8

Ghi chú: Theo số liệu của Westing, số 170 kg dioxin được rải xuống khoảng 1 triệu héc-ta chiếm 6% diện tích miền Nam Việt Nam. Với giả định chất hóa học được rải đều trên toàn bộ diện tích thì ở vùng bị rải, bình quân mỗi héc-ta nhận 160mg dioxin. Khoảng 155 kg dioxin chiếm 91% tổng lượng được rải xuống rừng, số còn lại 15 kg tức 9% rải xuống đất nông nghiệp.

Một lý do khác làm cho lượng dioxin tăng cao ở một số khu vực là do các tai nạn đột xuất trong khi rải. Như khi gặp sự cố bất thường hoặc bị hỏa lực mặt đất bắn, phi công trút với lượng hóa chất chứa trong thân máy bay để vọt lên cao để thoát thân như đã nói ở phần trên. Cũng có khi máy bay bị rớt xuống đất, mang theo cả khối lượng hóa chất xuống một khu vực hẹp miền Nam Việt Nam (xem phụ lục 1).

.IV. SỰ TỒN LƯU CÁC HÓA CHẤT ĐỘC

Điều quan trọng với các hóa chất độc là thời gian tồn lưu của chúng trong môi trường bao nhiêu lâu, sự di chuyển của chúng trong môi trường và liệu chúng có xâm nhập vào dây chuyền thực phẩm vào cơ thể người hay không và nếu vào cơ thể người sẽ chuyển hóa ra sao? Đa số các hóa chất rải xuống miền Nam Việt Nam dường như chỉ tồn tại trong môi trường trong thời gian tương đối ngắn (Westing).

Chất diệt cỏ 2,4-D chiếm 48% lượng các hóa chất sử dụng dường như chỉ có tác dụng trong vòng một tháng, thời gian này được tính bằng cách xem tác dụng của hóa chất đối với loại cây nhạy cảm nhất với hóa chất này.

Chất 2,4,5-T chiếm 44% tổng lượng hóa chất sử dụng, sau khi đưa vào môi trường, cũng chỉ kéo dài tác dụng khoảng năm tháng.

Pichloram chiếm 2% tổng lượng hóa chất sử dụng có hiệu quả kéo dài tới 18 tháng.

Với dimetyl asenic axít chiếm 6% tổng lượng hóa chất sử dụng, hình như có thời gian phân hủy nhanh, trong vòng một tuần.

Khác với các hóa chất trên, chất tồn tại lâu dài trong môi trường và cơ thể người tiếp xúc với chất diệt cỏ mà chúng ta cần quan tâm đó là dioxin; vấn đề này sẽ trở lại trong chương 3.

V. CHẤT KÍCH THÍCH GÂY NGẠT THỞ VÀ CHẢY NƯỚC MÁT

Trong các hóa chất độc dùng trong thời gian chiến tranh cho tới nay, rải rác ở nhiều địa phương miền Nam vẫn còn thấy những thùng hóa chất độc rải rác trong rừng, gây cản trở công việc khai thác lâm sản, trồng rừng, xây dựng các công trình thủy lợi... Kinh nghiệm cho thấy đa số các thùng hóa chất này chứa chất độc kích thích. Dưới đây là một số thông tin liên quan đến hóa chất này, nhằm giúp các địa phương biết cách giải quyết khi phát hiện ra chúng.

Các chất kích thích gây ngạt thở và làm chảy nước mắt này có tên là CN, DM, và CS, CN là chất gây cay mắt được ngành công an thế giới dùng nhiều trong việc chống bạo động từ năm 1912.

Tên hóa học của chất này là clo axetophenon, hay 2-clo axetophenon. Đây là một chất không tan trong nước, chỉ tan trong dung môi, cồn. Liều độc sử dụng là 850 mg/m³ trong 10 phút. Liều tác dụng là 0,3 mg/m³.

DM là chất độc gây nôn, có tên hóa chất là diphenylaminocloasin, có chứa 27% asen. Liều độc chết người là 1.500mg/m³ trong thời gian nhiễm là 10 phút. CS là một loại chất độc gây cay mắt có nhiều tác dụng hơn CN và DM. Do hai nhà hóa học Mỹ Ben Corson và Roger Stoughton làm ra năm 1928 nên mang hai tên đầu của họ là CS. Tên hóa học của chất này là ortho-chlorobenzyliden malononitril. CS là một hóa chất độc, liều gây chết người là 25.000 mg-phút/m³. Người ta coi CS có độc tính như Xyanua.

Các chất kích thích CN, DM và CS được sử dụng trong chiến tranh Việt Nam vào khoảng năm 1964 (có tài liệu cho rằng từ năm 1962). Trong thời gian đầu, Mỹ giao cho quân đội ngụy quyền Sài Gòn sử dụng.

Tới tháng 3 năm 1965, trước dư luận thế giới lên án việc sử dụng hơi độc trong chiến tranh, chính quyền Johnson ra sức bảo vệ quyền của các tư lệnh ở chiến trường được sử dụng các vũ khí "không gây chết người" và tuyên bố chỉ sử dụng những hơi độc này trong trường hợp chống "bạo loạn".

Tới mùa thu năm 1965, sau một cuộc diễn tập được bố trí chu đáo để chứng minh tính "nhân đạo" của hơi độc này, chất CS được đưa ồ ạt vào Việt Nam với khối lượng tăng vọt từ 1/4 triệu pao (112.500 kg) năm 1964 lên trên 6 triệu pao (2,7 triệu kg) năm 1969. Tổng cộng, tới năm 1970 đã sử dụng 9.000.000 kg.

CS được coi như vũ khí thông thường, trang bị cho mọi đơn vị vũ trang Mỹ - ngụy.

Chất CS và CN là những chất tương đối độc. Với người, gây độc ở những liều lượng tương tự như các hơi độc chiến tranh khác. Trong một khu vực kín, ít thông khí nạn nhân của hơi CS có thể chết trong vòng vài phút do ngạt và phù phổi cấp.

Về lâu dài, CS và CN có thể gây ung thư, tác hại tới gen và gây quái thai. Chúng có thể gây viêm da, phản ứng quá mẫn nặng nếu tiếp xúc với CS nhiều lần.

CS được quân ngụy sử dụng dưới nhiều hình thức: nhồi vào lựu đạn, pháo, cối, hoặc dùng máy bơm vào hầm trú ẩn, địa đạo... để buộc quân du kích phải ra khỏi hầm.

Một cách sử dụng tương đối phổ biến, đến nay 30 năm sau chiến tranh vẫn tiếp tục gây hại là đựng trong các thùng phuy 200 lít, thả bằng máy bay

xuống các nơi nghi là đường giao thông trong rừng để gây khó khăn cho việc vận tải, di chuyển của quân ta. Nhiều thùng vẫn nguyên vẹn cho tới ngày nay, nằm rải rác ở các khu vực miền Trung, miền Đông Nam Bộ..., gây trở ngại cho việc khai thác lâm sản, trồng rừng, xây dựng vùng kinh tế mới, xây dựng thủy điện như ở các công trường thủy điện Trị An (Đồng Nai), Iali (Gia Lai).

Tính chất hóa lý của CS.

Tên hóa học:

O-clobenzyliden malononitril (1)

O-clobenzal-malononitril (2)

Ở miền Nam sử dụng 3 loại có các ký hiệu:

1. CS có chứa 40% chất octo-clobenzyliden malononitril, còn lại là tạp chất.
2. CS1 dạng bột có chứa 90% hóa chất, 5% silicagen để chống ẩm.
3. CS2 dạng bột có lẫn nhựa silicol để dễ phân tán khi phun, rắc.

CS là loại bột trắng mịn hoặc vàng nhạt, mùi hắc rất khó chịu. Tương đối dễ cháy, ít hòa tan trong nước. Đặc biệt CS2 không hòa tan mà lại nổi trên mặt nước. CS hòa tan trong dung môi hữu cơ (etanol, benzen, axeton).

Bột CS có độ bốc hơi rất lớn và khuếch tán nhanh trong không khí. Hơi CS dễ bị vải, bông, than hấp phụ.

- Giới hạn gây kích thích: 0,05 - 0,1 mg/m³ (trong 1 phút)
- Giới hạn chịu đựng: 1 - 5 mg/m³ (trong 1 phút)
- Liều gây chết: 25 - 150 g/m³/phút (loại hóa chất 1), với nam giới trong trạng thái nghỉ ngơi: 45 - 75 g/m³/phút (loại hóa chất 2).

CS phản ứng với kiềm cho ra sản phẩm ít độc. Dùng phản ứng này để tiêu độc.

Độc tính của CS.

CS là chất kích thích tổng hợp mạnh, gây cay mắt, chảy nước mắt, nước mũi, rất họng và phỏng da.

Nếu hít đột ngột với liều lượng lớn, có thể ngất do tác động đột ngột tới thần kinh trung ương.

Với nồng độ 0,1-0,5 mg trong 1m³ không khí đã đủ gây kích thích, chảy nước mắt, mũi, rất họng, hắt hơi liên tục. Với nồng độ cao hơn, thấy đau tức ngực, khó thở, đau rát da, nôn mửa, chảy máu mũi, mồm. Nếu hít nồng độ cao và kéo dài có thể ngất. Nếu không cấp cứu kịp có thể chết.

Dự phòng, cấp cứu, tiêu độc.

Dự phòng: Bịt chặt mồm, mũi, mắt bằng khăn ướt có tác dụng trong một thời gian nhất định. Quần áo dài, che kín tay chân có tác dụng bảo vệ da. Tốt nhất có mặt nạ phòng độc, quần áo bảo vệ bằng cao su.

Cấp cứu: Không có thuốc chống độc đặc trị (antidote) với CS. Nguyên tắc chung là phải nhanh chóng rời nơi nhiễm độc, đi ngược chiều gió ra nơi thoáng khí và điều trị các triệu chứng: hô hấp nhân tạo hoặc thở oxy nếu khó thở, bôi mỡ cortison lên vết phỏng da...

Với các thùng CS còn rải rác trong rừng cách xử lý là đào hố sâu để chôn sau khi đổ vôi bột, rồi phủ đất lên trên. Cần làm thùng vỏ thùng sắt để vôi có thể tiếp xúc và phân hủy CS. Hố cần xa nơi dân cư, xa nguồn nước để tránh gây nhiễm độc cho nguồn nước này. Cần đánh dấu khu vực chôn và báo cho địa phương biết để đề phòng có người tò mò đào lên, hoặc lâu ngày quên đi đào lại (đào kênh mương, công trình thủy lợi) ngang qua khu vực chôn chất độc cũ.

Chương 3

DIOXIN VÀ CÁC HỢP CHẤT HỮU QUAN

Chất Da cam, và nói chung các hóa chất diệt cỏ có thành phần 2,4,5-T đều chứa một tạp chất rất độc và rất bền vững, được gọi dưới tên thông thường là *dioxin*. Khi nghiên cứu tác hại lâu dài của các chất diệt cỏ, không thể không nói đến dioxin. Vì vậy, chúng tôi nghĩ, trong tài liệu này cần giới thiệu một số hiểu biết hiện nay về dioxin.

Trong chúng ta có nhiều người hiểu nhầm cho rằng chất Da cam và dioxin là một. Không phải vậy, dioxin chỉ là một thành phần rất nhỏ, một tạp chất, không mong muốn, xuất hiện trong quá trình sản xuất chất 2,4,5-T, là mã thành phần của chất Da cam và một vài công thức chất diệt cỏ khác có chứa 2,4,5-T dùng trong chiến tranh Việt Nam.

I. VÀI NÉT VỀ LỊCH SỬ DIOXIN

Ngay từ khi phát hiện và dùng chất diệt cỏ trong nông nghiệp, từ những năm đầu thập kỷ 40, người ta đã thấy một số tác hại của chất diệt cỏ với các nông dân sử dụng chúng cũng như với công nhân làm việc trong các nhà máy sản xuất các chất này. Nhưng phải tới năm 1957, các nhà khoa học Tây Đức mới tìm ra chất dioxin nhân một vụ nhiễm độc của công nhân một nhà máy sản xuất chất diệt cỏ 2,4,5-T. Biểu hiện nhiễm độc lúc đó mới chỉ được biết dưới hình thức các vết xạm da xuất hiện quanh mũi, mắt, tai... Các vết xạm da này không tồn tại lâu dài, chỉ trong vài tháng rồi tự mất.

Trong những năm 60, do kỹ thuật phân tích chưa phát triển, người ta có thể gây nhiễm độc dioxin một con vật thí nghiệm cho tới chết mà khi mổ xác hoặc khi lấy tổ chức cơ thể con vật vẫn không thấy dấu vết dioxin.

Sau khi kỹ thuật phân tích Sắc ký/Khối phổ (GC/MS) ra đời vào những năm 70, các nhà hóa học trên thế giới mới có thể đi sâu vào thế giới vi lượng, đo được các lượng hóa chất nhỏ tới phần tỉ rồi phần nghìn tỉ gam, thì dioxin mới được nghiên cứu sâu hơn.

II. DIOXIN VÀ CÁC HỢP CHẤT HỮU QUAN

Dioxin là tên thường dùng của chất 2,3,7,8-TCDD (Tetrachlo Dibenzo-Dioxin), còn được gọi là TCDD. Ngày nay, người ta biết rằng dioxin là hóa

chất rất độc, độc gấp trăm nghìn lần loại hóa chất môi trường độc nhất. Chính vì lẽ đó mà khoảng 20 năm trở lại đây dioxin thu hút sự quan tâm của nhiều nhà khoa học trên thế giới. Hàng năm từ năm 1981, trên thế giới, đều có hội thảo quốc tế chuyên đề về dioxin và các hợp chất hữu quan. Mỗi cuộc hội thảo tập hợp hàng nghìn cán bộ khoa học từ khắp nơi trên thế giới trình bày hàng trăm báo cáo khoa học về các khía cạnh khác nhau của dioxin và các hợp chất hữu quan từ nguồn gốc, các nghiên cứu sinh hóa, các nghiên cứu thực nghiệm trên động vật, các ảnh hưởng với môi trường, ảnh hưởng với sức khỏe, các biện pháp phòng chống độc...

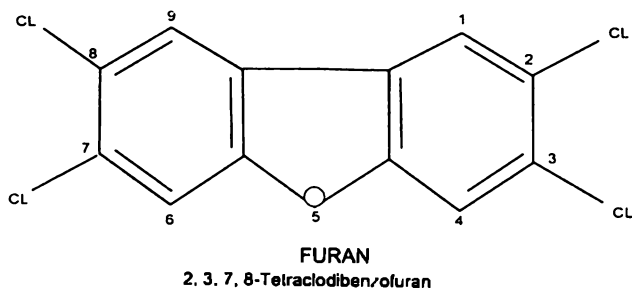
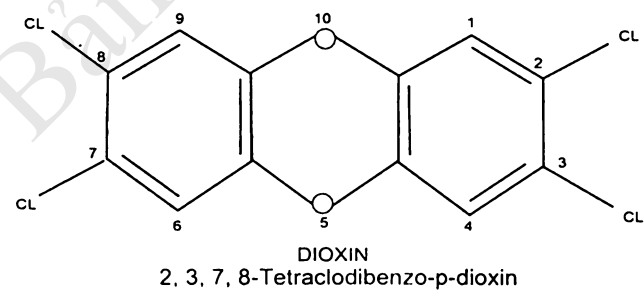
Trong các hóa chất sử dụng trong chiến tranh Việt Nam, người ta tìm thấy dioxin trong nhiều công thức chất diệt cỏ khác nhau: Chất Da cam; chất Tím. Theo số liệu của Mỹ ước tính, đã có khoảng 170 kg dioxin rải xuống Việt Nam.

Dioxin còn có dòng họ rất đông đảo. Có tất cả 75 chất đồng phân (isomers) và đồng hành (congeners) có công thức tương tự chỉ khác ở số lượng và vị trí các nguyên tử clo trong công thức hóa học. Tất cả được gọi dưới tên chung là PCDD (polychlorinated dibenzo-p-dioxin) (bảng 12).

PCDD thuộc nhóm các hợp chất hidrocarbon halogen thơm (halogenated aromatic hydrocarbon compounds). Trong nhóm này có các chất cũng rất độc, thường được gọi là các chất "giống dioxin" (dioxin like compounds).

Bảng 12

CÔNG THỨC HÓA HỌC DIOXIN, FURAN, PCB



Trong các chất "giống dioxin" có:

+ Chất Furan còn gọi là PCDF (Polychlorinated dibenzo Furans) cũng có tới 135 đồng phân và đồng hành khác nhau.

+ Chất PCB (polychlorinated biphenyls) có tới 209 đồng phân và đồng hành nhưng chỉ có 11 chất là có độc tính "giống dioxin" (bảng 13).

Ngoài ra còn có các chất *Diphenyl esters, Naphtalen...* các hợp chất Brominat Chloro/Bromo của dioxin và furan...

Dioxin và các chất "giống dioxin" có một cơ chế gây độc tương tự như nhau trong đó bước quan trọng nhất là gắn với một protein trong thể thụ cảm (Ah receptor) của tế bào.

III. QUY ƯỚC VỀ ĐỘ ĐỘC TƯƠNG ĐƯƠNG DIOXIN (DIOXIN TOXICITY EQUIVALENCY FACTOR) (TEF)

Trong gia đình đồng đẳng của PCDD, PCDF, PCB... thì chất 2, 3, 7, 8-TCDD là độc nhất, các chất có từ 1 - 3 nguyên tử clo (Mono, Di, Tri CDD và CDF) được coi như không độc, các chất có từ 5 tới 8 nguyên tử clo trong đó có 4 ở các vị trí 2, 3, 7, 8-CDD và CDF có độc tính nhưng thấp hơn chất 2, 3, 7, 8-TCDD, còn nếu ở các vị trí khác thì không độc.

Để tiện việc tính độ độc trong một mẫu vật phẩm và để dễ so sánh giữa mẫu này với mẫu khác, năm 1989 các nhà hóa học thế giới đã thống nhất cách tính độ độc tương đương của dioxin International Toxicity Equivalency Factor (I-TEF). Trong bảng quy ước này, thí dụ độ độc của chất 2, 3, 7, 8-TCDD được tính là 1; chất 2, 3, 7, 8-PeCDD bằng 1/2 TCDD tức là 0,5... (xem bảng 13).

Bảng 13

QUY ƯỚC QUỐC TẾ

Về độ độc tương đương với dioxin của PCDD và PCDF (*Toxicity Equivalency Factors (TEF) for CDD and CDFs*).

Hóa chất	Độ độc tương đương dioxin (TEF)
Dioxin	
Mono, Di, Tri CDD	0
2, 3, 7, 8-TCDD	1
TCDD khác	0
2, 3, 7, 8 ¹ -PeCDD	0,5

1. 2, 3, 7, 8-PeCDD có nghĩa là chất PeCDD có các nguyên tử clo ở các vị trí 2, 3, 7, 8. Cũng như vậy với các chất HxCDD, HpCDD và CDF.

Các PeCDD khác	0
2, 3, 7, 8-HxCDD	0,1
Các HxCDD	0
2, 3, 7, 8-HpCDD	0,01
Các HpCDD khác	0
2, 3, 7, 8-OCDD	0,001
Furan	
Mono, Di, Tri CDF	0
2, 3, 7, 8-TCDF	0,1
TCDF khác	0
1, 2, 3, 7, 8-PeCDF	0,05
2, 3, 4, 7, 8-PeCDF	0,5
PeCDF khác	0
2, 3, 7, 8-HxCDF	0,1
HxCDF khác	0
2, 3, 7, 8-HpCDF	0,01
HpCDF khác	0
OCDF	0,001

Bảng 14
CÁC CHẤT PCB GIỐNG DIOXIN
(Dioxin - like PCB)

Số IUPAC (Đồng hành)

77	3,3',4,4' - tetra PCB
81	3,4,4',5 - tetra PCB
105	2,3,3',4,4 - penta PCB
114	2,3,4,4,5 - penta PCB
118	2,3,4,4',5 - penta PCB
126	3,3',4,4',5 - penta PCB
156	2,3,3',4,5 - hexa PCB
157	2,3,3',4,4,5 - hexa PCB
167	2,3,4,4',5,5' - hexa PCB
169	3,3,4,4,5,5 - hexa PCB
189	2,3,3',4,4',5,5' - hepta PCB

IV. KHÁI NIỆM VỀ CÁC ĐƠN VỊ ĐO LƯỜNG VI LƯỢNG

Trong công việc hàng ngày, chúng ta thường ít quen với các số liệu đo lường trọng lượng cực nhỏ (một phần triệu hoặc một phần tỉ gam hoặc nhỏ hơn), đó là các đơn vị vi lượng. Vì dioxin gây tác hại và được đo lường ở mức vi lượng, vì vậy để dễ hiểu, chúng tôi xin giới thiệu dưới đây một số đơn vị vi lượng thường dùng trong các nghiên cứu về xác định.

Đơn vị đo trọng lượng thông thường là kilogam, gam, centigam (một phần trăm gam), miligam (phần nghìn gam). Các đơn vị vi lượng có các đơn vị sau (bảng 15).

Bảng 15
CÁC ĐƠN VỊ ĐO LƯỜNG VI LƯỢNG

Đơn vị	Ký hiệu	Tỉ lệ so với gam	
gam	g		
centigam	cg	Phần trăm gam	
miligam	mg	Phần nghìn gam	
microgam	μ g	Phần triệu gam	= 10^{-6} gam
nanogam	ng	Phần tỉ gam	= 10^{-9} gam
picogam	pg	Phần nghìn tỉ gam	= 10^{-12} gam
fentogam	fg	Phần triệu tỉ gam	= 10^{-15} gam

Để tính các tỷ lệ ở mức vi lượng người ta thường dùng các ký hiệu như sau (bảng 16).

Bảng 16
KÝ HIỆU CÁC TỶ LỆ VI LƯỢNG

Tỷ lệ	Ký hiệu
Phần trăm	%
Phần nghìn	‰
Phần triệu	ppm (part per million)
Phần tỷ	ppb (part per billion)
Phần nghìn tỷ	ppt (part per trillion)
Phần triệu tỷ	ppq (part per quadrillion)

V. NGUỒN GỐC DIOXIN VÀ CÁC HỢP CHẤT HỮU QUAN

Một số chất "giống dioxin" được con người chủ động sản xuất để sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.

Đó là những chất như Policlo Naphtalen được sản xuất rộng rãi từ giữa Đại chiến thế giới thứ I. PCB được sản xuất từ năm 1929.

Do đặc tính chịu nhiệt tốt và ổn định về mặt hóa học, nên PCB được sử dụng rộng rãi trong công nghiệp sản xuất chất cách điện, các biến thế điện, đồ nhựa, dụng cụ giữ nhiệt, sơn... Phải tới năm 1970, người ta mới phát hiện ra các tính độc hại PCB và ở Mỹ bắt đầu cấm sản xuất PCB vào năm 1977. Tới khi cấm, trước đó ước tính riêng ở Mỹ đã sản xuất khoảng 650.000 tấn và trên toàn thế giới khoảng 1,5 triệu tấn PCB. Cho tới nay, tác hại của PCB với môi trường vẫn tiếp diễn vì ước tính vẫn còn khoảng từ 20 - 30% lượng PCB vẫn còn tồn lưu trong các kho hoặc vẫn tiếp tục được sử dụng.

Ở nước ta những năm gần đây, một số nghiên cứu trong môi trường cũng phát hiện thấy có nồng độ PCB cao, chưa thật rõ nguồn gốc từ đâu.

Trái với các hóa chất kể trên, do con người chủ động sản xuất để tiêu dùng; các chất PCDD và PCDF lại là những sản phẩm không mong muốn, là những tạp chất phát sinh trong quá trình sản xuất các chất cần thiết khác. Như chất TCDD (dioxin) là tạp chất không cần thiết, phát sinh ra trong quá trình sản xuất triclophenol và chất diệt cỏ 2,4,5-T. Các chất từ penta tới octa CDD và CDF (từ 5 tới 8 nguyên tử clo) được tạo ra trong khi sản xuất chất Pentaclophenol (PCP) dùng trong việc bảo quản gỗ.

Trước đây, người ta cho rằng dioxin và furan chỉ liên quan đến một số hóa chất hạn chế. Nhưng thật bất ngờ, năm 1973, người ta phát hiện ra dioxin trong khói các lò đốt rác thành phố, các lò luyện kim, trong chất phế thải của nhiều ngành công nghiệp... Như vậy dioxin không chỉ còn là mối đe dọa của chất diệt cỏ 2,4,5-T và chất Da cam mà trở thành mối đe dọa của môi trường công nghiệp.

Có lúc người ta thấy hình như mọi quá trình nung đốt, kể cả cháy rừng, đều sản sinh ra dioxin và furan. Thậm chí có người cho rằng mọi quá trình đốt cháy đều sinh ra dioxin. Từ đó nảy sinh giả thiết về "hóa học vi lượng của lửa".

Theo thuyết này thì dioxin và các hợp chất hữu quan là sản phẩm tự nhiên của mọi quá trình nung cháy. Từ xưa tới nay đều như vậy, chẳng qua nhờ tiến bộ của kỹ thuật phân tích hóa học phát hiện được các hóa chất ở mức độ siêu vi lượng nên người ta mới nhận biết được chúng.

Nhiều quan sát khác cho thấy lý thuyết này là sai lầm: Các phân tích hóa học cho thấy hàm lượng PCDD - PCDF trong cơ thể cư dân các nước công

nghiệp phát triển như Mỹ, Canada, Anh, Pháp, Nhật cao hơn nhiều so với các nước đang phát triển như Ấn Độ, Trung Quốc, Bắc Việt Nam... Bùn sông hồ ở Bắc Mỹ, Canada trước năm 1920 chứa một lượng dioxin, furan rất thấp. Hàm lượng này tăng vọt vào những năm từ 1920 - 1940, cùng với sự phát triển công nghiệp trong nước. Phân tích mô mỡ một người da đỏ chết vì trong tuyết từ 100 - 400 năm trước, cho thấy nồng độ dioxin rất thấp.

Những điều này cho phép khẳng định, dioxin, furan và các hợp chất hữu quan là hậu quả của sự phát triển công nghiệp, là vấn đề môi trường của các nước công nghiệp phát triển.

Có nhiều nguồn gốc sinh ra dioxin ngoài chất diệt cỏ 2,4,5-T, người ta còn tìm thấy dioxin và các chất "giống dioxin" trong khối các lò đốt rác thành phố, đốt rác bệnh viện có chất phế thải là chất dẻo tổng hợp; trong công nghiệp giấy, bột giấy, dùng clo để tẩy trắng, trong công nghiệp luyện kim, các lò nấu thép, nhôm, magiê, niken; trong công nghiệp lọc dầu; trong các chất thải nhà máy hóa chất, thậm chí cả trong khói xe chạy bằng xăng pha chì, trong khói các lò đốt than...

VI. ĐỘC TÍNH CỦA DIOXIN

Như trên đã phân tích, dioxin được mọi người quan tâm vì là một hóa chất rất độc: *"Độc nhất trong các hóa chất, mà con người tổng hợp ra được cho tới nay"*.

Liều độc gây chết 50% động vật thí nghiệm (LD50) ở cỡ microgam (phần triệu gam/kg trọng lượng cơ thể). Ở liều lượng nhỏ, cỡ nanogam (phần tỷ gam/kg trọng lượng) đã có thể gây ra các tai biến sinh sản (sảy thai, đẻ non, quái thai). Với liều nhỏ và kéo dài gây ra ung thư ở động vật thí nghiệm.

Không ai biết rõ liều độc gây chết người là bao nhiêu. Tuy nhiên, nếu căn cứ trên các thí nghiệm ở động vật thì có nhà khoa học tính rằng chỉ cần khoảng 80 gam dioxin cho vào hệ thống cấp nước là đủ để tiêu diệt toàn bộ dân số một thành phố lớn như New York (7, 8 triệu dân). Chính vì độc tính cao như vậy mà nhiều tổ chức quân sự (như khối Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) từ nhiều năm nay đã nghiên cứu việc sử dụng dioxin trong chiến tranh.

Thời gian bán phân hủy của dioxin.

Dioxin còn đáng lo ngại ở tính bền vững của nó. Những năm 80 người ta tưởng thời gian bán phân hủy của dioxin trong môi trường (đất) là khoảng 3 đến 3 năm rưỡi.

Với thời gian này, theo tính toán của Westing (Hội thảo quốc tế lần thứ nhất) về tác hại lâu dài cuộc chiến tranh hóa học ở Việt Nam (tập 1, trang 20). với tổng lượng dioxin ném xuống Việt Nam, ước tính là 170 kg, 112kg có thể bị phân hủy ngay do mưa nắng... chỉ một nửa vào môi trường, thì tới năm 1990 vẫn còn 1 kg dioxin trong môi trường của chúng ta.

Nhưng những năm gần đây, nhiều công trình nghiên cứu cho biết thời gian bán phân hủy của dioxin trong môi trường không phải là 3 hoặc 3,5 năm mà lâu hơn nhiều, khoảng 10 - 17 năm. Nếu như vậy thì tới những thập kỷ đầu của thế kỷ 21 vẫn cần quan tâm đến vấn đề dioxin trong môi trường nước ta.

Trong bùn sông hồ, dioxin còn tồn tại lâu hơn nữa. Người ta coi đất và bùn là "kho" chứa dioxin.

Trong cơ thể động vật, thời gian bán phân hủy của dioxin thay đổi tùy theo loại vật và dường như có liên quan đến đời sống của con vật.

Con người, sống lâu hơn nhiều loại động vật khác (70 - 80 năm) thời gian bán phân hủy này được tính từ 5 - 8 năm.

Nhưng ở các động vật khác thì tùy từng loài, như ở chuột bạch thời gian bán phân hủy là 94 ngày (Olson và cs, 1986), ở chuột nhắt thời gian này là từ 16 tới 37 ngày (Rose, 1976). Với cá và tôm, thời gian này là khoảng 1 tháng. Điều này giải thích tại sao trong những năm 1970 - 1973, tức là trong thời gian cuộc chiến tranh hóa học đang ở đỉnh cao, nồng độ dioxin trong cá và thủy sản nước ta rất cao, nhưng đã giảm xuống nhanh chóng và những mẫu thử vào năm 1985 trở lại đây đã trở lại nồng độ bình thường.

Chính vì tính bền vững của dioxin có thể tồn tại trong thiên nhiên hàng chục năm, trong khi các chất diệt cỏ, khi vào môi trường chỉ tồn tại trong vòng từ vài ngày đến vài tháng, nên trong việc nghiên cứu hậu quả chất Da cam vào thời điểm hiện nay, gần ba mươi năm sau khi kết thúc chiến tranh, khi các chất diệt cỏ đã bị phân hủy hết, chỉ còn dioxin tồn tại trong thiên nhiên và cơ thể con người (tất nhiên đã giảm đi nhiều so với khi mới rải). Dioxin được coi như là *dấu lặn tay, là bằng chứng* của chất Da cam dùng trong thời gian chiến tranh.

VII. VÒNG CHUYỂN DIOXIN TỪ THIÊN NHIÊN MÔI TRƯỜNG VÀO CƠ THỂ CON NGƯỜI

Do đặc điểm của dioxin là rất ít hòa tan trong nước, ngược lại, hòa tan trong mỡ (liposoluble), nên sau khi vào thiên nhiên dioxin nằm trong đất.

Từng loại đất, có loại đất để dioxin có thể thấm qua và thấm vào sâu; có loại đất dioxin chỉ hấp thụ vào lớp hữu cơ trên bề mặt.

Khi trời mưa, dioxin bị dòng nước cuốn trôi tới vùng thấp lắng đọng ở đáy sông, hồ ao. Những nơi này trở thành những "kho" chứa dioxin.

Để phát hiện dioxin (và nói chung các chất PCDD/F, PCB) trong thiên nhiên người ta có thể đo lường trong không khí, nước, đất, bùn sông, cửa cống các nhà máy. Những nơi có nồng độ dioxin cao nhất và thường được dùng để đo lường độ ô nhiễm dioxin trong môi trường là đất và bùn sông.

Từ đất và bùn, dioxin xâm nhập vào tôm, cá, nhất là loại cá sống ở tầng đáy hoặc trong bùn (như cá trê, lươn), loài nhuyễn thể (sò, ốc, hến), dioxin tập trung trong mỡ của các loại này. Các nhà khoa học Canada cho rằng cua và nhất là gạch cua là nơi tập trung nhiều dioxin.

Trong lương thực, thực phẩm, nhiều nghiên cứu trên thế giới cho thấy dioxin không chuyển hóa vào cây trồng. Các sản phẩm cây trồng như lúa gạo, ngô khoai, sắn, trái cây... dù trồng trên đất nhiễm dioxin cũng không có dioxin. Điều này được khẳng định qua nhiều công trình nghiên cứu; đặc biệt qua các nhà khoa học Ý. Họ đã thí nghiệm gắn dioxin vào chất đồng vị phóng xạ rồi bón vào ruộng thí nghiệm trồng lúa, lúa mì, ngô, đậu... cách nửa tháng lại nhổ lên xem sự di chuyển của dioxin và đã đi đến kết luận khẳng định dioxin không chuyển hóa vào sản phẩm cây trồng.

Tuy nhiên cần chú ý là dioxin không chuyển hóa vào cây trồng, nên sản phẩm cây trồng không nhiễm dioxin. Nhưng nếu đất có chứa dioxin dính vào cây, cỏ hoặc sản phẩm nông nghiệp khi sử dụng không rửa sạch, có nghĩa là ăn đất nhiễm dioxin thì dioxin sẽ vào cơ thể động vật rồi vào cơ thể con người, hoặc trực tiếp vào con người.

Đây là trường hợp, như đã nói trên của loài cá tôm sống gần bùn sông, ăn thức ăn trong bùn bị nhiễm dioxin.

Đây cũng là trường hợp đất nhiễm dioxin dính vào cỏ và khi bò ăn cỏ thì dioxin sẽ chuyển hóa vào cơ thể bò. Thịt bò, sữa bò và các sản phẩm từ sữa như bơ, pho mát sẽ chứa dioxin. Một số nước như Hà Lan, Anh, Mỹ có thời gian đã phát hiện thấy dioxin trong sữa của những đàn bò nuôi quanh khu vực nhiễm dioxin.

Cũng với một cơ chế như vậy, dioxin trong đất có thể xâm nhập vào những côn trùng sống trong đất (như giun, sâu bọ...), các động vật khác ăn sâu bọ (như gà ăn giun), rồi truyền sang cho người...

Từ môi trường, dioxin xâm nhập vào cơ thể con người qua 3 con đường:

- Qua đường ăn uống là đường chủ yếu.

- Qua da do tiếp xúc trực tiếp khi bị rải lên người, hoặc khi đi chân đất trên vùng đất có dioxin. Tuy nhiên khả năng thấm qua da ít.

- Qua đường hô hấp, thí nghiệm trên động vật cho thấy có tới 92% lượng dioxin bơm vào khí quản, xâm nhập vào cơ thể.

Đường ăn uống chiếm từ 85 - 90% lượng dioxin xâm nhập vào cơ thể, chủ yếu là ăn thực phẩm nhiễm dioxin. Vì dioxin không, hoặc rất ít hòa tan trong nước, nên lượng dioxin vào cơ thể qua đường uống rất ít.

Nhiều thí nghiệm cho thấy từ 50 tới 84% lượng dioxin ăn vào được hấp thụ qua đường dạ dày - ruột để vào cơ thể.

Loại thực phẩm chứa dioxin chủ yếu là các loại thịt, cá, sữa. Lương thực (gạo, ngũ cốc, hoa quả) không chứa dioxin.

Để tham khảo xin giới thiệu kèm theo nồng độ dioxin trong thực phẩm và môi trường của Bắc Mỹ và châu Âu theo tài liệu của cơ quan bảo vệ môi sinh Hoa Kỳ (1994) (bảng 17).

Bảng 17

**HÀM LƯỢNG PCDD/F TRONG MÔI TRƯỜNG
VÀ THỰC PHẨM BẮC MỸ VÀ CHÂU ÂU**

(trên toàn bộ trọng lượng)

(Theo tài liệu "Estimating Exposure to Dioxin-like compounds - Vol 1: Executive Summary - EPA - June 1994", pp28).

Vật phẩm	Bắc Mỹ			Châu Âu	
	TEQ		(n)		(n)
Đất (ppt)	TEQ	7.96 +/- 5.70	(n = 95)	8.69	(n = 133)
Bùn sông (ppt)	TEQ	3.91	(n = 7)	34.89	(n = 20)
Không khí, pg/m ³	TEQ	0.00949 +/- 0.24	(n = 84)	0.108	(n = 454)
Nước (ppq)	TEQ	0.0056 +/- 0.007	(n = 214)	Không có thông tin	
Cá (ppt)	TEQ	1.16 +/- 1.21	(n = 60)	0.93	(n = 18)
Sữa (ppt)	TEQ	0.07	(n = 2)	0.05	(n = 168)
Sản phẩm sữa (ppt)	TEQ	0.36 +/- 0.29	(n = 5)	0.08	(n = 10)
Trứng (ppt)	TEQ	0.135 +/- 0.119	(n = 8)	0.152	(n = 1)
Thịt bò (ppt)	TEQ	0.48 +/- 0.99	(n = 14)	0.32j; 0.61	(n = 7)
Thịt lợn (ppt)	TEQ	0.26 +/- 0.13	(n = 12)	< 0.06	(n = 3)
Thịt gà (ppt)	TEQ	0.19 +/- 0.29	(n = 9)	0.1	(n = 2)

Chuyển hóa dioxin trong cơ thể người.

Nhiều nghiên cứu cho thấy, sau khi dioxin vào cơ thể qua đường thực phẩm, được hấp thụ qua niêm mạc ống tiêu hóa để vào bạch mạch qua ống ngực rồi vào vòng tuần hoàn. Trong cơ thể, dioxin tập trung ở gan, mô mỡ, da, cơ, nhưng dần dần tập trung ở mô mỡ.

Trong cơ thể, dioxin gắn vào một protein trong tế bào, gọi là thể thụ cảm Ah (Aryl hydrocarbon receptor).

Dioxin được loại trừ ra khỏi cơ thể theo đường mật, nhưng khi từ mật xuống tới ruột lại được hấp thụ trở lại nên việc loại trừ rất chậm.

Ở phụ nữ mang thai, dioxin có thể di chuyển qua nhau thai để vào bào thai. Cũng một cơ chế tương tự, có thể tìm thấy dioxin trong trứng gà, vịt, chim...

Ở phụ nữ, dioxin có thể được loại trừ ra khỏi cơ thể qua sữa. Nhưng khi người mẹ được thải độc thì độc tố lại chuyển qua con.

Bản sao lưu trữ

Chương 4

TÁC HẠI CHIẾN TRANH HÓA HỌC VỚI THIÊN NHIÊN

Ngay từ khi cuộc chiến tranh hóa học đang tiếp diễn, các nhà khoa học Việt Nam đã quan tâm đến các tác hại trước mắt và lâu dài của cuộc chiến tranh này.

Đi đầu trong công trình nghiên cứu này là cố Giáo sư Tôn Thất Tùng. Trong cuộc Hội thảo quốc tế tổ chức tại Orsay (Pari 1970). Giáo sư Tôn Thất Tùng và các nhà khoa học Việt Nam đã tố cáo chất diệt cỏ và dioxin gây ra ung thư, đột biến gen dị tật bẩm sinh, quái thai và các tai biến sinh sản.

Tháng 10 năm 1980, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) có quyết định thành lập Ủy ban Quốc gia điều tra hậu quả chất hóa học dùng trong chiến tranh Việt Nam (gọi tắt là Ủy ban 10-80). Trong nhiều năm nay, Ủy ban đã chủ trì nhiều công trình nghiên cứu khoa học, hợp tác với các nhà khoa học, các học viện, viện nghiên cứu, các trường đại học, bệnh viện trong cả nước và các nhà khoa học nước ngoài (Mỹ, Pháp, Nhật, Canada...).

Các kết quả nghiên cứu đã được trình bày tại 3 cuộc hội thảo khoa học, 2 hội thảo quốc tế vào các năm 1983, 1993 và xen vào giữa là một hội thảo quốc gia, năm 1986. Các công trình nghiên cứu được in thành tài liệu bằng tiếng Việt, Anh, hoặc Pháp và đã được phổ biến rộng rãi trong và ngoài nước.

Một số công trình nghiên cứu cũng đã được trình bày ở các hội nghị khoa học quốc tế và được công bố trên báo chí nước ngoài.

Dưới đây là tóm tắt các kết quả nghiên cứu đã được công bố trong những năm qua.

Hậu quả chiến tranh hóa học với thiên nhiên môi trường¹.

Trước chiến tranh, tổng diện tích đất toàn miền Nam Việt Nam kể từ vĩ tuyến 17 đến mũi Cà Mau, trong đó rừng kín thường xanh chiếm 5.800.000 hécta, rừng ngập mặn chiếm 500.000 hécta, rừng cao su chiếm 100.000 hécta, và đất nông nghiệp chiếm 3.000.000 hécta. Như vậy, đất rừng

1. Theo tài liệu của Viện Điều tra quy hoạch rừng - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Kỹ sư Phùng Tửu Bôi). Trung tâm tài nguyên môi trường, trường Đại học Quốc gia Hà Nội (Giáo sư Võ Quý, Giáo sư Phan Nguyên Hồng).

chiếm 60% tổng diện tích tự nhiên; đất nông nghiệp chiếm 17%; rừng cao su chiếm 0,6%.

Đất rừng tập trung trên 4 vùng: Vùng Trung Bộ, vùng Tây Nguyên, vùng Đông Nam Bộ và vùng ngập mặn ven biển Nam Bộ.

Thống kê sơ bộ về thành phần thực vật toàn miền Nam có trên 1.000 loài cây khác nhau thuộc 96 họ thực vật, trong đó cây gỗ thuộc họ dầu có vị trí quan trọng trong kinh tế và chiếm tầng cao của rừng.

Trong chiến tranh để khai quang đối với rừng có nhiều tầng tán và rừng đơn tầng nên Mỹ phải dùng các phương thức tác động khác nhau. Đặc biệt tính mẫn cảm của mỗi loài đối với chất độc và vị trí cây trong tầng tán của rừng đã dẫn đến những hậu quả khác nhau.

Theo kết quả điều tra của Viện Điều tra quy hoạch rừng, diện tích rừng bị rải chất độc phân bố theo các vành đai độ cao như sau:

Dưới 300m	Chiếm 15,4% diện tích bị rải
Từ 300-700m	Chiếm 41,3% diện tích bị rải
Từ 700-1.000m	Chiếm 29% diện tích bị rải
Từ 1.000-1.500m	Chiếm 12% diện tích bị rải
Trên 1.500m	Chiếm 1,8% diện tích bị rải

Như vậy, diện tích rừng bị rải chủ yếu tập trung ở độ cao dưới 1.000m, thuộc kiểu rừng kín thường xanh ẩm nhiệt đới, phân bố rộng khắp miền Nam. Địa điểm rải cao nhất là vùng núi Bạch Mã (Thừa Thiên - Huế) thuộc kiểu rừng thường xanh ẩm á nhiệt đới.

Theo thống kê của Viện Điều tra quy hoạch rừng thì tổng diện tích rừng bị rải là 3.104.000 héc-ta chiếm 17,8% diện tích tự nhiên, trong đó rừng nội địa bị rải 2.954.000 héc-ta chiếm 95% và rừng ngập mặn bị rải 150.000 héc-ta chiếm 5% diện tích rừng bị rải.

Bảng 18

**TỔNG DIỆN TÍCH VÀ KHỐI LƯỢNG GỖ BỊ MẤT MÁT TỨC THỜI
TRONG CHIẾN TRANH HÓA HỌC Ở VIỆT NAM**

	Diện tích bị rải (ha)	Trữ lượng gỗ (m ³)
Rừng nội địa	2.954.000 (95,2%)	60.330.000 (72,8%)
Rừng ngập mặn	150.000 (4,8%)	22.500.000 (27,2%)
Tổng	3.104.000	82.830.000

Theo báo cáo của Bộ Quốc phòng Mỹ (6) thì tổng diện tích đất toàn miền Nam Việt Nam khoảng 16.800.000 héc-ta, trong đó 3.040.000 héc-ta là đất

canh tác, và 5.600.000 héc-ta là đất rừng, tổng diện tích bị rải chiếm 12%. Diễn biến theo từng năm như sau:

Bảng 19
DIỆN TÍCH ĐẤT BỊ RẢI Ở NAM VIỆT NAM

Năm	Đất rừng (ha)	Đất canh tác (ha)	Tổng số (ha)
1962	1.960	280	2.240
1963	9.880	80	9.960
1964	33.400	4.160	37.560
1965	62.240	26.360	88.600
1966	296.480	41.600	338.080
1967	594.560	88.520	683.080
1968	506.840	24.480	532.320
6 tháng đầu năm 1969	318.880	15.520	334.400
<i>Tổng số</i>	<i>1.824.240</i>	<i>202.000</i>	<i>2.026.240</i>

I. VỚI RỪNG NỘI ĐỊA

Từ đầu năm 1970, trong Ủy ban đánh giá tác hại chất diệt cỏ của Hội vì sự tiến bộ của khoa học Mỹ (AAAS), nhà sinh vật học Paul W. Richards nhận xét rằng hệ thống rừng nội địa đã bị phá hoại nghiêm trọng trên một diện tích rộng lớn. Ở nhiều khu vực, xuất hiện những dải cỏ rậm rạp vô dụng như cỏ tranh, tre nứa. Nhiều loại cây ưa sáng, mọc nhanh kém giá trị kinh tế xuất hiện và lấn át những cây gỗ bản địa. Nhiều khu rừng bị phá hủy nặng nề đến nay vẫn chưa phục hồi.

Tác hại của cuộc chiến tranh hóa học với môi trường, sinh thái rất nghiêm trọng và kéo dài.

Hàng triệu héc-ta rừng bị tàn phá gây ra sự mất cân bằng sinh thái. Tổn thất rất lớn về tài nguyên gỗ, tài nguyên động vật rừng, đặc sản rừng... Nguồn hạt giống cây rừng bị tổn thất càng gây khó khăn cho việc hồi phục rừng. Chức năng giữ nước bề mặt không còn, gây lũ lụt trong mùa mưa, khô hạn về mùa khô, ảnh hưởng tiêu cực tới sản xuất nông nghiệp. Chức năng bảo vệ và làm giàu chất dinh dưỡng cho đất rừng bị mất. Lũ lụt gây ra nạn xói mòn, rửa trôi lớp đất giàu dinh dưỡng trên bề mặt, làm cho đất trở thành nghèo kiệt, latêrit hóa, càng gây khó khăn cho việc phục hồi rừng.

Trong khi đất màu mỡ bị bào mòn trên vùng cao thì ngược lại các dòng sông suối ở hạ lưu bị đất lấp đầy, cản trở dòng chảy càng làm cho nguy cơ lũ lụt tăng.

Muông thú trong rừng cũng bị tổn thất song song với sự tàn phá rừng: Các loại chim, thú sống nhờ sản phẩm cây rừng, lá cây, hoa trái, rễ, lớp chết vì tác hại trực tiếp của các chất độc, lớp chết vì thiếu thức ăn. Những động vật lớn hơn sống nhờ các thú nhỏ, cũng không có nguồn thức ăn, hoặc chết hoặc phải di chuyển đi nơi khác...

Trong những động vật có giá trị bị tổn thất thì ngược lại, một số loài không cần phải phát triển, như chuột, phá hoại những mùa màng lại phát triển mạnh và có thể là nguyên nhân gây dịch hạch ở một vài chiến trường (Tây Nguyên), muỗi... làm tăng cao nguy cơ sốt rét, sốt xuất huyết...

a) Đánh giá thiệt hại tức thời với rừng nội địa.

Rừng nội địa chủ yếu nằm sâu trong đất liền, trên các vùng đồi núi, cao nguyên, là đầu nguồn của 28 hệ sông chính của Việt Nam. Hậu quả của việc rừng bị rải chất độc hóa học đã tác động đến việc che phủ, làm thay đổi độ che phủ của các khu rừng đầu nguồn, làm suy giảm hoặc mất đi vai trò duy trì dòng chảy cũng như quá trình xói mòn, rửa trôi.

Trữ lượng gỗ tổn thất do ảnh hưởng của chất độc hóa học rất khác nhau theo nhiều tác giả. Theo Westing (1971) và Flamm (1970) thì lượng gỗ thương phẩm mất đi của rừng thường xanh nội địa là khoảng từ 45 - 46.000.000m³.

Còn theo tính toán của Viện Điều tra quy hoạch rừng, dựa trên số lần rải khác nhau của rừng nội địa (*nhiều tác giả ghi nhận nếu rừng chỉ bị một lần rải thì số cây chết chiếm 10% số cây trong rừng. Nếu bị rải từ 3 đến 4 lần thì số cây chết lên đến 70 - 90% số cây trong rừng*). Vì vậy, các tác giả đã tính toán số lượng cây chết và trữ lượng gỗ thiệt hại cho rừng nội địa từ 15 - 25m³/héc-ta cho toàn vùng bị rải chất độc hóa học và có bảng thống kê sau:

Bảng 20

TRỮ LƯỢNG GỖ BỊ THIẾT HẠI TỨC THỜI CỦA RỪNG NỘI ĐỊA NAM VIỆT NAM

Địa phương	Diện tích bị rải (1.000 ha)	Trữ lượng mất (1.000 m ³)	% lượng mất mát
Các tỉnh Trung Bộ	1.154,0	20.080,0	33,3
Các tỉnh Tây Nguyên	550,0	11.000,0	18,2
Các tỉnh Đông Nam Bộ	1.050,0	25.250,0	43,5
Các tỉnh Nam Bộ	200,0	3.000,0	5,0
<i>Tổng cộng</i>	<i>2.954,0</i>	<i>60.330,0</i>	<i>100,0</i>

Diễn hình là khu rừng Mã Đà.

Khu rừng Mã Đà thuộc tỉnh Đồng Nai có diện tích gần 30.000 hécta. Trước khi rải chất diệt cỏ thì đây là một khu rừng nhiệt đới giàu, có cấu trúc 5 tầng vượt lá và rừng ưu thế sinh thái gồm nhiều loại cây họ dầu với đường kính thân tới 2 mét, cao 40 mét. Trong rừng có nhiều loại gỗ quý như gỗ đỏ, giáng hương, trắc... Trữ lượng trung bình của rừng là 200m³/hécta.

Cuộc chiến tranh hóa học đã làm phá nặng khoảng 5.000 hécta rừng. Các thời điểm rải nặng nhất vào những năm 1967 - 1969. Toàn bộ cây rừng bị chết, số gỗ mất đi khoảng 1.000.000m³ và thay vào đó là những trảng cỏ tranh và cỏ đuôi chồn. Tỷ lệ gỗ quý chỉ còn không quá 1% tổng trữ lượng gỗ của khu rừng. Cho tới năm 1981 chỉ có 20% tổng diện tích phục hồi tự nhiên, số diện tích còn lại hầu như mất hết khả năng phục hồi tự nhiên, đòi hỏi phải có kế hoạch trồng lại rừng.

Theo tính toán của Giáo sư Thái Văn Trưng, trên toàn miền Nam, tổng số tài nguyên gỗ bị thiệt hại lên đến 75 triệu m³ với trị giá vào khoảng 1 tỷ đôla Mỹ.

Một thiệt hại khác về kinh tế do một học giả Mỹ, Neiland, đưa ra là do ảnh hưởng của cuộc chiến tranh hóa học, sản lượng cao su khô của Nam Việt Nam bị giảm từ 1.066 kg/hécta xuống còn 793 kg/hécta trong năm 1967 (Neiland).

Tổng sản lượng cao su khô xuất khẩu của Việt Nam tụt từ 77.560 tấn với kim ngạch là 48 triệu đôla Mỹ năm 1960, xuống còn 42.510 tấn và kim ngạch 12,8 triệu đôla Mỹ năm 1967.

b) Tái sinh tự nhiên và phục hồi rừng bằng phương pháp trồng rừng trên những vùng bị rải chất độc hóa học.

Việc sử dụng ô ạt các chất diệt cỏ và làm rụng lá cây đã gây ra nhiều hậu quả với hệ sinh thái rừng Việt Nam. Mức độ tổn hại và khả năng phục hồi rừng phụ thuộc vào các yếu tố sau:

- + Thành phần và cấu trúc rừng
- + Loại hóa chất và lượng hóa chất
- + Quy mô vùng bị rải
- + Điều kiện tự nhiên vùng bị rải...

Việc phá hủy rừng đã dẫn đến sự thay đổi mọi chu trình sinh địa hóa, phá vỡ cân bằng sinh thái, ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường sống. Do đó quá trình phục hồi rừng nhiệt đới sẽ gặp nhiều khó khăn phức tạp. Đánh giá tình hình tái sinh tự nhiên là việc làm rất cần, giúp cho việc phân loại đối tượng và chọn biện pháp quản lý kinh doanh hợp lý.

Kết quả theo dõi một số điểm nghiên cứu phục hồi rừng tự nhiên bằng con đường tái sinh tự nhiên ở Mã Đà, A Lưới, Bạch Mã... đã chứng minh rằng quá trình tái sinh tự nhiên trên vùng bị rải chất độc hóa học không dễ dàng. Thí dụ ở điểm nghiên cứu A Lưới (Thừa Thiên - Huế) ở độ cao 700 mét sau 17 - 18 năm rừng phục hồi được phân làm 2 tầng:

- + Tầng 1 cao trên 20 mét, gồm những cây cũ đang phục hồi từng phần.
- + Tầng 2 cao 16 - 18 mét gồm những cây nhỏ thuộc 20 loài khác nhau, trong đó có 14 - 15% là cây tiên phong.
- + Dưới tán rừng còn có 6.000 - 8.000 cây tái sinh/hécta mà 50% là số cây cao dưới 2 mét.

Cùng với kết quả điều tra tái sinh ở Sa Thầy (Kon Tum), Mã Đà (Đồng Nai)... cho thấy khả năng tái sinh tự nhiên để phục hồi rừng đòi hỏi một thời gian dài từ 80 - 100 năm.

Do vậy, để nhanh chóng phục hồi rừng, phủ xanh đồi trọc đất trống lấy lại sự cân bằng của hệ sinh thái, Nhà nước đã đầu tư một khoản tiền lớn chi cho việc trồng rừng. Rừng trồng tập trung do các lâm trường quốc doanh thực hiện, trồng cây phân tán thì do nhân dân địa phương thực hiện.

Theo thống kê sơ bộ của Viện Điều tra quy hoạch rừng đến năm 1990 tổng số diện tích rừng trồng được trên đất bị rải là 123.000 hécta (chiếm 40% diện tích bị rải).

Đối với rừng nội địa, sau khi bị tàn phá thì việc gây lại rừng có nhiều khó khăn về mục tiêu trồng, chọn cây trồng, kỹ thuật trồng, cách chăm sóc và bảo vệ cây... Trước mắt đã trồng một số loại cây như keo, bạch đàn, thông, tếch. Một số loại cây họ sao dầu như dầu song nạng, chai, dầu con rái... cũng đã trồng thành công theo phương thức nông lâm kết hợp. Một số địa phương đã trồng được một số loài cây đặc sản có giá trị như quế (A Lưới...), cây công nghiệp cao su (Quảng Trị, Sông Bé, Đồng Nai...). Giá thành để trồng 1 hécta rừng nội địa trung bình từ 4 - 5 triệu đồng.

II. VỚI RỪNG NGẬP MẶN

Rừng ngập mặn ven biển nhiệt đới có dạng bùn nhão, chịu tác động trực tiếp của thủy triều, thiếu ôxy, độ mặn cao. Tuy nhiên do chứa hàm lượng phù sa lớn nên các cây trong rừng ngập mặn có đặc điểm thích nghi lâu đời qua từng thế hệ, có thể đạt được tốc độ sinh trưởng tốt. Rừng ngập mặn là loại rừng nhiệt đới có năng suất cao so với rừng nội địa.

Trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam, theo Ross (1975) (52), khu rừng ngập mặn đầu tiên bị rải nham độc theo đường quốc lộ 15 từ Biên Hòa đi Phước Tuy

trong tháng 1 và tháng 3 năm 1965. Dọc sông Cửu Long bị rải trong thời gian 1964 - 1965. Hai khu vực rừng ngập mặn bị rải nặng nề nhất là khu Rừng Sác và mũi Cà Mau trong những năm 1966 - 1970. Theo cuốn bản đồ rải chất độc hóa học, trong thời gian từ 1965 - 1970, có 299 phi vụ rải chất Da cam với tổng lượng rải là 2.529 kg, 1.300 kg chất Trắng và 186 kg chất Xanh. Còn ở mũi Cà Mau, trong giai đoạn từ 1966 đến 1970, có 55 phi vụ rải chất Da cam với tổng lượng là 1.027 kg và 285 kg chất Trắng.

a) Đánh giá thiệt hại tức thời do chiến tranh hóa học với rừng ngập mặn Việt Nam.

Trong cuộc chiến tranh hóa học, 36% (104.909 hécta) rừng ngập mặn đã bị phá hủy, trong số đó diện tích Rừng Sác chiếm 57% và diện tích rừng ở bán đảo Cà Mau chiếm 52% (NAS 52). Các khu rừng bị phá hủy chủ yếu là những khu rừng tự nhiên rậm rạp. Một hécta rừng được rậm rạp có khoảng 350 cây được với độ cao trung bình là 26 mét, có trữ lượng gỗ là 100m³. Rừng được ở Cà Mau chiếm 80% trên 444.918 hécta rừng bị phá hủy. Và như vậy, ngay sau khi rải, riêng rừng ngập mặn ở Cà Mau đã bị mất đi 4,5 triệu m³ gỗ. Theo thống kê của Snedaker năm 1983 thì việc sử dụng chất diệt cỏ trong chiến tranh đã làm mất một lượng gỗ là 20 - 40m³/hécta/năm và một lượng tôm là 60-100kg/hécta/năm.

Theo thống kê của Viện Điều tra quy hoạch rừng, rừng được tốt có trữ lượng đạt 300m³/hécta và rừng non xấu chỉ đạt 80 - 100m³/ha, nên nếu lấy bình quân 150m³/hécta thì trữ lượng rừng được chết tức thì sau khi bị rải chất độc hóa học là:

$$M = 150\text{m}^3/\text{ha} \times 150.000 \text{ ha} = 22.500.000\text{m}^3 \text{ gỗ}$$

Sau khi rừng bị phá hủy, mặt đất trở nên trơ trống, những vùng nước bị ngập triều cao sẽ dẫn đến ôxy hóa các trầm tích pyrit. Những trận mưa rào làm cho đất bị trôi xuống lòng kênh, sông làm cạn lòng; khi các tàu xuồng gắn máy hoạt động, tạo nên sóng lớn đập vào bờ khiến cho việc xói lở diễn ra nhanh chóng.

Do mất rừng, khí hậu trong những năm 70 xấu hơn trước, tác động của gió chướng sâu hơn, khí hậu nóng hơn. Hậu quả lớn nhất đối với đất, đất bị xói mòn, bị ôxy hóa vừa chua vừa mặn nên không sử dụng được.

Rừng ngập mặn bị phá hủy dẫn đến sự thay đổi môi trường: Nhiều loại động vật quý hiếm như chó sói, cá sấu, lợn rừng, khỉ, kỳ đà, rắn, chim... bị tiêu diệt, một số bỏ đi nơi khác sinh sống. Lượng tôm, cá trong các kênh rạch sau khi bị rải chất độc hóa học trong một thời gian ngắn có tăng cao do có nhiều mùn bã của cây chết bị phân hủy. Nhưng sau 2 - 3 năm, thì sản lượng tôm cá giảm đi nhanh chóng, nhiều người làm nghề chài lưới đã phải chuyển đi nơi khác.

b) Tái sinh tự nhiên và phục hồi rừng ngập mặn.

Vấn đề tái sinh tự nhiên của rừng ngập mặn sau khi bị rải chất độc hóa học được nhiều nhà khoa học dự đoán. F. H. Tchirly (1969) cho rằng sự tái sinh có thể thực hiện trong vòng 20 năm. Theo đánh giá của Viện Hàn lâm khoa học Mỹ (NAS) thì sự tái sinh của rừng kéo dài trong vòng 100 năm (3). Thực tế, cho đến nay, những vùng đất cao trước đây có rừng ngập mặn, sau khi bị rải chất độc hóa học đã trở thành đất hoang hóa, trơ trụi không có loại cây nào có thể sinh sống và phát triển được.

Sau ngày thống nhất, Bộ Lâm nghiệp đã đầu tư lớn vào việc phục hồi rừng ngập mặn ở những vùng bị rải chất độc hóa học. Hơn 70% diện tích đã được trồng lại bằng cây đước. Cây đước là cây trồng khá thuận lợi, sinh trưởng nhanh, kỹ thuật trồng đơn giản, nguồn gốc tại chỗ, không bị đe dọa cháy rừng cũng như sâu hại khác... vì vậy nhanh chóng tạo rừng, mang lại nguồn lợi kinh tế về nhiều mặt và góp phần cải tạo môi trường rừng ngập mặn.

Giá thành trồng rừng đước cũng thấp, để trồng được 1 hecta rừng đước sau 5 năm đã khép tán, cần đầu tư khoảng 3 triệu đồng.

Các tỉnh trồng nhiều nhất là Minh Hải (28.314 hecta), thành phố Hồ Chí Minh (15.600 hecta), Đồng Nai (13.000 hecta), Bến Tre (10.470 hecta).

Ngoài cây đước, còn có một số loài cây khác đã được trồng lại trên rừng ngập mặn như: Dừa nước trồng ven các kênh rạch, cây bạch đàn, cây keo trồng trên những vùng lập địa cao, cây tràm đước trồng trên vùng đất chua phèn thuộc các tỉnh Minh Hải, Kiên Giang, Đồng Tháp...

Việc phục hồi rừng ven biển đã bước đầu có tác dụng lên môi trường và nền kinh tế. Nhiều loại động vật như lợn rừng, kỳ đà... đã tìm về các rừng trồng để sinh sống. Một số loài chim nước về làm tổ tụ tập đông đúc ở hai bên bờ đầm. Hải sản tăng nhanh và ngư dân cũng đánh được nhiều con cá chēm to nặng 10 - 15 kg. Theo tài liệu của FAO (1987) thì sản lượng cá ở Minh Hải, trong những năm 1975 - 1977 chỉ có 100 tấn, đến năm 1984 đã đạt 14.500 tấn trong đó có 1.700 tấn tôm.

III. VỚI ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Bảng 21 đã chỉ ra rằng diện tích đất nông nghiệp bị rải tăng theo thời gian và nặng nhất là vào những năm 1966 - 1967. Tổng diện tích bị rải là 202.000 hecta. Do đất bị rải trở thành đất trống nên quá trình rửa trôi đất, dẫn đến xói mòn đất, làm cho thành phần dinh dưỡng của đất bị giảm đi nhanh chóng. Việc mất các chất dinh dưỡng của đất sẽ kéo theo sự giảm sút

về sản lượng. Theo các nghiên cứu của các nhà khoa học Việt Nam (Hoàng Văn Huây)¹ thì hàm lượng các chất hữu cơ trong đất như nitơ, phốt pho tổng số, caxi, manhê trao đổi giảm xuống, nhôm - di động và độ chua tiềm tàng tăng lên gây ảnh hưởng xấu đến tính chất dung dịch đất cũng như cấu trúc đất.

Theo quan sát của các nhà khoa học Việt Nam (Đường Hồng Dật)² thì ở những vùng bị rải, các loại cây trồng như cây lương thực thực phẩm: cây lúa, ngô, khoai, sắn... đến các loại cây công nghiệp hàng năm như sắn, dứa, bông, thuốc lá... các loại cây lâu năm như ổi, mít... đều bị chết. Những thí nghiệm cho thấy ở những vùng bị rải chất độc hóa học thì hạt gieo xuống cũng không nảy mầm, có những nơi sau 6 tháng vẫn không trồng được cây gì.

Một so sánh về thành phần của đất trong khu bị rụng lá cây do chất diệt cỏ và không rụng lá cây sau 7 năm bị rải đã chỉ ra những thay đổi đáng kể về yếu tố phi nhiều của nitơ và phốt pho di chuyển. Trên đất bị rải, hàm lượng phốt pho giảm đi gần 1/2. Hàm lượng nitơ giảm 10% ở vùng bị rải. Đất bị chua hơn, độ PH giảm từ 7,0 xuống 6,0. Lượng cacbon giảm đi ở vùng bị rụng lá (Paul J.Zinke, 1983 (23)).

Sự thiệt hại về nông nghiệp rất lớn và thường chiếm từ 40 đến 100% sản phẩm nông nghiệp trong thời gian chiến tranh. Nhưng điều đáng lo ngại nhất là sự phá hoại mùa màng bằng các hóa chất trừ sâu sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe của trẻ em và phụ nữ, những người sống chủ yếu bằng nghề nông và nuôi dưỡng bản thân bằng các sản phẩm nông nghiệp của mình.

Đánh giá về thiệt hại mùa màng do chất diệt cỏ gây ra thì chưa có nghiên cứu nào chỉ ra. Tuy nhiên, đã hơn 20 năm sau cuộc chiến tranh hóa học, nhưng tỷ lệ những vùng đất trống, khô cằn không trồng trọt được vẫn còn tồn tại ở các tỉnh miền Nam Việt Nam. Tổng diện tích đất trống, trọc trên vùng bị rải chất độc hóa học còn 1.047.333 héc-ta (theo đánh giá của Viện Điều tra quy hoạch rừng), được phân bố theo độ cao và theo các địa phương như sau:

Bảng 21

DIỆN TÍCH ĐẤT TRỐNG, TRỌC PHÂN BỐ THEO ĐỘ CAO

Độ cao	Tổng diện tích	Tỷ lệ %
< 700m	704.833 héc-ta	67,3
700 - 1.500m	342.467 héc-ta	8,7

1, 2. Xem phụ lục 3.

Diện tích đất trống, trồng phân bố theo địa phương:

Vùng	Diện tích (ha)	%
Trung Bộ	684.632	64,4
Tây Nguyên	133.473	12,7
Đông Nam Bộ	179.993	17,2
Đồng bằng sông Cửu Long	59.224	5,7

IV. VỚI ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN, DƯỚI NƯỚC

Hệ động vật của Việt Nam rất đa dạng và phong phú. Một nhà động vật học nổi tiếng châu Á về chim là Giáo sư Jecan Delacour đã nói rằng Việt Nam có một nguồn tài nguyên về chim rất giàu có. Hơn 600 loài chim đặc hiệu đã quan sát được trong thiên nhiên Việt Nam. Còn về các động vật rừng thì ở nước ta có rất nhiều loài voi, hổ, mèo gấm, trâu rừng, bò tót... đặc biệt có loài khỉ Douc Langur và loài vượn Indochinese là độc nhất chỉ có ở Việt Nam. Có loài bò tót đặc biệt quý hiếm chỉ quan sát được ở Kon Tum và Buôn Ma Thuột với số lượng là 700 - 800 con năm 1936, giảm xuống còn 200 con trong năm 1964.

Tuy nhiên có những nghiên cứu đánh giá ở từng vùng cụ thể như sau:

Ở A Lưới sau khi bị rải chất độc hóa học chỉ còn 24 loài chim và 5 loài có vú. Trong khi vùng đối chứng không bị rải bên cạnh quan sát được 145 - 170 loài chim và 30 - 55 loài có vú (Võ Quý).

Ở vùng Cà Mau, sau cuộc chiến tranh hóa học, chỉ còn 12 loài thú và 12 loài bò sát, không thấy bóng dáng của hổ và cá sấu (là đặc trưng của vùng này).

Loài mèo gấm trước kia có rất nhiều trên những đồng cỏ rộng lớn của vùng núi Bình Trị Thiên, đến năm 1970 chỉ còn lại có 300 con.

Nhiều đồng bào địa phương sống trong vùng bị rải chất độc hóa học (Minh Hải) cho biết rằng chỉ khoảng 2, 3 ngày sau khi rải chất diệt cỏ, nhiều động vật bị chết kể cả những động vật xương sống cỡ trung bình như gà rừng, khỉ, nai, hoẵng..., ở các suối, sông: tôm, cua, ốc, ếch nhái và nhiều loài cá cũng bị chết.

Do ảnh hưởng của chất độc hóa học rừng bị phá hủy, không còn nguồn thức ăn cung cấp cho các động vật, vì vậy một số loài động vật quý hiếm như tê giác, bò tót, dê rừng, vượn bị mất đi. Số lượng một số loài thú có giá trị kinh tế như nai, hoẵng, lợn rừng, nhím, khỉ, vẹt, gấu, hổ, cây... trở nên rất hiếm. Ngược lại, các loài gặm nhấm gây tai họa cho mùa màng như chuột lại

thấy xuất hiện. Trong những năm 70, chuột phá hoại trên 50% lượng thu hoạch về lương thực ở vùng thung lũng A Lưới. Ngay ở sân bay Sài Gòn, sau khi bị quân đội Mỹ phun chất diệt cỏ, cũng quan sát thấy lượng chuột tăng cao, chỉ trong vòng từ tháng 1 năm 1969 đến tháng 3 năm 1969 người ta đã diệt được 613 con chuột, trong đó có 8 con chuột chù loại lớn. Nhiều động vật nuôi cũng bị diệt hại hoặc bị thoái hóa đi như trâu, bò, lợn, gà, vịt...

Về chim rừng ở Việt Nam được phân chia làm 3 loại: chim rừng nội địa vùng thấp như trĩ (*Lophura Imperialis*), gà tiền, gà so, chim cu rốc, chim gõ kiến, chim khách... Chim rừng vùng núi như chim thầy chùa (*Megalaima oorli*), chim mỏ chéo (*Loxia curvirostra*)... và chim rừng ngập mặn như loài diệc, chim chích bụng rạn, loài chim cỏ lao xám, cóc, bồ nông, cò, hạc... trước kia có rất nhiều trong thiên nhiên Việt Nam, nhưng đến năm 1972, sau cuộc chiến tranh hóa học thì còn lại rất ít, thậm chí ở vùng Rừng Sác trong thời gian này không quan sát thấy một loài chim nào.

Cuộc chiến tranh hóa học không chỉ giết hại chim, thú mà còn gây ra rất nhiều bệnh tật trong các loài động vật: như trâu, lợn sinh con bị quái thai, tình trạng sảy thai trong gia súc tăng cao, các loại bệnh gây chết hàng loạt cá sông cũng quan sát được. Theo kết quả nghiên cứu của nhà khoa học Anh Holden về tác hại của 2,4-D lên cá hồi thì liều gây chết 50% số cá hồi trong 24 giờ (LD50) là 0,5 ppm. Như vậy liều rải chất 2,4-D ở Việt Nam còn gấp hàng trăm lần liều trên thì ta cũng hình dung được lượng cá chết ở Việt Nam lên đến hàng tấn. Một thống kê về tỷ lệ xuất khẩu cá ở miền Nam trong chiến tranh chỉ ra như sau (Theo tư liệu của ông Trần Văn Trí, nguyên Giám đốc Sở Thủy sản - Việt Nam Cộng hòa):

Bảng 22
TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU HẢI SẢN Ở MIỀN NAM VIỆT NAM
(Từ 1957 đến 1972)

Năm	Cá (tấn)	Tôm (tấn)	Trị giá USD
1961	551	82	99.036
1962	237	308	259.352
1963	375	471	603.849
1964	472	338	404.547
1965	232	699	813.217
1966	165	620	696.985
1967	182	432	495.394
1968	-	78	140.790
1969	-	49	70.308

Năm	Cá (tấn)	Tôm (tấn)	Trị giá USD
1970	-	25	27.000
1971	204	185	663.115
1972	446	1.727	5.740.653

Qua bảng trên ta thấy trong giai đoạn cao điểm của cuộc chiến tranh hóa học (1967-1969), sản lượng tôm, cá xuất khẩu giảm rõ rệt, phần có thể do chiến sự ác liệt ảnh hưởng đến việc đánh cá của ngư dân, nhưng chúng tôi nghĩ cũng có thể phần do tác hại của các hóa chất làm cho sản lượng tôm, cá bị sút giảm nghiêm trọng...

Bản sao lưu trữ

Chương 5

HẬU QUẢ CHIẾN TRANH HÓA HỌC: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH DIOXIN TRONG ĐẤT, THỰC PHẨM VÀ CƠ THỂ NGƯỜI

Trong công tác nghiên cứu hậu quả chiến tranh hóa học và đặc biệt hậu quả của chất Da cam thì việc phân tích, định lượng tồn lưu dioxin trong môi trường và cơ thể người có ý nghĩa rất quan trọng, bởi lẽ:

- Như bạn đọc đã biết ở phần trên, các chất diệt cỏ, khi vào môi trường bị phân hủy nhanh chóng, chỉ có dioxin, tạp chất của chất Da cam là tồn tại lâu dài. Vì vậy, sau khi loại trừ dioxin từ các nguồn ô nhiễm công nghiệp khác, sự hiện diện của dioxin trong môi trường và cơ thể người là bằng chứng khách quan chứng tỏ sự tiếp xúc với chất Da cam trong thời gian chiến tranh.

- Là cơ sở cho các nghiên cứu khoa học rất đa dạng về dioxin và các hợp chất hữu quan như về bệnh lý do dioxin gây nên, tìm mối quan hệ nhân quả giữa tiếp xúc với chất Da cam và các trạng thái bệnh lý khác nhau.

- Giúp phát hiện những vùng còn nhiễm độc nặng để có biện pháp tẩy độc và phòng độc cần thiết cho người và sinh vật sinh sống tại địa phương.

- Ngoài ra, còn là chỉ tiêu khách quan để đánh giá hiệu lực của các biện pháp tẩy độc môi trường, các biện pháp điều trị dự phòng...

Tuy nhiên việc phân tích dioxin trong môi trường cũng như tổ chức sinh học có nhiều khó khăn:

- Đây là một phân tích rất tinh vi đòi hỏi trang thiết bị hiện đại. Trên thế giới chỉ có khoảng trên chục labô được các cơ quan khoa học quốc tế thừa nhận là có khả năng tiến hành các phân tích một cách đáng tin cậy.

- Giá thành một mẫu xét nghiệm rất đắt từ 1.000 - 3.000 đôla Mỹ một mẫu, nên không thể làm một cách tràn lan.

- Mặt khác, trong các nghiên cứu về bệnh lý và trong hoàn cảnh của ta, cũng cần lưu ý là từ khi chiến tranh kết thúc tới nay, hơn hai chục năm đã trôi qua, nếu tính từ năm 1971 thì đã gần ba chục năm, có nghĩa là qua 4 - 5 lần chu kỳ bán phân hủy của dioxin, nên nồng độ dioxin trong cơ thể nạn nhân đã giảm đáng kể và tới một ngày nào đó, có thể không còn cao hơn đối

chứng... Vì vậy trong nghiên cứu khoa học cũng như trong công tác chẩn đoán và điều trị không nên coi việc phân tích dioxin như "hòn đá thử vàng" cho mọi trường hợp, mà cần kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau như phương pháp nghiên cứu dịch tễ học...

Những năm qua, qua con đường hợp tác quốc tế, chúng ta đã phân tích được khoảng 4.000 mẫu các loại, bao gồm: Các mẫu đất, bùn sông, thực phẩm và các mẫu tổ chức cơ thể người.

Các kết quả phân tích đều đã được công bố trong nhiều cuộc hội thảo trong và ngoài nước, cũng đã đăng tải trên nhiều sách, tạp chí khoa học mà chúng tôi cho rằng có tính thuyết phục nhất chứng minh tính khách quan khoa học về những tác hại lâu dài của cuộc chiến tranh hóa học ở Việt Nam.

Sau đây là tóm tắt các thông tin liên quan đến kết quả phân tích dioxin.

I. CÁC LABÔ PHÂN TÍCH

Các nhà khoa học và các labô sau đây đã tham gia xét nghiệm tìm dioxin trong các mẫu của Việt Nam:

- *NY. Tong. ML Gross* - Trung tâm phân tích GC/MS - trường Đại học Tổng hợp Nebraska, Mỹ.

- *K. Olies* - Phòng xét nghiệm độc hại và môi trường - trường Đại học Amsterdam, Hà Lan.

- *Raissanen* - Trung tâm Hóa trường Đại học Tổng hợp Helsinki, Phần Lan.

- *Peter Furst* - Bộ môn Hóa trường Tổng hợp Munster, Cộng hòa Liên bang Đức.

- *JJ. Ryan* - Trung tâm phân tích hóa học trong thực phẩm Ottawa, Canada.

- *T. Wakimoto* - Trường Đại học Tổng hợp Ehime, Nhật Bản.

- *O. Papke, M. Ball* - ERGO Humburg, Cộng hòa Liên bang Đức.

II. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH DIOXIN TRONG ĐẤT VÀ BÙN SÔNG

Trong toàn bộ cuộc chiến tranh hóa học, theo số liệu của Mỹ, ước tính có 170kg dioxin được rải xuống miền Nam Việt Nam.

Diện tích bị rải: Theo số liệu của Mỹ là 10.400km². Theo số liệu của Viện Điều tra quy hoạch rừng của Bộ Lâm nghiệp là 30.100km².

Bình quân, theo số liệu của Mỹ, với giả định lượng dioxin nói trên được rải đều trên diện tích bị rải thì ước tính nồng độ dioxin (2, 3, 7, 8 - TCDD) trong đất là:

25pg/g (ppt) đất

Từ năm 1980, nhiều mẫu đất và bùn sông ở các địa phương khác nhau được phân tích. Những mẫu đầu tiên được cố Giáo sư Tôn Thất Tùng gửi đi phân tích ở Hà Lan (Kees Olies). Kết quả được công bố trong cuộc Hội thảo quốc tế lần thứ nhất ở thành phố Hồ Chí Minh (3-1983)¹.

Trong 11 mẫu đất lấy ở Rừng Sác (thành phố Hồ Chí Minh) ở độ sâu từ mặt đất tới 150cm, đều thấy dioxin với nồng độ từ 1 tới 31 ppt (pg/g).

Bảng 23

**KẾT QUẢ PHÂN TÍCH DIOXIN TRONG 11 MẪU ĐẤT Ở RỪNG SÁC
(Thành phố Hồ Chí Minh) (Kees Olies) (1981)**

Mẫu đất	Vùng	Độ sâu (cm)	Hàm lượng dioxin (pg/g hay ppt)
1a	Nội địa	0?	16,4
b		50	16,2
2a	Bờ biển	0 - 10	< 1
b		100	1,3
c		150	1,7
3	?	?	< 1
4	?	?	< 1
5	?	?	< 1
6	?	?	< 1
7	?	?	< 1
8	?	?	< 1
9	?	?	< 1
10	?	?	< 1
11.	?	?	20,6

Tiếp sau đó, từ năm 1984 đến nay nhiều mẫu đất và bùn sông ở nhiều địa phương khác được phân tích.

Trong môi trường, người ta cho rằng dioxin trên đất, bị cuốn theo dòng nước xuống các nơi trũng, các hồ ao, các dòng sông suối và lắng đọng trong

1. Xem phụ lục 1.

bùn. Bùn sông, hồ ao sẽ là nơi tập trung dioxin. Vì vậy bên cạnh việc phân tích đất, chúng tôi đã phân tích một số mẫu bùn sông.

Kết quả được trình bày trên bảng 24 - 25.

Bảng 24

**KẾT QUẢ PHÂN TÍCH DIOXIN TRONG ĐẤT (ppt/mẫu khô)
(T.Wakimoto - M.Matsuda và CS - Trường Đại học Ehime (Nhật)**

Địa danh	Số mẫu phân tích	Số TCDD dương tính (ppt)
Hà Nội	5	0
Huế - Phú Lộc	6	3 (4,3 - 16,8)
Sông Bé	11	1 (6,0)
Thành phố Hồ Chí Minh	9	2 (2,98 - 59,2)
Tây Ninh	54	14 (1,2 - 38,5)
Đồng Tháp - Tam Nông	4	0
Đốc Binh Kiều	6	0
Cà Mau	16	0

Bảng 25

**KẾT QUẢ PHÂN TÍCH DIOXIN TRONG BÙN SÔNG (1985 - 1986)
A. Schecter - H.Y. Tong và cs (512-2)**

Tên sông	Số mẫu	Kết quả phân tích
		2, 3, 7, 8-TCDD: 2, 3, 7, 8-TCDF
Sông Hồng	2	ND ND
Sông Đồng Nai	5	ND ND
Sông Sài Gòn	1	210 : ND

Ghi chú: ND = Không phát hiện được TCDD hoặc TCDF.

Như vậy trên 121 mẫu đất và 8 mẫu bùn sông của 9 địa phương và 3 con sông khác nhau ở miền Nam Việt Nam, có 25 mẫu, tới năm 1990 còn phát hiện thấy dioxin nhưng đa số ở nồng độ không cao (30 - 40, cao nhất 59 ppt).

Trong bùn sông ở những dòng sông lớn (như sông Đồng Nai, ngang thị trấn Tân Uyên) không còn tìm thấy dioxin. Nhưng trong một mẫu bùn ở một nhánh sông Sài Gòn (Rạch Thị Nghè, dưới cầu Công Lý) vẫn còn tìm thấy một nồng độ đáng kể dioxin (210 ppt).

Vì cũng trong mẫu này, nồng độ các đồng phân và đồng hành (isomers và congeners) khác của PCDD và PCDF thấp, nên có thể nghĩ rằng đây không phải là do ô nhiễm môi trường công nghiệp, trong thành phố mà là dioxin từ

chất Da cam, khi trôi từ thượng nguồn sông Sài Gòn xuống, gặp dòng nước thủy triều đẩy ngược vào các nhánh sông nhỏ và đọng lại ở đây. Cần có nhiều xét nghiệm nữa để có thể làm rõ giả định này.

Tuy nhiên cần lưu ý một số vùng vẫn còn có khả năng nhiễm dioxin cao đó là các sân bay, bến cảng, các kho tàng trữ, các bãi bơm chất Da cam lên máy bay trước khi mang đi phun rải. Đây là những "điểm nóng" có thể còn nồng độ dioxin cao. Chúng ta chưa nghiên cứu được nhiều ở các điểm này.

Ngoài ra còn có một số vùng có khả năng có nồng độ dioxin cao, đó là các địa điểm máy bay gặp nạn trong khi phun rải, hoặc bị bắn rơi, hoặc phải trút khẩn cấp toàn bộ lượng chất độc hóa học chứa trong khoang máy bay (1.000 galông = 3.700 lít) xuống một khu vực hẹp 1 - 2 hécta. Trong phi vụ rải thông thường chỉ có khoảng 28 lít/hécta, như vậy ở những địa điểm này có khả năng lượng dioxin cao gấp 100 - 150 lần nhiều hơn các vùng khác. Tư liệu về 48 địa điểm có máy bay gặp sự cố khi rải, được trình bày trong phần tư liệu, phụ lục 1.

Kết luận.

Cho tới năm 1990, 20 năm sau khi chiến tranh hóa học kết thúc, nhiều mẫu đất miền Nam đã không còn tìm thấy dioxin. Số mẫu dương tính cũng cho thấy nồng độ dioxin thấp. Ngay cả trong bùn sông cũng vậy.

Trên đại thể, trong môi trường rộng lớn, không nói đến một số trọng điểm là các kho hóa chất cũ, các sân bay, bến cảng, bãi bơm hóa chất, các điểm máy bay gặp tai nạn trong khi phun rải, phải trút hóa chất tập trung xuống một khu vực hẹp - mà ta chưa có điều kiện đi sâu - chưa thấy nơi nào có nồng độ dioxin cao đáng phải báo động và tẩy độc (theo quy định trên thế giới là trên 1 ppb (1.000ppt).

Thực ra, chỉ với vài trăm mẫu phân tích trên một diện tích hàng vạn kilômét vuông với nhiều độ sâu khác nhau, thì chưa có thể có kết luận chắc chắn.

Có thể giải thích hiện tượng dioxin giảm tương đối nhanh trong môi trường là nhờ một số điều kiện đặc biệt về thời tiết, địa hình của miền Nam, khí hậu nhiệt đới, với những tháng nắng gay gắt tiếp nối với mùa mưa với những cơn mưa lũ xối xả... cộng với đặc điểm về địa hình, địa mạo miền Nam, trên đại thể, nghiêng từ dãy Trường Sơn xuống biển Đông... Thêm vào đó, là thủy triều lên xuống hàng ngày với biên độ, có nơi lên tới 7 mét... ảnh hưởng của thủy triều, trên nhiều dòng sông vào sâu trong nội địa tới 60 - 70km. Nhờ vậy có thể dioxin trong đất sau gần hai mươi năm, chỉ tính tới năm 1990 - đa phần thì bị phân hủy bởi tia tử ngoại trong nắng, phần thì bị rửa trôi ra biển...

III. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH DIOXIN TRONG THỰC PHẨM

Như trình bày ở phần trên, con đường xâm nhập của dioxin vào cơ thể người chủ yếu qua đường thực phẩm (nhất là cá, tôm, thịt, sữa...)

Trong thời gian chiến tranh (năm 1973), nhóm khoa học của trường Đại học Harvard (Boston Massachusetts), do M. Messelson đã sang Việt Nam, thu thập nhiều mẫu cá, tôm ở các con sông Sài Gòn, Đồng Nai và ở bờ biển Cần Giờ. Kết quả phân tích được sử dụng cho luận án tiến sĩ khoa học của một người trong đoàn là tiến sĩ Baughmann (xem bảng 26).

Bảng 26

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH DIOXIN TRONG THỰC PHẨM VIỆT NAM (1973) (Baughmann và Messelson)

Địa điểm lấy mẫu	Loại mẫu	Kết quả phân tích dioxin (ppt - mẫu ướt)
Sông Đồng Nai (Bắc Biên Hòa)	Cá quả	540
	Cá trê	814
	Cá trê	522
Sông Sài Gòn (phía bắc Sài Gòn)	Cá trê	70
	Tôm (sông)	42
Bờ biển Cần Giờ	Ếch	79
	Tôm biển	18

Có thể thấy qua bảng trên là, năm 1973 lúc chiến tranh hóa học vừa kết thúc, nồng độ dioxin trong thủy hải sản Việt Nam rất cao: thấp nhất 18ppt, cao nhất 814ppt, với nồng độ bình quân 297ppt.

Bẵng đi một thời gian dài sau chiến tranh chúng ta không có điều kiện để xét nghiệm lại. Phải tới năm 1986 trở đi mới có điều kiện hợp tác với các nhà khoa học và labô nước ngoài để trở lại vấn đề này.

Từ năm 1986 - 1990 đã phân tích được khoảng gần 100 mẫu thực phẩm các loại.

Kết quả chi tiết của các phân tích các đồng phân, đồng hành của dioxin và furan của từng loại thực phẩm được trình bày trong phần phụ lục. Sau đây, chúng tôi chỉ trình bày tổng hợp lại ở kết quả phân tích dioxin (tức 2, 3, 7, 8-TCDD và tổng PCDD/F-TEQ (độ độc tương đương) (bảng 27 - 29).

Bảng 27
KẾT QUẢ PHÂN TÍCH 2, 3, 7, 8-TCDD VÀ PCDD/F-TEQ
TRONG THỰC PHẨM VIỆT NAM (1986 - 1990)

Loại thực phẩm: Thủy sản tôm, cá, lươn, cua

Địa phương	Số mẫu	Kết quả phân tích	
		TCDD	PCDD/F-TEQ
Hà Nội	2	0,12	0,42
Sông Bé	5	0,2	0,38
Tân Uyên	1	Gan cá lóc: 2,45 - 4,16	
Tân Thành			
Huế	1	ND ¹	: 5,65
Thành phố Hồ Chí Minh	5	ND	0,26
	2 (cua)	0,76	: 1,58

Như vậy, nếu cá, tôm xét nghiệm năm 1973 có nồng độ dioxin rất cao, thì những mẫu thử từ năm 1986 tới nay cho thấy nồng độ dioxin đã giảm rất nhiều.

Tuy nhiên nếu so sánh hàm lượng dioxin giữa các thực phẩm miền Bắc và miền Nam (bảng 28 - 29) thì có thể vẫn thấy trong các mẫu miền Nam có hàm lượng dioxin ít nhiều cao hơn miền Bắc là vùng không bị phun rải.

Bảng 28
SO SÁNH HÀM LƯỢNG DIOXIN (TCDD), PCDD/F-TEQ
GIỮA THỰC PHẨM HÀ NỘI VÀ CÁC TỈNH PHÍA NAM (ppt - mẫu ướt)

Loại thực phẩm	Hóa chất	Hà Nội	Tp. Hồ Chí Minh	Sông Bé
Thịt lợn	Dioxin		ND ²	
	TEQ		0,43	
Mỡ lợn	Dioxin	0,37 - 0,57	ND - 0,77 - 3,14	
	TEQ		1,32	
Gan gà	Dioxin		ND	
	TEQ		0,72	
Mỡ gà	Dioxin		ND	
	TEQ		1,68	

1, 2. ND: Không phát hiện được.

Loại thực phẩm	Hóa chất	Hà Nội	Tp. Hồ Chí Minh	Sông Bé
Trứng	Dioxin		0,02	0,16
Cá	Dioxin	0,23		0,33 - 0,06 - 0,07

Bảng 29

**HÀM LƯỢNG TRUNG BÌNH DIOXIN
TRONG THỰC PHẨM MIỀN NAM VÀ MIỀN BẮC (ppt-mẫu ướt)**

	Miền Bắc	Miền Nam
Tổng số mẫu	8	27
Dioxin bình quân trong số mẫu (+)	0,47 (5 mẫu+)	1,92 (12 mẫu+)
Tổng PCDD	27,8	57,54
Tổng PCDF	8,42	20,58
PCDD + F	36,23	78,12

Một công trình nghiên cứu của A.Schecter và Peter Fust so sánh hàm lượng dioxin trong thực phẩm giữa Việt Nam, Nga, Tây Đức cho ta thấy như sau (bảng 30).

Bảng 30

**SO SÁNH HÀM LƯỢNG DIOXIN (TCDD)
TRONG THỰC PHẨM VIỆT NAM, NGA, TÂY ĐỨC
(ppt - trong lipit và trong mẫu ướt)¹**

Thực phẩm	Việt Nam		Nga		Tây Đức	
	Trong lipit	Mẫu ướt	Trong lipit	Mẫu ướt	Trong lipit	Mẫu ướt
Thịt lợn	1,3	0,4	0,6	0,4	0,02	
Mỡ lợn	1,3	0,3				
Gan gà	9,1	0,2				
Mỡ gà	1,8	1,7				
Thịt bò			3,8	0,1	3,1	
Mỡ bò			0,3	0,1		

1. Cần lưu ý, trong các phân tích có ghi chú "trong mẫu ướt" hay "trong toàn bộ trọng lượng" và "trong lipit". Hàm lượng dioxin trong "mẫu ướt" hay trong "toàn bộ trọng lượng" là rất đáng chú ý vì chính đây là lượng ăn vào cơ thể. Còn lượng "trong lipit" là hàm lượng riêng trong thành phần lipit trong mẫu vật phẩm. Người ta biết rằng dioxin hòa tan trong lipit, nên việc chiết xuất riêng thành phần lipit trong mẫu, do tập trung lượng dioxin nên giúp cho việc phân tích hóa học dễ dàng hơn. Số liệu này giúp cho công tác nghiên cứu... không phản ánh đúng lượng dioxin ăn vào cơ thể.

Thực phẩm	Việt Nam		Nga		Tây Đức	
	Trong lipit	Mẫu ướt	Trong lipit	Mẫu ướt	Trong lipit	Mẫu ướt
Sữa bò					3,8	
Phomat			0,4	0,1	2,17	
Bơ			1,9	1	0,8	
Váng sữa bò			4,9	0,7		

Trong cuộc Hội thảo quốc tế năm 1993, chúng tôi đã thử tính lượng dioxin ăn vào hàng ngày qua đường thực phẩm.

So với tiêu chuẩn quy định của Tổ chức Y tế thế giới (51), về lượng dioxin ăn vào hàng ngày cho phép là 10pg/kg trọng lượng cơ thể trong 1 ngày, và nếu tính trung bình trọng lượng một người Việt Nam là 50kg, có nghĩa là với người Việt Nam lượng ăn vào chấp nhận được là 500pg/người/ngày. Căn cứ vào định lượng ăn hàng ngày của người Việt Nam (Điều tra của Viện Dinh dưỡng Bộ Y tế) và kết quả xét nghiệm dioxin trong thực phẩm, chúng tôi tính lượng dioxin ăn vào như sau (51).

Bảng 31

LƯỢNG DIOXIN ĂN VÀO HÀNG NGÀY

Mức quy định của WHO	Việt Nam năm 1973	Việt Nam năm 1986-1990
500pg/người/ngày	19.990 - 117.830pg/người/ngày, bằng từ 40 tới 235 lần mức quy định của WHO	1,7 - 167pg/người/ngày bằng 1/3 - 1/30 mức quy định

Như vậy, năm 1973 khi chiến tranh hóa học mới kết thúc, thực phẩm miền Nam bị nhiễm dioxin rất nặng. Lượng dioxin ăn vào hàng ngày cao gấp từ 40 tới 235 lần mức quy định của Tổ chức Y tế thế giới.

Tuy nhiên, với thực phẩm xét nghiệm từ năm 1986, ta có điều kiện kiểm nghiệm trở lại, cho tới những năm gần đây thì lượng dioxin đã giảm rất nhiều và đã trở lại mức bình thường. Lượng ăn vào hàng ngày thấp hơn mức quy định nhiều lần.

Như vậy, ta có thể yên tâm về thực phẩm thường dùng hiện nay ở miền Nam Việt Nam.

IV. DIOXIN TRONG THÚ HOANG DÃ

Cùng năm 1986 - 1987, có 2 mẫu thú hoang dã (một con rùa và một con rắn) bắt ở rừng Chiến khu Đ trước đây (xã Tân Thành, huyện Tân Uyên, tỉnh Sông Bé) được xét nghiệm. Kết quả cho thấy (bảng 32).

Bảng 32

**KẾT QUẢ PHÂN TÍCH DIOXIN TRONG RỪA VÀ RẮN Ở CHIẾN KHU Đ
(xã Tân Thành, huyện Tân Uyên, tỉnh Sông Bé, 1989) (mẫu ướt - ppt)**

	Mẫu rắn		Mẫu rùa		
		Buồng trứng	Gan	Cơ	Túi mật
TCDD	11,58	60,2	19,0	1,3	2,2
PCDD/F	13,71	68,7	20,2	2,1	4,8
TEQ					

Như vậy, trong 2 con thú hoang dã loài ăn thịt (carnivore) sống lâu trên vùng đất bị rải nặng, còn tập trung một lượng dioxin khá cao, đặc biệt trong buồng trứng và trong gan rùa.

Tuy nhiên, đây là định lượng trong con vật thuộc loài "ăn thịt" (carnivore) có đời sống tương đối lâu, có thể từ thời gian chiến tranh ở một vùng bị rải nặng (Chiến khu C) bò trên đất nhiễm dioxin, và ăn những sâu bọ, giun...

Tóm lại, thực phẩm miền Nam Việt Nam bị nhiễm dioxin nặng trong những năm đầu thập kỷ 70 - tức là trong và ngay sau khi chiến tranh hóa học kết thúc - nay đã trở lại bình thường, như đã chứng tỏ qua các phân tích dioxin ở nhiều mẫu thực phẩm khác nhau. So với hàm lượng dioxin trong thực phẩm các nước khác trên thế giới cũng như so với quy định của Tổ chức Y tế thế giới thì có thể kết luận rằng thực phẩm của Việt Nam ngày nay là an toàn.

V. DIOXIN TRONG CƠ THỂ NGƯỜI

Để tìm bằng chứng về tác hại lâu dài của chất Da cam với sức khỏe con người thì việc định lượng dioxin trong cơ thể người tiếp tục với hóa chất độc là rất quan trọng.

Tuy nhiên, ngoài một số mẫu được các nhà khoa học Mỹ phân tích vào những năm 1970 - 1973 (sẽ nói ở phần dưới) thì trong một thời gian dài chúng ta không có điều kiện làm được những phân tích này vì đây là những phân tích rất tinh vi, đòi hỏi kỹ thuật và trang thiết bị hiện đại mà chúng ta không có. Ngay các nước xã hội chủ nghĩa, chỗ dựa về khoa học của chúng ta thì tới năm 1990, cũng chưa có nơi nào làm được những phân tích này. Còn các nước phương Tây thì phần vì chính sách cấm vận của Mỹ, phần vì kinh phí phân tích rất đắt nên không làm được.

Chỉ từ năm 1984 trở đi, với sự giúp đỡ của giáo sư A. Schecter (trường Đại học New York), tiếp sau đó từ năm 1989 - 1990, được mở rộng thêm với các nước khác: Viện nghiên cứu Y học Pháp (INSERM GS. Sylvaine Cordier L. Abenhaim - Marie France Gonor), Tổ chức giao lưu Y tế Nhật -

Việt (GS. Matsuda trường Đại học Osaka), Tổ chức Hatfield Canada..., chúng ta mới có điều kiện phân tích một cách tương đối hệ thống tình hình nhiễm dioxin trong các quần thể dân cư bị tác động của cuộc chiến tranh hóa học gồm hai nhóm đối tượng chính:

- Cư dân sinh sống trong các vùng bị rải chất độc hóa học ở miền Nam. Trong thời gian chiến tranh, họ có thể bị rải trực tiếp và tiếp tục sinh sống trong vùng bị rải cho tới nay.

Trong các cư dân miền Nam chúng tôi chú ý tìm hàm lượng dioxin trong cơ thể theo lứa tuổi: Phân biệt những người lớn tuổi, đã sống trong thời gian xảy ra cuộc chiến tranh hóa học (có thể bị rải trực tiếp hoặc ăn thực phẩm trong giai đoạn còn nhiễm độc nặng), và người trẻ ra đời sau khi cuộc chiến tranh hóa học kết thúc, có thể còn bị những tác động chậm do môi trường ô nhiễm mà không còn bị tác động trực tiếp của các vụ rải.

- Các cán bộ, chiến sĩ, thanh niên xung phong, quê ở miền Bắc vào phục vụ chiến trường miền Nam trong thời gian chiến tranh, nhưng sau chiến tranh ra khỏi vùng bị rải, trở về sinh sống với gia đình ở miền Bắc, là vùng không bị rải.

Việc phân tích dioxin được tiến hành trên các mẫu tổ chức khác nhau: mô mỡ, sữa, máu...

Trong những năm 1984 - 1986, chúng tôi chủ yếu sử dụng mô mỡ. Mỗi mẫu cần tới từ 10 - 20g mô nên phải lấy ở các bệnh viện, lấy một cách ngẫu nhiên trong các cuộc phẫu thuật hoặc khi giải phẫu thi thể. Có một số trường hợp lấy mẫu bằng cách hút bằng máy, hút mỡ dưới da bụng.

Cách làm này cũng tương tự như một phẫu thuật nhỏ, cần có sự chấp nhận và hợp tác của bệnh nhân và khá phiền hà nên không được phổ biến.

Các mẫu sữa, mỗi mẫu cần 100ml, cũng được lấy ở các bệnh viện hoặc đến tận nhà để xin.

Những năm 1987 - 1988 trở đi, nhờ có khả năng tiến hành được các xét nghiệm dioxin trong máu, nên việc lấy máu tương đối dễ dàng hơn.

Các mẫu xét nghiệm được làm riêng rẽ từng cá nhân trong thời gian đầu, nhưng vì giá xét nghiệm quá đắt nên một số mẫu sau chúng tôi dùng các mẫu trộn một tập thể có những điều kiện kinh tế xã hội tương tự như nhau: tập thể cựu chiến binh cùng một chiến trường hoặc dân cư cùng một lứa tuổi, sinh sống cùng một địa phương. Trộn mô mỡ (của từ 5 - 10 người) hoặc máu (từ 30 - 100 người). Như vậy giảm được lượng máu cần lấy, cũng tiết kiệm được chi phí xét nghiệm. Cách làm này dùng để đo lường độ nhiễm dioxin trong một quần thể cư dân sinh sống cùng một địa phương, cùng một lứa tuổi, cựu chiến binh cùng một chiến trường hoặc bệnh nhân cùng một trạng thái bệnh lý...

Để làm sáng tỏ một số vấn đề về nơi tập trung và sự di chuyển dioxin trong cơ thể, trong một số trường hợp, chúng tôi còn xét nghiệm tìm dioxin trong một số tổ chức riêng biệt (trong nhau thai, trong tổ chức quái thai chết sau khi sinh, trong tinh dịch để tìm bằng chứng cho việc sinh con dị tật thông qua người bố bị nhiễm độc...).

Trong mỗi đợt nghiên cứu, để có tài liệu so sánh, chúng tôi luôn lấy mẫu ở cả hai đối tượng: đối tượng nghi có tiếp xúc với chất độc hóa học với đối tượng không tiếp xúc. Cụ thể lấy mẫu ở các bệnh viện Hà Nội, ở người luôn sinh sống ở miền Bắc (không tiếp xúc với chất độc hóa học) và các bệnh viện các tỉnh miền Nam (thành phố Hồ Chí Minh, Sông Bé, Tây Ninh...), ở người luôn sinh sống ở miền Nam (có tiếp xúc với chất độc hóa học).

Để đảm bảo tính khách quan trong khi phân tích, khi gửi tới các labô, các mẫu đều được giữ "mù". Mỗi bệnh viện và mỗi địa phương có mã số riêng khác nhau, do chúng tôi trực tiếp đặt ra và quản lý, chỉ sau khi có kết quả phân tích mới ráp tên, địa chỉ vào mẫu.

Trong một số mẫu đầu, để kiểm tra độ tin cậy của các xét nghiệm chúng tôi còn cắt đôi một số mẫu, gửi xét nghiệm ở hai labô khác nhau dưới hai mã số khác nhau. Sau này thấy các kết quả tương đối chính xác, có thể tin cậy được và để tiết kiệm chi phí xét nghiệm, chúng tôi đã thôi không kiểm tra như vậy nữa.

Các mẫu được lấy trong điều kiện vô trùng và trung tính, có nghĩa là không dính bất cứ một hóa chất nào khác: Mẫu mỡ được gói vào giấy thiếc hoặc đựng trong lọ. Mẫu máu hoặc sữa đựng trong lọ chất dẻo trung tính, không dính một tí hóa chất nào...

Sau khi lấy các mẫu đều được đưa ngay vào tủ lạnh âm 20°C, bảo quản lạnh liên tục trong khi vận chuyển tới labô xét nghiệm.

1. Hàm lượng dioxin trong mô mỡ.

Kết quả phân tích dioxin của 149 mẫu mỡ miền Bắc và miền Nam như sau (4) (bảng 33).

Bảng 33

HÀM LƯỢNG DIOXIN TRONG MÔ MỠ
So sánh giữa miền Bắc và miền Nam Việt Nam

Địa phương	Số lần xét nghiệm	Số bệnh nhân	Kết quả xét nghiệm			Tỷ lệ % Số (+)/Tổng
			ND*	(+)	Bình quân (+)	
Hà Nội†	15	15	14	1	4,8	7%
	1**	10		1	1,4	

* ND: Không phát hiện được dioxin.

** Mẫu trộn 10 người/mẫu.

Địa phương	Số lần xét nghiệm	Số bệnh nhân	Kết quả xét nghiệm			Tỷ lệ % Số (+)/ Tổng
			ND*	(+)	Bình quân (+)	
	1**	10	1			
Cộng	17	35	15	2	1,7	
Nam Việt Nam	114	114	19	95	17,5*	83,3%

Kết quả xét nghiệm dioxin trong 149 mẫu mỡ miền Bắc và miền Nam Việt Nam cho thấy:

Ở miền Bắc thử 17 xét nghiệm¹ có 2 xét nghiệm phát hiện có dioxin (dương tính) (tỷ lệ 12%). Tính bình quân nồng độ dioxin ở miền Bắc là 1,7ppt.

Ở miền Nam thử 114 xét nghiệm, phát hiện có 94 mẫu dương tính (83,3%).

Nếu tính lượng dioxin bình quân trong số dương tính thì:

Ở miền Bắc: 1,7ppt

so với miền Nam: 17ppt

Ở đây ta có thể thấy sự khác biệt tình hình nhiễm dioxin ở các vùng bị rải miền Nam Việt Nam so với vùng không bị rải miền Bắc.

Nếu so với mức dioxin ở các nước công nghiệp phát triển như: Canada, Mỹ, Nhật, thì nồng độ dioxin trong cơ thể cư dân miền Nam cũng cao hơn.

Điều đáng chú ý trong nghiên cứu này là:

Ở miền Nam không chỉ người sinh sống trong vùng bị phun rải mà nhiều người sinh sống suốt trong thời gian chiến tranh trong thành phố Hồ Chí Minh không bị phun rải cũng có nồng độ dioxin cao. Điều này chứng minh thêm nhận xét đã trình bày ở phần trên rằng dioxin đã vào cơ thể qua đường thực phẩm mang từ các vùng bị phun rải vào thành phố.

Nồng độ dioxin tăng theo tuổi, người trên 40 tuổi có nồng độ dioxin cao hơn người trẻ. Nam và nữ nếu cùng tuổi cùng địa phương, có nồng độ dioxin tương tự nhau. Nồng độ dioxin thay đổi theo từng tỉnh, người dân ở tỉnh bị phun rải nhiều có nồng độ dioxin cao hơn tỉnh phun rải ít.

2. Hàm lượng dioxin trong sữa phụ nữ.

Lần đầu, sữa của phụ nữ Việt Nam được xét nghiệm tìm dioxin năm 1970 bởi Baughmann và Messelson (5). Đây là những mẫu sữa lấy ở Cần Giờ, huyện Duyên Hải, thành phố Hồ Chí Minh và huyện Tân Uyên, tỉnh Sông Bé. Sau đó năm 1973, cũng các tác giả nói trên đã trở lại các vùng này để lấy sữa xét nghiệm trở lại. Kết quả xét nghiệm được trình bày trên bảng 34.

* ND: Không phát hiện được dioxin.

** Mẫu trộn 10 người/mẫu.

1. Trong 17 mẫu của miền Bắc, có 2 mẫu trộn 10 người/mẫu, tổng cộng 35 bệnh nhân, trong 2 mẫu dương tính có 1 mẫu riêng rẽ và 1 mẫu trộn của 10 bệnh nhân. Như vậy nếu tính xét nghiệm thì có 2 xét nghiệm (+)/17 xét nghiệm, nhưng nếu tính theo số bệnh nhân thì là 11 (+)/35 bệnh nhân.

Bảng 34**KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM DIOXIN TRONG SỮA PHỤ NỮ
CẦN GIỜ VÀ TÂN UYÊN***(1970 và 1973 - Baughmann và Messelson) (ppt-lipit)*

Đồng phân	Năm 1970		Năm 1973	
	Trung bình	Giới hạn	Trung bình	Giới hạn
2, 3, 7, 8-TCDD	484,9ppt	ND-1.450	131ppt	ND-232
PCDD/F-TEQ	484,9ppt	ND-1.450	161,8ppt	ND-270,6

Qua các số liệu trên bảng, có thể thấy trong sữa phụ nữ Việt Nam, năm 1970 vào thời kỳ cuối của cuộc chiến tranh hóa học, chứa một nồng độ dioxin rất cao, bình quân 484pg/g sữa, tối đa là 1.450pg/g (ppt) trong lipit, đây là nồng độ cao nhất chưa từng đo được trong sữa trên thế giới. Tới các mẫu đó 3 năm sau, vào năm 1973 ở cùng địa phương nồng độ dioxin đã giảm nhiều: bình quân 131ppt (tổng lượng TEQ là 161,8) với các giới hạn từ ND (không phát hiện được) tới 270ppt.

Như vậy, vào các thời điểm nói trên, nồng độ dioxin trong sữa rất cao. Con bú sữa mẹ hấp thụ vào cơ thể một lượng dioxin vượt quá chỉ tiêu cho phép của Tổ chức Y tế thế giới nhiều lần. Rất tiếc tới nay không tìm lại được ai là người cho mẫu sữa đó và số phận các cháu ra sao.

Tuy nhiên cũng có thể thấy qua bảng trên là ngay trong thời gian đó, cùng một địa phương, nhưng có người mẹ có nồng độ dioxin rất cao, nhưng cũng lại có người khác không có dioxin trong sữa. Đây chính là điều bí ẩn của dioxin: Trong cùng một môi trường nhưng độ nhiễm dioxin khác nhau rất nhiều giữa các cá thể. Chưa có giải thích nguyên nhân tại sao.

Cũng giống như các phân tích khác, phải hơn 10 năm sau (từ năm 1985) chúng ta mới có điều kiện trở lại vấn đề này và đã phân tích thêm được một cách tương đối có hệ thống sữa phụ nữ sinh sống ở một số địa phương miền Nam, miền Bắc và có dịp so sánh với nồng độ dioxin đã được các năm 1970 và 1973 (bảng 35, 36).

Bảng 35**DIOXIN VÀ ĐỘ CHẤT TƯƠNG ĐƯƠNG (TEQ) TRONG SỮA MẸ***So sánh giữa miền Bắc (Hà Nội) và miền Nam
(thành phố Hồ Chí Minh, Sông Bé) (1986-1989)*

Đồng phân	Hà Nội (trộn n = 28)	Thành phố Hồ Chí Minh (trộn n = 38)	Sông Bé (9 trộn n = 12)
Dioxin	2,2	7,1	17,0
TEQ	8,8	18,5	31,7

Bảng 36**HÀM LƯỢNG DIOXIN VÀ TEQ TRONG SỮA PHỤ NỮ Ở CÁC TỈNH MIỀN NAM
(1986 - 1989) (ppt - trong mẫu ướ)**

Đồng phân	Thành phố Hồ Chí Minh n=15 - n=18	Sông Bé n = 12	Tân Uyên n = 2	Cần Giờ n = 3	Long Xuyên n = 2
Dioxin	9,9 - 5,0	17,0	2,9 - 5,2 - 11	9,0	2,0
TEQ	22,1	31	24,9 - 9,0 - 19,0	13,2	6,8

Ghi chú: Các mẫu năm 1970 - 1973 là các mẫu riêng rẽ, mẫu lấy năm 1984 - 1988 là mẫu trộn lấy ở các xã Tân Uyên, Cần Giờ, Quảng Xuyên, Dầu Tiếng và Phú Cường.

Những bảng trên cho thấy:

- Với thời gian, lượng dioxin trong sữa phụ nữ sinh sống trong vùng bị rải giảm dần từ bình quân 484ppt năm 1970 xuống 131ppt năm 1973, nay còn ở quãng 15 - 20ppt.

Tuy nhiên, nếu so sánh với lượng dioxin trung bình đo được ở miền Bắc thì ở miền Nam vẫn cao hơn từ 3 đến 6 lần.

Ở miền Nam, kết quả phân tích thay đổi tùy từng địa phương, thấp nhất là Long Xuyên, cũng là nơi có hàm lượng dioxin thấp nhất trong mẫu máu (X. 3.1.7). Đây cũng là vùng ít bị rải nhất.

Bảng 37**DIOXIN TRONG SỮA PHỤ NỮ CÁC NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI
TỔ CHỨC Y TẾ THẾ GIỚI (2-1988) (ppt/mẫu ướ)**

Tên nước	Dioxin	TEQ	Tên nước	Dioxin	TEQ
Việt Nam			Hoa Kỳ	3,5 - 3,1	13,2 - 13,6
- Hà Nội	2,2	7,3			
- Tp. Hồ Chí Minh	9,9	11,9	Canada	2,2 - 2,8	13,2 - 20,1
- Sông Bé	17				
- Tân Uyên	2,9 - 11		Anh	1,4	4,8
- Cần Giờ	9,0				
- Ấn Độ	1	5,1	Tây Đức	2,7 - 4,5	29 - 33,1
Nhật Bản	1,8 - 2,4	18,7 - 25,3	Nam Tư	1,6 - 1,9	10,4 - 9,9
Thái Lan	< 1	3,9	Áo	2,7 - 2,9	15,9 - 14,3

Năm 1988, Tổ chức Y tế thế giới (Văn phòng châu Âu) tổ chức một nghiên cứu hàm lượng dioxin trong sữa phụ nữ của khoảng trên 40 nước trên thế giới. Kết quả nghiên cứu được rút gọn lại như bảng 37.

Qua bảng trên có thể thấy, ngay cả những năm gần đây hàm lượng dioxin trong sữa phụ nữ Việt Nam vẫn còn cao hơn nhiều nước, kể cả các nước công nghiệp trên thế giới.

Đây là một bi kịch, vì trong khi gánh nặng dioxin ở người mẹ được giảm nhẹ, thì lại chuyển sang con. Và số phận các cháu bú sữa mẹ có nồng độ dioxin ra sao? Đây vẫn là vấn đề đang chờ được nghiên cứu.

3. Dioxin trong bào thai.

Để tìm hiểu quá trình di chuyển dioxin từ mẹ sang con, chúng tôi có dịp phân tích dioxin trong 3 mẫu gan quái thai, chết trước khi sinh ở Bệnh viện Từ Dũ thành phố Hồ Chí Minh và ở Bệnh viện Sông Bé.

Kết quả phân tích cho thấy trong cả 3 trường hợp đều thấy có một nồng độ dioxin nhất định từ 1,3 tới 3,5ppt trong lipit. Điều này chứng tỏ, nếu trong cơ thể của mẹ có chứa dioxin thì khi mang thai dioxin có thể qua màng rau để vào cơ thể thai nhi. Thai nhi bị nhiễm độc ngay từ trong bụng mẹ.

4. Dioxin trong cơ thể cựu chiến binh miền Bắc.

Trong thời gian chiến tranh, nhiều thanh niên miền Bắc được huy động đi phục vụ chiến trường miền Nam, dưới nhiều hình thức: bộ đội, thanh niên xung phong, cán bộ nhân viên dân chính. Nhiều người phục vụ ở vùng bị rải chất độc hóa học trong nhiều năm. Sau chiến tranh, họ trở về sinh sống với gia đình ở miền Bắc. Đây là một nhóm đặc biệt, vì khác với cư dân ở miền Nam họ không tiếp tục sinh sống trong môi trường bị nhiễm độc sau khi rời khỏi chiến trường.

Kết quả trên cho thấy trong mẫu mỡ trộn của 10 cựu chiến binh đi B có nồng độ dioxin 8,1ppt, so với nồng độ của người luôn sinh sống ở miền Bắc là 1,4ppt.

Năm 1991 - 1992, chúng tôi có dịp trở lại vấn đề này trong một nghiên cứu khác, phân tích dioxin trong một mẫu máu trộn của 33 cựu chiến binh ở Quân y chiến trường Tây Nguyên cũng thấy nồng độ dioxin bình quân 6,1ppt so với dân bình thường của 3 tỉnh Hà Nội, Thanh Hóa, Quảng Bình là 2,4ppt.

5. Hiện trạng phân bố dioxin ở các địa phương.

Vì trong thời gian chiến tranh, việc rải chất độc hóa học không đồng đều trên toàn miền Nam, có vùng bị rải nặng, có vùng bị rải nhẹ.

Để tìm hiểu khả năng di chuyển của dioxin trong thiên nhiên và để làm cơ sở cho các điều tra dịch tễ học sau này, từ năm 1990 - 1993, chúng tôi đã hợp tác với GS. A. Schecter (trường Đại học New York - Hoa Kỳ) tiến hành nghiên cứu tình hình nhiễm dioxin ở các địa phương khác nhau miền Nam Việt Nam so với miền Bắc.

Để làm được việc này, chúng tôi đã đo lượng dioxin trong máu của nhiều người cùng lứa tuổi sinh sống lâu ở cùng một địa phương. Để tiết kiệm và để tăng tính đại diện của các mẫu máu, mỗi mẫu máu được trộn từ 30 - 100 người (mỗi người cho 1 - 3ml máu). Vì những nghiên cứu trước cho biết người có nồng độ dioxin cao thường là người trên 40 tuổi, nên trong thời gian đầu (năm 1990 - 1992), máu được lấy ở người trên 40 tuổi. Về sau (năm 1993), lấy ở người trẻ hơn, nhưng phải cư trú ở địa phương ít nhất là 5 năm.

Tất cả có 68 mẫu máu được lấy từ tất cả các tỉnh và một số huyện miền Nam, trong đó có 4 mẫu máu miền Bắc từ 3 địa phương Hà Nội, Thanh Hóa và Quảng Bình và 1 mẫu máu cựu chiến binh miền Bắc.

Tới tháng 1 năm 1995 mới có kết quả xét nghiệm của 43 mẫu (2.722 người cho máu).

Kết quả nghiên cứu cho thấy (5) (kết quả phân tích dioxin ở các địa phương):

- Đa số các mẫu (36/39 mẫu) ở miền Nam có nồng độ dioxin cao hơn hẳn các mẫu miền Bắc.

- Ở nhiều mẫu, nồng độ dioxin cao hay thấp có tương quan với lượng chất độc hóa học rải quanh vùng từ 10 - 30km.

- 5 địa phương miền Nam có nồng độ dioxin cao nhất (từ 15 - 33ppt) thì 3 là các sân bay Đà Nẵng, Biên Hòa, Trà Nóc; 2 là vùng bị rải nặng Tân Uyên (Sông Bé) và A Lưới (Thừa Thiên - Huế).

- Các địa phương có nồng độ dioxin thấp cũng là vùng bị rải nhẹ là các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long (Châu Đốc, Long Xuyên, thành phố Cần Thơ, Rạch Giá) và cực Nam Trung Bộ (Nha Trang, Phan Rang).

- Thời gian cư trú của người dân ở một địa phương hình như có ý nghĩa. Dù là một vùng bị rải nặng như Đồng Xoài (Sông Bé), Hòa Thành (Tây Ninh) nhưng người cho máu mới đến ở địa phương khoảng 10 năm gần đây (khoảng từ năm 1981) cũng có nghĩa là 10 năm sau cuộc chiến tranh hóa học, thì cũng có nồng độ dioxin thấp.

- Đáng chú ý là Tây Ninh. Tây Ninh là một tỉnh bị rải rất nặng, nhưng cả 5 mẫu máu trộn của 400 người dân sinh sống lâu ở Tây Ninh (trừ 1 mẫu ở

Hòa Thành) đều có nồng độ dioxin thấp (từ 1 đến 7ppt). Đây là điều đáng mừng cho nhân dân Tây Ninh, nhưng giải thích tại sao? Phải chăng do cấu trúc địa chất tại địa phương, đa phần là đất phù sa cổ, nên dioxin dễ thấm sâu và ít gây tác hại cho dân cư? Đây chỉ là một giả định cần nghiên cứu sâu hơn.

Bảng 38

**HÀM LƯỢNG DIOXIN TRONG MẪU MÁU TRỘN
CỦA CƯ DÂN SINH SỐNG TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG VIỆT NAM
(1991 - 1992) (ppt - trong lipit)**

Địa phương	Ngày lấy mẫu	Số người	Tuổi trung bình	Dioxin	TEQ	Giới hạn
Miền Bắc (n = 168)						
Hà Nội	3-91	33	45	1,2	12,0	Dioxin 1,2 - 2,9 (6,1)b
Cụm chiến binh	11-91	35	48	6,1	40,4	TEQ 12 - 18 (40,3)b
Tây Nguyên*						
Quảng Bình*	1-91	50	47	2,9	17,2	
Đồng Hới						
Thanh Hóa	11-91	50	55	2,9	18,0	
Miền Trung (n = 490)						
Thừa Thiên - Huế	1-91	30	57	11,0	57,0	Dioxin 2,9 - 19,0
Quảng Trị - Quảng Trị	1-91	50	51	9,5	34,0	TEQ 23 - 118,2
Đà Nẵng - Đà Nẵng	2-91	49	59	18,0	77,0	
Thừa Thiên - A Lưới	1-91	35	52	15,0	23,0	
Khánh Hòa - Nha Trang	1-92	50	49	4,1	29,5	
Phú Yên - Phú Yên	1-92	43	51	6,2	26,4	
Ninh Thuận - Phan Rang	1-92	33	56	2,9	31,7	
Đà Nẵng - Đà Nẵng (18 - 40y)	8-92	100	30	14,0	96,3	
Đà Nẵng - Đà Nẵng (> 40y)	8-92	100	56	19,0	118,2	
Miền Nam (n = 2.062)						
Đồng Nai - Trại An (Rừng Mã Đà)	3-91	50	47	12,0	19,0	Dioxin 1,0 - 33,0

Địa phương	Ngày lấy mẫu	Số người	Tuổi trung bình	Dioxin	TEQ	Giới hạn
Cửu Long - Vĩnh Long	8-91	51	59	4,3	16,9	TEQ 8,7 - 104,6
Đồng Nai - Biên Hòa	3-91	50	51	28,0	47,0	
Bến Tre - Giồng Trôm	8-91	34	55	10,2	27,5	
Kiên Giang - Gò Quao	8-91	37	5	10,9	27,5	
Kiên Giang - Rạch Giá	8-91	48	58	4,9	17,3	
Minh Hải - Cà Mau	8-91	52	59	7,2	19,9	
Sông Bé - Sông Bé	3091	47	47	9,0	48,0	
Sông Bé - Tân Uyên	3-91	48	54	32,0	55,0	
Tây Ninh - Tân Biên	2-91	50	60	5,3	25,0	
Tây Ninh - Tây Ninh	3-91	50	53	6,8	16,0	
Cửu Long - Trà Vinh	8-91	48	57	7,2	27,7	
Hậu Giang - Cần Thơ	8-91	52	61	4,8	16,4	
An Giang - Long Xuyên	8-91	49	62	2,2	10,5	
An Giang - Châu Đốc	8-91	46	56	3,5	16,8	
Tp. Hồ Chí Minh - Bệnh viện Chợ Rẫy	2-9	48	54	10,8	30,0	
Minh Hải - Bạc Liêu	8-91	50	60	10,3	34,8	
Gia Lai - Plây Cu	1-91	50	57	4,2	34,2	
Tây Ninh - Châu Thành	8-92	100	54	4,6	19,4	
Trà Nóc - Cần Thơ	8-92	102	51	33,0	104,6	
Sông Bé - Tân Uyên (18 - 40y)	8-92	100	32	9,4	25,4	
Sông Bé - Tân Uyên (> 40y)	8-92	100	51	5,7	18,9	
Sông Bé - Bến Cát	8-92	100	53	12,0	49,8	
Đồng Nai (18 - 40y)	8-92	100	31	14,0	61,0	
Đồng Nai (> 40y)	8-92	100	53	19,0	53,7	
Tây Ninh - Hòa Thành	8-92	100	50	1,0	38,8	
Sông Bé - Đồng Xoài	8-92	100	50	3,1	8,7	
Tây Ninh - Dương Minh Châu	5-92	100	50	7,0	35,3	

Địa phương	Ngày lấy mẫu	Số người	Tuổi trung bình	Dioxin	TEQ	Giới hạn
Đồng Nai - Biên Hòa (18 - 40y)	5-92	100	47	7,0	22,8	
Đồng Nai - Biên Hòa (> 40y)	5-92	100	?	12,0	49,0	

Ghi chú: Dioxin 2,3,7,8-TCDD; TEQ = Tổng các chất có độc tính tương đương dioxin trong PCDD và PCDF.

- Cựu chiến binh Tây Nguyên là các cựu chiến binh quê miền Bắc chiến đấu ở chiến trường Tây Nguyên.

Kết luận: Các phân tích dioxin trong tổ chức cơ thể người (mô mỡ, sữa mẹ, máu) đều thống nhất cho thấy người tiếp xúc với chất độc hóa học trong thời gian chiến tranh, các cựu chiến binh miền Bắc phục vụ chiến trường miền Nam trong thời gian chiến tranh, cũng như nhân dân sinh sống trên các địa phương khác nhau ở miền Nam Việt Nam, đều có một nồng độ dioxin cao rõ rệt so với người không bị tiếp xúc như cư dân ở các tỉnh miền Bắc không bị tác hại của cuộc chiến tranh hóa học.

So với nồng độ dioxin do các nhà khoa học Mỹ đo được trong sữa mẹ thời gian chiến tranh (năm 1970 và 1973) thì nồng độ dioxin trong cơ thể hiện nay đã giảm đi nhiều. Tuy nhiên vẫn cao hơn một cách có ý nghĩa thống kê so với cư dân sinh sống trong vùng không bị rải miền Bắc và cả so với cư dân các nước công nghiệp phát triển.

Trong các địa phương miền Nam thì thấy có mối liên quan giữa nồng độ dioxin trong cơ thể với lượng hóa chất độc rải trong thời gian chiến tranh: Vùng bị rải nặng như A Lưới, vùng Chiến khu Đ (Tân Uyên - Sông Bé) có nồng độ dioxin cao hơn các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long (Cần Thơ, An Giang, Châu Đốc...). Nồng độ dioxin cao cũng tìm thấy ở cư dân sinh sống gần các sân bay, các kho hóa chất cũ (Đà Nẵng, Biên Hòa, Trà Nóc...)

Cấu trúc địa chất của một vài vùng có thể giúp giảm nhẹ sự nhiễm dioxin vào cơ thể. Nhưng đây là vấn đề cần nghiên cứu sâu hơn.

Chương 6

HẬU QUẢ CHIẾN TRANH HÓA HỌC CHẤT DA CAM VỚI SỨC KHỎE CON NGƯỜI

I. CHẤT DA CAM VÀ CỤU CHIẾN BINH MỸ

Sau thất bại của cuộc chiến tranh Việt Nam, trở về Mỹ, hậu quả chất Da cam là một quan tâm của nhiều nhà khoa học và của nhiều tổ chức cựu chiến binh Hoa Kỳ.

Vì những lý do dễ hiểu, chính phủ kế tiếp nhau ở Hoa Kỳ và các cơ quan khoa học do Chính phủ Mỹ tài trợ, trong nhiều năm, đã ra sức phủ nhận mọi hậu quả của cuộc chiến tranh hóa học với sức khỏe con người. Ngay cả một cơ quan khoa học có uy tín là Viện Hàn lâm khoa học Mỹ, năm 1975, cũng đã công bố một tài liệu đầy phủ nhận mọi tác hại lâu dài của các hóa chất độc dùng ở Việt Nam. Tài liệu cho rằng với thiên nhiên, các chất diệt cỏ chỉ có tác hại nhất thời: cây rụng lá, và sau một mùa mưa sẽ phục hồi trở lại. Với con người các chất diệt cỏ đều vô hại không gây ra bệnh lý nguy hiểm gì.

Dưới sức ép của các tổ chức cựu chiến binh, Chính phủ Mỹ đã phải chi những món tiền lớn (ước tính khoảng 500 triệu đôla) tài trợ cho một số đề tài nghiên cứu, nhưng trong nhiều năm, hầu như dậm chân tại chỗ. Tin cho biết: đích thân Tổng thống Mỹ Ronald Reagan có chỉ thị bằng văn bản yêu cầu các nhà khoa học không được liên kết các tác hại của chất Da cam với sức khỏe cựu chiến binh. Cũng đã có bằng chứng về sự gian lận trong công tác nghiên cứu, trù úm thậm chí sát hại các nhà khoa học chân chính.

Tuy nhiên, nhiều cựu chiến binh Mỹ vẫn tiếp tục đấu tranh. Từ năm 1979, nhiều người cùng với gia đình họ, đưa đơn kiện đòi bồi thường về những bệnh tật nghi là do chất Da cam.

Theo luật của Hoa Kỳ, các cựu chiến binh không được phép kiện chính phủ Hoa Kỳ về các việc xảy ra trong chiến tranh. Sau nhiều thủ tục tố tụng phức tạp, cuối cùng các đơn kiện tập trung vào các công ty hóa chất đã cung cấp cho quân đội Mỹ các hóa chất độc dùng trong chiến tranh Việt Nam. Các công ty bị kiện là: Công ty Dow, Monsanto, Hercules, T. H. Agriculture and Nutrition (Công ty Hóa chất T. H. Nông nghiệp và Dinh dưỡng), Diamond Shamrock, Thompson Chemicals và Uniroyal (41).

Ngày 7 tháng 5 năm 1984, là ngày khai mạc vụ án tại Tòa án liên bang quận Brooklyn, New York, thì một thẩm phán của tòa án công bố phiên tòa hoãn xử do có một thỏa thuận "ngoài án lệnh" giữa các công ty hóa chất, chấp nhận việc đóng góp một ngân khoản là 180 triệu USD, để gửi vào ngân hàng, thành một quỹ để bồi thường cho các cựu chiến binh được thừa nhận là bị tác hại của chất Da cam. Một cơ quan quản trị được Tòa bổ nhiệm để quản lý và sử dụng số tiền nói trên.

Để được bồi thường, người cựu chiến binh phải chứng minh được là bị tác hại của chất Da cam, phải hoàn toàn mất sức lao động mà không phải do bom đạn.

Từ 1984 tới 1988, cùng với lãi suất ngân khoản này tăng lên thành 240 triệu USD.

Cho tới nay, trong số 68.000 đơn khiếu nại, có khoảng 40.000 đơn đã nhận được trợ cấp. Mức trợ cấp thay đổi tùy theo thời gian người cựu chiến binh bị tổn thương hoặc chết. Mức trợ cấp ít nhất là 256 USD và cao nhất không quá 12.800 USD cho một người hoặc một gia đình (56).

Theo kế hoạch, chương trình bồi thường của các công ty hóa chất chỉ kéo dài trong 10 năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 1994.

Trong những năm cuối thập kỷ 80, việc nghiên cứu hậu quả chất Da cam được đẩy mạnh sau khi có thêm sự tham gia của nguyên đô đốc hải quân Hoa Kỳ trong chiến tranh Việt Nam (E. Zumwalt). Ông ta nhận nhiệm vụ chỉ huy lực lượng hải quân của Mỹ ở chiến trường miền Nam Việt Nam từ 1968 - 1971. Chính ông ta là người quyết định cho sử dụng chất Da cam rải dọc các kênh rạch miền Nam bảo vệ các tàu tuần giăng của hải quân Mỹ, tránh các cuộc phục kích của quân du kích. Bị kịch trong gia đình Zumwalt là chính con trai ông ta, đại úy Elmo Zumwalt, cùng đúng thời gian này, trực tiếp chỉ huy một giang thuyền tuần tra trên những con sông mà hai bên bờ cây cối bị trụi lá do các vụ rải chất độc hóa học. Là một sĩ quan xông xáo, anh ta ngày ngày thực hiện các cuộc tuần tra trên các dòng sông vùng Quảng Nam - Đà Nẵng rồi Cà Mau. Các buổi chiều Elmo lại bơi lội trên sông, ăn uống ở các chợ ven sông.

Hết nhiệm kỳ ở Việt Nam đại úy Elmo trở về Mỹ lấy vợ sinh con. Nhưng khi đứa con bắt đầu lớn, hai vợ chồng mới phát hiện ra đứa trẻ phát triển không bình thường, bị thiếu năng trí tuệ bẩm sinh. Cũng đúng vào lúc đại úy Elmo mắc hai bệnh ung thư cùng một lúc và chết vào năm 1988.

Bên giường bệnh của Elmo, hai cha con Zumwalt đã nghĩ tới tác hại của chất Da cam.

Với kinh nghiệm của bản thân gia đình, từ năm 1986 - 1987, đô đốc Zumwalt đã lãnh đạo một nhóm khoa học, mở lại hồ sơ các công trình nghiên cứu khoa học trước đây, phát hiện ra những sai lầm trong các công trình này

và đã đấu tranh đòi Quốc hội Mỹ phải mở một cuộc điều trần công khai chung quanh hồ sơ chất Da cam. Trong cuộc điều trần tại Quốc hội Mỹ, Zumwalt cho biết, theo cuộc điều tra của ông có tới 28 loại bệnh có liên quan đến sự tiếp xúc với chất Da cam và dioxin.

Trước áp lực của dư luận, Quốc hội Mỹ đã phải thông qua đạo luật P.L. 102-4 ký ngày 6 tháng 2 năm 1991, giao cho Viện Hàn lâm khoa học Hoa Kỳ (NAS) nhiệm vụ phúc tra lại các công trình nghiên cứu cũ để tìm ra những loại bệnh lý có thể do chất Da cam gây nên.

Viện Quốc gia Y học Hoa Kỳ, được ủy quyền của Viện Hàn lâm khoa học, đã công bố danh sách đầu tiên các loại bệnh đã công bố vào năm 1994 cuốn tài liệu "Cựu chiến binh và chất Da cam, ảnh hưởng đối với sức khỏe của việc sử dụng chất diệt cỏ ở Việt Nam". Trong tài liệu này Viện Y học Mỹ đã lần đầu tiên thừa nhận một số loại bệnh do chất Da cam gây nên và khuyến nghị một số hướng nghiên cứu tiếp đồng thời hứa cứ hai năm một lần sẽ công bố những kết quả nghiên cứu tiếp sau.

Năm 1996, Viện Y học thuộc Viện Hàn lâm Y học Hoa Kỳ công bố danh sách bổ sung về những bệnh được thừa nhận là do chất Da cam gây ra.

Song song với công tác nghiên cứu khoa học, Chính phủ Hoa Kỳ, từ năm 1991, cũng đã bắt đầu công việc bồi thường cho các nạn nhân chất Da cam, thông qua một cơ quan của chính phủ liên bang là Cục Quản lý cựu chiến binh Hoa Kỳ (Department of Veterans Affairs).

Sổ trợ cấp hàng tháng thay đổi tùy theo mức độ tổn thương. Nếu được xác nhận là mất 10% sức lao động thì được trợ cấp 89 USD một tháng. Nếu mất 100% sức lao động thì tiền trợ cấp lên tới 1.823 USD (56).

Cục Quản lý cựu chiến binh còn có trách nhiệm bồi thường cho gia đình các người chết, trợ cấp tàn phế, trợ cấp khám chữa bệnh, phục hồi chức năng cho các nạn nhân chất Da cam.

Dưới đây là danh sách các loại bệnh (được bổ sung năm 1996) được Viện Y học và Cục Quản lý cựu chiến binh (VA) của Chính phủ Hoa Kỳ chính thức thừa nhận là do tiếp xúc với các chất diệt cỏ dùng trong chiến tranh Việt Nam gây nên.

Bảng 39

DANH SÁCH CÁC LOẠI BỆNH DO CHẤT DA CAM GÂY RA

(Bổ sung năm 1996)

(theo Veterans and Agent Orange-Update 1996)

Insittute of medicine-national academy press Washington Domestic-1997

1. Bệnh có đủ bằng chứng là do sự tiếp xúc với chất diệt cỏ.

- Ung thư tổ chức phần mềm.

- U lymphô ác tính (non-Hodgkin lymphoma)

- Bệnh Hodgkin

- Bệnh xạm da (cloracnea).

2. Bệnh có bằng chứng hạn chế là do tiếp xúc với chất diệt cỏ.

- Ung thư đường hô hấp, bao gồm:

+ Ung thư phổi

+ Ung thư phế quản

+ Ung thư khí quản

+ Ung thư thanh quản

- Ung thư tiền liệt tuyến

- Bệnh đau tủy (Multiple myeloma)

- Bệnh thần kinh ngoại vi cấp và bán cấp tính (loại bệnh mới bổ sung)

- Tật gai đôi (loại bệnh mới bổ sung)

- Bệnh nhiễm Porphyrin - da chậm (mới thay đổi năm 1996).

3. Bệnh không đủ bằng chứng là do tiếp xúc với chất diệt cỏ.

- Ung thư gan - mật

- Ung thư mũi - họng

- Ung thư xương

- Ung thư sinh dục phụ nữ (cổ tử cung, tử cung, buồng trứng)

- Ung thư vú

- Ung thư thận

- Ung thư tinh hoàn

- Ung thư máu

- Sảy thai tự nhiên

- Dị tật bẩm sinh (trừ gai đôi)

- Thai chết lưu, chết chu sinh, chết trẻ

- Sơ sinh nhẹ cân

- Ung thư ở trẻ em

- Tinh trùng bất thường, vô sinh nam giới

- Rối loạn tâm thần, thần kinh

- Rối loạn điều hành vận động

- Bệnh thần kinh ngoại vi mãn tính

- Rối loạn chuyển hóa và tiêu hóa (đái tháo đường, rối loạn men, lipid, loét tiêu hóa)

- Rối loạn miễn dịch (suy giảm miễn dịch, bệnh tự miễn)
- Rối loạn tuần hoàn
- Rối loạn hô hấp
- Ung thư da (thay đổi năm 1996).

4. Bệnh ít có khả năng liên quan đến chất diệt cỏ.

- U dạ dày - ruột (Ung thư dạ dày, tụy, đại trực tràng)
- Ung thư bàng quang
- U não.

II. CÁC NGHIÊN CỨU CỦA VIỆT NAM

1. Tác hại tức thời.

Cuộc chiến tranh hóa học xảy ra đồng thời với cuộc chiến tranh ác liệt bằng các loại vũ khí thông thường. Vùng bị rải lại thường là vùng căn cứ của Quân giải phóng, dân cư thưa thớt. Hoàn cảnh chiến tranh, nhiều vấn đề y tế cấp bách và nặng nề phải giải quyết hàng ngày, ngoài ra có thể các trạng thái nhiễm độc cấp tính do dioxin gây ra bị lẫn với các bệnh lý cấp tính khác. Vì vậy, cho tới nay có rất ít tư liệu về vấn đề này.

Triệu chứng xạm da (cloracnea) được coi như đặc trưng của sự nhiễm độc do dioxin, tuy có ảnh của một bệnh nhân, nhưng vì là một tổn thương nhẹ, không tồn tại lâu, lại trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt, có nhiều bệnh lý nặng phải giải quyết nên nói chung ít được chú ý.

Tuy nhiên, nếu nghiên cứu hồi cứu lại các tài liệu tổng kết của chiến trường Tây Nguyên về các loại bệnh lý của bộ đội trong những năm kháng chiến chống Mỹ, từ 1965 - 1975 có thể có một số nhận xét như sau:

Vùng bị rải chất độc hóa học tập trung vào khu vực hậu cứ của chiến trường B3, nơi có đường giao liên Bắc - Nam (đường mòn Hồ Chí Minh), nương rẫy của bộ đội, căn cứ hậu cần, bệnh viện, trường học, hậu cứ và nơi trú quân của bộ đội sau các chiến dịch.

Thời gian rải từ năm 1966 đến năm 1969 cũng là những năm cao điểm của cuộc chiến tranh ở Tây Nguyên.

Cùng ở chiến trường Tây Nguyên, nhưng nếu so sánh thời gian trước chiến tranh hóa học (năm 1964 - 1965) và sau khi cuộc chiến tranh hóa học kết thúc (năm 1971 - 1975) có thể thấy bệnh lý của bộ đội trong những năm cao điểm của cuộc chiến tranh hóa học (1966 - 1969) có những đặc điểm đáng chú ý:

- Tỷ lệ tăng cao các bệnh nội khoa, đặc biệt sốt rét và sốt rét ác tính. Ở các bệnh viện, bệnh nội khoa chiếm tới 80% tổng số điều trị. Tuy trong thời gian chiến tranh, nhưng số thương binh chỉ chiếm 20% tổng số thu dung.

- Số chết ở các bệnh viện cũng chủ yếu do bệnh nội khoa.

- Số sốt rét tăng cao, sốt rét ác tính, đái huyết cầu tố xuất hiện nhiều và gây tử vong cao vào giai đoạn này.

Nhiều loại bệnh khá đặc biệt chỉ xuất hiện trong thời gian 1966 - 1969, trước và sau đó không có, như:

- Nhiều trường hợp ỉa chảy, suy kiệt đến chết (năm 1966 - 1968) không rõ nguyên nhân...

- Nhiều trường hợp chết đột ngột do thiếu sinh tố B1 (1966).

- Nhiều trường hợp mù do thiếu sinh tố A (chiến dịch Sa Thầy 1966).

Dưới ánh sáng của các nghiên cứu gần đây về tác hại cấp tính của dioxin:

- Gây chết trong trạng thái suy kiệt.

- Gây suy giảm miễn dịch dẫn đến sự bột phát của các bệnh nhiễm khuẩn.

- Gây rối loạn chuyển hóa vitamin (đặc biệt vitamin A), chuyển hóa men, nội tiết...

- Có nghiên cứu của Mỹ, ở Minh Hải thừa nhận, muỗi phát triển mạnh sau những phi vụ rải chất diệt cỏ. Tác giả giải thích, do lá cây rụng trở thành những ổ đọng nước tạo điều kiện thuận lợi cho muỗi sinh sản...

Phải chăng các loại bệnh lý bột phát một cách kỳ lạ ở chiến trường những năm gian khổ đó, chỉ là kết quả của sự thiếu dinh dưỡng, lao động nặng nề ở vùng rừng núi có bệnh sốt rét lưu hành cao hay còn có thêm tác động của chất Da cam và dioxin?

Đây là vấn đề lịch sử, nhưng nếu có điều kiện, vẫn có thể nghiên cứu trở lại.

2. Tác hại lâu dài.

Những năm gần đây, nhiều công trình nghiên cứu khoa học đã được tiến hành để đánh giá tác hại lâu dài của cuộc chiến tranh hóa học đối với sức khỏe nhân dân ta tập trung vào hai đối tượng: Ở miền Bắc tập trung vào các cựu chiến binh phục vụ chiến trường miền Nam trong thời gian chiến tranh. Ở miền Nam, vào nhân dân các vùng bị rải. Việc nghiên cứu thường làm theo hai phương pháp: điều tra kiểu ca bệnh đối chứng ở các bệnh viện với những loại bệnh được lựa chọn trước, và điều tra trong quần thể cư dân ở các địa phương bị rải nặng so với những địa phương không bị rải hoặc điều tra tình hình bệnh tật trong cựu chiến binh phục vụ chiến trường miền Nam (vùng bị rải chất độc hóa học) so với cựu chiến binh cùng lứa tuổi, sống cùng

địa phương nhưng phục vụ ở các chiến trường không bị rải chất độc hóa học (phục vụ ở miền Bắc hoặc Thượng Lào).

Kết quả nghiên cứu đã được báo cáo tập trung trong 3 cuộc hội thảo năm 1983, 1986, 1993 và trong các báo cáo nghiệm thu chương trình cấp nhà nước 64-A năm 1990.

Tuy có nhiều cố gắng, nhưng vì đây là loại hình nghiên cứu còn rất mới mẻ với chúng ta, lại thiếu phương tiện trang bị, kỹ thuật, kinh phí rất hạn chế nên theo chúng tôi, đánh giá một cách khách quan, phải thừa nhận các kết quả nghiên cứu của ta mới có ý nghĩa gợi ý, định hướng, tính thuyết phục chưa cao...

Dưới đây, chúng tôi chỉ xin tóm tắt các kết quả nghiên cứu chính.

a) Các trạng thái bệnh lý chung.

Các trạng thái bệnh lý chung có thể do tiếp xúc với chất hóa học thời gian chiến tranh đã được đề cập trong một cuộc điều tra trên cựu chiến binh đi B điều trị ở Viện Quân y 108 (Bùi Đại - Nguyễn Quốc Gia và cs) (5).

Kết quả nghiên cứu cho thấy:

- Nhìn chung, ở nhóm tiếp xúc với chất độc hóa học có tỷ lệ tăng cao, có ý nghĩa thống kê về các loại bệnh:

- Bệnh tiêu hóa
- Bệnh thần kinh
- Bệnh ngoài da
- Bệnh ung thư

Có tỷ lệ tăng cao hơn với các loại bệnh:

- Trạng thái suy nhược thần kinh và suy nhược cơ thể, kém ăn, kém ngủ, người gầy, sụt cân, thiếu máu, kém trí nhớ, hay nhức đầu, mệt mỏi, vận động khó khăn, mắt mờ, nhìn kém, nghe kém...

- Suy giảm chức năng gan hoặc xơ gan cổ chướng.
- Suy giảm miễn dịch, dễ mắc các bệnh nhiễm khuẩn, sốt rét.
- Bệnh tiêu hóa, viêm loét dạ dày, tá tràng, viêm đại tràng.
- Sạm da, và các bệnh ngoài da, viêm da, nấm da...
- Bệnh xơ vữa động mạch.
- Cao huyết áp, rối loạn tuần hoàn não.
- Có tỷ lệ tăng cao các bệnh ung thư họng hầu, bệnh bạch cầu cấp và mãn, ung thư gan,...

b) Các tai biến sinh sản.

Đây là vấn đề được nghiên cứu nhiều nhất ở nhiều bệnh viện (Bệnh viện Phụ sản thành phố Hồ Chí Minh, Bệnh viện Sông Bé, Tây Ninh, Viện Bảo vệ bà mẹ trẻ sơ sinh Hà Nội) và các địa phương (Minh Hải, Bến Tre...) so với

các địa phương miền Bắc; đó là công trình của các bác sĩ: Nguyễn Cận, Nguyễn Thị Ngọc Phượng, Lê Diễm Hương, Huỳnh Thị Kim Chi, Nguyễn Thị Xiêm, Đinh Quang Minh, Cung Bình Trung...

Nói chung, thống nhất nhận thấy có tỷ lệ tăng cao các tai biến sinh sản ở dân sinh sống các vùng bị rải và gia đình các cựu chiến binh đi B so với đối chứng.

Các tai biến sinh sản bao gồm:

- Suy thai tự nhiên, đẻ non
- Con chết trong bụng mẹ (con chết lưu)
- Chửa trứng, ung thư màng nuôi
- Dị tật bẩm sinh, quái thai.

* *Sảy thai tự nhiên, đẻ non.*

Những điều tra về sảy thai tự nhiên của nhiều tác giả được trình bày tổng hợp trên bảng 40

Bảng 40

TỔNG HỢP CÁC KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ SẢY THAI TỰ NHIÊN

Tác giả	Nơi điều tra	Nhóm không bị rải	Nhóm bị rải
Nguyễn Cận	3 huyện miền Bắc	5,80%	7,08%
Nguyễn Thị Ngọc Phượng	X. Thanh Phong - Bến Tre Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh	3,6%	8,01 - 16,7%
Cung Bình Trung	Giồng Trôm - Bến Tre	Trước khi rải 4,3 - 7,8%	Sau khi rải 11,5 - 16,05%

Qua bảng trên có thể thấy, tỷ lệ sảy thai tự nhiên, đẻ non tăng rõ rệt ở nhóm tiếp xúc với chất độc hóa học so với nhóm không tiếp xúc.

* *Chửa trứng.*

Các điều tra của Nguyễn Thị Ngọc Phượng (5) và Nguyễn Cận (4) cho thấy:

Bảng 41

TỶ LỆ CHỬA TRỨNG

So sánh giữa miền Bắc và miền Nam Việt Nam

Tác giả	Địa phương	Tỷ lệ so với số có thai
Nguyễn Cận (4)	Miền Bắc 3 huyện Mao Châu - Mỹ Văn - Hải Hậu	0,6 - 0,9‰
Nguyễn Thị Ngọc Phượng (5)	Miền Nam Thanh Phong - Bến Tre Quận 10 - Tp. Hồ Chí Minh	7,3 - 37,4‰

Một nghiên cứu gần đây của Nguyễn Thị Ngọc Phượng (5) ở Minh Hải cho thấy khi nghiên cứu hồi cứu, so sánh các tai biến sinh sản giữa hai nhóm phụ nữ sinh trước (1933 - 1963) và sau chiến tranh hóa học (1964-1970) tỷ lệ chữa trứng và ung thư tế bào nuôi ở nhóm 2 (trong chiến tranh hóa học) là $4/394 = 1,02\%$ tổng số sinh con sống, so với nhóm 1 (trước chiến tranh hóa học) là $1/2.281 = 0,04\%$ của tổng số sinh con sống ($p < 0,05$).

Bảng 42
BẤT THƯỜNG THAI SẢN Ở HUYỆN U MINH TỈNH MINH HẢI
Nguyễn Thị Ngọc Phượng (5)

	Mẹ sinh trước chiến tranh hóa học (1933 - 1963)		Mẹ sinh trong chiến tranh hóa học (1964 - 1970)	
Dị tật bẩm sinh	5/2.281 để sống	0,22%	9/394	2,28%
Chậm phát triển tâm thần	3/2.281	0,13%	8/394	2,03%
Chữa trứng - Ung thư tế bào nuôi	1/2.281	0,04%	4/394	1,02%
Thai chết lưu	8/2.281	0,35%	12/394	3,04%
Chết chu sinh	7/2.281	0,30%	21/394	5,33%
Sảy thai tự nhiên	120/2.281	5,26%	20/394	5,07%

Trên bảng trên, ở cùng một địa phương (huyện U Minh - tỉnh Minh Hải) qua điều tra hồi cứu và trên nhiều chỉ tiêu, tác giả cho thấy có sự tăng cao rõ rệt về tai biến sinh sản ở nhóm phụ nữ trẻ, sinh trong thời gian chiến tranh hóa học (có thể bị rải trực tiếp, hoặc do bú sữa mẹ có nồng độ dioxin cao).

Riêng về chữa trứng thì một điều ở vùng đối chứng (huyện Tiên Hải - tỉnh Thái Bình), cũng là huyện bờ biển như U Minh, Đình Quang Minh không tìm thấy trường hợp nào chữa trứng (0%) so với 1,02% ở Minh Hải.

Như vậy qua nhiều điều tra, có thể thấy chữa trứng và biến chứng của nó là ung thư màng nuôi cao rõ rệt ở miền Nam Việt Nam, vùng bị rải chất độc hóa học.

Một thống kê về số bệnh nhân vào viện hàng năm, 1952 tới 1980 của Bệnh viện Phụ sản (Lê Thị Diễm Hương) (3) cho thấy tỷ lệ bệnh nhân chữa trứng tăng vọt vào những năm cao điểm của cuộc chiến tranh hóa học và tiếp tục giữ ở mức cao cho tới những năm gần đây.

Những nghiên cứu cho thấy thai trứng có liên quan đến chủng tộc (các nước Đông Nam Á có tỷ lệ chữa trứng cao hơn các châu Âu hoặc Bắc Mỹ), đời sống thấp và tuổi (thường gặp người nhiều tuổi).

Nhưng về nòi giống thì dân miền Bắc và miền Nam đều cùng một sắc tộc, miền Nam thường được coi như có mức sinh hoạt cao hơn, và ở miền Nam nhiều phụ nữ trẻ 19 - 20 tuổi cũng đã bị chửa trứng, nên chúng ta có lý do để nghĩ tỷ lệ tăng cao chửa trứng ở miền Nam có liên quan đến chiến tranh hóa học.

Tuy nhiên, đáng ngạc nhiên là do lượng dioxin ở bệnh nhân chửa trứng thường không cao (5) và một nghiên cứu kiểu ca bệnh - đối chứng của viện INSERM (Catherin Ha và S.Cordier) (5) không tìm thấy mối liên quan giữa chửa trứng và tiếp xúc với chất độc hóa học.

Đây vẫn là vấn đề cần trở lại sau này.

** Dị tật bẩm sinh, quái thai.*

Ngay từ những năm đầu của cuộc chiến tranh hóa học, nhiều người đã chú ý đến các tổn thương gen dẫn tới các dị tật bẩm sinh, quái thai. Từ những năm 1968 - 1969, báo chí Sài Gòn đã đưa tin về nhiều trường hợp dị tật bẩm sinh xuất hiện ở vùng bị rải chất khai quang. Nhiều nghiên cứu gần đây cũng xác nhận điều này.

Một cuộc điều tra trên cựu chiến binh ở huyện Việt Yên, Hà Bắc (Lê Cao Đài và cs) cho thấy (4):

Bảng 43
TÌNH HÌNH DỊ TẬT BẨM SINH
TRONG GIA ĐÌNH CỰU CHIẾN BINH HUYỆN VIỆT YÊN - HÀ BẮC

	Nhóm không tiếp xúc với chất độc hóa học	Tiếp xúc nhẹ	Tiếp xúc vừa	Tiếp xúc nặng	Cộng nhóm tiếp xúc
Số điều tra	293	814	27	176	
Số con	1.289	3.217	2.584	705	6.507
Số dị tật	14	60	66	36	162
Tỷ lệ	1,1	1,9	2,2	5,1	2,32
RR		1,7	2,0	4,8	
X2		3,4	5,5	28,3	
Giá trị P		0,05	0,05	0,001	
95% C.1		0,6 - 47,3	0,9 - 52,6	12,4 - 958	

Trong cuộc điều tra này, nhóm điều tra đã khám toàn bộ cựu chiến binh ở huyện Việt Yên, tỉnh Hà Bắc, so sánh các cựu chiến binh phục vụ ở hậu phương (không tiếp xúc với chất độc hóa học), với số phục vụ ở chiến trường miền Nam (coi như có tiếp xúc với chất độc hóa học). Trong nhóm này lại chia ra 3 loại tiếp xúc nhẹ, vừa, nặng tùy theo thời gian phục vụ.

Qua bảng trên có thể thấy rõ mối liên quan giữa thời gian phục vụ ở chiến trường với sinh con dị tật. Thời gian bố phục vụ ở chiến trường càng lâu, thì mức độ tiếp xúc với chất độc hóa học càng nặng, tỷ lệ sinh con dị tật càng cao.

Một đóng góp của các nhà khoa học Việt Nam trong vấn đề này là ngay từ những năm 70, trên cơ sở những nhận xét lâm sàng các nhà khoa học Việt Nam (Tôn Thất Tùng, Tôn Đức Lang...) (4) đã lần đầu tiên đề xuất khả năng sinh con dị tật thông qua bố tiếp xúc với chất độc hóa học.

Đây là điều mới mẻ, gây nhiều tranh cãi trong những năm 80. Các nhà khoa học thế giới lúc đó chỉ thừa nhận dị tật bẩm sinh do hóa chất độc gây nên khi người mẹ bị nhiễm độc trong khi mang thai...

Tuy nhiên, trong những năm 90, một số công trình nghiên cứu của các nhà khoa học Mỹ tìm thấy dioxin trong tinh dịch cựu chiến binh Mỹ từ miền Nam Việt Nam trở về có thể giải thích sự nhiễm độc tế bào sinh dục của nam giới dẫn tới dị tật bẩm sinh thông qua người bố bị nhiễm độc và như trên đã biết, năm 1996, Viện Hàn lâm khoa học Hoa Kỳ đã phải thừa nhận một loại dị tật bẩm sinh (gai đôi) có liên quan đến sự tiếp xúc với chất Da cam mà các cựu chiến binh Mỹ bị nhiễm trong thời gian chiến tranh.

Loại dị tật.

Một điều đáng quan tâm là có loại dị tật gì đặc trưng cho sự nhiễm độc dioxin không?

Trên thế giới, người ta biết rằng mỗi chất độc có thể gây ra một loại hình dị tật đặc trưng. Như nhiễm độc do Thaledomide (một loại thuốc ngừa thai) gây ra các dị tật cụt chân tay.

Nhiễm độc do dioxin dường như gây ra nhiều trường hợp dị tật thần kinh đi từ những tổn thương thực tế: vô não (anencephalie), não teo nhỏ (microcephalie), não úng thủy (hydrocephalie), dị tật cột sống (thoát vị đĩa đệm, gai đôi...), tới những thần kinh chức năng (thiếu năng trí tuệ, ngớ ngẩn, đần độn...) hoặc mù, câm điếc bẩm sinh...

Tuy nhiên cũng vẫn thường thấy các dị tật khác như sứt môi, hở hàm ếch, khoèo chân tay.

Một loại quái thai tuy không phổ biến nhưng đáng chú ý là các trường hợp thai đôi dính vào nhau (Siamese twins). Trên thế giới, thỉnh thoảng nước nào cũng gặp. Nhưng được coi là rất hiếm. Có tài liệu cho rằng thai đôi dính vào nhau chỉ xuất hiện 1/20 triệu lần đẻ. Nếu tính theo tỷ suất này thì trên toàn Việt Nam, chỉ có thể gặp 1 đôi trong 10 năm.

Nhưng chỉ trong vòng 5 năm từ khoảng 1980 - 1985 ở 4 bệnh viện tỉnh Tây Ninh, Đồng Nai, Sông Bé và ở Bệnh viện Phụ sản thành phố Hồ Chí Minh

đã gặp khoảng 30 trường hợp với nhiều loại hình dính nhau: 2 thai nhi phát triển đầy đủ: chỉ dính nhau ở ngực, ở bụng hoặc gan (cặp Song pha) dính nhau phức tạp hơn như cặp Việt Đức, có cháu 1 thân hai đầu, một đầu hai mắt... Đa số chết khi đẻ do không được chẩn đoán từ trước. Một số cặp sống sau khi đẻ nhưng chết trong phẫu thuật, chỉ có vài cặp sống được và được phẫu thuật.

Cũng trong thời gian này, xuất hiện các quái thai trong gia súc như con trâu sinh đôi dính thân ở Tây Ninh, con lợn hai đầu ở Đồng Nai, con gà dị dạng ở tỉnh Bình Trị Thiên.

Một đặc điểm nữa trong các dị tật bẩm sinh là trong một gia đình có khả năng xuất hiện liên tiếp nhiều cháu dị tật. Đã có gia đình ở Minh Hải có 6 con thì 5 con dị tật. Rất nhiều gia đình có 2 - 3 con dị tật... Đây thực sự là những gánh nặng cho cả gia đình và xã hội.

c) Tử vong trẻ em.

Sự phát hiện thấy hàm lượng cao dioxin trong sữa mẹ đã gợi ý một đề tài nghiên cứu tìm hiểu tỷ lệ tử vong ở trẻ dưới một tuổi ở 2 xã bị rải chất độc hóa học là Cần Giẽ (thành phố Hồ Chí Minh) và Tân Uyên (Sông Bé) so với một xã không bị rải là Mỹ Thạnh (An Giang) (Lê Cao Đài và cs).

Kết quả cho thấy, trong các điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội, y tế, tương tự như nhau, trên tổng số 9.100 trẻ em sinh từ năm 1966 - 1986, ở 3 xã, thấy tỷ lệ tử vong ở trẻ dưới 1 tuổi, cao rõ rệt ở xã bị rải chất độc hóa học so với xã không bị rải. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê và sự khác biệt có xu hướng giảm dần những năm gần đây, gợi ý có mối liên quan liều lượng - đáp ứng giữa nồng độ dioxin giảm dần theo thời gian trong tỷ lệ chết.

Công trình nghiên cứu đã được báo cáo tại 2 hội thảo quốc tế (Hội nghị toàn quốc hàng năm của Tổ chức Y tế cộng đồng Hoa Kỳ tại Boston - Massachusetts - 1988) và Hội thảo quốc tế về dioxin 1989 tại Toronto - Canada và đăng trên báo *Chemosphere* số 20/79 (1990).

Công trình nghiên cứu trên tuy chỉ ở 3 xã với một số lượng điều tra hạn chế, nhưng cũng cho thấy sự nguy hiểm của việc bú sữa mẹ có hàm lượng dioxin cao trong thời gian chiến tranh.

Nhưng còn những tác hại lâu dài, nhất là với các cháu sinh vào những năm cao điểm của cuộc chiến tranh hóa học thì sao?

Đây là câu hỏi đang chờ được giải đáp và là một khu vực nghiên cứu cần quan tâm.

d) Ung thư.

Nhiều công trình nghiên cứu trên thế giới khẳng định mối liên quan giữa dioxin và ung thư.

Những năm qua chúng ta có quan tâm nghiên cứu một số bệnh ung thư, nhưng chưa đề cập tới các loại ung thư được Viện Hàn lâm khoa học Hoa Kỳ thừa nhận năm 1996.

Các năm qua chúng ta mới chú ý nhiều đến ung thư gan nguyên phát và ung thư tế bào nuôi (cùng với đề tài chữa trứng).

Ung thư gan nguyên phát:

Đã có 3 công trình nghiên cứu kiểu ca bệnh đối chứng của 3 nhóm tác giả:

- Đỗ Đức Vân và Cs. tiến hành ở Bệnh viện Việt Đức năm 1980 - 1982 (4).

- Tạ Long - Hà Văn Mạo ở Bệnh viện 108 năm 1986 - 1988 (4).

- L. Abenheim và S. Cordier (Viện Quốc gia nghiên cứu Y học Pháp) (INSERM) hợp tác với Bệnh viện Việt Đức, 108 (1989 - 1992).

Hai công trình nghiên cứu đầu tuy làm ở hai bệnh viện khác nhau, trên những bệnh nhân vào viện ở các thời điểm khác nhau, nhưng các tác giả đều nhận thấy có mối liên quan, có ý nghĩa thống kê giữa sự tiếp xúc với chất diệt cỏ trong thời gian chiến tranh với sự phát sinh ung thư gan nguyên phát.

Nhược điểm chung của 2 công trình nghiên cứu là chưa có điều kiện đánh giá các yếu tố gây bệnh khác.

Vì vậy năm 1989 - 1992, chúng ta đã trở lại vấn đề này với sự hợp tác của Viện Quốc gia nghiên cứu Y học Pháp (INSERM) và 2 bệnh viện: Việt Đức và 108.

Công trình nghiên cứu đề cập tương đối toàn diện đến các nguyên nhân gây bệnh (viêm gan B, C, tiếp xúc với thuốc trừ sâu, rượu, v.v.) và thấy có mối liên quan giữa ung thư gan nguyên phát với thời gian phục vụ lâu (trên 10 năm) ở chiến trường miền Nam (OR = 9,6 (1,4 - 92,5) và khả năng mắc ung thư gan tăng theo thời gian phục vụ chiến trường ($p = 0,01$) (5).

e) Suy giảm miễn dịch và các hậu quả.

Nhiều công trình nghiên cứu trên thế giới cho thấy dioxin tác động đến cơ chế bảo vệ của cơ thể, gây ra trạng thái suy giảm miễn dịch.

Ở nước ta, các nghiên cứu về lĩnh vực này đang còn rất ít. Đi đầu là công trình nghiên cứu của Vũ Triệu An và Phan Thị Phi Phi, bộ môn Sinh lý bệnh trường Đại học Y Hà Nội (5).

Các tác giả đi đến kết luận bệnh nhân tiếp xúc với chất độc hóa học, có biểu hiện suy giảm miễn dịch qua trung gian tế bào; các yếu tố thực hiện đáp ứng miễn dịch tế bào đặc hiệu già yếu nhanh hơn nhóm đối chứng. Các kháng thể kháng nhân xuất hiện với tỷ lệ cao hơn, nồng độ kháng thể cũng rất cao so với đối chứng.

Một số các yếu tố miễn dịch không đặc hiệu có phổ hoạt động rộng như tế bào NK, IFN gamma đều tăng cao hơn so với đối chứng.

Mọi người đều biết trạng thái suy giảm miễn dịch có thể dẫn đến nhiều loại bệnh lý khác nhau: tăng các bệnh nhiễm khuẩn kể cả tăng ung thư.

Về mặt bệnh lý các nghiên cứu của Viện Quân y 108 cũng cho thấy có sự tăng rõ rệt các bệnh truyền nhiễm ở cựu chiến binh đi B (5).

Một nghiên cứu khác của các nhà khoa học Nga thuộc Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga Pozniakov (5) hợp tác với tỉnh Sông Bé (5), cho thấy ở xã bị rải tỷ lệ nhiễm khuẩn đường hô hấp, đặc biệt lao phổi (xác định bằng X quang, đờm BK (+) là 0,25 phần nghìn trong khi ở xã đối chứng là 0,095 phần nghìn.

e) Các rối loạn nội tiết và chuyển hóa.

Nhiều nghiên cứu trên thế giới gần đây cho biết dioxin có thể gây ra những rối loạn về nội tiết: chuyển hóa insulin và gây ra bệnh đái tháo đường, cholesterol gây ra bệnh huyết áp, các tai biến mạch máu não, bệnh động mạch vành, chuyển hóa nội tiết tuyến giáp, chuyển hóa nội tiết sinh dục nam (testosterol)...

Một nghiên cứu của Yamoto và cs (5) cho thấy trong cuộc điều tra ở 2 xã miền Nam Việt Nam bị rải là Đốc Bình Kiều tỉnh Đồng Tháp (năm 1989) và Thanh Phong huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh (1991), phát hiện thấy có tỷ lệ tăng cao bướu giáp: Đốc Bình Kiều: 111 trường hợp chiếm 4,5% trường hợp khám; Thanh Phong: 105 bướu giáp/1.602 trường hợp khám (6,55%). Nhiều trường hợp bướu giáp xảy ra trong cùng một gia đình, 43% số bệnh nhân có tiền sử tiếp xúc với chất độc hóa học thời gian chiến tranh. Các xét nghiệm máu ở bệnh nhân thấy những chỉ số nội tiết tố triiodothyroxin và thyroxin ở mức độ bình thường. Ở Đồng Tháp, nguồn thực phẩm từ thủy sản cá rất dồi dào không thể thiếu iốt trong thức ăn.

Đây cũng là vấn đề cần nghiên cứu sâu thêm vì có nhiều nghiên cứu trên thực nghiệm cho thấy dioxin gây rối loạn chuyển hóa hóc môn trong đó có hóc môn tuyến giáp.

III. KIẾN NGHỊ VỀ TIÊU CHUẨN ĐỂ XÁC ĐỊNH NẠN NHÂN CHẤT DA CAM

Gần đây, cùng với việc thành lập Quỹ bảo trợ nạn nhân chất Da cam, Nhà nước đang có chủ trương điều tra nạn nhân chất Da cam trong phạm vi toàn quốc, để xây dựng các chính sách, giúp đỡ các nạn nhân này. Một vấn đề đầu tiên cần đặt ra: "*Thế nào là nạn nhân chất Da cam?*".

Cho tới nay, theo chỗ chúng tôi biết, chưa có văn bản chính thức nào của Việt Nam quy định các loại bệnh do chất Da cam gây nên để làm cơ sở cho các cuộc điều tra.

Vì vậy dựa vào kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước nêu ở phần trên, chúng tôi xin mạnh dạn đề xuất các tiêu chuẩn và danh mục các loại bệnh có thể do chất Da cam gây nên để giúp đỡ phần nào cho việc điều tra nạn nhân và giúp đỡ nhân đạo trong khi chờ một văn bản chính thức của Nhà nước ban hành sau này.

Tiêu chuẩn để xác định nạn nhân chất Da cam.

Nạn nhân chất Da cam cần hội đủ 2 tiêu chuẩn sau:

1. Đã tiếp xúc với chất Da cam do Mỹ sử dụng trong thời gian chiến tranh ở Việt Nam.

- Với người quê ở miền Bắc (từ Quảng Bình trở ra).
- Các cựu chiến binh, thanh niên xung phong, cán bộ dân, chính, đảng phục vụ chiến trường miền Nam trong thời gian chiến tranh (từ năm 1961 tới 1975) đặc biệt trong giai đoạn cao điểm của cuộc chiến tranh hóa học từ 1965 - 1970.
- Tất cả nhân dân miền Nam Việt Nam (từ Quảng Bình trở vào), đặc biệt những người sinh sống trong những vùng bị rải nặng và gần các sân bay, bến cảng, các kho hóa chất, vào những năm cao điểm của cuộc chiến tranh hóa học 1965 - 1970.

2. Bị mắc một hoặc nhiều bệnh sau đây.

Bảng 44

DANH MỤC CÁC LOẠI BỆNH DO CHẤT DA CAM GÂY RA Ở VIỆT NAM

(Sau khi loại trừ các yếu tố gây bệnh khác)

1. Bệnh ung thư:

- Ung thư gan nguyên phát
- Ung thư tổ chức phần mềm*
- U lymphô ác tính*
- Bệnh Hodgkin*
- Ung thư đường hô hấp (ung thư thanh, khí phế quản, phổi)*
- Ung thư tiền liệt tuyến*.

Ghi chú: Các bệnh có đánh dấu * là bệnh được Viện Hàn lâm khoa học Hoa Kỳ thừa nhận ít nhiều có liên quan đến chất Da cam.

2. Bệnh do rối loạn chuyển hóa:

- Lipit: tai biến mạch máu não, bệnh động mạch vành
- Gluxit: đái tháo đường.

3. Bệnh thần kinh:

- Bệnh thần kinh ngoại vi cấp và mãn*
- Đa u tủy (multiple myeloma)*.

4. Bệnh ngoài da:

- Xạm da*
- Bệnh nhiễm porphyrin da chậm*.

5. Các bất thường sinh sản:

- Sảy thai, đẻ non
- Con chết lưu
- Chửa trứng, ung thư màng nuôi.

6. Các loại dị tật bẩm sinh, quái thai, xuất hiện trên một hay nhiều con và cũng có thể xảy ra ở thế hệ thứ hai (cháu).

Ghi chú: Các bệnh có đánh dấu * là bệnh được Viện Hàn lâm khoa học Hoa Kỳ thừa nhận có ít nhiều liên quan đến chất Da cam.

Chương 7

GIẢI QUYẾT HẬU QUẢ CHIẾN TRANH HÓA HỌC

I. THỐNG NHẤT MỘT SỐ NHẬN THỨC TƯ TƯỞNG CHUNG QUANH VIỆC ĐẤU TRANH GIẢI QUYẾT HẬU QUẢ CHIẾN TRANH HÓA HỌC

Cuộc chiến tranh hóa học của Mỹ ở Việt Nam đã gây ra những tác hại rất to lớn và lâu dài với môi trường, sinh thái và sức khỏe nhân dân ta, trong đó đặc biệt cần chú ý là những tác hại với sức khỏe con người có thể còn kéo dài trong nhiều năm, thậm chí trong nhiều thế hệ...

Giải quyết những hậu quả này, hàn gắn những vết thương do chiến tranh để lại vừa là vấn đề trách nhiệm, "uống nước nhớ nguồn" đối với những người đã chiến đấu hy sinh trong thời gian chiến tranh, vừa là vấn đề xã hội nhân đạo rộng lớn đối với đông đảo nhân dân bị tác hại của các hóa chất độc, lại còn là vấn đề khoa học khó khăn đang còn nhiều điều cần khám phá, và là vấn đề chính trị và ngoại giao tế nhị...

Giải quyết hậu quả chiến tranh hóa học đòi hỏi có sự cộng đồng trách nhiệm, nỗ lực kiên trì trong thời gian dài của toàn dân ta, của các cơ quan quản lý nhà nước, các cơ quan khoa học, các tổ chức chính trị, xã hội nhân đạo, hoạt động thống nhất theo một mục tiêu chung.

Đây còn là vấn đề có thể và cần huy động sức mạnh của cộng đồng. Không những trong nước mà cả thế giới. Vì đây còn là vấn đề quyền lợi thiết thực của hàng triệu cựu chiến binh Mỹ và các nước có quân tham chiến ở Việt Nam. Dioxin còn là vấn đề khoa học môi trường mũi nhọn mà các nhà khoa học trên thế giới rất quan tâm để tìm câu giải đáp cho những vấn đề đặt ra cho chính đất nước họ.

Từ nhiều năm nay, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương đúng đắn đối với hậu quả chiến tranh hóa học. Các nhà khoa học Việt Nam đã quan tâm đến các tác hại lâu dài của cuộc chiến tranh này. Từ năm 1970, một phái đoàn khoa học Việt Nam, đứng đầu là cố Giáo sư Tôn Thất Tùng, tại cuộc Hội nghị quốc tế tại Osay - Pari đã thông báo về những tác hại của cuộc chiến tranh hóa học đối với nhân dân ta. Tiếp sau đó, mặc dầu trong hoàn

cảnh kinh tế sau chiến tranh còn rất khó khăn, một cơ quan nghiên cứu chuyên đề "Ủy ban quốc gia điều tra hậu quả chất hóa học dùng trong chiến tranh Việt Nam" (gọi tắt là "Ủy ban 10-80") đã được thành lập, Ủy ban đã hợp tác với các học viện, trường đại học trong nước cũng như với nhiều nhà khoa học và tổ chức khoa học nước ngoài tiến hành nhiều công trình nghiên cứu, làm sáng tỏ nhiều vấn đề tác hại lâu dài của chất Da cam và dioxin ở Việt Nam, được dư luận trong nước và quốc tế hoan nghênh...

Tuy nhiên trong vấn đề này, đang còn tồn tại trong một số người và một số cơ quan những suy nghĩ, lo ngại không đáng có đã làm trì trệ việc nghiên cứu cũng như giải quyết hậu quả chiến tranh hóa học mà chúng tôi cho rằng cần trao đổi công khai và thẳng thắn để tránh những cản trở có thể xuất hiện trở lại sau này.

Một thời gian đầu chiến tranh, có thể do ảnh hưởng của các nghiên cứu nước ngoài, phủ nhận các tác hại của cuộc chiến tranh hóa học, lại do thiếu quan sát thực tiễn nên một số trí thức nước ta, cũng theo những quan điểm trên, cho rằng nói đến hậu quả chiến tranh hóa học là vấn đề chính trị không phải khoa học... Tới nay, trước thực tiễn cuộc sống, nhiều vấn đề lại được chính các cơ quan khoa học quốc tế thừa nhận nên quan điểm này, đến nay đã dần dần được giải quyết.

Sang đến giai đoạn mở cửa, kinh tế thị trường, xuất hiện một lo ngại mới: đó là quan điểm sợ nói đến chiến tranh hóa học, nói đến chất Da cam và dioxin sẽ ảnh hưởng bất lợi đến việc xuất khẩu nông hải sản. Rõ ràng đây là một lối tư duy duy tâm, thiếu cơ sở khoa học. Dường như chỉ cần không nói, không nhắc đến chiến tranh hóa học thì sẽ không có cuộc chiến tranh này và các hậu quả của nó. Dường như người ta bỏ hàng trăm triệu đôla để mua sản phẩm của Việt Nam mà không cần kiểm tra chất lượng các sản phẩm nhập và tiêu thụ trên đất nước họ. Như trên đã nêu, các nghiên cứu khoa học đã cho thấy trong những năm cao điểm của cuộc chiến tranh hóa học, tôm cá miền Nam bị nhiễm độc nặng, thì cũng đúng là lúc sản lượng tôm cá xuất khẩu giảm hẳn. Còn những năm sau này, khi hàm lượng dioxin trong hải sản của ta đã trở lại mức bình thường, thì đúng như câu "bán đất như tôm tươi", chúng ta không có đủ cá tôm bán ra thế giới...!

Rõ ràng là công tác nghiên cứu khoa học không hề gây tác động tiêu cực gì cho việc xuất khẩu và cũng rõ ràng là một lo ngại về kinh tế đối ngoại chỉ là một tư duy chủ quan, thiếu khoa học và kết quả là sự quay lưng lại với nỗi đau của hàng triệu con người...

Mối lo ngại thứ ba, cản trở công tác nghiên cứu và giải quyết hậu quả là mối lo ngại về an ninh quốc gia. Khi được biết có giới quân sự phương Tây đang nghiên cứu sử dụng dioxin vào mục đích quân sự thì có người lo ngại,

sợ đối phương biết các tác hại trên nhân dân ta sẽ "cải tiến vũ khí" từ đó coi các tác hại của chiến tranh hóa học là "bí mật" không nên hợp tác quốc tế về vấn đề này...

Trên thực tế ta đã *giữ bí mật* về vấn đề này hơn hai chục năm rồi. Giữ bí mật kỹ đến mức chính ta cũng không biết chính xác chất Da cam đã gây ra những tác hại gì và có bao nhiêu nạn nhân... Thế mà ta đâu có cần được các nghiên cứu về chất Da cam và dioxin trên thế giới?

Suy nghĩ kỹ về những mối lo trên thì có thể thấy đây là những lo ngại quá xa, có phần suy diễn.

Và kết quả thực tế đối với trong nước đã gây khó khăn cho công tác nghiên cứu, phanh phui hết những tác hại của cuộc chiến tranh hóa học để khắc phục chúng, là tự bịt mắt, không muốn nhìn vào sự thật, lo sợ và bưng bít thông tin đúng đắn. Và như vậy là đi vào vòng xoáy ốc: do sợ, nên bưng bít thông tin, do thiếu thông tin đúng đắn nên càng sợ.

Người chịu thiệt nhất của những mối lo ngại này chính lại là hàng triệu nạn nhân của chất Da cam, âm thầm đau khổ hàng chục năm vì những tai họa không biết từ đâu ập tới cho họ và gia đình họ mà không ai giải quyết.

Và kẻ thu lợi nhất lại chính là kẻ đã gieo tai họa cho nhân dân ta. Chắc họ thật mừng vì thấy trong chúng ta những người đã giúp không công cho họ trong việc che giấu tội ác của họ.

Việc giải quyết hậu quả chiến tranh hóa học và chất Da cam, cần dựa vào sự cố gắng chủ quan của nhân dân ta là chính.

Nhưng cũng cần thu hút sự ủng hộ hợp tác của cộng đồng quốc tế, của các nhà khoa học, các cá nhân và các tổ chức trên thế giới quan tâm đến các tác hại của chất Da cam và dioxin, bởi lẽ:

Đây là lĩnh vực khoa học liên quan đến nhiều lĩnh vực khoa học và khoa học hiện đại mà ta chưa làm được (dịch tễ học, sinh y học phân tử, di truyền học, miễn dịch học, hóa học vi lượng... chưa kể tới công pháp quốc tế nếu sau này ta muốn giải quyết chúng về mặt pháp lý).

Nghiên cứu và khắc phục hậu quả chất Da cam, tẩy độc dioxin còn là vấn đề rất tốn kém mà điều kiện kinh tế của đất nước còn eo hẹp, nên cần huy động sự trợ giúp quốc tế.

Đây còn là vấn đề chính trị và ngoại giao tế nhị mà chỉ có hợp tác quốc tế mới thu hút được sự đồng tình ủng hộ quốc tế trong cuộc đấu tranh - chủ yếu dựa vào các bằng chứng và lý lẽ sau này, mà thời gian thì không chờ ta: thời gian càng kéo dài thì việc tìm bằng chứng càng khó khăn...

Hiện nay nước ta có điều kiện rất thuận lợi trong việc hợp tác quốc tế, vì:

- Về mặt khoa học thì có lẽ không còn ai nghi ngờ tính độc hại của dioxin với môi trường và sức khỏe.

- Phong trào của hàng triệu cựu chiến binh Mỹ và các nước đồng minh của Mỹ trước đây trong chiến tranh Việt Nam, đã và đang đấu tranh sôi nổi từ nhiều năm nay đòi bồi thường cho những thiệt hại mà chất Da cam gây ra cho họ và gia đình họ. Cuộc đấu tranh này đã đạt được những thắng lợi bước đầu buộc các cơ quan khoa học phải thừa nhận. Các chính phủ Mỹ, Úc, Nam Hàn đã phải có chính sách bồi thường về các bệnh tật mà chất Da cam gây ra cho họ và gia đình họ theo các kết luận của các cơ quan khoa học. Nhưng họ chưa bằng lòng muốn hợp tác với ta để tìm thêm bằng chứng.

Ngay trong giới cầm quyền Mỹ đang xuất hiện một thế hệ những người trẻ không dính líu đến cuộc chiến tranh trước đây và có cách nhìn khách quan hơn về các tác hại mà cuộc chiến tranh này để lại (Xem thêm bài phát biểu của Tổng thống Mỹ Bill Clinton tại Nhà Trắng ngày 28 tháng 5 năm 1996 trong buổi họp báo công bố danh sách bổ sung các loại bệnh do chất Da cam gây ra cho cựu chiến binh Hoa Kỳ).

Để giải quyết tận gốc các hậu quả chiến tranh hóa học, cần thực hiện một số công việc sau:

1. *Về mặt khoa học*: Cần tiếp tục đánh giá hết các tác hại của chất Da cam/dioxin với môi trường và sức khỏe, đặc biệt các tác hại của dioxin với sức khỏe.

Đang còn rất nhiều vấn đề cần giải đáp: như các loại bệnh do dioxin gây ra, số lượng nạn nhân các loại, tác động đến bộ máy di truyền, việc chẩn đoán bệnh do dioxin, biện pháp tẩy độc dioxin trong môi trường và trong cơ thể sinh vật...

Các kết quả nghiên cứu này sẽ là cơ sở cho việc giúp đỡ nhân đạo, xây dựng và thực hiện chính sách xã hội với các nạn nhân sau này.

Ngoài ra chúng còn cung cấp thêm bằng chứng khách quan, thuyết phục cho việc đấu tranh chính trị và ngoại giao khi cần thiết.

Cũng phải khẳng định lại rằng các nghiên cứu về hậu quả chất Da cam và dioxin không có ảnh hưởng tiêu cực tới kinh tế cũng như quốc phòng của ta, nên chúng ta có thể yên tâm mở rộng việc hợp tác quốc tế trong vấn đề này.

2. *Động viên dư luận quan tâm đến tác hại của chất Da cam*, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ quốc tế trong vấn đề này:

- Bằng việc hợp tác khoa học trung thực và thẳng thắn để thuyết phục về tính khách quan của các tác hại do chất Da cam gây ra.

- Với các tổ chức nhân đạo có nhiều hình thức động viên sự giúp đỡ nhân đạo cho các nạn nhân chiến tranh hóa học của Việt Nam.

- Hợp tác với cựu chiến binh các nước tham gia chiến tranh ở Việt Nam trước đây. Mặc dầu trước đây họ là kẻ thù cầm súng chống ta, nhưng nay họ là đồng minh với ta trong cuộc đấu tranh này. Cần có cách nhìn và chính sách rộng rãi. Nên ủng hộ việc thành lập một mặt trận thế giới nạn nhân chất Da cam như đã có người đề nghị, để trao đổi kinh nghiệm, phối hợp đấu tranh đòi công bằng và quyền lợi cho các nạn nhân.

3. *Xây dựng và thực hiện chính sách với nạn nhân chất Da cam.* Những vùng bị rải chất Da cam nặng nhất là ở những vùng căn cứ cách mạng trong thời kỳ chiến tranh. Nạn nhân chất Da cam lại thường chính là những người đã hy sinh phục vụ cho cách mạng, là các cựu chiến binh tham gia chiến đấu ở chiến trường miền Nam trước đây, đến nay gần một phần tư thế kỷ đã trôi qua mà chưa được hưởng chút ưu đãi gì về những thiệt hại mà chiến tranh đã gây ra cho họ và gia đình họ thì thật là không công bằng.

Các chính sách với nạn nhân chất Da cam cần quan tâm đến 3 mặt:

- Giúp đỡ trong đời sống;
- Giúp đỡ trong việc điều trị bệnh tật, phục hồi chức năng, hoặc an dưỡng lâu dài với những trường hợp không có khả năng tư duy, tiếp xúc với xã hội;
- Với các cháu dị tật cần tạo điều kiện cho việc hòa nhập vào cuộc sống xã hội sau này bằng cách tổ chức các trường dạy văn hóa, dạy nghề.

Trong thi hành chính sách cần có tiêu chuẩn rõ ràng, công khai thực hiện chặt chẽ, bảo đảm công bằng, không tràn lan, đúng đối tượng không để xảy ra tình trạng nạn nhân thì không được hưởng chính sách, không phải nạn nhân thì được hưởng.

4. *Vì hậu quả chất Da cam là rất lớn cần huy động sự ủng hộ của cộng đồng, vận động sự ủng hộ giúp đỡ của xã hội, thực hiện "nhà nước và nhân dân cùng làm"* phát huy tinh thần tương thân tương ái của dân tộc, có những hình thức tổ chức thích hợp huy động sự đóng góp giúp đỡ của cộng đồng với nạn nhân chất Da cam.

Chủ trương của Chính phủ vừa qua cho phép thành lập Quỹ bảo trợ nạn nhân chất Da cam, nằm trong Hội chữ thập đỏ Việt Nam là chính xác. Các cấp, các ngành cần tạo điều kiện để phát huy hiệu lực trong hoạt động của các tổ chức, để giúp nạn nhân chất Da cam.

5. *Về tổ chức:* Các cơ quan lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước cần ban hành những văn bản nói rõ toàn diện mối quan tâm của Đảng và Nhà nước về vấn đề bức xúc của xã hội, giải quyết những quan điểm hữu khuynh tiêu cực, có các quy định, quy chế rõ ràng, xóa bỏ những quy định, quy chế không còn thích hợp để các cơ quan điều hành có cơ sở thực hiện, tránh tình trạng "trống đánh xuôi, kèn thổi ngược" như đã xảy ra những năm qua.

Củng cố cơ quan chuyên trách theo dõi và làm tham mưu cho Nhà nước về vấn đề này.

II. PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG - SINH THÁI

1. Tẩy độc dioxin trong môi trường.

Để tẩy độc dioxin trong môi trường (cụ thể trong đất, bùn sông) trên lý thuyết có những biện pháp sau:

- Để phân hủy tự nhiên dưới tác động của ánh nắng mặt trời và một độ ẩm thích hợp của đất.

- Nung nóng đất nhiễm độc lên trên 1.200°C.

- Phân hủy dioxin bằng vi sinh vật.

- Dùng chất hấp phụ dioxin, một nghiên cứu của Bộ môn Hóa - Đại học quốc gia Hà Nội, Giáo sư Nguyễn Đức Huệ đề xuất việc dùng đất sét bentonit, vùng Lâm Đồng để hấp phụ dioxin.

Theo chúng tôi miền Nam nước ta có những điều kiện rất thuận lợi cho dioxin tự phân hủy: chế độ nắng nhiệt đới gay gắt, xen kẽ những cơn mưa, vào mùa mưa, những vùng ven biển có chế độ thủy triều lên xuống hàng ngày với biên độ cao, việc canh tác của nông dân cày xới lật đất... Tất cả tạo điều kiện cho việc phân hủy tự nhiên của dioxin. Cộng với hình thái chung của địa hình, địa mạo: dãy Trường Sơn chạy dọc từ Bắc xuống Nam địa hình chung dốc xuôi về biển Đông và đồng bằng Nam Bộ. Có thể vì thế mà dioxin từ chất Da cam rải xuống trên 20 năm nay đã có phần được rửa trôi ra biển, có phần được phân hủy tự nhiên. Vì vậy như đã trình bày ở phần trên, trong các mẫu đất lấy ở nhiều địa phương khác nhau miền Nam và miền Trung, ngay cả những vùng bị rải nặng, tới nay, không còn hoặc chỉ còn chứa một nồng độ dioxin thấp. Tới nay, chúng tôi nghĩ, hầu hết các địa phương bị rải trước đây không cần đặt ra việc tẩy độc môi trường (đất, bùn sông) nữa. Thiên nhiên đã tự làm việc này từ nhiều năm nay và môi trường nước ta đã trở lại trong sạch.

Tuy nhiên việc tẩy độc dioxin trong đất vẫn cần đặt ra với một số khu vực nhỏ còn nhiễm độc nặng. Đây là những khu kho chứa hóa chất cũ trong các sân bay, bến cảng, các bãi bơm hóa chất chất độc. Tới năm 1992, có mẫu phân tích đất lấy ở một kho hóa chất trong sân bay, vẫn còn cho thấy một nồng độ dioxin đáng sợ (trên 1 triệu ppt tức là gấp 1.000 lần mức cho phép). Kèm theo, cũng thấy nồng độ dioxin cao trong máu cư dân sinh sống trong khu vực, tỷ lệ tăng cao về ung thư, dị tật bẩm sinh... buộc chúng ta phải nghĩ tới việc tẩy độc cục bộ cho các nơi này.

Hai biện pháp nêu lên: dùng vi sinh vật và chất hấp phụ là những biện pháp mới chỉ được áp dụng trong phòng thí nghiệm, hơn nữa cũng có thể gây nguy hiểm cho người tham gia tẩy độc và các hậu quả môi trường khác. Hiện nay, theo chúng tôi, chỉ có biện pháp nung cháy đất nhiễm độc là có thể ứng dụng cho các khu vực này. Nhưng cần có công nghệ và trang bị, giá thành lại rất đắt: để tẩy độc cho một khu vực rộng khoảng 1km² bị nhiễm độc do vụ tai nạn nhà máy sản xuất 2, 4, 5-T ở Seveso (Italia) năm 1976 người ta đã phải chi khoảng 300 triệu USD!

Vì vậy để tẩy những khu vực này, theo chúng tôi, nên kêu gọi sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế.

2. Phục hồi rừng nội địa và rừng ngập mặn.

Kinh nghiệm những năm qua cho thấy việc trồng cây gây rừng ở những vùng bị tác hại của chiến tranh hóa học, kể cả những vùng bị tàn phá nặng là có thể được. Tùy từng vùng cần áp dụng mô hình lâm - ngư hoặc lâm - ngư kết hợp lựa chọn những loại cây phù hợp với đặc điểm (chất đất, tiểu khí hậu, phong tục tập quán của dân...) và điều quan trọng là có vốn đầu tư.

Trước mắt cần xác định các khu trọng điểm cần được đầu tư sớm. Đó là những vùng rừng có tiềm năng tài nguyên, có vị trí phòng hộ, có nguồn động thực vật quý hiếm, tiêu biểu có ý nghĩa về kinh tế, xã hội... mà thảm thực vật rừng bị chiến tranh hóa học hủy diệt nặng nề, gây ảnh hưởng xấu đến phạm vi rộng như:

- Khu rừng A Lưới (tỉnh Thừa Thiên - Huế)
- Khu Sa Thầy (tỉnh Kon Tum)
- Khu Đồng Xoài (tỉnh Sông Bé)
- Khu Năm Căn, U Minh (tỉnh Minh Hải)
- Khu Duyên Hải, Rừng Sác (thành phố Hồ Chí Minh)

Những trọng điểm trên là những khu đại diện cho vùng khí hậu, kiểu địa hình, kiểu rừng khác nhau.

Có dự án ưu tiên đầu tư phát triển rừng và môi trường, đối với vùng rừng ngập mặn Cà Mau, nên phát triển hơn nữa mô hình lâm - ngư nghiệp để vừa trồng lại rừng, vừa làm các khu đầm nuôi tôm, cá để tăng sản lượng thủy sản xuất khẩu.

Ngoài ra cần lập ra 4 khu chứng tích của cuộc chiến tranh hóa học, và khu vực nghiên cứu lâu dài, tổng hợp về quá trình diễn biến tự nhiên, động thái của rừng do ảnh hưởng của chất độc hóa học:

- A Lưới (Thừa Thiên - Huế)
- Sa Thầy (Kon Tum)

- Mã Đà (Đồng Nai - Sông Bé)
- Duyên Hải (thành phố Hồ Chí Minh)

Xây dựng một hệ thống thông tin về hậu quả của chiến tranh hóa học.

3. Xử lý với các thùng chất độc còn rải rác trong rừng.

Ở một số vùng rừng núi Tây Nguyên, và hai bên dải Trường Sơn từ Quảng Trị qua Khu 5 vào miền Đông Nam Bộ rải rác vẫn còn những thùng hóa chất độc, thường là thùng chứa chất gây ngạt thở và chảy nước mắt CS, do quân đội Mỹ rải trong thời gian chiến tranh để cản trở việc di chuyển quân của quân ta.

Vì nằm sâu trong rừng nên cho tới nay ta vẫn chưa kiểm kê và phá hủy hết. Thường thì do nhân dân vào rừng lao động phát hiện ra hoặc khi xây dựng các công trình trong rừng, như công trình thủy lợi Iali mới phát hiện ra... Hóa chất trong thùng tuy qua nhiều năm nhưng vẫn còn tác dụng. Khi thùng bị chọc thủng, hơi trong thùng tỏa ra vẫn gây ngạt thở, phù phổi cấp và có trường hợp (như ở Gia Lai) vẫn gây chết người, vì vậy đến nay, chúng vẫn gây khó khăn cho việc khai thác lâm, thổ sản, trồng cây gây rừng, xây dựng kinh tế, v.v... Ở những công trình thủy lợi, khi hình thành các hồ nước, các thùng hóa chất có thể chìm sâu trong nước và gây ô nhiễm cho nước...

Cho tới nay mỗi khi được phát hiện, lực lượng chủ lực phá hủy các thùng này vẫn là bộ đội hóa học chủ lực hay địa phương...

Do các thùng này nằm rải rác trong rừng lại đã nhiều năm, vỏ thùng tôn đã han rỉ, dễ bục. Trong rừng không có đường vận chuyển, phải chui rúc vất vả mới tới được nơi có thùng hóa chất. Vì vậy việc phá hủy không phải là không có nguy hiểm. Cho tới nay cách xử lý duy nhất là đào hố sâu cạnh thùng chôn tại chỗ. Nếu gặp nơi đá cứng thì việc đào hố cũng rất khó khăn. Hơn nữa đã có nhiều trường hợp sau một thời gian dấu vết chỉ dẫn nơi có chôn chất độc bị mất đi thì lại có người khác đến đào trở lại. Nếu làm hồ thủy lợi thì các thùng nằm dưới nước vẫn có thể gây ô nhiễm cho nước hồ...

Trong điều kiện hiện nay của ta thì cách xử trí vẫn là phát động một đợt nhân dân tìm kiếm, phát hiện các thùng nói trên, báo cho chính quyền các địa phương và các cơ quan có trách nhiệm để phá hủy.

Bộ đội hóa học do được huấn luyện, có kỹ thuật, có trang bị phòng chống hóa học, (mặt nạ, áo cao su) nên vẫn là lực lượng chính phá hủy các thùng CS. Trong điều kiện của ta hiện nay cách làm vẫn là đào các hố sâu khoảng 1,5 - 2m ở ngay sát cạnh thùng, (vì ta biết thùng đã rỉ nên rất dễ bục vỡ, rất nguy hiểm nếu khiêng đi nơi khác), lật cho thùng lăn xuống hố rồi đổ vôi bột lấp lên trên. Chú ý cần làm thủng vỏ thùng để vôi có thể tiếp xúc với hóa chất trong thùng.

Nơi chôn cất xa sông, suối, nguồn nước ăn, xa nơi dân cư đi lại và cần đánh dấu và thông báo cho chính quyền, đoàn thể và nhân dân địa phương biết để tránh việc đào bới lại sau này.

III. PHỤC HỒI SỨC KHỎE NẠN NHÂN CHẤT DA CAM

Những nghiên cứu thực nghiệm và trong thực tiễn cuộc sống, các nhà khoa học đã khẳng định dioxin là chất cực kỳ độc hại, gây ra nhiều bệnh lý phức tạp. Tuy nhiên chung quanh tác hại của dioxin với con người vẫn đang còn có nhiều vấn đề chưa sáng tỏ, đòi hỏi nhiều công trình nghiên cứu tiếp.

Cho tới nay, trong nước cũng như trên thế giới chưa xác định được thật đầy đủ các loại bệnh do chất Da cam và dioxin gây ra cho con người.

Chưa có biện pháp đặc hiệu có thể áp dụng rộng rãi để chẩn đoán bệnh do chất Da cam và dioxin gây ra: việc phân tích dioxin trong cơ thể vì rất đắt nên không thể ứng dụng rộng rãi trong chẩn đoán lâm sàng. Hơn nữa, trong điều kiện cụ thể của ta, cuộc chiến tranh hóa học đã xảy ra hơn 20 năm nay; với thời gian, dioxin tự loại trừ dần, nên kết quả phân tích nếu có làm được trên một trường hợp bệnh nhân cụ thể, chắc cũng sẽ không có ý nghĩa quyết định. Các nhà khoa học thế giới đang tìm các biện pháp chẩn đoán dựa trên nguyên tắc miễn dịch học, nhưng chưa có kết quả.

Trong nước cũng chưa có số liệu kiểm kê tổng số nạn nhân chiến tranh hóa học, mà nếu có chắc cũng sẽ luôn luôn thay đổi vì hàng ngày hàng giờ có những người bệnh nặng chết đi, và cũng có người mới phát bệnh, trẻ dị tật mới ra đời.

Do tác hại của các chất độc hóa học với sức khỏe con người rất phức tạp, đa dạng và xen kẽ với nhiều yếu tố khác, lại vì chưa có thuốc đặc hiệu tẩy độc cho người nhiễm dioxin, nên phương hướng khắc phục chung vẫn là nâng cao chất lượng cuộc sống, bao gồm các việc sau:

- Tạo môi trường sống trong lành cho mỗi người dân, đặc biệt các vùng bị rải nặng. Bảo đảm nguồn nước sinh hoạt trong sạch.

- Nâng cao chất lượng cuộc sống cho mỗi công dân, chú ý:

+ Dinh dưỡng hợp lý, khoa học, vệ sinh, chống nấm mốc.

+ Tách rượu, thuốc lá.

+ Rèn luyện cơ thể.

- Cần xác định nhóm người có "nguy cơ bị nhiễm độc cao" để có biện pháp quản lý sức khỏe, sớm phát hiện bệnh tật, thực hiện các chính sách...

Nhóm này có thể bao gồm các cựu chiến binh phục vụ chiến trường lâu năm (trên 5 năm) vào những năm trọng điểm của cuộc chiến tranh hóa học (từ 1965 - 1970), nhân dân gốc sinh sống trong những năm cao điểm của cuộc chiến tranh hóa học ở các địa phương bị rải nặng.

Với số người này cần định kỳ khám sức khỏe, phát hiện sớm các loại bệnh liên quan đến chất Da cam và dioxin (ung thư, các bệnh do rối loạn chuyển hóa lipid, đường... tình hình thai sản để có thể phát hiện và điều trị kịp thời).

- Triệt để thực hiện sinh đẻ có kế hoạch, nhất là ở những vùng bị rải nặng và ở người có "nguy cơ cao". Với những người đã sinh con dị tật nên khuyến khích việc đình sản. Nếu họ thiết tha muốn có con thì cần theo dõi chặt chẽ, phát hiện dị tật sớm để có thể xử trí kịp thời.

Tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân, xóa bỏ các quan niệm mê tín dị đoan cho rằng dị tật bẩm sinh là do ăn ở thất đức, do tội lỗi kiếp trước của gia đình hay bố mẹ, để xóa bỏ sự mặc cảm trong các gia đình sinh con dị tật dẫn đến sự ruồng bỏ, phân biệt đối xử với trẻ tật nguyên.

Với trẻ em dị tật có thể chia thành 3 loại để có cách xử trí thích hợp:

a) *Loại có các dị tật ngoại hình*, một số có thể chữa khỏi bằng phẫu thuật (sút môi, hở hàm ếch, lệch vẹo chân tay, dị tật nội tạng (tim...)). Có thể cần tổ chức những lớp mổ lưu động mổ ở tuyến huyện các dị tật nhẹ để bớt tốn kém.

Nhiều trường hợp cần được rèn luyện, phục hồi chức năng tại cộng đồng, giúp đỡ cho bố mẹ các cháu có kiến thức cơ bản để có thể rèn luyện phục hồi chức năng cho con tại gia đình.

b) *Loại có dị tật mà không có tổn thương về trí tuệ*: các cháu câm điếc, mù cần tổ chức hệ thống trường dạy văn hóa, dạy nghề... tạo điều kiện cho các cháu khi trưởng thành có một cuộc sống tự lập sau này.

Ngày nay, cũng đã có những biện pháp phục hồi phần nào cho các cháu bị bại não đần độn. Cần có đầu tư trang bị cho một vài trung tâm để có thể phục hồi phần nào khả năng nhận thức sinh hoạt và lao động cho các cháu, chí ít cũng có thể tự lo các sinh hoạt hàng ngày bớt lệ thuộc vào sự chăm sóc của gia đình và xã hội.

Nhà nước cần có danh sách ưu tiên tạo điều kiện lao động cho các cháu tật nguyên.

c) *Một số cháu có những dị tật quá nặng*, đặc biệt các trường hợp tâm thần, thần kinh bại liệt... không phù hợp với cuộc sống xã hội, mà gia đình quá khó khăn không chăm sóc, cần được tập trung vào các trại điều dưỡng để được chăm sóc lâu dài.

IV. CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Hậu quả chiến tranh hóa học là vấn đề lớn của đất nước sau chiến tranh, liên quan đến nhiều lĩnh vực khoa học tự nhiên và xã hội: hóa học, môi trường, sinh y học, xã hội, công pháp quốc tế...

Dioxin lại là một hóa chất, được biết là cực kỳ độc hại, mới phát hiện tương đối gần đây. Ngoài chất Da cam còn có nguồn gốc trong nhiều quá trình sản xuất công nghiệp nên đang là vấn đề môi trường mà các nước công nghiệp rất quan tâm. Rất nhiều vấn đề khoa học chung quanh dioxin còn chưa được sáng tỏ...

Lịch sử đau thương của cuộc chiến tranh đã biến đất nước ta thành một *"labô lớn của toàn nhân loại về tác hại của dioxin với sức khỏe con người"* như các nhà khoa học trên thế giới đã đánh giá.

Thật vậy không nơi nào trên thế giới có hàng triệu người bị nhiễm độc ở nhiều mức khác nhau và trong thời gian dài hàng chục năm như nhân dân ta.

Chúng ta cũng biết việc nghiên cứu chất Da cam và dioxin là một nghiên cứu rất đắt tiền (Chính phủ Mỹ đã phải chi khoảng 500 triệu USD), cho việc nghiên cứu trong cựu chiến binh Mỹ, một phân tích dioxin ở các labô quốc tế giá khoảng 1.000 USD, mấy năm nay, chúng ta đã bắt đầu xây dựng vài labô phân tích dioxin trong nước, nhưng giá thành một mẫu xét nghiệm vẫn từ 7 đến 9 triệu đồng VN/một mẫu, chưa kể kết quả phân tích chắc còn phải phấn đấu để được quốc tế chấp nhận.

Vậy ta nên xử trí ra sao?

Chỉ tự lực nghiên cứu trong phạm vi nội bộ như hiện nay để khỏi lộ kết quả nghiên cứu hay hợp tác quốc tế rộng rãi để nhanh chóng làm sáng tỏ và giải quyết vấn đề này?

Chắc chắn có nhiều điều lợi hại cần cân nhắc, nhưng theo chúng tôi kinh nghiệm hơn hai mươi năm qua đã cho thấy các nghiên cứu của ta, trừ mảng phân tích dioxin có giá trị tương đối thuyết phục nhưng cũng nhờ hợp tác quốc tế mới làm được, còn mảng nghiên cứu quan trọng nhất là các tác hại với sức khỏe con người thì đang còn rất nhiều điều chưa rõ. Mà thời gian thì nhanh chóng trôi đi, các nạn nhân không thể chờ đợi lâu hơn, hàng vạn người đã chết đi, không tìm được nguyên nhân... các tác hại trên số người còn lại thì phai nhạt dần...

Thái độ tích cực, theo chúng tôi, là hợp tác quốc tế rộng rãi trong vấn đề này với các nước, các cơ quan khoa học, các cá nhân trên thế giới quan tâm. Chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này trong phần *hợp tác quốc tế* dưới đây.

Hậu quả chiến tranh hóa học còn cần được tiếp tục nghiên cứu theo dõi, trong một thời gian dài có thể phải tới các thập kỷ đầu của thế kỷ 21. Đây cũng là vấn đề liên quan đến nhiều ngành khác nhau nên theo chúng tôi cần có một cơ quan chuyên trách, có thể là một viện nghiên cứu có thẩm quyền, trực thuộc Chính phủ. Viện không cần có biên chế công kênh, nhưng cần tập hợp chuyên gia giỏi và có kế hoạch hợp đồng tốt với các trường đại học, các viện nghiên cứu trong cả nước để có đủ sức hoàn thành nhiệm vụ.

V. XÂY DỰNG CÁC CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

Gần đây Nhà nước đã giao cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội điều tra trong phạm vi toàn quốc để xác định số nạn nhân chiến tranh hóa học và xây dựng những chế độ chính sách cần thiết. Nhà nước cũng đã cho thành lập Quỹ bảo trợ nạn nhân chất Da cam, đặt trong Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, nhằm phát huy tinh thần tương thân tương ái, giúp cho các nạn nhân của chiến tranh hóa học. Đây là những chủ trương đúng đắn được dư luận rất hoan nghênh.

Việc điều tra, xác nhận các nạn nhân chiến tranh hóa học, giúp đỡ, giải quyết chính sách cần làm rất thận trọng, không thể theo kiểu "đánh trống, ghi tên" để tránh những tiêu cực, nhầm lẫn. Vì đây cũng sẽ là cơ sở cho các nghiên cứu khoa học sau này.

Có thể thấy trước là việc xác định nạn nhân, xây dựng cũng như thực hiện các chính sách sẽ rất phức tạp, khó khăn và lâu dài vì không giống như các nạn nhân chiến tranh do vũ khí thông thường, mà các tác hại xuất hiện ngay sau khi bị thương. Với vũ khí hóa học, nhiều loại bệnh lý (như ung thư) chỉ xuất hiện sau hàng chục năm âm thầm không triệu chứng. Các dị tật bẩm sinh có thể lấy ra ở thế hệ thứ 2 - 3 (cháu, chắt), trong khi thế hệ 1 (con) bình thường. Cũng chưa kể còn có nhiều bệnh lý hiện nay chưa biết hết, các nghiên cứu khoa học sẽ còn phát hiện thêm.

Chính đây cũng là lý do giải thích sự cần thiết có một viện nghiên cứu làm tham mưu cho các cơ quan Nhà nước trong vấn đề này.

VI. HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG NGHIÊN CỨU VÀ GIẢI QUYẾT HẬU QUẢ CHIẾN TRANH HÓA HỌC

Nếu thống nhất được các quan điểm về vấn đề hậu quả chiến tranh hóa học như đã trình bày ở trên thì có thể thấy rõ tầm quan trọng của công tác

hợp tác quốc tế trong việc nghiên cứu khoa học và giải quyết hậu quả chiến tranh hóa học *ta không thể và không nên* đóng cửa, tự giải quyết một mình:

1. Vì đây là một cuộc chiến tranh không phải do ta gây ra. Ta là nạn nhân trong cuộc chiến tranh này. Chính nhờ hợp tác quốc tế ta mới có được những thông tin về cuộc chiến tranh giúp ta trong công tác nghiên cứu khoa học cũng như giải quyết hậu quả.

2. Nghiên cứu hậu quả chiến tranh hóa học, dioxin và tìm biện pháp giải quyết chúng, có liên quan đến nhiều vấn đề khoa học rất hiện đại về độc học, hóa học, y học và sinh học phân tử, hóa sinh, miễn dịch học... mà trong nước ta chưa có. Chỉ có hợp tác quốc tế, ta mới có kiến thức, trang thiết bị, kỹ thuật cần thiết, vừa để giải quyết khó khăn trong công tác nghiên cứu, vừa tăng thêm tiềm năng khoa học của đất nước. Tạo điều kiện cho cán bộ khoa học tiếp cận các ngành khoa học này rút ngắn khoảng cách giữa ta và các nước trên thế giới.

3. Có hợp tác quốc tế mới có thêm kinh phí rất tốn kém cho công tác nghiên cứu và khắc phục hậu quả.

4. Cuối cùng việc hợp tác quốc tế sẽ làm tăng tính thuyết phục cho các kết quả nghiên cứu, chuẩn bị dư luận quốc tế thuận lợi cho cuộc đấu tranh chính trị, ngoại giao sau này khi vấn đề được đặt ra.

KẾT LUẬN

Cuộc chiến tranh hóa học của Mỹ tiến hành ở miền Nam nước ta đã gây ra những tác hại trước mắt và lâu dài rất lớn cho nhân dân ta. Tới nay, hơn 20 năm sau cuộc chiến tranh, vẫn còn đặt ra nhiều vấn đề khoa học xã hội và nhân đạo cần giải quyết.

Đảng và Nhà nước ta ngay từ đầu đã có nhiều chủ trương đúng đắn để giải quyết vấn đề này nhưng tiếc rằng, do nhiều lý do, còn nhiều trở lực cho việc nghiên cứu và huy động sức mạnh của cộng đồng trong việc khắc phục những hậu quả này.

Giải quyết hậu quả chiến tranh hóa học là vấn đề khoa học liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực khoa học khác nhau, lại là vấn đề chính trị - xã hội tế nhị.

Với thế giới, dioxin và chất Da cam cũng là vấn đề khoa học mũi nhọn thu hút sự chú ý của cộng đồng khoa học trên thế giới. Đây còn là vấn đề nhân đạo dễ gây xúc động. Đây còn là tiêu điểm của cuộc đấu tranh dai dẳng trong nhiều năm nay của hàng triệu cựu chiến binh Mỹ và các nước đồng minh

của Mỹ, tham chiến ở Việt Nam trước đây, đòi Chính phủ Mỹ và các công ty hóa chất phải chịu trách nhiệm giải quyết...

Vì vậy chỉ cần ta giải quyết được những mối lo ngại không đáng có, đang cản trở việc nghiên cứu và giải quyết vấn đề trong nhiều năm nay, đoàn kết nhất trí, có những biện pháp chủ trương đúng đắn rộng rãi, phát huy được tính khoa học và nhân văn đúng đắn của vấn đề ta sẽ có điều kiện huy động sức mạnh tiềm tàng trong nước, cộng với sức mạnh của lương tri trên thế giới để cùng chúng ta giải quyết vấn đề này làm cho môi trường trong lành trở lại, những nạn nhân được chăm sóc xứng đáng, tháo gỡ được tâm lý bất bình, bức xúc trong xã hội, đồng thời cũng tạo ra một đà phát triển mới cho kinh tế, xã hội và khoa học của đất nước.

Bản sao lưu trữ

Phụ lục 1

ĐỊA ĐIỂM TẬP TRUNG HÓA CHẤT DO SỰ CỐ KHI RÀI

theo Service Herbs Tape (5 December 1986)

Số TT	Thời gian	Tỉnh (cũ)	Địa danh mới xã, huyện, tỉnh	Hóa chất	Số galông	Tọa độ UTM	Sự cố
1	2	3	4	5	6	7	8
1	640430	An Xuyên	Nam thị trấn Cà Mau 80km, Minh Hải	Tím	00400	WQ328774	T
2	640526	Định Tường	Ấp Mỹ Điện, Cai Lậy, Tiền Giang	Tím	00100	XS31579	T
3	641012	Tây Ninh	Bắc Sróc, Con Trăng 5km, ngã ba Tây Ninh - Sông Bé - CPC	Tím		XT550900	T
4	660312	Phú Yên	Long Thạch, Đồng Xuân, Phú Yên	Da cam		CR040070	T
5	660404	Phú Yên	Thọ Vực 3, Tuy Hòa, Phú Yên	Da cam		CQ105530	T
6	660712	Kiến Hòa	Ấp Thành Hòa, huyện Mỏ Cày, Bến Tre	Dino- xol		XS450230	T
7	660821	Tây Ninh	Thanh An, Nam Dầu Tiếng 10km, Sông Bé, giáp Trảng Bàng, Tây Ninh	Trắng		XT535385	T
8	661031	Bình Dương	Xóm Nhà Thờ, Bào Khai, Bến Cát, Sông Bé	Da cam		XT637439	T
9	670111	Bình Dương	Tây bắc chân núi Ong, Bàn Dầu, Dầu Tiếng, Sông Bé			XT510590	T
10	670131	Bình Dương	Không phải là Bình Dương. Nếu in nhầm XD sang XT thì là Ấp Phú Cát, Tân Phú, Đồng Nai	Da cam		XD320330	T
11	670301	Tây Ninh	Thanh Truyền, nam Dầu Tiếng 14km, Sông Bé	Da cam	00700	XT575365	T
12	670315	Phú Yên	Phía tây điểm cao 758 khoảng 2km, Kỳ Lộ cách thị trấn Xuân Hòa 27km về phía bắc, Phú Yên	Xanh	00250	BQ790715	T
13	670324	Phú Yên	Đông Hội, Xuân Quang, Đồng Xuân, Phú Yên	Da cam		BQ800800	T
14	670412	Quảng Nam	Bá Tùng, Hòa Vang, Quảng Nam		01000	BT080700	T

Số TT	Thời gian	Tỉnh (cũ)	Địa danh mới xã, huyện, tỉnh	Hóa chất	Số galông	Tọa độ UTM	Sự cố
15	670423	Thừa Thiên	Sân bay thị xã Đông Hà, Quảng Trị	Xanh	00400	YD600240	T
16	670504	An Xuyên	Kênh Gành, Hào Hộ Phong, huyện Giá Rai, Cà Mau, Minh Hải	Trắng		WR453128	T
17	670505	Long Khánh	Đakai, Phú Lộc, Tân Phú, Đồng Nai	Trắng	00400	YT690440	T
18	670605	Quảng Ngãi	Phúc Hòa, huyện Giồng, Quảng Nam	Trắng	00500	ZC150660	T
19	670706	Phú Yên	Phía bắc Đông Hội 5km, Xuân Quang, Đồng Xuân, Phú Yên	Da cam	00250	BQ830840	T
20	670711	Biên Hòa	Tây bắc phum Rôm Duol 5km, huyện Tân Biên, Tây Ninh	Da cam	00500	XT995136	T
21	670720	Quảng Ngãi	?	Da cam		BS242709	R
22	671006	Hậu Nghĩa	Bến Bào, Bảo Phụng, Tân Uyên, Sông Bé	Xanh	00500	YT079442	T
23	671029	Long Khánh	?	Trắng	01000	YS440970	T
24	671204	Kiến Tường	Xóm Bà Xây, Thuận Nghĩa Hào, Thủ Thừa, Long An	Da cam		XS365808	T
25	671210	Quảng Nam	Tân An, Hòa Vang, Quảng Nam			BT133690	T
26	680106	Biên Hòa	?	Da cam	01000	YS015912	T
27	680208	Hậu Nghĩa	Rạch Bé, Phương Cốc, Đồng Xoài, Sông Bé	Trắng		YT070570	T
28	680441	Phú Yên	Tài Nham, Đồng Xuân, Phú Yên	Da cam		CQ200950	T
29	680426	Bình Dương	Nam Trung An 2km, Tương Bình Hiệp, Bến Cát, Sông Bé	Da cam	01000	XT790150	T
30	680523	An Xuyên	Nam Ấp Ong Khám 40km, Tân Hưng, Cà Mau, Minh Hải			WQ055487	R
31	680623	Quảng Nam	Chân núi Giở Quýt, Trà Mi, Quảng Nam	Da cam		BT265018	T

Số TT	Thời gian	Tỉnh (cũ)	Địa danh mới xã, huyện, tỉnh	Hóa chất	Số galông	Tọa độ UTM	Sự cố
32	680629	Thừa Thiên	Động Mang Chan, huyện A Lưới, Thừa Thiên - Huế	Da cam		YC700950	T
33	680709	Tây Ninh	Tân Bình, Tân Biên, Tây Ninh	Trắng		XT050800	T
34	680826	Khánh Hòa	Chuna, huyện M'DRắc, Đắk Lắk			BP635995	T
35	690929	Phú Yên	Đông Cô, Đông Xuân, Phú Yên	Xanh		BQ900950	T
36	680929	Kiến Tường	Ấp Hội Nghi, Long Ngãi Thận, Thủ Thừa, Long An			XS408800	T
37	680929	Phước Long	Bupulmeuk, nam sân bay Long Giao 4km, Sông Bé			YT440930	T
38	681119	Hậu Nghĩa	Đông bắc Thuộc Nghĩa 8km, Vĩnh Cửu, Đồng Nai	Da cam		YT215380	T
39	681107	Long Khánh	Buôn Dru, tây nông trường Hà Lâm 6km, Lâm Đồng			YT610770	T
40	681119	Bình Định	PleiHalé, Giang Trung, An Khê, Gia Lai	Xanh		BR250260	T
41	690202	Biên Hòa	Nam Chính Lợi 7km, Vĩnh Cửu Đồng Nai	Trắng		YT200100	T
42	690325	Bình Dương	Tây bắc phum Kbal Damrei, Krep CPC	Da cam		XT980020	T
43	690328	Quảng Trị	Vĩnh Nam, huyện Bến Hải, Quảng Trị			YD895150	T
44	690411	Quảng Nam	Kônak, Balan, huyện Giăng, Quảng Nam	Da cam		YC900400	T
45	690412	Hậu Nghĩa	Nam Đồng Xoài 10km, Sông Bé	Da cam		YT050670	T
46	690424	Quảng Nam	Sông Cam Lộ, Đông Hà, Quảng Trị	Da cam		YD570020	T
47	690710	Đắk Lắk	Bắc buôn Tur 2,5km, huyện Đắk Mìn, Đắk Lắk			ZV180110	T
48	700410	Quảng Nam	Kahoh, Sơn Trà, Quảng Ngãi	Xanh		BS360620	T

Ghi chú:

Cột 1: Số thứ tự.

Cột 2: Thời gian xảy ra sự cố, ghi theo thứ tự năm, tháng, ngày.

Thí dụ: 640430 là sự cố xảy ra vào ngày 30 tháng 4 năm 1964.

Cột 3: Tên tỉnh cũ.

Cột 4: Địa danh hiện nay, tên xã, huyện, tỉnh. Nếu địa điểm xảy ra tai nạn không thuộc một địa danh cụ thể trên bản đồ thì ghi khoảng cách và phương hướng (đông, tây, nam, bắc...) tới một địa danh gần nhất.

Cột 5: Loại hóa chất trút xuống địa điểm (chất màu Da cam, Xanh hoặc Tím... Có trường hợp không có thông tin về loại hóa chất thì để trống).

Cột 6: Lượng hóa chất trút xuống địa phương (tính bằng galông Mỹ (1 galông = 3,78 lít).
Thí dụ: 00400 có nghĩa là 400 galông trút vội xuống địa phương (tương đương khoảng 1.500 lít).

Cột 7: Tọa độ nơi xảy ra sự cố ghi theo bản đồ UTM.

2 ký tự đầu (thí dụ XT, WQ...) là mảnh bản đồ.

Các con số sau 328774 là tọa độ trong đó X = 328, Y = 774.

Cột 8: Loại sự cố. Ký hiệu T: gặp sự cố bất thường (như bị hỏa lực mặt đất bắn lên), máy bay phải trút vội hóa chất để bỏ chạy. Ký hiệu R: máy bay bị bắn rơi cùng với lượng hóa chất trong thân máy bay.

Bản sao lưu trữ

Phụ lục 2
LƯỢNG HÓA CHẤT RẢI XUỐNG
CÁC ĐỊA PHƯƠNG MIỀN NAM VIỆT NAM¹

Các tỉnh được phân chia theo vùng chiến thuật của Mỹ, lượng rải được tính theo từng năm từ 1967 - 1970.

Các thông tin thu được gồm:

Cột 1: Tên tỉnh cũ

Cột 2: Số đề án thực hiện

Cột 3: Số galông rải

Cột 4: Diện tích bị rải (tính theo acres)

Cột 5: Mục đích rải (diệt cỏ hay phá hoại mùa màng).

I Corps - 1967

PROVINCE	PROJECT NUMBER	GALLONS	ACRES SPRAYED	MISSION TYPE
1	2	3	4	5
Quang Nam	10.766	7.010	2.073	Defoliation
Quang Nam	13.366	7.920	2.344	Crop Destruction
Quang Nam	10.666	2.000	592	Crop Destruction
Quang Ngai	10.167	4.150	1.229	Defoliation
Quang Ngai	13.466	7.190	2.126	Crop Destruction
Quang Ngai	10.266	22.315	6.604	Crop Destruction
Quang Ngai	10.167	44.990	13.324	Crop Destruction
Quang Tin	12.166	4.655	1.377	Crop Destruction
Quang Tin	10.266	12.590	3.726	Crop Destruction
Quang Tin	16.766	2.770	820	Crop Destruction
Quang Tin	10.766	30.210	8.920	Crop Destruction
Quang Tri	10.666	135.460	40.084	Defoliation
Quang Tri	10.566	2.850	844	Defoliation
Quang Tri	10.367	25.500	7.555	Defoliation

1. Lượng hóa chất rải xuống miền Nam từ năm 1967 đến năm 1970 theo các đoàn bay, khoảng hơn 100 đề án (Project Number) nhưng do khung khổ cuốn sách, chúng tôi chỉ giới thiệu với bạn đọc một phần tư liệu (BT).

1	2	3	4	5
Quang Tri	10.366	3.000	899	Defoliation
Quang Tri	10.167	3.000	899	Defoliation
Quang Tri	10.566	500	148	Crop Destruction
Quang Tri	10.166	12.560	3.712	Crop Destruction
Thua Thien	10.866	5.580	1.651	Defoliation

Bản sao lưu trữ

Phụ lục 3
CÁC PHI VỤ RẢI CHẤT ĐỘC HÓA HỌC
vùng A Lưới (Thừa Thiên - Huế) từ 1965 - 1970
HỒ SƠ BAY CỦA VÙNG YC
thuộc A Lưới - Bình Trị Thiên¹

Cột 1: Thời gian (năm, tháng, ngày)

Cột 2: Độ rộng băng rải

Cột 3: Lượng rải (100 l/km²)

Cột 4: Loại chất độc hóa học (1 = chất Da cam, 2 = chất Xanh, 3 = chất Trắng)

Cột 5: Đường bay

Cột 6, 7: Tọa độ của X, Y (Theo hệ UTM)

Cột 8, 9: Tọa độ của X, Y (Theo hệ UTM)

Cột 10, 11: Tọa độ của X, Y (Theo hệ UTM)

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
650822	2	9.908256	1	2	870	702	1.000	835		
650822	2	9.908256	1	5	770	820	855	903	880	850
650823	2	9.908256	1	2	870	720	1.000	835		
650823	2	9.908256	1	5	770	820	855	903	880	850
650824	2	26.79851	1	2	790	800	950	850		
650824	2	42.95455	1	2	600	890	710	890		
650825	2	120.1622	1	2	710	725	700	770		
650908	1	35.92562	1	2	679	860	681	860		
650911	2	35.91449	1	2	519	815	521	815		
650912	1	35.82939	1	2	494	835	496	835		
650917	1	35.82939	1	2	401	981	403	981		
660213	1	36	1	2	499	840	501	840		
660215	1	35.82939	1	2	499	840	501	840		
660217	3	14.13084	1	2	820	570	980	610		
660217	3	14.13084	1	2	980	570	1.000	572		
660217	3	14.13084	1	2	780	480	880	545		

1. Hồ sơ này lập từ ngày 22 tháng 8 năm 1965 là ngày Mỹ bắt đầu rải chất độc hóa học xuống vùng A Lưới cho đến ngày kết thúc là ngày 9 tháng 10 năm 1970 có tới hơn một nghìn phi vụ, nhưng do khung khổ cuốn sách chúng tôi chỉ giới thiệu với bạn đọc một phần tư liệu (BT).

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
660218	2	16.61539	1	2	820	570	980	610		
660218	2	16.61539	1	2	780	480	880	545		
660219	2	50.625	1	2	880	470	900	470		
660219	2	50.625	1	2	780	480	810	480		
660219	2	50.625	1	2	880	490	900	490		
660220	2	22.77109	1	2	900	325	1.000	353		
660225	2	24.948	1	2	955	290	950	332		
660225	2	24.948	1	3	830	320	836	350	845	320
660228	2	35.94098	1	2	499	840	501	840		

Bản sao lưu trữ

**DỰ LUẬN MỸ VÀ THẾ GIỚI LÊN ÁN CHIẾN TRANH HÓA HỌC
DO QUÂN ĐỘI MỸ TIẾN HÀNH Ở NAM VIỆT NAM
Từ năm 1961 đến năm 1971**

Ngày 30 tháng 10 năm 1961

Bộ Ngoại giao nước Việt Nam dân chủ cộng hòa gửi công hàm cho 103 nước trên thế giới tố cáo Mỹ kể từ năm 1954 cho đến nay đã đưa hàng ngàn nhân viên quân sự, hàng chục vạn tấn đạn dược và vũ khí vào miền Nam Việt Nam kể cả vũ khí và chất độc hóa học để giết hại dân thường và phá hoại mùa màng ở miền Nam Việt Nam.

Ngày 27 tháng 11 năm 1961

Tạp chí Mỹ Newsweek đưa tin các máy bay Mỹ đã phun rải nhiều chất độc hóa học xuống đồng ruộng ở miền Nam Việt Nam để phá hủy hoa màu. Các chuyên gia Mỹ đã huấn luyện cho phi công ngụy Sài Gòn cách phun rải chất độc hóa học.

Ngày 14 tháng 1 năm 1962

Liên hiệp công đoàn thế giới (FMS) thay mặt 120 triệu đoàn viên lên án Chính phủ Mỹ sử dụng các chất độc hóa học ở miền Nam Việt Nam.

Trong một bài báo đăng trên tờ "Tạp chí trên bộ" (La Revue Progressiste) nhà ngoại giao Mỹ Edmun Tchaff xác nhận rằng các lực lượng vũ trang Mỹ ở miền Nam Việt Nam đã sử dụng các chất độc hóa học diệt cỏ và đã phá hoại mùa màng làm cho quân du kích vừa không có nơi trú ẩn vừa thiếu lương thực.

Ngày 7 tháng 4 năm 1962

Ban thư ký của Hội luật gia dân chủ thế giới họp ở Prague (Tiệp Khắc) ra tuyên bố vạch rõ việc sử dụng các chất diệt cây phá hủy mùa màng ở miền Nam Việt Nam là trái với tất cả các quy tắc sơ đẳng của nhân đạo và nguyên tắc của luật pháp quốc tế.

Ngày 4 tháng 5 năm 1962

Báo Tribune des Nations viết về chiến tranh hóa học:

Tác dụng gây độc đã vượt xa những giới hạn dự kiến và gây nên những phản ứng rộng rãi cản trở đến cao độ việc thực hiện chiến lược mới của cuộc chiến tranh không tuyên bố. Hai sự việc quá rõ ràng đã vấp phải sự phản

kháng rất kịch liệt, không những của các nạn nhân mà cả của những tổ chức và nhân vật xúc động trước cảnh tượng tàn phá hoàn toàn. Trước hết, có nhiều trường hợp người ta bị nhiễm độc, bị chảy máu, bị ngắt đi một thời gian lâu, ngoài ra nhiều đồn điền cao su và vườn cây ăn quả bị phá hủy nặng nề trên một diện tích 50km²; điều đó đã tập hợp lại để chống chính phủ, hàng vạn nhân dân từ những người cùng khổ lần này bị mất sạch của cải đến những chủ đồn điền và chủ cơ sở thủ công nghiệp, trong số đó có nhiều người là sĩ quan hoặc công chức cao cấp.

Ngày 13 tháng 2 năm 1963

Đại hội lần thứ 3 của nhân dân Á - Phi họp tại Moshi (Tan Giania) thay mặt cho 1.600 triệu nhân dân Á - Phi, ra tuyên bố đòi Mỹ phải chấm dứt ngay việc rải chất độc hóa học ở miền Nam Việt Nam.

Ngày 22 tháng 3 năm 1963

Nhà bác học Anh Bertrand Russell viết thư cho tờ Washington Post (Mỹ) lên án Mỹ tiến hành chiến tranh hóa học để phá hoại mùa màng, giết hại gia súc và gây nạn đói cho nhân dân miền Nam Việt Nam.

Ngày 23 tháng 3 năm 1963

Tạp chí Mỹ New Republic tiết lộ rằng: "Một kế hoạch về chiến tranh hóa học đã được Nhà Trắng thực hiện 6 tháng trước đây ở miền Nam Việt Nam nhằm không những làm cho du kích bị lộ mà còn để loại trừ việc tiếp tế của họ bằng cách phá hủy mùa màng", kế hoạch này đánh vào các nông dân xấu số.

Ngày 19 tháng 6 năm 1964

Liên đoàn các nhà khoa học Mỹ ra tuyên bố đòi Chính phủ Mỹ phải công khai tuyên bố từ bỏ và đình chỉ sản xuất vũ khí vi trùng, hóa học và phóng xạ; và lên án Chính phủ Mỹ dùng chất độc hóa học trong chiến tranh Việt Nam (miền Nam) với mục đích rõ rệt là để giết hại dân thường. Bản tuyên bố còn vạch rõ Chính phủ Mỹ đang dùng miền Nam Việt Nam làm nơi thí nghiệm cuộc chiến tranh hóa học và vi trùng.

Ngày 31 tháng 8 năm 1964

367 nhà khoa học ở 34 nước và khu vực thuộc châu Á, Phi, Mỹ La tinh và Đại Dương ra quyết nghị lên án Mỹ phun rải chất độc hóa học nhằm giết hại dân thường, phá hoại mùa màng và rừng rú ở miền Nam Việt Nam, vi phạm tất cả các nguyên tắc, công lý và nhân đạo.

Ngày 17 tháng 1 năm 1965

29 nhà sinh vật học, hóa học là giáo sư y khoa Mỹ tuyên bố vạch rõ việc Mỹ sử dụng vũ khí hóa học ở miền Nam Việt Nam là một biểu hiện của sự suy đồi về đạo đức của Mỹ.

Tháng 3 năm 1965

Lời giáo sư J. Beznal, chủ tịch Hội đồng Hòa Bình thế giới. "Bom Napal và hơi độc đã được dùng để đánh nhân dân Việt Nam (miền Nam). Nhân dân thế giới kinh tởm mà nhận thấy rằng Chính phủ Mỹ đã vi phạm tất cả các nguyên tắc của luật pháp quốc tế. Nhân dân thế giới đòi phải chấm dứt tất cả các hành động dã man đó. Một cuộc xâm lược như vậy đe dọa toàn cõi Đông Nam Á và đe dọa hòa bình chung trên thế giới".

Ngày 13 tháng 5 năm 1965

Trích bản tuyên bố có chữ ký của chừng một ngàn giáo sư và cán bộ giảng dạy ở các trường đại học Mỹ, đăng trên tờ New York Times:

"Tình hình ở Việt Nam đặt ra nhiều vấn đề đạo đức nghiêm trọng chứ không thuần túy là những vấn đề về ngoại giao hay chiến thuật. Nước ta có sức mạnh vô cùng to lớn. Để cho sức mạnh đó được sử dụng vào những mục đích vô lý và dã man là làm nguy hại đến tận nền tảng ảnh hưởng của Mỹ".

Ngày 27 tháng 6 năm 1965

Trích bản tuyên bố của 579 văn nghệ sĩ Mỹ đăng trên tờ New York Times:

"Chúng ta không thể im lặng trong khi chính sách đối ngoại của nước ta ngày càng trở nên vô nhân đạo. Những người cầm quyền ở nước ta cần phải nhớ rằng do hành động của họ ở Việt Nam, ở cộng hòa Dominich, họ đang vi phạm luật pháp quốc tế, Hiến chương Liên Hiệp quốc và cố nhiên là vi phạm tinh thần hiến pháp nước ta (Mỹ)".

Ngày 16 tháng 8 năm 1965

Trên tờ Chemical Engineering News, bác sĩ Richard L. Kenyon trong Hội hóa học Mỹ (American Chemical Society) viết: "Nên dự kiến trước việc sử dụng có hệ thống hơn các chất hóa học và vi trùng trong cuộc chiến tranh du kích hiện đang tiếp diễn ở Việt Nam".

Ngày 21 tháng 8 năm 1965

Phái đoàn liên lạc Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam cạnh Ủy ban quốc tế tố cáo việc Mỹ đưa "Viện Nghiên cứu cơ động" thuộc Đội công tác chiến tranh vi trùng và hóa học thứ 406 của Mỹ thành lập tại Sagami-hara (Nhật Bản) vào hoạt động ở miền Nam Việt Nam.

Ngày 21 tháng 12 năm 1965

Bộ Quốc phòng Mỹ lại công khai xác nhận là không quân Mỹ đã phun rải chất độc hóa học ở miền Nam Việt Nam.

Ngày 14 tháng 1 năm 1966

Lời nhà triết học Anh Bertrand Russell:

"Mỹ đã phạm đủ mọi tội ác đáng đem ra xử tại một tòa án quốc tế xét xử tội phạm chiến tranh".

Ngày 1 tháng 3 năm 1966

Nhà sinh vật học Mỹ John Edsall gửi thư cho tướng Mỹ Michael Davidson vạch rõ rằng các chất diệt cây gây những hậu quả nghiêm trọng đối với con người và súc vật, đặc biệt là đối với trẻ em, người già và người ốm đau.

Ngày 22 tháng 3 năm 1966

Bộ Ngoại giao nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra tuyên bố tố cáo Mỹ:

- Công khai dùng các loại hơi độc chiến tranh và coi đó là một thứ vũ khí tiêu chuẩn cơ bản của quân đội Mỹ.

- Đưa từ Nhật sang Việt Nam cái gọi là Viện nghiên cứu cơ động thuộc đội công tác chiến tranh vi trùng, hóa học số 406 của Mỹ.

- Phun rải chất độc hóa học xuống 26 tỉnh trong số 43 tỉnh ở miền Nam.

- Phá hủy bằng chất độc 700.000 hécta đất đai trong năm 1965 (năm 1963 là 320.000 hécta) làm hàng ngàn người chết vì nhiễm độc.

Ngày 26 tháng 3 năm 1966

Lời giáo sư Nhật Mitsuko Taketani, trường Đại học Rikkyo:

"Việc dùng hơi độc phản ánh đúng chính sách của Mỹ hiện nay. Mỹ đã dùng cả hơi độc mà chính Hitle cũng không dám dùng".

Lời bà Eugenic Cotton, chủ tịch Liên đoàn phụ nữ dân chủ thế giới:

"Việc ném bom bắn phá hai miền Nam, Bắc Việt Nam vi phạm Hiệp nghị Giơnevơ 1954; việc dùng bom napan và hơi độc biểu hiện một sự dã man kinh khủng".

Ngày 10 tháng 5 năm 1966

Theo tờ NewYork Times, quân đội Mỹ đã sử dụng hơi độc thuộc loại BZ ở miền Nam Việt Nam.

Mỹ và ngụy quyền Sài Gòn tăng cường việc dùng các loại hơi độc để đàn áp các cuộc biểu tình của quần chúng ở các đô thị. Đại tá Vũ Văn Cửa, đô trưởng Sài Gòn đe dọa nhân dân Sài Gòn rằng: "Quân đội (ngụy) có nhiều vũ khí mới trong đó có 4 loại lựu đạn chứa hơi độc. Ngoài hơi cay (Gaz lacrymogene (CS)) chúng tôi còn có những hơi gây màu sắc (Gaz colorant (BZ)) để lại dấu vết trong 3 ngày mà không tẩy xóa đi được, hơi làm cho đi ỉa chảy và hơi làm cho nôn mửa".

Ngày 10 tháng 6 năm 1966

Về việc phun rải chất độc hóa học ở miền Nam Việt Nam, tờ NewYork Times cho biết:

1961 có 60 lần xuất kích của không quân (lúa, mía, rau dền, nằm trong vùng bị rải chất độc hóa học).

1962 có 107 lần xuất kích để phá hủy các ruộng lúa ở vùng đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên.

1966 có 1.324.730 galông chất diệt cây đã được rải trên nửa triệu acre (1 acre = 0,4 héc-ta) đất đai.

1967 - trù tính có những lần xuất kích của 18 máy bay (C123) cùng một lúc đi rải chất độc hóa học, các mục tiêu do sĩ quan Mỹ và ngụy lựa chọn (On recommande des sorties de 18 avions à la fois, les cibles étant selectionnées par des officiers us et Vietnamiens).

Cabot Lodge, đại sứ Mỹ ở miền Nam Việt Nam, đích thân chỉ đạo việc phun rải chất độc.

Ngày 10 tháng 9 năm 1966

22 nhà khoa học Mỹ, trong đó có 7 người được giải thưởng Nobel gửi thư cho Tổng thống Mỹ Johnson đòi chấm dứt ngay việc sử dụng các vũ khí hóa học ở miền Nam Việt Nam.

Ngày 18 tháng 9 năm 1966

Theo báo Anh - Tin điện chủ nhật (Sunday Telegraph) Chính phủ Mỹ bí mật triển khai chiến tranh vi trùng và hóa học, và đã đem áp dụng kết quả nghiên cứu được vào cuộc chiến tranh Việt Nam.

Ngày 19 tháng 9 năm 1966

Trích thư gửi Tổng thống Mỹ Johnson của 22 nhà bác học Mỹ trong đó có 7 vị đã được tặng giải thưởng Nobel là: Kleix Bloch, Konzad Bloch, Robert Hofstadter, Arthur Kornberg, Frify Lipman, Severo Ochoa và Tatum:

"Nhóm chúng tôi tha thiết yêu cầu tổng thống ra lệnh chấm dứt việc quân đội Mỹ dùng những thứ vũ khí hóa học giết hại cây cối và con người ở Việt Nam".

"Nhóm chúng tôi yêu cầu Nhà Trắng xét lại chủ trương của Chính phủ Mỹ đối với kho vi trùng và hóa học" (tin AP).

Tháng 11 năm 1966

Trong một bài đăng trên tạp chí Flying, thiếu tá Rêphơ Dretxơ, người chỉ huy trực tiếp chiến dịch Ranch Hand thú nhận toàn bộ những cuộc hành quân hủy diệt mùa màng đều được đại sứ Mỹ tại Sài Gòn lúc bấy giờ là Cabot Lott ký tên ra lệnh.

Thiếu tá Dretxơ đã thực hiện 275 phi vụ. Phi đội của ông ta gồm 7 chiếc C-123 hoạt động mỗi tuần là 6 ngày, mỗi ngày có hai chuyến bay. Chuyến bay nào trở về mà không bị trúng đạn sẽ được thưởng huân chương "Anh dũng bội tinh". Đây là những chuyến bay rất nguy hiểm vì máy bay phải sà thấp xuống thấp cách mặt đất 50 mét, bay với tốc độ 230km/h do đó nên để

bị trúng đạn. Dretxơ thú nhận "Chúng tôi là loại lính bị người Việt Nam thù ghét nhất, nhưng biết làm sao bây giờ, chúng tôi đâu muốn nhìn thấy cây cối mùa màng bị hủy diệt, điều đó thật đau lòng, nhưng là điều cần thiết...".

Ngày 13 tháng 1 năm 1967

Báo Mỹ Science cho biết, một phụ nữ làm việc tại Fort Detrick - Trung tâm nghiên cứu về chiến tranh vi trùng đã được thưởng huân chương cao nhất của quân đội Mỹ dành cho dân thường vì đã đóng góp vào việc phát triển một loại nấm có thể hủy diệt được mùa màng ở Đông Nam Á.

Ngày 3 tháng 2 năm 1967

Theo AP, tham mưu trưởng không quân Mỹ P.Mc Connel báo cáo trước Thượng viện, tính đến cuối năm 1966, Mỹ đã cho phun rải chất độc hóa học trên một triệu acre đất đai ở miền Nam Việt Nam.

Ngày 5 tháng 2 năm 1967

Tuyên bố của người phát ngôn Bộ chỉ huy Mỹ tại Sài Gòn: "Quân Mỹ bắt đầu dùng chất độc hóa học ở phía Nam khu phi quân sự".

Ngày 14 tháng 2 năm 1967

Trên 5.000 nhà khoa học Mỹ trong đó có 17 người được giải thưởng Nobel và 125 người có chân trong Viện Hàn lâm khoa học quốc gia Mỹ gửi kiến nghị cho Nhà Trắng đòi cấm sử dụng các vũ khí hóa học và vi trùng tại Việt Nam.

Tháng 2 năm 1967

Cuốn sách nhỏ mang tên "Việt Nam - Tài liệu chiến tranh hóa học và vi trùng" do các bác sĩ Thụy Sĩ: Gui Muhlethalez, Oltramare và Forel soạn, cho biết ngân sách Mỹ dành cho công cuộc nghiên cứu về vũ khí hóa học và vi trùng đã tăng từ 36,3 triệu đôla trong năm 1959 tăng lên 170 triệu đôla năm 1964; công việc này được giao phó cho các hãng tư nhân và các trường đại học Mỹ tiến hành; hợp đồng ký kết giữa giới quân sự Mỹ với các trường đại học kể từ 1962 trừ tính cả việc nghiên cứu các điều kiện thời tiết ở Đông Nam Á và việc áp dụng các vũ khí hóa học và vi trùng trong điều kiện thời tiết đó.

Ngày 8 tháng 9 năm 1967

Hãng AP đưa tin Bộ Quốc phòng Mỹ đã có kế hoạch mới về chiến tranh hóa học ở miền Nam Việt Nam. Kế hoạch này nhằm làm cho đất đai bị cằn cỗi vì các chất hóa học và sẽ được áp dụng trước tiên tại phía bắc miền Nam Việt Nam.

Ngày 22 và 25 tháng 11 năm 1967

Tại tòa án Rusell II họp ở Roskilde (Đan Mạch) giáo sư Minkowski vạch rõ Mỹ đã thả hàng trăm tấn chất độc hóa học xuống rừng rú ở miền Nam

Việt Nam bằng máy bay C-123; hành động của Mỹ không phải là "làm rụng lá cây" mà thực tế là hủy diệt cây cối.

Ủy ban Nhật chống các tội ác chiến tranh của Mỹ cho biết số lượng hóa chất gọi là để "dùng trong nông nghiệp" được Mỹ phun rải trên 80 ngàn hecta đất đai ở miền Nam Việt Nam (trị giá 100 triệu đôla bằng khoảng 358 ngàn tấn) ước tính cao gấp nhiều lần so với số lượng dùng ở Nhật Bản trên cùng một diện tích.

Tiểu ban về chiến tranh hóa học sau khi phân tích các loại hơi độc và cách Mỹ sử dụng các hơi đó ở miền Nam Việt Nam, đi đến kết luận các hơi đó có tác dụng làm chết người và bị quốc tế ngăn cấm.

Ngày 6 tháng 1 năm 1968

Sau 3 năm làm việc ở miền Nam Việt Nam bác sĩ Vennema (quốc tịch Canada) gửi thư cho bác sĩ E.W.Pfeiffer - giáo sư trường Đại học Montana (Mỹ) vạch rõ là có nhiều người ở miền Nam Việt Nam bị chết vì hơi độc trong số đó trẻ em chiếm 90%.

Ngày 29 tháng 2 năm 1968

Đại tá Thomas W. Mellen, phụ trách tổ chức nghiên cứu các vũ khí hơi độc, báo cáo trước ủy ban quân lực Thượng viện Mỹ rằng hơi độc CS có thể phá hoại hoặc làm tê liệt hệ thống thần kinh của con người.

Tháng 5 năm 1968

Theo thư của nhà khoa học Thomas P. Percy gửi báo Science (Mỹ), Bộ Quốc phòng Mỹ trong năm 1967 và 1968 đã đặt mua toàn bộ sản lượng chất 2,4,5-T (Da cam) của Mỹ tức là khoảng 13 hoặc 14 triệu bảng Anh (Pound).

Ngày 25 tháng 6 năm 1968

Thời báo Anh The Guardian, Mỹ quyết định sử dụng ở miền Nam Việt Nam trong tài khóa sắp tới kể từ ngày 1 tháng 7 năm 1968, 10 triệu galông (bằng 45 triệu lít chất độc hóa học trị giá khoảng 70,8 triệu đôla).

Con số chi tiêu chính thức của Mỹ về chiến tranh hóa học kể từ 1965 đến 1968 như sau:

1965 - 1966	30,3 triệu đôla
1967	40 triệu đôla
1968	70,8 triệu đôla

Ngày 8 tháng 7 năm 1968

Theo hãng Reuter, được tính bị rải chất độc của Mỹ ở miền Nam Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 1967 là 965.506 acre (1 acre = 4.047m²). Mỗi năm Mỹ dùng 5 triệu sterling để mua thêm các chất độc hóa học. Tính đến

ngày 1 tháng 7 năm 1968, Mỹ đã mua tất cả 30 triệu sterling các chất độc, gấp 6 lần con số của năm 1965 - 1966.

Ngày 19 tháng 9 năm 1968

Theo báo Mỹ Los Angeles Times, Bộ Quốc phòng Mỹ đã cho một nhà máy hóa chất hoạt động trở lại và sản xuất hàng năm 8 triệu galông các chất độc hóa học để dùng vào cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Hàng ngày miền Nam Việt Nam có hơn 30 máy bay C-123 đi phun rải chất độc hóa học với sự hộ tống của nhiều máy bay chiến đấu F-4.

Tháng 12 năm 1968

Giáo sư A.W. Galston trong Hội liên hiệp Mỹ vì tiến bộ của khoa học (AAAS) cho biết các vùng đất của miền Nam Việt Nam bị phun rải chất diệt cỏ với nồng độ cao nếu không có cây cỏ mọc bên trên thì có thể bị hóa rắn như đá laterite và hoàn toàn không thể dùng để trồng trọt trở lại nữa.

Ngày 6 tháng 1 năm 1969

Bác sĩ N.F. Wickener, trước kia phụ trách khoa học - kỹ thuật tại Cục nguyên tử Bộ Quốc phòng Mỹ, sẽ thay nhà khoa học William D. Mc Millan làm cố vấn cho tướng C. Athur chỉ huy quân sự Mỹ ở miền Nam Việt Nam (AFP).

Ngày 4 tháng 3 năm 1969

Tại Quốc hội Mỹ, thiếu tướng Hebbeler báo cáo rằng chất độc không có mùi vị và màu sắc như chất 6B (Sarin) và VX có thể giết hại binh sĩ trước khi họ đeo mặt nạ phòng hơi độc.

Ngày 7 đến 14 tháng 4 năm 1969

Quân Úc dưới sự chỉ huy của sĩ quan Mỹ mở cuộc hành quân càn quét vào vùng cách núi Đất 3 dặm về phía tây nam (chiến dịch mang tên Overland trong cuộc hành quân này, quân Úc đã dùng cả hơi độc).

Ngày 9 tháng 4 năm 1969

Hãng Reuter cho biết quân Úc đã thả hơi độc CS vào một vùng cách núi Đất khoảng 18km về phía tây bắc trong 10 ngày liên.

Ngày 10 tháng 4 năm 1969

Bộ Quốc phòng Úc thừa nhận rằng quân Úc đã sử dụng hơi độc CS ở miền Nam Việt Nam.

Ngày 21 tháng 4 năm 1969

Bộ Quốc phòng Mỹ nói số tiền chi trong năm 1969 cho chiến tranh hóa học tốn 350 triệu đôla. Tuy nhiên thượng nghị sĩ Mc. Carthy trước đây đã cho biết trong năm 1969 chỉ trong một nhà máy ở Maryland cũng đã tiêu 420 triệu đôla cho việc sản xuất các vũ khí hóa học và vi trùng.

Ngày 26 tháng 4 năm 1969

Bộ Quốc phòng Mỹ xác nhận rằng, Mỹ đã tiến hành trên quy mô lớn những cuộc thử hơi độc làm tê liệt thần kinh tại căn cứ Dugway thuộc bang Utah từ nhiều tháng nay.

Ngày 26 tháng 6 năm 1969

Giám mục J.Amstrong, ủy viên phái đoàn Mỹ đi thăm miền Nam Việt Nam đã nghiên cứu vấn đề tự do tín ngưỡng và chính trị, đã báo cáo trước Tiểu ban phụ trách vấn đề tị nạn của Thượng viện Mỹ rằng: chất độc hóa học, bom napan và các cuộc ném bom bừa bãi đã làm cho nông thôn bị hoang tàn, nông dân phải rời bỏ các đất đai trồng trọt, gia đình họ phải ly tán, thành phố tràn ngập hàng triệu người tị nạn... (UPI).

Ngày 8 tháng 7 năm 1969

Báo Mỹ Wall Street Journal đưa tin một số thùng hơi độc (đã dùng ở miền Nam Việt Nam) chứa trong một kho của căn cứ quân sự Mỹ tại Okinawa đã bốc hơi làm cho 25 người phải đi bệnh viện vì trúng độc nặng.

Các đảng phái, toàn thể nhân dân, hội đồng lập pháp Nhật ở Okinawa đòi Mỹ phải lập tức đưa ra khỏi nơi đây các vũ khí hơi độc.

Ngày 23 tháng 7 năm 1969

Ông J. Narasaki, thuộc Đảng Xã hội Nhật Bản, tố cáo trước quốc hội Nhật Bản rằng chất hóa học 2,4,5-T (Da cam) mà quân Mỹ sử dụng ở miền Nam Việt Nam đang được sản xuất tại nhà máy Kyushu của công ty hóa chất Mitsui Toatsu ở Tokyo.

Ngày 28 tháng 7 năm 1969

Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Melvin Laized đã tuyên bố rằng Mỹ sẽ tiếp tục sản xuất vũ khí hóa học và vi trùng, và sẽ không ngần ngại sử dụng các vũ khí đó nếu một nước khác dùng các vũ khí đó để chống lại Mỹ.

Ngày 31 tháng 7 năm 1969

Báo NewYork Post đưa tin, máy bay Mỹ đã phun rải chất độc hóa học từ 7 đến 18 tháng 7 năm 1969 xuống 9 xã thuộc vùng bắc khu phi quân sự làm nhiều người bị nhiễm độc và mùa màng bị phá hoại.

Ngày 1 tháng 8 năm 1969

Theo tờ NewYork Times, Bộ Quốc phòng Mỹ quyết định ngăn cản mọi hội nghị giải trừ quân bị buộc Mỹ phải chấm dứt việc sử dụng các hơi độc ở miền Nam Việt Nam.

Ngày 22 tháng 11 năm 1969

Theo báo Bưu điện chủ nhật ở Sài Gòn, một sản phụ vì ảnh hưởng của chất độc hóa học đã sinh ra quái thai: mặt trắng, mình đen, hai chân dính vào nhau và không có bàn chân.

Ngày 25 tháng 11 năm 1969

Theo UPI, Nghị định thư Gionevơ 1925 về việc cấm dùng hơi độc và các chất hóa học sở dĩ không được Mỹ thông qua vì Ủy ban chiến tranh hóa học của lục quân Mỹ phản đối với lý do là Nghị định thư này sẽ không bao giờ được tôn trọng trong chiến tranh và hơi độc là phương pháp giết người nhân đạo hơn (?) là các thứ vũ khí khác.

Ngày 26 tháng 11 năm 1969

Báo Mỹ Times bình luận rằng hơi làm chảy nước mắt thực sự làm hại phổi và những hóa chất phá cây cối lại đáng chê trách gấp ba vì nó phá nguồn cung cấp lương thực về lâu dài và đe dọa tàn phá những thế hệ tương lai (UPI).

Ngày 29 tháng 11 năm 1969

George Bunn, cố vấn về tài giảm binh bị trong chính quyền của Kenedy và Johnson trước kia đã phát biểu ý kiến trước một ủy ban của quốc hội Mỹ rằng các máy bay lên thẳng ném nhiều lựu đạn, thùng chất độc CS làm chảy nước mắt xuống các căn cứ của Việt cộng và sau đó máy bay B-52 đến ném bom; việc này không nhất trí với những lý do nhân đạo mà Mỹ vừa đưa ra để biện hộ cho việc dùng hơi độc.

Nghị sĩ Richard Mc Carthy nói: "Việc dùng hơi độc làm chảy nước mắt nhằm buộc du kích chạy ra khỏi hầm để rồi bị bắn gục, rõ ràng là vi phạm nghiêm trọng Nghị định thư Gionevơ về việc cấm dùng hơi độc".

Ngày 13 tháng 12 năm 1969

Nghị sĩ Mc Carthy tuyên bố rằng các cuộc thí nghiệm cho thấy chất làm trụi lá cây mà Mỹ dùng rất nhiều ở miền Nam Việt Nam đã làm cho bào thai của chuột trở thành quái thai, sở dĩ có các cuộc thí nghiệm đó là vì có những tin tức của báo chí nói thường dân Việt Nam sống ở những vùng bị rải chất độc hóa học đã đẻ ra quái thai (AP).

Ngày 16 tháng 12 năm 1969

Đại hội đồng Liên Hiệp quốc ra nghị quyết vạch rõ rằng việc sử dụng trong các cuộc xung đột vũ trang quốc tế tất cả các chất hóa học ở thể hơi lỏng hay đặc gây tác hại trực tiếp đến con người, súc vật, cây cối và tất cả các loại vũ khí vi trùng nhằm gây bệnh tật và chết chóc đối với con người, súc vật và cây cối đều trái với các nguyên tắc của luật pháp quốc tế như đã được nêu lên trong Nghị định thư 17 tháng 6 năm 1925 ngăn cấm việc sử dụng trong chiến tranh các hơi độc, hơi ngạt và các vũ khí vi trùng (Problemes Politiques et Sociaux 3-10 juillet 1970).

Ngày 17 tháng 12 năm 1969

Theo hãng UPI, đại hội đồng Liên Hiệp quốc tuyên bố là bất hợp pháp việc sử dụng trong chiến tranh tất cả các vũ khí hóa học và vi trùng bao gồm những chất làm trụi lá cây và hơi làm chảy nước mắt.

Ngày 28 tháng 12 năm 1969

Hãng AP đưa tin Hội liên hiệp Mỹ vì tiến bộ của khoa học (AAAS) đã có những biện pháp nghiên cứu hậu quả của chất độc hóa học dùng ở Việt Nam. Bác sĩ Methew Meselson, giáo sư sinh vật học trường Đại học Harvard nói rằng: chất độc hóa học được dùng nhiều chưa từng thấy ở Việt Nam và phun rải trên một diện tích rộng 11.163km². Theo tuyên bố của bác sĩ Arthur W. Galston, giáo sư sinh vật học trường Đại học Yale, chất độc hóa học làm các bụi xú (đước) bị chết và 25 năm sau mới mọc lại được, sinh hoạt của dân thường bị đảo lộn, những loài rong rêu có ích bị tiêu diệt, và gây ảnh hưởng tới việc sinh đẻ (qua các cuộc thí nghiệm đối với gia súc thì thấy bào thai bị sứt miệng, điếc, thiếu óc, có phổi bất bình thường sau khi bị nhiễm độc).

Ngày 30 tháng 12 năm 1969

Hội liên hiệp Mỹ vì tiến bộ của khoa học họp ở Boston ra nghị quyết đòi Lầu Năm Góc chấm dứt việc sử dụng chất làm rụng lá cây 2,4,5-T và 2,4-D ở Việt Nam. Các chất này có thể gây ra rối loạn trong bào thai.

Ngày 2 tháng 1 năm 1970

Theo báo Le Monde, chính quyền Mỹ chỉ cấm dùng chất làm rụng lá cây 2,4,5-T từ 1 tháng 1 năm 1970 ở Mỹ chứ không cấm dùng chất độc hóa học này ở Việt Nam.

Ngày 7 tháng 2 năm 1970

Trên tờ New Yorker, Thomas Whiteside vạch rõ rằng các nhà khoa học lo ngại về ảnh hưởng của việc Mỹ dùng chất độc và hơi độc ở miền Nam Việt Nam; chất 2,4,5-T gây tác hại đối với con người, súc vật và cây cối; 90% số cây bị dính chất độc sẽ bị chết và ít nhất 20 năm sau mới phục hồi được.

Thomas Whiteside còn cho biết: tại một cuộc họp báo khi giải thích lời tuyên bố của Tổng thống Nixon ngày 25 tháng 1 năm 1969 về việc "Mỹ sẽ thôi không dùng các vũ khí và các chế phẩm sinh học có thể làm chết người và tất cả các phương pháp khác của chiến tranh hóa học", người phát ngôn của Nhà Trắng đã nói rõ là chính sách mới của Nixon không bao gồm các chất diệt cỏ.

Ngày 12 tháng 2 năm 1970

Nghị sĩ Anh Philip Noel Baker gửi thư ngỏ cho tờ The Times (Anh) chỉ trích Bộ Ngoại giao Anh đã bào chữa cho Mỹ dùng chất độc CS ở Việt Nam. Bức thư nêu rõ chất CS là một thứ vũ khí giết người, chất diệt cỏ và chất CS đều là những thứ chất độc mà Nghị định thư Gionevơ (1925) đã hoàn toàn ngăn cấm.

Ngày 14 tháng 2 năm 1970

Mỹ giành cho mình quyền sử dụng các hơi cay và vạch rõ là chất làm trụi lá cây thuộc về loại này (Les Etats Unis se reservent le droit d'utiliser les gaz lacrymogènes, précisant que les défoliants appartiennent à cette catégorie) theo tờ "Problèmes politiques et Sociaux" ngày 3 đến 10 tháng 7 năm 1970).

Ngày 21 tháng 2 năm 1970

Trung tâm thông tin quốc tế về tội ác chiến tranh tổ chức "Ngày nghiên cứu" về chiến tranh hóa học của Mỹ ở Việt Nam tại trường Đại học khoa học d' Orsay (Pari), có nhiều nhà khoa học danh tiếng đến dự.

Bà M. Mousseau, chuyên gia sinh thái học, tố cáo tác hại của chất độc hóa học Mỹ đối với toàn bộ môi trường sinh sống của nhân dân miền Nam Việt Nam.

Nhiều nhà khoa học khác đã đưa ra nhiều tài liệu chứng minh Mỹ đã tiến hành một cuộc chiến tranh hóa học thực sự ở miền Nam Việt Nam.

Ngày 21 tháng 2 năm 1970

Hãng CTK cho biết theo số liệu ghi trong biên bản quốc hội Mỹ kể từ 1962 đến nay, Mỹ đã thả 15 triệu kg chất độc hóa học trên một diện tích rộng 4 triệu acre (1 acre = 4.046m²) bằng khoảng 1/10 lãnh thổ miền Nam Việt Nam.

Ngày 8 tháng 3 năm 1970

Báo Anh "The Observer" đăng bài của Thomas Whiteside dưới đầu đề "chiến dịch Địa phủ" (Operation Hades) nêu rõ các cuộc thí nghiệm ở Mỹ cho thấy chất 2,4,5-T gây quái thai ở Việt Nam, quân đội Mỹ đã phun rải lên đầu nam và nữ ở Việt Nam 50.000 tấn chất độc, trong đó có 20.000 tấn chất 2,4,5-T (chất Da cam).

Ngày 17 tháng 3 năm 1970

Tại thượng viện Mỹ, thượng nghị sĩ Stephen Young lên án Mỹ dùng chất độc hóa học ở Việt Nam. Ông tố cáo Mỹ phun rải một khối lượng lớn chất độc diệt hoa màu ở khắp miền Nam Việt Nam và Lào, hủy diệt những điều kiện sinh sống của sinh vật ở những vùng bị rải chất độc, và có thể đưa một thế hệ trẻ em sau này sinh ra thành quái thai (UPI).

Ngày 30 tháng 3 năm 1970

Báo Mỹ Tin nhanh thừa nhận rằng chất 2,4,5-T còn nguy hiểm hơn chất Thalidomide rất nhiều và gây ra tình trạng đẻ quái thai; ở miền Nam Việt Nam với liều lượng sử dụng gấp từ 5 đến 15 lần liều lượng chỉ dẫn cho các chủ trại ở Mỹ dùng. Theo bình luận của báo này, Tổng thống Nixon đã dám

tuyên bố một cách giật gân hồi tháng 11 năm ngoái là Mỹ thôi không dùng vũ khí sinh vật nữa, nhưng ngay lập tức ông ta đã chỉ rõ rằng câu định nghĩa đó không bao gồm chất làm trụi lá cây.

Ngày 15 tháng 4 năm 1970

Người phát ngôn Bộ Quốc phòng Mỹ tuyên bố: "Trong năm 1969 Mỹ đã phun rải 12 triệu rưỡi lít chất độc hóa học xuống 500.000 héc-ta đất đai ở miền Nam Việt Nam".

Theo hãng AP, người phát ngôn Bộ Quốc phòng Mỹ tuyên bố "Các loại thuốc làm trụi lá cây và trừ cỏ vẫn dùng trong các vùng có chiến sự".

Ngày 16 tháng 4 năm 1970

Hãng AP đưa tin rằng chất 2,4,5-T (Da cam) chiếm 70% chất trừ cỏ do máy bay Mỹ phun xuống nông thôn miền Nam Việt Nam; có tất cả 3,3 triệu galông (trên 15 triệu lít) chất 2,4,5-T đã được sử dụng ở miền Nam Việt Nam trong năm 1969 trên một vùng rộng 1,2 triệu acre (trên 480 ngàn héc-ta); một số nhà khoa học phản đối việc dùng chất độc hóa học trong chiến tranh. Nhưng Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ lại ca ngợi việc đó và coi là một chiến thuật có giá trị.

Ngày 6 tháng 5 năm 1970

Theo báo Đồng Nai xuất bản ở Sài Gòn, một cựu sĩ quan Mỹ phụ trách thông tin của sư đoàn 25 bộ binh Mỹ, tại cuộc họp báo ở Boston (Mỹ) cho biết chính y đã trông thấy bộ chỉ huy Mỹ tàng trữ hơi độc (được gọi là 6B tức Sarin - Chất độc thần kinh) tại căn cứ không quân Biên Hòa để thả xuống miền Nam Việt Nam, loại hơi độc này làm chết người.

Ngày 22 đến 24 tháng 5 năm 1970

Hội nghị luật gia quốc tế Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia (Multinational Lawyers Conference on Vietnam, Laos and Cambodia) tại Toronto (Canada) với sự tham gia của trên 180 luật gia của nhiều nước trên thế giới kể cả Anh, Mỹ, Pháp, Canada... đã lên án việc Mỹ dùng hơi độc và chất độc với quy mô lớn ở miền Nam Việt Nam.

Ngày 4 tháng 6 năm 1970

Báo Pravda (Liên Xô) tố cáo Canada giúp Mỹ sản xuất các loại vũ khí hóa học. Theo phóng viên báo này, một phòng thí nghiệm núp dưới chiêu bài Viện nghiên cứu quốc phòng đã được thành lập ở thành phố Saffield để phục vụ cho mục đích chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam.

Ngày 17 tháng 6 năm 1970

Báo Izvetia (Liên Xô) tố cáo Mỹ không đếm xỉa đến Nghị định thư Giơnevơ ngày 17 tháng 6 năm 1925 và đang sử dụng hàng loạt vũ khí hóa học trong cuộc chiến tranh xâm lược ở Việt Nam và Cam-pu-chia.

Ngày 24 tháng 6 năm 1970

Tố cáo chiến tranh hóa học của Mỹ ở miền Nam Việt Nam một nhóm các nhà sinh vật học trường Đại học Mỹ Stanford viết trên tờ "California ngày mai": Mỹ đã phun xuống đất các chất độc hóa học không thể tan được. Các chất này chảy vào các dòng suối gây ra những hậu quả không lường hết được đối với cả các loài thủy sản. Sau khi cây cối bị hủy diệt, nhiều vùng đất đai bị rấn và biến thành một chất giống như đá, rấn ngang với loại đá xây dựng đến Angkor. Các cuộc ném bom và hoạt động làm trụi lá cây của Mỹ có thể làm cho Việt Nam bị điêu tàn trong nhiều năm.

Ngày 1 tháng 7 năm 1970

Tờ New Yorker cho biết ít ra mỗi năm có một triệu người Việt Nam không có lương thực do việc Mỹ rải chất hóa học làm trụi lá cây.

Ngày 16 tháng 7 năm 1970

Hai thượng nghị sĩ Mỹ G. Nelson và G. Goodell đưa ra trước Thượng viện một dự luật cấm làm trụi lá cây trong chiến tranh. Dự luật vạch rõ rằng từ 1961 đến nay Mỹ đã phun rải xuống miền Nam Việt Nam trên triệu pounds chất độc hóa học (khoảng 45 ngàn tấn) trên một diện tích rộng, triệu acre (khoảng 2,2 triệu hécta), khối lượng chất độc hóa học nếu chia ra theo đầu người thì ở miền Nam Việt Nam mỗi người phải chịu 2,7kg (Dự luật này không được Thượng viện thông qua).

Ngày 14 tháng 9 năm 1970

Sau khi đã đi thăm Nam Việt Nam, Giáo sư Mathew S. Meselson nhà sinh vật học tại trường Đại học Harvard (Mỹ) cho biết, từ năm 1961 đến nay, 30.000 lần chiếc máy bay đã rải chất diệt cỏ xuống miền Nam Việt Nam và hiện nay những phi vụ phá hoại mùa màng vẫn đang được phép tiến hành ở Nam Việt Nam.

Ngày 14 tháng 9 năm 1970

Tại cuộc họp báo ở Wasinhton, đại úy Fox, ở Fort Meado với tư cách là một nhà sinh vật học, tố cáo rằng việc phun rải những chất làm rụng lá cây ở Việt Nam đã giết biết bao thai nhi, tác hại đến sản xuất nông nghiệp, gây ra những bệnh tật như phù nề, quáng gà, mất máu và nêu câu hỏi, đó là chiến tranh hay là diệt chủng?

Ngày 23 tháng 10 năm 1970

Hãng AFP cho biết bộ chỉ huy Mỹ ở Sài Gòn thừa nhận rằng trong nhiều năm qua các chất làm trụi lá cây có thể ảnh hưởng tới cơ thể sinh vật và mặc dù có "lệnh cấm", sư đoàn American vẫn dùng nhiều lần chất 2,4,5-T trong tháng 5, 7 và 8 năm 1970.

Theo đài phát thanh BBC, hàng ngàn lít hóa chất làm trụi lá cây đã được quân Mỹ sử dụng trong những tháng 5, 7, 8 năm 1970 để phá hủy mùa màng tại các vùng giải phóng miền Nam Việt Nam.

Ngày 25 tháng 10 năm 1970

Sau 4 ngày làm việc tại Stockholm, khóa họp thứ nhất của Ủy ban quốc tế điều tra tội ác Mỹ ở Đông Dương thông qua kết luận trong đó có đoạn viết "Ủy ban đã nghiên cứu kỹ lưỡng việc quân đội Mỹ sử dụng bữa bãi vũ khí hóa học ở miền Nam Việt Nam". Ủy ban tố cáo đế quốc Mỹ đã vi phạm những tiêu chuẩn của luật pháp quốc tế ngăn cấm việc sử dụng các loại vũ khí hóa học và vi trùng.

Ngày 29 tháng 10 năm 1970

Báo Chấn Hưng kinh tế xuất bản ở Sài Gòn cho biết Nam Bộ gồm 16 tỉnh trước kia là vựa lúa lớn nhất Việt Nam, đến nay sản xuất sút kém vì bị phá hoại nghiêm trọng bởi bom đạn và chất độc hóa học của Mỹ.

Ngày 2 tháng 11 năm 1970

Báo Mỹ Times cho biết rằng Bộ Quốc phòng Mỹ ngày 15 tháng 4 năm 1970 đã chính thức tuyên bố đình chỉ việc dùng chất "Da cam" ở Việt Nam. Nhưng theo kết quả cuộc điều tra của phóng viên Ridenhour tại căn cứ Chu Lai, các đơn vị sư đoàn American vẫn tiếp tục dùng chất này từ tháng 4 năm 1970 để phá hoại mùa màng. Bộ chỉ huy Mỹ ở Sài Gòn buộc phải thừa nhận là sư đoàn đó đã phun rải khoảng 100 thùng chất Da cam (mỗi thùng 55 galông tương đương 200 lít) bằng máy bay lên thẳng và máy bơm dưới đất trong tháng 5, 6, và tháng 8 năm 1970 tại Quảng Ngãi và Quảng Tín.

Ngày 10 tháng 11 năm 1970

Về cuộc chiến tranh hóa học của Mỹ ở Việt Nam, báo Mỹ NewYork Times viết "cho dù Tổng thống Nixon có nói từ bỏ cuộc chiến tranh hóa học, cho dù người ta làm rùm beng về lời tuyên bố này, Nhà Trắng đã bỏ ra một số lớn kinh phí trong năm 1970 cho việc nghiên cứu chất hóa học vào mục đích quân sự bằng số tiền đã bỏ ra trong năm ngoái. Chính quyền Nixon không có ý định phá hủy hoàn toàn những khối lượng vũ khí hóa học và sinh vật học đã tàng trữ trong kho ở Pire Bluff và Fort Detrick".

Ngày 12 tháng 12 năm 1970

Hội nghị quân sự các nhà khoa học về chiến tranh hóa học ở Việt Nam họp tại Pari và ra nghị quyết "Không còn nghi ngờ gì nữa, quân đội Mỹ đang dùng Việt Nam làm nơi thí nghiệm chiến tranh hóa học. Việc làm cho một số lớn người thiệt mạng và làm cho thiên nhiên bị nhiễm độc bằng mọi thứ cho phép, người ta kết luận đây là tội ác diệt chủng đi đôi với tội ác hủy diệt sinh sống (biocide)... Chúng tôi những người tham gia hội nghị một lần

nữa khẳng định rằng việc sử dụng những chất độc đó là một sự vi phạm trắng trợn những điều quy định nêu trong Nghị định thư Giơnevơ năm 1925 và được nghị quyết ngày 16 tháng 12 năm 1969 của Liên Hiệp quốc phê chuẩn".

Ngày 14 tháng 12 năm 1970

Tại cuộc họp báo ở Pari do Hội nghị quốc tế các nhà khoa học và chiến tranh hóa học ở Việt Nam tổ chức, giáo sư Mỹ Pfeiffer tố cáo rằng Mỹ đã dùng những chất độc mệnh danh "diệt cỏ" làm rụng lá cây... với những nồng độ hết sức cao (gấp 13, 14 lần nồng độ thông thường) đã gây ra nhiều tổn hại và hiện nay vẫn dùng những chất nguy hiểm như chất White (Trắng) và chất Blue (Xanh).

Giáo sư Pfeiffer nhấn mạnh rằng các nhà khoa học Mỹ cho việc Mỹ tiếp tục sử dụng các chất trên ở Việt Nam là một tội ác.

Ngày 28 tháng 12 năm 1970

Báo Anh, The Times viết: "từ năm 1962, Mỹ đã phun rải tất cả 3 loại chất diệt cỏ (Orange, White and Blue) trên các khu rừng và đồng ruộng miền Nam Việt Nam. Theo ước lượng có ít nhất hơn 5 triệu acre, bằng 1/8 diện tích của miền Nam Việt Nam đã bị phun rải những chất hóa học này với tỷ lệ trung bình gấp 15 lần tỷ lệ mà Bộ nông nghiệp Mỹ đề nghị sử dụng trong nước. Ở Việt Nam chiến tranh hóa học đã gây thiệt hại cho việc sản xuất thóc gạo. Năm 1959, miền Nam Việt Nam xuất cảng 246 ngàn tấn gạo, năm 1968 họ nhập cảng 850 ngàn tấn, trong đó hơn 90% là nhập của Mỹ, và việc phá hủy vẫn tiếp tục".

Ngày 29 tháng 12 năm 1970

Về lệnh của Nixon ngày 26 tháng 12 đài BBC bình luận rằng chất Da cam (Orange) bị cấm từ tháng 4 năm 1970, nhưng chất Xanh (Blue) và chất Trắng (White) đang và sẽ được tiếp tục sử dụng, hai loại này sẽ được phun rải chung quanh căn cứ Mỹ, tại những khu vực giáp chiến và những nơi ẩn náu của Việt cộng. Theo báo cáo của Viện nghiên cứu ở miền Trung - Tây nước Mỹ gửi hồi tháng 2 năm 1968 cho Bộ Quốc phòng, việc phun rải các chất khai quang có thể gây nên những thiệt hại vĩnh viễn cho cây cỏ và sinh vật, và không có chất nào có thể coi là vô hại cả. Theo con số của Chính phủ Mỹ, trong số 5.700.000 hécta rừng tại Việt Nam có 1.600.000 hécta bị phun rải các chất diệt cây.

Ngày 30 tháng 12 năm 1970

Báo Mỹ Wasington Post viết "Chương trình hủy diệt quy mô lớn" của Mỹ ở miền Nam Việt Nam hiện nay được Hội đồng các nhà khoa học coi là một thất bại vì kết quả chính của nó là liên tục phá hủy lương thực và nhà cửa

của dân thường chứ không phải là tiêu diệt sinh lực đối phương. Hội đồng này do Hội liên hiệp Mỹ vì tiến bộ của khoa học bầu ra cũng thấy rằng "hàng trăm ngàn dân thường" chủ yếu là người Thượng không cộng sản, đã bị rải chất độc cũng như hoa màu tại quê hương họ. Nhiều dân thường hiện nay đã trở nên những người không nhà không cửa.

Ngày 2 tháng 1 năm 1971

Theo báo Mỹ NewYork Times, phái đoàn nghiên cứu thuộc Hội liên hiệp Mỹ vì tiến bộ của khoa học (AAAS) cho biết là có tới 1/5 trong số 1,2 triệu acre rừng được ở miền Nam Việt Nam trở thành đất bỏ hoang, khu vực này có thể sản xuất để nuôi sống 600 ngàn người một năm và một khối lượng gỗ trị giá 500 triệu đôla đã bị phá hủy; không thể có lý do về đạo lý hay quân sự cho việc phá hủy có hệ thống đất đai và làm hại con người.

Báo NewYork Times nhấn mạnh "Hứa giảm bớt hoạt động bất nhân tâm này như Nhà Trắng tuyên bố tuần trước chưa đủ bằng chứng, rõ ràng là phải đòi ngừng ngay việc sử dụng tất cả các loại hóa chất ở Việt Nam và cần có các biện pháp khẩn cấp để cố gắng khắc phục những thiệt hại đã gây ra" (UPI).

Ngày 4 tháng 1 năm 1971

Tuần báo Pháp Le Nouvel Observateur viết, từ năm 1969, mặc dù có thể bị chính quyền Sài Gòn truy tố, báo chí Sài Gòn đã thuật lại rằng một số lớn phụ nữ bị ảnh hưởng bởi chất độc hóa học của quân đội Mỹ sử dụng; họ sinh ra những đứa trẻ có hình thù quái dị như đầu to, đầu nhỏ, chân tay méo mó...

Những cuộc thí nghiệm khoa học hiện đại cho thấy chất CS có thể làm cho da người sần sùi, ăn sâu vào cơ thể và gây nên những vết loét nặng ở phổi, gan, não và thận.

Ở miền Nam Việt Nam, trong những vùng bị tàn phá vì chất làm rụng lá, thuốc trừ sâu phần lớn súc vật đều chết. Lợn, gà, vịt, ong, cá, ếch, rắn biến mất. Một số ít sống sót trở nên ốm yếu bệnh hoạn, không phát triển được nữa. Gần đây, các nhà khoa học Mỹ e ngại tình trạng ô nhiễm ở Mỹ có thể đưa lại cảnh "mùa xuân không chim chóc", còn ở Việt Nam điều đó đã là sự thật.

Ngày 23 tháng 1 năm 1971

Báo Mỹ, The NewYorker viết về kế hoạch "dồn dân" hàng loạt ở miền Nam Việt Nam của Mỹ - ngụy như sau: "Trong sáu năm qua, các kỹ sư xã hội mặc quân phục cũng như thường phục đã tiến hành công tác của họ bằng súng đạn, bom napan và chất độc hóa học, có xây dựng những lâu đài không tưởng chỉ để tuyên truyền trên những làng bị đốt cháy và trên xác chết của những người làng đó và kết quả là một cái ao đầy máu..."



Dạy nghề cho nạn nhân chất độc Da cam - Dioxin.



Gia đình nạn nhân chất độc Da cam - Dioxin có các con, cháu dị dạng bẩm sinh.



Ông N.V.D - Phước Long, Bình Phước.



**Gia đình bà P.T.A - Duy Xuyên, Quảng Nam
cả vợ chồng và con đều là nạn nhân chất độc Da cam - Dioxin.**



Những nạn nhân chất độc Da cam - Dioxin.



Những nạn nhân chất độc Da cam - Dioxin.



Những nạn nhân chất độc Da cam - Dioxin.



Những nạn nhân chất độc Da cam - Dioxin.

Ngày 20 tháng 2 năm 1971

Theo hãng AFP, bộ chỉ huy quân đội Mỹ ở Sài Gòn ra thông cáo nói, kể từ nay việc dùng ô ạt chất diệt cỏ bị cấm đối với quân Mỹ ở miền Nam Việt Nam, nhưng những chất này vẫn có thể được sử dụng tại các vùng hẻo lánh để phá hủy hoa màu của "địch" và được phun rải quanh căn cứ hỏa lực và tất cả những căn cứ quân sự khác.

Ngày 28 tháng 3 năm 1971

Trong một bài báo đăng trên tờ Boston Globe (Mỹ), sứ quán ngụy quyền Sài Gòn tại Mỹ thú nhận rằng hơn 5 triệu acre (chiếm 20%) toàn bộ đất đai miền Nam Việt Nam bị phun rải chất khai quang. Chương trình phá hủy mùa màng đã làm số lượng thực tính đến tháng 12 năm 1971 đủ nuôi được 600 ngàn người Việt Nam trong một năm. Trên 100 triệu cân Anh (pound) hóa chất diệt cỏ đã được sử dụng ở miền Nam Việt Nam.

Ngày 28 tháng 3 năm 1971

Phóng viên Mỹ Neil Sheehan, trong tạp chí The New York Times, Book Review viết: "Chính sách ném bom và nã pháo không hạn chế còn được hỗ trợ bằng các cuộc hành quân "tìm diệt" do bộ binh, máy bay ném bom B-52 và rải chất độc hóa học đảm nhiệm. Tất cả những hành động trên đây đều tập trung vào một chiến lược mà do áp dụng chiến lược đó, phần lớn các vùng nông nghiệp ở miền Nam Việt Nam đã biến thành đất hoang".

Tháng 3 năm 1971

Sau nhiều lần phun rải chất độc hóa học xuống vùng U Minh Thượng tại Rạch Giá - Cà Mau, hàng trăm lượt máy bay của Mỹ lại ném bom cháy và bom lửa xuống để đốt rừng. Theo con số chưa đầy đủ riêng tại U Minh Thượng đã có hơn 1.000 héc-ta rừng bị hủy hoại và đốt cháy.

Ngày 10 tháng 5 năm 1971

Trong bài "Đông Dương: một thế hệ người lánh nạn" báo Mỹ Times viết: "Còn có vấn đề là bao nhiêu người có thể đã bị hại về mặt sinh dục vì những chất dùng để làm rụng lá cây". Một mối quan hệ nhân quả chưa được chứng minh. Nhưng Champlin nói "tôi không biết một bác sĩ nào ở nước này mà lại không nghĩ rằng trong thế hệ này có một tỷ lệ quái thai cao hơn thế hệ trước và không cho đó là vì việc dùng các chất diệt cỏ" (bác sĩ Champlin làm việc tại trung tâm giải phẫu chỉnh hình Sài Gòn).

Ngày 21 tháng 6 năm 1971

Tại khóa học thứ hai của Ủy ban quốc tế điều tra tội ác Mỹ ở Đông Dương tại Oslo, ông Nguyễn Văn Tiến, trưởng đoàn đại biểu Cộng hòa miền Nam Việt Nam tố cáo chất độc hóa học vẫn được tiếp tục dùng và gây nhiều thiệt hại chưa lường hết được đối với con người và thiên nhiên ở miền Nam Việt

Nam... chỉ cần nêu lên một sự việc là trong tài khóa 1970 - 1971, Chính phủ Mỹ vẫn chi 8 triệu đôla cho chiến tranh hóa học và dự định tiếp tục rải trên 1,3 triệu galông chất Xanh (Blue) và chất Trắng (White) xuống lãnh thổ ba nước Đông Dương.

Sau năm ngày làm việc tại Oslo, Ủy ban quốc tế điều tra tội ác Mỹ ở Đông Dương ra kết luận như sau: "Ủy ban được cung cấp những chứng cứ liên quan đến chiến tranh hóa học ở Đông Dương, một loại chiến tranh đã phá hoại sự thăng bằng về sinh thái tại khu vực này của thế giới. Có những vùng trước đây có nhân dân sinh sống, nay trở nên những vùng mà ở đó con người không thể sống được. Những ảnh hưởng này và toàn bộ việc làm cho xã hội tan vỡ sẽ là hậu quả nghiêm trọng cho những thế hệ tương lai ở Đông Dương... Nó (chiến tranh hóa học) gây thiệt hại trước hết cho dân thường, đặc biệt là những lớp người yếu hơn trong nhân dân như trẻ em, phụ nữ, người già và người đau yếu.

Những chứng cứ cũng chỉ rõ rằng hơi độc được dùng để chống lại dân thường và thường đưa đến kết quả làm chết người.

Những việc làm kể trên vi phạm công ước La Haye năm 1907 và Nghị định thư Gionevơ 1925 quy định không được dùng hơi ngạt, hơi độc và các hơi khác cũng như vũ khí vi trùng làm các phương tiện tiến hành chiến tranh...".

Ngày 25 tháng 6 năm 1971

Báo Dân chủ mới xuất bản ở Sài Gòn viết: Biết bao nhiêu rừng cây kỹ nghệ đáng giá hiện thời hàng tỷ Mỹ kim đã bị bom đạn và thuốc khai quang của Mỹ hủy diệt tan tành để giành thị trường cho cây gỗ nhập cảng, và sau khi chiến tranh chấm dứt thì ít nhất cũng phải tới ba chục năm sau chúng tôi mới có thể phục hồi được khả năng sản xuất hiện thời, tức là chúng tôi vẫn còn phải tiếp tục nhập cảng gỗ của Phi Luật Tân, Đại Hàn, Đài Loan...

Ngày 10 tháng 7 năm 1971

William Fulbright, chủ tịch Ủy ban đối ngoại Thượng viện Mỹ công bố báo cáo của một nhóm (thuộc quốc hội Mỹ) nghiên cứu về tác hại của cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Báo cáo này xác nhận rằng 5,2 triệu acre rừng và 562.166 acre đất trồng trọt ở miền Nam Việt Nam đã bị phun rải chất làm trụi lá cây (US News and World Report ngày 26 tháng 7 năm 1971).

VŨ HOÀI TUÂN

Sưu tầm và biên soạn

PHẦN THỨ HAI

**NHỮNG CÂU CHUYỆN
CỦA NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM/DIOXIN**

Bản sao lưu trữ

BỨC THƯ CỦA MỘT NGƯỜI BỊ DI CHỨNG CHẤT ĐỘC HÓA HỌC

Cháu là Việt Yên, quê ở Thuận Thành, Bắc Ninh. Cháu đang theo học nghề sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị điện tử và vô tuyến.

Điều khiến cháu viết lá thư này là ngày 8 tháng 12 vừa qua, cháu đi qua phố Hàng Bài, Hà Nội và được biết có triển lãm ảnh về chất độc Da cam do Mỹ gây ra trong chiến tranh Việt Nam mà nhà nhiếp ảnh người Nhật - ông Nakamura Goro chụp. Thế là cháu đã vào xem triển lãm vì cháu cũng chính là nạn nhân của chất độc dioxin do Mỹ gieo xuống trong chiến tranh Việt Nam.

Các cô, các chú có biết không? Cách đây 23 năm, năm 1978, bố mẹ cháu đã vô cùng buồn chán và thất vọng, khi nhìn thấy đứa con đầu lòng của mình ra đời. Đó chính là cháu bây giờ. Cháu không được bình thường như bao đứa trẻ khác khi mới sinh ra. Cháu bị dị dạng cả hai chân, nó không khoèo mà co thắt không ra hình đôi chân trông rất quái dị, mặc dù thế nhưng cơ thể và các bộ phận khác vẫn bình thường. Mấy tháng sau bố mẹ cháu đã mang cháu lên bệnh viện tỉnh Hà Bắc (cũ) để khám. Sau khi khám nghiệm các bác sĩ cho bố cháu biết là ông bị nhiễm chất độc hóa học Da cam tại chiến trường Tây Ninh từ năm 1963 - 1965.

Và các cô chú cũng biết đấy! Hậu quả của cái thuốc độc quái ác kia không chỉ ảnh hưởng tới bản thân của bố cháu mà nó còn di truyền sang cả cháu bây giờ. Nó không chỉ là nỗi đau tạm thời, một lúc mà là nỗi đau dai dẳng, âm ỉ và theo đó đến hết đời một con người.

Thà nó như một phát súng bắn vào trái tim còn hơn. Đằng này sống dở, chết dở. Một kiếp người không ra kiếp người nữa.

Và một chuyện càng thêm buồn nữa lại đến với gia đình cháu. Sau khi sinh cháu được 19 tháng (hơn một năm rưỡi), bố cháu thất vọng với đứa con đầu lòng của mình, không đủ can đảm chấp nhận một sự thật phũ phàng, bố cháu đã ngoảnh mặt ra đi, bỏ lại hai mẹ con cháu sống trong cảnh mẹ góa con côi. Trải qua bao vất vả nhọc nhằn mẹ cháu đã cố gắng vượt qua để nuôi dưỡng cháu.

Các cô các chú ạ!

Mặc dù bị tàn phế như vậy nhưng cháu vẫn tới trường bằng đôi đầu gối của đôi chân không ra đôi chân và đã học hết lớp 12. Sau khi tốt nghiệp phổ thông trung học, cháu nghĩ rằng cháu không thể học tiếp đại học được vì gia đình cháu không đủ khả năng cung cấp tài chính cho cháu mấy năm đại học được, thế là cháu quyết định học nghề vô tuyến điện tử để không trở thành gánh nặng cho mẹ cháu.

Hiện tại cháu học xong nghề rồi nhưng cháu cũng không biết phải làm gì vì chưa tìm được cơ sở nào nhận người tàn tật như cháu vào làm việc.

Các cô các chú ơi!

Chẳng nghĩ đến bản thân thì thôi, chứ nghĩ đến là cháu đau đớn lắm. Nhiều lần cháu nảy ra ý nghĩ là nhờ các cơ quan nhà nước có quyền hạn liên quan tới người tàn tật về chất độc Da cam can thiệp giúp đỡ. Nhưng cháu lại nghĩ Việt Nam mình còn khó khăn lắm, chắc không thể giúp đủ vì ngoài cháu ra, còn biết bao nhiêu người là nạn nhân chất độc Da cam ở Việt Nam. Và đã có lần cháu nghĩ liều rằng: Nếu cháu có đủ tư cách, cháu sẽ gửi một văn bản tới cơ quan Liên Hiệp quốc để tố cáo tội ác tày trời của đế quốc Mỹ. Cháu dám nói thẳng rằng Mỹ phải đứng ra nhận trách nhiệm đền bù thiệt hại và hậu quả trong chiến tranh Việt Nam.

Cháu cũng được biết ngày 17, 18 tháng 11 năm 2000 Tổng thống Hoa Kỳ - ông Clinton sang thăm Việt Nam. Ông có đưa ra một lời hứa danh dự trước các đại biểu Chính phủ và nhân dân ta, đại ý là Chính phủ Mỹ sẽ viện trợ các nạn nhân chất độc Da cam. Qua sự kiện này hé mở một chút hy vọng nho nhỏ cho những người bị ảnh hưởng của chất độc Da cam, trong đó có cả cháu. Và cháu cũng hy vọng điều đó sẽ xảy ra.

Bước sang thế kỷ 21 loài người đang cố gắng làm nên những thành tựu to lớn hơn, cao đẹp hơn, cuộc sống hiện đại hơn. Nhưng cháu cũng hy vọng rằng loài người không nên bỏ quên những kiếp người kém may mắn như cháu. Cuối cùng cháu kính chúc các cô chú hạnh phúc.

NGUYỄN VIỆT YÊN

*(Xóm Trại, thôn Đông Linh, xã Nghĩa Đạo,
huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh)*

Báo Khoa học và Công nghệ, ngày 11 tháng 2 năm 2001

NƠI ẤY, VẾT THƯƠNG CHIẾN TRANH VẪN CÒN ĐAU

Chiến tranh đi qua đã 25 năm. Nhiều miền quê Việt Nam bị chiến tranh tàn phá khốc liệt đã và đang hồi hả hồi sinh. Nhưng có những vết thương vẫn còn đau, sẽ còn là nỗi đau đốn tột cùng cho nhiều sinh linh vô tội. Đó là hậu quả của chất độc hóa học mà đế quốc Mỹ đã rải trong chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Có một tài liệu điều tra cho những năm 1961 - 1971, quân đội Mỹ đã rải xuống miền Nam Việt Nam và khu vực phụ cận bắc vĩ tuyến 17 một lượng khá lớn các chất độc hóa học làm rụng lá cây và diệt cỏ, nhằm phát quang tuyến vận tải dọc dãy Trường Sơn (tức đường mòn Hồ Chí Minh). Tại Quảng Trị, đã có 347 phi vụ rải chất độc hóa học, hủy hoại 44% đất canh tác và 43% diện tích rừng rậm, khiến hàng trăm nghìn hécta rừng nguyên sinh bị phá. Riêng hai huyện Đak-rông và Hướng Hóa có đường số 9 và đường mòn Hồ Chí Minh đi qua, hơn 2.000 đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở đây chết trong các vụ rải thảm đó.

Không chỉ hủy hoại môi trường sống, sau chiến tranh, di chứng của chất độc hóa học đã trở thành hiểm họa đối với cuộc sống hàng vạn gia đình, qua hai, ba thế hệ. Theo kết quả điều tra mới đây, ở Quảng Trị có 120.242 hộ dân thì có 6.615 hộ bị nhiễm chất độc hóa học. Họ hoặc là cư dân vô tội trong vùng oanh tạc của máy bay xâm lược hoặc là những thanh niên xung phong, bộ đội một thời lăn lộn ở Trường Sơn trong kháng chiến. Tổng số người bị nhiễm độc đến thời điểm tháng 7 năm 1999 lên tới 15.451 người. Trong đó, số nạn nhân trực tiếp là 8.320 người con, 245 người cháu nội, ngoại bị dị dạng dị tật. Những nạn nhân đáng thương nhất, đem đến cho cộng đồng nỗi đau đốn nhất là trẻ em. Toàn tỉnh Quảng Trị có 6.800 trẻ em khuyết tật thì đối tượng bị nhiễm chất độc hóa học đã là 2.582 cháu, với những dị dạng, dị tật nặng nhất. Chỉ tính riêng huyện Cam Lộ, vùng chiến tranh xưa bị nhiều vụ rải chất độc, có đến 936 trẻ tật nguyên (chiếm 1,97% dân số của huyện) và các xã Cam Nghĩa, Cam Chính bị ảnh hưởng nặng nhất, có đến 96 - 111 trẻ.

Chị Nguyễn Thị Huyền ở thôn Bàng Sơn, xã Cam Nghĩa, chồng bị bệnh chết sớm để lại bốn đứa con thơ dại, nhưng đã có ba đứa bị tật nguyên. Cháu

Lê Thị Hạnh 17 tuổi mà chỉ bằng đứa trẻ lên 6, teo cơ, bại não nằm bất động rồi chết. Em của Hạnh là Lê Thị Đào, 15 tuổi, cũng như chị và bị mù mắt. Cậu con út Lê Văn Khanh 13 tuổi cũng nằm liệt một chỗ. Từ 17 năm nay, tất cả mọi sinh hoạt của những đứa con tật nguyền đều đặt lên vai người mẹ với cuộc sống quá đổi khốn khó. Cũng ở xã này, vợ chồng ông Lê Văn Lộc có ba trong bốn đứa con dị tật, đứa nằm bất động, đứa luôn quay cuồng, lấy tay đập vào đầu. Gia đình ông Trần Sâm có bốn con thì cả bốn cháu đều bị liệt...

Nạn nhân chất độc Da cam và những gia cảnh như chị Huyền, ông Lộc, ông Sâm, ở tất cả chín huyện, thị xã trong tỉnh nơi nào cũng có, với nhiều biểu hiện khác nhau như dị tật về mắt, não, chi và về máu... Các hộ có nạn nhân chất độc hóa học, hoàn cảnh đều giống nhau: nghèo khổ, thiếu ăn do thiếu nhân lực lao động và phải dành phần lớn thu nhập cho những đứa con bất hạnh.

Suốt một phần tư thế kỷ qua, trong nhiều nỗ lực để hàn gắn vết thương chiến tranh, Đảng, Nhà nước và các tổ chức xã hội đã rất quan tâm, chăm sóc giúp đỡ các nạn nhân chất độc Da cam. Ở Quảng Trị, các hoạt động xã hội, từ thiện ngày càng có nhiều lực lượng tham gia. Nhiều tổ chức nhân đạo quốc tế, trong nước đã triển khai các dự án về phẫu thuật, hỗ trợ kinh tế cho các hộ có trẻ tàn tật. Nhưng đáng nói nhất là những cố gắng của chính quyền nhân dân địa phương và Ủy ban Bảo vệ và Chăm sóc trẻ em Quảng Trị trở thành đầu mối để tổ chức các mô hình phục hồi chức năng cho trẻ khuyết tật dựa vào cộng đồng, đặc biệt ưu tiên trẻ em là nạn nhân chất độc Da cam. Mục tiêu của chương trình nhân đạo này là cố gắng phục hồi những khả năng còn lại của trẻ tàn tật nói chung và nạn nhân nhiễm chất độc Da cam nói riêng, giúp các cháu có cơ hội hòa nhập cộng đồng. Mặt khác, làm thức tỉnh trách nhiệm của xã hội với trẻ tàn tật. Từ đó huy động sức mạnh tổng hợp từ nhiều nguồn để chăm lo cho các em. Khó khăn lớn nhất mà chương trình phục hồi chức năng trẻ khuyết tật ở Quảng Trị phải vượt qua, trước hết là lượng trẻ em thuộc đối tượng cần giúp đỡ quá lớn, nhất là trẻ bị nhiễm chất độc hóa học thường bị dị tật mức nặng nhiều hơn. Trong khi đó, điều kiện về dịch vụ y tế thiếu thốn nghiêm trọng, rồi sự bất cập về kiến thức, kinh nghiệm của cộng đồng và gia đình trong hoạt động chăm sóc trẻ tàn tật.

Từ hai xã thí điểm năm 1994, đến nay Chương trình phục hồi chức năng trẻ khuyết tật đã nhân ra thêm 45 xã với 108 cháu ở bốn huyện, thị trong tỉnh. Để thực hiện chương trình này, ngoài các thành viên của Sở Y tế, khoa phục hồi chức năng bệnh viện đa khoa tỉnh, Ủy ban Bảo vệ và Chăm sóc trẻ em Quảng Trị đã kêu gọi và động viên được 586 người có tấm lòng yêu trẻ, tình nguyện bỏ công sức giúp đỡ trẻ khuyết tật, trong đó phần đông là thân

nhân các cháu. Các tình nguyện viên được đào tạo kỹ năng và truyền thụ kinh nghiệm về phục hồi chức năng.

Tín hiệu đáng mừng đã phát lên ở những mô hình nhân đạo ấy. Riêng hai xã thí điểm thực hiện từ 1994 là Cam Chính, Cam Nghĩa (Cam Lộ) đã có 52% số cháu phục hồi các chức năng còn lại khá tốt. Có cháu từ chỗ không nói, không nghe được, nay đã tiếp xúc được với bạn bè, biết nghe và biết hát. Có cháu chỉ nằm bất động nay đã biết phản ứng vui, buồn. Rồi có những cháu bị mù, không đi lại được, giờ đã biết làm những công việc đơn giản... Từng niềm vui nho nhỏ như thế cứ nhân lên trong các em, trong mỗi người làm cha làm mẹ và cộng đồng.

Dành sự quan tâm ưu ái hơn nữa cho những người tàn tật, nhất là những đối tượng là nạn nhân chất độc hóa học, tỉnh Quảng Trị lập Quỹ Bảo trợ nạn nhân chất độc Da cam, thành lập Trung tâm Tư vấn và phục hồi chức năng cho trẻ tàn tật ở Đông Hà, xúc tiến xây dựng ở mỗi huyện, thị xã một Trung tâm Phục hồi chức năng cho những người tàn tật. Và mới đây, tỉnh Quảng Trị tổ chức đưa vào sử dụng Trung tâm giáo dục trẻ khuyết tật Đông Hà trị giá gần 2 tỷ đồng, là món quà của đồng chí Đỗ Mười, nguyên Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tặng trẻ em Quảng Trị, nạn nhân của bom, mìn và chất độc hóa học do chiến tranh để lại.

Hậu quả khủng khiếp và vô nhân đạo của chất độc hóa học mà quân đội Mỹ rải xuống đất Việt Nam hơn 25 năm trước, đã, đang và sẽ còn là nỗi đau đớn cho nhiều người dân vô tội, nhất là trẻ em. Từ nhiều năm nay Đảng, Nhà nước ta đã có nhiều chính sách, biện pháp nhằm giúp đỡ các nạn nhân, hạn chế tác hại của nó. Và một lần nữa những thông điệp thương tâm về nạn nhân chiến tranh, chất độc hóa học đã làm lay động nhân tâm năm châu bốn biển đòi hỏi Chính phủ Hoa Kỳ phải có trách nhiệm đối với việc làm họ đã gây cho nhân dân Việt Nam.

ĐINH NHƯ HOAN

Báo Nhân dân, ngày 7 tháng 12 năm 2000

VÙNG ĐẤT TRẮNG - ĐỘNG LẠI NỠI BUỒN

Anh Nguyễn Lê Thanh, giáo viên trường Trung học Dũng sĩ Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam có viết thư gửi Báo Lao động trình bày về hoàn cảnh của một gia đình nông dân ở Điện Ngọc để nhờ giúp đỡ. Cả hai vợ chồng người nông dân nọ đều bị bệnh ung thư, đang nằm chờ chết. Người ta chẩn đoán rằng họ bị ảnh hưởng của chất độc Da cam. Tôi nhận thông tin trên mà lòng cứ miên man: Sao lại có chuyện dồn nỗi bất hạnh ấy vào một gia đình nhỉ?

Trên đường từ Hội An về Đà Nẵng chừng 18 cây số là đến xã Điện Ngọc. Nghe tôi hỏi về gia cảnh của đôi vợ chồng nọ và muốn đến thăm nhà, chị Đặng Thị Hải - phụ trách thương binh xã hội của xã Điện Ngọc - đơn dả: "Ừ, đúng rồi, nhà anh Đặng Bảo Ngộ và chị Nguyễn Thị Lý đó. Chú em đi theo chị". Nói đoạn, chị Hải dắt xe ra khỏi cổng Ủy ban xã. Hai chúng tôi lên đường.

Một thời "đất trắng".

Chị Hải nói: "Ngày xưa vùng này được Mỹ "chăm sóc" kỹ lắm. Lúc nào cũng nghe tiếng ca nông từ tứ phía dội về. Hầu như suốt mấy chục năm chiến tranh, những người du kích từng sống và chiến đấu trên vùng đất này đều không thấy ánh nắng mặt trời. Mọi sinh hoạt đều diễn ra dưới hầm, chỉ có ban đêm mới lên khỏi mặt đất. Chỉ cần thấy một bóng người là bọn địch nã đạn như vãi trấu vậy". Điện Ngọc chỉ cách Đà Nẵng 12 cây số nhưng lại là căn cứ địa của những người du kích. Nhiều người trong chúng ta hẳn còn nhớ trận đánh lịch sử của 7 du kích quân chống lại một tiểu đoàn địch suốt một ngày đêm đã được nhà văn Nguyễn Ngọc dựng lại khá kỹ trong tác phẩm: "Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc". Và lẽ dĩ nhiên, Điện Ngọc đã trở thành cái gai trước mắt của Mỹ. "Cái gai" ấy đã bị địch chà đi xát lại không biết bao nhiêu lần. Tệ hại hơn, cứ đều đặn vài ba tháng, những chiếc máy bay chuyên dụng lại quần đảo trên bầu trời vùng đất này để rải chất độc hóa học. Vốn là vùng cát trắng, sau những trận càn, sau những thùng thuốc độc ấy rải xuống, đất Điện Ngọc như trắng hơn. Nhưng kỳ diệu thay, "cái gai" ấy chẳng những Mỹ không "nhổ" được mà

bao nhiêu binh hùng tướng mạnh của giặc phải mất ăn, mất ngủ với những trận đánh xuất quỷ nhập thần từ vùng "đất trắng" này. Rồi ngày hòa bình cũng đã đến. Những người du kích và số dân trụ bám năm xưa trên đất Điện Ngọc cứ ngỡ rằng cánh cửa chiến tranh đã khép lại là khép luôn những mất mát. Họ đâu biết bên trong cái màu xanh non tơ của cây trái là bao cạm bẫy đang chờ họ. Ông Hai Hoàng, người đã gắn đời mình với Điện Ngọc đến hết cuộc chiến tranh, nhớ lại: "Suốt trong nhiều năm sau ngày hòa bình, không có một cây đu đủ nào trong vườn cho tôi lấy một quả để ăn cho đỡ khát. Các ngọn cây đều cong queo với những hình thù kỳ dị. Lúc đầu cứ nghĩ là do thời tiết nhưng mãi sau này mới biết đó là kết quả của chất độc mà Mỹ đã rải trong chiến tranh trên vùng đất này". Chất độc ấy không chỉ ảnh hưởng đến cây trái mà còn tác hại trực tiếp đến con người. Chị Hải xác nhận: "Cách đây hai tháng, bà Huỳnh Thị Thúy và ông Hai Hưỡn ở thôn 1, xã Điện Ngọc đều bị bệnh ung thư gan rồi chết. Hàng năm trong xã vẫn có đôi ba người chết cùng một căn bệnh là ung thư gan. Hàng loạt trẻ em, con của những người du kích năm xưa cũng bị những khuyết tật rất đáng thương. Vợ chồng anh Ngô, chị Lý là một trong những trường hợp bị bệnh tương tự, chỉ khác những gia đình kia có một điều là tai họa đã ập vào cùng lúc trong một nhà".

Hai số phận trong một hoàn cảnh.

Khi chúng tôi bước vào nhà anh Ngô thì đã thấy trên chiếc bàn thờ đặt ở góc nhà nghi ngút khói hương. Chị Hải thốt lên: "Thôi rồi, vậy là chị Lý đã "đi" rồi". Cháu Đặng Thị Gái xác nhận: "Mẹ cháu mất đã ba hôm rồi". Cháu Gái nói bằng một giọng cam chịu. Thấy tôi ngạc nhiên về thái độ "lãnh cảm" của cô bé này, anh Huỳnh Đức Nghiệp - người hàng xóm tốt bụng của gia đình anh Ngô - nói: "Bao nhiêu cực khổ của nhà này đều dồn hết lên đầu cháu Gái kể từ khi ba mẹ cháu đổ bệnh đến nay. Anh không thể tưởng tượng nổi rằng trong căn nhà chưa được vài chục mét vuông này mà có đến hai người bệnh, mỗi người nằm một giường, suốt ngày vật vã trong đau đớn. Cháu Gái phải chạy vạy từng lon gạo để cả nhà ăn qua bữa, lại phải đi vay từng đồng để mua thuốc chữa chạy cho ba mẹ". Thấy có khách, anh Ngô gắng quay mặt về phía cửa. Anh nhìn chúng tôi bằng đôi mắt cầu cứu. Tôi nhìn quanh một lượt căn nhà trống huếch trống hoác. Tài sản đáng giá nhất là chiếc giường mà người bệnh đang nằm. Tôi hỏi anh Ngô: "Anh có thể ngồi dậy được không?". Thay câu trả lời là hai giọt nước mắt lăn dài xuống đôi gò má vàng vọt. Cháu Gái đỡ lời ba: "Từ một tháng nay, ba cháu không nói được nữa. Hôm mẹ cháu mất, những tưởng ba đi theo mẹ luôn. Suốt cả ngày hôm đó, ba nằm bất động. Giờ mỗi ngày chỉ ăn vài muỗng nước cháo. Bụng mỗi ngày một to lên". Theo lời kể của anh Nghiệp, căn bệnh quái ác đã "gõ

cửa" anh Ngô trước chị Lý. Thời gian đầu thì có chị chăm sóc nhưng rồi chị cũng đổ bệnh theo anh. Cháu Gái phải lần lượt đưa mẹ rồi ba ra Đà Nẵng để chữa trị. Nhà có ba anh em nhưng anh lớn phải lo việc đồng áng, đứa em út vừa phải đi học một buổi, một buổi đi chăn bò. Anh Nghiệp kết luận: "Từ ba năm qua, trong ngôi nhà này chưa hề nghe một tiếng cười!". Nghe nhắc chuyện đau lòng, mắt cháu Gái rưng rưng: "Ra Đà Nẵng, bệnh viện không thu viện phí nhưng tiền ăn mình phải chịu. Những con bò thay đôi vai ba mẹ cày kéo một thời ấy lần lượt ra đi. Bò ghé rồi cũng hết. Cháu phải đi vay mượn, rồi đi xin từng đồng của những người bệnh tốt bụng trong bệnh viện để sống qua ngày. Mãi đến hôm bác sĩ gọi riêng cháu ra và nói rằng hãy đưa mẹ về để tiếp tục điều trị tại nhà. Cháu không biết bệnh tình của mẹ cháu ra sao nhưng linh cảm mách bảo với cháu rằng, anh em cháu sắp phải chia tay người mẹ đã suốt đời tận tảo chăm lo cho tụi cháu. Trước khi mất, mẹ cháu vẫy cháu lại và chỉ còn kịp cầm tay cháu, không nói được lời nào". Cháu Gái kể về mẹ mình trong giàn giụa nước mắt. Rồi đột ngột cháu hỏi tôi: "Sao gia đình cháu lại phải chịu nhiều đau khổ như vậy hả chú?". Tôi quay mặt chỗ khác, tránh cái nhìn của cháu bé chưa qua tuổi vị thành niên này nhưng lại gặp một thực tế đau đớn khác: Bốn bức tường nhà anh Ngô mà có đến những ba màu: Một mảng quét vôi, mảng vừa trát vữa và một mảng còn trơ lớp gạch. Ba mảng màu ấy nói lên rằng ngôi nhà bé nhỏ này đã phải qua ba lần xây, trát. Vẫn lời anh Nghiệp: "Anh Ngô lấy chị Lý đã trên 20 năm. Suốt trong quãng thời gian ấy, anh chị phải đánh vật với ngôi nhà này. Để lo cho một tổ ấm quá ư tạm bợ ấy, anh chị đã phải trả một cái giá quá đắt. Anh Ngô dự tính là trong năm nay sẽ trát vữa lên mảng tường còn lại nhưng dự định ấy mãi mãi sẽ không bao giờ thực hiện được".

Trước khi tai họa ập đến, đôi vợ chồng ấy đã từng có một quãng thời gian êm đềm. Anh Ngô là dân trụ bóm, có người anh thương binh, một người em là liệt sĩ. Chị Lý cũng là dân trụ bóm, quê ở Điện Phương. Trong một lần đào mương thủy lợi sau ngày giải phóng, anh chị quen nhau. Hai số phận từng lăn lộn với vùng "đất trắng". Điện Bàn đã gắn đời mình với nhau. Những tưởng cái thời bĩ cực ấy vĩnh viễn chôn vùi vào quên lãng, không ngờ, di họa của cuộc chiến tranh tàn khốc ấy vẫn không buông tha họ. Hàng triệu người Việt Nam, nhất là những người đã từng đi qua cuộc chiến ấy sẽ còn tiếp tục bị ám ảnh bởi những đụn khói được tung ra từ những chiếc máy bay chuyên dụng. Tôi cứ miên man với những suy nghĩ không đầu chẳng cuối về di chứng của cuộc chiến tranh thì tiếng ho rũ rượi của anh Ngô đã kéo tôi về với câu hỏi mà ngay từ khi đặt chân vô nhà, tôi đã định hỏi nhưng lại thôi: "Anh em cháu liệu có vượt qua được thực tế phũ phàng, khi ba cháu không còn nữa?". Cháu Gái ngơ ngác: "Cháu cũng không biết nữa. Trước mắt, anh em tụi cháu sẽ rất khó khăn với 480kg thóc nợ hợp tác xã trong hai năm

qua". Chị Đặng Thị Hải phân trần với tôi nhưng cũng là để trấn an cháu Gái: "Cháu yên tâm, bà con mình sẽ đùm bọc các cháu. Chính quyền cũng sẽ có trách nhiệm với các cháu".

Tôi không dám nói một điều gì thêm trước gia cảnh đáng thương ấy. Câu hỏi của cháu Gái vẫn vẫy đuôi lấy tôi suốt đường về: "Sao gia đình cháu lại phải chịu nhiều đau khổ vậy hả chú?".

Lời giới thiệu: Toàn bộ các câu chuyện trong phóng sự này không có gì đặc biệt hơn nếu viết ở một tỉnh khác. Có một chi tiết: Nam Định ở quá xa vùng Mỹ rải chất độc Da cam nhưng đã 30 năm sau chiến tranh vẫn có tới 6.635 trẻ em bị di chứng. Những người dân Nam Định đã đi chiến đấu giải phóng Tổ quốc và mang di hại về cho thế hệ con cái. Ai biết chắc sẽ còn kéo dài mấy thế hệ nữa? Những gia đình có con bị di chứng hoàn toàn không có hạnh phúc, nếu không muốn nói là suốt đời bị hành hạ, đau khổ. Thế nhưng lại có những thủ tục hành chính rất "điển hình" phải vượt qua để được xếp hạng vào diện "di hại", được hưởng những trợ cấp nhân đạo nhỏ nhoi: 100-88-84-48 ngàn đồng/tháng. Nếu không đủ thủ tục, coi như không. Thật đáng buồn! Di hại chiến tranh đã quá nặng nề, con người lại còn làm cho nó nặng hơn.

TRẦN ĐĂNG

Báo Lao động, ngày 6 tháng 6 năm 2001

NỖI ĐAU KHÔNG ẮN ĐIỆN

Chiến tranh đã lùi xa trên một phần tư thế kỷ, những tàn khốc, ác liệt của bom đạn, những mất mát hy sinh to lớn của dân tộc ta, cùng với thời gian đang dần trôi vào quá vãng. Nhưng hậu quả của chiến tranh thì thật khó quên. Nó vẫn hiện hữu thường nhật quanh ta. Một trong những nỗi đau khôn nguôi đó là di chứng chất độc Da cam...

Muôn về nỗi đau.

Lướt nhanh qua danh sách các nạn nhân chất độc Da cam của tỉnh Nam Định, tôi giật mình nhận thấy cái chất độc mang tên hóa học dioxin kia, sao nó hiện hữu nhiều và ghê sợ đến nhường vậy! Từ thành phố Nam Định, đến vùng chiêm trũng Ý Yên, từ vùng lúa Nam Trực, Xuân Trường đến huyện biển Nghĩa Hưng, ngay tận những xóm đạo xa xôi của Hải Hậu... cũng đều có. Lạ thay, toàn rơi vào những gia đình nghèo? Ông Lâm Văn Việt ở xã Hải Hòa, Hải Hậu có 4 con (2 trai, 2 gái) bé nhất 14 tuổi, đều không phát triển trí tuệ. Ông Nguyễn Ngọc Lâm ở Thọ Nghiệp, Xuân Trường, chiến đấu ở mặt trận Tây Ninh trở về, sinh 3 con (2 trai, 1 gái) thì cả 3 đều bị mù bẩm sinh, hệ thống cơ teo tóp, không đi đứng được. Ông Vũ Đình Chát ở Nam Hải, Nam Trực, có 3 con Dân, Dũng, Doãn sinh lần lượt các năm 1974, 1976 và 1979, bị nhiễm, cả 3 đều thiếu hẳn trí tuệ làm người... Còn nữa, nhiều nữa những hoàn cảnh thương tâm tương tự. Có một điểm chung là cha các cháu đều từ chiến trường ra, đều từng hoạt động ở những vùng Mỹ rải chất độc Da cam. Tại Trung tâm cứu trợ trẻ em tàn tật thành phố Nam Định (số 39 phố Nguyễn Trãi), ông Trần Hải, giám đốc Trung tâm, vốn là một nhà báo, xoay qua làm từ thiện, chỉ cho tôi hàng loạt các nạn nhân của chất Mỹ gọi là để diệt cỏ, đang được Trung tâm cứu chữa và hướng dẫn luyện tập phục hồi chức năng. Có cháu, áo dầm nước miếng, không tự điều tiết được; có cháu mắt trợn ngược, nhìn vô định, vô cảm; có cháu miệng cười luôn, nhưng không phải là cười biểu cảm, mà là cái cười bản năng, man dại và bệnh tật...

Theo số liệu thống kê, Nam Định hiện có 6.635 trường hợp bị nhiễm, bị dị tật do hậu quả chất độc Da cam (con số này chắc chắn thấp hơn thực tế, bởi một khi có con bị dị tật thì người cha phải chứng minh được, bằng giấy tờ,

mình đã hoạt động trong thời gian và tại vùng Mỹ từng rải chất độc Da cam. Nhiều trường hợp không lưu giữ được bất cứ giấy tờ nào, nên đành chịu, không được coi là trong diện). Nạn nhân được rải khắp trên 10 đơn vị hành chính của tỉnh. Huyện nghèo nhất là Ý Yên, lại cũng là huyện chiếm số người nhiễm cao nhất - 1.111 trường hợp! Năm 1961, Mỹ bắt đầu rải chất "diệt cỏ". Một chiến binh nào đó "bị" thì đứa con họ sinh ra đến nay cũng đã trên ba chục năm. Bằng ấy năm chỉ tập trung chữa tật bệnh cho con, bê trễ sản xuất; bằng ấy năm thuốc men, chạy vạy; bằng ấy năm đau đầu nỗi đau bất hạnh... thì đâu còn thời gian, sức lực làm kinh tế. Đó cũng là căn nguyên giải thích cái nghèo của các gia đình nạn nhân.

Chia sẻ và đùm bọc...

Ông Trần Mạnh Tuyên, Phó chủ tịch Hội Chữ thập đỏ tỉnh Nam Định trầm ngâm nói với tôi: "Thảm lắm anh ạ, cứ mỗi độ tháng Bảy về là anh em trong Hội chúng tôi lại bận rộn chuẩn bị cho những chuyến thăm hỏi, động viên các gia đình nạn nhân. Rồi chẳng cứ tháng này nữa, cứ vào dịp lễ, tết là chúng tôi đều làm việc này. Càng muốn đi nhiều hơn, mong làm vơi đi nỗi đau của gia đình nạn nhân". Hội Chữ thập đỏ được tỉnh giao là cơ quan thường trực Ban chỉ đạo vận động, xây dựng Quỹ Bảo trợ nạn nhân nhiễm chất độc Da cam. Từ khi phát lời kêu gọi, Quỹ luôn nhận được sự hưởng ứng rộng rãi của đông đảo nhân dân. Đến nay, Quỹ đã có xấp xỉ 1,6 tỉ đồng, là một trong các quỹ lớn của nhiều loại quỹ tình nghĩa. Quỹ được dùng không chỉ để thăm hỏi động viên, chia sẻ mỗi dịp lễ, tết, mà gần đây, tùy hoàn cảnh cụ thể, Hội sử dụng Quỹ để hỗ trợ một cách thiết thực. Cháu Phạm Văn Thế, con ông Phạm Văn Việt và bà Đặng Thị Đỗ ở xóm 19, xã Hải Đường, huyện Hải Hậu, một nạn nhân chất độc Da cam, tuy bị dị tật nhưng vẫn cố gắng, cùng với sự giúp sức của cộng đồng, cháu đã học được nghề may, nay cần có một chiếc máy khâu để tự kiếm sống. Tỉnh hội đã quyết định trích quỹ, đáp ứng nguyện vọng của cháu Thế. Quỹ cũng đã hỗ trợ cho gia đình ông Nguyễn Văn Ghi, phường Năng Tĩnh đủ 3 triệu đồng để mua chiếc xe đẩy, ngày ngày bán bánh dạo nuôi hai con bị dị tật. Gia đình ông Phong, bà Vinh ở Trại Chùa, thị trấn Lâm, Ý Yên lại có cách làm khác. Được Trung ương Hội Chữ thập đỏ giới thiệu, một tổ chức từ thiện giúp ông bà số tiền đủ xây dựng mô hình kinh tế VAC nhỏ tại gia, để vừa tồn tại vừa nuôi hai con gái dị tật... Cả nước đồng cảm, cả nước chia sẻ. Phần vật chất tuy chưa nhiều, nhưng kịp thời và rất nghĩa tình, giúp các nạn nhân vơi đi nỗi đau, tiếp sức cho họ vững bước vượt lên bất hạnh. Còn phần Nhà nước? Chị Nguyễn Thị Hân, trưởng phòng Bảo trợ xã hội của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh cho biết, tính đến nay, đã lập hồ sơ và thực hiện trợ cấp cho 4.350 trường hợp, với 4 mức phụ cấp 100, 88, 84 và 48 ngàn đồng/tháng, tùy

mức độ bị nhiễm trực tiếp, gián tiếp và độ nặng nhẹ. Số còn lại, Sở đang hoàn tất hồ sơ và quyết tâm giải quyết gọn trong năm nay. "Thương tâm lắm anh ạ, có xuống trực tiếp mới thấy đau lòng. Mình làm chậm ngày nào, cứ đau đau mặc cảm tội lỗi ngày đó" - chị Hãnh nói thê. Tính ra, mỗi năm tỉnh trợ cấp khoảng 4 tỷ đồng cho các đối tượng này (con số chính xác là 3.957 triệu đồng). "Họ sẽ được nhận trợ cấp hàng tháng và đến hết đời?" - tôi hỏi. "Vâng. Đều đặn hàng tháng và đến hết đời". Chị Hãnh trả lời rồi nói thêm: "Với đối tượng này, nếu có mà cấp thêm cũng chẳng xứng với nỗi đau họ đang gánh chịu". Đúng thế. Tiếc rằng, kinh tế nước ta còn nghèo, các đối tượng chính sách, trong đó có nạn nhân chất độc Da cam lại quá lớn. Mức phụ cấp đó, đúng như chị Hãnh nói, thật chẳng thấm vào đâu so với mất mát, hy sinh và những gì họ đang gánh chịu.

Ngỏ cùng nước Mỹ.

Một trong những tội ác ghê tởm nhất là tội ác chống lại loài người, chống lại sự sống. Mỹ gây ra cuộc chiến tranh chống lại cả dân tộc Việt Nam, rắp tâm đưa Việt Nam trở lại thời kỳ đồ đá mông muội. Kể từ năm 1961, Mỹ bắt đầu thực hiện một việc làm hiểm độc và dã man: rải hóa chất hủy diệt sự sống xuống Việt Nam. Những chất gọi là "diệt cỏ" đó đã để lại di chứng đến tận hôm nay. Trên sáu ngàn nạn nhân ở Nam Định, một tỉnh nằm ngoài vùng Mỹ trực tiếp rải chất dioxin!. Còn những nơi khác? Việt Nam có 61 tỉnh và đơn vị hành chính tương đương Nam Định, con số nạn nhân cả nước này sẽ là bao nhiêu? Không ít gia đình đẻ con nào con đó bị dị tật, càng mong có được đứa con để nối dõi, con càng bị dị tật. Rất nhiều người trong số họ không còn nước mắt để khóc, không còn lời để giải bày. Gặp họ, hỏi han vài câu, phỏng vấn dăm ba điều dường như là thừa, là khiếm nhã. Bởi bất hạnh của họ, tự nó đã phơi bày lồ lộ, không chịu ẩn diện. Họ cúi đầu lặng lẽ. Con cái là niềm hạnh phúc, niềm an ủi, trông cậy, là chỗ dựa lúc về già. Nay hết thấy những kỳ vọng đó không còn nữa. Họ đang đứng trước nỗi đau hoang loạn: rất có thể bị tuyệt diệt cả một chi họ, một dòng họ! Cái đau tuyệt diệt là cái đau không cách nào khóa lấp được! Chính phủ Mỹ liệu có biết điều đó? Xin thưa là người Mỹ biết quá rõ những di chứng nặng nề của việc họ làm trước đây. Thưa nhất đây đó, một vài tổ chức phi chính phủ Mỹ cũng có lên tiếng, có thể hiện. Nhưng cái chút ít "góp phần" kia làm sao có thể giải quyết hậu quả của ngần ấy nỗi đau, nỗi bất hạnh, ngần ấy số phận. Trong khi đó, Chính phủ Mỹ, trên thực tế vẫn cố tình chối bỏ trách nhiệm của mình.

Tại Hội nghị về Môi trường Việt Nam vừa diễn ra ở Thụy Điển (26 - 28-7-2002), gần 60 nhà khoa học và nhà hoạt động nhân đạo trên thế giới đã kêu gọi Mỹ cần phải có trách nhiệm to lớn trong việc tái thiết lại Đông

Dương sau cuộc chiến tranh ở Việt Nam, kể cả việc trợ giúp cho các nạn nhân chiến tranh. Chính bà Lady Borton, đại diện của Tổ chức nhân đạo Mỹ Quaker ở Việt Nam cũng khẳng định: "Mỹ chưa bao giờ bồi thường cho Việt Nam về những thiệt hại và mất mát do chất độc Da cam gây ra". Một sự thừa nhận cần thiết, nhưng chưa đủ. Đã đến lúc nước Mỹ không thể đứng ngoài nỗi đau do chính họ gây ra.

NHẬT TRANG

Báo Lao động, ngày 30 tháng 7 năm 2002

Bản sao lưu trữ

NỖI ĐAU DA CAM

Hội nghị khoa học Việt - Mỹ về ảnh hưởng của chất độc Da cam/dioxin với sức khỏe con người và môi trường vừa được tổ chức tại Hà Nội vào đầu tháng 3. Mỹ không phủ nhận đã rải hơn 70 triệu lít thuốc diệt cỏ có chứa dioxin xuống chiến trường miền Nam Việt Nam nhưng vẫn chưa thừa nhận hậu quả của cuộc chiến tranh hóa học đối với con người và môi trường. Chúng tôi đã theo chân đoàn kiểm tra dự án: "Hỗ trợ người khuyết tật và nạn nhân chất độc Da cam" của Hội Chữ thập đỏ Mỹ và Quỹ Bảo trợ nạn nhân chất độc Da cam Hội Chữ thập đỏ Việt Nam triển khai tại tỉnh Hà Nam. Và thực tế đã chứng minh - một sự thật không thể chối cãi.

Không thể phủ nhận trách nhiệm.

Xóm 6 thuộc xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng (Hà Nam) nằm uốn mình bên dòng sông Đáy hiền hòa. Khi đến đầu làng những người dân tò mò nhìn theo đoàn người mà tây có ta cũng có đi vào con ngõ nhỏ - nơi gia đình ông Nguyễn Văn Truyền cư ngụ. Quá quen thuộc với cảnh người lạ đến nhà ông Truyền suốt mấy năm qua, bà cụ hàng xóm hỏi tôi: "Lại đến thăm mấy đứa con ông Truyền bị điên chứ gì?". Bà cụ vừa đi vừa kể cho tôi nghe chuyện ông Truyền đi bộ đội về, lấy vợ đẻ con được 5 đứa, cả 5 đứa đều bị thần kinh. Bà cụ xót xa: "Một đứa đã mất còn bốn". Bước lên thêm nhà, chúng tôi, ai cũng lặng người khi nhìn thấy trên chiếc phản cả bốn đứa con lớn lộc ngộc, đầu tóc rối bù, quần áo bẩn thỉu, gương mặt dài dại, mắt nhỏ, mũi ngắn và chỉ biết nhe răng cười hềnh hếch, đôi lúc lại rú lên cười. Khi thấy chiếc máy ảnh giơ lên, bỗng một trong ba cô gái lăn kên ra, cười rữ rượi, giọng ngong ngọng "tây, tây" rồi xua tay không cho chụp. Mấy chị hàng xóm lớn tuổi luôn miêng "Mai! Không được hồn". Họ kể cho tôi nghe nỗi cực nhọc của người mẹ già phải làm vệ sinh cho cả ba cô gái mỗi khi đến... tháng. Khi lên cơn là quần áo xé hết, đánh luôn cả bố, mẹ. Bà cụ già hỏi tôi: "Chị về Hà Nội, hỏi các bác sĩ có cách nào giúp để cho cả ba đứa không còn là đàn bà nữa? Chuyện chăm con, ông bà ấy gắng sức còn lo được, sợ nhất là chuyện bọn vô lương, mất hết tính người làm chuyện bậy bạ". Người cha đang tiếp chuyện với khách ở bàn nước bên cạnh, nghe bà hàng xóm nói, ông quay ngoắt lại nhìn tôi rồi vội quay đi. Từ đó giọng ông nghèn nghẹn trả lời những câu hỏi

của khách. Vẫn chiếc áo bộ đội bạc màu, ông Truyền kể lại: "Khi các cháu sinh ra, nhìn vào gương mặt non nớt ấy, tôi đã linh cảm thấy không bình thường". Vợ chồng ông sống bao năm trong sự mặc cảm, trong "lời ra tiếng vào" của hàng xóm. "Chỉ mấy năm gần đây, Nhà nước có chủ trương trợ cấp cho những nạn nhân chất độc Da cam, gia đình tôi mới được giải oan. Nhiều lúc cả nghĩ, không may vợ chồng tôi có mệnh hệ gì, mấy đứa trẻ biết nương vào ai để mà sống". Chúng tôi rời nhà ông Truyền, mỗi người một tâm trạng. Flor Enkleb - phóng viên người Đức nói với tôi: "Tôi không hiểu người Mỹ đến chứng kiến cảnh này họ sẽ nói gì. Ông ngoại tôi cũng bị lính Mỹ giết. Trong cuộc chiến tranh, người Đức cũng có lỗi, còn người Việt Nam chẳng có lỗi gì cả".

Chờ đợi đến bao giờ?

Tại Hội nghị khoa học Việt - Mỹ về ảnh hưởng chất độc Da cam/dioxin lên con người và môi trường được các nhà khoa học Việt Nam đánh giá đó là "Bước tiến ngắn trên con đường dài". Vì là mức độ hội nghị khoa học nên sự nghiên cứu không đồng nhất, còn nhiều vấn đề cần tranh luận, thậm chí còn không ít ý kiến trái ngược nhau. Với tư cách là một nhà khoa học - Tiến sĩ Lê Kế Sơn - Giám đốc Quỹ Bảo trợ nạn nhân chất độc Da cam Hội Chữ thập đỏ Việt Nam nói rõ: "Có những mong muốn từ hội nghị đã không trở thành sự thật. Dẫu biết rằng, những vấn đề liên quan đến dioxin về phương diện khoa học hay nhân đạo không hề đơn giản một chút nào. Đại sứ Mỹ trong buổi khai mạc có nói "Không có những câu hỏi đơn giản và cũng không thể có câu trả lời đơn giản". Chúng ta hoàn toàn đồng ý với ngài đại sứ, nhưng không thể có câu trả lời đơn giản là nếu không chứng minh được là nạn nhân chất độc Da cam thì có nghĩa là chiến tranh hóa học do Mỹ gây ra không để lại hậu quả trên đất nước này. Và cũng không thể đơn giản tỏ thái độ đối với những báo cáo khẳng định tác hại của chất Da cam/dioxin đối với con người và môi trường Việt Nam bằng một thái độ không gặt, không lác".

Trong khi đó, bằng con đường hoạt động nhân đạo, Hội Chữ thập đỏ Mỹ và một số cựu chiến binh Mỹ đã từng chiến đấu tại chiến trường miền Nam Việt Nam đã và đang cố gắng bù đắp lại sự thiệt thòi của những nạn nhân chất độc Da cam ở Việt Nam. Theo ông Trương Đình Dư, Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ tỉnh Hà Nam: "Sự trợ giúp của dự án hỗ trợ người khuyết tật và nạn nhân chất độc Da cam của Hội Chữ thập đỏ quả như muối bỏ biển. Vốn dự án có 500 triệu đồng mà cả tỉnh có tới 116 xã. Xã nào cũng có nạn nhân chất độc Da cam, làng nào cũng có. Tính toán mãi, nhắc lên, đặt xuống chỉ chọn được có 9 xã để triển khai, nhưng không phải tất cả nạn nhân trong 9 xã đó được hưởng hết, đành lựa người khó khăn nhất. Theo điều tra bước

đầu của Hội Chũ thập đồ tỉnh Hà Nam, toàn tỉnh có tới 3.167 nạn nhân chất độc Da cam, trong đó có 1.837 nạn nhân là người lớn; 1.330 nạn nhân là trẻ em và có tới 1.733 đối tượng là bộ đội; 99 đối tượng là thanh niên xung phong; 53 đối tượng là thế hệ cháu đã bị ảnh hưởng bởi di chứng của chất hoá học độc hại này.

Mỗi nạn nhân là một hoàn cảnh đau lòng. Người dân làng An Mỹ dẫn chúng tôi đi đến nhà ông Phạm Văn Điển có hai con đều bị thần kinh, đứa con trai lớn Phạm Văn Thiết bị mù, đứa con gái kém anh 8 tuổi mắt có khá hơn một chút - bị lác. Ông Lê Văn Thoan người cùng làng cũng có hai con trai bị ngớ ngẩn. Ôi chao. Khi nghe con số mà ông Trương Đình Dư thông báo, tôi thấy sồn da gà, trong 200 nạn nhân là con các cựu chiến binh bị ảnh hưởng chất độc Da cam ở các huyện được hưởng dự án của Hội Chũ thập đồ thì có tới 93 nạn nhân bị tâm thần, đần độn, mất trí nhớ, còn lại hầu như bị bại liệt, mù... không có khả năng tự chăm sóc mình. Anh em trong một nhà đều bị di chứng giống nhau. Hai con của ông Nguyễn Văn Hùng (xóm 6, Hồng Lý, Lý Nhân) đều bị liệt, hai con gái ông Phạm Hồng Sâm (xóm 1, Chân Lý, Lý Nhân) cũng đều bị liệt. Hai con, một trai, một gái của ông Trần Hữu Tài (Bồ Đề, Bình Lục) một thì động kinh, một bị bại não, liệt hoàn toàn... Những con số trên đã chứng minh một điều, các nạn nhân chất độc Da cam ở tỉnh Hà Nam đều là con của các cựu chiến binh, thanh niên xung phong đã từng tham gia chiến đấu ở chiến trường miền Trung, như Quảng Trị, Tây Nguyên, Quảng Nam... những mảnh đất nằm trong bản đồ mà Mỹ đã rải chất độc Da cam/dioxin. Ngược lại, con của các cựu chiến binh hoạt động ở vùng miền Bắc cùng sinh sống ở làng khi sinh ra đều bình thường.

Trong Hội nghị khoa học Việt - Mỹ, có những quan điểm cho rằng cần phải nghiên cứu tiếp về tác hại của chất độc Da cam đối với con người, Giáo sư, tiến sĩ Nguyễn Trọng Nhân - Chủ tịch Hội Chũ thập đồ Việt Nam nói rõ: "Nạn nhân chất độc Da cam cần phải được giúp đỡ ngay vì họ không thể chờ thêm nhiều năm nghiên cứu của chất diệt cỏ do Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam. Việc các nhà khoa học cứ nhất định đòi phải có nhiều năm nghiên cứu về tác hại của chất Da cam nữa là một cố gắng thiếu cặn. Bất cứ ai hiểu biết về khoa học cũng biết rằng bất cứ chất độc hóa học nào cũng đều gây tác hại đến sức khỏe, môi trường. Rất nhiều nạn nhân chất độc Da cam đã lặng lẽ chết một cách đau khổ mà chưa nhận được sự thông cảm và giúp đỡ tương xứng. Vì vậy, các nạn nhân chất độc Da cam không thể chờ đợi thêm khi có đủ bằng chứng khoa học rồi mới giúp đỡ. Nếu chờ cho đủ bằng chứng rồi mới giúp đỡ thì những người có lương tâm sẽ không bao giờ cảm thấy thanh thản, đặc biệt là những người Mỹ có lương tâm".

Rời làng Đọ Xá (thị xã Hà Nam), giọt nước mắt của người mẹ đau khổ - chị Đinh Thị Mỹ "đẩy" chúng tôi sang một nỗi đau khác. Trong bốn đứa con của chị, chỉ có mỗi cô con gái duy nhất là "bình thường", hiện đang là sinh viên một trường cao đẳng: "Cháu yếu lắm, vẫn phải mua thêm đạm để tiếp cho cháu...". Người mẹ buông lỏng trước khi nói về tương lai của cô bé. Tôi hiểu nỗi đau đang giằng xé trái tim người mẹ. Một bên là ba đứa con trai ngổ ngẩn, thân kinh phải có người phục vụ và một bên là... tương lai của cô con gái.

LÊ HUÂN

Báo Lao động, ngày 28 tháng 3 năm 2002

Bản sao lưu trữ

NHỨC NHỚ THANH CHƯƠNG

Đất nghèo.

Theo hướng tây bắc - đông nam, dòng sông Lam cắt địa hình vốn gồ ghề lồi lõm kém màu mỡ của Thanh Chương làm hai khu vực không cân đối: 100.000 hécta phía hữu ngạn thành 23 xã 13 vạn dân, trong khi phía tả ngạn chật chội 11.000 hécta gồm 13 xã và 1 thị trấn, có tới 11,4 vạn con người. Sự cắt chia không song phẳng tạo ra tính không cân đối về mật độ dân cư, là ngáng trở cho sự phát triển về kinh tế xã hội của Thanh Chương. Được hưởng nguồn lợi của dòng sông Lam mang lại suốt nhiều thế kỷ, giờ đây Thanh Chương đang bị trả giá bởi giao thông ngáng trở, bởi sự tàn phá của bão lũ, hạn hán với mức độ thiệt hại năm sau cao hơn năm trước. Thiệt hại tăng bởi gần 100% dân số Thanh Chương sống bằng nông nghiệp. Địa hình gồ ghề bị cắt chia nham nhở, đưa được nguồn nước nhân tạo nơi hệ thống mương máng tới đây quả không dễ. Một nhà thơ gốc Thanh Chương có lần nói với tôi: Dòng Lam từng ngoan ngoãn chuyên chở kinh tế tự cung tự cấp bằng đò dọc đò ngang, mít chín, chè xanh. Giờ đây Thanh Chương cần đường nông thôn đủ rộng đủ dài.

Từ 1992 sừng sững một cầu Dừng. Nhưng từ thượng và hạ lưu tính từ chiếc cầu treo ngất ngưỡng ấy là hàng chục bến đò chông chênh với bên lở bên bồi. Thanh Chương vẫn là quê hương của đò ngang đò dọc. "*Ngái ngói chi mà anh nở về, hay anh chê quê hương em nghèo đói*". Câu hát ấy cứ day dứt bất kỳ ai mỗi lần về Thanh Chương. Từ buổi đầu của đấu tranh cách mạng, Thanh Chương luôn đi trước dù phải hy sinh mất mát lớn lao. Trong công cuộc dựng xây chủ nghĩa xã hội, Thanh Chương đang cố theo kịp "liên anh liên chị". Song Thanh Chương tiến thêm một bước thì các "anh chị" đã bước rưỡi hai bước rồi, khoảng cách ngày càng vời vợi.

Nhức nhớ những cuộc đời.

Cuộc chiến đã ngừng im hai mươi mấy năm rồi. Trong số 49 nghìn lượt con em của Thanh Chương lên đường đánh giặc, có tới 6.115 chàng trai cô gái trẻ vĩnh viễn không về, cố định nỗi đau trong 3.390 suất tiền tuất liệt sĩ gửi lại cho người thân. Thanh Chương đứng đầu Nghệ An về số lượng

đối tượng chính sách: 146 bà mẹ Việt Nam Anh hùng, 2.015 thương binh, 1.206 bệnh binh, 132 quân nhân bị bệnh nghề nghiệp và tai nạn trong khi làm nhiệm vụ. Trong số trở về ấy, nhiều người là thương bệnh binh hoặc không hưởng chế độ ưu đãi gì đều đang mòn mỏi vì nỗi đau nghiệt ngã bên những đứa con do họ sinh ra. Bao người lính trở về sau cuộc chiến, đầu gối trong dòng máu truyền đời ông cha để lại đã bị kẻ thù gieo mầm hủy diệt bằng thứ chất độc ác nghiệt. Chúng tôi chỉ đến được một số nạn nhân chất độc Da cam tại hai xã Thanh Mỹ và Ngọc Sơn.

Anh Đặng Đình Quân, sinh năm 1951, bệnh binh 2/4 ở xóm 4 hợp tác xã Đại Sơn, xã Thanh Mỹ. Nhập ngũ tháng 4 năm 1970, thuộc Tiểu đoàn đặc công T50, Trung đoàn 1, Sư đoàn 1 bộ binh, từng đóng quân ở Lò Gò, xóm Giữa (Tây Ninh) và Công Pông Chàm. Sau giải phóng, về tiếp quản Rạch Giá, tham gia giải phóng Phú Quốc, Thổ Chu. Năm 1976, anh về phép cưới chị Trần Thị Tâm. Năm 1979 anh đưa vợ vào làm công nhân quốc phòng tại Sư đoàn 332 đóng tại Gia Lai - Kon Tum. Cùng năm đó, chị Tâm mang thai lần đầu bị sẩy khi mới 3 tháng. Tháng 9 năm 1981, chị sinh cháu trai thứ hai được mấy ngày cháu bị chết. Tháng 12 năm 1982, sinh cháu gái thứ ba bị chết mà chưa kịp đặt tên. Tháng 3 năm 1984, sinh cháu Đặng Đình Quyền, tháng 10 năm 1986 sinh cháu Đặng Đình Quyết, cả hai lúc lọt lòng cơ thể mềm như sứa. Suốt 7 đến 8 tuổi cứ nằm ngửa, không gọi được mẹ, được bố, chỉ la hét, vợ được vật gì cũng đưa vào miệng theo bản năng. Ba năm nay 2 cháu biết đi lại, nhưng không có tư duy của con người, suốt ngày la hét và đập đầu vào tường. Vợ chồng anh đã phải bán những vật dụng cuối cùng để nhiều lần đưa con ra Viện nhi Thụy Điển, Hà Nội. Các bác sĩ hết lòng cứu chữa, nhưng rồi phải bó tay: "Bệnh của 2 cháu không cách nào chữa khỏi. Với đạo lý làm người, anh chị gắng chăm bẵm các cháu được ngày nào hay ngày ấy...". Suốt ngày, 2 cháu bò lê bò la trên nền nhà, quần áo bị rách thường xuyên, đại tiểu tiện cũng không làm chủ được, anh chị phải cật cửi nhau ở nhà trông nom. Chị Tâm ứa nước mắt: "Lo nhất là khi vợ chồng chúng tôi về già; không còn khả năng chăm nom, biết nhờ ai nuôi dưỡng các cháu...".

Anh Hoàng Đình Mỹ, sinh năm 1952, vợ là Đặng Thị Hân, sinh 1956, trú tại xóm 4, hợp tác xã Đại Sơn, xã Thanh Mỹ. Nhập ngũ năm 1970, chiến đấu tại các chiến trường phía Nam. Sau giải phóng, trở về xây dựng gia đình. Năm 1978 sinh cháu Hoàng Đình Phú, quần quai trong tật nguyên, cháu mất khi 9 tuổi. Năm 1980 chị Hân mang thai đứa thứ hai, chưa đến kỳ đã bị sẩy. Năm 1981 sinh cháu gái, sau 5 ngày chưa kịp đặt tên, cháu bỏ bố mẹ ra đi. Năm 1982 sinh cháu Hoàng Đình Long, lên 4 tuổi cứ mềm như thân chuối, hết thầy hết thuốc, cuối cùng cháu qua đời tại bệnh viện ở Hà Nội.

Chị Hân 43 tuổi sau nhiều lần mất mát đau thương, cơ thể tàn héo như bà già 60.

Trên đường về Vinh, chúng tôi vào gia đình anh Nguyễn Hữu Hải, sinh năm 1957, vợ là Trần Thị Huỳnh, sinh 1962, trú tại xã Ngọc Sơn. Anh chị có 4 con, cháu đầu Nguyễn Hữu Thanh (1987) bị điếc, mất mờ, trí tuệ không được bình thường như trẻ cùng lứa. Chị Huỳnh kể, khi sinh cháu Nguyễn Thị Vân (1988) và cháu Nguyễn Thị Vượng (1990) cơ thể các cháu mềm nhũn, cứ nằm ngửa, không đứng không ngồi được, bế bồng phải cẩn thận, nếu không các cháu dễ bị gãy gập. Hiện cháu Vân lên 11 tuổi chỉ cao 0,8m, nặng 10kg. Nguy hiểm là khắp cơ thể, nơi phần mềm đều bị rỉ máu tự nhiên, các cháu dễ bị ngừng tim trong khi nằm ngủ. Đêm đêm, anh chị phải thay nhau canh trực, thi thoảng lay gọi các cháu *kéo*... Cháu Vân và cháu Vượng chỉ mở mắt trong bóng râm, bóng tối, ra ánh sáng không thể nhìn thấy gì, cứ đâm lao vào bờ bụi. Lên 9 và 11 tuổi, các cháu không có trí khôn của trẻ lên ba.

Anh Trần Duy Ngoãn, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, cho biết: "Cũng tại Thanh Mỹ, anh Nguyễn Văn Tinh có 3 con đều bị ngớ ngẩn từ thuở lọt lòng, các cháu không qua nổi tuổi 7, 8. Toàn huyện Thanh Chương có tới 456 gia đình cảnh ngộ như thế. Con số 115 là số đã được kiểm định trên cơ sở lý lịch và 1.820 cháu bị khuyết tật, chắc chắn nạn nhân của chất độc Da cam tại Thanh Chương không dừng ở con số ban đầu ấy. Ai dám chắc không có chất độc hủy diệt trong hàng ngàn số phận mỏng manh kia, khi mà các phương tiện khoa học để xác định hầu như chúng ta chưa có.

Đằng sau vẻ bình yên của huyện anh hùng này còn đầy rẫy những nỗi đau hậu chiến, đến y học hiện đại nhất thế giới cũng phải bó tay trước tội ác hủy diệt giống nòi. Bao người anh trở về, thân hình bề ngoài có vẻ như nguyên vẹn, song xương tủy của họ đã bị thứ chất độc nguyên rửa kia làm cho không thể nguyên vẹn một con người.

Thanh Chương! Còn bao người bố, người mẹ đang nơm nớp đếm từng ngày tồn tại của những đứa con bị nhiễm chất độc Da cam?

GIAO HƯỜNG

Báo Lao động, ngày 9 tháng 5 năm 2001

CAM LỘ - NỖI ĐAU DIOXIN

Tôi tìm về một mảnh làng nhỏ nằm ở phía tây tỉnh Quảng Trị, vùng đất bị quân Mỹ rải chất độc hóa học nhiều lần và chứng kiến những cảnh tượng đau lòng do chất dioxin tác hại lên mạng sống của bao người, trong đó, đau lòng nhất là số phận của các cháu bé được sinh ra từ sau chiến tranh đến nay.

Tại Hội thảo quốc tế về hậu quả của chất độc Da cam tổ chức lần thứ nhất tại Việt Nam vào năm 1983, các nhà khoa học đã đưa ra số liệu gây kinh hoàng dư luận thế giới: Từ năm 1961 đến tháng 4 năm 1971, quân đội Mỹ đã rải xuống miền Nam 72 triệu lít trên một diện tích rộng lớn từ nam sông Bến Hải đến Nam Trung Bộ, miền Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và Cà Mau. Nồng độ rải chất hóa học trên một hécta là 28 lít...

Một ngày ở vùng "Cù lao troóc mứt".

Hai xã Cam Nghĩa, Cam Chính, huyện Cam Lộ tỉnh Quảng Trị trước 1975 thuộc một xã có tên là Cam Lộ, nằm ngay trung tâm Cù, chiến khu chống Mỹ của các đơn vị chủ lực Quân giải phóng, cách Đường 9 khoảng 15km về phía Tây. Vào Cù, từ Đường 9 rẽ trái, theo con đường đất đỏ ngoằn ngoèo vắt qua không biết bao nhiêu là đồi núi, những quả đồi bạc thếp, lúa thưa cây dại và cháy đỏ lên trong nắng. Vùng đất này đã rất nổi tiếng trong chống Mỹ qua các chiến dịch lớn Đường 9 - Nam Lào, chiến dịch 72 ngày đêm thành cổ Quảng Trị, chiến dịch Khe Sanh... Bà Lương (mẹ của anh Lương, chủ tịch xã Cam Chính) nói với tôi: "Chú biết không, hồi nớ (thời chiến tranh) vùng Cù này là *troóc mứt* của bom đạn đó". Anh Lương giải nghĩa, với người đi lấy mật ong, nơi mật đọng lại nhiều nhất, ngọt nhất gọi là *troóc mứt*. Thì ở Cù, *troóc mứt* nghĩa là nơi mà bom đạn các loại của giặc Mỹ trút xuống đây khủng khiếp nhất với mật độ dày đặc so với địa bàn toàn tỉnh Quảng Trị. Trong tất cả những thứ bom mà Mỹ trút xuống Cù có chất độc Da cam. Bà Lộ, gần 90 tuổi ở thôn Phương An, xã Cam Nghĩa, kể: "Mấy năm đó Mỹ nó dùng máy bay rải chất độc hóa học màu trắng bát ngát cả vùng. Tui nhìn rõ mà. Nhiều lần lắm. Từ trên máy bay, nó thụt chất màu trắng ấy xuống. Vài ngày sau cả khu rừng, rồi cây cối trong vườn dân cháy lá hết, chết rục. Sau này tui mới biết đó là chất hóa học chứ...".

Tôi đến nhà anh Nguyễn Văn Lộc thôn Phương An, xã Cam Nghĩa. Ngôi nhà thấp tè, tuềnh toàng, che chắn tạm bợ bằng những miếng cót, sùm sụp trên mảnh vườn nhỏ. Nhà đang ăn cơm. Trên bàn là một niêu cơm nhỏ, một ô rau má và một bát mắm nêm. Trên nền nhà, cụ Lộc gần 90 tuổi đang dẫn đứa cháu trai lên đùi mình, bón cho nó những thìa cơm chan mắm. Cháu bé dài thượt, chân tay không khoèo, khuôn mặt méo lệch sang một phía, hai cánh tay quờ quạng vô định. Mắt cháu nhìn tôi chỉ thấy toàn lòng trắng. Hàm răng đen xỉn. Cháu há miệng ăn cơm nhưng những hạt cơm không chịu vào miệng, nó cứ rơi vãi hết ra manh chiếu. Ruồi bâu đến. Có vẻ như cháu muốn đuổi ruồi nhưng đôi tay không khoèo bắt lợc; nước miếng, nước mũi cháu chảy nhoe nhoét. Bà cụ nhẫn nại nhét từng hạt cơm vào miệng cháu. Cụ Lộc gầy đét, tóp teo, hai cánh tay của cụ không đủ sức để giữ yên cháu bé. Vợ chồng anh Lộc đứng sau tôi. Tự dưng cả khách và chủ không ai nói gì với ai. Chưa hết, dưới nhà bếp lụp xụp, tôi lại nhìn thấy một cháu trai nữa cũng đang nằm vật ngửa trên chiếc chõng tre thấp, trợn ngược mắt, toác cả miệng ra hét rất kinh khủng, tiếng hét nghe như không phải tiếng người, nghe như là âm vang của nỗi đau đớn, như là tiếng giăng co của tử thần. Chị Mít, vợ anh Lộc chạy xuống bế cháu. Cháu cứ giãy người lên, cứ hét, rú lên toang toác. Đôi mắt cháu nhìn tôi như nhìn vật lạ. Thấy mặt tôi tái đi, chị Mít nói: "Không phải nó sợ đâu. Cũng không phải nó đau ốm hoặc khóc than đâu. Nó thấy có người lạ vào, cháu nó cười đó mà". Tôi thấy mắt mình cay cay. Trời ơi! Nụ cười như thế này ư?

Vợ chồng anh Lộc đổ sụp cả tinh thần và kinh tế với ba đứa con tật nguyện vì chất dioxin. Những mảnh đời đáng thương này ngày qua ngày vá vúi với nhau bằng nước mắt đau đớn bởi ba đứa con sinh ra, thì bị chất độc Da cam đã cướp đi sinh mạng của đứa con trai đầu và thân phận con người của hai đứa còn lại.

Nỗi đau chồng lên nỗi đau.

Tôi gặp chị Bình, Chủ tịch Hội Phụ nữ xã Cam Nghĩa. Chị còn trẻ, mới lấy chồng, sinh được đứa con đầu tiên. Chị kể: "Khi mang thai, em cũng lo lắng. Vùng này, chất độc hóa học nhiễm rất nặng vào đất đai và các nguồn nước. Có ai dám chắc là mình sinh con ra sẽ không bị đau anh. May quá, cháu không hề hấn chi, lúc đó hai vợ chồng mới thở phào nhẹ nhõm". Bình nói: "Xã em là trọng điểm của việc ảnh hưởng chất độc Da cam. Cả xã có 108 cháu bị ảnh hưởng bởi dioxin. Năm nào cũng có cháu chết. Năm nào cũng có cháu sinh ra bị dị tật, khủng khiếp lắm anh. Hội viên phụ nữ xã có 500 người, chúng em cũng nghèo lắm, những ngày lễ tết chúng em động viên nhau mỗi người góp một nghìn làm quà cho các cháu...".

Từ cái lệnh đình chỉ rải chất hóa học của quân đội Mỹ vào tháng 4 năm 1971 đến hôm nay đã hơn ba mươi năm, nhưng ở vùng quê này, bắt đầu từ thôn Đốc Kinh của xã Cam Chính đến thôn Thượng Nghĩa của xã Cam

Nghĩa, di hại khủng khiếp của chất độc Da cam vẫn tiếp tục hành hạ biết bao thân phận.

Tôi cứ lầm lũi đi, hết thôn này đến thôn khác của hai xã Cam Nghĩa, Cam Chính. Và ở đâu cũng gặp những số phận đắng cay như vậy. Những tiếng thét gọi của các cháu bé làm tôi bước không vững. Có những gia đình, đứa trẻ này nối đứa trẻ kia mang trong thân thể di chứng của chất dioxin. Vùng quê này trũng nặng trong nước mắt, trong cay cực, trong vàng rợn tang tóc vì chất độc Da cam...

Bà con trong làng trong xã nói với nhau: "chừ biết làm răng, rui ro nhà nào sinh con ra bị phải cái chất độc ấy thì cần răng chịu, không có thuốc chi chữa được. Thôi thì mỗi người trong làng góp với nhau đồng quà tấm bánh, lời an ủi, xoa dịu nỗi khổ cho gia đình họ thôi". "Sự cực mang của bà con phần nào cũng làm bớt đi cái khổ đau của những gia đình ấy anh ạ" - Chị vợ anh Thanh, Chủ tịch xã Cam Nghĩa, tâm sự vậy. Anh Thanh nói: "Xã nghèo, thu ngân sách của xã mỗi năm chỉ được vài ba chục triệu, dựa vào nguồn ngân sách của tỉnh và huyện là chủ yếu. Nhưng địa phương cũng gồng lên cùng sự đóng góp toàn dân để cứu mang các gia đình bị chất độc Da cam. Chúng tôi lo với họ từng bữa ăn. Không thể để gia đình nào đứt bữa. Rồi kêu gọi sự trợ giúp của các hội từ thiện, các tổ chức xã hội. Ủy ban Bảo vệ và Chăm sóc trẻ em tỉnh cũng hết lòng giúp đỡ. Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, các cơ quan ban ngành trong tỉnh hễ có dịp là giúp. Nhưng anh tính, một tỉnh nghèo như Quảng Trị với biết bao lo toan, gắng mấy cũng chỉ đắp đổi cho những gia đình này phần nào thôi". Tết vừa rồi, ông Nguyễn Minh Kỳ, Chủ tịch tỉnh, đến tận nhà các gia đình có con bị chất độc Da cam thăm và tặng quà. Ông đi không dứt. Ông tâm sự với tôi: "Giá như tỉnh có nguồn thu, cân đối được mọi khoản chi tiêu, ông không tiếc chi thêm tiền để giúp đỡ các cháu tật nguyền. Nhìn chúng nó thương cảm lắm. Vài năm gần đây, cũng có một số đoàn từ thiện về xã tặng quà. Nhưng tất cả sự trợ giúp, cứu mang đó cũng không bù đắp hết được sự cực cực của các gia đình".

Chị Bình nói: "Hội Phụ nữ bọn em vận động các cặp vợ chồng đã có con bị nhiễm chất độc đừng sinh nữa... Nhưng anh thấy đấy... Họ vẫn khao khát có những đứa con lành lặn... Họ vẫn hy vọng... Rồi lại sinh... Rồi lại tiếp tục nỗi đau.... Nỗi đau chồng lên nỗi đau. Di chứng chiến tranh như bóng đêm của tử thần lúc nào cũng có thể đổ ụp xuống một gia cảnh nào đó".

Tôi rời làng, đứng trên đồi cao nhìn xuống thấy Cam Nghĩa và Cam Chính có thân hình cong ngoặt như một dấu hỏi lớn. Dấu hỏi gieo vào giữa trời giữa đất, gieo vào biết bao thân phận ở làng và khóc nghẹn đợi mãi một câu trả lời...

NGUYỄN QUANG VINH

Báo Lao động, ngày 24 tháng 6 năm 2001

CON CÁI CỰU BINH MỸ BỊ ẢNH HƯỞNG CHẤT ĐỘC DA CAM

Lần đầu tiên, Mỹ công bố một báo cáo chính thức về sự liên quan giữa chất độc Da cam với bệnh bạch cầu ở con cái của các cựu chiến binh Mỹ đã từng tham chiến ở Việt Nam.

Hôm 19 tháng 4 năm 2001, Viện Y học thuộc Viện Hàn lâm quốc gia Mỹ, cơ quan nghiên cứu độc lập thường tư vấn cho Chính phủ Mỹ, đã công bố một báo cáo, trong đó nói rằng có những bằng chứng "gợi một cách giới hạn" đến mối liên quan giữa những người lính Mỹ từng tiếp xúc với chất độc Da cam ở Việt Nam và bệnh bạch cầu tủy cấp (AML) ở con cái họ. Kết luận này sẽ mở đường cho một quá trình thủ tục cần thiết để Chính phủ Mỹ trả tiền chăm sóc con cái những cựu chiến binh bị mắc bệnh. Ông Mark Brown, giám đốc cơ quan các tác nhân môi trường thuộc Hội cựu chiến binh Mỹ, cho biết: "Chúng tôi ước tính có khoảng 500 đến 1.000 trẻ em đã bị ảnh hưởng bởi nguyên nhân trên". Cứ trong 100.000 trẻ em thì có 1 em mắc AML, chiếm khoảng 8% tổng số trường hợp ung thư ở trẻ em. Mỗi năm, khoảng 600 đến 700 trẻ em Mỹ mắc bệnh AML.

Viện Y học đưa ra kết luận trên dựa trên những kết quả của 3 nghiên cứu lớn về tác động tới sức khỏe ở những người đã tiếp xúc với dioxin, một chất gây ô nhiễm có trong chất độc Da cam và các chất diệt cỏ khác. Một nghiên cứu dựa trên hồ sơ y học của hơn 500 trẻ em mắc AML cho thấy, trẻ bị bệnh bạch cầu thường có bố mẹ từng tham chiến ở Việt Nam hoặc Cam-pu-chia nhiều gấp 1,7 lần so với số trẻ bị căn bệnh này mà bố mẹ không tham chiến. Một nghiên cứu khác ở 50.000 cựu chiến binh Australia cho thấy, AML cao gấp 3 lần đến 6 lần ở con cái họ so với ở những đứa trẻ mà bố không tham chiến ở Việt Nam. Hai báo cáo này buộc các nhà khoa học phải lưu tâm, tuy nhiên họ không cho đây là bằng chứng kết luận cuối cùng về mối liên hệ giữa chất độc Da cam với bệnh máu trắng. Ngoài ra, người ta cũng thấy được mối liên hệ rất rõ ở những trẻ em mắc bệnh khi còn rất nhỏ, cho thấy nguyên nhân mắc bệnh là xuất phát từ cha mẹ.

Chính phủ Mỹ đã cho phép Tổng thư ký Hội cựu chiến binh Mỹ Anthony Principi yêu cầu quốc hội phải ban hành luật về việc phải trả tiền bồi thường cho những cựu chiến binh từng tham chiến ở Việt Nam có con bị AML. Người phát ngôn của Principi cho biết, vấn đề này chưa phải đã trở thành

một thỏa thuận được ký kết, nhưng chừng nào mà Viện Y học xác nhận một trường hợp bị bệnh bởi nguyên nhân nói trên, chính phủ sẽ trả tiền bồi thường. Tuy nhiên, một hành động như vậy với những bệnh nhân bị mắc AML chỉ mang tính biểu tượng. Phần lớn cựu chiến binh Mỹ tham chiến ở Việt Nam lúc mới ngoài 20 hoặc 30 tuổi, tức khoảng cuối những năm 1960 và đầu những năm 1970. Mà AML làm chết ít nhất 60% trường hợp bị bệnh, có nghĩa là bây giờ rất ít trẻ em mắc bệnh vì nguyên nhân chất độc Da cam vẫn còn sống để nhận bồi thường.

Mỹ đã rải 19 triệu galông chất diệt cỏ, trong đó nhiều nhất là chất độc Da cam xuống miền Nam Việt Nam trong chiến tranh. Phần lớn việc rải chất độc được lính Mỹ thực hiện từ máy bay, song một số trường hợp rải bằng thuyền và xe bộ binh. Một nghiên cứu năm 1969 cho thấy, đối với các con vật trong phòng thí nghiệm, hóa chất trong chất độc Da cam có thể gây dị dạng khi sinh con. Quân đội Mỹ đã ngừng sử dụng chất độc Da cam năm 1970 và năm 1971 ngừng rải tất cả các loại chất diệt cỏ xuống Việt Nam.

Suốt thập kỷ qua, quốc hội Mỹ đã giao cho Viện Hàn lâm khoa học quốc gia tiến hành nghiên cứu và 2 năm một lần báo cáo về tác động của chất độc Da cam đối với sức khỏe cựu chiến binh. Nghiên cứu đầu tiên được công bố năm 1994. Các nghiên cứu này đã đưa ra bằng chứng buộc Chính phủ Mỹ đồng ý bồi thường cho những cựu chiến binh Mỹ ở Việt Nam nếu con họ bị tật nứt đốt sống; bẩm sinh. Người ta cũng đưa ra bằng chứng thuyết phục về mối liên hệ giữa việc tiếp xúc với chất diệt cỏ, với các bệnh u bướu, bệnh máu trắng. Các bằng chứng chưa đầy đủ cũng đã được đưa ra về liên hệ giữa chất diệt cỏ với bệnh tiểu đường "típ 2". Hội cựu chiến binh Mỹ dự định sẽ đồng ý bồi thường cho những cựu chiến binh Mỹ bị mắc bệnh tiểu đường "típ 2" do hậu quả của việc phục vụ chiến tranh.

VĨNH NGUYỄN

Theo Reuters. Báo Lao động, ngày 1 tháng 5 năm 2001

NGHỊ LỰC PHI THƯỜNG DƯỚI MÁI NHÀ DA CAM

Ở xã Long Giao, huyện Long Khánh, tỉnh Đồng Nai có một người phụ nữ quanh năm suốt tháng dành trọn thời gian chăm sóc hai đứa con trai tàn tật do bị nhiễm chất độc Da cam và đưa chúng đến trường. Nghị lực phi thường của ba mẹ con đã mang lại kết quả: hai anh em đã học hết cấp 2, cấp 3 và làm "thầy giáo" dạy vi tính cho trẻ nhỏ chung quanh nhà.

Cái ngày Trần Hoài Phú ra đời ít ai nghĩ rằng em là một nạn nhân của chất độc Da cam. Chị Hoàng Thị Tuyết - mẹ của Phú kể lại: Phú mập mập, trắng trẻo, đẹp trai nhìn hoài không thấy chán. Vậy mà đến khi Phú đã bước sang 2 tuổi vẫn không biết lật, biết đi, nằm bất động một chỗ. Mẹ Phú phải bỏ hết công việc nhà ôm con chạy từ bệnh viện này sang bệnh viện khác mà vẫn không rõ nguyên nhân của bệnh tình. Hai năm sau đến lượt Trần Hoài Phi ra đời cũng lâm vào hoàn cảnh đáng thương tương tự. Lúc này, người ta đã có kết luận rằng Phú và Phi bị nhiễm chất độc Da cam do người cha truyền sang. Thời gian cứ trôi đi, Phú và Phi lớn lên theo năm tháng thì lòng chị Tuyết càng nặng trĩu khi phải chứng kiến hai đứa con thân yêu của mình đặt đầu là ngói đó, đặt đầu là nằm đó, lưng càng ngày càng còng xuống, chân tay thì teo lại, dài ngoẵng, khối u trên lưng càng ngày càng to bành ra... Cha Phú đi làm thuê xa nhà nên chị Tuyết không dám rời con nửa bước. Chăm lo cho con từng ly, từng tí. Từ cái ăn, cái ngủ đến việc bông bẻ đi tắm rửa... đều do bàn tay của chị Tuyết đảm đương. Vào năm lên 5 tuổi, chị Tuyết bỗng giật mình khi nghe Phú bày tỏ ý muốn đến trường học. Giật mình cũng phải vì lâu nay những nạn nhân mang trên mình cái thứ chất độc Da cam thì làm được gì? Thôi cứ thử xem sao? Chị Tuyết bỗng con đến trường. Khi thấu hiểu rõ hoàn cảnh và nghe tâm tư nguyện vọng của em Phú, Ban Giám hiệu nhà trường đồng ý cho Phú vào học chung với các em cùng trang lứa. Cũng kể từ đây, thêm một gánh nặng đè lên vai chị Tuyết. Phú học rất thông minh, ngoan hiền và rất hòa đồng với bạn bè nên được thầy cô và các bạn trong lớp yêu mến. Hai năm sau, đến lượt Phi cũng đòi mẹ dẫn đến trường để "dùi mài kinh sử". Gánh nặng lần này lại nặng hơn gấp hai lần trên đôi vai của người mẹ hết lòng vì con. Mọi công việc khác chị Tuyết đều giao lại cho cô con gái đầu để dồn sức vào chăm lo cho việc học hành của Phú và Phi.

Rồi mỗi buổi sáng, cái hình ảnh người phụ nữ chở hai đứa con quặt quẹo trên chiếc xe Yamaha cũ kỹ đến trường cũng trở nên quen thuộc trong cái xóm ấp Chùa này. Quãng đường từ nhà đến trường dài hơn 10km qua đèo "Con Rắn" uốn lượn đầy hiểm nguy cũng trở nên bình thường. Gian nan nhất là vào mùa mưa, đường trở nên lầy lội, trơn như đổ mỡ. Đã có rất nhiều lần ba mẹ con té sấp ngựa văng mỗi người một phía tưởng chừng như không bao giờ gượng dậy nổi. Tủ thân, chị Tuyết chỉ biết ôm con vào lòng mà khóc. Thương hai đứa con tật nguyên mà có ý chí vươn lên, đã tạo thêm sức mạnh thôi thúc không cho phép chị Tuyết buông xuôi... Những năm tháng đoạn trường cũng dần trôi qua. Phần thưởng mà Phú và Phi đền đáp cho người mẹ là kết quả học tập tiên tiến và khá giỏi. Đến năm lớp 9, Phú đành phải gạt nước mắt chia tay với giấc mơ đến trường vì sức khỏe không cho phép. Chị Tuyết nói, đó là hậu quả của những lần Phú phải quặn mình trong cơn đau đớn để cho các bác sĩ rút tủy xét nghiệm từ thuở nhỏ. Chỉ còn lại một mình Phi được đến trường. Lên cấp 3, con đường đến trường gian nan hơn, phải ra đến tận gần thị trấn cách nhà hơn 20km mới có trường học. Đến được trường chưa phải là chấm hết sự gian nan. Chị Tuyết phải bế Phi lên lớp học ở tận trên lầu 2. Sáng đưa chiều đón đã trở thành thông lệ. Những ngày thi cử, cứ sáng chở đi, trưa phải cơm nắm cơm đùm ra cho Phi, lo vệ sinh, chiều đến đón... 12 năm đèn sách, Phi tốt nghiệp trung học phổ thông trong niềm vui buồn khó tả. Vui vì đã làm được cái gì đó có ích cho gia đình và bản thân, nhất là đem đến niềm vui cho người mẹ của mình. Nỗi buồn đối với Phi lúc này là cái giấc mơ nhen nhóm được dự thi vào ngành công nghệ thông tin sớm tất khi điều kiện gia cảnh không cho phép. "Cũng đành bất lực thôi. Lên thành phố Hồ Chí Minh học thì tôi phải đi theo để chăm sóc cho Phi. Ai lo cho Phú ở nhà, còn rồi nào là cái ăn, ở, cái mặc... ai lo?" - Chị Tuyết ngán lệ kể như người có lỗi với con.

Không đầu hàng với số phận nghiệt ngã, Phi xin chị Tuyết đăng ký học vi tính ở ngoài thị trấn. Quãng đường phía trước lại dài thêm. Một tuần ba buổi chị Tuyết chở Phi đến Trung tâm giáo dục thường xuyên ở thị trấn Xuân Lộc đặt Phi vào chỗ ngồi, rồi ra phía trước đợi hết giờ vào đón con. Niềm đam mê về môn học này đã cuốn hút Phi từ khi còn đi học cấp 3. Vào năm lớp 10, chỉ mới làm quen với máy vi tính mà điểm thi cuối năm đạt đến 9,9 điểm. Ước mơ muốn có một chiếc máy vi tính để gửi thông điệp cho người tàn tật trên thế giới, để giao lưu, trao đổi, chia sẻ nỗi bất hạnh với bạn bè năm châu đối với Phi càng ngày càng cháy bỏng. Nhiều đêm nằm mơ thấy mình đang ngồi trước chiếc máy tính gửi những bức thư, hình ảnh của mình đi khắp nơi, khi tỉnh dậy mới biết mình đang mơ, rồi nghĩ "không biết khi nào giấc mơ mới biến thành hiện thực". Chị Tuyết cũng đành bất lực. "Cái nền nhà xi măng này cũng phải dành dụm đến hai năm trời mới làm nổi.

Thấy hai anh em nó lết, bò trên cái nền đất đỏ mà đứt cả ruột gan", chị Tuyết nhớ lại. Phải đến ba năm sau, giấc mơ ấy mới trở thành hiện thực, khi một người bà con cho mượn chiếc máy vi tính cũ đem về sử dụng. Phú cũng được người em dành nhiều thời gian hướng dẫn làm quen với máy tính. Nhìn những bức ảnh mà Phi thiết kế dán ngang dọc trên bức tường gỗ, cũng hiểu được niềm đam mê về vi tính đến cỡ nào.

Chị Tuyết khoe với tôi rằng, ngoài giờ phải đến lớp học vi tính, bây giờ Phú và Phi đã là thầy của nhiều đứa trẻ cấp 1, 2 trong xóm. Chuyện bắt đầu từ mùa hè năm Phi tốt nghiệp, nhiều người hàng xóm dẫn con mình đến nhờ phụ đạo, rồi bén duyên luôn với "nghiep" gia sư cho đến tận hôm nay. Phú cũng thấy hay hay nên nhảy vào phụ em mình làm nghề "gõ đầu trẻ" cấp 1, "thu nhập cho công việc không đáng là bao nhưng đó là niềm vui rất khó tả vì mình đã làm một cái gì đó để giúp đỡ gia đình" - Phú nói.

Chia tay với chị Tuyết, chia tay với mái hiên nhà Da cam, cơn mưa bất chợt đã làm cho con đường đất đỏ trở nên trơn như đổ mỡ, nhầy nhụa. Phải cố gắng lắm chúng tôi mới dắt được xe ra đến đường trải nhựa. Khi ngoái lại quăng đường mình đã đi qua, tôi không hiểu sức mạnh nào đã làm cho người phụ nữ này có một nghị lực phi thường đến thế...

Tâm sự của thầy Nguyễn Phước, Phó hiệu trưởng trường Trung học phổ thông Nguyễn Huệ.

"Đôi khi mưa gió, lạnh lẽo, lòng mệt mỏi không muốn đến lớp, nhưng rồi nghĩ đến hình ảnh người mẹ đèo đứa con tật nguyền của mình trên con đường xa tít, xa tấp, tôi lại bật dậy bươn chải đến trường. Nhiều đồng nghiệp của tôi cũng vậy. Đã chục năm ròng rã, người mẹ ấy cùng đứa con mình có vắng một tiết học, một buổi học nào đâu".

HOÀNG TUẤN
Báo Pháp luật

NGƯỜI MẸ CAN ĐẢM VÀ ĐÀN CON TÀN TẬT

Ai cũng ái ngại khi nhìn vào gia cảnh chị. Gần 10 năm từ khi chồng chết, chị Thân Thị Mơ một mình tần tảo nuôi bốn đứa con mang di chứng chất độc Da cam và một người con học đại học. Bà con thôn Hụi (xã Đan Hội, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang) bảo chị can đảm, nhưng theo chị, đó là "số phận mình phải chấp nhận".

Bất hạnh tiếp nối bất hạnh.

Đất nước thống nhất, cô thanh niên xung phong Thân Thị Mơ về làng, tình cờ gặp anh là bộ đội phục viên. Như duyên phận, chẳng bao lâu anh chị nên vợ nên chồng. Một năm sau, họ mừng vui đón cô con gái đầu lòng. Nhưng đứa trẻ sinh ra mềm như bún, cầm điếc bẩm sinh. Hai năm sau, cô con gái thứ hai chào đời, tâm thần không ổn định, thường xuyên lên cơn động kinh. Ngậm ngùi, anh chị bàn nhau phải cố đẻ lấy đứa "cứng". Năm 1981, Trần Văn Lưu - một cậu bé bình thường ra đời trong niềm hoan hỉ của cả nhà. Nghĩ rằng hết "hạn", anh chị sinh tiếp. Lạ thay, cô bé thứ tư cũng không có khả năng nghe nói. Nỗi bất hạnh vẫn bám riết họ. Năm 1990, anh bàng hoàng, còn chị òa khóc tức tưởi khi nhận thằng bé út từ tay các bác sĩ. Thằng bé sinh ra chân tay co quắp, bán thân bất toại, bị bệnh thần kinh nặng. Một hôm, tình cờ xem được chương trình truyền hình về di chứng chất độc Da cam, anh mới giật mình. Anh nhớ có lần mình đã ngất lịm khi dừng lại ở một vạt đồi cháy sém, cây cỏ chết rụi. Anh làm đơn xin chế độ cho các con. Nhưng đơn chưa kịp gửi, anh đã đột ngột qua đời vì xuất huyết não. Sau ngày anh mất, gặp ai chị cũng tủi thân, nước mắt lại lưng tròng. Trước kia, tuy sức khỏe anh yếu, không đỡ đàn được nhiều, mỗi khi trái gió trở trời thường trút lên chị những cơn nóng giận vô cớ. Nhưng mất anh, chị mất chỗ dựa tinh thần. Đàn con nheo nhóc, ốm đau, tật nguyên như "giẻ rách quán chân". Cô cả lúc đó 16 tuổi, ngẩn ngơ, đi không vững. Cậu út được 3 năm, suốt ngày nằm liệt giường. Lại thêm khoản nợ 8 tạ thóc sắp đến hạn phải trả. Năm ấy lúa ngập nước, nhìn chị vừa tắt tả mò lúa vừa trông lũ trẻ khờ khạo trên bờ chẳng ai có thể cầm lòng. Chị càng thêm lao đao khi đàn ấy thằng bé út lâm bệnh nặng, liên tục lên cơn co giật. Vừa đôn đáo đưa con đi khắp các bệnh viện, chị vừa lo thuê thêm ruộng cấy để lấy đồng rau cháo,

thuốc men. Chị nhớ có lần đổ mãi cậu út không chịu uống thuốc, bực mình chị dọa bỏ đi. Thế là Lưu ôm em khóc rưng rức. Chị giận mình đã nói dại. "Của đau con xót. Có người mẹ nào lại bỏ con mình", chị nghĩ. Lũ trẻ cứ thế ngơ ngác lớn lên trong sự khó nhọc và yêu thương của chị. Rồi như mía bóc dần, nợ nần cũng trang trải gần hết.

Khó đến đâu cũng phải nuôi con học đại học.

Trần Văn Lưu - đứa con lành lặn duy nhất là niềm an ủi, tự hào của chị. Lưu hiện là sinh viên khoa Địa, trường Đại học khoa học tự nhiên Hà Nội. Không có tiền, chị đâu dám nghĩ sẽ cho con học tiếp. Nhưng rồi thấy bạn bè của con đỗ hết, con mình cứ lủi thủi tự ôn thi, chị lại chạnh lòng. Năm sau, chị động viên con đi thi. Ngày nhận tin con đỗ đại học, chị nằm thao thức cả đêm, mừng lo lẫn lộn. Nhiều con nhà giàu có cũng còn chật vật mà không đỗ, huống hồ... Chị liều đi vay lãi cho con tiền ăn học, thậm chí dù khó khăn thế nào cũng phải giúp con thực hiện ước mong của nó.

Hiện nay chỉ có Hoan và Huệ - hai đứa trẻ chịu di chứng nặng nhất được tiền trợ cấp hàng tháng. Số tiền đó và khoản vay lãi để dồn cả cho Lưu ăn học. Bốn mẹ con ở nhà trông vào mấy sào ruộng. Mong ước duy nhất của chị là trời thương cho sức khỏe để chăm sóc các con. Có lần, con bé thứ ba ra ký hiệu, ý bảo: "Mẹ chết con sống với ai?". Nghẹn ngào, chị ôm con vào lòng "Mẹ còn sống đến trăm tuổi". Nói vậy chứ chị lo lắng. Một mai lá vàng rụng xuống, không nhờ vào sự cư mang của bà con, cộng đồng thì chị chưa biết trông vào đâu.

KIM HẰNG

Báo Gia đình - Xã hội

NƠI THẮP SÁNG NHỮNG NIỀM TIN

Hàng trăm nghìn trẻ em vô tội ở tỉnh Bắc Giang vẫn đang khắc khoải gánh chịu nỗi bất hạnh tật nguyên do di chứng chiến tranh để lại. Tình thương yêu, lòng nhân ái của cộng đồng xã hội đã giúp các em được hội tụ về ngôi nhà chung, đó là Làng trẻ em tật nguyên tỉnh. Đây sẽ là tổ ấm tình thương bù đắp phần nào nỗi mất mát, để các em bước qua thử thách của số phận, tìm thấy niềm vui trong cuộc sống.

Hay tin Làng trẻ em tật nguyên Bắc Giang đã chính thức đi vào hoạt động, chúng tôi tìm về thăm Làng tại xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang. Nằm trên khuôn viên rộng thoáng mát, ngôi Làng được thiết kế hai tầng khang trang có diện tích sàn gần 400m² gồm hàng chục phòng chức năng như hội trường, phòng học, phòng tập luyện, phòng ăn, ở, nhà bếp, nhà kho... với tổng kinh phí gần hai tỷ đồng do các tổ chức, cá nhân hảo tâm trong và ngoài nước cùng sự đầu tư tích cực của tỉnh.

Sau một thời gian chuẩn bị các điều kiện cần thiết, ngày 1 tháng 1 năm 2003, Làng chính thức đón tám em bị ảnh hưởng chất độc Da cam ở các huyện Yên Thế, Việt Yên, Lục Nam, Tân Yên và Lạng Giang vào nuôi dưỡng, chữa bệnh và phục hồi chức năng đợt đầu.

Được biết tất cả các em đều là con, cháu của các cựu chiến binh bị ảnh hưởng chất độc hóa học trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược. Chỉ cho chúng tôi những dị tật trên mình của gần chục đứa trẻ, chị Nguyễn Thị Tâm, Phó giám đốc phụ trách Làng, kể rành rọt từng hoàn cảnh, tình trạng sức khỏe của các em. Các em về đây hầu hết từ 5 đến 16 tuổi, đa số bị mắc các dị tật cụt tay, thiếu ngón, cứng khớp, liệt mềm hai chi dưới, thiếu năng trí nhớ, đốm da toàn thân...

Hai chị em Nguyễn Thị Thu và Nguyễn Văn Anh là con của cựu chiến binh Nguyễn Văn Quỳnh, ở thôn Trúc Lâm, xã Tiên Sơn, Việt Yên. Nhà Thu có ba anh chị em đều bị mắc chứng liệt mềm hai chi dưới và thiếu năng trí nhớ bẩm sinh. Hôm đoàn khảo sát của Làng đến, trời rét căm căm mà cả ba con của anh Quỳnh trên người chỉ mỗi bộ quần áo mỏng nhàu nhĩ đang lê lét ngoài sân, rớt dãi rờn rờn, mặt mũi tím tái. Chúng kiến cảnh ấy, chẳng ai cầm lòng được. Xét hoàn cảnh gia đình và mức độ bệnh có khả năng phục hồi, đoàn đã quyết định đón cả hai chị em Thu và Anh vào Làng chăm sóc.

Giáp Văn Lâm, ở thôn 2, xã Việt Lập, Tân Yên bị mắc chứng sùi sụn xương từ nhỏ. Theo thời gian, các khớp xương trên cơ thể Lâm cứ mọc trở lên to như những nắm đấm gây cứng khớp khiến việc đi lại rất khó khăn. Được biết bố Lâm là bộ đội trước đây chiến đấu trong vùng bị rải chất độc hóa học. Ngày trở về quê hương, niềm hy vọng bình dị về một mái ấm gia đình với những đứa con khỏe mạnh đã không bao giờ trở thành sự thật. Cả bốn anh em Lâm đều bị dị tật sùi sụn xương. Còn bé Trần Thị Phượng, 5 tuổi, quê ở Cương Sơn, Lục Nam, từ khi lọt lòng đã thiếu một cánh tay, dị dạng bàn tay phải và chân thấp, chân cao. Hiện tại xương ở cánh tay cụt lại tiếp tục phát triển khiến bé rất đau đớn...

Tìm hiểu thêm một số em, ngoài điểm chung là mắc các dị tật, các em còn bị suy dinh dưỡng rất nặng, hoàn cảnh gia đình hết sức khó khăn, không có điều kiện chăm sóc, học hành. Trong tám đứa trẻ chỉ có mỗi Bùi Thị Loan, 16 tuổi, quê xã Mỹ Hà, huyện Lạng Giang là biết chữ.

Ở Làng trẻ em tật nguyên, hoạt động của một ngày bắt đầu từ 6 giờ sáng. Trong khi hai nhân viên phụ trách bếp núc tất bật chuẩn bị đồ ăn thì các bảo mẫu cũng giúp các em gập chăn màn, vệ sinh cá nhân, tập thể dục vận động trước khi vào bữa sáng. Sau đó các mẹ ở tổ chuyên môn sẽ giúp các em luyện tập, xoa bóp, bấm huyệt, phục hồi sức khỏe. Buổi chiều là thời gian dành cho vui chơi và học văn hóa. Nhớ lại ngày đầu được đón vào Làng, đa số các em phải bò lê không đứng được, không biết tự vệ sinh, không biết chào hỏi. Vậy mà chỉ sau hơn một tháng, tình trạng sức khỏe cũng như ý thức của các em được cải thiện rõ rệt, mọi sinh hoạt bước đầu đi vào nề nếp. Các em đã đi lại được bằng khung tập đi, tự tập đạp xe, không phải chống gậy, biết giữ gìn vệ sinh và rất lễ phép.

Em Bùi Thị Loan, bị liệt mềm hai chân qua một tháng chữa trị nay đã tự đứng dậy bằng đôi chân của mình. Trong niềm vui xúc động, em đã kể về nỗi vất vả nhọc nhằn, tình yêu thương của bà Tâm, bố Vinh, mẹ Hồ, mẹ Loan... những người mẹ, người bà, người bố ở Làng. Công việc chăm sóc trẻ đòi hỏi họ phải túc trực 24/24 giờ/ngày. Họ luôn chân luôn tay lúc thì tắm rửa, lúc thì giặt giũ, giúp các con ăn, khi thì thức canh giấc ngủ cho các con lúc trái gió trở trời. Bận bịu, căng thẳng là thế mà chẳng ai trong số họ kêu ca phàn nàn. Những tiếng ê, a đánh vần, những bước chân chập chững, rụt rè, những tiếng gọi cha, gọi mẹ thân thương của lũ trẻ đã tiếp thêm cho họ sức mạnh, nhen lên ngọn lửa hy vọng về một ngày mai tươi sáng sẽ đến với các em.

Tôi nhớ mãi hình ảnh các em bên nhau say sưa học nói, học hát, múa, quán quýt bên những người cha, người mẹ, người bà như một gia đình. Ánh mắt thơ ngây hồn nhiên của chúng như thể chưa từng nhận ra nỗi bất hạnh của mình, chưa từng biết đến sự tàn khốc của chiến tranh. Giọng hát

của những đứa trẻ còn chưa tròn vành, rõ tiếng mà người nghe rung rung xúc động.

Được biết hiện nay, chi phí bình quân cho mỗi trẻ khoảng hơn 400 nghìn đồng/tháng bao gồm tất cả các khoản ăn uống, sinh hoạt, thuốc chữa bệnh... Dự định của Làng thời gian tới là tiếp tục đón nhận, duy trì thường xuyên khoảng 30 trẻ dị tật vào Làng chữa bệnh, phục hồi chức năng, dạy chữ, dạy nghề trong thời gian ba tháng, sáu tháng hoặc lâu hơn tùy theo mức độ bệnh. Ngoài ra, Làng sẽ mở ra các hình thức điều trị ngoại trú hoặc tư vấn cho gia đình trẻ em tật nguyên về phương pháp tập luyện, chế độ ăn uống tăng cường sức khỏe, phục hồi chức năng cơ bản.

Số lượng trẻ em được nhận vào Làng trẻ em tật nguyên Bắc Giang còn quá ít so với nhu cầu thực tiễn, ngay cả dự án xây dựng Làng cũng mới chỉ thực hiện được một phần, Làng trẻ em tật nguyên Bắc Giang rất cần sự đầu tư kịp thời của tỉnh, sự trợ giúp của các tổ chức nhân đạo, các nhà hảo tâm trong, ngoài nước để mô hình này được phát triển và ngày càng mở rộng, giúp trẻ em thiệt thòi Bắc Giang được hội tụ về bên nhau trong sự đùm bọc yêu thương của cộng đồng xã hội, để bước qua thử thách của số phận vươn lên trong cuộc sống.

THU HẰNG
Báo Bắc Giang

NHỮNG CÂU CHUYỆN
CỦA NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM/DIOXIN Ở VIỆT NAM
CHÚNG TÔI LẤY TƯ LIỆU TỪ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU GIỚI, GIA ĐÌNH
VÀ MÔI TRƯỜNG TRONG SỰ PHÁT TRIỂN
(Nhà xuất bản Thế Giới, xuất bản Quý III - 2004)

GÁNH NẶNG ĐEO ĐẰNG...

Trường hợp gia đình chị Huỳnh Thị Hường, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

Chị Huỳnh Thị Hường là con thứ năm trong một gia đình có bảy người con, cả gia đình không có ai bị bệnh ngoài chị. Bố mẹ chị đều là người Quảng Trị. Ngày đó chiến tranh ác liệt, bom Mỹ thả suốt ngày, cả chất độc hóa học nữa. Năm 1961, ông bà phải chạy giặc đến Bình Long, Phước Long. Chị Hường được sinh ra ở đó năm 1967. Khi sinh ra chị bị một cái bướu nhỏ che mất một mắt. Theo thời gian, bướu phát triển to dần, che hết nửa mặt và kéo dài đến tận cổ. Trước đây chị Hường còn có thể đan lát tre, cối để phụ giúp gia đình nhưng mấy năm gần đây thì không thể làm gì được. Cứ trái nắng trở trời là chị lại thấy đau nhức do những cục bướu nhỏ mọc trên chân tay. Nước ở trên hốc mắt bị bướu che kín của chị luôn chảy ra. Tối ngủ chị chỉ có thể nằm ngửa mà không nằm nghiêng được vì bướu quá nặng. Chị có một mong muốn được chữa bệnh để có thể đi làm giúp đỡ cho cha mẹ và em gái.

TRÁI BOM KHÔNG TIẾNG NỔ...

Trường hợp gia đình chị Huỳnh Thị To, ấp 1, xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

Chị Huỳnh Thị To, sinh năm 1955 tại xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, theo lời chị kể thì trong những năm 1968, quân đội Mỹ đã thả "bom" xuống nơi đây, hồi đó chị nghĩ đó là bom nguyên tử nhưng mà không phải, "màu như trái khôì nhưng không có tiếng nổ". Chị sinh con trai đầu năm 1979, con trai thứ hai sinh năm 1982 và cháu mất ngay sau khi sinh được 7 ngày, con gái sinh năm 1983 cũng mất sau khi sinh 9 ngày. Năm 1984, chị sinh một cháu trai và giống như cháu trai đã mất, cả hai đều có 6 ngón tay. Năm 1992, chị sinh cháu trai Huỳnh Anh Thế, khi sinh ra cháu đã bị bại não, không thể đi lại hay tự mình làm được bất cứ việc gì, suốt ngày kêu khóc. Tất cả mọi việc ăn uống và vệ sinh của cháu đều phải có bàn tay chăm sóc của chị. Từ ngày chị sinh cháu Thế, chồng chị đã bỏ mẹ con chị để sống với người phụ nữ khác và không hề ngó ngang gì tới cháu Thế, "cứ như thể cháu chưa bao giờ tồn tại vậy". Hoàn cảnh kinh tế gia đình chị rất khó khăn, các cháu đều phải nghỉ học sớm để phụ giúp mẹ.

DI CHÚNG CHIẾN TRANH...

Trường hợp gia đình bác Mã, thôn Khê Lũ, Đông Anh, Hà Nội.

Bác Mã tham gia chiến trường Khe Sanh, Quảng Trị, Tây Ninh từ năm 1968, ở trong vùng bị rải chất độc Da cam. Bác bị thương 3 lần, hiện là bệnh binh, sức khỏe rất yếu. Vợ bác là giáo viên và có ba người con, hai trai, một gái. Con trai cả sinh năm 1973 bị suy dinh dưỡng và thân kinh hoảng loạn khi nhỏ. Con trai út sức khỏe yếu, suy nhược cơ thể.

Bác có hai cháu nội (con anh cả) là Vũ Anh và Chinh. Vũ Anh sinh năm 1999, bị tắc tuyến lệ, mắt nhìn hơi nghiêng. Cháu Chinh sinh năm 1994, không biết ngồi, không biết bò, không biết nói, phải có người trông. Mỗi lần cho Chinh ăn vô cùng vất vả: *"hoàn toàn phải nhá cơm chứ không thì cháu nó nghẹn cổ. Do cổ của cháu nhỏ bị gập như là cái ống cao su bị gập, nên là cơm mà vào đến đấy là bị ho sặc sụa, bắt đầu là phì phò đầy người"*. Gia đình đưa cháu đi chữa trị khắp nơi với hy vọng cháu sẽ dậy và đi được, nhưng không có kết quả gì.

Chiến tranh đã qua đi, nhưng nỗi đau thì vẫn còn đó trong gia đình bác Mã...

NẠN NHÂN CỦA TỘI ÁC...

Trường hợp gia đình chị Lê Thị Mỹ Linh, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 1969, khi giặc Mỹ rải chất độc hóa học trắng vùng Vàm Cỏ Đông cũng là khi mẹ chị Linh mang thai và sinh ra chị. Khi mới sinh, chị Linh bị một khối thịt lớn che lấp một mắt. Chị cắt khối thịt này năm ba tuổi. Khi bắt đầu có kinh, cơ thể chị mọc nhiều mụn to, ngứa, ở cổ mọc một khối thịt nhẽo thừa lớn. Chị cắt khối thịt này năm 1995, được chẩn đoán là u xơ thân kinh. Hiện chị thường ra máu ở vú, đầu có những khối thịt nhẽo thừa ra, ngứa không tốt, trí nhớ giảm, khắp người nổi đầy mụn. Hiện nay chị Linh đã có chồng và một con trai khỏe mạnh, nhưng chồng chị đã bỏ chị. Do sức khỏe yếu, chị Linh không làm được, hai mẹ con chị sống dựa vào bố mẹ đẻ.

Đì của chị Linh, sống ở Vàm Cỏ Đông cũng bị dị tật giống chị, người nổi đầy mụn, lấy chồng và sinh ba con, trong đó hai con tật nguyền. Một cháu môi trề, người đầy mụn to. Một cháu không nói, không đi được, càng ngày càng to, mất năm 3 tuổi.

HẬU QUẢ KÉO DÀI...

Trường hợp gia đình ông Phạm Văn Thoái và bà Nguyễn Thái An, khu tập thể 28A, Điện Biên Phủ, Hà Nội.

Bà Nguyễn Thái An, sinh 1933, lấy ông Phạm Văn Thoái năm 1955. Ông Thoái tham gia chiến trường Buôn Ma Thuột năm 1967 - 1970. Sau đó, ông là giảng viên Học viện Chính trị quốc gia. Năm 1979, ông ốm liệt giường và mất năm 1992. Trước khi ông đi chiến trường, bà An sinh ba người con đều khỏe mạnh, bình thường. Đến 1971, bà An sinh con trai thứ tư Phạm Chí Dũng. Lúc mới sinh, Dũng yếu và không tỉnh nhanh, hay bị lở ngứa khắp người. Năm 1972, bà An có thai chết lưu.

Anh Dũng lấy vợ là chị Nguyễn Thị Thanh Vân, và sinh được một cháu trai là Phạm Đức Duy. Ba tháng sau khi sinh, cháu Duy bị liệt, không biết nói biết đi, chân tay teo quắt, được chẩn đoán là bại não. Nhìn con cháu mình trong tình trạng như thế hàng ngày, mọi người trong gia đình không thể lúc nào cũng kìm được những giọt nước mắt. "*Anh Dũng rất hay khóc về bệnh tình của con*", chị Vân kể. Hiện nay cuộc sống gia đình rất khó khăn, chỉ dựa vào việc bán cơm và lương hưu của bà An.

MONG CÓ ĐƯỢC MỘT ĐỨA CON BÌNH THƯỜNG...

Trường hợp gia đình anh Phạm Chiêu Dương và chị Trương Thị Ngọc Lan, số 1, Cao Bá Quát, Hà Nội.

Trương Thị Ngọc Lan lấy anh Phạm Chiêu Dương năm 1963, sống tại Hà Nội. Những năm 1963 - 1969 anh làm bác sĩ trong chiến trường Quảng Bình, Quảng Trị, Đường 9 - Nam Lào. Năm 1969 anh giải ngũ với mức thương tật 15%.

Chị Lan chỉ mong "có một cháu khỏe mạnh, bình thường" nhưng đã không được toại nguyện. Chị sinh con đầu năm 1965 cháu đã mất sau khi sinh. Năm 1969, chị sinh cháu Lâm khỏe mạnh, 5 tháng biết lẫy, nhưng không nhận biết được gì. Hai tuổi Lâm biết đi, 3 tuổi mới biết nói, cứ nháy nhót suốt ngày, nói năng lảm nhảm. Gia đình chạy chữa khắp nơi nhưng không được, vẫn ở tình trạng như thế cho đến nay. Đến 1971, chị Lan sinh con gái, 3 tháng sau cháu bị xẹp ngực, cổ mềm dần và chết. Năm 1973, sinh con trai nhưng cháu bị khoèo tay, yếu và chết lúc 3 tháng.

Chị đã khóc rất nhiều và cảm thấy mình chịu nhiều thua thiệt. Chị nói "Tôi trụ được đến bây giờ, không phải đi bệnh viện tâm thần, đó là do có nhà tôi bên cạnh".

VẪN CÒN NHỮNG ĐÊM KHÔNG NGỦ...

Trường hợp gia đình anh Trần Văn Khoa và chị Đỗ Thị Năm, số 1, đường 20, phường Phúc Xá (tổ 18, cụm 3).

Anh Trần Văn Khoa, sinh năm 1947, tham gia chiến trường Tây Ninh năm 1971 - 1975 và bị nhiễm chất độc Da cam. Sau khi giải ngũ, có lúc anh bị tâm thần, bàn chân thì lở loét mãi không khỏi. Năm 1975, anh kết hôn với chị Đỗ Thị Năm. Hai anh chị đã nghỉ hưu, anh hiện làm bảo vệ công ty. Chị Năm sinh cháu đầu năm 1976, thiếu tháng, ốm yếu, bị còi xương, và chậm biết nói. Năm 1978, chị sinh thêm cháu Trần Thanh Nga, mới sinh ra không biết khóc, không biết bú, phải nuôi lồng kính. Cháu bị viêm gan, 2 tuổi mới biết cười nói ê a, 4 - 5 tuổi biết đi, không nói được, trí não không bình thường, 11 - 12 tuổi có kinh, không tự vệ sinh được, thường giằng xé, vút lung tung băng vệ sinh. Hai năm sau chị mang thai hai lần nhưng nạo do sợ bị dị tật. Chị Năm phải ở nhà chăm sóc cháu Nga, nhiều đêm không ngủ được vì cháu thức giấc và khóc thét cả đêm. Tuy cuộc sống vật chất của anh chị không quá khó khăn, nhưng nỗi đau về tinh thần luôn đè nặng lên hai anh chị.

LỜI CA CÓ XUA ĐƯỢC NỖI NIỀM?...

Trường hợp gia đình anh Nguyễn Văn A, xã Quế Thọ, Hiệp Đức, Quảng Nam.

Anh Nguyễn Văn A sinh ra và lớn lên ở Quế Thọ, Hiệp Đức, Quảng Nam, vùng đất chết trắng vì chất độc. Trong chiến tranh, anh tham gia đoàn văn nghệ trong ngành thông tin văn hóa năm 1969, phải ăn củ sắn để sống, ăn nhiều đến rụng hết cả tóc. Năm 1969, anh lấy vợ là chị Trần Thị Cho, sinh 1952, chị mang trong người đủ thứ bệnh và đã mất vì ung thư phổi. Anh chị sinh được bốn người con, hai cháu bình thường là Thu Thủy và Kim Huệ. Đứa con thứ hai, Mỹ Lệ, sinh năm 1984, thiếu năng trí tuệ, không biết gì hết. Còn đứa con út là Huyền Trang, sinh năm 1988, sinh ra chân không phát triển, nhỏ xíu, lại còn bị câm. Không có đồng trợ cấp nào, anh tiêu tụy vì một vai gánh hết nỗi khổ. Nhà cửa rách nát, mưa gió thì ướt hết. Anh chỉ mong "có một cái nhà, có ai nuôi hộ một đứa con cho anh". Trông anh luôn mệt mỏi, nhưng anh vẫn thích hát, hát thật say sưa và nhiệt tình.

PHÍA SAU CUỘC CHIẾN...

Trường hợp gia đình anh Bùi Văn Hoán và chị Bùi Thị Nhận, xóm Định, xã Mãn Đức, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

Ông Bùi Văn Hoán, sinh 1952, là bộ đội pháo binh từng tham gia chiến đấu ở các chiến trường Tây Ninh, Long Khánh, Trảng Bàng, Hố Nai, Biên Hòa, trong những khu rừng "cây cối trơ trụi, lá cây bị rộp đi như sương muối" do "chất bột" từ máy bay Mỹ thả xuống. Ông đã bị nhiễm chất độc Da cam, cơ thể suy nhược. Năm 1976, ông lấy bà Bùi Thị Nhận là du kích xã và sinh ra bốn người con. Con đầu là Bùi Văn Trường, bị dị tật chân tay, co quắp, không biết khóc, không nói được, chỉ biết kêu "à, à", 18 tháng chỉ biết nằm, 4 - 5 tuổi mới biết ngồi, hiện nay chỉ biết bò, người nhỏ như trẻ 7 - 8 tuổi. Ba người con sau phát triển bình thường, ngoại trừ người con thứ ba bị bệnh mẩn ngứa ở người, hàng ngày phải lấy lá khế để tắm. Kinh tế gia đình ở mức trung bình, dựa vào nghề nông và đi phụ hồ. Chiến tranh đã đi qua, nhưng hậu quả của nó vẫn còn, gia đình ông Hoán vẫn tiếp tục phải chịu những thiệt thòi, những nỗi đau cả về thể chất lẫn tinh thần.

ĐÁNH ĐỔI TUỔI XUÂN ĐỂ CHỈ CÓ HAI BÀN TAY TRẮNG...

Trường hợp gia đình chị Lý Thị Vòng thị trấn Tân An, tỉnh Quảng Nam.

Chị Lý Thị Vòng sinh 1955 tại Hiệp Đức, Quảng Nam. Năm 1972, chị tham gia thanh niên xung phong tại Trà My - nơi Mỹ rải rất nhiều chất độc. Chị vận chuyển đạn, công đạn ra chiến trường, khát thì uống nước suối, bẻ cây rừng nhai. Năm 1974 - 1975, trở về ngã ba làng Hồi, sức khỏe của chị yếu dần, đau vai, tê hết cổ. Tuổi trẻ của chị đã đi qua trong chiến tranh, để rồi muốn có được một chút hạnh phúc làm vợ, làm mẹ cũng gian nan không kém gì trong bom đạn. Năm 1987, chị sinh cháu Trần Bảo Châu, sinh ra có biểu hiện bị co giật, mỗi lần lên cơn thì trợn mắt, người co giật, rút hết tay chân, một ngày lên cơn hai ba lần, không ở nhà thì ra đường nằm, không biết gì hết. Chị phải chạy vạy mãi con chị mới nhận được trợ cấp 84.000 đồng/tháng từ tháng 6 năm 2003. Cuộc sống hiện tại chật vật, thiếu thốn. Chị rất mong gửi con vào trung tâm dành cho trẻ khuyết tật. Chị nói trong nước mắt: "*Họ tham gia cách mạng về họ có đủ thứ, mình về chỉ có hai bàn tay trắng...*".

NƯỚC MẮT CHÁU SẼ CHẢY ĐẾN BAO GIỜ?...

Trường hợp gia đình anh Trần Văn Lãm và chị Trần Thị Liên ở xã Quế Thọ, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

Trần Văn Lãm, sinh năm 1956, tham gia du kích năm 1969 khi anh mới 13 tuổi, mang súng còn quẹt đất. Từ năm 1965, anh sống ở Quế Thọ, Hiệp Đức, Quảng Nam. Anh đã từng nhịn đói một tháng bảy ngày, chỉ có lá rừng để ăn, từng rúc dưới hầm, từng đào hố để úp mặt xuống đất tránh hơi độc. Anh bị thương năm 1971 nhưng vẫn tham gia du kích xã đến năm 1985. Bây giờ luôn đau yếu, răng rụng, tê chân tay, lột hết da tay. Vợ anh, chị Trần Thị Liên, sinh năm 1958, thời chiến là y tá trong quân đội. Chị sinh mười một lần, bốn lần sảy thai. Cháu Quân là thứ sáu, từ khi sinh ra đã nằm luôn một chỗ, khóc mười ba năm ròng rã, người không phát triển, tiểu tiện, ăn uống không lo được, tay không cầm được, cái cổ mà bé lên là bị gập ra đằng sau như người không xương, nghẹo bên nọ, bên kia. Khi có được một cái ghế ngồi chỉnh hình, cháu cũng không thể ngồi được, mà phải để cháu nằm giữa, không có người giữ thì rơi xuống đất. Quân cũng nhận thức được chút ít số phận của mình nên hay tủi thân, bỏ ăn và khóc.

VÒNG SIẾT CỦA SỐ PHẬN...

Trường hợp gia đình ông Đỗ Hữu Sen và bà Nguyễn Thị Thi, xã Bình Lâm, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

Ông Đỗ Hữu Sen sinh 1928, thương binh hạng 3/4. Năm 1960, ông đi bộ đội ở Bình Thuận, chứng kiến cảnh rải chất độc hóa học của Mỹ ở Bình Thuận và Phú Quốc. Năm 1967, ông bị địch bắt, bị tra tấn bằng điện, bị mổ bụng. Năm 1980, ông lập gia đình với bà Nguyễn Thị Thi, sinh 1950, bà đi bộ đội năm 1966 ở Trà My, Quảng Ngãi. Bà không thoát khỏi những lần Mỹ rải chất độc hóa học, "*cứ đôi ba tháng một lần... nó phun vào sáng sớm, trắng như sương, còn đọng cả ở tay... cây chết hết*". Bà bị u xương ở chân. Năm 1980, bà bị sảy thai hai lần. Năm 1981 và 1983 bà sinh hai cháu Đỗ Văn Bích và Đỗ Bích Tiên, sức khỏe bình thường. Những tưởng mình nằm ngoài vòng siết của số phận, nhưng đến năm 1987, Đỗ Thị Cẩm Sa, khi được 5 tháng thì rụng hết tóc, cứ bảy, tám ngày lại lên cơn động kinh một lần, mỗi lần lên cơn lại cắn vào lưỡi. Sa không hiểu và không biết gì hết. Ông bà còn lo cho thế hệ thứ ba, canh cánh trong lòng nỗi sợ chất độc màu sương trắng.

NỖI LÒNG NGƯỜI MẸ...

Trường hợp gia đình chị Lê Thị Hồng và anh Phan Văn Dương, xã Quế Thọ, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

Chị Lê Thị Hồng sinh 1970 tại Quảng Nam, làm nông nghiệp, là con thứ 3 trong 6 anh chị em. Mẹ chị là Trần Thị Đồ, sinh 1956, là dân công ở Tiên Lãng năm 1966 - 1967. Bà đã chứng kiến cảnh rải chất độc tại Hiệp Đức: *"Nó phụt đầy như vòng hương, khói màu cam vàng"*. Bố là Lê Văn Nhì, sinh 1944 tại Hiệp Đức. Năm 1967 - 1968, ông bị bắt đi lính ở Chu Lai, sau 4 năm về làm ruộng. Năm 1993, chị Hồng lập gia đình cùng anh Phan Văn Dương, sinh 1966 ở Quảng Trị. Năm 1985 - 1990, anh đi bộ đội ở Vinh, sau chuyển về Tam Kỳ. Năm 1994, chị Hồng sinh Phan Thị Tuyết Nhung. Nhung *"không biết ngồi, không biết lật, lên 7 tuổi mới biết ngồi, không đi được, cứ đứng vịn cửa sổ, bỏ tay ra là té, mặt lại tái xanh"*, lúc cười, lúc khóc, miệng phát ra những âm thanh khó hiểu, trời nắng khó chịu thì đập giường, đập chiếu, đêm nào cũng khóc. Năm 1998, chị Hồng bị sảy thai. Còn một chút hy vọng năm 2003 chị sinh cháu Phan Thị Huyền, hiện tại thì bình thường, không biết sau này sẽ ra sao. Còn đối với Nhung, chị Hồng nói: *"Có lúc mình cực, mình buồn nghĩ gửi cháu đi, nhưng nghĩ cho cùng không ai bằng mẹ"*.

QUÁ KHỨ VÀ HIỆN TẠI - MỘT NỖI ĐAU

Trường hợp gia đình anh Nguyễn Văn Thanh và chị Huỳnh Thị Lệ, thị trấn Tân An, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

Chị Huỳnh Thị Lệ sinh năm 1963, lớn lên tại Hiệp Thuận, Quảng Nam. Chồng chị, anh Nguyễn Văn Thanh sinh năm 1964 tại Hiệp Đức, Quảng Nam. Đứa con đầu lòng, Nguyễn Hoàng Hoài Tân, sinh năm 1991, sinh ra đã có một cái u trên đầu, bác sĩ chẩn đoán bị bại não. Cháu rất thích hát, có khả năng nhận biết giọng hát của các ca sĩ. Có được một cái xe lăn, Tân cũng không ngồi được vì "*cứ ngồi thì cái đầu hấn cứ ngoẹo...*". May mắn, cháu thứ hai là Nguyễn Hoàng Hoài Tuyên, sinh năm 1996, sức khỏe bình thường. Nhưng số phận lại thêm một lần không đem lại may mắn cho anh chị khi sinh cháu gái thứ ba. Cháu chết do xuất huyết não khi cháu được một tuổi rưỡi. Ký ức của chị là những năm tháng chiến tranh, bom Mỹ rải như trấu, khói ngạt ngạt, cây cối rụng lá, sập hầm... tất cả chồng chất với nỗi đau hiện tại. Kinh tế gia đình dựa vào nghề làm ruộng, thỉnh thoảng chị đi phụ hồ để kiếm thêm chút tiền nuôi con.

NHỮNG ĐỨA CON KHÔNG NHỚ CÁ ĐƯỜNG VỀ NHÀ

Trường hợp gia đình anh Dũ Lực và chị Nguyễn Thị Tư ở xã Bình Lâm, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

Chị Nguyễn Thị Tư sinh 1967 tại Bình Lâm, Quảng Nam. Năm 1985 chị lập gia đình với anh Dũ Lực, sinh năm 1966 ở Lòng Hồ Việt An, nơi Mỹ rải chất độc hóa học. Năm 1985, anh đi bộ đội ở biên giới Cam-pu-chia, bị thương ở lưng. Năm 1987, anh xuất ngũ về làm nông, sức khỏe giảm sút. Anh mất năm 1997 do bệnh nặng, để lại cho chị Tư bao nỗi khổ nhọc. Năm đứa con thì bốn không lành lặn. Dũ Thị Tâm, con đầu, sức khỏe bình thường. Cháu gái thứ hai, sinh ra không đi được, 6 tuổi vẫn phải vịn, rồi cháu chết năm đó. Dũ Văn Kiên, sinh 1992, sinh ra chỉ nặng hơn một ký, bị sút môi, não chậm phát triển. Dũ Thị Cảnh, sinh năm 1994, thiếu năng trí tuệ. Hai cháu phải nghỉ học vì không nhớ mặt chữ, không nhớ cả đường về nhà. Dũ Thị Hoa, sinh 1996, bị câm bẩm sinh. Gia đình quanh năm không đủ ăn, "đất ở đây không trồng được cái chi hết". Chị Tư không nhận được khoản trợ cấp nào. Bố chị bảo: "Số mi cứ cực miết vậy...".

MỠI LẦN SINH LÀ MỘT LẦN LO SỢ...

Trường hợp gia đình chị Lê Thị Tọ và anh Nguyễn Văn Quý, xã Ngọc Lũ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

Năm lần chị mang thai, chỉ có một bé trai ra đời và lớn lên bình thường. Đó là trường hợp chị Lê Thị Tọ, sinh 1945 tại Hà Nam. Chị lấy anh Nguyễn Văn Quý năm 1965. Năm 1966 - 1968, anh chiến đấu ở miền Đông Nam Bộ và bị nhiễm chất độc Da cam. Hiện anh thường đau khi các vết thương tái phát, không làm được việc nặng. Chị Tọ là lao động chính trong nhà. Năm 1976 chị mang thai, sinh ra bọc 7 tháng, không rõ hình người, sau vài giờ tim ngừng đập. Cuối năm, chị mang thai 3 tháng nhưng bị sảy thai. Năm sau, chị sinh cháu Nguyễn Thị Vân, cháu bị mù mắt bẩm sinh, mổ nhưng không khỏi. Năm 1979, cháu Nguyễn Văn Thông ra đời, bình thường. Năm 1982, chị sinh cháu Nguyễn Văn Cảnh, cháu bị bại liệt bẩm sinh, ăn uống khó khăn, và cháu mất năm 18 tuổi. Chị Tọ tâm sự: *"Mỗi lần sinh là một lần nơm nớp lo sợ, lúc nào cũng suy nghĩ không biết con mình sinh ra có thành người không?"*.

BÀN CHÂN SÁU NGÓN...

Trường hợp gia đình anh Đinh Nhật Lũng và chị Tống Thị Trinh, xã An Lão, Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

Anh Đinh Nhật Lũng, sinh 1947, là bộ đội ở chiến trường Quảng Nam - Đà Nẵng. Năm 1975, anh lấy chị Tống Thị Trinh, và sinh 4 người con thì hai đứa tật nguyền. Đinh Nhật Hằng, sinh 1976, bị đần độn không biết gì, bàn chân bàn tay đều có sáu ngón, khi lên 5 tuổi mắt bị mờ dần, trí não không phát triển, thân hình phì nộn. Đinh Nhật Hà, sinh 1978, cả hai bàn chân có sáu ngón. Kinh tế gia đình khó khăn, hai vợ chồng làm việc rất vất vả. Mong ước lớn nhất của anh chị là dành dụm chút tiền, khi già có chuyện gì xảy ra lấy đó nuôi Hằng và Hà. Chị Trinh nói: *"Giá như con người ta nó mù nhưng trí óc thông minh thì nó còn đi ăn xin được. Nhưng đần này con nhà mình đã mù lại còn đần độn ăn xin người ta cũng không cho"*. Vất vả và đau khổ, vậy mà hàng xóm còn nói anh chị không biết đẻ, anh chị buồn lắm.

LỤC BẮT TÔNG TÂM...

Trường hợp gia đình chị Mai Thị Hợi và anh Đỗ Đức Lợi, thôn Bói Thủy, xã An Lão, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

Hồi ức của anh về chiến tranh là "những rừng cây trụi lá, những con nai, con lợn rừng da bị lở loét sần sùi, những con cá trê có hình dạng quái dị...". Năm 1975, anh lấy chị Mai Thị Hợi và sinh bốn người con. Con gái đầu là Đỗ Thị Lụa sinh năm 1976. Lúc mới sinh chỉ nặng khoảng 1,5kg, tám tháng không biết lẫy. Các bác sĩ cho biết cháu bị bại não. Hiện giờ, Lụa chỉ biết tự ăn nhưng không tự tắm hay đại tiểu tiện được. Suốt hai mươi năm qua, hàng ngày chị Hợi phải giúp con gái tắm rửa, vệ sinh, ăn uống. Ban ngày Lụa thường ngủ hoặc nằm trên giường, ban đêm thì thức hò hét hát ca, đập phá đồ đạc. Anh chị đã tìm mọi cách chữa trị cho con nhưng đành bất lực.

NỖI ĐAU BA THẾ HỆ...

Trường hợp gia đình anh Ninh Xuân Thông và chị Nguyễn Thị Hoa, thôn Ninh Xá, xã Yên Ninh, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Ông Ninh Xuân Định đi bộ đội năm 1965, đến 1967 trở về quê. Ông luôn bị những cơn đau hành hạ. Ông qua đời năm 1993. Vợ ông là bà Nguyễn Thị Nguyệt, sinh năm 1940. Trước khi đi bộ đội ông bà đã có một cô con gái, hiện khỏe mạnh, sinh con bình thường. Sau năm 1967 ông bà sinh con trai thứ hai, Ninh Xuân Thông. Mười tuổi anh Thông mới biết đi và bập bẹ nói. Anh Thông lấy vợ là chị Nguyễn Thị Hoa. Năm 1987, anh chị sinh con gái đầu Ninh Thị Nga, mới sinh đã tật nguyên, chân tay co quắp, không duỗi thẳng ra được, nằm trên giường suốt 16 năm trời. Năm 1989, anh chị sinh con trai Ninh Xuân Lập, không bị dị tật, nhưng trí tuệ kém. Năm 1998, anh chị sinh con trai Ninh Xuân Huấn, hiện nay chưa có biểu hiện gì về bệnh tật. Năm 1994, anh Thông bắt đầu phát bệnh nặng, được Viện Quân y 108 kết luận là "di chứng não bẩm sinh". Chị Hoa, ngoài việc đồng áng còn nhận hàng chạm khám về làm để có thêm thu nhập. Bà Nguyệt, sáng sủa, cấp chiếc chậu và đeo giỏ ra đồng, bắt tôm, cua, ốc đem bán. Chị Hoa xót xa nói về mẹ chồng: "*Bà nội nuôi ba thế hệ đau ốm, tật nguyên, nuôi ông 20 năm, nuôi con trên 30 năm, rồi lại nuôi cháu gần 20 năm bệnh tật. Bà chả có lúc nào vui...*".

... KHÔNG THỂ TRỐN CHẠY...

Trường hợp gia đình anh Đinh Trọng Lượng và chị Nguyễn Thị Nhu, thôn Quang Trung, xã Tây Đô, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Anh Đinh Trọng Lượng sinh 1950, nhập ngũ 1968, đóng quân ở Tây Ninh. Năm 1981, anh phục viên và đến năm 1988 thì đổ bệnh, ốm liệt giường 5 tháng. Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Nhu (sinh 1957, văn hóa 7/10) năm 1976. Năm 1977 - 1978, hai lần chị đẻ đều sinh ra những cục thịt không hình thù. Năm 1979, chị sinh con trai Đinh Trọng Nguyên, dị tật rốn, tính cách bất thường, diên đại không thể đoán trước. Năm 1981, chị sinh con trai Đinh Trọng Sang cũng giống như anh. Năm 1987, chị sinh con trai Đinh Trọng Quân. Quân bị dị dạng ở đốt xương cùng, có cấu tạo như bộ phận sinh dục nữ, có u ở mông, bụng rạn nứt. Các cháu hay đập phá trong nhà, phá quấy xóm giềng, đánh nhau có lúc suýt gây án mạng, thường xuyên chửi mắng, đánh bố, đánh mẹ khi không hài lòng. Hiện tại, anh Lượng chỉ tự làm những việc tối thiểu cho bản thân, nói ngọng, đi lại khó khăn. Từ việc chăm sóc chồng, con đến lo hai bữa cơm hàng ngày, mình chị Nhu gánh vác.

Quanh năm chị đầu tắt mặt tối làm ruộng, cấy hái và đi chợ bán rau quả. Chị ngậm ngùi: *"Nhiều lúc chẳng muốn sống, nhưng mình chạy trốn thì lại khổ bố con nó"*.

MỘT BỮA ĂN, BA BỮA NHỊN...

Trường hợp gia đình anh Nguyễn Thế Quang và chị Trần Thị Chung, thôn Bồ Đề, xã Yên Phong, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Anh Nguyễn Thế Quang sinh 1948, anh nhập ngũ năm 1967. Năm 1968, anh vào Plây Cu và Tây Nguyên 5 năm, và bị nhiễm chất độc Da cam. Anh còn nhớ rõ cái mùi khó thở của khói độc. Năm 1971, anh xuất ngũ. Năm 1972, anh lấy chị Trần Thị Chung, sinh 1949. Con trai đầu của anh chị là Nguyễn Thế Thủy (sinh 1973), đẻ ra không biết bú, mắt cứ trợn và không có nước mắt, lưỡi bị co không nói được, chân tay bị cứng, 8 năm mới biết đi. Năm 1976, anh chị sinh con gái Nguyễn Thị Lành. Sức khỏe Lành rất yếu, có 3 - 4 đám đến hỏi cưới Lành nhưng rồi lại thôi, vì sợ "*phải mang cái gen như thế thì khổ lắm*". Năm 1978, anh chị sinh con gái Nguyễn Thị Lanh, hiện lấy chồng xa, "*người ta không biết thì mới lấy*". Năm 1987, anh chị sinh con gái Nguyễn Thị Thêm, đang học lớp 1, "*đến lớp cho vui, chứ không biết cái gì*". Cuộc sống khốn khó, con ốm đau liên miên, chị chỉ nhận được mấy đồng trợ cấp ít ỏi, lại thêm anh Quang bị ảnh hưởng tâm thần, có lúc như người mất trí, đánh chửi vợ con. Cuộc sống của chị là những chuỗi ngày một bữa ăn ba bữa nhịn.

NƯỚC MẮT NGƯỜI MẸ...

Trường hợp gia đình anh Nguyễn Minh Tâm và chị Nguyễn Thị Nguyệt, thôn Bồ Đề, xã Yên Phong, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Anh Nguyễn Minh Tâm, văn hóa bổ túc cấp 3, nhập ngũ làm pháo binh năm 1966. Năm 1968 - 1974, anh chiến đấu ở miền Tây Nam Bộ, bị sức ép bom và nhiễm chất độc Da cam, gan sưng to, sốt rét nặng, cơ thể suy nhược. Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Nguyệt, văn hóa 2/10, làm ruộng và chăn nuôi. Con gái đầu của anh chị sinh năm 1976, bình thường, là giáo viên. Năm 1979, anh chị sinh con trai Nguyễn Đình Bình, khi đẻ bình thường, đã học hết lớp 9/12, nhưng càng lớn càng phát bệnh co giật, bị thần kinh toàn phần hay lên cơn đập phá, đánh bố mẹ, không tự làm vệ sinh. Năm 1983, anh chị sinh con gái, sức khỏe bình thường. Năm 1988, anh chị sinh con trai Nguyễn Đình Anh, hay nói lảm nhảm, sợ vô cớ, tay run. Hoàn cảnh gia đình anh chị hiện rất khó khăn. Chị lo lắng và khóc khi nghĩ đến tương lai của con...

MÌNH KHỔ THÌ CHỈ MỘT MÌNH GÁNH CHỊU...

Trường hợp gia đình anh Phạm Văn Hình, thôn Bò Đề, xã Yên Phong, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Anh Phạm Văn Hình sinh 1944, trình độ lớp 6/10, theo đạo Phật. Năm 1965 - 1968, anh đóng quân ở miền Bắc, là lính thông tin. Năm 1969 - 1970, anh chiến đấu tại Khăm Muội (Lào). Năm 1971 - 1974, anh đóng quân ở Quảng Trị. Anh vẫn nhớ hình ảnh chất độc Da cam được rải xuống "nó rơi như sương,... rơi xuống suối, cây cối trơ trụi". Năm 1974, anh phục viên, tham gia Hội cựu chiến binh. Năm 1975, anh Hình lấy vợ, làm ruộng. Sức khỏe anh yếu, tê hết hai bả vai, các khớp xương đau buốt, tai ù, đau cột sống, anh chị không có con vì anh không có tinh trùng. Anh không duy tâm, nhưng vẫn cùng vợ đi chùa cầu tự. Năm 1991, anh chị xin một đứa bé trai về nuôi (bố mẹ chết lúc 1 tháng tuổi). Đến năm 1996, vợ anh mất do bão làm đổ thang. Anh nuôi con một mình, không lấy vợ nữa, "vì cái bệnh tật này ai lấy, cái người nữ giới bây giờ lấy chồng là phải có con, sinh con. Thôi thì mình khổ thì chỉ một mình mình gánh thôi đừng để cho người khác người ta gánh nữa".

... PHẢI CHÀNG LÀ SỐ PHẬN?

Trường hợp gia đình anh Nguyễn Đức Long và chị Cây, thôn Bô Đê, xã Yên Phong, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Anh Nguyễn Đức Long sinh 1940. Năm 1963, anh nhập ngũ. Năm 1970 - 1974, anh tham gia chiến đấu ở đường mòn Hồ Chí Minh, sân bay Lào, ngã ba Đồng Dương, Lào, Cam-pu-chia. Năm 1987, anh nghỉ hưu tham gia công tác xã hội tại địa phương. Năm 1971, anh kết hôn với chị Cây, sinh 1952, làm ruộng. Hai con đầu của anh chị đều có sức khỏe bình thường. Năm 1979, anh chị sinh con trai Nguyễn Trường Phi. Từ khi sinh, Phi chỉ nằm vô tri vô giác và chết năm 1987. Hai con gái Nguyễn Thị Phượng (1983 - 1991) và Nguyễn Thị Hòa (1989 - 1999) cũng giống anh và đều đã mất. Năm 1985, chị sinh con trai Nguyễn Thanh Bình, hiện giờ bị bệnh não. Hiện tại kinh tế gia đình anh chị rất khó khăn, sức khỏe của anh rất yếu, anh thường xuyên bị suy nhược thần kinh và chỉ phụ giúp được việc nhà. Không những thế, anh chị còn phải chịu những lời xì xào của hàng xóm xung quanh, họ nói "ăn ở có điều gì không tốt nên để lại cái hậu hay là lẽ bái không đi".

CÂU HỎI KHÔNG CÓ LỜI GIẢI ĐÁP...

Trường hợp gia đình anh Trần Hữu Ới và chị Nguyễn Thị Huyền, xã Yên Phong, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Anh Trần Hữu Ới sinh 1948. Anh nhập ngũ năm 1965 và đóng quân ở Vĩnh Phúc. Suốt những năm trong quân ngũ (1965 - 1976) anh đóng quân và tham gia chiến đấu ở các chiến trường Khe Sanh, Nam Lào, Quảng Trị, và đường mòn Hồ Chí Minh. Anh kể rằng có lúc đi qua những đoạn đường rừng chẳng còn cây cối nào. Năm 1973, anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Huyền sinh 1953, chị là tài vụ quân đội năm 1968 - 1972. Năm 1975, chị sinh con trai Trần Xuân Trường, bình thường. Đến năm 1979, chị sinh con gái và cháu chết sau khi sinh. Năm 1981, chị sinh con trai Trần Sơn. Khi sinh ra cháu bình thường, nhưng khi hơn 12 - 13 tuổi sức khỏe yếu dần, đi lại khó khăn, đau khắp người, chân trái bị teo không cử động được, ăn ngủ kém. Năm 1984, chị sinh con gái Trần Thị Hà. Hiện tại trí nhớ anh Ới rất kém, sức khỏe yếu. Khi được hỏi anh chị nghĩ gì về tương lai, họ không nói gì, chỉ đau đầu nhìn ra ngoài sân.

NHỮNG ĐỨA TRẺ KHÔNG THỂ NÓI TIẾNG NGƯỜI...

Trường hợp gia đình anh Nguyễn Quang Hợi và chị Trịnh Thị Toan, thôn Bô Đề, xã Yên Phong, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Anh Nguyễn Quang Hợi sinh 1956. Năm 1974 - 1983, anh tham gia các chiến trường Tây Nguyên, Đúc Cơ, Gia Lai - Plây Cu, đường mòn Hồ Chí Minh, Cam-pu-chia, Lào. Năm 1983, anh phục viên và kết hôn với chị Trịnh Thị Toan (sinh 1963, văn hóa hết cấp III, làm ruộng). Anh chị sinh con trai Nguyễn Văn Huy (1985) và con gái Nguyễn Thị Hạnh (1987). Lúc mới sinh Huy và Hạnh đều bình thường, sau một tháng phát bệnh, não không phát triển, không có ý thức, chỉ biết bò, cả hai đều không biết nói chỉ phát được âm thanh như tiếng kêu của thú, lưỡi thè dài, nước dãi luôn chảy. Hai con sau của anh chị (Nguyễn Thị Huyền, gái, sinh 1997 và Nguyễn Thanh Bình, trai, sinh 2000) đều có sức khỏe bình thường. Hiện tại kinh tế gia đình khó khăn và việc chăm sóc con của anh chị rất vất vả. Thời gian khi sinh hai cháu đầu, chị Toan luôn bị ức chế vì mẹ chồng "đổ lỗi do em, nên em uất lắm, em đã đau đầu suốt đêm không ngủ được" và hàng xóm thì nói: "Bố mẹ sống thế nào đây để con cái thế này".

ĐẤT ĐỘC

Trường hợp gia đình anh Phan Gia Toàn và chị Nguyễn Thị Hương, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên - Huế.

Anh Phan Gia Toàn sinh 1970 ở Huế, lấy chị Nguyễn Thị Hương, sinh 1970 ở Nghệ An, cả hai vợ chồng là công nhân cầu đường, hiện sống tại Thừa Thiên - Huế. Vùng đất nơi anh chị sống đã từng bị rải chất độc Da cam rất nhiều, nhiều người "sinh con ra bị dị hình, không mắt, có người có tay không chân, chân không tay... không xương, quần quai chỉ một cục thịt. Sống ở đây cũng nhiễm độc... càng sinh (con) càng bị nhiễm độc rất nhiều".

Chị Hương sinh ba lần. Con đầu sinh năm 1994, bình thường. Con thứ hai, Phan Thị Thanh Nhân, sinh 1996, bị vết đen ở lưng, càng ngày càng lan rộng, luôn bị đau trong người, mông tóp lại. Cháu thứ ba, Phan Thị Nhung, sinh 1998, cũng bị vết đen như chị.

Cháu Nhung và Nhân chưa đi học vì sợ bị các bạn trêu, "nhưng cái gì cũng biết, bạn làm gì cũng biết, hát theo bạn, họ thấy họ thương". Tâm sự về nguyên nhân bệnh của các cháu chị Hương nói: "Có người nói do cha mẹ ăn ở thế nào. Nhưng theo mình thì không phải - mà do chất độc còn trên đất của mình rất nhiều, mình sinh nhiều lần thì bị thôi".

NIỀM HẠNH PHÚC NHỎ NHỎI...

Trường hợp gia đình anh Phạm Hồng Phong và chị Phạm Thị Vinh, thị trấn Lâm, Ý Yên, Nam Định.

Anh Phạm Hồng Phong, sinh 1951, văn hóa 10/10, công nhân Xí nghiệp thương binh 27/7, sức khỏe yếu, thị lực 4/10. Anh nhập ngũ năm 1972, tham gia chiến trường Quảng Nam - Đà Nẵng, một trong những điểm bị rải chất diệt cỏ ở miền Trung Việt Nam. Anh kết hôn với chị Phạm Thị Vinh, sinh 1953, trình độ đại học, là cán bộ trạm bảo vệ thực vật huyện.

Anh chị không thể quên được hình ảnh người con trai đầu Phạm Tuấn Thành, sinh năm 1981, khi sinh ra chân tay đã thẳng đuột, không co duỗi được, khóc suốt ngày, co giật, mặt mũi méo mó vì những cơn đau. Bác sĩ nói cháu bị não bẩm sinh và thoát vị bẹn, không thể chữa được và cháu đã chết khi gần 2 tuổi. Bất hạnh lặp lại, hai em trai có bệnh giống hệt anh. Phạm Minh Đức, sinh 1986, chết khi 2 tuổi và Phạm Đức Hoàng, sinh 1995, chết khi 7 tuổi. Năm 1994 chị bị sảy thai. Trải qua những đau đớn và mất mát, anh chị còn lại cháu gái duy nhất, cháu Phương Thanh (sinh 1983). Vậy mà niềm hạnh phúc nhỏ nhoi ấy luôn bị lấn át bởi nỗi lo âu phấp phồng: "*Lắm lúc cứ lay trời lay phật sao cho đừng di truyền cho con... Mình cũng chỉ biết động viên con thôi, chứ chẳng dám bảo thôi con đừng đi lấy chồng!*".

HAI MÉT VẢI HOA LÀM ĐIU, CÔNG CON ĐI CHỮA BỆNH...

Trường hợp gia đình ông Nguyễn Văn Ngọ và bà Đỗ Như Hoa, Hồng Thượng, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên - Huế.

Ông Nguyễn Văn Ngọ sinh 1947. Năm 1968, ông đi bộ đội. Ông kể rằng "bắt đầu từ tháng 4 năm 1968 hấn rải bằng thùng 100 lít, cứ như rải trắng luôn". Những động vật, thực vật ở đây dị dạng đến mức "có nhiều cái mình thấy hấn đáng sợ, nhưng sống lâu quen rồi". Năm 1973, ông Ngọ lập gia đình với bà Đỗ Như Hoa, sinh 1947. Con gái đầu lòng của ông bà sinh năm 1974 đã mất ngay khi lọt lòng. Con gái thứ hai sinh năm 1978 sức khỏe bình thường. Năm 1980, bà sinh con thứ ba là Nguyễn Thị Lan Anh, khi mới sinh người đã mềm như cọng bún, hai chân bại liệt. Cứ nghe ở đâu chữa được bệnh là bà lại địu con tới, suốt mấy năm trời, "làm hai mét vải điu đi, ai người ta cũng nhòm hết... công con đi bộ... Sài Gòn, Hà Nội, Thái Bình, nói chung là đi hết rồi". Hiện nay gia đình sống dựa vào tiền lương của bà Hoa và làm thuê máy ủi của ông Ngọ. Ông Ngọ nói: "mong những người gây ra tác hại đó giúp cho các cháu được ăn học đến nơi đến chốn. Khi các cháu trưởng thành các cháu có khả năng làm việc được".

MÌNH CỨ NHƯ MỘT MÓN NỢ TRONG GIA ĐÌNH...

Trường hợp gia đình chị Y Rơ, xã A Ngo, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên - Huế.

Chị Y Rơ, 25 tuổi, sinh ra và lớn lên ở xã A Ngo, huyện A Lưới, nơi chịu nhiều đợt rải chất độc hóa học của quân đội Mỹ trong chiến tranh. Chị là con cả trong một gia đình có 5 người con. Một người em gái đã đi lấy chồng, hai em trai 15 và 13 tuổi bình thường, còn người em gái thứ bị câm bẩm sinh. Từ nhỏ hai chân Y Rơ đã bị teo. Kinh tế của gia đình chủ yếu dựa vào nghề bán chuối, làm ruộng, nuôi bò. Y Rơ mặc cảm vì bệnh tật của mình, không ra ngoài. Chị thường đau đầu, đau gáy, lúc lên cơn thì kêu gào như người điên. Nhiều lúc do quá đau, Y Rơ không muốn sống, nhưng bố mẹ Y Rơ nói "*chỉ cần con ở nhà giữ nhà cho bố mẹ, không cần con phải đi đâu, không cần con phải làm, bố mẹ sẽ lo đầy đủ cho con*". Chị nói "*nhiều khi nằm trong nhà cứ nghĩ ngợi làm thế nào để hàng xóm không chê, bạn bè không chê, người xung quanh không nhìn xấu mình*". Ngay cả trong gia đình, hai em trai của chị cũng không thông cảm, mỗi lúc chị đau quá gào lên thì em trai lại nói "*đồ mi đau rứa thì chết sớm đi còn hơn, lúc nào cũng kêu gào*". Y Rơ nói "*Mình mong muốn là nếu có một tổ chức hay nhà nước tài trợ để chữa bệnh cho mình cũng giống như mọi người không còn là nợ của gia đình nữa*".

MẤT ĐI NIỀM HẠNH PHÚC...

Trường hợp gia đình anh Trần Ngọc Hùng và chị Ngô Thị Thủy, đội 3A, thôn Liên Hiệp 1, thị trấn Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị Ngô Thị Thủy sinh 1958. Từ 1958 - 1979, chị sống ở Sơn Tịnh với cha mẹ. Năm 1979 chị lấy chồng là anh Trần Ngọc Hùng sinh năm 1956 tại An Hòa, An Phong, Hoài Ân, Bình Định. Năm 1968 - 1971, anh bị nhiễm độc hóa học do Mỹ rải xuống vùng này. Năm 1977 - 1978, anh là bộ đội biên giới Tây Nam, bị thương tật 46% và bị cưa chân phải. Mất mát như thế, tưởng chừng đã đủ, nhưng một lần nữa niềm hạnh phúc lại mất đi. Anh chị sinh ba lần. Cháu gái thứ hai sinh năm 1984, sức khỏe yếu, trí tuệ chậm phát triển. Cháu trai thứ ba là Trần Ngọc Dũng sinh năm 1990 bị liệt bẩm sinh, chân teo, không đi lại được, không nói được, chỉ biết la hét, 10 tuổi mà trông Dũng chỉ như trẻ lên ba. Cháu gái đầu lòng, Trần Ngọc Chung, dù bình thường về thể chất nhưng đâu có hạnh phúc khi phải chứng kiến cảnh nheo nhóc của các em mình, luôn mặc cảm, tự ti. Chỉ có hơn một trăm nghìn đồng tiền trợ cấp của anh và hai trăm nghìn kiếm được từ nghề bán, hỏi liệu có đủ cho một gia đình bình thường hướng hồ là để chăm sóc những đứa con tật nguyền.

TÔI ĐAU LÒNG LẮM...

Trường hợp gia đình ông Lê Thanh Chỉ và bà Dương Thị Thanh, thành phố Huế.

Ông Lê Thanh Chỉ, sinh 1929, tham gia kháng chiến từ năm 1946. Năm 1968 - 1975, ông phụ trách quân bưu của tỉnh đội thành phố Huế. Những năm tham gia chiến tranh, ông đều ở chiến trường Thừa Thiên - Huế và Quảng Nam nơi ông đã tận mắt chứng kiến chất độc hóa học được rải từ máy bay C-130 của Mỹ, "hắn rải rồi thì cây cối chết luôn, rải xong thì say một chút, anh em có người bị ngất". Năm 1975, ông kết hôn với bà Dương Thị Thanh, sinh 1944 ở Thừa Thiên - Huế. Bà là thanh niên xung phong (1964 - 1975) tại những nơi bị rải chất độc, "rừng trụi lá tất cả, uống nước ở đó, ăn ở đó". Từ năm 1983, ông bắt đầu bị phát mụn mủ ở trên đầu, rồi mụn lan ra khắp lưng, chân tay. Ông bà sinh hai con gái đầu đều sức khỏe bình thường. Nhưng đến năm 1981, bà sinh đôi hai con trai, bà ngậm ngùi kể lại "đứa ra trước thì không có chân, còn đứa ra sau không có đầu... con cái mình rứa, tôi đau lòng lắm".

VÀNH ĐAI TRẮNG...

Trường hợp gia đình anh Đỗ Văn Hoàng và chị Lê Thị Trường, xóm 4, Thọ Tây, Tịnh Thọ, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi.

Chị Lê Thị Trường sinh 1950, tiếp đạn ở địa phương năm 1962 - 1975, bị nhiễm chất độc Da cam. chồng chị, anh Đỗ Văn Hoàng sinh 1937. Từ 1962 - 1975, anh tham gia chiến đấu tại Trà My, Quảng Ngãi. "Đây là vùng địch lập vành đai trắng, chúng thả chất độc Da cam để diệt những cây có mủ trắng. Đến nay những cây đó vẫn không phát triển được". Hai anh chị sinh ra những đứa con tật nguyền, nổi đầu chồng chất nổi đầu, tám lần chị sinh con thì năm lần chúng là những đứa con không toàn vẹn. Cháu đầu Kim Thoa, sinh 1977, luôn ốm đau, viêm đường tiết niệu. Cháu Nhung, sinh 1978, bị tật cột sống. Năm 1979, đứa con không kịp chào đời chết trong bụng mẹ lúc 7 tháng. Năm 1980, chị sinh con gái, bị phù thận, đã chạy chữa nhưng rồi cũng bỏ bố mẹ ra đi năm 1990. Đến năm 1986, Đỗ Thị Hiệp sinh ra lại bị co giật và nằm một chỗ từ lúc sinh. Hai anh chị còn một chút an ủi là hai đứa con trai út và con gái Thảo chưa có biểu hiện bệnh gì. Sức khỏe của anh chị yếu, không làm được gì nên cuộc sống gia đình quá khó khăn.

... NHUNG SỐ PHẬN CÓ PHẢI DO TRỜI...

Trường hợp gia đình anh Lê Bình và chị Trương Minh Phúc, khối 5, Nghĩa Lộ, thị xã Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị Trương Minh Phúc sinh 1969, từ bé sống tại xã Nghĩa Dũng 1, thị xã Quảng Ngãi, vùng được xác định bị rải chất độc từ 2 - 3 lần. Chồng chị là Lê Bình sinh năm 1962 cùng quê, là bộ đội ở Cam-pu-chia những năm 1983 - 1985, thương binh 2/4. Hiện nay, anh là thợ chữa khóa còn chị làm ruộng, cuộc sống chật vật lại chồng chất những điều bất hạnh. Chị Phúc lập gia đình muộn, 27 tuổi, chị chỉ mong có những đứa con khỏe mạnh, nhưng niềm vui làm mẹ đã không có được khi đứa con đầu lòng đã câm lặng ra đi khi chưa được nhìn thấy mặt trời, thai chết khi được 7 tháng tuổi, năm đó là năm 1996. Năm 1998, chị sinh con trai Lê Tấn, mặt khô ngô, trí tuệ bình thường, nhưng cũng không lành lặn, bàn chân không có xương gót, chân phải chỉ có 2 ngón, chân trái 3 ngón. Chị không biết làm thế nào, chỉ thường khóc và đổ lỗi cho số phận.

CÒN BIẾT DỰA VÀO ĐÂU?

Trường hợp gia đình anh Huỳnh Công Sơn và chị Phạm Thị Hồng, thôn 2, phường Quảng Phú, thị xã Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị Phạm Thị Hồng sinh 1954. Từ năm 1967 - 1972 chị tham gia công tác tại chiến khu Ba Tơ và Trà Bồng, Quảng Ngãi, vùng đất nhiễm chất độc Da cam đến loài cá cũng tróc vảy, loang đốm, sưng phồng như con cóc. Năm 1968, chị bị thương và bị nhiễm độc, da cứ bị đỏ, nóng rục, có chỗ thì lở loét. Vào những mùa nóng, da chị lại nổi mẩn đen, ngứa ngáy khó chịu, chân thường bị tê, khi véo không có cảm giác. Chồng chị, anh Huỳnh Công Sơn sinh năm 1959. Năm 1978, anh đi chiến trường bị thương và trở về Quảng Ngãi cùng năm đó, sức khỏe yếu không có khả năng lao động. Đứa con gái đầu, Huỳnh Thị Hồng Nhung sinh 1988, khi sinh ra đã rất yếu, 7 tuổi mới tập đi. Hiện cháu có thể đi lại, nhưng chậm, do chân bị khoèo, mắt không mở được bình thường, nói thì ngọng và chậm. Khi chị mang thai đứa thứ hai, năm 1990, "*chỉ mong được trời phạt thương*", nhưng cháu bé đã không kịp cất tiếng khóc chào đời. Hai năm sau, số phận lặp lại. Cái thai trong bụng chết lưu. Anh chị chỉ còn Nhung, lo lắng: "*mình mất đi rồi con sẽ dựa vào đâu?*".

CHỈ LÀ ƯỚC MONG BÌNH THƯỜNG NHẤT...

Trường hợp gia đình anh Đỗ Hải và chị Trương Thị Tính, thôn 4, thị trấn Nghĩa Dũng, thị xã Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị Trương Thị Tính sinh 1965, lấy chồng là anh Đỗ Hải, sinh 1963 là thanh niên xung phong ở tỉnh Bình Định năm 1985 - 1987. Năm 1967 - 1970, cả hai anh chị bị nhiễm chất độc Da cam do Mỹ rải xuống Quảng Ngãi. Nay sức khỏe hai anh chị rất yếu, anh bị đau lưng, mỏi chân và suy giảm trí nhớ. Chị Tính sinh 4 lần. Năm 1985 thai bị chết lưu. Đỗ Hiệp Phúc sinh 1986, thân thể lành lặn nhưng trí nhớ kém, học chậm, hay bị mệt và đau đầu. Đỗ Hiệp Lộc sinh 1995, tay chân không có móng, bị teo, co quắp, từ nhỏ đã không biết gì, không ngồi được, không đi được, suốt ngày kêu khóc, thường tỉnh giấc vào 1, 2 giờ đêm khóc. Đỗ Hiệp Quát sinh 1989, chân tay cũng không có móng, lưỡi bị đỏ, có chỗ bị phồng rộp, não bị nhũn, học kém vì không nhớ gì cả.

Chỉ thu nhập từ nghề làm ruộng, nhiều lúc phải vay mượn, anh chị đau đầu đau nỗi lo cho tương lai của những giọt máu mình sinh ra. Họ chỉ ước mong một điều bình thường nhất mọi người đều có là những đứa con khỏe mạnh mà trời cũng không thương.

SỐNG ĐƯỢC NGÀY NÀO, MỪNG NGÀY ĐÓ...

Trường hợp gia đình ông Lâm Thanh Hồng và bà Nguyễn Thị Công, thị trấn Ba Tơ, Quảng Ngãi.

Ông Lâm Thanh Hồng, sinh 1941 ở Quảng Ngãi. Năm 1962, ông làm dân vận ở Ba Tơ. Năm 1968, ông bị chất độc hóa học của Mỹ rải ướt hết người ở Ba Tơ. Năm 1974, ông Hồng lập gia đình với bà Nguyễn Thị Công, sinh 1949, là cán bộ y tế. Điều kiện kinh tế của gia đình khá ổn định. Nhưng có gì có thể bù đắp cho những đứa con của ông bà. Lâm Thị Thanh Tâm, là gái, con thứ ba, sinh 1982, bị viêm da, trông như da trăn, hay đau đầu. Lâm Đức Thuần, con trai đầu, sinh 1975, bị tâm thần, "nó khóc miết, khóc liên ngày, liên đêm, một năm rưỡi biết ngồi, hai năm biết đi, đến năm, sáu tuổi cháu không có nói, rồi mãi miết đến bây giờ cũng không có nói...". Những lúc thời tiết thay đổi, Thuần la hét, đập phá. Lúc mưa tầm tã, cứ đi ra ngoài, không ai ngăn cản được. Người ta chăm sóc con với hy vọng mai kia lớn lên sẽ thành kỹ sư, bác sĩ. Ông bà chăm sóc con với mong manh một điều: "*nó sống được ngày nào mừng ngày đó*".

CHUYỆN EM BÉ MÙ...

Trường hợp gia đình ông Phạm Văn Nhía và bà Phạm Thị La, Ba Tô, Ba Tơ, Quảng Ngãi.

Cháu Phạm Thị Hương là cháu ngoại của ông Phạm Văn Nhía và bà Phạm Thị La. Hương từ khi sinh ra đã bị mù, dị tật ở chân và thiếu năng, không có khả năng làm bất cứ việc gì. Chị gái Hương, Phạm Thị Hà, sinh 1985, dị tật giống Hương, đã mất năm 1999. Mẹ cháu Hương, Phạm Thị Diệp là con gái đầu của ông bà Nhía, chị có ba em gái đều đã lập gia đình và có con khỏe mạnh, duy chỉ có chị là sinh con dị tật. Cha của Hương đã mất năm 1991. Chị Diệp đi bước nữa và đã có một con hoàn toàn khỏe mạnh. Ông nội Hương từng là cán bộ bám trụ vùng giải phóng ở Ba Tiêu, là một trong những nơi bị rải chất độc hóa học nhiều nhất tại Ba Tơ.

Nỗi đau về thể xác dồn với sự thiếu vắng tình cảm của mẹ, Hương sống thui thủi với ông bà Nhía trong căn nhà sàn cũ nát, tối tăm. Ông bà Nhía phải chăm sóc Hương hoàn toàn từ ăn uống đến tắm rửa. Không có một đồng trợ cấp, gia đình chỉ có củ mì và lúa tự thu hoạch để ăn dần hàng ngày.

SỰ CÂM LẶNG NGHIỆT NGÃ...

Trường hợp gia đình anh Hồ Văn Thanh và chị Hồ Thị Nga, Trà Thọ, Trà Bồng, Quảng Ngãi.

Anh Hồ Văn Thanh, sinh 1945, dân tộc Cor, Quảng Ngãi. Năm 1968 - 1975, anh là thanh niên xung phong vùng giáp Quảng Nam và Quảng Ngãi, vùng Mỹ rải chất độc hóa học rất nhiều đặc biệt là dọc hai bờ sông Tang. Anh bị rải trực tiếp vào người một lần khi đang tải đạn. Chị Hồ Thị Nga, vợ anh, sinh 1946, là du kích. Chị Nga sinh 7 người con. Hồ Thị Vi Na, sinh 1983; Hồ Chí Tài, sinh 1986; Hồ Chí Đăng, sinh 1992; Hồ Thị Vân Anh, sinh 1994 đều bình thường. Còn ba người con còn lại ốm đau liên miên, và điều khủng khiếp nhất là không bao giờ nói được: các cháu bị câm bẩm sinh. Hồ Thị Duyên, sinh năm 1978; Hồ Thanh Hải, sinh năm 1981; Hồ Thanh Lai, sinh năm 1990 đều không được cái hạnh phúc được gọi tiếng ba, mẹ dù chỉ một lần. Hiện kinh tế gia đình anh chị Thanh khá ổn định. Nhưng đâu có thắm gì với bất hạnh không được nghe tiếng nói của những đứa con và tương lai mù mịt của chúng.

NỖI ĐAU KHÔNG ĐƯỢC SẼ CHIA...

Trường hợp gia đình anh Nguyễn Văn Mười và chị Nguyễn Thị Giao, Ba Tiêu, Ba Tơ, Quảng Ngãi.

Anh Nguyễn Văn Mười, sinh 1953, là bộ đội ở Ba Giai, Bà Sơn năm 1967 - 1976. Thời gian này anh chứng kiến cảnh "máy bay rắc bột trắng, cây củ mì trụi lá". Anh Mười và chị Nguyễn Thị Giao, sinh 1957, kết hôn với nhau năm 1980. Hai con Nguyễn Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Tuyết Nhung, sinh 1989 và 1982 đều bình thường. Năm 1980, chị sinh con gái Nguyễn Thị Tuyết Loan. Loan sinh ra đã rất bé, ngực lép bẹp. Hơn 20 năm qua, cháu chỉ ngồi, đi lại yếu. Nguyễn Thị Tuyết Sương, sinh 1988, bị lãng tai. Sau khi sinh con thứ tư, anh Mười thay đổi tính nết, nghiện rượu, hay đánh vợ, đánh con, đánh cả đứa con tật nguyền. Năm 2000, chị Giao đã ly hôn với anh Mười. Còn lại năm mẹ con ở trong căn nhà lụp xụp, làm ruộng và buôn bán thêm. Họ vẫn cặm cụi làm việc, cứu mang nhau và hy vọng vào một cái gì đó không rõ ở phía trước. "Lo làm ăn sao cho tích lũy để sau này mình ốm đau thì lấy đó nuôi Loan", "ai cũng muốn sinh con ra cho khỏe mạnh... Khi đau ốm, mình cũng sợ nó chết lắm. Khi mình mất đi rồi, không biết có ai chăm sóc nó như mình không?".

NHỮNG ƯỚC MƠ QUA Ô CỬA TÒ VÒ...

Trường hợp gia đình ông Hồ Văn Ghé và bà Hồ Thị Lệ, Trà Tân, Trà Bồng, Quảng Ngãi.

Ông Hồ Văn Ghé, sinh 1945, dân tộc Cor, sinh ra và lớn lên tại Trà Bồng. Năm 1966 - 1975, ông là du kích của địa phương. Năm 1966 - 1968, ông Ghé chứng kiến cảnh rải chất độc hóa học của Mỹ, ông bị rải trúng người "ướt hết như thể tắm", cây cối trụi lá, đến củ sắn ở dưới đất còn thối. Năm 1970, ông lập gia đình với bà Hồ Thị Lệ, sinh 1946 và có 8 người con. Trong đó, chị Hồ Thị Ấy, con đầu, sinh 1971 và một người em gái của chị, sinh khoảng 1980 - 1984, sinh ra đều có sức khỏe tốt, không bị dị tật, tự nhiên bị một cơn đau bụng rồi chết. Hồ Thị Nga, sinh 1976, dị tật bẩm sinh, bị teo chân trái, khi đi làm rẫy chân em bị tê cứng và đau buốt. Hồ Thị Trà, sinh 1980, sinh ra đã cụt cánh tay trái, thính giác kém. Trà có mơ ước sau này lớn lên được làm cô giáo. Bốn người con còn lại (3 trai, 1 gái) đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Tất cả họ ở trong ngôi nhà nhỏ, tường đất xiêu vẹo với những ô cửa tò vò nhỏ xíu. Cuộc sống gia đình rất chật vật, phụ thuộc vào gần hai trăm nghìn tiền thương binh của ông Ghé và 3 sào rẫy.

LIỆU NGƯỜI TA CÓ YÊU THƯƠNG CON MÌNH...

Trường hợp gia đình chị Hồ Thị Nga, Trà Xuân, Trà Bồng, Quảng Ngãi.

Hồ Thị Nga, sinh 1956, dân tộc Cor. Thời gian chiến tranh, chị Nga chứng kiến và bị máy bay Mỹ rải chất độc Da cam ở vùng giáp ranh giữa Quảng Ngãi và Quảng Nam, chị còn phải ăn củ sắn ở vùng nhiễm độc. Chị Nga yêu anh Hồ Văn Hai, sinh 1951, dân tộc Cor, trước kia thoát ly và công tác cùng chị. Anh Hai cũng từng bị rải chất Da cam ướt hết người. Và tình yêu ấy được đơm hoa kết trái. Nhưng hoa chẳng ngọt mà trái cũng không tròn. Đứa con duy nhất, cháu Hồ Thị Thùy, sinh năm 1983, bẩm sinh đã mất lác, miệng méo, chân đi bước thấp bước cao, khi sinh ra khóc liên miên, hay lên cơn co giật, mỗi lần lên cơn như thế cháu thường hay đập phá và la hét. Còn anh Hồ Văn Hai bỏ đi lấy vợ, anh có bốn con, con đầu của anh cũng bị dị tật bẩm sinh. Chị Nga một mình nuôi con, sống trong căn nhà tập thể do hội phụ nữ cấp. Có người đàn ông thương chị nhưng chị không dám nghĩ đến hạnh phúc của riêng mình, chỉ lo "*liệu người ta có thương yêu con mình như mình không*".

CÁNG CON ĐI RẪY...

Trường hợp gia đình ông Hồ Văn Châm và bà Hồ Thị Bình, Trà Tân, Trà Bồng, Quảng Ngãi.

Ông Hồ Văn Châm và bà Hồ Thị Bình, dân tộc Cor, cưới nhau khi nào họ không nhớ nổi. Trong thời gian chiến tranh, ông Châm làm y tá tại căn cứ địa thôn Trà Óc, Trà Tân, Trà Bồng, Quảng Ngãi, bà Bình làm văn công. Bà Bình mang thai 7 lần nhưng 2 cháu đã chết, một cháu gái bị chết ngay sau khi sinh, không nhớ năm, một cháu trai chết trong bụng mẹ khi thai được 7 tháng tuổi. Năm người con còn sống là Hồ Văn Biên, sinh 1975; Hồ Văn Chánh, sinh 1977; Hồ Thị Lương, sinh 1981; Hồ Thị Trà, sinh 1985 và Hồ Văn Mạnh, sinh 1989. Trong đó cháu Mạnh bị tàn tật từ ngay khi sinh, chân tay co quắp, mắt trợn ngược, suốt ngày chỉ nằm ngửa. Bữa ăn chỉ là rau tự trồng lấy, ba bốn ngày mới có một bữa cá mắm. Vậy nhưng họ vẫn sống, vẫn bền bỉ. Cực nhọc hơn, họ vừa vác cuốc đeo gùi lưng, họ vừa phải cáng đứa con tật nguyên đi làm rẫy, nhiều khi phải ở lại trong rẫy đến vài ngày. Họ không có tiền lo thuốc cho con, thường vay gạo ăn, không dám vay tiền làm kinh tế vì lo không trả được nợ.

NỖI KHỔ CÒN NẶNG THÊM...

Trường hợp gia đình anh Đinh K Lũy và chị Đinh Thị Hương, Trà Thọ, Trà Bồng, Quảng Ngãi.

Anh Đinh K Lũy, dân tộc Cor, sinh 1958 ở Quảng Ngãi. Năm 1974, anh là thanh niên xung phong ở Sơn Thủy, Sơn Kỳ, Sơn Hà, Quảng Ngãi. Anh đã 5 lần chứng kiến quân đội Mỹ rải chất hóa học, một lần tưởng chết vì bị rải trúng người ướt đẫm. Năm 1982, anh bị mù "tạm thời" một tháng không rõ nguyên nhân. Năm 1978, anh lập gia đình với chị Đinh Thị Hương, sinh 1960, làm nông. Năm 1981, chị Hương bị sảy thai. Cả 4 người con sau đều bị co quắp, miệng không nói được, "khi muốn qua một cái dốc nhỏ thì phải dùng cả hai tay, hai chân để bò lên". Đinh Thị Sa, sinh 1982, dị tật. Đinh Thị Ken, sinh 1983, mắt luôn trợn ngược lên, răng nghiêng chặt. Đinh Văn Riêng, sinh 1985, khuôn mặt bên tròn, bên dẹt, miệng luôn há to. Đinh Thị Rài (con anh Lũy với chị dâu), sinh 1986, bị liệt toàn thân, khuôn mặt vô hồn và lạnh lẽo. Thế nhưng nỗi khổ còn nặng thêm khi họ luôn bị dè bủ: "Do mày làm nương, làm rẫy ở chỗ xấu, chỗ cây mục nên cho mày chết".

CHỈ MONG CHÁU NÓ BIẾT NGỒI...

Trường hợp gia đình chị Huỳnh Thị Hương, xóm 4, ấp Tân Lý 1, xã Tân Bình, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

"Chỉ mong cháu nó biết ngồi", chị Huỳnh Thị Hương (sinh 1978) chỉ mong có thể cho đứa con bị tật nguyền của chị, cháu Trần Huỳnh Vi Vi. Bố chị Hương tham gia kháng chiến ở vùng Quảng Nam, nơi bị rải chất độc Da cam năm 1960 - 1961. Chị Hương sinh ra khi ông đã về địa phương. Chồng chị Hương là người sinh ra, lớn lên ở Quảng Trị, vùng bị ảnh hưởng nặng nhất của chất độc hóa học. Chị mang thai 3 lần, sinh được 2 cháu, lần thứ ba chị bị sảy thai do bị u nang. Cháu thứ hai sinh năm 2001, bị u bướu. Còn cháu Vi sinh năm 1999, thiếu tháng, thiếu cân, yếu, tay chân bị liệt không biết ngồi. Chị khóc và nói về bé Vi: "Từ giấc ngủ cho cháu, vệ sinh cho cháu được thoải mái hàng ngày, tập cho cháu những gì mà em học được thì em vẫn hy vọng một ngày nào đó cháu có thể ngồi được, dù hy vọng đó là mong manh...", "phải dành thời gian để chăm sóc nó hơn vì cuộc đời nó có thể ngắn ngủi".

NGUYỆN CẦU TRONG NƯỚC MẮT...

Trường hợp gia đình anh Nguyễn Xuân Thời và chị Nguyễn Ánh Tuyết, thôn Bình An II, xã Tân Bình, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

Anh Nguyễn Xuân Thời, sinh 1955, tham gia chiến trường hành quân qua Gia Lai, Kon Tum, dọc đường mòn Hồ Chí Minh, những vùng bị rải chất độc Da cam. Anh lấy chị Nguyễn Ánh Tuyết năm 1977 và sinh 8 người con, trong đó 3 cháu tật nguyền. Cháu trai đầu sinh năm 1983, bị bệnh tim bẩm sinh, thủng lỗ dò, thông liên nhĩ và hở van 3 lá, sau khi phẫu thuật thần kinh trở nên không bình thường. Một cháu sinh năm 1989 bị tê liệt chân, chậm nói và nói ngọng. Một cháu khác sinh năm 1999, bị sút môi, hở hàm ếch. Anh chị rất lo cho tương lai các cháu, *"lo sau này mình già không biết ai nuôi hấn nữa, ăn học ra làm sao, có vợ có chồng không, nghĩ rứa cũng buồn lắm"*. Điều duy nhất chị Tuyết có thể làm là hàng ngày cầu nguyện, *"mỗi lần cầu nguyện là nói trong tâm tư và hai hàng nước mắt chảy ra"*. Tuổi thanh xuân anh đi chiến đấu vì độc lập tự do của Tổ quốc, giờ gia đình phải chịu hậu quả chiến tranh, vậy mà hàng xóm có người lại nghĩ *mình ăn ở ác nên con mới như vậy nên mình cũng buồn*.

NHIỀU LÚC CHỈ MUỐN BUÔNG XUÔI SỐ PHẬN...

Trường hợp gia đình chị Nguyễn Thị Kiều Linh và anh Vũ Xuân Vinh, xã Bình An, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

Chị Nguyễn Thị Kiều Linh, sinh 1967, lập gia đình với anh Vũ Xuân Vinh, sinh 1967, đang sinh sống tại Hàm Tân, Bình Thuận. Anh đã từng đi làm ở vùng rừng Hàm Tân. Hiện nay, thu nhập chính của gia đình dựa vào làm nông và chở cát thuê. Chị Linh sinh 5 lần. Cháu đầu, trai, sinh năm 1987, bị não chết lúc 4 tháng tuổi. Cháu thứ hai, gái, sinh năm 1988, bị câm bẩm sinh và điếc 70%, đang học lớp 5 trường câm điếc Thuận An. Năm 1991, chị sinh cháu thứ ba, gái, bị viêm phổi lúc 2 tháng tuổi, không thấy phát triển, không biết đi, chỉ biết ngồi, bắt đầu bị "giật kinh phong" năm 2003. Cháu thứ ba, gái, sinh 1993, bị bại não, phát triển không bình thường, 7 tuổi mới biết đi. Chỉ có cháu gái út, sinh 1995, có sức khỏe bình thường. Chị Linh hiện đang phải ở nhà để chăm sóc các cháu. Chị Linh chỉ canh cánh một điều "sau này mình già sức khỏe yếu không như bây giờ, nghĩ không biết sau này sẽ ra sao... nhiều lúc nghĩ chán, muốn buông xuôi số phận".

NẾU TÔI CHẾT TRƯỚC...

Trường hợp gia đình chị Võ Thị Hồng và anh Nguyễn Lương, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

Hai vợ chồng chị Võ Thị Hồng sinh ra và lớn lên ở Quảng Nam, nơi bị giặc Mỹ rải chất độc Da cam. Gần 30 năm sau, anh chị chuyển về sống tại Hàm Tân, Quảng Bình. Chị sinh 10 người con trong đó có hai cháu bị khuyết tật. Cháu Nguyễn Thành Duy sinh năm 1984, bị ngớ ngẩn, hay đi lang thang, nói không mạch lạc, chỉ biết nói vài câu ngắn. Cháu Nguyễn Thị Thanh Thảo sinh năm 1993, bị câm và cũng có vấn đề về trí não. Hai cháu không tự ăn uống, tự vệ sinh được, sinh hoạt hàng ngày của hai cháu đều do hai bàn tay chị Hồng chăm lo. Gia đình sống dựa vào nghề nông, kinh tế rất khó khăn. Chị tâm sự: *"Không có lúc nào mình thấy sung sướng cả..."*. Về tương lai hai cháu, chị chỉ nói: *"Nếu nó chết trước tôi thì nó sướng, còn nếu tôi chết trước nó là chị em nó thất thõ thất thểu... nó chết trước thì nó khỏe..."*.

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU GIỚI
GIA ĐÌNH VÀ MÔI TRƯỜNG TRONG SỰ PHÁT TRIỂN

NỖI ĐAU CỦA MỘT NGƯỜI CHA THỜI HẬU CHIẾN

Mặc dù đã được các anh ở Ủy ban nhân dân xã làm công tác "tư tưởng" trước lúc đến, thế nhưng tới nơi tôi vẫn không khỏi bàng hoàng trước nỗi bất hạnh của gia đình cựu chiến binh Đặng Đình Quân ở xóm 12, xã Thanh Mỹ, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Một quá khứ hào hùng trong chiến tranh.

Sinh năm 1952 trong một gia đình nông dân nghèo, học xong cấp II vừa đủ 18 tuổi, anh Quân đã viết đơn xung phong lên đường bảo vệ Tổ quốc, đó là một ngày tháng 4 năm 1970, lúc cuộc chiến tranh chống Mỹ, cứu nước của dân tộc đang ở giai đoạn quyết liệt. Sau khóa huấn luyện đặc biệt ở đơn vị trình sát C18, K5, Quân khu IV, anh được nhận nhiệm vụ vào Nam chiến đấu. Suốt mấy năm ở Đoàn 246, Quân khu miền Đông, anh đã cùng đơn vị kiên cường đánh địch hàng trăm trận trên mảnh đất Tây Ninh. Do là đơn vị chủ lực đặc công thọc sâu nên hầu như ngày nào đơn vị anh cũng có người hy sinh hoặc bị thương do bom Mỹ rải thảm trên những cánh rừng trùng điệp. Là đơn vị đặc công chủ lực nên năm 1971 đơn vị anh được cấp trên giao nhiệm vụ sang Cam-pu-chia chiến đấu giúp bạn đánh tập kích sân bay Pôchentông ở thủ đô Phnôm Pênh. Trận tập kích của bộ đội đặc công thắng lợi giòn giã làm kinh hoàng bọn Mỹ. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, đơn vị anh tham gia giải phóng thị xã Rạch Giá, Kiên Giang. Khi mọi người đang hân hoan sau chiến thắng mùa Xuân 30 tháng 4 năm 1975 thì chỉ nửa tháng sau, đơn vị anh lại được lệnh bí mật lên đường ra giải phóng đảo Phú Quốc - mảnh đất cuối cùng của Tổ quốc đang bị Pôn Pốt chiếm giữ. Với những thành tích xuất sắc trong chiến đấu, anh Quân đã được cấp trên tặng thưởng hàng chục bằng khen, huân, huy chương chiến công các loại, được kết nạp Đảng ngay tại trận địa... Giải phóng xong đảo Phú Quốc, anh phục vụ trong quân đội một thời gian nữa, đến năm 1983 do sức khỏe yếu anh được cấp trên cho phục viên.

6 lần sinh - 6 nỗi đau dai dẳng.

Năm 1976, anh Quân được đơn vị cho về phép và ra Bắc an dưỡng. Trong thời gian về phép 10 ngày, anh đã cưới chị Trần Thị Tâm, người con gái cùng

xóm. Cưới vợ xong anh đưa chị vào đơn vị sinh sống. Lúc này anh chuyển về công tác tại đơn vị vận tải thuộc Sư đoàn 332, Quân khu V. Chị Tâm được anh xin cho làm cấp dưỡng của đơn vị. Sau 5 năm chung sống, chị Tâm mới có thai. Thế nhưng niềm vui đã không đến với anh chị. Chị Tâm chuyển dạ trong tình trạng nguy kịch và sinh được một cháu trai. Đứa bé lúc mới sinh đã có thân hình dị dạng, co quắp... Anh chị cố nén nỗi đau và đặt tên cho cháu là Đặng Văn Quang, hai năm sau cháu mất. Cuối năm 1982, chị Tâm có mang. Đứa bé gái sinh ra người tròn, dỏ hỏn, chân tay không có ngón. Cháu chỉ sống được 1 tuần.

Thương vợ, tủi cho số phận của mình cộng với sức khỏe giảm sút do những ngày lăn lộn ở chiến trường, anh Quân được đơn vị cho về nghỉ với chế độ bệnh binh 2, còn chị Tâm cũng được đơn vị cho xuất ngũ. Về quê, với nghị lực của một người lính không cam chịu dỏi nghèo, anh chị đã nhận một quả dỏi để khai hoang làm kinh tế. Anh cùng vợ đắp đập, ngăn khe, đào ao thả cá, nuôi ong lấy mật... Và niềm vui lại hé mở dưới chân núi Đại Can khi chị Tâm có mang và sinh cháu trai Đặng Đình Quyền. Thế nhưng đứa bé khi sinh ra lại có thân hình dài quá khổ, mắt lỏi to, co quắp, miệng luôn phát ra những tiếng kêu eng éc như tiếng lợn. Hiện nay Quyền đã 20 tuổi nhưng chỉ nặng 20kg và không đi lại được, suốt ngày nằm lăn lê dưới đất và thường xuyên đập đầu xuống đất kêu không ra tiếng. Mọi sinh hoạt cá nhân đều vô thức.

Ba đứa con đầu như thế, biết đâu những đứa sau lại "hoàn thiện" hơn. Tự an ủi, tự động viên, năm 1986, chị Tâm sinh tiếp cháu thứ tư. Cháu Đặng Đình Quyết vừa mới lọt lòng, anh chị đã ngất xỉu bởi cháu chẳng khác gì chú bé "Sợ dỏ" trong truyện cổ tích. Hiện nay cháu Quyết đã 18 tuổi nhưng chỉ nặng 15kg, mình to, bụng ỏng, đầu trọc lỏc, chân tay khằng khiu, không biết nói và thường phát ra những tiếng kêu khếch, khếch... Do hình hài như thế nên vào mùa đông gia đình thường lót ổ cho cháu trong một chiếc thúng để dễ làm vệ sinh.

Năm 1989, cháu Đặng Đình Thắng được sinh ra. Tuy còn may mắn hơn các anh nhưng hiện nay cháu cũng rất yếu, hay đau đầu, học kém. Năm 1999, anh chị quyết định sinh thêm cháu nữa với mong muốn có người giúp đỡ bố mẹ khi về già. Cháu Đặng Đình Lợi ra đời nhưng thân kinh của cháu không được bình thường, sức khỏe rất yếu.

Nghị lực phi thường của vợ chồng người lính.

Sau 6 lần sinh nở đã rút kiệt sức lực chị Tâm. Buổi sáng chị phải thức dậy rất sớm lo cơm nước, vệ sinh, thay quần áo cho các con. Khổ nhất là những ngày trái gió trở trời, các cháu thường hay đập đầu, la hét. Thương

chồng, thương con và tủi cho số phận của mình nhiều lúc chị Tâm đã muốn quyền sinh, nhưng nghĩ đến những đứa con đứt ruột đẻ ra chị không đành lòng.

Mặc dù khó khăn nhưng với nghị lực của một người lính, một đảng viên, anh Quân vẫn tham gia cấp ủy, chỉ bộ xóm và giữ chức xóm phó kiêm công tác an ninh. Theo anh, hoạt động đoàn thể cũng là một hình thức để làm dịu đi những nỗi đau do chiến tranh để lại. Đêm đêm dưới chân núi Đại Can, một mình anh xách nước tưới cây và chăm sóc vườn tược,... những khoản thu nhập còm con đó của anh cũng không bù nổi tiền thuốc men cho vợ và các con.

Chiến tranh kết thúc đã gần 30 năm, dưới chân núi Đại Can ngày nào còn hoang vu nay đã có con đường Hồ Chí Minh - con đường huyền thoại - đang có một gia đình người lính mang nỗi đau của thời chiến tranh. Nỗi đau của một người cha có những đứa con bị nhiễm chất độc dioxin... Nỗi đau thời hậu chiến.

Mặc dù gia đình cựu chiến binh Đặng Đình Quân không yêu cầu nhưng Báo Công an nhân dân và Chuyên đề An ninh thế giới chủ động kêu gọi lòng hảo tâm của bạn đọc để giúp những đứa con của hậu quả chiến tranh này đỡ khổ đau...

NGUYỄN HỮU MAI

CHỨNG NHÂN TỘI ÁC DA CAM

Tính đến ngày 25 tháng 8, đã có trên 300.000 người ký tên ủng hộ nạn nhân chất độc Da cam qua mạng, nhiều cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội trong và ngoài nước cùng đồng lòng lên tiếng, trong đó có đợt phát động ủng hộ nạn nhân chất độc Da cam của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam.

9.000 nạn nhân bị nhiễm chất độc hóa học và chất độc Da cam ở Đồng Nai là 9.000 "bút lục" cung cấp thêm cho tập hồ sơ vụ án Da cam chấn động hành tinh. Mỗi "bút lục" là một chứng cứ hoàn hảo, sinh động và bi thảm để chứng minh cho một trong những loại tội ác man rợ nhất trong lịch sử thế giới hiện đại. Đọc những "trang bút lục" biết đi đứng và biết đau khổ này, trái tim con người sẽ bị tổn thương, lương tri nhân loại sẽ được đánh thức.

Hồ sơ thần chết.

Hơn 40 năm về trước, sân bay Biên Hòa là căn cứ quân sự của Mỹ và là nơi xuất phát những chuyến bay đi gieo rắc tội ác. Ngoài việc hứng chịu một khu căn cứ mang chất độc hủy diệt, Đồng Nai còn là nơi bị Mỹ thực hiện chương trình "làm rụng lá" sớm nhất. Trong cuốn *La Piste Ho Chi Minh* (tạm dịch là *Đường mòn Hồ Chí Minh*), Van Geirt đã đưa ra những chứng cứ về vụ Mỹ rải chất độc ở Việt Nam và khẳng định: "Việc rải chất độc xuống Chiến khu Đ - một căn cứ Việt cộng nổi tiếng ở miền Đông Nam Bộ đã được bắt đầu từ ngày 12 tháng 1 năm 1962". Cũng trong cuốn sách này, tác giả còn cho biết qua việc rải thử nghiệm chất độc hóa học xuống Chiến khu Đ, các nhà sinh học Mỹ kết luận: "... Nó đủ sức tàn phá 80% số thảm thực vật trong vùng. Nếu gia tăng nồng độ của hóa chất thì mọi sinh vật sẽ tuyệt chủng sau một tuần". Một phi công của Mỹ từng thực hiện một trong những phi vụ rải chất độc xuống rừng Trường Sơn đã thốt lên: "Không còn thấy sự ghê tởm nào hơn. Các ngài ơi! Hỡi những lương tri thời đại...! Có ai thực mắt thấy người bị trúng chất độc như thế nào chưa? Họ như những thân cây chuối đổ... cả đám người rụi xuống, ngóc lên giãy giụa, chân tay co quắp, quờ quạng, chỉ ít phút sau toàn thân họ bầm tím, mặt méo xệch, miệng rỉ máu, mắt lồi ra trừng trừng...".

Anh phi công người Mỹ đau đớn vì tận mắt chứng kiến cái chết, nhưng anh có biết không, mấy chục năm sau, những chất độc đó để lại di hại còn

khủng khiếp hơn. Anh cũng không biết rằng trong cuộc chiến tranh Việt Nam, Mỹ đã sử dụng 72 triệu lít chất độc hóa học, trong đó có 45 triệu lít chất độc Da cam có chứa 170kg dioxin để rải xuống miền Nam Việt Nam với mục đích hủy diệt. Độc chất này không chỉ làm rụng lá, phát quang rừng, mà còn có tác động nguy hiểm đến con người và mọi sinh vật trong vùng bị nhiễm độc. Chỉ cần 1 phần tỉ gram dioxin trong máu cũng có thể gây ra tử vong hoặc làm rối loạn các chức năng của cơ thể người. Điều nguy hiểm hơn là độc chất này tồn lưu trong môi trường sinh thái cũng như trong cơ thể, kéo dài qua nhiều thế hệ. Về điều này thì chính các chuyên gia hóa học Mỹ đã tính toán mà nhà báo Boudarel đã dẫn lời: "Chất độc dưới dạng bột, nó nằm ở khe suối, hốc đá, ruộng rẫy lâu mấy cũng được. Chúng sẽ tan dần trong nước, thấm trong đất, ngấm vào hạt lúa, củ khoai qua bộ rễ... Dân chúng ăn những thứ ấy thì không chỉ họ bị nhiễm độc, mà cả những thế hệ kế tiếp cũng khó thoát".

Các nhà hóa học Mỹ đã tính toán không sai. Tại Việt Nam đã có gần 70.000 người đã chết vì các chứng bệnh nan y bởi tác động của độc chất dioxin. Và các luật sư của Mỹ khởi phải mất công để tìm ra bằng chứng tội ác man rợ đó. Trong chuyến khảo sát các nạn nhân chất độc Da cam của đoàn luật sư Mỹ vừa qua tại Đồng Nai, họ đã chứng kiến tận mắt kết quả của nền văn minh súng đạn và vũ khí sinh học của đất nước họ. Họ đã tìm ra những chứng cứ hoàn hảo nhất và bi thảm nhất của cuộc thảm sát bằng chất độc hóa học kéo dài 10 năm (1961 - 1971) tại Việt Nam, và hậu quả của nó thì chưa biết đến bao giờ mới chấm dứt. Không ai có thể kìm nén được sự xúc động và căm phẫn khi nhìn những đứa bé "quái thai", có đứa bị não úng thủy đầu lớn như quả dưa hấu, đứa có thân mình như súc thịt vương được cắm trên đôi chân khăng khiu lùn xùn, người thì chân voi to tướng, lở loét và phù thũng... Họ có tội gì không thưa các luật sư? Có lẽ họ đã có câu trả lời, đã chia sẻ được những đau đớn và khốn khổ đến tận cùng của những phận người nghèo hèn và bất hạnh đó.

Luật sư Constantine Peter Kokkoris cúi đầu bên cô gái có đôi chân voi. Không biết ông ta đang nghĩ gì, nhưng có thể đúng như nhà văn nào đó từng nói, đôi khi, có những bất hạnh khiến người đời phải cúi đầu. Chính vị luật sư này đã nói với các nạn nhân chất độc Da cam: "Các bạn đã không đúng khi im lặng gánh chịu nỗi đau trong một thời gian dài. Những Công ty hóa chất Mỹ phải có trách nhiệm bồi thường cho các nạn nhân Việt Nam cũng như đã bồi thường cho các cựu binh Hoa Kỳ từng tham chiến ở đất nước các bạn. Chúng tôi sẽ cố gắng hết mình để thực hiện mục tiêu cùng các bạn đấu tranh đem lại sự công bằng".

Mất mát không thể bù đắp được.

Trao đổi với chúng tôi, bà Võ Thị Linh - Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ tỉnh Đồng Nai - cho biết, toàn tỉnh có 8.194 người bị nhiễm chất độc hóa học và trên 1.000 người bị nhiễm chất độc Da cam. Nhiều gia đình có hai thế hệ và 3 đến 4 người bị nhiễm chất độc Da cam, mắc nhiều bệnh hiểm nghèo như dị tật, dị dạng, ung thư. Hầu hết nạn nhân bị nghi nhiễm chất độc Da cam đều sống ở vùng nông thôn, vùng căn cứ cách mạng, đời sống của họ rất khó khăn. Trong 28 loại bệnh được các nhà khoa học khẳng định là do dioxin gây ra, có 4 nhóm bệnh chính là ung thư, bệnh ngoài da, tổn thương hô hấp, thay đổi gen. Những loại bệnh được xác định là bắt nguồn từ dioxin không có thuốc trị tận gốc cũng không thể tiêu diệt được và đáng sợ hơn là di truyền.

Một trường hợp di hại đến con cái mà chúng tôi được gặp là anh Phan Tiến Đức, sinh năm 1951. Anh là chiến sĩ có mặt ở các chiến trường Rừng Sác, Long Khánh. Năm 1979, anh lập gia đình. Năm 1983, anh có triệu chứng phát bệnh, cơ thể suy nhược. Sinh đứa con thứ 3 chỉ nặng 2kg. Đứa bé phát triển không bình thường. Gia đình dốc hết sức để chữa chạy cho cha và con nhưng không ích gì. Cháu Phan Đình Hiệp sống đến nay được 18 năm, nhưng ngẩn ngẩn ngơ ngơ chưa nói được tiếng người.

Anh Tô Đình Vượng, ngụ ở phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, từng tham gia các mặt trận ở vùng Đông Nam Bộ. Anh Vượng kể vào năm 1973 - 1974, từng chứng kiến rừng bị hủy hoại do Mỹ rải chất độc Da cam hàng triệu tấn để căn cứ cách mạng Chiến khu Đ. Có những cây to chừng vài người ôm cũng chết khô. Chính thời gian này anh bị nhiễm chất độc. Về sau, khi sinh đứa con gái, cháu là nạn nhân, bị viêm màng não, chậm phát triển. Vợ chồng anh làm cật lực đủ mọi công việc để có tiền chạy chữa cho cháu, nhưng cho đến khi sức tàn lực kiệt, con anh vẫn khô héo như những thân cây anh chứng kiến thời ở rừng.

Một hậu quả kinh khủng khác, đó là sự tổn thương tinh thần nghiêm trọng cho những ai bất hạnh rơi vào "vòng Da cam" ám ảnh đó. Đối với những người bị nhiễm, thường bị ức chế tâm lý, sức khỏe và tinh thần đều suy sụp. Nhiều người mặc cảm, tự ti và trở nên cô độc, bị giày vò vì tự cho rằng bản thân mình là gánh nặng đối với gia đình và xã hội. Đối với phụ nữ, nhiều người không dám lập gia đình, sống cô đơn lắm lời hay cắt tóc đi tu để lẩn tránh thực tế, chấp nhận số phận bệnh hoạn chờ tàn kiếp người. Cá biệt hơn, có người lập gia đình, sinh con quái thai, đã tự sát vì quá đau khổ và tuyệt vọng.

*

* *

Chuyến đi khảo sát và gặp gỡ trực tiếp các nạn nhân chất độc Da cam của đoàn luật sư Mỹ được đánh giá là thành công. Đoàn đã thu thập được nhiều chứng cứ quan trọng chuẩn bị cho việc tranh tụng trong vụ án kiện 37 Công ty hóa chất Mỹ cung cấp chất độc hủy diệt này phải bồi thường cho nạn nhân Việt Nam. Luật sư Clifford Moore khẳng định đã có nhiều chứng cứ để nói lên "chính nghĩa". Nhưng sâu xa hơn là lời của Giáo sư - bác sĩ Nguyễn Thị Ngọc Toán - thành viên của đoàn: "Chiến tranh đã lùi xa gần 30 năm, nhưng hậu quả của nó vẫn còn âm ỉ. Chiến tranh đáng ghê sợ như vậy đó. Đi, thấy và tôi muốn nói với những người trẻ trên khắp thế giới này hãy nhìn về quá khứ của chiến tranh Việt Nam và hãy cùng nhau chung sống hòa bình".

LÊ THANH PHONG - TẠ NGUYỄN

Bản sao lưu trữ

NGƯỜI CỤU BINH VÀ NHỮNG ĐỨA CON CÂM ĐIẾC

Thấy người lạ đến, 6 đứa con của anh Đồng lảng hết ra ngoài. Anh Đồng đi theo, vỗ vai từng đứa, chỉ tay ra hiệu bảo chúng vào nhà. Chúng chạy vào khúm núm ngồi dưới góc bếp, anh Đồng khó khăn lắm mới thuyết phục được chúng lên nhà trên. 6 đứa con của anh giống nhau như đúc, gương mặt nhút nhát phảng phất vẻ sáng láng khôi ngô. Anh Đồng thở dài: *Hồi ba bốn tuổi, ngoại trừ đứa thứ tư bị khuyết tật bẩm sinh, còn lại đứa nào cũng được hàng xóm khen là kháu, là đẹp.* Đứa con đầu của anh tên Lem, đứa thứ hai tên Đòi, đứa thứ 3 tên Chút. Anh bảo đặt xấu để dễ nuôi. Thằng Lem lúc nhỏ ít bệnh vặt, nhưng năm học lớp 1 bắt đầu nói ngọng, lằng tai. Lên lớp hai thì không nghe không nói được nữa. 5 tuổi thằng Đòi cũng bắt đầu có biểu hiện giống thằng Lem: Nghe nói khó khăn, sợ người lạ, ưa ngồi một mình. Vợ chồng anh Đồng nghe ở đâu có thầy thuốc giỏi cũng đưa con đến, nhưng bệnh của chúng không thuyên giảm mà ngày một nặng thêm. Tối lúc thằng Đòi câm điếc hẳn thì đến phiên em nó là thằng Chút bắt đầu nói ngọng, rồi câm điếc luôn. Hoang mang, vợ chồng anh Đồng tìm đến những ông thầy mù, những bà đồng bóng. Mỗi thầy phán một kiểu, song tóm lại đều vỗ về khuyên vợ chồng anh thành tâm thường xuyên dâng lễ để họ cầu thần khấn thánh thì từ người con thứ 4 trở đi sẽ được lành lặn. Khấp khởi hy vọng, anh Đồng quần quật ngày đêm kiếm tiền để vợ hương hoa nhang đèn cho các thầy. Nhưng đứa con thứ tư của anh chị, cháu Nhâm sinh ra đã chịu khuyết tật nặng nề: Hở hàm ếch và câm điếc bẩm sinh.

Lúc bấy giờ vùng quê nghèo xã Quảng Điền huyện Krông Ana (Đắc Lắc) còn hẻo lánh cách trở, hầu như chưa ai biết gì về di chứng của chất độc màu Da cam. Anh Đồng cũng nghĩ như mọi người rằng những đứa con của anh khiếm khuyết là do số phận, nên vẫn nuôi hy vọng trời Phật sẽ thương tình ban cho anh chị một đứa con khỏe mạnh để trong nhà có tiếng cười, tiếng nói ấm cúng như bao gia đình khác. Sau cháu Nhâm, anh chị có thêm cháu Nam và cháu Thoa. Anh Đồng kể: *Từ con Nhâm trở đi, tui không dám đặt tên xấu cho con nữa, sợ cái tên vận vô cái phận của nó.* Lên 2 tuổi thằng Nam biết nói, cũng là lúc bắt đầu chuỗi ngày đặng đặng hồi hộp lo âu của vợ chồng

anh Đông. Nghe bọn trẻ con trong xóm đùa nghịch mà không có tiếng thằng Nam là anh chị lo. Sáng ngủ dậy mà thằng Nam không nói gì lặng lẽ đi học anh chị cũng lo. Mỗi lần đi làm về anh Đông đều tìm thằng Nam hỏi chuyện để xem nó còn nghe, còn nói được không. Rồi điều anh chị sợ nhất cũng đã đến. Lên 7 tuổi thằng Nam điếc nặng, chỉ còn có thể nói bập bẹ. Bao nhiêu hy vọng vợ chồng anh dồn hết vào đứa con út Phan Thị Thoa. Nhưng đến khi vào lớp 1 thì Thoa có biểu hiện lặng tai, nói năng khó khăn. Sự tuyệt vọng, đau khổ của một người cha có đến 5 đứa con đã bị câm điếc, đứa còn lại cũng đang có những biểu hiện tương tự như những ngày đầu phát bệnh của các anh chị nó đã khiến anh Đông trở nên cáu bẳn. Mỗi lần Thoa không nói ra tiếng, anh lại cầm roi đánh nó. Anh Đông ghen ngào: *Mỗi lần đánh con tui cũng đau đờn lắm, nhưng tui sợ nó không cố gắng nói cho ra hơi thì sớm muộn gì nó cũng câm mất.*

Năm 2001, một người đồng đội cũ ghé thăm anh Đông. Thấy cảnh đến bữa, anh Đông phải đi tìm vỏ vai từng đứa con dất về cho ăn cơm, người đồng đội này đã tặng cho gia đình anh 2 chiếc máy nghe trợ thính. Anh Đông vui mừng đeo máy vào cho con, nhưng chúng nhả nhỏ dòi còi ra lập tức bởi âm thanh làm đầu chúng choáng váng. Anh Đông thở dài: *Con tui không giống máy đưa trẻ câm điếc bình thường khác. Không biết trong đầu chúng bị hư hoại như thế nào, mà tui nó sợ tiếng động mạnh, càng ngày càng lơ ngơ, nhút nhát, gần 20 tuổi rồi mà cứ như con nít.* Được anh bạn đồng đội cũ hướng dẫn, anh Đông làm thủ tục xin giám định sức khỏe vì nghi nhiễm chất độc màu Da cam, và kết quả đã làm anh chết lặng trong giây lát: *Tui cứ nghĩ mình là người lính may mắn vì trở về lành lặn không một vết thương, không ngờ cái thứ chất độc khủng khiếp đó còn tàn phá ác hiểm hơn cả bom đạn. Tui bị 56%, còn mấy đứa con tui đứa nào cũng bị nó hủy hoại từ 82% đến 92% sức khỏe.* Gần đây anh Đông được tin nhiều người trong số 20 chiến sĩ đội tuần tra biên giới thuộc đồn "X" của anh có con bị dị tật. Có lẽ trên đường hành quân từ năm 1975 đến năm 1981 họ đã nhiều lần uống nước của những dòng suối chảy vắt qua hàng ngàn quả đồi bị quân đội Mỹ rải chất độc hủy hoại sự sống dọc biên giới Việt - Lào từ Quảng Trị đến Kon Tum.

Năm 2003, anh Đông vay mượn tiền xây được căn nhà cấp 4. Anh nói: *Khi biết được con tui bị tật nguyên do chất độc màu Da cam ở trong người tui, lúc nào tui cũng bứt rứt trong đầu ý nghĩ là mình có lỗi với tui nó. Tui muốn ngày nào tui còn sức khỏe thì mấy đứa con của tui phải được sống đàng hoàng một tí. Nhưng rồi mai này vợ chồng tui không còn lao động nổi nữa, không biết tui nó sẽ ra sao?*

Qua bài viết này, chúng tôi cũng mong Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Krông Ana sớm giúp đỡ giải quyết chế độ trợ cấp cho gia đình anh Đồng. Bởi như chúng tôi được biết thì anh Đồng đã làm đến 3 bộ hồ sơ xin hưởng chế độ đối với người tham gia kháng chiến và con đẻ bị hậu quả do nhiễm chất độc hóa học của Mỹ sử dụng trong chiến tranh, nhưng tất cả đều bị trả về, vì hết lý do là chưa đủ con dấu lại đến lý do ngày đóng dấu xác minh đã... hơi lâu.

Ghi chép của VÕ PHỤNG HOÀNG

Bản sao lưu trữ

NGƯỜI LÍNH NHIỆM CHẤT ĐỘC...

Bộ Y tế, cả đời cống hiến cho khoa học, đấu tranh không mệt mỏi vì lương tri, công lý. Cả hai đã và đang làm hết sức mình để cuộc đấu tranh chính nghĩa giành quyền sống cho hàng triệu nạn nhân chất độc Da cam trên đất nước đi tới thắng lợi.

Nguyễn Văn Quý ở 38 Cát Cụt, Lê Chân, Hải Phòng - một nạn nhân bất hạnh đã hai chục năm ròng chịu đựng nỗi đau khổ bởi thứ chất độc Da cam - đã tiên phong khởi kiện các Công ty hóa chất của Mỹ. Hẹn trước nhiều lần tôi mới gặp được Quý, bởi ngày nào anh cũng phải đến Bệnh viện Việt - Tiệp truyền hóa chất để cố gắng níu giữ sự sống, chống chọi lại căn bệnh ung thư đang ngày đêm hành hạ. Đúng như hình dung của tôi, người Quý tiêu tụy, ốm yếu, xanh xao, còn giọng nói khàn khàn yếu ớt của một người đang mắc bệnh nặng và chịu nỗi đau giày vò đã ở đỉnh điểm. Khi tôi gợi chuyện về đời lính và thứ chất độc oan nghiệt dioxin đã dày vò đời anh, lặng người đi một lúc, Quý chậm rãi kể về những tháng ngày gian khổ, hào hùng nơi trận tuyến ác liệt và bi kịch bất hạnh kinh hoàng sau này, xen lẫn tiếng thở dài và tiếng nấc đứt quãng...

Đó là những năm tháng ác liệt nhất của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Cũng như bao thanh niên khác, từ vùng quê lúa Gia Lộc, Hải Hưng, Quý lên đường tòng quân, cầm súng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Anh cùng đồng đội xông pha khắp các chiến trường ở đông, tây Trường Sơn vào đến Kon Tum, Poko bổ sung vào Đại đội 3, Tiểu đoàn 17, Sư đoàn 2, Quân khu 5. Là bộ đội thông tin, nhiệm vụ của Quý và anh em là phải ngày đêm bám trụ đảm bảo thông tin liên tục. Mỗi khi đường dây có sự cố là các chiến sĩ trong tiểu đội thông tin hữu tuyến của Quý phải có mặt ngay. Bàn chân Quý đã in dấu khắp nơi rừng thiêng nước độc ngày đêm chịu đói, chịu rét. Có hôm cả tiểu đội 7 người chia nhau xoong cơm nhỏ, phải ăn thêm quả dại cho qua bữa. Nhưng hiểm nguy nhất mà Quý phải đối mặt là vùng chiến trường dày đặc chất độc chết chóc. Có khi hôm trước địch mới thả chất độc Da cam, hôm sau Quý và đồng đội đã có mặt để làm nhiệm vụ. Những bãi cỏ, cánh đồng đang xanh tươi bỗng trở nên hoang phế. Những cơn nắng cháy da miền Trung đã khổ, nhưng khổ nhất là sau những cơn mưa rừng rả rích. Trời

hừng nắng, khắp bốn phía núi rừng bao phủ một mùi đặc trưng đến nôn nao khó chịu của thứ chất độc Da cam mà sau này khiến anh và bao đồng đội phải sống dở chết dở. Tinh thần thép của người lính cách mạng đã giúp Quý và đồng đội vượt qua mọi gian nan thử thách, lập nên những chiến thắng lừng lẫy ở Kon Tum, Ba Tơ, Quảng Ngãi, trận đánh càn Sa Huỳnh, chiến dịch tiến công giải phóng Tam Kỳ - Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Long Phước. Đất nước toàn thắng, nhưng Quý vẫn tiếp tục ở lại chiến trường để gỡ mìn, dây thép gai... Hai năm sau mới phục viên trở về quê hương.

Ngày về tới quê nhà, Quý sống tràn ngập trong sự sung sướng của gia đình và bè bạn. Rồi anh lấy vợ. Nhưng một điều không ngờ là anh đã mang trong mình thứ chất độc Da cam chết người. Bất hạnh liên tiếp giáng xuống đầu anh khi hai đứa con ra đời đều bị dị tật. Năm 1988, đứa con trai lớn chỉ nặng 1,9kg, đầu nhũn, không biết nói, chân tay không cử động, gần hai chục năm trời làm bạn với chiếc xe lăn. Vợ Quý khóc ngất, còn mẹ vợ đi "vái tứ phương" nhưng bệnh tình của cháu chẳng hề thuyên giảm. Sau đó là chuỗi ngày khổ đau gian truân chồng chất của hai vợ chồng Quý khi đứa con thứ hai là Nguyễn Thị Quỳnh Nga ra đời. Mặt mũi Nga đầy lông lá, đầu dài ngoẵng, ăn rất khỏe nhưng không biết nói, chỉ biết ú ớ, cả ngày ngẩn ngơ. Hằng ngày vợ chồng anh làm lụng vất vả để kiếm sống và còn bận chăm sóc hai đứa trẻ "có lớn mà không có khôn". Cả ngày hai vợ chồng anh phải đánh vật với chúng, ngộ nhỡ chúng nghịch dại thì khôn. Có hôm bé Nga tắm trong nhà vệ sinh quên khóa van, nước chảy lênh láng. Nghèo cũng phải cố chạy chữa cho con cái bớt khổ, hai vợ chồng Quý "chạy" khắp các bệnh viện nhưng tình hình cũng không chuyển biến là bao. Rồi anh tiếp tục nhận thêm án tử hình khi biết mình bị mắc hàng loạt căn bệnh hiểm nghèo như ung thư dạ dày, lục phủ ngũ tạng bị hủy hoại, ngày nào cũng phải đến bệnh viện truyền hóa chất để duy trì sự sống. Nỗi đau về bệnh tật ngày đêm hành hạ, Quý có thể cắn răng chịu đựng nhưng những vết thương lòng của người lính vẫn luôn ám ảnh anh trong từng miếng ăn, giấc ngủ mặc dù đã cố quên. Nhiều khi nhìn con ngủ, trông dáng vợ sầu muộn ốm yếu, mắt anh rưng lệ. Rồi Quý bật khóc như một đứa trẻ khi kể cho tôi nỗi đau mà mỗi khi nhắc lại anh thấy nhói lòng.

Tuy nhiên Quý cũng không cô đơn, xung quanh anh còn có bạn bè, đồng đội và những người thân. Tổng cộng tiền bệnh binh và chế độ cho các con anh mỗi tháng khoảng hơn 500 ngàn đồng, cũng chỉ đủ tiền cho anh truyền thuốc 3 ngày. Căn bệnh ung thư quái ác chẳng khác nào cái máy đốt tiền. Nhưng "còn nước còn tát", vợ chồng anh đã bán đi tất cả những gì chất bộp dành dụm được và tất tả vay mượn để chống chọi với thân chết. Tiền làm không ra, trừ những khoản bảo hiểm chi trả, mỗi ngày phải chi tới 180 ngàn đồng tiền truyền dịch, vợ chồng Quý nợ như "Chúa Chổm". Số nợ ngày càng

dày thêm, con số nợ tăng theo cấp số nhân tới hàng trăm triệu đồng. Không có nhà để tá túc, gia đình Quý phải ở nhờ bên ngoài, bữa cơm rau cháo trông chờ vào đôi bàn tay tần tảo của vợ và tình thương của bà, của các cậu, các dì. Bức xúc vì những nỗi đau của chính mình và người thân, người lính đau khổ ấy đã dũng cảm khởi kiện các công ty hóa chất Mỹ, đòi công lý và đòi phải được bồi thường hậu quả do chính chất độc Da cam gây ra. Quý bảo tôi rằng: "Chiến tranh rất buồn, rất khổ đau nhưng tất cả quá khứ đã khép lại, tôi và cả những nạn nhân của chất độc Da cam đều mong muốn những nhà sản xuất chất độc hóa học có trách nhiệm giúp đỡ những nạn nhân có điều kiện để bù đắp vết thương, vơi bớt nỗi đau để hòa nhập với cuộc sống cộng đồng".

Trong cuộc chiến dai dẳng và cam go này, Quý và các nạn nhân không cô đơn, bởi kẻ vai sát cánh giúp đỡ họ là Hội nạn nhân chất độc Da cam, trong đó có các nhà khoa học, những cựu chiến binh, giáo sư đầu ngành tâm huyết và nhân hậu. Một trong những nhà khoa học tình nguyện làm không công, cống hiến hết mình để đấu tranh vì quyền lợi của các nạn nhân chất độc Da cam đó là Giáo sư, tiến sĩ Nguyễn Trọng Nhân, nguyên Bộ trưởng Bộ Y tế, nguyên Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ Việt Nam. Mọi người biết đến ông là vị bộ trưởng liêm trực, phúc hậu đã giúp đỡ biết bao mảnh đời bất hạnh sống trong tối tăm được điểm phúc nhìn thấy ánh sáng, thấy được sự kỳ diệu của cuộc sống. Và nay họ lại biết đến ông trong một cương vị mới. Phó chủ tịch Hội nạn nhân chất độc Da cam với cuộc chiến mới vì lương tri và công lý, giúp đỡ các nạn nhân chất độc Da cam khốn cùng. Bằng tâm đức của người thầy thuốc và tinh thần thép trong đấu tranh, ông đã trở thành điểm tựa vững chắc của những nạn nhân trong vụ kiện lịch sử này.

Trước đây với cương vị là Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, một trong những nỗi niềm mà vị giáo sư đáng kính này trần trở là chất độc Da cam. Đã từng kinh qua hai cuộc chiến tranh khốc liệt với bao đau thương mất mát, hòa bình lập lại, nhưng di họa khủng khiếp của cuộc chiến là muôn vàn vết thương không mảnh đạn ấy lại hiện hữu khắp nơi với những đứa trẻ quái thai dị dạng; với những người phụ nữ khổ đau vĩnh viễn mất quyền làm mẹ; với những người lính ốm đau liên miên vì mang trong mình thứ chất độc giết người... Tận mắt chứng kiến những cảnh đời bất hạnh, thương tâm đó, lương tâm không cho phép ông đứng ngoài cuộc. Cả đời ông cống hiến hết mình cho khoa học, tuy tuổi đã cao nhưng những trần trở luôn canh cánh trong lòng về nỗi đau triền miên do chất độc Da cam gây ra; về những đứa trẻ vô tội chưa hề biết chiến tranh là gì nhưng phải gánh chịu hậu họa của nó đã thôi thúc ông phải làm gì đây để những nạn nhân vô tội bớt khổ đau. Ông cùng các hội viên đã kêu gọi các tổ chức, quần chúng quyên góp ủng hộ hàng chục tỷ đồng; giúp đỡ khám chữa bệnh, chỉnh hình; dạy văn hóa, dạy nghề; tạo việc làm, cấp vốn cho hàng chục nạn nhân; cấp hàng ngàn xe lăn, xây nhà

tình nghĩa... kêu gọi sự ủng hộ của các nước và các tổ chức hữu nghị quốc tế. Với những tấm lòng thương thảo tương thân tương ái đó, đời sống của gia đình các nạn nhân cũng phần nào vui bớt khó khăn.

Hợp tác nhân đạo luôn là biện pháp rất tốt cho sự hòa giải và xây dựng tình hữu nghị đẹp đẽ giữa các dân tộc. Tháng 3 năm 1994, Giáo sư Nguyễn Trọng Nhân hồi đó đang đương chức Bộ trưởng Bộ Y tế, là Bộ trưởng Việt Nam đầu tiên đến Mỹ, và 6 năm sau cuộc gặp gỡ lịch sử này, giáo sư đã gửi quyển sách *Chất Da cam trong chiến tranh Việt Nam*, album ảnh đặc biệt về các nạn nhân chất độc Da cam, cuốn phim tư liệu... cùng bức thư đề nghị Tổng thống Mỹ Bill Clinton có những giải pháp nhân đạo giúp Hội Chữ thập đỏ Việt Nam về vật chất và tinh thần để tiến hành cùng một lúc ba việc cấp bách: giúp đỡ nạn nhân chất độc Da cam, tẩy độc môi trường và nghiên cứu khoa học. Ngày 12 tháng 2 năm 2001, đích thân tổng thống Mỹ đã gửi thư trả lời ca ngợi sự cống hiến của nhân dân Việt Nam và chia sẻ về những khó khăn bệnh tật và tâm lý mà các nạn nhân đang phải đối mặt.

Biết được tấm lòng của ông, bạn bè quốc tế càng yêu mến và kính trọng ông hơn. Những lời phát biểu mộc mạc và sâu sắc, những bức thư tâm huyết của ông - tiếng nói của lương tri tác động mạnh tới những con người yêu hòa bình thế giới và những tổ chức hữu nghị. Họ đã đến với những nạn nhân chất độc Da cam bằng tình thương, trách nhiệm và lương tâm của mình trước nỗi đau của đồng loại. Nhưng những việc ông làm chưa bao giờ là đủ, bởi từng ngày, từng giờ còn biết bao nạn nhân khổ đau tột cùng do thứ chất độc tai họa gây nên. Chính ông là một trong những thành viên tích cực nhất xúc tiến thành lập Hội nạn nhân chất độc Da cam ngày 10 tháng 1 năm 2004. Khắc phục muôn vàn khó khăn khi mới thành lập, mặc dù trụ sở đang phải ở nhờ, song chỉ sau hơn 20 ngày thành lập, ông và lãnh đạo Hội cùng các nạn nhân đã tiến hành khởi kiện các tập đoàn sản xuất hóa chất độc hại cung cấp cho quân đội Mỹ sử dụng ở Việt Nam. Kẻ bị kiện rất giàu, xử kiện ở Mỹ, tòa án Mỹ, xử theo luật pháp Mỹ, bảo vệ quyền lợi là luật sư Mỹ, thủ tục pháp lý của Mỹ phức tạp, do vậy ông và các giáo sư, chuyên gia y tế đã phải chuẩn bị hồ sơ rất công phu, kỹ lưỡng, đảm bảo người khởi kiện là nạn nhân tiếp xúc trực tiếp với dioxin sống trong vùng rải chất độc hóa học hoặc con cháu đang bị ảnh hưởng; đang bị mắc những căn bệnh hiểm nghèo được các nhà khoa học xác định do dioxin như bệnh ung thư tiền liệt tuyến, rối loạn thần kinh, thần kinh ngoại vi, ung thư đường hô hấp và đa tử... Không quản ngại đường xá xa xôi, mỗi hồ sơ được bổ sung rất nhiều lần, đảm bảo độ chính xác về bằng chứng, chứng cứ pháp lý để những kẻ bị kiện không thể nào có cơ thoái thác trách nhiệm.

Thời gian dần trôi, nhiều nạn nhân đã phải sống trong thực tế đau đớn, chết dần chết mòn trong oán hận. Ông luôn bảo rằng vụ kiện chính nghĩa

này không thể chậm trễ, bởi càng chậm trễ, ông cảm thấy mình như mắc một món nợ lớn chưa trả được. Qua vụ kiện, bạn bè quốc tế hiểu thêm nỗi đau của nhân dân Việt Nam, buộc những tổ chức có liên quan phải gánh trách nhiệm trước những hậu quả do tội ác mà họ gây ra, chuộc lại lỗi lầm để cuộc sống được thanh thản. Ông tâm sự: "Trong hợp tác phải có đấu tranh. Cả thế giới khâm phục đất nước chúng ta, bởi chúng ta đã bền bỉ đánh thắng đế quốc Mỹ, vậy trong vụ kiện này không cho phép chúng ta nản chí. Phía sau các nạn nhân và Hội là toàn thể nhân dân Việt Nam và hàng triệu người trên hành tinh yêu chuộng hòa bình. Ngay cả các cựu chiến binh Mỹ - những người từng bị nhiễm chất độc Da cam - đã quả quyết với tôi rằng nhất định vụ kiện thắng lợi nếu công lý được tôn trọng và tất cả những người có lương tri trên trái đất này ủng hộ để các nạn nhân đòi lại quyền sống thiêng liêng của con người". Và niềm tin, sự quyết tâm của ông và hàng triệu nạn nhân chất độc Da cam, trong đó có người cựu binh Nguyễn Văn Quý, một lần nữa được thể hiện trong bức thư ngỏ của Hội gửi nhân dân Mỹ: *"Chúng tôi thiết tha hy vọng các bạn thông cảm sâu sắc với những nỗi đau khổ cùng cực của các nạn nhân Việt Nam. Vì công lý và lương tâm cao cả, các bạn hãy lên tiếng yêu cầu tòa án Mỹ xét xử nghiêm túc, đòi các tập đoàn sản xuất hóa chất độc hại ở Mỹ phải chịu trách nhiệm bồi thường cho các nạn nhân ở Việt Nam cũng như ở Mỹ và nhiều nước khác"*. Chỉ còn một tháng nữa là tới ngày tòa án Mỹ xem xét đưa ra xét xử vụ kiện, rất nhiều người đã ký tên ủng hộ vụ kiện này, chắc chắn đều có chung một niềm tin: Chúng ta sẽ thắng kiện!

TUẤN ANH

NGƯỜI ĐÀN BÀ SINH CON CƯỜI

Mười lần vượt cạn. Mười khúc ruột đứt ra. Mười đứa con ngơ ngác chào đời. Con Ba còn ngậm vú, thằng Hai bỗng trở nên nghĩnh ngãng, chỉ biết ngoẹo đầu mà cười. Rồi vừa cất rốn con Tư, con Ba lại giống y anh nó. Đứa trước cười, đứa sau cười. Thằng Tám chết, chín đứa còn lại là bản sao của nhau. Ông trời đặt để trở trêu, con cười mà mẹ khóc. Khóc suốt gần 50 năm qua. Đó là lời tâm sự của chị Đỗ Thị Mười, ở Phú Túc (Châu Thành, Bến Tre).

Cây ngọt sinh... trái chát.

Làm người đã được 64 năm, đời bà toàn nước mắt. Thời con gái đẹp như bông mận, bị ép gả cho người không thương. Thôi thì bển đục bển trong, bà gặt đầu ưng đại cho dặng tấm chồng. Rồi hương nồng lửa đun, con trai con gái đập bụng mẹ chui ra. Nhưng cây ngọt lại sinh toàn... trái đắng. Đứa con đầu lòng tự dưng trợn mắt, sớm đứt vạt áo mẹ ngồi vào một xó, ngây ngây đại đại. Rồi đứa thứ ba, thứ tư cũng đều như vậy. Bà Mười hoảng loạn, trở bệnh liệt giường. Thương vợ, ông Tư (chồng bà) đòi sanh đứa khác, vái van trời đất con được bình thường cho vợ được vui. Vậy mà, niềm hy vọng cũng bị tắt ngấm. Lần sinh nở thứ tư, cô con gái bé bỏng cũng không thoát khỏi "định mệnh". Dáo dác, co giật, rồi nghiễm nhiên trở thành "đồ đệ" của thế giới... chẳng biết buồn.

Bà Mười đau đớn, tủi phận rồi nghĩ đại: "Bom ở đâu cứ giội xuống để mẹ con chết chum. Chứ bắt con theo mẹ xuống mồ bằng gói thuốc chuột, làm sao mà đành đoạn". Ông Tư lúc nào cũng trầm tư, thường thở dài bên ngọn đèn chong: "Trời kêu ai nấy dạ. Khùng cũng là nùm ruột của mình. Nó đầu thai làm người mà không trọn vẹn, mình phải thương nó mới phải". Khuyên vợ như thế, nhưng lòng người cha ruột đau như cắt. Miệng đời luôn dị nghị: "Chắc kiếp trước ở đời không đức, nên kiếp này họa báo oan gia". Suốt ngày cứ khum xuống chẳng dám chường mặt để nhìn ai. Vợ chồng bà Mười thương nhau hơn bao giờ hết. Vợ ngã, chồng nâng gượng đứng dậy nuôi những đứa con tâm thần giữa ì đùng của chiến tranh. Rồi ông Tư đi làm cách mạng. Bà Mười thay chồng gồng gánh. Ngày tránh bom, lánh đạn. Đêm làm ruộng nuôi con. Không may, ông bị bắt, giữa lúc bà Mười bụng mang dạ chửa. Bà

mếu máo té lên té xuống, lồi xềnh xệch mấy đứa con khùng, van người ta thương tình thả chồng mình ra. Ông Tư bị đày đi Côn Đảo biệt tăm. Chốn quê nhà, bà Mười lại đẻ thêm một đứa... con cười. Xấu hổ với láng giềng, bao lần bà muốn cắn lưỡi tự vẫn, chúi đầu vào dây thòng lọng chết quách cho xong. Nhưng, còn gánh nặng ông bà già chồng, còn những đứa con oan nghiệt tội tình. Bà không thể quên những giọt nước mắt giàn giụa của ông Tư, trong một lần bà ra thăm chồng ở chốn lao tù: "Mình nhớ lời tui dặn, gì thì cũng phải sống nuôi con. Bà chết là có tội với trời đất, có tội với tui nhỏ".

Rồi họa vô đơn chí, một trận bom cuồng sát và pháo kích dữ dội trùm xuống Phú Túc. Cả xóm làng chìm trong đau thương. Nhà bà Mười bị lính phóng hỏa cháy rụi thành tro. Năm người con ngơ ngáo của bà bị ngạt, nằm giãy chết trong hầm tránh đạn. Bà Mười oằn oại, lồi từng đứa một ra khỏi miệng hầm, thấy xuống sàn nước để giành lại mạng sống cho con. Sau cái đêm kinh hoàng ấy, người ta lại thấy con của bà cười man dại hơn. Còn bà bị phỏng nặng. May mắn là người mẹ còn biết ứa nước mắt trên những nụ cười ngây dại của con mình.

Nhà tan cửa nát, chồng bị tù đày, bà Mười dắt đàn con ngơ ngẩn bỏ xứ tản cư. Mẹ tỉnh, con khùng rày đây mai đó kiếm kế sinh nhai. Rồi một lần đói quá, vì thương đàn con, bà lần mò về vườn "trộm" chuối. Lính tưởng lầm Việt cộng, chọi M.79 xém chết. Bà Mười thở ra: "Trời đâu cho chết. Lăn đó mà có bề gì, không biết con tôi bây giờ ra sao?".

Bốn năm lao lý, ông Tư được trả tự do. Ngày sum họp sao mà nghiệt ngã. Chồng bị liệt vì những trận đòn nhà tù. Vợ tàn tạ vì kiệt sức nuôi con. Và những giọt máu do ông tạo ra, còn sống sờ sờ đó, mà chỉ là những cái xác không hồn. Giải phóng, ông bà Mười đùm tùm về quê, dựng lại căn nhà trên nền nhà cháy năm xưa. Thật là oái oăm! Tại nơi này, "nụ cười" trong nhà bà Mười lại được... nhân đôi. Những cái tên Bảy, Tám, Chín, Mười, Út lần lượt khai sinh. Mười người con. Một nửa của chiến tranh. Một nửa của ngày hòa bình. Cộng lại thành mười đầu ngón tay "vô tri, vô giác", cào cấu đời cha, bấu víu đời mẹ, đau cả một đời không xoa dịu được.

Bà Mười sụt sùi: "Thằng Hai tuổi Hợi, 46 tuổi rồi. Thằng Út năm nay cũng hăm ba, hăm bốn. Chạy chữa tùm lum mà không ăn thua gì. Con Tư, con Năm, con Sáu đỡ hơn một chút. Người ta nói ổng bị nhiễm Da cam, da vàng gì đó. Để một chục đứa nữa cũng vậy thôi". Trong những người con tâm thần, chị Sáu là người "tỉnh" nhất, đẹp như bà Mười thuở về làm vợ ông Tư. Cách mấy quăng ruộng có người dạm hỏi, bà Mười mừng ra nước mắt: "Con mình được người ta dòm ngó là mừng. Đành gả lẹ để nó thoát khỏi "địa ngục trần gian". Hồng dè...". Bà Mười nghèn nghẹn, khi biết con mình đẻ ra cho bà một đứa cháu ngoại, giống hệt như cậu, như dì của nó hiện giờ. Một thế hệ nữa lại lẩn quẩn trong cái vòng... cười trên nước mắt của đấng sinh thành.

Vất lực nuôi con.

Trong nhà bà Mười giờ còn lại 8 người. Ba người "cười tí" được người ta rước về làm vợ. Hai vợ chồng già ở lại chôn đất 6 đứa con khùng. Ngày thì đi tú tẩn. Đêm xúm về làm nhảm, cười cười, nói nói một mình. Ông canh mấy người lớn. Bà coi mấy đứa nhỏ. Cái lệ của căn nhà này là sáng một nồi cơm to, một ca muối ớt. Đàn con vừa ngủ lại sức, sau một ngày la cà dây đó, vội dụi ghèn xuống bếp, ăn đồ ăn thảo, rồi tiếp tục... một ngày mới rong chơi. Có người đi nhớ được nhà. Có người ham vui chẳng biết đường về.

Người ta thương đứt ruột, vào những đêm trời mưa, giọng người mẹ tìm con nảo ruột xóm trên, tiếng người cha thống thiết xóm dưới. Hai ơi, Ba ơi. Một thú âm thanh buồn bã như tiếng cuộc gọi bầy. Ông Tư nhìn xa xăm: "Sông rạch giăng giăng, bà thủy không chừa một ai. Đứa nào té vũng mà chết, tui với má nó ân hận suốt đời. Không biết bao lần tui nó chết hụt, được người ta túm cổ lôi lên. Bây giờ còn sống chần được tui nó. Khi vợ chồng già theo ông theo bà, chắc sắp nhỏ chết bụi, chết bờ". Cái ngày đáng sợ ấy rồi cũng xảy ra. Khi ông bà Mười nhắm mắt, rũ bỏ những "khổ lụy trần ai", thì những sinh linh ngây dại của họ sẽ sống sao đây.

Những khi đuối sức, bà Mười giao hết việc trông coi cho chồng, chỉ lãnh phần bếp núc, để tới cỡ con lục tục về ăn. Không tiền, ông bà thay phiên mò sông tát mương, kiếm từng con lông tông, hủn hình, để con mình được tươi da, thắm thịt. Bà nhắm tính: "Một ngày nấu 5 lít gạo. Một giạ chỉ trong nháy mắt, dòm qua ngó lại hết sạch sành sanh". Trước kia bà Mười có 7 công ruộng, một năm cật lực kiếm được hơn trăm giạ lúa. Coi như tạm đủ nuôi con. Giờ làm ruộng không nổi, lên liếp lập vườn. Ngăn ấy ruộng đất, người ta có thể biến nó thành vàng. Nhưng với bà Mười, đất thành chì, thành sỏi vì nào được bồi bổ chăm nom. Cái thời mà cây trái đua nhau rớt giá, khu vườn tấp nhà bà chỉ kiếm được "ba cọc, ba đồng". Bán được mấy thúng nhãn, trả gạo chịu tháng trước. Hái được vài gánh mận, nửa mắm muối, nửa thuốc men. Mà đâu phải lúc nào cũng có, giống như gà đẻ phải có chu kỳ. Trong những người con tâm thần, chỉ có 2 người được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, mỗi suất 65.000 đồng. Bà Mười lắc đầu: "Còn mấy đứa kế cũng ngờ ngờ, ngáo ngáo, xin hoài không được đành thôi. Có cuốn sổ bảo hiểm, thằng khùng thứ chín xé tanh banh rồi".

Ông bà Mười nay yếu nhiều lắm, sức lực đã bị những người con tâm thần mài mòn từng ngày. Ông Tư bắt đầu có hiện tượng nói trước, quên sau. Bà Mười cũng trở chứng đau đầu kinh niên.

*

* *

Đâu đó trong ngõ ngách của cuộc sống vẫn còn nhiều mảnh đời bất hạnh. Nhưng chuyện của ông Tư, bà Mười có lẽ không còn bất hạnh nào bằng. Gần một đời người vượt lên số phận, bất chấp những giông bão nuôi đàn con tâm thân. Thương, vì họ đã rơi vào ngõ cụt. Phục, vì họ từ ngõ cụt mà ngoi lên. Chỉ có một điều làm tôi day dứt, dẫu biết bệnh già là quy luật muôn đời của tạo hóa, nhưng sao lại sớm gặm nhấm vào 2 cây "đại thụ", khi những người con tội nghiệp kia đang cần bóng mát chở che.

NGUYỄN BẢY

Bản sao lưu trữ

ĐAU NỖI ĐAU ĐỒNG ĐỘI

Những cựu chiến binh trên da thịt ngấm sâu thứ chất độc Da cam quái ác có hoàn cảnh sống không lấy gì làm dư dật nếu không muốn nói là đáng thương, lần lượt tìm đến người Trung đoàn phó, Tham mưu trưởng Trung đoàn 290, thuộc Binh chủng ra-đa năm xưa nhờ giúp đỡ. Họ không đến xin ông tiền, cũng chẳng đến xin ông miếng cơm hay manh áo... Họ đã không phải thất vọng khi đặt niềm tin nơi người thủ trưởng đáng kính từ thời còn đạn bom khói lửa.

Đại tá Nguyễn Đình Táo, nguyên Phó tư lệnh Binh chủng ra-đa có vẻ mặt phúc hậu và hiền từ. Từ mấy năm nay, vợ con ông đã quá quen với cảnh những người đồng đội cũ tìm đến nhà nhờ ông xác nhận, giúp đỡ làm thủ tục hưởng chế độ chính sách thương binh hoặc bị nhiễm chất độc Da cam. Thậm chí, có người không có điều kiện vì ở xa, ông còn giúp mang hồ sơ tới cơ quan chính sách nộp hộ. Cứ như vậy, suốt từ năm 1997 tới nay, năm nào cũng có đồng đội tới tìm ông. Họ đều là những chiến sĩ thuộc Trung đoàn 290, phần lớn đều thuộc đại đội C12, Binh chủng ra-đa năm xưa tham gia phục vụ cuộc chiến đấu giải phóng miền Nam năm 1975.

Năm đó, trung đoàn đóng quân tại khu vực bị Mỹ rải chất độc Da cam có sức hủy diệt sự sống ghê gớm, thuộc địa bàn huyện Cam Lộ, Gio Linh, tỉnh Quảng Trị. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ cao cả giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà, họ hăm hở trở về quê hương mà không hề biết rằng, trên cơ thể đã nhiễm thứ chất độc quái ác này. Năm tháng qua đi, những tưởng sẽ được an hưởng cuộc sống sum vầy cùng vợ con, song bóng ma của cuộc chiến tàn khốc xuất hiện. Cơ thể họ ngày một gầy còm, ốm yếu và suy sụp. Những đứa con sinh ra, có đứa trông xinh xắn, khỏe mạnh song chẳng biết khóc, biết cười và cũng chẳng thấy nói năng gì dù chỉ hai tiếng "bố ơi" hay "mẹ ơi". Có đứa thì dị dạng bẩm sinh, chân què, tay cụt, thiếu mắt, thiếu tai. Họ sống trong nghèo đói và bệnh tật như vậy năm này nối tiếp năm khác mà không hiểu lý do tại sao. Đa số, thời gian đầu họ không hề biết, chính thứ chất độc Da cam là nguyên nhân khiến những đứa con mang hình hài dị dạng như vậy. Họ cứ nuôi niềm hy vọng đứa sau sẽ không bị bệnh như đứa trước và cứ thế sinh mấy đứa liền. Có gia đình, cả 3 đến 4 đứa con đều không ra hình người, ăn, nằm và vệ sinh đều phải có bố mẹ giúp đỡ.

Đại tá Nguyễn Đình Táo chẳng từ chối giúp đỡ bất kỳ đồng đội cũ nào trong số những đồng đội có hoàn cảnh thương tâm này. Sống ở các tỉnh xa, họ cũng lặn lội ra tận Hà Nội tìm gặp ông bằng được như trường hợp cựu chiến binh Nguyễn Đức Du đang sống tại Bình Phước cách đây ít tháng. Họ đều là những người lính cầm súng trở về, quanh năm "bán mặt cho đất, bán lưng cho gười" mà vẫn không đủ nuôi những đứa con bệnh tật. Nhiều năm trước đây, khi mới từ chiến trường trở về, bị bệnh tật hành hạ, song họ cũng chẳng biết là những trường hợp như mình có được hưởng chính sách hay không? Chỉ khi cả xã hội đồng loạt lên tiếng tố cáo tội ác của đế quốc Mỹ khi sử dụng chất độc Da cam trong cuộc chiến ở Việt Nam và được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, họ mới biết mình cũng sẽ được hưởng các chính sách này. Chính những bộn bề lo toan cuộc sống khiến họ chẳng còn thời gian để kịp nắm bắt những chính sách của Nhà nước liên quan tới các nạn nhân chất độc Da cam. Sau chiến tranh, họ trở về, giấy tờ thất lạc hết, không có gì chứng nhận đơn vị họ đã đóng quân tại nơi bị rải chất độc Da cam. Chỉ có những căn bệnh quái ác mà họ mắc cùng những đứa con tật nguyền chẳng ra hình người là những bằng chứng sống. Họ đã tìm đến đại tá Nguyễn Đình Táo, người đã cùng họ sống những năm tháng mà giữa sự sống cái chết chỉ cách nhau gang tấc. Tin tưởng ông nhiều lắm, họ mới tìm tới ông.

Tuy đã ở độ tuổi xưa nay hiếm, song ông Táo gần như chẳng quên ai. Đồng đội chỉ cần nói đóng quân ở đâu, đại đội nào, trước làm công tác gì là ông nhớ ra ngay. Trường hợp đầu tiên ông xác nhận là cựu binh ra-đa Nguyễn Thành Chương hồi năm 1997. Nhắc tới người cựu binh Nguyễn Thành Chương ở Hải Phòng chẳng ai là không biết, vì cả 3 đứa con ông đều bị dị tật do di chứng ảnh hưởng của chất độc Da cam đang phải sống trong hoàn cảnh hết sức khó khăn. Hoàn cảnh gia đình người chiến sĩ ra-đa thuộc đơn vị C31, Trung đoàn 290 Nguyễn Thành Chương đã được báo Hải Phòng đăng và kêu gọi sự giúp đỡ của xã hội, đặc biệt là của những người đồng đội cũ. Đại tá Táo biết được tin này. Chẳng để chậm trễ một ngày nào, ông một mình đi vận động anh em đồng đội trong ban liên lạc bạn chiến đấu của Bình chủng ra-đa góp tiền giúp đỡ. Cứ như vậy, hàng chục lần đạp xe tới từng nhà, gặp từng người nói chuyện, cuối cùng ông quyên góp được tổng số tiền 2 triệu 400 nghìn đồng. Số tiền ít ỏi nhưng ấm áp tình đồng đội, đồng chí. "Thấy đồng đội mình đang khó khăn, bất cứ ai từng là lính ra-đa như tôi, biết chuyện cũng sẽ làm như vậy", thủ trưởng Táo tâm sự. Khi biết tin, tình đồng đội cùng sự thông cảm với hoàn cảnh người lính xưa kia trở dậy.

Cái tình của người thủ trưởng cũ đã làm cựu binh Nguyễn Thành Chương vô cùng cảm kích. Ông tin tưởng và tìm đến ông Táo nhờ xác nhận đơn vị từng đóng quân tại nơi có chất độc Da cam. Đại tá Nguyễn Đình Táo còn nhớ, năm 1997, người lính năm xưa dưới quyền ông mang theo đứa con gái

16 tuổi bị ngớ ngẩn tới gõ cửa nhà ông. Đúng lúc ông đi họp vắng, chỉ có vợ ông ở nhà. Bà đã không cho ông vào vì lúc đó trông bố con họ ăn mặc rách rưới, chẳng khác nào ăn xin. Lúc đó ông Chương không xưng tên họ là gì. Tối giờ bà vẫn còn ân hận lắm, vì đã để bố con ông Chương phải ngồi chờ ngoài cửa. Từ sau đó, hễ cứ ai tới hỏi ông Táo và xưng từng là bộ đội ra-da, là bà lập tức nhiệt tình mời vào nhà, đón tiếp niềm nở.

Ông Chương vì hoàn cảnh khó khăn, đường sá xa xôi nên không biết đường đi lối lại, vậy là ông Táo chẳng nề hà tận tình giúp đỡ, chỉ bảo cách làm thủ tục và đích thân mang tới cơ quan chính sách nộp hộ. Vì nhiều chuyện không rõ, nên ông Táo từ Hà Nội phải nhiều lần gọi điện xuống Hải Phòng hỏi han, lại phải nhờ qua điện thoại hàng xóm vì nhà ông Chương nghèo, ăn còn chả đủ nói gì tới chuyện sắm điện thoại. Nộp hồ sơ xong, ông còn nhiều lần tới hỏi xem kết quả thế nào. Cứ như vậy rờn rã mất không biết bao thời gian. Ông nói: "Lúc đó tôi còn khỏe lắm, cứ chiếc xe máy mà phóng. Giúp đồng đội được gì là tôi giúp liền". Ở người thủ trưởng Bình chủng ra-da ngày ấy vẫn không mất đi cái vẻ năng nổ, nhiệt tình ngày nào nơi chiến trận. Gặp một số người lính thuộc Trung đoàn 290 ngày ấy, họ vẫn còn nhớ hình ảnh người thủ trưởng đáng kính có nhiều giai thoại năm nào. Mỗi khi có ai hỏi tới ông Táo, họ thường mở đầu câu chuyện bằng câu "thủ trưởng Táo tốt lắm". Họ vẫn nhắc chuyện ông Táo có lần bị dân quân bắt vì tưởng lầm ông là phi công địch khi Trung đoàn 290 đóng quân tại Quảng Trị. Khi đó ông cùng đoàn công tác đi lạc vào khu vực có máy bay địch rơi, thấy ông dáng vẻ bệ vệ, to béo nên họ nhìn lầm. Họ vẫn còn nhớ ông là người hay nói to, có giọng nói sang sảng nhưng sống rất giàu tình cảm.

Đại tá Nguyễn Đình Táo hiện giờ là Phó ban liên lạc bạn chiến đấu của Binh chủng ra-da, nay được chuyển thành Phòng ra-da, thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân. Ông được họ tin tưởng nhờ tập hợp danh sách những chiến sĩ bị nhiễm chất độc Da cam của Binh chủng ra-da ngày ấy để làm chế độ chính sách. Tính cho tới nay đã có 9 trường hợp các cựu binh thuộc Trung đoàn 290 bị nhiễm chất độc Da cam tìm tới ông nhờ giúp đỡ. Riêng năm nay đã có 5 người. Những người tìm tới đều chỉ khoảng ngoài 60 tuổi, còn kém ông hơn chục tuổi song nhìn hình dạng rất hom hem, ốm yếu, trông còn già hơn cả ông. Vợ ông Táo cho biết, nhiều lần ông đã xúc động rớt nước mắt khi có những người đồng đội cũ tìm tới ông mà thân thể gầy còm, gẻ lở đầy mình do ảnh hưởng của chất độc Da cam. Đa số người tìm tới ông không biết gì về các chính sách đối với nạn nhân chất độc Da cam, hoặc biết nhưng rất mơ hồ nên ông lại tận tình giảng giải. Từ nhiều năm nay, ông Táo vẫn làm một công việc rất ý nghĩa là tìm hiểu về chế độ chính sách của Nhà nước đối với các thương binh, liệt sĩ và nạn nhân chất độc Da cam trên sách báo, nên mọi thủ tục ông đều nắm rất rõ. Ông vẫn hàng ngày nghe ngóng tin

túc trên báo chí, chỉ mong biết được hoàn cảnh của những cựu chiến binh ra-đa năm xưa để còn tìm cách giúp đỡ. Có lần đọc được bài trên báo *Quân đội nhân dân* giới thiệu về gia đình hai vợ chồng bác Tô Hạp đều là lính ra-đa, bác Tô Hạp bị nhiễm chất độc Da cam trong chiến trường, cuộc sống hết sức khó khăn vì phải chạy chữa bệnh tật. Thế là ông năng nổ đi quyên góp, vận động những đồng đội cũ trong ban liên lạc bạn chiến đấu được 1 triệu 700 nghìn đồng, gọi là chút lòng thơm thảo của những người đồng đội cũ từng một thời cùng vào sinh ra tử.

Đại tá Nguyễn Đình Táo nghỉ hưu từ năm 1986, song tay chân và đầu óc ông chẳng chịu ngơi nghỉ lúc nào. Có thời kỳ, cùng lúc ông giữ tới 8 chức vụ khác nhau ở phường như Chủ tịch mặt trận, Trưởng ban dân vận, Phó chủ tịch Hội Cựu chiến binh, Bí thư chi bộ... Giấy khen của phường, của quận và thành phố Hà Nội được ông xếp thành tập dày trên bàn làm việc. Bà con dân phố tin tưởng nên nhiều năm liền bầu chọn ông. Chỉ có 3 năm trở lại đây vì sức khỏe không cho phép nên ông mới thôi tham gia công tác đoàn thể ở phường. Song bà con dân phố vẫn mời ông dự các cuộc họp quan trọng và tham gia góp ý kiến.

Chẳng sai nếu gọi ông là "người vắc tù và hàng tổng" song nếu có ai gọi ông như vậy là ông không thấy vui vì công việc ông đang làm giúp ích rất nhiều cho những đồng đội cũ có hoàn cảnh không may. Từ mấy năm nay ông vẫn tận tâm, tận lực làm cái công việc thầm lặng ấy. Vợ con ông thấy ông tuổi đã cao mà vẫn phải đi lại nhiều, song chẳng ai kêu ca phàn nàn mà đều hết lòng ủng hộ. Tiền bạc thủ trưởng Táo chẳng có nhiều, có giúp đỡ, ủng hộ cũng chỉ là một vài trăm nghìn đồng, song cái tình của ông thì không biết bao mà kể.

MỸ HẠNH

VINH "CÒNG" DA CAM/DIOXIN

Anh đã trải qua một quãng đường chiến tranh Xiêng Khoảng - Buôn Ma Thuột. Anh đã sống trong mưa bom, bão đạn, trong rừng cây trụi lá vì nhiễm chất độc Da cam/dioxin. Anh là Lê Quang Vinh, nhưng vinh quang chỉ đến với anh trong niềm vui giải phóng quê hương, thống nhất đất nước, còn sau đấy, hạnh phúc gia đình đồng nghĩa với nỗi khắc khoải hy vọng mong manh dành cho những đứa con. Hậu quả chiến tranh, sự tàn ác, man rợ của đế quốc Mỹ chỉ nhìn cận cảnh từ gia đình anh thôi, cũng đã đủ để phán xét - chắc có gì phải lập tòa?

"Sắc màu" Da cam/dioxin.

Tôi tìm về thôn An Phúc, xã An Khang, huyện Yên Sơn (Tuyên Quang), khi chiều đang tà. Chị Trần Thị Tuyết (sinh năm 1952) - vợ anh Lê Quang Vinh như một cái bóng, lặng lẽ đón tôi. "Cháu nó bỏ đi rồi! Đi đúng ngày khai giảng năm học mới 5 tháng 9". Tôi thấp hương cho cháu, mắt nhoè lệ nhưng vẫn thấy sáng rõ gương mặt thiên thần. Lê Quang Vinh nửa người phía trên luôn luôn song song với mặt đất, chấp tay vái tạ làm tôi suýt nấc lên. Lê Thị Vụ, sinh năm 1990 là con út của anh chị Vinh - Tuyết. "Khi sinh ra, cột sống của cháu đã bị vẹo, chân tay nhỏ, ngắn, còng queo, co quắp. Cháu lớn lên giữa một cái sầm ô tô căng hơi, lú lú, tươi tắn suốt ngày. Năm 2001, cháu đã được đón lên Trung tâm Phục hồi chức năng Hương Sen ở thị xã điều trị hơn 1 năm. Ngày 4 tháng 9, cháu kêu đau bụng, khó thở. Sở trán cháu thấy hâm hấp sốt. Đến 14 giờ, vợ chồng tôi cho cháu lên bệnh viện huyện Yên Sơn. Trưa hôm sau (5-9) bệnh viện huyện chuyển cháu lên bệnh viện đa khoa tỉnh. Vừa vào được đến phòng hồi sức cấp cứu thì cháu mất. Lúc đó là 13 giờ 30... Cả nước, trẻ em đang vui ngày khai giảng năm học mới...", Vinh "còng" rừ rừ kể...

Lê Quang Vinh (sinh năm 1952) nhập ngũ tháng 5 năm 1971 ở Tiểu đoàn Bình Ca 5. Sau đó, anh được bổ sung vào Đại đội 5, Tiểu đoàn 11 thuộc Sư đoàn 316 làm lính cối 120mm. Tháng 10 năm 1971, đơn vị vượt Nậm Cắn (Nghệ An) sang chiến đấu ở Xiêng Khoảng (Lào). Tháng 3 năm 1973, đơn vị về nước và hành quân vào Tây Nguyên, chuẩn bị cho trận đánh mở màn Xuân 1975, giải phóng Buôn Ma Thuột. Anh đã nhiều lần bị thương, nhưng

nặng nhất là bị bom bi vào đầu, tỷ lệ thương tật 18% và sức ép bom B.52 làm chùn cột sống, mất sức 41%. Trước khi đi bộ đội 2 tháng, anh cưới người con gái cùng tuổi, mồ côi mẹ, chuyển từ vùng lòng hồ thủy điện Thác Bà về đây. Tuy thế đến cuối năm 1976, hơn một năm sau ngày ra quân (30-6-1975), anh chị mới sinh cháu đầu Lê Văn Đoàn. Vợ chồng anh choáng váng khi thấy đôi chân con teo tóp. Chưa nghĩ nhiều đến hậu quả chiến tranh, đến những trận mưa chất độc hóa học, năm 1978 và 1981, hai cháu gái kháu khỉnh Lê Thị Na và Lê Hồng Chiêm lần lượt ra đời. Hy vọng càng sáng lên sau ngày 13 tháng 9 năm 1983, anh chị sinh cậu con trai Lê Văn Độ. Tuy chẳng khỏe, khoán gì nhưng không có dị tật ngoại hình, đến nay cháu cũng đã tốt nghiệp trung học phổ thông (năm 2003), nhưng không đủ tiêu chuẩn sức khỏe như chị Na, chị Chiêm (cũng tốt nghiệp trung học phổ thông) để đi làm đỡ dần cha mẹ. Cùng với cái lưng càng ngày càng gập xuống, Lê Quang Vinh thực sự "tuột dốc" tinh thần sau năm 1987 sinh cháu Lê Văn Đô và năm 1990 sinh cháu Lê Thị Vụ. Đô hơn Vụ ở cột sống không bị vẹo và năm 1997, khi Trung tâm Hương Sen xây dựng xong, cháu được đón vào đây nuôi dưỡng, điều trị phục hồi chức năng, đến năm 2002 mới về lại gia đình. Ngay đợt đầu tiên xét hưởng trợ cấp của tỉnh dành cho những người bị ảnh hưởng chất độc Da cam/dioxin, ba cháu Đoàn, Đô, Vụ đã được hưởng mức cao nhất 144.000 đồng/người/tháng. Nhà 6 đứa con, 3 đứa phải dùng xe lăn, nhưng nay thì... lại thừa ra một chiếc. Ở khuất nẻo tút hút bên triền sông Lô, nhưng ai cũng biết đến gia đình khốn khó, nhưng đầy cố gắng, nhiều nghị lực này. Hỏi bất cứ ai về gia đình Vinh "còng" cũng được chỉ về tận tình.

Lưng còng, nghị lực không còng.

"Tôi phải cảm ơn vợ tôi, cảm ơn các con tôi, bao nhiêu khổ đau, cơ cực từ hậu quả chiến tranh, chẳng ai ca thán, phàn nàn" - Vinh "còng" nói. Tôi biết, ngoài việc chăm lo cho các con tật nguyền, vợ chồng anh còn phải chăm sóc cụ Lê Trung Tấn (sinh năm 1910), cán bộ tham gia kháng chiến từ trước ngày Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, bị lừa hơn chục năm trước khi mất năm 1999. Dân làng An Phúc nói với nhau rằng do vợ chồng Vinh "còng" dám ốm. Ốm thế nào được với 8 sào ruộng, 5 sào đất bãi ngoài đê, nửa hécta rừng. Vinh "còng" khỏe, thường thì nhà làm đủ thóc ăn, có thiếu cũng chẳng thiếu nhiều. Từ ngày lưng còng, anh tích cực đầu tư chăn nuôi, mỗi năm ít cũng xuất chuồng 4 tấn lợn thịt. Nhà còn nuôi 2 con trâu và mới được vay vốn không lãi suất bằng 2 con bò, trị giá 5 triệu đồng. Vợ chồng anh đang thu hoạch mỡ và bồ đề ở 0,5 hécta rừng, chuẩn bị làm đất trồng keo nguyên liệu giấy. Cháu gái lớn Lê Thị Na, học hết lớp 5 phải ở nhà đỡ dần cha mẹ, làm anh chị xót xa, thương con mãi. Bù lại, dù khó khăn, Lê Hồng Chiêm và Lê Văn Độ cũng đã tốt nghiệp trung học phổ thông, riêng cháu

Chiêm đã được nhận vào làm hợp đồng ở Trại chăn nuôi bò sữa An Khang. Cháu muốn gắn bó với nghề này và hy vọng sẽ được đi học một lớp đại học hoặc trung cấp chăn nuôi thú y gì đó. Còn Lê Văn Đô, dù suốt ngày phải dính vào cái xe lăn, tay teo và co quắp, nhưng cũng gắng học chữ do anh chị dạy. Đô phở: "Cháu đã đánh vần được rồi. Giá viết được thì cháu sẽ học nhanh hơn. Cháu muốn học để hiểu và yêu hơn đất nước, con người Việt Nam mà cháu mới chỉ biết và thấy qua cái tivi đen trắng be bé nhà cháu. Cháu cũng đã thấy nhiều người là nạn nhân chất độc Da cam như cháu. Cháu thương họ lắm. Thương cả cha mẹ những người đó như thương yêu bố mẹ cháu...".

Tôi hỏi Vinh "còng" về chế độ, chính sách đối với anh hiện nay, anh nói như ái ngại lắm: "Tôi vẫn được chiếu cố hưởng trợ cấp như bệnh binh, quân nhân bị bệnh nghề nghiệp. Mỗi tháng vẫn lĩnh 165.000 đồng". Tôi thắc mắc về chữ "chiếu cố", anh lật đật lên cầu thang, lúi trong hòm ở cái lán tranh xuống một quyển vở học sinh và một ít tờ giấy rời. Thấy cái cách anh xuống cầu thang không tay vịn, đầu đưa về phía trước, tôi hết hồn: "Đi nhanh nha thôi, cẩn thận vào". Vinh "còng" kể, anh em đồng đội giục già mãi đến năm 1980, anh mới nộp hồ sơ xin hưởng trợ cấp. Ngày 28 tháng 12 năm 1980, anh được Ty Thương binh và Xã hội cho hưởng trợ cấp bệnh binh hạng 2/3. Năm 1982 khám và giám định lại, anh vẫn được hưởng nguyên chế độ ấy. 18 năm sau, những tưởng thương tật và bệnh tật tăng lên thì nhận được công văn số 446/CV-LĐTBXH và Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Tuyên Quang do bà giám đốc Hà Thị Huyền ký (ngày 31 tháng 7 năm 2000) ghi rõ: "Chuyển chế độ trợ cấp quân nhân bị bệnh nghề nghiệp. Song xét về điều kiện sức khỏe và hoàn cảnh gia đình khó khăn, Sở Lao động Thương binh và Xã hội đã vận dụng cho ông tiếp tục hưởng trợ cấp hàng tháng đối với quân nhân bị bệnh nghề nghiệp". Thế cũng là được ưu ái rồi anh ạ. Mình còn sức, còn lao động được mà" - Vinh "còng" cười, nụ cười hàm chứa cả sự biết ơn.

Sống giữa lòng nhân ái.

"Làm trai, khi đất nước có giặc, ai lại từ nan. Tôi không ân hận, nuôi tiếc gì, chỉ thương bao đồng đội vĩnh viễn nằm lại chiến trường. Và rơi vào cảnh này, tôi càng cảm thông sâu sắc với những người như mình, những thương binh, bệnh binh...". Khi được hỏi có khó khăn gì không, có đề nghị giúp đỡ gì không, Vinh "còng" lại trả lời tôi như thế. Chị Trần Thị Tuyết nói với chồng: "Bác ấy là nhà báo, anh nhờ bác ấy viết lên báo: Vợ chồng mình cảm ơn tất cả mọi người, biết ơn mọi sự giúp đỡ của bà con làng An Phúc, của đồng đội, của các cơ quan, đơn vị, của các cá nhân trong Nam ngoài Bắc, trong nước và nước ngoài...". Vinh "còng" đưa quyển vở học trò và những tờ giấy anh ghi

chỉ chút những tên người, những địa chỉ giúp đỡ, cứu mang gia đình anh. Ba cái xe lăn có tên của Tổng cục Bưu chính Viễn thông, Tổng cục 2 (Bộ Quốc phòng) và một Việt kiều ở Mỹ. Tôi đọc được những dòng tên cá nhân từ Hà Nội, Phú Thọ, Tuyên Quang, thành phố Hồ Chí Minh, những đơn vị quân đội, hội cựu chiến binh... Vinh "còng" nói: "Nhà này tôi xây lên chủ yếu bằng tấm lòng tình nghĩa của mọi người. Trong số bao đồng đội cùng đơn vị trước đây, tôi rất cảm ơn kiến trúc sư Trương Phồn đã cho xi măng và thiết kế nhà cho tôi. Khởi công xây dựng từ tháng 8 năm 2003, đến tháng 1 năm 2004 xây xong, hết 3 vạn gạch dấy. Kể ra, vợ chồng tôi cũng gom góp được một phần, nhưng không có sự giúp đỡ thì không bao giờ tôi xây được nhà...". Tôi biết lắm chứ, anh có ý định tự làm biển "Nhà tình nghĩa" để gắn lên nhưng chưa có điều kiện. Cửa di, cửa sổ, lan can cầu thang đều chưa có nhưng Vinh "còng" bảo: "Nhà có gì đáng giá đâu mà cần cửa". Ấy là nói đùa chứ sức mấy mà tự lo nổi cửa. Đồ dùng đáng giá nhất trong nhà anh lúc này có lẽ là cái tivi đen trắng 14inch và bộ bàn ghế anh đang ngồi tiếp chúng tôi. Lúc tiễn tôi về, Vinh "còng" cứ luôn mồm "cảm ơn" và chỉ ra vườn khoe 10 cây nhãn, 5 cây xoài Văn phòng Tỉnh ủy cho giống, trồng đã có quả, "sai và ngon lắm". Bất tay anh, tôi hỏi, nếu cho anh một điều ước, anh ước gì, Vinh "còng" cười: "Tôi chỉ mong các con tôi khỏe, có việc làm".

NGUYỄN TRỌNG HÙNG

NHỮNG ĐỨA CON KHÔNG ĐƯỢC THÀNH NGƯỜI

Sau hơn 20 năm vật vã với "tử thần", với tai họa khôn lường do hậu quả chiến tranh hành hạ, Lê Văn Lốp, người con trai làng Vải, xã Hòa Tiến, huyện Hưng Hà đâu đã yên thân. Di chứng chất độc Da cam tiếp tục bòn rút cơ thể anh, bòn rút gia tài anh. Lốp chỉ còn như một cái bóng "vô hồn" lăm lăm bên người vợ tần tảo, nhẫn nhục chịu đựng. Họ nương nhờ vào nhau trong một căn nhà mái tranh đã cùn xác.

Năm năm ở chiến trường Tiên Phước, Lốp tham gia 30 trận chiến đấu. Đồng đội anh bao người mất đi một phần cơ thể, bao người hy sinh. Riêng Lốp may mắn cơ thể vẫn lành lặn.

Về quê hương, ước mơ của Lốp cũng bình dị như bao người khác. Lấy vợ sinh con, tạo lập cuộc sống gia đình. Nhưng chính anh cũng không lường trước được hậu quả chiến tranh đang chờ ở phía trước. Và cả chúng ta nữa, mấy ai biết được bước ngoặt đời anh, một tấn bi kịch của người lính thời hậu chiến.

Nguyễn Thị Dung, vợ anh Lê Văn Lốp nhớ lại rồi kể với chúng tôi về những lần chị sinh nở. Lần thứ nhất, đứa bé ra đời, một hình nhân không đầu, không chân, vuông vức, nhưng lại có mắt. Đôi mắt mở to, dờ dẫn ở ngay bờ cổ. Nhìn thấy con, chị thót người lại, rồi thét lên và ngất lịm. Chờ ngoài phòng đẻ, đột ngột nghe tiếng vợ thét to, Lốp lao vào, nhìn thấy con không ra người, đã lạnh toát, anh bàng hoàng gục xuống. Một lát sau, theo yêu cầu của bà đỡ, Lốp run rẩy gói con vào tã, lạng lẽ mang ra đồng chôn cất.

Hai năm sau, Dung lại có mang. Lần này Dung và Lốp đều hồi hộp lo lắng, sợ đứa con đầu, thương vợ chồng anh "lộn lại", "đội lốt" đứa con thứ hai. Rồi một hôm vợ anh trở dạ, chị lại thét to. Nghe tiếng vợ thét, Lốp biết ngay điều bất hạnh lại ập đến. Anh vào bên vợ, lần này vợ anh không đẻ ra đứa trẻ không đầu mà thai nhi là một búi thịt màu hồng như những giun đũa, xoắn bện quăn quại vào nhau.

Cứ thế, Nguyễn Thị Dung lần lượt sinh ra những hình hài quái dị. Lần thứ ba, chị đẻ ra một đứa trẻ nửa người, nửa giống mặt khỉ, mình mọc đầy lông. Lần thứ tư: một bọc nước lỏn nhổn những u cục. Lần thứ năm, là một cục thịt hình bầu dục đỏ ỏn... Mỗi lần vợ đẻ, là một lần Lê Văn Lốp lạng lẽ ngồi gói con vào tã, mang ra đồng.

Nguyễn Thị Dung lần sinh "quái thai" thứ chín thì người bạn đời của chị trở thành người của "thế giới khác - thế giới bóng đêm". Anh Lốp kể:

Một buổi chiều tháng sáu, trời nắng, anh đang đi bừa ngoài đồng, tự dưng thấy người nao nao và nhìn thấy chỗ nào cũng toàn là màu xanh. Mặt ruộng đang bừa, đỏ ngầu bùn đất, anh thấy nước xanh lét. Nhìn lên bầu trời đầy nắng cũng xanh lè. Con bò, trước đó là màu vàng, anh cũng thấy nó xanh xanh. Một lát sau trời đất như ngả nghiêng, Lốp như người đứng trên cái cối xay gió, quay cuồng, chao đảo và ngã lăn ra ruộng. Một biển đen mênh mông bao trùm lên anh. Từ đó bóng đen ngày càng ngự trị trong đôi mắt của Lốp. Anh không ra đồng cày ruộng được nữa. Phần thì không nhìn thấy gì, phần thì sức đã cạn kiệt. Suốt ngày chỉ quanh quẩn trong nhà và lần dò ra sân. Bệnh tật đã bòn rút sạch trơn gia tài anh. Giờ đây, nghèo nàn, giàu sang có khác gì nhau. Bởi trước mặt anh tất cả đều là bóng tối. Cuộc sống nghèo túng chỉ còn trông cậy vào người vợ tần tảo quanh năm, suốt tháng. Làm lụng vất vả, vợ anh cũng kiệt sức. Nhưng mỗi lần nhìn chồng, hai bàn tay chìa ra quờ quạng tìm đường, run rẩy dò dẫm, chị thấy lòng thất lại, chị gắng gượng làm để lấy tiền mua thuốc chạy chữa cho anh. Nhưng chị có biết đâu, mắt anh đã bị chất độc hóa học đã "phun mù" vĩnh viễn.

Anh ngổ lạng người, đau đớn, hình dung ra những đứa trẻ không đầu, không chân, mắt mọc lên từ cổ. Những búi thịt xoắn bện, những khuôn mặt nửa giống khỉ, nửa giống mặt người, v.v. Anh khóc và run rẩy như vừa qua cơn ác mộng.

Chị Dung, nỗi đau mất chín đứa con dồn nén trong lòng, làm tâm tính hoang tưởng. Nỗi đau quá lớn, chị hóa điên. Bà Phạm Thị Lư người cùng xóm với vợ chồng Dung nhân nhó kể với tôi: Khổ quá bác ạ. Cô ấy đang khỏe thế, tự dưng lại thành người tâm thần. Suốt ngày, suốt đêm tha thẩn đi dọc đường làng, vừa cười, vừa hát.

Bà Lư mặt vẫn như người mếu, nói tiếp:

- Gặp ai cô ấy cũng hỏi con tôi đâu, trả con cho tôi đi. Sao các người lại bắt con tôi. Có hôm cô ấy đứng giữa đường, nắng như đổ lửa, hai tay ấm trước ngực, ngửa mặt lên trời, cứ thế đứng ru con. Nhưng trên tay có đứa con nào đâu. Trông thương tâm lắm bác ạ.

Đau đớn xót xa, Dung thành người vô thức. Chị lang thang đi tìm con. Chị đi trong vô định, đi trong thương nhớ. Đi mãi, rồi chị cũng tới được nơi thâm sâu của tấm lòng người mẹ. Nơi ấy, những đứa con của chị đang nằm dưới đất. Nơi ấy đã vùi chín hồn máu của vợ chồng chị tạo nên.

Lốp dò dẫm ra đồng tìm vợ. Hai mắt tối như bưng, nhưng cảm giác tìm đường của người mù rất đặc biệt. Cái bãi "tha ma" đường đi ngoằn ngoèo mãi cuối làng, anh đoán vợ anh đang ở đấy, dò dẫm mãi Lốp cũng đến được nơi

đó. Khi nghe tiếng Dung khóc thút thít, anh bảo, chị khóc thương con tức là thân kinh đã nhận biết được, cơn bệnh tâm thần chắc đã bớt rồi, anh mừng. Theo tiếng khóc, Lốp dần dần đến bên vợ, lặng lẽ ngồi xuống và nói:

- Con nó ra đi là phận của nó, mình có khóc chúng cũng không về. Thôi về đi Dung.

Rồi cả hai người dìu nhau về nhà. Tình thương của chồng, của bà con làng xóm dần dần làm cơn đau của Dung dịu lại. Sự hoang tưởng, tâm thần trong gần 2 năm hành hạ chị, được mọi người thuốc men, săn sóc dần dần con bệnh cũng đã lui. Chị không hiểu cội nguồn bất hạnh của vợ chồng chị từ đâu. Nghe người ta bảo do huyết thống của chồng. Nhưng rõ ràng chín đứa con là máu thịt của chị. Chị nghĩ vậy và cho rằng "tạo hóa" nên sự đau xót của những đứa con là do chị. Rồi một đêm chị tâm sự với chồng:

- Đã chín lần sinh mà không cho anh được một đứa con thành người. Có lẽ tại em bệnh tật. Em định lo cho anh một người vợ...

- Sao?-Lốp ngạc nhiên.-Dung định lo vợ cho tôi?

- Vâng. Có người khỏe mạnh, họ sẽ sinh cho anh những đứa con khỏe mạnh.

- Anh không muốn có con nữa.

- Không, anh cần phải có con. Giờ đây tuy là bệnh tật, nhưng vợ chồng còn dựa được vào nhau. Sau này già yếu, không có con, biết nương tựa vào ai?

Dung nói tiếp, giọng chân tình:

- Con của anh cũng là con của em. Hơn nữa mẹ rất mong vợ chồng mình có con. Đáp lòng mong muốn của mẹ, em đã cố tới chín lần, mà có cho mẹ được đứa cháu nào đâu.

Lốp nghe Dung nói, nước mắt trào ra. Dang tay quàng lên vai vợ, giọng anh như nghẹn lại:

- Dung ơi, em tốt quá.

Tháng 12 năm 1995, Dung tìm được một cô gái tuổi ngót tam tuần, mập mạp, béo tốt, chưa chồng, tên là Vũ Thị Hà ở làng bên. Dung ý tứ thưa chuyện với họ tộc, với chính quyền rồi sắm mấy mâm cỗ cúng gia tiên và đón Hà về ở với Lê Văn Lốp. Tuy là đường con cái "tuyệt vọng" nhưng nghĩa cử hơn 10 năm chẵn gối bên nhau, nên khi trao anh cho người khác, Dung thấy lòng trống lạnh. Cố nén nỗi đau chia lìa, Dung tự nguyện ra đi về ở với người cháu xa tít ở bên ngoài. Cô không muốn san sẻ tình cảm của Hà mà trong tâm niệm chỉ mong sao Lốp - Hà hạnh phúc, thương yêu nhau để có một đứa con lành lặn ra đời.

Chung sống với người vợ hai được sáu tháng thì vợ Lốp mang thai. Sờ bụng vợ mềm ẩm, tròn trặn, Lốp hy vọng lời Dung nói đúng. Hà là người

khỏe mạnh, sẽ cho anh đứa con khỏe mạnh. Không biết mặt vợ, nhưng nhiều người khen Hà cũng đẹp như Dung, nên anh tin đứa con sau này của anh cũng xinh đẹp. Cứ nghĩ thế là Lốp lại thấy vui vui. Nhưng oái ăm thay, niềm vui chẳng được là bao. Một đêm Hà và anh đang ngủ, bỗng nghe có tiếng hét vang trong nhà. Cả hai choàng dậy, Hà bảo:

- Em đang nằm, tự nhiên thấy một người đàn bà vận quần áo đen, mặt mày dữ tợn, chăm chăm nhìn vào bụng em và nói: Cô đang có chứa đấy, nhưng trong bụng cô không phải là người. Rồi người ấy sấn vào ôm chầm lấy em. Hoảng quá em hét lên mà.

Nghe vợ kể, Lốp bủn rủn tay chân. Anh nghĩ hay là một sự quái gở báo hiệu? Chợt nhớ lời Tùng, người bạn thân của anh có lần bảo: Cậu chắc là bị nhiễm chất độc hồi ở chiến trường. Thằng Tuấn cùng đơn vị với cậu ở bên xã Hồng An, cũng nhiễm chất độc Da cam. Ba đứa con của nó dị dạng trông ghê sợ lắm. Chúng đau đớn kêu rên suốt ngày. Thằng Tuấn tự dưng mắt cũng mù như cậu. Đúng là chất độc đã hại các cậu rồi.

Vợ Lốp đi bệnh viện khám thai, bác sĩ khoa sản bảo, tim thai không bình thường. Vợ anh về nhà, ít lâu sau thì trở dạ. Ngồi chờ ngoài phòng đẻ, Lốp bồi hồi lo lắng. Nhớ lại những lần trước Dung đẻ con không ra người, cô kinh sợ hét lên. Lốp rùng mình cầu mong cho Hà đừng la hét như Dung trước kia. Nhưng tránh sao được hậu họa đã phục sẵn trong dòng huyết. Lốp lại bàng hoàng nghe tiếng Hà gào khóc trong nhà hộ sinh: "Trời ơi! Sao con tôi lại thế này!"

Hôm đó Lốp nằm đau đớn thao thức trắng đêm. Anh nhớ lại những năm tháng khốc liệt ở chiến trường Khu V. Đúng, ngày đó anh bị nhiễm chất độc Da cam. Lốp hình dung cảnh tượng những chiếc máy bay gầm rít, bom rơi, làng xóm tiêu điều, cây cối trụi trụi. Một lần, sau trận bom trút xuống căn cứ Tiên Phước, hai chiếc máy bay Mỹ lao tới rải thảm chất độc hóa học. Một làn khói màu Da cam bao trùm lên anh. Mắt anh cay xót, cổ rát bỏng. Người lao đao, quay cuồng. Rồi Lốp ngã vật ra, hai mắt chìm trong bóng tối... Nhưng sau những ngày điều trị, anh lại trở nên bình thường. Khi chiến tranh chấm dứt, anh trở về quê hương. Có ngờ đâu cái chất độc Da cam ấy lại hòa tan trong cơ thể để rồi âm ỉ triệt hại 10 đứa con và đôi mắt của anh.

Vũ Thị Hà, vợ hai của Lốp sau lần sinh nở không thành, chị bỏ nhà đi biệt. Dưới mái nhà tranh chỉ còn đơn lẻ một mình Lốp. Mặc dù mấy người hàng xóm tốt bụng và đứa cháu thi thoảng vẫn qua lại cơm nước giúp anh. Nhưng Lốp vẫn cảm thấy lòng cô quạnh, trống vắng. Kể với tôi về những ngày bi đát này, Lốp bảo:

- Lúc ấy, tôi chả thiết sống. Với lại mắt hết rồi, còn gì đâu mà sống hả bác!

Anh quyết định đi gặp những đứa con anh ở thế giới bên kia. Không hiểu anh lấy đâu ra gói thuốc chuột. Tối đó, Lốp vừa pha gói thuốc chuột vào cốc rượu thì Dung về. Chị ngồi xuống bên anh, gỡ tay anh ra khỏi cốc rượu, khẽ nói:

- Đừng liêu anh. Dung không để anh sống một mình đâu mà phải liêu thế.

Đột ngột Dung trở về, nhận ra tiếng Dung nói, Lốp thấy lòng ấm lên.

Anh vịn vào vợ:

- Ôi! Dung đã về đây ư. Tôi cứ tưởng Dung bỏ tôi rồi.

Dung bảo:

- Bỏ anh là để anh sống hạnh phúc bên Hà, có con với Hà. Nào ngờ, Hà cũng chung số phận như Dung vậy.

- Tất cả là do tôi - Lốp nói - Tôi bị nhiễm chất độc Dung ạ. Vậy mà Dung lại khổ vì tôi. Tôi thật không xứng đáng. Dung đừng vì tôi mà phải khổ mãi nữa. Cứ để cho tôi đi...

- Không. Nghe các anh cùng đơn vị của anh kể lại. Dung biết hết rồi. Anh bị nhiễm chất độc vì chiến tranh. Anh đã vì dân vì nước. Dung không bỏ anh đâu.

MINH CHUYÊN

HẾT CHỖ ĐỂ ĐAU

Tôi kiểm tra lại những bức ảnh mà mình đã ghi lại về những đứa trẻ trong gia đình ấy. Và, thú thật là tôi không dám nhìn lâu. Đó không phải là những con người, theo đúng cái nghĩa đầy đủ và đẹp đẽ nhất mà tạo hóa đã dành cho loài người. Những âm thanh ú ớ, những ánh nhìn man dại vô cảm, những tiếng cười như kẻ mộng du được phát ra từ 4 đứa trẻ trong ngôi nhà ấy đã ám vào tôi. Nói như ông Hồ Chí Thành, Bí thư Đảng ủy xã Trà Thọ thì: "Nhà thằng Lý không còn chỗ để đau nữa".

Những trận mưa như trút nước đầu mùa đã biến con đường rừng 40 cây số từ huyện lỵ Sơn Hà lên huyện Tây Trà (Quảng Ngãi) thành những hố hầm sâu hoắm mà chỉ có cánh xe ôm chuyên nghiệp vẫn thường "đeo" theo mấy gã sơn tràng hoặc những tay đào vàng vùng cao mới có thể giữ vững tay lái. Anh xe ôm tên Thuấn mua vui khách bằng những câu bông lơn: "Xe em là xe "liên xô", nghĩa là anh em mình phải xô (đẩy) liên tù tì thì nó mới nổ sau những lần qua suối, ướt bugi". Thấy tôi chẳng mặn mà lắm với những câu đùa ấy, Thuấn hỏi: "Chứ anh đi tìm ai mà lên tận Trà Thọ?". Tôi hỏi: "Biết nhà ông Đinh Ka Lý không?". Thuấn nhanh nhẩu: "Ông Lý có 4 đứa con xi cà queo chứ gì?". Tôi gật đầu xác nhận. Anh xe ôm ra vẻ hiểu biết: "Cả vùng Sơn Hà - Tây Trà này ai mà chẳng biết ông Lý, cả 4 đứa con đều quặt quẹo. Vợ chồng ông ấy khổ trọc đầu anh à". Nghe anh xe ôm trần tình thế, tôi tiếc rẻ là tại sao mình chỉ mang có một triệu đồng của Quý Tắm lòng vàng lên cho anh ấy.

Ativoak.

Tôi hỏi anh Lý: "Anh là dân Hrê ở Sơn Hà, sao lại trôi dạt về Trà Thọ chỉ toàn dân Cor này?". "Mình ativoak mà". Có lẽ anh Lý nghĩ rằng tôi đã hiểu cái từ lạ hoắc ấy nên chẳng giải thích gì thêm. "Anh bị làng đuổi à?". "Đâu có! Nhà nghèo quá nên mình phải ativoak thôi. Ông bố vợ lúc đầu không chịu gả con gái cho mình vì thấy nghèo quá. Nhưng cái bụng mình đã thích nó (tức vợ anh) là mình phải ưng cho được, dù phải ativoak!". Đến đó thì tôi mới hiểu ativoak là ở rể. Từ xã Trà Thọ, huyện Tây Trà, chàng trai người Hrê ấy phải qua một con sông lớn có tên sông Tang, qua ba ngọn núi cao "gần đụng ông trời", qua luôn một lớp rào cản cuối cùng là ngôn ngữ nữa, vì

vợ anh Lý là dân Cor. Thế mà tình yêu đã dắt dẫn chàng trai vạm vỡ nọ băng qua hết những chướng ngại ấy để "ưng cho được" người mình yêu. Cứ ngỡ ông trời sẽ thương tình cho lòng quyết tâm sắt đá kia, nhưng trong suốt 22 năm qua, ngôi nhà anh Lý chưa hề biết đến tiếng cười là gì. Ở đó chỉ phát ra những âm thanh ghê rợn từ những đứa con anh. Ở đó chỉ tuôn ra những tiếng thở dài từ người đàn bà 42 tuổi đã 4 lần sinh nở nhưng chưa một lần nghe con nói được tiếng người cho trọn vẹn. Ở đó, trong đêm hôm khuya khoắt từ trong một chòi canh trên cánh đồng Cà Vi, dân làng Tre đã nghe một giọng đàn thê thiết của người cha qua quá nhiều cơ cực. Tiếng đàn vơoak chỉ an ủi anh Lý chứ nào có xoa dịu được nỗi đau.

Bi kịch.

Anh Lý kéo tôi ra một phiến đá bên bờ sông Tang rồi dốc bầu tâm sự: "Tôi nghe mấy chị buôn cá chuồn dưới xuôi nói rằng tôi sinh năm 1958 là tuổi con chó. Con chó nhà tôi nó cũng ăn được củ mì nhưng mà nó sướng, tôi thì còn cực hơn con chó anh à. 16 tuổi (1974), tôi đi bộ đội, mãi đến năm 1981 thì ra lính, quân hàm trên câu vai chỉ là một miếng tiết dê (binh nhất). Tôi gặp cô Hương trong một buổi tế lễ của người Hrê, lúc ấy Hương vào Sơn Bao thăm người chị. Lúc mới lấy nhau, chúng tôi dựng một cái chòi canh bên đồng Cà Vi này. Cỏ mọc lút đầu người. Vợ chồng cuộc bầu cả năm trời mới vỡ được mấy sào ruộng lúa nước. Tôi nhớ, hồi ấy hai vợ chồng có mỗi một chiếc áo lành lặn. Khi nào có tế lễ của làng, một trong hai đứa phải ở nhà vì không có áo. Năm 1981, Hương mang bầu được vài tháng thì sảy thai. Tôi nghĩ đó chỉ là chuyện thường tình của phụ nữ vùng cao, không ngờ đó là dấu hiệu của một chuỗi khốn khổ mà vợ chồng tôi phải chịu đựng suốt mấy chục năm qua". Tôi khá bất ngờ với cách diễn đạt bằng tiếng Kinh rất trôi chảy của anh Lý. Hỏi ra mới biết, trong thời gian ở bộ đội, anh mày mò học hết lớp 9! Rút một hơi thuốc lá thật sâu, Lý chậm rãi: "Năm 1982, Hương sinh đứa thứ hai, cháu tên là Đình Thị Xa. Lúc mới sinh, Xa rất kháu khỉnh. Lên hai, cháu đã đi chơi một mình ngoài rừng. Nhưng bắt đầu tuổi thứ ba, một bữa ăn, tôi thấy tay cháu run run, gấp hoài cọng rau mà vẫn không được. Rồi cháu nói ngọng, tay chân cong queo dần, đi đứng bắt đầu khó khăn. Cháu thứ ba tên Đình Thị Reng, bệnh tình cũng giống y như chị nó. Hương bảo: "Mình cúng Giàng đi anh ơi!". Tôi đi bộ đội 7 đến 8 năm, chuyện cúng Giàng không còn thiêng nữa nhưng mà thương vợ nên chiều.

Cúng cả con heo lớn, tay chân các con không những không thẳng ra được mà càng cong queo hơn. Rồi cháu Đình Văn Riêng ra đời ba năm sau đó. Thành Riêng kháu khỉnh, bụ bẫm lắm. Nó lớn thật nhanh, vợ chồng tôi mừng ghê gớm. 8 tuổi, cháu vào lớp 1, hai năm đầu đều là học sinh tiên tiến. Đến năm lớp 3, Riêng bắt đầu nói lắp. Giờ thì nó làm thình như hòn đá này!". "Còn cháu cuối cùng thì sao?". Thấy Lý im lặng khá lâu, tôi lên tiếng.

Lý không trả lời mà đứng phắt dậy, ra hiệu bảo tôi về nhà anh. Gần đến nhà, anh chỉ về phía vợ: "Cô ấy sẽ kể về đứa con cuối cùng!".

Nuôi con chồng và con hàng xóm.

"Nếu mấy đứa con anh chị mà lành lặn, chị bây giờ đã có cháu ngoại để bông rồi, chị nhỉ?". Nghe thế, chị Hương chỉ khẽ nhếch miệng một tí, rồi buồn rười rượi: "Tôi bây giờ không những không có cháu bé mà phải bế con đây!". Đang trưa nhưng cả nhà không dọn chung mâm cơm mà cho ăn từng đứa một. Chị Hương nói rằng mấy đứa con chị hề nghe đến ăn cơm là nó chạy tứ tán như chơi trò cút bắt vậy. Tìm được đứa nọ thì đứa kia đã lẩn ra rừng nên chị phải "bắt" từng đứa. "Tôi phải bón cho chúng chút giao cho nó, chén cơm chỉ vào miệng được một nửa thôi". Anh Lý giúp vợ đi "bắt" mấy đứa con về cho đông đủ. Chẳng ngờ thằng Riêng chui vào một góc tối trong nhà. Mở cửa thì thấy tay nó đang cầm cây viết, đang miết xuống tấm phản những hình thù kỳ quái. "Cháu nó thỉnh thoảng vẫn nhớ cái chữ nhưng bây giờ, mẹ nó cũng không hiểu nó nói gì, huống chi cô giáo! Nó nghỉ học đã lâu lắm rồi". Anh Lý hỏi vợ: "Con Rai đâu?". Chị Hương nháo nhác đi tìm. Hóa ra thấy khách lạ, cô bé chui vào bụi rậm. Thấy con bé có vẻ mặt không giống với ba đứa kia, tôi đâm nghi. Chị Hương kể: "Để đến đứa thứ ba đều quặt quẹo như thế, dân làng nói ra nói vào. Để khỏi nghi kỵ nhau, tôi đồng ý cho ông ấy đi "kiếm chút". Chẳng ngờ chút "kiếm thêm" ấy, con Rai đây nè, nó cũng y như anh chị của nó. Phần tôi, tôi tự nghĩ để, phần ông ấy thì có đưa vàng ống cũng không dám "kiếm chút" nữa đâu". Anh Lý khen vợ trước mặt khách: "Mẹ con Rai nuôi nó được 2 tuổi thì cô ấy bị đau và chết rồi. Tôi quá bối rối không biết tính sao thì Hương đến nhà cô Danh - mẹ con Rai và dẫn con về, dẫn luôn đứa con của cô Danh, chẳng máu mủ gì với tôi hết". Thấy hai đứa trẻ khác cũng ở chung nhà, tôi thắc mắc. Lý nói: "Thằng cu này là con hoang, mẹ nó chết rồi; còn con bé này là cháu gọi Hương bằng dì ruột". Hóa ra cả nhà anh Lý những 7 đứa trẻ, 4 đứa là con đẻ nhưng chẳng giống người; ba đứa "giống người" thì là con... hàng xóm! Tôi hỏi chị Hương: "Khổ vậy, còn đèo bông con người ta chỉ cho cục?". Chị thở dài: "Chúng nó mồ côi cả mà, bỏ chúng ra rừng, cạp tha mất, tội trời!". Chị Hương ra sau nhà, bà hàng xóm Hồ Thị Neo, rí vào tai tôi: "Cô ấy tốt bụng nhất làng Tre này!". Buổi trưa trong thung lũng, trời quá oi. Lý cởi áo. Tôi nhìn thấy ở lưng anh nhiều vết lốm đốm. Lý giải thích: "Tôi bị bom nó liếm vào lưng năm 14 tuổi đấy. Trong chiến tranh, dọc sông Tang này, cây mì cũng không mọc nổi sau những lần máy bay rải chất độc hóa học".

Tôi hỏi Lý: "Anh có biết hàng vạn nạn nhân bị ảnh hưởng chất độc Da cam đang kiện các công ty Mỹ sản xuất ra cái thứ chết người ấy không?". Lý lắc đầu: "Dân làng Tre này bị núi lấp hết rồi. Không đài, không điện và

không rất nhiều thứ mà người khác đang có. Tôi chỉ "kiện" Nhà nước là cố gắng nâng mức phụ cấp cho các cháu dị tật như con tôi lên vài chục ngàn nữa chứ 80 ngàn/tháng như hiện nay thì chỉ đủ mua gạo, còn mặc thì phải dùng vỏ cây thôi!". Một cháu gái lại khóc thét. Chị Hương chạy vào nhà rồi lắc đầu: "Nó lại "bị" nữa rồi ông Lý à". Cách nói úp mở của chị, tôi biết cháu "bị" gì rồi. Nó đã là thiếu nữ từ 3 đến 4 năm nay mà.

Lại thêm một nỗi khổ!

TRẦN ĐĂNG

Bản sao lưu trữ

MÁI NHÀ CỐ NỖI ĐAU DA CAM

Bà mẹ tất tưởi, không lưng kéo gàu nước, giặt khăn lau mặt cho từng đứa. "Ngồi yên để mẹ tắm cho, nhanh còn ăn cơm. Khổ! Không biết đi đâu về mà người bản lùi đi thế này". Bốn đứa con dường như phớt lờ lời mẹ chúng, cúi nhau chán rồi phá lên cười một cách vô thức. "Đấy, chú thấy có khổ không? Con với cái, nuôi mãi chỉ có lớn mà không có khôn". Suốt 16 năm làm mẹ, người phụ nữ ấy chưa từng được nghe một tiếng gọi "mẹ" từ những đứa con mình dứt ruột đẻ ra.

Người mẹ ấy là chị Hồ Thị Tuân, 47 tuổi, quê ở Quỳnh Hoa, Quỳnh Lưu, Nghệ An. Hiện nay, chị đang sống trong một hoàn cảnh hết sức éo le: chồng mất, đứa con nào cũng ngẩn ngơ, mặt mày dị dạng. Thủ phạm gây nên nỗi đau này là chất dioxin, thứ chất độc mà quân đội Mỹ đã sử dụng khắp các chiến trường miền Nam Việt Nam. Cuộc đời chị là một chuỗi ngày đầy nước mắt.

Anh Vũ Văn Thương, chồng chị, rời quân ngũ khi chiến trường đã lắng mùi khói súng. Từng vào sinh ra tử nơi chiến địa Quân khu 5 ác liệt, người cựu binh này gác súng về quê với con trâu, cái cày mà không hề hay biết mình đã mang trong người một thứ chất độc chết người. Năm 1987, họ cưới nhau. Sau đó một năm, đứa con gái đầu lòng của anh chị chào đời. Những giọt nước mắt sung sướng hạnh phúc không thể giấu nỗi của người đàn bà khi được làm mẹ. "Chú không tưởng tượng được niềm vui của tôi đến mức nào đâu". Chị kể: "Từ ngày ở chiến trường về, bố nó đau ốm suốt, chạy hết trong Nam ngoài Bắc chữa bệnh. Bệnh anh ấy đỡ đi mới về ở với nhau, khi ấy tôi đã ở tuổi 31. Vì vậy mà có đứa con cứ như trong mơ. Bố nó đặt tên cho nó là Thơm - Vũ Thị Thơm. Để con ra, thấy cháu không hề khóc, cho bú thì bú, còn thì nằm ngủ suốt ngày, tưởng nó là đứa con ngoan, ai ngờ đến 6, 7 tuổi mà nó vẫn không nói không rằng, dù chỉ là nửa tiếng...". Ngồi trầm ngâm một lúc lâu, chị gạt nước mắt nghẹn ngào: "Nuôi con trông từng ngày từng tháng, lúc đó mới biết con mình dại".

Thế rồi 3 đứa con tiếp tục ra đời trong khao khát mỗi mòn rằng đứa sau sẽ không như chị nó. Nhưng ngay lúc khi sinh ra, Thảo (sinh năm 1990), Hảo (sinh năm 1992), rồi đến Tâm (sinh năm 1994) không một đứa nào lành

lặn, bình thường. "Con Thơm đẻ ra nặng không đến 2kg, thằng Hảo đầu mềm như quả bong bóng, còn Thảo thì sứt môi. Khi đó, tôi đâu có biết con mình bị nhiễm chất độc Da cam. Cứ nghĩ theo thời gian chúng nó lớn rồi sẽ khôn ra. Càng lớn chúng càng ngây ngây ngô ngô không biết làm lấy việc gì cả, thay quần áo cũng đến tay mẹ, lúc nào cũng nhăn nhó cười, nghịch với phá. Đạo trước cũng bày cho cái Thơm nấu cơm, bữa thì nó đốt khét let, bữa thì nhào nhoét, không nuốt nổi". Trong 4 đứa, thì 2 đứa sau cũng biết nói và đi lại được, đến tuổi chị cũng cho đi học như bao đứa trẻ khác. Nhưng khổ nỗi, chúng không thuộc lấy một chữ cái, lên lớp ngồi thì ngủ, thích về lúc nào thì về. Chị vẫn phải cho đi học "không chúng lại đi lang thang suốt ngày, lỡ ngã xuống ao hồ thì khổ". Nhìn con người ta lành lặn khôn ngoan, thấy con mình người không ra người mà lòng quặn thắt xót xa, càng nghĩ càng tủi thân".

Tấn bi kịch tiếp tục giáng xuống đầu người đàn bà bất hạnh này. Cuối thập kỷ 90, sức khỏe anh Thương bắt đầu yếu đi, những biểu hiện của căn bệnh ung thư bắt đầu hoành hành. "Anh ấy mất trí nhớ, đi lang thang, có khi bỏ nhà suốt mấy tuần liền, phải nhờ người ngược xuôi tìm về. Thời gian sau, bệnh nặng hơn di căn khắp người, lúc kêu đau đầu, lúc đau phổi, đau gan... Sau mỗi cơn đau vật vã, nôn thốc nôn tháo, anh lại dờ dại thêm. Người rộc đi còn lại nắm xương. Đưa đi viện nhưng một phần vì bệnh quá hiểm nghèo, một phần vì không có tiền chạy chữa, chỉ mỗi cái thẻ khám thương binh, cho nên họ trả về sau khi tiêm cho vài mũi giảm đau và ít liều thuốc bổ. Đưa về đến nhà lại đau...". Năm 2001, anh đã ra đi sau khi sức đã cùng, lực đã kiệt vì thứ chất độc tai quái ấy.

Liều xiêu, ọp ẹp trên mảnh đất trước sau đều là ruộng sũng nước, ba gian nhà của chị Tuân có thể đổ sụp xuống bất cứ lúc nào. Bên trong chẳng có vật gì đáng giá, nền nhà ẩm thấp kê mỗi chiếc giường cũ xiêu vẹo. "Có nhiều hôm mưa to ngồi trong nhà mà cứ như ngoài trời, chỗ nào cũng dột, năm mẹ con ôm nhau tránh ướt. Trông trời đừng có bão, một trận bão sợ không có nhà mà ở. Sống lúc nào cũng lo nơm nớp".

Ba năm nay, chị một mình tần tảo, lần hồi từng bữa ăn. Chị phải chạy vay vay mượn, bữa trưa lo bữa tối. "Một mình lo năm miếng ăn cực lắm chú ạ...". Khuôn mặt hốc hác khắc khổ, sạm đen đi vì sương gió lại ứa nước mắt, không nói lên lời. Gần đây chị bị đau dây thần kinh, lại còn cái bệnh thoái hóa sống lưng nó hành hạ. "Có lúc đau quặn đi, nằm bệt trên giường mấy ngày liền, không đi lại được. Anh em có mỗi ông bác lại lặn lội vào Nam làm thuê, con cái thì nào đâu có biết gì. May còn có bà con hàng xóm chạy qua chạy lại, người cho bát cơm, người mua cho viên thuốc. Thế nhưng đỡ đau là phải lê bước ra đồng, không làm thì ai làm cho". Đã có lúc chị nghĩ đến cái

chết, nhưng nghĩ tới mấy đứa con, chúng cũng có quyền được sống, cho nên chị phải cố sống, chống chèo nuôi con.

Sau ngày anh Thương mất, chị cũng mất luôn đồng lương thương binh của anh. Hiện nay, số tiền trợ cấp duy nhất cho gia đình chị Tuấn là 96 nghìn đồng/tháng của Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Hoa hỗ trợ cho hai đứa út đi học. Với quá nhiều mất mát đau thương mà chị và mấy đứa con đang phải gánh chịu, gia đình chị cần nhận được sự giúp đỡ nhiều hơn nữa. Mong sao những đứa con tận nguyên do chất độc Da cam của chị sớm được đưa vào làng trẻ em SOS. Đó là giải pháp phù hợp nhất đối với tình cảnh của gia đình chị bây giờ.

Tôi đứng lặng nhìn căn nhà trống trải. Đứa con gái lớn đi đâu từ sáng. Ba đứa em vẫn lê la ngẩn ngơ với hòn bi, mảnh nhựa mới nhặt đâu về. Chúng ngật nghẹo cười vô thức trước những giọt nước mắt lăn dài trên gò má người mẹ bất hạnh của mình.

NGUYỄN QUANG THÀNH

BỊ NHIỄM CHẤT ĐỘC DA CAM KHÔNG CAM CHỊU ĐÓI NGHÈO

Nghe tiếng gọi, anh đang lúi húi quàng dây xe đất cùng vợ, vội ngẩng lên và nói "đồng đội cũ phải không?". Đã mù gần hai chục năm do nhiễm chất độc Da cam, nhưng vượt lên khó khăn tật nguyên, vợ chồng anh đã đi lên bằng nghị lực của một người lính không cam chịu đói nghèo để nuôi bò, nuôi lợn, nuôi dê và làm trang trại. Đó là gương bệnh binh Nguyễn Quang Tứ ở xóm Xuân Trung, xã Thanh Xuân, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Theo giới thiệu của một số bạn bè chiến đấu cũ tôi tìm đến nhà anh. 4 căn nhà ngói, một sân phơi lát gạch, phía trước có vườn cây ao cá, phía sau chuồng lợn, chuồng bò, chuồng dê... cách nhà khoảng 2km là một trang trại sản xuất chăn nuôi tổng hợp. Cơ ngơi này được tạo dựng từ đôi bàn tay của người lính mù Nguyễn Quang Tứ.

Nhắc vợ đẩy chiếc xe trâu vào bóng râm, anh ra giếng rửa chân tay rồi quay vào nhà tiếp chuyện. Uống cạn bát nước chè xanh, hút thêm điếu thuốc lão, nhả khói "khà" một tiếng rõ to, anh mở đầu câu chuyện.

Đầu năm 1974, vừa học xong cấp 2, anh Tứ xung phong đi bộ đội và được điều vào Nam chiến đấu tại mặt trận Bình Trị Thiên khói lửa, thuộc Đại đội 20, Đoàn 219, Quân đoàn 2. Những năm tháng chiến tranh, anh đã sống ở những vùng rừng bị Mỹ rải chất độc hóa học như A Sầu, A Lưới của tỉnh Thừa Thiên và mặt trận phía tây Quảng Nam - Đà Nẵng. Đầu năm 1975, đơn vị anh được lệnh hành quân cấp tốc vào tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh, giải phóng Sài Gòn. Đất nước thống nhất, đơn vị tiếp tục hành quân đi làm nghĩa vụ quốc tế. Đầu năm 1980 do sức khỏe giảm sút anh được phục viên về địa phương. Cuối năm 1980, anh xây dựng gia đình với chị Trần Thị Bình quê ở xã Thanh Lâm. Anh chị có 3 người con gái và 1 người con trai. Mặc dù bị mù lòa do nhiễm chất độc Da cam và khi ấy chưa có chế độ đãi ngộ gì nhưng anh chị vẫn sống hòa thuận, vượt lên mọi khó khăn bằng nghị lực của người lính để chăn nuôi, làm ruộng nuôi sống cả gia đình và cho con ăn học.

Khi mới về quê, mắt kém nhưng anh vẫn tham gia công tác tại địa phương, đến khi bị mù hẳn anh mới xin nghỉ. Để giảm bớt gánh nặng cho vợ,

anh ở nhà chăn nuôi lợn, gà, dê. Không đọc được sách báo, nên anh rất thích nghe đài. Qua nghe đài, anh nắm thêm được nhiều kinh nghiệm để áp dụng vào sản xuất, chăn nuôi, nhờ đó mà đàn gia súc của anh đều mau lớn, mắn đẻ. Mỗi lần cho dê, vịt ăn, chỉ nghe tiếng kêu anh đoán được con trống, con mái, con lớn, con bé... Đồ dùng trong nhà anh để đúng nơi, đúng chỗ, thức ăn trong mâm để đúng quy ước, nhờ đó mà lúc làm việc và lúc ăn cơm anh đều tự làm lấy được. Những lúc rảnh rỗi, anh tranh thủ đào ao thả cá, cứ mỗi ngày đào một ít, ngày này qua ngày khác cái ao đã hoàn thành. Ngày chị đi cày ruộng, anh theo chị ra đồng cuốc bờ phát góc, đỡ được một phần cho chị. Lúc nhỏ mạ, anh nhổ xong bỏ xuống ruộng, còn chị vừa nhổ vừa bó cho anh. Những lúc kéo lúa ngoài đồng về, chị đi trước lái xe trâu, anh bước theo sau đẩy giúp chị. Anh rất chịu khó, ở nhà nấu ăn một mình, anh dùng que tre đo đi đo lại cẩn thận chu đáo để khỏi lật nồi xuống đất... Nấu cơm xong, anh mò mẫm ra vườn chặt lá cho dê, bỏ thức ăn cho cá, bú sữa cho bò... Đến nay vợ chồng anh chị có 2 con bò cày kéo, 2 con lợn sinh sản, 6 con dê, một ao cá, hàng trăm con vịt, ngàn cùng một trang trại trồng cây và sản xuất tổng hợp. Hàng năm thu nhập từ chăn nuôi, làm ruộng và làm trang trại ngoài đủ ăn cho cả gia đình, vợ chồng anh còn xây dựng được nhà cửa khang trang và sắm sửa các dụng cụ đất tiên để sử dụng.

Tiếng lành đồn xa, nhiều đồng đội cũ đã đến thăm và động viên. Mỗi khi nghe tiếng xe máy, anh đều ngẩng lên hỏi: "Đồng đội cũ phải không?".

Cảm phục trước tấm gương cần cù, chịu khó, biết vượt lên số phận để làm kinh tế bằng đôi bàn tay của mình, tôi xin phép anh viết một bài báo. Nghe xong, anh cười nói: "Tôi đã có gì đâu mà viết hử chú. Mặc dù bị mù lòa nhưng tôi vẫn còn may mắn hơn các đồng đội cũ khác, có biết bao người đã ngã xuống khi tuổi đời còn rất trẻ". Nói đến đây đôi mắt mù của anh rơi lệ...

NGUYỄN HỮU MAI

NHỮNG MẢNH ĐỜI BẤT HẠNH BỞI CHẤT ĐỘC DA CAM/DIOXIN

Mặc dù, chiến tranh đã đi qua gần tròn 30 năm, nhưng nỗi đau vẫn còn để lại "vết sẹo" không bao giờ lành. Những đứa trẻ vô tội, ngơ ngẩn ngẩn, thiếu chân thiếu tay, chẳng ra hình hài con người - ở ven đê bờ sông Cái Lớn, tỉnh Kiên Giang. Nằm cách sông Cái chưa đầy 20km là 4 huyện: Châu Thành, Gò Quao, An Biên, Vĩnh Thuận có đến hơn 10.000 người bị nhiễm chất độc Da cam/dioxin mà Mỹ đã rải xuống để hủy diệt kẻ cả màu xanh và sự sống trong chiến tranh.

Tuy hoàn cảnh sống mỗi người mỗi khác, nhưng họ có một nỗi đau chung! Đó là ngày ngày nhìn cảnh có thêm đứa trẻ dị tật phải lớn lên trong tột cùng đau khổ. Trường hợp chị Phạm Thị Mọn nhà ở ấp 8, xã Bình An là một điển hình, liên tiếp 2 đứa con: Đậu Phương Thảo sinh năm 1978, Đậu Phương Thanh sinh năm 1981, khi mới sinh ra đều khỏe mạnh nhưng chỉ một năm sau thì cả 2 đều có chung biến chứng, chân tay dần dần teo nhỏ lại và co quắp, bại liệt toàn thân trở thành dị dạng. Chồng chị Mọn, anh Đậu Văn Sỹ, vốn là một cựu quân nhân tham gia kháng chiến vừa mới mất cách nay 5 năm cũng do nhiễm chất độc Da cam/dioxin. Hiện một mình chị phải đi làm thuê để nuôi 2 con dị tật, tài sản không có gì đáng giá ngoài một mái lều xiêu vẹo.

Trường hợp vợ chồng anh Nguyễn Đức Sơn - Phạm Thị Nguyệt ở ấp Kinh Xáng, xã Vĩnh Phước cũng hết sức thương tâm. Cả 2 đều là cựu thanh niên xung phong trong thời kỳ đánh Mỹ. Sau năm 1975, anh chị cưới nhau, đứa con gái đầu của anh chị sinh năm 1977 kém may mắn phải mang dị tật từ khi còn nằm trong bụng mẹ. Sinh ra không bao lâu thì cháu mất do di chứng động kinh co giật liên miên, khi anh chị chưa kịp đặt tên cho cháu. Năm 1980, đứa con trai của anh chị là Nguyễn Đức Việt ra đời. Tuy may mắn hơn chị mình còn sống sót nhưng cũng không thoát khỏi dị tật. Mặc dù đến nay, em đã hơn 20 tuổi nhưng tay chân ngắn ngủi và khằng khiu như đứa trẻ lên 5, lên 7. Tưởng chừng những mất mát khổ đau của đôi vợ chồng thế là đủ, nhưng sau khi sinh đứa con thứ 2 chưa đầy 2 năm, chị Nguyệt đã qua đời do hậu quả của chất độc Da cam/dioxin. Sau khi chị Nguyệt qua đời, xuất phát từ ý muốn có một đứa con lành lặn, anh Sơn quyết định đi bước

nữa, nhưng đứa con thứ 3 cũng không bình thường. Lúc bấy giờ anh Nguyễn Đức Sơn mới kịp nhận ra, không chỉ có người vợ trước của anh, chị Phạm Thị Nguyệt bị nhiễm chất độc Da cam/dioxin; mà ngay trong cơ thể anh cũng đang bị chất độc Da cam/dioxin tàn phá. Bằng chứng là 3 đứa con của 2 người vợ sinh ra đều chịu chung số phận dị tật suốt đời.

Đối với hoàn cảnh vợ chồng anh chị Danh Thi - Thị Mão, người dân tộc Khơme, một gia đình nông dân bình thường cũng hết sức thương tâm. Anh chị sinh ra 3 người con thì có 2 bị nhiễm chất độc Da cam/dioxin. Ngay lúc còn nhỏ hầu như chúng đã không biết cười, biết khóc, lớn lên hoàn toàn câm điếc, tay chân dị dạng, ngay cả khi ăn uống cũng phải nhờ người khác. Gia đình anh Danh Thi, hiện là một trong những hộ nghèo nhất ở xã Định Hòa. Tuy sống ở vùng nông thôn mà anh không có nổi một mảnh đất cắm dùi, phải đi ở nhờ trên phần đất của người khác, kiếm sống qua ngày bằng nghề chài lưới. Bao nhiêu ruộng vườn nhà cửa, anh đều bán đi lấy tiền với hy vọng chữa lành bệnh cho 2 con dị tật. Chưa hết, cụ bà Nguyễn Thị Liên ở xã Vĩnh Tuy, huyện Gò Quao, tuy đã 76 tuổi nhưng vẫn phải ngày ngày đi làm thuê làm mướn để nuôi 2 cháu nội đã hơn 20 tuổi, vì chúng trông chẳng khác nào 2 đứa trẻ, hoàn toàn bại liệt, không làm chủ được bản thân, mọi sinh hoạt đều phải nhờ vào người khác. Người cha bất hạnh của 2 đứa bé, anh Lê Văn Hải cũng chính là nạn nhân của chất độc Da cam/dioxin đã mất cách đây 10 năm. Vợ anh quá đau khổ nên sinh ra nhiều bệnh tật, đã qua đời cách đây không lâu.

Những chuyện vừa kể trên, cũng chỉ góp nhặt trong hàng ngàn nỗi đau của người dân sống ven đôi bờ sông Cái Lớn, còn hậu quả của nó kéo dài bao lâu nữa, khó ai lường hết được. Theo ông Đặng Hồng Sơn, Phó giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Kiên Giang: Con số 10.000 nạn nhân nhiễm chất độc Da cam/dioxin tại đây chắc chắn sẽ không dừng lại ở đó, bởi chưa điều tra tường tận trên cơ sở khoa học, để đưa ra con số chính xác. Chỉ biết rằng, trong hàng ngàn số phận không may đó, bản thân cũng như người thân gia đình họ đều có cuộc sống vô cùng khó khăn thiếu thốn đủ mọi bề... Những năm gần đây, với sự nỗ lực của Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, Quỹ Bảo trợ nạn nhân chất độc Da cam, Ủy ban Dân số - Gia đình - Trẻ em cùng các nhà hảo tâm, các tổ chức từ thiện đã vận động trợ cấp thêm cho những nạn nhân nhiễm chất độc Da cam/dioxin, nhưng chỉ có khoảng 1/3 số gia đình có hoàn cảnh quá ngặt nghèo được hưởng, với mức quá khiêm tốn chưa thể bù đắp được nỗi đau mà họ đang phải gánh chịu.

N.T (TTX)

LÀNG UNG THƯ

Từ thị xã Tam Kỳ (Quảng Nam), đi gần 40km, vượt qua đèo dốc và những đoạn đường đất đỏ, chúng tôi mới đến được xã Tiên An (Tiên Phước, Quảng Nam), nơi gần 4.000 hộ dân đang phải sống trong cảnh phập phồng lo sợ vì căn bệnh ung thư. Con số gần 120 người chết vì bệnh ung thư đã nói lên thảm cảnh của người dân vùng này.

Một thôn có đến 22 trường hợp tử vong vì ung thư...

Thông tin ấy của Phó chủ tịch kiêm Trưởng công an xã Tiên An, Nguyễn Thanh Long, nghe lạnh cả người. Toàn thôn 3 nhỏ bé chỉ vỏn vẹn 207 hộ dân, mà đã có đến 22 trường hợp tử vong và 2 ca đang trong giai đoạn 2 đến 3 vì căn bệnh ung thư. Những người dân chân lấm tay bùn, quen việc đồng áng này không của cải, không dư dật, lo cái ăn cái mặc cho gia đình đã là chật vật, chứ nói gì đến chuyện thuốc men, chăm sóc. Chúng tôi đã đến thăm gia đình ông Phạm Trọng Đình, một gia đình có đến 4 người chết vì bệnh ung thư (ông cùng 3 đứa con: 1 trai, 2 gái). Thời kỳ ông lâm bệnh, người dân ở đây thậm chí không biết đến đó là căn bệnh gì. Là một người làm nông mấy chục năm, đang khỏe mạnh, vậy mà căn bệnh đó đã khiến ông Đình thậm chí không thể cầm nổi chiếc chổi quét nhà. Rồi ông ra đi, sau đó lần lượt những đứa con ông cũng theo bệnh cha mà ra đi khi mà tuổi đời còn rất trẻ. Trên chiếc bàn thờ nhỏ hẹp, có đến 4 di ảnh nghi ngút khói hương. Và có thể kể ra đây nhiều gia đình khác có tình cảnh tương tự: sau khi bà Phan Ngọc Châu mất do bệnh ung thư phế quản, không lâu sau đó, cô con gái của bà cũng đi theo do căn bệnh ung thư tử cung; gia đình ông Nguyễn Phước, năm 1990 ông mất, năm 2000 đến lượt con trai ông...

Người dân thôn 3 và cả cái xã Tiên An này không phải không ý thức được sự nguy hiểm của căn bệnh, nhưng có biết cũng không thể làm gì hơn. Nhiều gia đình cũng vì căn bệnh này, vừa "thoát nghèo" đã phải quay trở về cảnh túng thiếu. Nhiều người mắc bệnh, đi Đà Nẵng, Huế... dốc hết của cải trong nhà để chữa trị nhưng rồi cũng bất lực, bó tay, phó mặc cho số phận. Gia đình các ông Phan Ngọc Châu, Huỳnh Kiệt Đồng... vào tận thành phố Hồ Chí Minh chữa trị khi căn bệnh chỉ ở giai đoạn đầu, rồi cũng không thoát khỏi lưỡi hái tử thần; tiền mất, căn bệnh không thuyên giảm, của cải trong

nhà cũng lần lượt ra đi. Người mất không chỉ để lại cho người thân nỗi đau đớn về tinh thần, mà con cái của họ còn lâm vào cảnh chật vật. Bà Nguyễn Thị Miên mất đi, 4 đứa con của bà lâm vào cảnh thất học, làng xóm cũng nghèo như gia đình bà nên dù muốn, cũng không thể giúp gì được... Căn bệnh đã biến một xã núi bình yên, trở nên xáo trộn, hoang mang. Cái tên "làng ung thư" khiến người dân nghe đến càng thêm lo sợ.

Những cái chết được báo trước...

Ra khỏi những ngôi nhà nghi ngút khói hương, chúng tôi lại được dẫn đến những căn nhà của những bệnh nhân đang phải sống trong nỗi đau thể xác mà căn bệnh đang hành hạ. Bà Nguyễn Thị Lý, tuổi đã ngoài 60, bị ung thư phổi. Tuy căn bệnh mới ở giai đoạn đầu, nhưng bà dứt khoát: "Tui xin lỗi bác sĩ, tui về, tiền bạc tui làm chi có, tui chỉ quanh quẩn nuôi con heo con gà cho qua bữa. Không lẽ làm khổ con cái, trong khi tui nó chỉ làm nông để sống, đứa mô cũng 4 đến 5 đứa con, lo cho thân già nì, con tui cái ăn cũng không còn nữa chứ nói gì chuyện học!". Trong căn nhà rách nát, tuềnh toàng, gió lùa bốn phía, bà tèm trầu nhai nhồm nhem: "Con 4 đến 5 đứa, ở đứa này đứa kia buồn, thôi cứ một thân một mình, thỉnh thoảng tui nó chạy qua thăm, chăm nom, vậy là vui rồi!". Bà trần trở, căn bệnh này đã cướp đi bao láng giềng, người cùng thôn, cùng xã của bà, con số mất đã lên cả trăm người, vậy mà không thấy ai đến tìm cho ra nguyên nhân. Bà tâm sự: "Tui già rồi, đi theo ông bà cũng không sao, chứ nhiều đứa trong làng vẫn còn trẻ, con cái tui nó vẫn tuổi ăn tuổi học, vậy mà mất mẹ mất cha do căn bệnh nì. Thấy mà thương lắm! Như con Thu...".

Theo chỉ dẫn của bà Lý, chúng tôi tìm đến nhà chị Phan Thị Thu. Những người cùng làng kể, chị vốn là người nhanh nhẹn tháo vát, là trụ cột chính trong gia đình hai vợ chồng và 3 đứa con. Vậy mà căn bệnh ung thư đã quật ngã chị. Căn bệnh làm tiêu tan tất cả của cải mà gia đình chị chất chiu dành dụm từ những vụ mùa cật lực lao động... Thân thể ốm tong teo, khuôn mặt hốc hác vì những đêm mất ngủ, chị cười buồn: "Thôi thì đến đâu hay đến đấy vậy, chỉ hy vọng là còn chút sức khỏe, sống cùng con cái lâu thêm một chút! Các bác sĩ dặn tui phải cố gắng sống lạc quan, nhưng lấy đâu ra tiền để sinh hoạt, cho con cái đi học, làm sao lạc quan nổi". Đứa con đầu của chị, em Lê Bá Hiếu vì lo cho mẹ bệnh, đã bỏ học lớp 10 để đi kiếm việc làm đỡ đần cho mẹ, nuôi 2 em tiếp tục đi học. Dù gia đình can ngăn, nhưng không thuyết phục được Hiếu bởi gia đình ngày càng trở nên khốn khó...

Cũng như chị Thu và bà Lý, chị Nữ cũng đang chịu đựng cơn đau của căn bệnh ung thư dạ dày; còn bà Trần Thị Lại từng tiễn chồng về cõi vĩnh hằng vì căn bệnh ung thư, nay phải chịu nỗi đau của căn bệnh ấy...

Nguyên nhân vì đâu?

Ở làng quê có đến 33% hộ nghèo, còn lại cũng chỉ vừa thoát nghèo, con số khá giả chỉ đếm trên đầu ngón tay. Mỗi khi đau ốm, lại dùng "sổ nghèo" (sổ chứng nhận hộ nghèo - PV) để đi khám bệnh, nhưng chỉ tiền ăn ở, tàu xe, thuốc men ngoài danh mục được cấp... cũng đủ làm những người không may mắc bệnh trong làng vốn đã nghèo, lại càng nghèo hơn. Xã đang trên đà phát triển, người dân đang cần cù làm ăn, mưu sinh để thoát nghèo, vậy mà căn bệnh quái ác không chỉ cướp đi sinh mạng của người bệnh, mà còn làm cái nghèo tiếp tục đeo bám người ở lại...

Anh Nguyễn Thanh Long, lớn lên ở làng quê này, kể lại: Vào những năm 1968 - 1969, máy bay Mỹ rải chất độc Da cam xuống vùng đất này, bằng lăng như sương cả một khoảng đồi. Cây cối xung quanh từ từ ngã trụi, cây chuối ngã đầu tiên, rồi những loại cây cối có mủ khác cũng đổ theo... Cả đồi núi cây xanh ngút trời cũng trở thành đồi trọc. Chất độc ấy làm cho 14 trẻ em trong xã trở nên dị dạng và không biết di chứng của thứ chất độc ấy còn lưu lại đến ngày hôm nay như thế nào, chỉ biết trong số 120 người chết vì căn bệnh ung thư ấy, tất cả đều sinh ra và lớn lên tại xã này.

Người dân trong xã mong muốn các nhà khoa học đến tìm hiểu về nguyên nhân và có biện pháp xử lý, để người dân không phải sống trong cảnh hoang mang, lo sợ, cho bản thân mình và người thân của mình.

Phóng sự của DIỆU HIỀN

NỤ CƯỜI CỦA NIỀM TIN CÔNG LÝ

Chúng tôi trở lại vùng Cù (Cam Lộ, Quảng Trị) sau khi tấm hình mẹ con chị Thúy và bé Kiều của nghệ sĩ nhiếp ảnh Đoàn Đức Minh được đăng trên trang nhất báo Tuổi trẻ (14-9). Nụ cười của mẹ con chị Thúy toát lên một điều gì rất lạ, dưới sức nặng khủng khiếp của nỗi đau Da cam vẫn lấp lánh những tin yêu và hy vọng.

Nỗi đau của người mẹ.

Một tháng trước, khi chúng tôi đưa anh Đoàn Đức Minh đi khắp Quảng Trị để thực hiện loạt phóng sự về những số phận của nạn nhân chất độc Da cam, vùng Cù có lẽ là nơi ấn tượng nhất. Vùng đất ấy từng là căn cứ địa cách mạng trong suốt bao nhiêu biến cố lịch sử.

Năm Giáp Thân (1884) kinh đô Huế bị thất thủ vào tay Pháp, vua Hàm Nghi được Tôn Thất Thuyết phò giá, cùng triều thần ra đất Cù này lập căn cứ Tân Sở, xuống chiếu Cần Vương. Suốt chín năm kháng Pháp rồi 20 năm đánh Mỹ, Cù là vùng chiến khu bị địch chà xát càn quét. Một thôn nhỏ như Phương An chưa đến 100 hộ dân mà có gần 30 em bị ảnh hưởng, gọi là "em" bởi hình hài mãi mãi không lớn, ngơ ngẩn dại khờ chứ trong số đó có người đã 20 đến 25 tuổi.

Nếu trên đời có hai chữ số phận, có "hồng nhan đa truân" thì quả là ông trời đã quá trớ trêu khi vận vào số phận chị Thúy. 22 tuổi, người con gái đẹp nổi tiếng vùng Cù này đã yêu một anh bộ đội quê Thanh Chương (Nghệ An) đóng quân ở gần nhà. Năm 1984 hai người làm đám cưới, dắt nhau về quê chồng. Năm 1985 đứa con đầu tiên sau bao nhiêu chờ mong khi chào đời đã mang một hình hài khác thường, đầu và bụng rất to, chân tay lại bé tí. Cháu chỉ sống cùng hai vợ chồng đúng 45 ngày rồi mất. Ba năm sau chị lại có thai và nhen lên hy vọng, nhưng gia đình chồng thì tỏ ra gẻ lạnh, sợ cô con dâu người Quảng Trị - cái xứ nghe đâu chất độc Da cam tràn ngập hồi chiến tranh - lại sinh thêm một đứa cháu tội nghiệp nữa.

Không chịu nổi ánh mắt và sự âu lo của gia đình nhà chồng, chị Thúy lặng lẽ về lại quê, bụng mang dạ chứa và rồi vượt cạn một mình. Trời thương chị, đứa con thứ hai rất sáng sủa và thông minh, khỏe mạnh: Em là

Hoàng Công Hưng, năm nay vào lớp 10. Bây giờ Hưng là tất cả niềm hy vọng cũng như nỗi yêu thương của chị. Hưng học rất giỏi, năm lớp 8 giải nhì sinh học và toán toàn huyện, năm lớp 9 giải ba cuộc thi làm toán trên máy tính bỏ túi... Và ngay từ bây giờ Hưng đã ước mơ sau này thi vào đại học quân sự.

Mười năm trước, khi nhìn Hưng thui thủi một mình, chị lại muốn Hưng có thêm đứa em để mai rồi lỡ mẹ góa con cô thì Hưng còn có anh em nương tựa vào nhau. Và bé Kiều đã ra đời nhưng không có mắt dù gương mặt rất xinh tươi. Chị Thúy kể khi mới sinh ra, thấy em như vậy mọi người nghĩ là em... chưa mở mắt, nhưng một tuần sau đó đưa em đi chụp phim ở bệnh viện tỉnh mới biết Kiều không có nhãn cầu. Chị Thúy đã chết đi sống lại ba lần trong tháng năm cũ. Cứ nghĩ sẽ có thêm niềm vui, nào ngờ...

Và một... con bò trong mơ ước.

Chị kể: "Cả vườn tiêu mỗi năm thu được 1 tạ, bán được 1,8 triệu đồng. Tất cả số tiền ấy chị cho 12 tháng đủ các khoản: gạo cho cả nhà, tiền học cho Hưng, thuốc men cho Kiều...". Khi rảnh, chị đi lấy củi về đổi lấy mắm muối, đắp đổi rồi cũng qua ngày. Bây giờ chị đang nuôi thêm một bé gái 10 tuổi gọi chị bằng dì ruột. Bé Ánh đang học lớp 4 vào buổi chiều, buổi sáng Hưng đi học thì em trông nom Kiều. Nhìn hình ảnh bé Ánh nhỏ thó gầy gò ngồi săn sóc cho người chị tật nguyền nằm bất động trên giường, chúng tôi không khỏi se lòng. Niềm vui của Kiều là được anh trai lấy ráy tai cho. Khi Hưng chăm em, gương mặt cậu học trò ấy ánh lên vẻ triu mến và dịu dàng khôn tả dành cho đứa em tội nghiệp.

Hôm nghệ sĩ nhiếp ảnh Đoàn Đức Minh vào chụp hình, anh hỏi ước mơ của hai mẹ con, Hưng bảo mơ một cái máy vi tính nhưng chị Thúy thì mơ có một con bò. Chị bảo: "Nếu có một con bò, chịu khó nuôi trong ba năm thì khi Hưng vào đại học có thể bán bò cho con đi học mà vẫn còn lại bò con. Chị chịu khó cất cỏ, chăn dắt nó thế nào cũng có chút vốn". Là chị mơ ước thế thôi. Còn anh Minh cũng hy vọng những tấm hình của anh nếu có những nhà hảo tâm mua, với số tiền bán ảnh ấy anh sẽ mua tặng chị Thúy một con bò.

Đưa cho chị tờ báo *Tuổi trẻ* có tấm hình hai mẹ con đang cười rất tươi, chị bảo: "Dù răng cũng lác quan mà sống anh ạ. Bây giờ tui noi gương... con trai tui. Thành Hưng nhà tui hoàn cảnh ra rứa (như thế - tiếng địa phương), cực khổ ra rứa, em út ra rứa mà hấn học giỏi, thương mạ, thương em nên tui cũng mừng, cũng phải gắng lên, gắng lên...".

Chúng tôi gửi cho Kiều túi quà nhỏ, chị Thúy nói: "Nhà tui buồn heo hút lắm, có ai tới thăm các cháu là vui rồi, không phải quà bánh gì". Rồi chị quay sang Kiều: "Cậu nhà báo cho con bánh đây nè, cảm ơn cậu đi". Kiều không nhìn được, không nói được, không biết ngồi, biết đi... nhưng em biết kéo cánh tay chèn dưới lưng lên đặt vào ngực, rồi áp thêm một bàn tay trái cử động được của mình lên bàn tay phải. Em áp miết hai bàn tay lên khuôn ngực gầy gò. Chị Thúy bảo: "Đấy là cách cảm ơn của Kiều đấy cậu ạ!".

LÊ ĐỨC DỤC

Bản sao lưu trữ

NỖI ĐAU DƯỚI CHÂN NÚI SAC LY

Cả 10 xã và thị trấn Sa Thầy (Kon Tum) dưới chân núi Sac Ly, Chư Mom Ray đều có nạn nhân bị nhiễm chất độc Da cam. Hơn ba thập niên sau chiến tranh, hàng trăm trẻ tật nguyền, dị dạng và hàng trăm sinh linh bé nhỏ khác đã chết trong bụng mẹ luôn là nỗi đau hiện hữu của vùng đất này. Đó là nỗi ám ảnh khủng khiếp của những người phụ nữ mỗi lần có thai, nhất là những cô gái lần đầu sắp làm mẹ...

Những mảnh đời không lối thoát.

Chỉ riêng xã Sa Nghĩa (huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum) gồm 1.800 hộ dân đã có trên 200 trường hợp trẻ con bị dị tật, dị dạng, bị bệnh thần kinh, sản phụ đẻ non, quái thai... Cán bộ địa phương giải thích đó cũng là một trong những nguyên nhân của tình trạng nghèo khó dai dẳng của vùng đất này. Cùng với các loại chất độc hóa học, bom mìn còn sót lại sau chiến tranh, sốt rét hoành hành triền miên đã biến nơi đây thành vùng đất dữ. Thiếu cơm, lạt mẩm, những đứa con tật nguyền chờ chết và đây rẫy những thân phận góa phụ, những đứa trẻ bất hạnh mồ côi. Bởi những người đàn ông mãi kiếm miếng ăn cho gia đình, bươn chải trên những sườn núi đầy bom đạn đã đi mãi không về...

Chị Phạm Thị Xuân Bốn là một trong những trường hợp như thế. Đời dân kinh tế mới của chị đã gần 30 năm. Người đàn bà mất chồng chỉ còn trông chờ vào đứa con trai nhưng khi vừa lọt lòng mẹ, cháu Phạm Hưng đã bị tật nguyền. Một hài nhi rúm ró đã mang trên gáy nó một cái bướu to bằng cái đầu. Hai tháng sau ngày sinh, chị bế cháu xuống núi, về bệnh viện tỉnh, bác sĩ phẫu thuật cắt được cái bướu, nhưng suốt 12 năm qua nó chỉ nằm một chỗ. Âm thanh quen thuộc mà người mẹ trẻ nghe được từ đứa con là tiếng nghiến răng suốt ngày như con một đực cây, lúc nó không nghiến răng là nó đói.

Nghe người ta bày gì chị làm nấy. Ban đầu là nắn bóp cho con. Ngày ngày từ rẫy về, chị già gừng hơ lửa nóng xoa khắp người con, đặt nó xuống đất rồi kéo dài chân tay cho nó thẳng. Ban đầu là hai cánh tay của Hưng thẳng dần, chị mừng lắm, khoe khắp làng. Rồi đến lượt hai cái chân Hưng

chị cũng làm thế. Đôi chân của Hưng cũng thẳng dần ra, dài ra. Thế là nó cũng lớn rồi đấy. Hình như trời cũng thương chị, thẳng bé ngày càng ít nghiêng rãng hơn, nó đã biết nhìn mẹ. Ngày mùa - chị Bốn kể - có lúc đi làm về muộn, nghe tiếng chị kêu từ ngoài sân nó đã biết khóc ré lên đòi mẹ. Chị càng khấp khởi mừng, hy vọng nó lớn thì sẽ "khôn" dần lên.

Năm Hưng lên 10 tuổi, tuy người vẫn teo tóp nhưng chân tay đã dài bày vẽ, thế là chị vác rựa lên rừng chọn hai cây lồ ô già, thẳng tắp đem về buộc chặt bên vách rồi dìu con tập đi. Buổi tối trước khi ngủ và buổi sáng trước khi lên rẫy, bên bả mấy năm trời chị cần mẫn tập cho con như thế. Ban đầu mẹ xúc nách, lê con quờ hai bàn chân trên nền đất, mãi rồi nó cũng đặt những bước chân đầu tiên của kiếp tật nguyên nhưng không tự đứng được. Có lúc đang tập, thằng bé bỗng lên cơn co giật, chân tay co quắp lại, mắt trợn ngược, méo miệng sùi nước bọt, rồi nó giãy như động kinh, cả hai mẹ con ngã nhào.

"12 năm rồi nhưng tui vẫn cố tập cho cháu, trừ những ngày mình bị ốm - kể đến đấy chị khóc - có khi ốm cả tuần cả hai mẹ con chịu đói, buổi sáng rãng nuốt vài trái bắp luộc, đến xế chiều mới dám nấu cơm để khỏi phải ăn tối. Sợ nhất là mùa mưa, mượn gạo hàng xóm hoài ngại quá, họ cũng khổ như mình, nhiều nhà cũng có con tật nguyên như mình. Có người thương bưng sang cho bát cơm tô canh, quấy quá rồi cũng qua chừng ấy năm!".

Trên rẻo đất tật nguyên.

Ông Trương Văn Hà - Chủ tịch xã Sa Nghĩa - kể: "Cách đây mấy hôm, đứa con anh Thôi vừa chết vì cái đầu nó to như cái đầu đong lúa. Thôi thì nó chết cũng đành, khỏe cho thân xác nó vì mấy năm rồi nó sống cũng như chết. Cái màng ở đây chỉ có cây mì, cây lúa, mỗi năm canh tác mấy tháng. Để kiếm cái ăn, đi làm thợ sơn tràng, đi đốt than thì bị kiếm lâm bắt, mấy năm gần đây nhiều người đi rà phế liệu, đào bới gặp đạn pháo, bom mìn, chết mất xác. Có người bị thương giờ cũng nằm một chỗ chờ chết. Là cán bộ xã tui phải ngăn, có nhiều người nói thẳng: Biết là nguy hiểm, cái chết rình rập, nhưng không làm thế thì hằng ngày lấy tiền đâu đong gạo nuôi con.

Buổi chiều hôm ấy rời Sa Nghĩa, Rơ Cơi về thị trấn huyện, chúng tôi lại chứng kiến một trường hợp đau lòng khác. Đó là hoàn cảnh ông Hà Quang Mão, thương binh 4/4. Ông kể ngày trước là bộ đội chiến trường bắc Tây Nguyên. Ông có hai đứa con vừa chết do nhiễm chất độc Da cam, cả hai cháu đều bị chứng não úng thủy và thần kinh phân liệt.

Anh Ngô Văn Thụy - Trưởng ban tuyên giáo huyện - bảo: "Đâu phải chuyện cách đây mấy chục năm. Mới đây thôi, bà con phát rẫy đã phát hiện mấy thùng phuy chứa chất độc hóa học. Có thùng còn nguyên, có thùng bị

bể, chất độc dạng bột màu trắng đục đổ ra. Đến cách 10m đã thấy cay mắt, ai cũng ho sặc sụa. Bộ đội hóa học đã lên tận nơi xây hố chôn rồi. Nếu không thì mùa mưa chất độc ấy dạt xuống suối".

Ông Hà kể thêm: "Hồi đầu năm, có nhà bị mất mấy con trâu, cả làng kéo lên núi tìm thì thấy xác trâu bên con suối cạn. Thấy lạ, người ta ngược suối chừng 500m thì phát hiện có hai thùng phuy chất độc hóa học, làng phải huy động thanh niên lên đào hố chôn".

Chỉ một thôi đường là từ Sa Nghĩa hoặc Rơ Cơi có thể leo lên đến sườn núi Sac Ly. Hơn 30 năm trôi qua, kể từ khi Mỹ rải chất độc hóa học, đến giờ những sườn núi ấy chỉ có cỏ tranh mọc lên còi cọc. Mùa khô, những sườn núi cỏ tranh bốc cháy, bom mìn nổ như những "thông điệp" cảnh báo hiểm nguy chết chóc. Cũng như những mảnh đời bất hạnh dưới chân núi, Sac Ly cho đến ngày nay vẫn còn cảnh đạn xối, bom cày, trơ lại trên những sườn núi là những hố bom khoét sâu trong lòng đất đỏ như màu máu...

BẢO TRUNG - MINH LUẬN

VẬT VÃ THUNG LŨNG DA CAM

Thung lũng Da cam - như cách gọi của nhiều người dân Quảng Trị - là các xã vùng trung du huyện Cam Lộ, đặc biệt là vùng Cù - xã Cam Chính, nơi có nồng độ dioxin do quân đội Mỹ rải xuống thời chiến tranh còn tồn dư trên cơ thể sống con người, đất đai, nguồn nước cao hơn từ 14 - 20 lần so với chỉ số đo DPT (đơn vị quốc tế đo nồng độ dioxin trong 1ml mẫu vật).

Người khóc nuôi người cười!

Khoảng 13.160 nạn nhân chất độc Da cam hiện nay ở Quảng Trị là nỗi đau chung của toàn tỉnh. Đến với từng mái nhà xác xơ, đã gần 30 năm chưa một ngày bình yên vì chất độc Da cam, khó có ai tìm được nỗi đau xót, bàng hoàng trước những số phận, mảnh đời nghiệt ngã đang vật vã trong bi kịch dioxin chưa có hồi kết...

Trước khi lên Cù - "vùng lõi" của thung lũng Da cam - chúng tôi quyết định ghé vào Cam Tuyên, Cam Thủy, bởi số người nhiễm dioxin ở hai xã "vùng đệm" này cũng lên đến con số hơn một trăm. Cam Tuyên vẫn còn nghèo, cả xã có hơn 50 người nhiễm dioxin. Con đường thôn Tân Hiệp (xã Cam Tuyên) lát đá hộc quá khó cho việc đi lại đã khiến ông cán bộ già Nguyễn Anh Đào, chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, với chiếc xe đạp lọc cọc chỉ có thể đưa chúng tôi đến thăm gia đình anh Nguyễn Văn Bông (48 tuổi), cách trung tâm xã độ 3 - 4km đường đất. Già nửa buổi sáng, vợ chồng anh Bông vẫn chưa ra đồng, dù lúa hè thu đang trong kỳ gặt rộ. Hóa ra, hai đứa con bại não do di chứng dioxin hôm nay đang lên cơn sốt co giật vì thời tiết thay đổi, hai vợ chồng đành phải bỏ bê chuyện đồng áng để tập trung lo chăm sóc thuốc thang cho con cái. Chị Gái - vợ anh Bông - cho biết, ngày thường chúng cũng lên cơn nhưng số lần "giật" thưa hơn.

Trong căn buồng ẩm thấp, tối tăm, sực mùi hôi của phân, nước tiểu, chị Gái chậm rãi kể về nỗi khổ dioxin, nước mắt hoen cả đôi má đã hóp xạm vì nhiều năm mất ngủ: Hai đứa bé bị nhiễm dioxin nằm trên chiếc giường tre ọp ẹp chốc chốc lại cười ré lên, rồi co giật, chẳng biết ngày đêm, năm tháng. May mà trời còn thương vợ chồng anh Bông, 4 đứa con lớn tuy nhiễm dioxin nhưng nhẹ hơn, chỉ bị quẹo tay, khuyết chân, vênh cổ, sau khi phục hồi

chức năng đã đỡ bớt dị tật. Trên góc tường nhà xây tạm bằng gạch có gần 20 tấm giấy khen học sinh giỏi, tiên tiến, bằng danh dự của 4 đứa con anh Bông, dán kèm theo là 2 bằng khen của Hội khuyến học và Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh Quảng Trị về thành tích gia đình hiếu học tiêu biểu. Chị Gái ao ước: "Giá như con Tài (1988), con Thuyết (1993) không bị bệnh liệt giường như ri, chừ tụi hấn chắc cũng có nhiều giấy khen dán lên tường giống như các anh chị nó".

Qua ông Đào, chúng tôi còn biết thêm nhiều trường hợp thương tâm ở Cam Tuyền bị nhiễm chất độc Da cam nặng như gia đình ông Trần Trám, có 4 đứa bị bệnh, một đứa bại não nằm một chỗ, chỉ biết cười và la hét, tay chân co quắp... Rồi hộ ông Tôn Thất Quỳnh Ngọ, có con gái lẫn cháu nội bị nhiễm dioxin rất nặng... Mỗi người một hoàn cảnh, nhưng nhìn chung, họ đều khốn đốn về kinh tế, chết mòn về tinh thần, già quắt trước tuổi vì chất độc Da cam.

Cũng như Cam Tuyền, xã Cam Thủy là một trong những địa bàn trọng điểm về nạn nhân và tần suất nhiễm chất độc Da cam tỉnh Quảng Trị. Ông Đào Xuân Duy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã cho biết, địa phương có 64 hộ nhiễm chất độc Da cam; trong đó, 20 trường hợp nhiễm rất nặng. Đứng trên gác hai trụ sở Ủy ban nhân dân xã, ông Duy khoát tay về những ngọn đồi xum xúp bạch đàn phía xa xa: - Đấy là thôn Tân Xuân, vài chục năm trước một ngọn cỏ cũng không sống nổi, 10 gia đình trẻ sinh sống tại đó hiện đang bị nhiễm chất độc Da cam, đơn cử như nhà anh Đào Xuân Thanh, có đứa con gái 13 tuổi là Đào Thị Vân bị bại não, đặt đầu nằm đó như một khối thịt... Ông Duy cho biết thêm: Cam Thủy, Cam Tuyền thời chiến tranh nằm trên hành lang hàng rào điện tử Mc. Narmara; vào các năm 1972, 1973, Mỹ rải dioxin xuống vùng này như cơm bữa; - "Nhưng đây so với Cửa chẳng ăn thua chi, dư lượng dioxin tồn tại trong cơ thể những người bệnh trên nó cao gấp 20 lần so với chuẩn quốc tế" - Ông Duy lưu ý.

Nỗi đau dioxin vùng Cửa!

Không thể tin dư lượng dioxin nhiễm trong cơ thể người cao đến vậy. Chúng tôi lặn lội lên Cam Chính tìm gặp bác sĩ Phan Tiến Dũng, trưởng phòng khám đa khoa khu vực Cửa. Vừa đi dự hội thảo quốc tế về chất độc Da cam tại Hà Nội trở về, bác sĩ Dũng đưa chúng tôi tham khảo ngay tập tài liệu điều tra tình hình nhiễm chất độc Da cam ở Cam Chính do trường Đại học Kanazawa (Nhật Bản) và Ban 1080 Bộ Y tế tiến hành từ năm 2000 đến nay. Theo đó, tại vùng Khe Râm, cứ một mẫu đất, nước, bùn, mỡ động vật ngẫu nhiên, lại phát hiện nồng độ dioxin cao gấp 14 lần so với chỉ số đo chuẩn DPT; có người nồng độ dioxin cao gấp 20 lần chuẩn DPT, như mẫu mỡ lấy từ cơ thể anh Nguyễn Văn Lý (32 tuổi) ở thôn Đốc Tĩnh đã chết vì ung

thư (năm 2001). Việc điều tra rất khách quan và khoa học, được đối chứng với xã Cẩm Phúc (huyện Cẩm Xuyên - Hà Tĩnh) - địa bàn không bị rải chất độc Da cam, chỉ có người nhiễm khi đi B ở chiến trường Quảng Trị trở về. Kết quả sơ bộ cho thấy, tần suất nhiễm dioxin ở Cam Chính cao gấp 4,6 lần so với xã Cẩm Phúc, nguy cơ tai biến thai sản cao hơn 4,75 lần (riêng so sánh với những gia đình có người đi B ở Cẩm Phúc cũng cao hơn 2,95 lần). Trong khi, tại Cẩm Phúc, tỷ lệ hóa chất do nông dân sử dụng bảo vệ đồng ruộng cao hơn Cam Chính hàng chục lần... Trong lúc chúng tôi đang lặng người trước những con số, bác sĩ Dũng còn cho biết thêm, toàn xã Cam Chính hiện có 210 người bị khuyết tật, trong đó 56 trẻ em bị bại não, thoát vị màng tủy, ung thư máu, biến đổi sắc tố da, nút đốt sống xuất phát từ di chứng nhiễm dioxin. Riêng bệnh nút đốt sống do dioxin có hơn 170 người, nhiều trường hợp cả gia đình già trẻ đều bị bệnh.

Chúng tôi theo bác sĩ Dũng đến gia đình bà Mít (56 tuổi) ở Cam Nghĩa thăm hai đứa trẻ bại não. Nhà bà có tất cả 3 người con nhiễm dioxin nặng. Đứa lớn sinh năm 1978 chết khi mới lên 4 tuổi, hai người con sau là Nguyễn Văn Lân (1982), Nguyễn Văn Trường (1988) đang ngày đêm kêu khóc, ôm nhau nằm một chỗ trên chiếc giường gỗ nhơm nhớp nước tiểu. Nhà chỉ có hai lao động chính, họ thay nhau chăm con hoặc lên núi kiếm củi để bán mua gạo. Quá nghèo túng do con cái bệnh tật, phần vì già yếu, hàng chục năm qua, gia đình bà Mít sống vất vưởng trong căn chòi lá xiêu vẹo không ngăn nổi mưa gió, vừa rồi được tỉnh xem xét giúp xây nhà tình thương.

Nỗi đau dioxin không chỉ giày vò những thể xác còm cõi và tâm hồn héo hon của những người lớn tuổi như bà Mít, ông Ngọ, anh Bông... mà cả với nhiều người bố, người mẹ mới ở tuổi 24 - 30, những đứa trẻ người chẳng giống người. Bác sĩ Dũng liệt kê cho tôi biết hơn 10 trường hợp bà mẹ trẻ ở Cửa sinh con bị quái thai, thoát vị màng tủy, ung thư máu, mù mắt như các sản phụ: Nguyễn Thị Trang (24 tuổi), Nguyễn Thị Phụng (30 tuổi), Lê Thị Hà (25 tuổi)... mặc dù thế hệ trước họ không hề có tiền sử nhiễm chất độc dioxin. Bác sĩ Dũng tỏ vẻ chua chát, ngậm ngùi: Chất độc Da cam do đế quốc Mỹ rải từ những năm 1960 - 1970 thế kỷ trước giờ đã "ngấm" sang thế hệ thứ ba, thứ tư... và chưa biết khi nào sẽ kết thúc với người dân vùng Cửa nói riêng, tỉnh Quảng Trị nói chung!

Phóng sự của NGỌC VĂN

VỚI HỌ, CHIẾN TRANH VẪN CHƯA ĐI QUA

Ai đến Tây Nguyên cũng dễ dàng nhận ra hậu quả của những chiến dịch khai quang mà quân đội Mỹ tiến hành từ hơn 30 năm trước tới nay còn thể hiện rõ trên một số núi đồi trọc trụi dọc biên giới phía tây các tỉnh Đắc Lắc, Đắc Nông, Gia Lai, Kon Tum. Lên Sa Thầy, huyện biên giới của tỉnh Kon Tum, trên đường khó tránh khỏi cảm giác rùng mình khi nhìn thấy xa xa những mỏm núi chết trắng xóa phản chiếu ánh nắng chói chang khô khốc. Đồi Sac Ly thuộc xã Sa Nghĩa huyện Sa Thầy từng được chọn làm căn cứ đóng quân của Mỹ đến nay vẫn chưa mọc nổi cỏ cây. Theo báo cáo năm 2003 của Ủy ban Bảo vệ chăm sóc trẻ em Sa Nghĩa thì xã có đến 159 trường hợp đẻ non và dị dạng quái thai, trong đó 141 trường hợp trẻ sơ sinh qua đời chỉ vài ngày sau, còn 18 trường hợp tật nguyên mà điển hình là đôi song sinh Việt - Đức dính liền nhau ở khung xương chậu, chỉ có 1 hệ thống bài tiết và 3 chân, chào đời ngày 25 tháng 2 năm 1981 trong tình trạng rất khó sống, may mắn trở thành đôi song sinh đầu tiên của Việt Nam được phẫu thuật tách rời thành công bởi bàn tay vàng của bác sĩ Trần Đông A, đến nay Việt - Đức sống ở làng Hòa Bình thuộc Bệnh viện Từ Dũ.

Khuất sâu trong một vùng đồng ruộng xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đắc Nông là căn nhà trống trếch của góa phụ Trần Thị Thủy. Vợ chồng chị đều là cựu chiến binh nhập ngũ cùng năm 1970. Anh là Vũ Đức Thành trung úy lái xe, có nhiều thời gian vận chuyển hàng dưới những cánh rừng dẫm chất Da cam trụi lá ở Tây Ninh. Anh chị sinh ra cả 6 người con đều tật nguyên, loạn trí. Ngoài 2 cháu mất sớm, các cháu còn lại được đưa đi giám định thì 3 cháu mất sức khỏe 81%, cháu gái kế út nhẹ nhất cũng bị suy giảm sức khỏe 65%. Con điên, chồng ốm (anh Thành liên tục đau đầu, ói mửa, sưng khớp rồi rũ liệt cả tứ chi suốt nhiều năm trước khi mất năm 2001), chị Thủy thế chấp hết cả nhà và vườn, nói dối ngân hàng xin vay thêm vốn chăn nuôi trồng trọt, nợ như "Chúa Chổm" để có tiền công đàn con rồi công cả chồng lang thang điều trị khắp các bệnh viện và trung tâm ung bướu trong Nam ngoài Bắc, trong khi bản thân chị vì quá cực khổ nên tuổi chưa tới năm mươi đã mất mờ chân run. Khốn cùng không kém là nhà chị Nguyễn Thị Hải ở đội 1, thôn 3, xã Ea M'ngang, huyện Cư Mgar, tỉnh Đắc Lắc. Anh

Nguyễn Huy Liên chồng chị Hải là bộ đội đóng quân năm 1970 - 1971 tại chiến trường Quảng Trị, bị thương phục viên về chài lưới đánh cá ở miền biển Hải Lý - Hải Hậu - Nam Định. Năm 1973 anh Liên lấy vợ. Chị Hải khỏe đẹp lại mẫn đảm, đưa con nào lọt lòng cũng bị bầm dập thương nhưng cứ đến tuổi đi mẫu giáo là phát bệnh tâm thần. Hoảng sợ lo chạy thầy lo thuốc khắp nơi không hiệu quả, vợ chồng chị lặng lẽ rời quê vào Đắc Lắc lập nghiệp với hy vọng đất lành mang lại may mắn, không biết chất độc đang hoành hành ngay trong cơ thể mình. Đôi vợ chồng bất hạnh này sinh tới 11 đứa con thì 1 gái bị não úng thủy chết khi mới 3 tuổi, 7 đứa bị điên, chỉ còn lại cậu con trai thứ tư và 2 đứa nhỏ sinh năm 1996, 1998 là đến nay đầu óc còn bình thường. Anh Liên đổ bệnh, xuất huyết ra miệng mũi rồi mất năm 1999. Thời gian gần đây chị Hải liên tục phải nhập viện điều trị bệnh viêm xoang mãn và viêm đa dây thần kinh, còn 2 cháu trai thứ 7 và thứ 8 là Nguyễn Huy Thủy sinh năm 1991 và Nguyễn Huy Ước, sinh năm 1994 thường xuyên bị nấm da toàn thân loang lổ. Gia đình khánh kiệt. Chị Hải gạt nước mắt kể: *Nếu cán bộ địa phương, xóm giềng không hết lòng cứu mang giúp đỡ thì cả nhà tôi chắc hết sống từ lâu!*

Nạn nhân có khả năng bị nhiễm chất độc Da cam cao niên nhất tôi đã gặp là ông Đỗ Chí Tẻo gần 80 tuổi ở thôn 1, thị trấn Ea Kar, huyện Ea Kar, tỉnh Đắc Lắc. Ông Tẻo nhập ngũ từ năm 1948, có đến 12 năm ông đóng quân gần vĩ tuyến 17, Đồng Hới, Quảng Trị, Quảng Bình. Giữa căn nhà xiêu dột nền đất lồi lõm nồng mùi thuốc bắc, ông Tẻo tự phết chữ "Tâm" vào tờ giấy trắng dán lên cây xà gỗ, ông bảo ngày ngày nghe vợ khóc con gào, ông lại nhìn lên chữ Tâm để tự khuyên mình cầm lòng chịu đựng cho hết kiếp nạn này. Ông bà có 2 người con chỉ biết gào chứ không biết nói. Nhưng trông còn đau xót hơn là hình hài vô thức của con trai anh Tuất chị Hoài ở nhà số 86/9 đường Nguyễn Viết Xuân, phường Tân Thành, thành phố Buôn Ma Thuột. Anh Đoàn Văn Tuất nguyên thượng sĩ bộ binh Trung đoàn 584, nhiều lần chuyển quân và ăn uống trong những cánh rừng chết vì chất khai quang vùng Củ Chi, Tây Ninh và Gia Lai - Kon Tum. Chị Nguyễn Thị Hoài cũng là cựu binh của Sư đoàn 333, mang thai 10 tháng mới hạ sinh. Đoàn Văn Chương lên 8 tháng vẫn nằm bất động, không biết gì, cha mẹ đưa đi các viện mới hay con bị bại não. Chương năm nay tròn 20 tuổi thân hình bé quắt, thỉnh thoảng gào rú khi bị co giật đau đớn, cười ngu ngơ khi được âu yếm và duy trì sự sống nhờ nuốt sữa. Giống Chương là 2 đứa con anh Giới ở nhà số 84 đường Lê Duẩn ở cùng phường: Nguyễn Văn Tài, sinh năm 1980 và Nguyễn Văn Thìn, sinh năm 1990, từ khi ra đời đến nay chỉ nằm bất động vô tri, chân tay không khoèo như những ống xương, ngón bàn co quắp, đốt khuỷu đỏ bầm vì chà sát mãi xuống giường chiếu. Anh Nguyễn Văn Giới

từng phục vụ trong quân đội của chế độ Sài Gòn cũ có khả năng bị nhiễm độc trong thời gian phục vụ tại phi trường quân sự Cù Hanh - Plây Cu những năm trước 1975. Khi tôi đến chị Nguyễn Thị Tâm vừa tắm rửa xong cho con. Chị bế từng thằng con xương xẩu ú ớ gầy đét đặt lên giường, cúi mặt giấu những giọt nước mắt không ngừng lăn rơi, ngậm ngùi "*Minh chỉ gắng hết sức chăm sóc con cho đến khi nào Chúa rước chúng nó đi...*".

Dường như dưới mái nhà hàng vạn nạn nhân bất hạnh của chất độc Da cam, chiến tranh vẫn chưa hề đi qua.

Ghi chép của HOÀNG THIÊN NGÀ

Bản sao lưu trữ

CHUYỆN CỦA CỘNG ĐỒNG

Hà Nội có 1.886 nạn nhân chất độc Da cam thì 822 ở Sóc Sơn. Số tiền được trợ cấp ít ỏi hàng tháng so sao được với những mất mát đờn đau của họ. Nên tặng giúp đỡ bởi vậy vẫn là cả cộng đồng, trước hết là tấm lòng của những cán bộ ở cơ sở.

Trên đường cao tốc bắc Thăng Long - Nội Bài, con đường 131 dẫn vào huyện Sóc Sơn. Thôn Y Tàng nối với xã Bắc Phú đoạn đường bê tông nông thôn và những khúc mấp mô đường đất cũ.

Trong căn nhà tuềnh toàng của bà Nguyễn Thị Tán, chỉ cái quạt 3 cánh tự chế treo ở đỉnh màn là "đáng giá". Trên bàn thờ là di ảnh của người chồng. Có tiếng ré lên từ một cô gái, thoạt nhìn rất khó đoán tuổi. Đầu tóc bù xù, quần áo rách rưới, chân không dép, cô chệch choạc bước vào, dò dẫm leo lên góc giường, chốc chốc nhìn sợ sệt. "Sau ngày giải phóng, ông Tích chồng tôi từ chiến trường miền Nam trở về - Bà Tán buồn buồn nói.- Chúng tôi có với nhau 3 mặt con, hai trai là cháu Canh và Cử, con gái út là Diên. Sinh ra đều khỏe bình thường, nhưng lên 5, lên 6 các cháu yếu oặt đi. Cử và Diên càng lớn càng dãn, thi nhau ốm. Tội lắm, thân thể các cháu méo mó, chân tay cong queo. Năm 1992, cháu út lên 10 thì ông nhà tôi mất vì ung thư phổi. Mất trụ cột gia đình, tôi hoảng loạn".

Để có cái ăn, nhiều đận bà Tán phải đi bộ lên vùng Núi Đồi, hay tận làng Phúc Thuận (Thái Nguyên) để trạo (mót) khoai, trạo sắn. Năm 2000, Cử và Diên mới được hưởng chế độ trợ cấp 48 nghìn đồng/tháng. Đã lâu nhà bà không có khách đến nên thấy người lạ là Diên sợ. "Nó chẳng làm được hai việc liền nhau. Bảo mãi mới biết rửa rau, rửa xong lại đứng nghệt ra. Bảo quét nhà, xong việc lại đứng ngây. Có lúc bực, tôi mắng cháu rồi thấy tủi thân, hai mẹ con ôm nhau khóc". Bà Tán chấm những giọt nước mắt trên khuôn mặt nhăn nhúm, khắc khổ, phải chịu quá nhiều nỗi đau.

Bắc Phú là một trong những xã nghèo nhất Sóc Sơn. Thiếu lao động, thiếu vốn và có không ít gia đình nghèo bởi con cái mang di chứng chất độc Da cam. Ông Vương Đình Hoàn có 7 người con, người con thứ 6 bị teo hai chân, các ngón tay bị khoèo, mặt méo mó, suốt ngày chỉ nằm trên giường, mọi sinh hoạt phải có người giúp đỡ. Ông Hoàn buồn rầu: "Tối ngày chạy vạy

lo tiền thuốc thang cho con cái, còn đâu thời gian làm ăn, thoát sao khỏi đói nghèo". Có gia đình đã từ chối vay tiền xóa đói giảm nghèo vì lo không trả được, ảnh hưởng đến phong trào địa phương.

Gia đình bà Nguyễn Thị Cận ở thôn Xuân Tàng, 5 người con thì một qua đời khi mới lên 4 tuổi vì bệnh bạch hầu cấp tính và gần như không có xương. Hai trong bốn con còn lại là Lợi và Song, một bị mất lồi, chân tay lèo khèo, một bị mù một mắt khi đang học dở lớp 3. Vợ chồng ông bà đưa con đi khám nhiều nơi từ ngày mọi người chưa biết gì về chất độc Da cam, đến nay vẫn không khỏi. Bố của Lợi và Song đã qua đời vì ung thư phổi khi tuổi chưa đầy 50. Năm nay Song 19 tuổi. Bà Cận kể: "Gần tháng nay, hôm nào Song cũng dậy sớm ra sân, đứng sát bờ rào. Gặng hỏi không nói mà bật khóc. Song nói trong nước mắt, giá như lành lặn, con sẽ chuẩn bị thi tốt nghiệp phổ thông và được thi đại học". Ít tiếp xúc với bạn bè, Song thêm cái âm thanh lách cách xe đạp mà mỗi sớm, lũ bạn hàng xóm í ới rủ nhau đi học. Song ao ước được học một nghề phù hợp để có việc làm giúp gia đình.

Bi kịch của một số hộ gia đình giờ đây còn là mặc cảm, lo ảnh hưởng tới hạnh phúc lâu dài của con cái khi lập gia đình, nên không muốn làm hồ sơ hưởng trợ cấp. Có vợ chồng vẫn cố sinh thêm con, hy vọng con khỏe mạnh nhờ cậy lúc tuổi già. Ông Trần Văn Yên, cán bộ Phòng Lao động Thương binh và Xã hội Sóc Sơn cho biết, Hà Nội có 1.886 nạn nhân chất độc Da cam thì 822 ở Sóc Sơn. Họ được trợ cấp hai mức, là 84.000 đồng/người/tháng và 48.000 đồng/người/tháng, tùy mức độ. Số tiền ít ỏi ấy chưa bù đắp nỗi đớn đau, mất mát, nên rất cần sự quan tâm sâu sát của chính quyền địa phương, nhất là cái tâm của các cán bộ, động viên và hướng dẫn cách lao động sản xuất cho họ. Nền tảng giúp đỡ vẫn là cả cộng đồng, để các gia đình bớt nỗi nhọc nhằn, khốn khó.

HOÀNG LÂM

NỖI LÒNG TỪ SEOUL

Thuở nhỏ, tôi thường đến nhà thờ. Tại đây, tôi gặp một người đàn ông tính tình hơi kỳ lạ. Đã hơn 30 tuổi, lại vô công rồi nghề, anh ta cứ đi lòng vòng một cách vô định. Anh ta không thể nói chuyện bình thường, miệng luôn làu bàu, không ai hiểu được anh ta nói gì. Sống cùng một người mẹ góa với ước vọng trị bệnh cho con bằng các phép màu, dưới sự thúc ép của mẹ anh ta thường xuyên đến dự lễ tại nhà thờ, không bỏ buổi nào. Một hôm, trong buổi lễ, khi không anh ta đứng bật dậy, chửi mắng om sòm rồi bị khóa tay đuổi ra ngoài. Mọi người cho biết là anh ta vừa từ Việt Nam trở về...

Những câu chuyện xảy ra vào đầu thập niên 1980 đã trôi vào dĩ vãng, hình bóng người đàn ông kỳ lạ cũng khuất xa cùng với thời gian. Nhưng cách đây vài năm, anh ta bỗng hiện lên trong ký ức của tôi.

Tôi không biết anh ta gặp phải chuyện gì ở Việt Nam. Nhưng kể từ khi tòa soạn báo Hankyoreh có cơ duyên đặc biệt với Việt Nam, tôi có thể đoán trước được lúc ở Việt Nam anh ta hẳn đã trải qua một điều gì đó. Đặc biệt, qua những lần gặp gỡ với cựu chiến binh và nghe những câu chuyện về ác mộng của họ thì hình bóng của người đàn ông kỳ lạ mà tôi từng gặp thuở thiếu thời lại hiện lên ám ảnh tôi. Tôi không biết hiện nay anh ta sống như thế nào?

Dưới chính quyền độc tài quân sự Park Chung Hee, tất cả học sinh đều được giáo dục tư tưởng "chống cộng". Điều này dữ dội đến mức chúng tôi đều tưởng tượng người cộng sản giống như những quái vật hai sừng. Những người cộng sản Việt Nam đánh nhau với chú bác chúng tôi tất nhiên cũng chẳng khác gì. Mỗi khi nghe được tin tức về việc tiêu diệt Việt cộng, ai nấy đều vỗ tay nhiệt liệt. Nhưng chúng tôi nào có biết nguyên nhân tại sao ở Việt Nam lại xảy ra chiến tranh? Tại sao Việt cộng lại căm sừng đánh trả?

Hơn 5.000 quân nhân Hàn Quốc đã bỏ mạng ở Việt Nam. Hơn gấp 10 lần số đó bị thương tật và hơn gấp 10 lần số thương tật là quân nhân bị nhiễm chất độc Da cam. Cũng có không ít trường hợp trẻ em bị di truyền. Nhưng chúng tôi ít có khi nào nghĩ tới chuyện đã có hơn gấp hàng trăm lần người Việt Nam đã chết, đã bị thương và bị nhiễm chất độc ấy. Đặc biệt, khi được biết đến chiến dịch "Góp tay xoa dịu nỗi đau Da cam" do báo *Tuổi trẻ* phát động, một lần nữa chúng tôi lại nhận thấy sự vô cảm của chính mình.

Bạn có biết Chun Du Hwan và Roh Tae Woo không? Hai người này đã từng kinh qua chức vụ tổng thống ở Hàn Quốc và cả hai đều xuất thân từ quân nhân từng tham chiến tại Việt Nam. Họ thì bước lên ngôi vị cao nhất, còn những quân nhân thấp cổ bé họng sống sót qua cuộc chiến ở Việt Nam đều bị đối xử tàn tệ. Trong thời gian hai người nắm quyền, việc đề cập đến chất độc Da cam là điều cấm kỵ trong xã hội. Mọi ngôn luận đều không thể mở miệng. Trong thời đại khủng khiếp ấy, chỉ có tờ *Hankyoreh* - tờ báo duy nhất có cái nhìn miễn cảm đến các nạn nhân nhiễm chất độc Da cam. Những bài viết về nỗi đau dai dẳng của nạn nhân và sự độc hại lạnh lùng của chất dioxin được đăng tải liên tục, người ta đã bắt đầu hiểu được cái bóng đen đeo bám của chiến tranh Việt Nam. Các tổ chức cựu chiến binh bị nhiễm chất độc Da cam đã khởi kiện một số công ty hóa chất của Mỹ. Trớ trêu thay, tòa án Hàn Quốc đã không nắm tay họ giơ lên như một võ sĩ thắng cuộc.

Hiện nay, người Việt Nam đang khởi kiện đòi các công ty hóa chất của Mỹ phải bồi thường cho các nạn nhân nhiễm chất độc Da cam. Tạp chí thời sự hằng tuần *Hankyoreh 21* do tòa soạn báo *Hankyoreh* phát hành cũng dành hẳn tám trang đăng tải về chuyên đề đặc biệt này. Khi đọc bài viết này, tôi cảm thấy vấn đề nêu lên tuy có muộn màng nhưng rất mừng vì Việt Nam cũng đã khởi kiện. Tôi tin rằng hành động này sẽ tiếp sức cho những cựu chiến binh Hàn Quốc bị nhiễm chất độc Da cam. Vấn đề chất độc Da cam không phải chỉ của riêng Hàn Quốc, Việt Nam và một số nước khác. Việc giáng cú đấm thối sên vào các công ty hóa chất Mỹ không chỉ là vấn đề thuộc không gian sinh tồn của nhân loại mà còn là ước vọng hòa bình vượt qua ranh giới quốc gia.

Bắt đầu từ tháng 10 năm 1999, *Hankyoreh 21* đã đề cập đến vấn đề thăm sát thường dân do quân đội Hàn Quốc gây ra ở Việt Nam và phát động chiến dịch quyên góp để chia sẻ phần nào nỗi đau của các nạn nhân chiến tranh. Vấn đề này đã trở thành một đề tài nóng bỏng qua hàng loạt bài báo trên tờ *Tuổi trẻ* và các hãng thông tấn nước ngoài như AP, AFP, Reuters, BBC, NHK... Trong khi đó, *Hankyoreh 21* cũng cảm thấy có một điều gì đó chưa thỏa đáng đối với các cựu chiến binh Hàn Quốc, bởi lẽ hầu hết những người trong số họ đều xuất thân từ tầng lớp cơ hàn và không phải ai cũng dính đến thăm sát. Qua những bài viết mà báo chí phản ánh, trong một chừng mực nào đó đã như một cái đinh xuyên thấu vào trái tim của một số người không làm nên tội. Do vậy mà tòa soạn chúng tôi càng phải nỗ lực hơn nữa trong việc phản ánh nỗi đau dai dẳng luôn rứt rủa họ là chất độc Da cam. Chúng tôi mong muốn sẽ xảy ra nhiều sự việc để có thể đem lại hy vọng cho những cựu chiến binh Hàn Quốc. Và vụ kiện chất độc Da cam ở Việt Nam lần này sẽ gieo mầm cho niềm hy vọng ấy.

Với nhiều người Hàn Quốc, nhớ đến Việt Nam là nhớ đến một nước duy nhất thắng Mỹ. Thông qua vụ kiện này, chúng tôi càng hy vọng Việt Nam phát huy khả năng tiềm tàng của mình một lần nữa.

Nhà báo Bae Kyung Lock vừa nhắc đến một vụ kiện. Vụ kiện đã từng có ở Hàn Quốc khi các cựu chiến binh bị nghi nhiễm chất độc Da cam yêu cầu Chính phủ Hàn Quốc và các công ty hóa chất Mỹ bồi thường thiệt hại...

Lý do nào khiến các cựu chiến binh Hàn Quốc thua kiện? Bài học kinh nghiệm nào cho vụ kiện sắp tới ở Việt Nam? Và vì sao các nạn nhân Việt Nam cần phải thắng? Một luật sư Hàn Quốc đã gửi cho Tuổi trẻ một bài viết:

Phải ghi nhận vào lịch sử một tội ác tột cùng.

Bản sao lưu trữ

PHẢI GHI NHẬN VÀO LỊCH SỬ MỘT TỘI ÁC TỐT CÙNG

Qua thông tin từ báo Hankyoreh 21, tôi đã biết đến vụ kiện đòi bồi thường thiệt hại cho các nạn nhân của chất độc Da cam (dioxin) do quân đội Mỹ sử dụng trong cuộc chiến tranh Việt Nam. Với tư cách là một luật sư Hàn Quốc - một nước có lịch sử đau buồn và xấu hổ vì đã từng gửi quân tham chiến tại Việt Nam, tôi viết bài này cầu mong những nạn nhân đang chịu nhiều thiệt thòi và đau đớn thắng kiện.

Hàn Quốc và thất bại của các cựu chiến binh.

Những cựu chiến binh Hàn Quốc bị nhiễm chất độc Da cam bắt đầu đấu tranh về mặt pháp lý từ đầu năm 1994. Tháng 3 năm 1994, Hội Chiến hữu tham chiến hải ngoại Đại Hàn (hội trưởng: Park Sea Jik) khởi kiện bảy công ty sản xuất hóa chất tại tòa án địa phương miền Đông của Mỹ đòi bồi thường thiệt hại do chất độc Da cam gây ra¹. Nhưng tòa án Mỹ đã gửi công văn buộc bên nguyên phải rút đơn vì không chấp nhận quan hệ nhân quả giữa di chứng với chất độc Da cam. Tiếp đó, ngày 1 tháng 6 năm 1998, nạn nhân chất độc Da cam cũng khởi kiện Chính phủ Hàn Quốc đòi bồi thường thiệt hại. 1.164 thành viên thuộc Hội Chiến hữu nạn nhân chất độc Da cam (hội trưởng: Lee Su Man) khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại tổng cộng 349.200.000.000 won (1 người: 300.000.000 won) tại Tòa án địa phương Seoul bởi lý do "Chính phủ Hàn Quốc đã ký Nghị định thư Gionevơ (1925) cấm sử dụng chất độc trong chiến tranh. Cho nên chính phủ cũng có trách nhiệm về những hậu quả của chất độc Da cam mà các cựu chiến binh đã phải gánh chịu". Nhưng Tòa án Seoul bác bỏ vụ kiện này với lý do: Chính phủ Hàn Quốc không có quyền quyết định sử dụng chất độc dioxin trong chiến tranh Việt Nam.

Sau những thất bại nói trên, vào tháng 5 năm 1999, theo yêu cầu của các cựu chiến binh nạn nhân chất độc Da cam, Tòa án địa phương Seoul quyết định tạm giữ quyền sáng chế độc quyền của hai công ty sản xuất hóa chất Dow Chemical và Monsanto (hai công ty tiêu biểu trong số 37 công ty Mỹ sản

1. Để chuẩn bị cho vụ kiện, ông Park Sea Jik đã qua Mỹ 15 lần và đã mang đến Mỹ một số lượng chứng cứ, tư liệu đủ chất đầy một xe tải 4 tấn (chủ thích của Ku Su Jeong).

xuất chất độc Da cam và có chi nhánh tại Hàn Quốc). Tháng 9 năm 1999, 17.200 nạn nhân chất độc Da cam Hàn Quốc lại khởi kiện hai công ty hóa chất nói trên tại Tòa án địa phương Seoul, đòi bồi thường thiệt hại với số tiền tổng cộng 50.100.000.000 won. Lệ phí chứng từ cho vụ kiện này lên tới 18.000.000.000 won (nhưng tòa án quyết định trợ giúp tố tụng, hoàn trả số tiền lệ phí). Cuối cùng, sau 32 tháng khởi kiện, phán quyết sơ thẩm vào tháng 5 năm 2002 không chấp nhận trách nhiệm của hai công ty sản xuất hóa chất của Mỹ.

Trong vụ kiện này, những vấn đề tranh cãi chính là:

- Những di chứng mà các nạn nhân phải gánh chịu liệu có liên quan đến chất độc Da cam?

- Vụ việc và nguyên nhân khởi kiện qua thời gian như vậy đã hết thời hạn truy cứu trách nhiệm hay chưa?

Căn cứ vào những lý do:

- Số quân nhân Hàn Quốc đóng tại khu vực gần biển thuộc miền Đông nên xác suất bị nhiễm chất độc rất thấp.

- Không có các báo cáo y học chứng minh cho thấy nếu bị nhiễm lượng chất dioxin ít sẽ gây ra những di chứng cho các nạn nhân.

Trên cơ sở những lý do này, tòa sơ thẩm đã phán đoán các di chứng của nạn nhân với chất độc Da cam có quan hệ nhân quả không đầy đủ và dù có chấp nhận quan hệ nhân quả đó thì cũng đã hết thời hạn truy cứu (trong vòng 10 năm).

Thắng lợi bước đầu của Việt Nam.

Những vấn đề nêu trên cũng sẽ là những nội dung tranh cãi chính trong vụ kiện của các nạn nhân Việt Nam tại tòa án Mỹ. Trước tiên, về vấn đề quan hệ nhân quả giữa di chứng của nạn nhân với chất độc Da cam, thời điểm các cựu chiến binh Hàn Quốc khởi kiện chưa có đầy đủ bằng chứng, nhưng hiện tại các báo cáo khoa học đã khá đầy đủ và có tính thuyết phục. Tuy nhiên, các công ty sản xuất hóa chất của Mỹ sẽ chủ trương chứng minh không có sự liên quan. Nhưng tác hại của dioxin đối với con người là điều không thể bác bỏ. Trong thực tế đã có tiền lệ: Tòa án hành chính Úc từng phán quyết chấp nhận có quan hệ nhân quả giữa sảy thai với tình trùng bất thường. Đó là trường hợp cựu chiến binh Úc Grahame Marshall từng tham chiến tại Việt Nam từ 13 tháng 8 năm 1969 đến 27 tháng 8 năm 1970 với tư cách là kỹ sư nhà máy điện có vợ luôn bị sảy thai do di chứng nhiễm chất độc Da cam. Còn ở Mỹ khó mà kiếm được tiền lệ tòa án chấp nhận quan hệ nhân quả giữa chất độc Da cam với tác hại của nó. Nhưng trong vụ kiện vào năm 1978 do các cựu chiến binh Mỹ từng tham chiến ở Việt Nam tiến hành,

các công ty sản xuất hóa chất của Mỹ hòa giải với phía bên nguyên bằng một số tiền khá lớn. Điều này cũng có thể hiểu đó là sự chấp nhận gián tiếp về mối quan hệ nhân quả giữa các di chứng với chất độc Da cam, vì rõ ràng nếu không có liên quan chắc chắn các công ty sản xuất hóa chất đã không hòa giải như vậy với nguyên đơn ngay trước khi tòa án tổ chức xét xử.

Về vấn đề hết thời hạn truy cứu, cũng như tại Hàn Quốc, hầu hết tòa án tại các bang của Mỹ quy định: cần phải khởi kiện trong phạm vi thời gian nhất định, tính từ ngày có thể biết hay từ ngày biết phát sinh bệnh tật do một nguyên nhân nào đó. Điều này cho thấy có thể không được chấp nhận trách nhiệm bồi thường thiệt hại mặc dù chứng minh được mối quan hệ nhân quả giữa chất độc Da cam với các di chứng của nạn nhân vì đã quá thời hạn. Cho nên, một điều quan trọng đối với vụ kiện lần này là: làm sao tạo ra dư luận ngoài tòa án để gia hạn thời hiệu truy cứu bằng lập pháp đặc biệt. Vì đã có tiền lệ tại tòa án của một số bang tại Mỹ đã từng xử lý đặc biệt: cho phép gia hạn thời hiệu truy cứu vụ án thông qua lập pháp đặc biệt trong trường hợp nếu áp dụng thời gian truy cứu một cách nghiêm túc, tức là trái với quan niệm chính nghĩa, trung thực và tình nghĩa.

Có thể nói vụ kiện của các nạn nhân chất độc Da cam của Việt Nam được một tòa án Mỹ chấp nhận giải quyết đã là một sự thắng lợi bước đầu. Song, nếu Việt Nam muốn đạt được một kết quả đúng với tâm vóc của sự kiện này, cần phải đoàn kết tất cả mọi người có lương tri trên thế giới, kể cả người Mỹ. Vì vấn đề chất độc Da cam không chỉ là vấn đề của riêng các nạn nhân, cũng không chỉ là vấn đề về khoa học, pháp lý mà còn là vấn đề mang tính chính trị, nhân đạo và sự sinh tồn của nhân loại. Tôi chắc chắn tin rằng: tất cả các cựu chiến binh Hàn Quốc từng tham chiến tại Việt Nam đều ủng hộ và hỗ trợ cho vụ kiện của các nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam lần này. Vụ kiện này phải thắng, phải thắng để ghi nhận vào lịch sử một hành động tội ác tột cùng của Mỹ đối với toàn nhân loại qua việc sử dụng chất độc Da cam.

"Bạn có biết ở Việt Nam đang diễn ra sự kiện gì không?". Những ngày này câu hỏi đó đang thay cho lời chào gặp mặt của các thành viên tổ chức "Tôi và chúng ta" - một tổ chức phi chính phủ của Hàn Quốc.

Và một văn bản do một thành viên - nhà văn Kim Hyun A viết cũng đã được phát đi, thay lời sẻ chia với những đau đớn và bất hạnh mà các nạn nhân Da cam Việt Nam đang gánh chịu. Chị Kim Hyun A đã gửi cho Tuổi trẻ bài viết đầy xúc động này.

NỖI ĐAU Ở VIỆT NAM

Ngày 20 tháng 8 vừa qua, Nawauri¹ đã có mặt tại làng Phong Nhị - một ngôi làng nhỏ thuộc huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Với sự sám hối và lòng tiếc thương vô hạn, Nawauri đã xây tại đây một đài tưởng niệm 74 nạn nhân vô tội bị binh sĩ thuộc lữ đoàn Rừng Xanh thảm sát, và ngày hôm đó cũng là ngày tổ chức lễ khánh thành. Trong buổi lễ, có một chương trình ngoài dự kiến là tổ chức lễ ký tên ủng hộ nạn nhân chất độc Da cam do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Quảng Nam phát động. Các thành viên của Tổ chức Nawauri đã cùng nhân dân địa phương hưởng ứng, tuy nhiên lúc đó chúng tôi không biết được sự kiện gì đang xảy ra ở Việt Nam. Chúng tôi chỉ cảm nhận rằng đây là một việc cần làm vì ở Việt Nam có rất nhiều nạn nhân bị chất độc Da cam hành hạ, mà thảm họa đó rõ ràng là do phía Mỹ gây ra. Do vậy, các công ty hóa chất của Mỹ phải có trách nhiệm bồi thường. Chúng tôi đã ký tên, đơn giản là vì ý thức.

Sau khi trở về Hàn Quốc, ngót một tháng sau, tạp chí thời sự hàng tuần *Hankyoreh* 21 đã ra một chuyên đề rất dài về chất độc Da cam ở Việt Nam. Qua bài viết đó, chúng tôi mới được biết đến quá trình vụ kiện các công ty hóa chất Mỹ do một số nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam thực hiện, đòi bồi thường thiệt hại và một chiến dịch "Ký tên vì công lý" do báo *Tuổi trẻ* phát động. Đây là một sự kiện nóng hổi gây dư luận trên toàn cõi Việt Nam.

Đọc bài báo này, tôi lấy làm tiếc vì ý thức của mình chưa được chuẩn bị kỹ trước một mục đích tối cao. Lẽ ra, đây là một công việc vô cùng cao quý và quan trọng. Chính giây phút này, các công ty hóa chất của Mỹ vẫn không ngừng sản xuất, hoàn thiện các loại vũ khí sát thương, vũ khí sinh học và gây ra chiến tranh tìm kiếm lợi nhuận. Đấu tranh với những tổ chức lái súng là một công việc cao cả không thể không làm nhằm thủ tiêu chiến tranh giành lại hòa bình. Song, cho đến nay chúng tôi vẫn xao lãng. Phải chăng chúng tôi đã buông xuôi bởi một suy nghĩ "lấy trứng chọi đá"?

Nay, Việt Nam bắt đầu tiến hành công việc quan trọng ấy!

Nawauri chúng tôi cho rằng cần phải có một hành động để ủng hộ, khích lệ cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam bằng một việc làm cụ thể nào đó.

1. Tổ chức *Tôi và chúng ta* (I and we) - một tổ chức phi chính phủ của Hàn Quốc.

Hàng năm, Nawa'uri luôn tổ chức một cuộc viếng thăm Việt Nam. Lần này là lần thứ tư, Trước tiên, Nawa'uri thông báo cho tất cả thành viên đã tham gia cuộc viếng thăm Việt Nam biết được sự kiện này, lấy chữ ký và ra bản tuyên bố ủng hộ. Trong khi đó, tại Seoul, cuộc trình diễn của họa sĩ Bùi Công Khánh đã tạo điều kiện cho chúng tôi tập hợp lực lượng. Họa sĩ Khánh là bạn của chúng tôi. Mỗi lần ghé thăm Hội An, chúng tôi đều được gặp anh. Lần này anh sang Hàn Quốc là để dự cuộc triển lãm quốc tế Biennial diễn ra tại thành phố Quang Ju. Trước đó, anh cũng đã dự cuộc trình diễn (performance) quốc tế tại Seoul. Để đến với buổi biểu diễn của anh, chúng tôi đã đội mưa đến gallery trước Đại học Mỹ thuật Hong Ik vào ngày chủ nhật.

Nội dung buổi biểu diễn của họa sĩ Khánh cũng là chất độc Da cam. Khai mạc buổi biểu diễn, anh mời tám khán giả lên sân khấu, trao cho mỗi người một tờ giấy và nhờ đọc to nội dung:

Em có mắt nhưng không thể ngắm nhìn

Em có miệng nhưng không thể cười nói

Em có tai nhưng không thể lắng nghe

Em có chân nhưng không thể bước

Em có đôi tay nhưng không thể ấp ôm...

Lời của khán giả hiện lên trên màn hình những nạn nhân chất độc Da cam, trong khi họa sĩ Khánh dán từng tờ đôla lên cơ thể mình. Gương mặt của anh bị những tờ đôla xâm lấn. Đôla cũng đã chiếm đoạt cả mái đầu anh. Từ những hàng ghế khán giả, mọi người bỗng đồng thanh họa theo: *Em có mắt nhưng không thể ngắm nhìn*. Bắt đầu là tiếng Hàn, tiếp đến là tiếng Nhật, Pháp, Anh, Tây Ban Nha, rồi tiếng Việt. Tất cả mọi người tuy không cùng quốc tịch, màu da nhưng cứ lặp đi lặp lại mãi những lời nói đó. Rồi Khánh dùng một con dao đâm thẳng vào bụng mình. Máu đỏ tóa ra (đĩ nhiên đây chỉ là trình diễn), nhưng một số khán giả thì mở to mắt kinh ngạc. Người ta cũng nghe thấy những tiếng khóc. Những nỗi đau của nạn nhân chất độc Da cam đã vang lên bởi nhiều thứ tiếng trên thế giới, tuôn ra dồn dập như những đợt sóng giữa không gian.

Kể từ khi cuộc trình diễn kết thúc, những thành viên trong các đoàn viếng thăm Việt Nam đã thống nhất ra bản tuyên bố và quyên góp tiền ủng hộ vụ kiện của các nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam. Đoàn giao lưu thanh niên hòa bình Hàn - Việt của Tổ chức Nawa'uri cũng thống nhất việc từng cá nhân sẽ gửi thư chia sẻ đến các nạn nhân Việt Nam. Vào mạng Internet "Ký tên vì công lý" là điều dĩ nhiên, không thể không làm.

Nawa'uri tiến hành thông tin, quảng bá bắt đầu từ những người xung quanh mình. Gặp ai cũng gửi lời chào bằng câu: "Bạn có biết ở Việt Nam

dang diễn ra sự kiện gì không?". Một số người quan tâm, tuy nhiên một số người vẫn tỏ ra vô cảm. Nhưng chúng tôi tin rằng những trái tim nhỏ bé này sẽ được chuyển đến Việt Nam. Lớp lớp những tấm lòng sẽ tạo thành một sức mạnh và cuối cùng chúng ta sẽ thắng kiện. Trong mọi việc, thường thì quá trình quan trọng hơn kết quả. Chúng tôi cho rằng quá trình chuẩn bị vụ kiện lần này chính là sự nỗ lực quý báu để chấm dứt chiến tranh, giành lại hòa bình trên trái đất này.

Nawauri chúng tôi tuyên bố ủng hộ đoàn kết với nhân dân Việt Nam đang tiến hành vụ kiện - vì - công - lý.

Công lý không biên giới. Luật lệ nào cũng không thể thoái thác trách nhiệm trước nỗi đau của con người! Và nỗi đau ấy, nỗi bất hạnh dường ấy của trẻ thơ đều được cảm nhận như nhau, dù bạn đang ở Hàn Quốc, ở Anh, ở Pháp hay ở Mỹ...

"Mỹ còn mắc nợ người dân nhiều nước mà Mỹ đã xâm lăng!". Từ New York, một người Mỹ nói vậy qua email gửi Tuổi trẻ. Bà là Marle Ratner.

LỄ PHẢI THUỘC VỀ CÁC BẠN

"Người yêu Việt Nam hơn cả người Việt Nam", "người sẵn sàng làm tất cả vì Việt Nam" - đó là những gì bạn bè thường nói về Marle Ratner, người phụ nữ 48 tuổi hiện đang là thành viên ban chấp hành của hàng loạt nhóm cánh tả ở Mỹ.

Từ New York, Marle Ratner đã gửi những dòng tâm sự chân tình tới Tuổi trẻ...

Năm 1969, 13 tuổi, lần đầu tiên tôi tham gia phong trào phản đối chiến tranh do Mỹ tiến hành tại Việt Nam. Tôi đã có cơ hội gặp gỡ và làm việc cùng nhiều cựu chiến binh Mỹ phản chiến, những người trở về từ cuộc chiến tranh Việt Nam. Họ kể cho tôi và bạn bè, với dân chúng Mỹ về những tội ác mà quân đội Mỹ đã gây ra ở đó. Khi cuộc chiến kết thúc, tôi cùng nhiều người khác sớm nhận thức việc cần thiết phải yêu cầu Chính phủ Mỹ chịu trách nhiệm bồi thường cho người dân Việt Nam. Tôi quan tâm đặc biệt tới Việt Nam bởi ngay với tư cách một công dân Mỹ, tôi thấy mình phải có bổn phận nào đó với người Việt Nam bởi đất nước tôi chưa hề thực hiện trách nhiệm của mình.

Trong những ngày tháng tuổi trẻ hoạt động trong phong trào đoàn kết vì Việt Nam, tôi đã gặp một thanh niên Việt Nam đầy nhiệt huyết. Ngô Thanh Nhân tới Mỹ học vào cuối những năm 1960 và hoạt động tích cực trong phong trào phản đối chiến tranh Mỹ tiến hành tại Việt Nam. Anh là một trong những người lãnh đạo của Hội những người Việt Nam yêu nước và làm việc chặt chẽ với anh Nguyễn Thái Bình, người mà độc giả Việt Nam chắc hẳn rất quen thuộc. Chúng tôi yêu nhau từ những ngày tháng hoạt động sôi nổi đó rồi cưới nhau. Đến nay, hai chúng tôi vẫn sát cánh bên nhau trong các phong trào cánh tả và cộng sản.

Sau chiến tranh, tôi và các bạn bè cùng chí hướng bắt tay thiết lập một mạng lưới các nhà hoạt động đoàn kết với Việt Nam. Tôi đã tới Việt Nam bốn lần từ sau năm 1975 đến năm 1991. Trong suốt hơn 30 năm qua, chúng tôi hoạt động không mệt mỏi ủng hộ việc bình thường hóa quan hệ giữa Mỹ và Việt Nam, đấu tranh phản đối cái gọi là "dự luật nhân quyền" ở Nghị viện Mỹ và nỗ lực thiết lập tình hữu nghị giữa người dân hai nước.

Mỗi lần tới Việt Nam, tôi đều thấy ám áp vì tình người và sự gắn kết giữa mọi người nơi đây. Tôi cảm nhận ở Việt Nam, mọi người quan tâm tới việc mình sống như thế nào và có thể giúp đỡ người khác ra sao quan trọng hơn là mình có bao nhiêu tiền. Ở Mỹ, phần đông chạy theo chủ nghĩa tiêu thụ, chẳng doái hoài đến việc có hàng triệu người không nhà, hàng triệu người phải làm hai ba công việc một lúc để sinh nhai. Nước Mỹ là nước phát triển duy nhất không có hệ thống chăm sóc sức khỏe toàn quốc.

Việt Nam cần phát triển một hình mẫu năng động, sáng tạo của chủ nghĩa xã hội. Mở cửa đất nước, phát triển kinh tế thị trường nhưng phải tránh những mối nguy của quan hệ thị trường: tham nhũng, khoảng cách giàu nghèo, không chăm lo dịch vụ xã hội. Nếu Việt Nam duy trì những cam kết nhằm xây dựng một xã hội bình đẳng, công bằng và được vận hành vì số đông (công nhân và nông dân) thì mới không uổng phí các cuộc cách mạng trường kỳ của các bạn.

Từ nhiều năm qua, nhiều người Việt Nam đã nói cho chúng tôi biết về hậu quả chất độc Da cam tại Việt Nam và nhắc tới trách nhiệm của Chính phủ Mỹ phải bồi thường các nạn nhân. Khi tiếp xúc với các đoàn của Hội cựu chiến binh Việt Nam sang Mỹ, họ cho chúng tôi xem những tấm ảnh ghi lại những cảnh đời bất hạnh của các nạn nhân chất độc Da cam. Chúng tôi ai ai cũng đều bàng hoàng, đau xót. Trong chuyến thăm Việt Nam lần đầu tiên của mình, tôi đã tới gặp Việt - Đức, hai anh em song sinh dính liền bởi ảnh hưởng của chất độc Da cam. Và suốt từ đó đến nay, tôi luôn để tâm theo dõi bước đường của hai em.

Tôi quen biết một vài cựu chiến binh Mỹ bị ảnh hưởng bởi chất độc Da cam, trong đó có cả anh bạn tốt bụng Leo Cawley của tôi. Rất buồn là anh ấy đã chết bởi căn bệnh ung thư liên quan tới chất Da cam. Dioxin tất nhiên là một đề tài đầy tranh cãi giữa những cựu chiến binh Mỹ. Một vài cựu chiến binh đã có những vụ kiện gây chú ý. Thế nhưng cho tới nay, ảnh hưởng của chất độc Da cam tới người Việt Nam không hề được đề cập thường xuyên.

Vậy nên tôi và các bạn đã quyết định phát động một chiến dịch để thức tỉnh nhân dân Mỹ về vấn đề này, lấy tên là "Chiến dịch cứu trợ và trách nhiệm đối với nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam". Đề nghị về chiến dịch đã được thông qua tại đại hội của Tổ chức Các cựu chiến binh vì hòa bình tại Boston, Mỹ ngày 24 tháng 7. Các nhóm cựu chiến binh, một số nhóm người Việt ở nước ngoài và các nhà hoạt động vì hòa bình và lương tri sẽ chung tay dẫn dắt chiến dịch này. Chúng tôi muốn chứng tỏ rằng đây không phải là ý nguyện của một nhóm riêng lẻ mà là của nhiều thành phần khác nhau trong xã hội Mỹ. Chúng tôi dự định sẽ huy động một triệu chữ ký góp vào bản kiến nghị trực tuyến do Hội hữu nghị Anh - Việt đang truyền bá. Mỹ còn mắc nợ

người dân nhiều nước mà Mỹ đã xâm lăng, phá hủy và sử dụng các chất độc hóa học mà ví dụ gần đây nhất là Irắc.

Tôi hoàn toàn ủng hộ vụ kiện các công ty hóa chất Mỹ của các công dân Việt Nam. Tuy rất khó đoán tòa án sẽ xử lý vụ việc như thế nào nhưng bản thân tôi tin rằng các nạn nhân Việt Nam có cơ hội được các công ty sản xuất chất Da cam bồi thường.

Lẽ phải thuộc về các bạn.

Nỗi đau Da cam cũng không có biên giới. Ở Mỹ, như nhiều cựu chiến binh khác, James Rhodes đang bị hành hạ bởi những di chứng của chất diệt cỏ từ những ngày tham chiến ở Việt Nam. Câu chuyện của ông kể lại với Tuổi trẻ lạ lùng như là không có thật...

Nhưng có thật, khi 14 năm ông không mệt mỏi đi kiện Chính phủ Mỹ của mình. Cũng có thật, khi một cựu binh Mỹ trở lại Việt Nam để được chữa bệnh và tìm chứng cứ cho một mối liên hệ...

Bản sao lưu trữ

CƠN ÁC MỘNG CỦA JAMES RHODES

Gần 20 năm trước, với 14 khối u trong người bởi ảnh hưởng của dioxin khi trở về từ cuộc chiến tranh Việt Nam, James Rhodes - một cựu chiến binh Mỹ - bắt đầu hành trình nhọc nhằn đi tìm công lý cho mình. "Đó là một cơn ác mộng", James mô tả về chuỗi ngày theo đuổi vụ kiện nhằm chứng tỏ có sự liên hệ giữa bệnh tật của mình với các chất diệt cỏ mà James bị ảnh hưởng trong những năm tháng phục vụ quân đội Mỹ ở Plây Cu và Đà Nẵng. James không ngần ngại chia sẻ với Tuổi Trẻ hành trình 14 năm phơi bày sự thật về ảnh hưởng của chất độc Da cam tại nước Mỹ.

Người Mỹ có những ký ức vừa ngán ngùi vừa dễ bị bóp méo. Trong những năm 1960 và 1970, chất độc diệt cỏ là một đề tài nóng bỏng ở đây nhưng bây giờ không còn như vậy nữa. Hầu hết người Mỹ bận tâm về nền kinh tế, khan hiếm việc làm và "chiến tranh" chống khủng bố. Nhiều cựu binh từ cuộc chiến tranh Việt Nam trở về nước Mỹ đã bị công chúng, chính phủ chúng tôi và cả Ủy ban Cựu chiến binh đối xử thậm tệ. Thậm chí đến tận hôm nay, việc được chữa trị tại các cơ sở của chính phủ cho những căn bệnh có liên quan đến chất diệt cỏ vẫn là điều không thể thực hiện. Chính phủ đã rất thành công trong việc ngăn cản nhiều cựu chiến binh bị nhiễm độc được điều trị hay bồi thường, bằng cách viện cớ rằng chúng tôi bằng cách nào đó đang "giả bệnh" và việc bồi thường cho chúng tôi sẽ làm tổn hại tài chính của chính phủ. Một chiến dịch toàn những lời dối trá, bóp méo và xuyên tạc thông tin đã được các chính trị gia và những người trong chính phủ dựng lên.

Hãy nhớ rằng chỉ khi Tổng thống Bill Clinton ra chỉ thị thi hành của tổng thống thì mới buộc được chính phủ điều trị cho con cái của các cựu chiến binh Mỹ bị ảnh hưởng bởi chất Da cam. Thậm chí cả Ủy ban Cựu chiến binh cũng xuất hiện trên truyền hình với hàng loạt lời nói dối kiểu như "không có bằng chứng kết luận nào" về tình trạng sức khỏe của trẻ em là do chất diệt cỏ. Họ còn nói không ngưng ngừng rằng "thế nhưng dẫu sao chúng tôi vẫn sẽ điều trị cho các em" mà không hề có sự thừa nhận trách nhiệm nào.

Tôi không thể tả hết trong bức thư này cho các bạn về sự đau đớn mà tôi đã chịu đựng từ 14 khối u trong suốt mười mấy năm qua. Thế nhưng không

một khối u nào được điều trị tại Ủy ban Cựu chiến binh hay tại các cơ sở của chính phủ. Tôi đã được điều trị tại Mexico nhờ bảo hiểm y tế của vợ tôi ở Mexico.

Sau đó, năm 1990, mặc dù còn lệnh cấm không cho người Mỹ tới Việt Nam nhưng tôi vẫn quyết định đến thành phố Hồ Chí Minh. Tại thành phố Hồ Chí Minh, các bác sĩ đã châm cứu, điều trị bằng thảo mộc, bóp rượu rần... cho tôi và chẳng mấy chốc bệnh tình của tôi thuyên giảm. Cũng chính tại Việt Nam, tôi đã bắt tay thực hiện rất nhiều nghiên cứu về ảnh hưởng và tác hại của chất diệt cỏ. Thế nhưng, bất cứ khi nào tôi định chia sẻ nghiên cứu của mình, một cơ quan Chính phủ Mỹ lại liên hệ và tìm cách ngăn cản tôi.

Trong thời gian đó cũng xảy ra nhiều sự kiện "thú vị": nào là lực lượng không quân tuyên bố đã đánh mất hồ sơ quân đội của tôi; nào hồ sơ y tế của tôi cũng bị báo là mất nốt; rồi thư mục chứa các hồ sơ kiện Ủy ban Cựu chiến binh của tôi cũng bị một nhân viên của chính phủ thay đổi. Đây cũng chính là kẻ đã phá hoại những hồ sơ y tế của các cựu chiến binh bị ảnh hưởng bởi vũ khí nguyên tử trong Thế chiến II. Vậy mà con người này chưa bao giờ bị đuổi việc hay tống vào tù. Điều này hẳn cũng nói lên cái gì đó.

Có những lúc sức khỏe của tôi tồi tệ đến mức tôi phải bỏ cả công ăn việc làm. Cho đến một hôm huyết áp của tôi bỗng nhiên tụt xuống 60/40 và tôi được nhập viện ngay lập tức. Một cựu chiến binh khác cũng bị ảnh hưởng bởi dioxin, nhà thực vật học Charles Spring, đã khuyên tôi nộp mẫu tóc của mình cho một phòng thí nghiệm ở New York để xét nghiệm. Spring dán dấu khẩn lên hồ sơ xin xét nghiệm. Tôi vẫn nhớ như in một ngày khi tôi đang ngồi trong phòng làm việc của Spring, phòng thí nghiệm gọi điện hỏi Spring tại sao lại phải lưu phòng thí nghiệm là hồ sơ này khẩn. Spring nói cho họ biết tôi đang ngồi cùng ông và rất nóng lòng đợi kết quả. Nghe thấy vậy, các nhân viên phòng thí nghiệm tỏ ra vô cùng ngạc nhiên và hét lên trong điện thoại: "Ý ông là ông ta vẫn còn sống sao?". Đến lúc đó tôi mới biết sức khỏe của mình nghiêm trọng đến mức nào. Chúng tôi vội vàng tóm chặt lấy kết quả phân tích của phòng thí nghiệm bởi nó chứa đựng các dữ liệu rõ ràng chứng minh sự hiện diện của chất diệt cỏ trong cơ thể tôi. Ngay lập tức tôi quay lại thành phố Hồ Chí Minh để nghiên cứu sâu hơn về chất độc Da cam.

Sau khi hoàn thành thu thập những bằng chứng xác thực và khoa học, tôi đã được một luật sư ở Los Angeles - ông William Smith - đứng ra nhận đòi quyền lợi. Khi hai chúng tôi hoàn toàn tự tin và sẵn sàng ra tòa để công khai những thông tin về chất diệt cỏ thì chính phủ đã nhanh chóng tìm cách đổ cho tôi bị "triệu chứng căng thẳng sau khi bị thương". Do đó về mặt luật pháp, tôi không thể công khai các nghiên cứu về chất độc diệt cỏ. Không lâu sau đó, luật sư William Smith chết một cách bí ẩn.

Tôi đã không bỏ cuộc. Tôi lại tiếp tục tham gia kiện các công ty hóa chất cùng với một vài cựu chiến binh khác. Đó quả là một cơn ác mộng bởi cả núi công việc giấy tờ phải làm và luôn phải cảnh giác các yếu tố mà chính phủ có thể lợi dụng để loại bỏ hồ sơ của mình... Công việc dường như vô tận. Tôi còn quên chưa kể với các bạn rằng trong những năm mang thai, vợ tôi luôn đứng trước nguy cơ bị sảy thai.

Cuối cùng thì vụ kiện được phán xét. Kết quả là 14 khối u đáng giá 1.000 USD/năm trong sáu năm. Và năm nào tôi cũng phải trình các bằng chứng là tôi vẫn bị bệnh, nếu không thì việc bồi thường sẽ chấm dứt. Trong khi đó các bạn biết không, nhiều người khác thì nhận hàng trăm triệu USD từ những vụ kiện như vậy. Mà họ đâu phải là những người gánh chịu hay bị ảnh hưởng của chất Da cam. Điều này có phải là vô đạo đức lắm không? Nhưng đây chính là hệ thống mà chúng tôi có.

Từ trước tới nay, tôi đã viết nhiều bài báo ủng hộ các nạn nhân Việt Nam và đã xuất hiện nhiều lần trên các đài phát thanh toàn quốc ở Mỹ cất lên tiếng nói ủng hộ các nạn nhân chất độc Da cam của Việt Nam. Sau khi tới Việt Nam, tôi mới hiểu rằng những gì mình chịu đựng quá nhỏ bé so với nỗi đau ghê gớm của hàng triệu người Việt Nam. Cuộc chiến đấu vì công lý sẽ không chỉ của riêng các bạn mà luôn được tiếp sức bởi hàng nghìn cựu binh Mỹ như chúng tôi.

Nếu cần thiết, tôi sẽ xuất hiện với tư cách cá nhân New York để đối chứng trước tòa án Mỹ nhân danh các nạn nhân Việt Nam.

CẨM HÀ - HƯƠNG GIANG dịch

TÔI CÓ NHỮNG BẰNG CHỨNG...

Ngày 24 tháng 9, sau khi danh sách các nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam tham gia khởi kiện các công ty hóa chất Mỹ tăng thêm 21 người, các công ty này đã gửi yêu cầu đến tòa án đòi hủy bỏ vụ kiện, với lý do là luật pháp Mỹ không quy định về việc bồi thường cho người nước ngoài. Luật sư Constantine P.Kokkoris - người trực tiếp chịu trách nhiệm về vụ kiện này - cho biết:

- Tôi dành hầu như toàn bộ thời gian của mình, ngày cũng như đêm, để nghiên cứu hồ sơ thực hiện vụ kiện này. Nhiều luật sư khác cũng hết sức tích cực tham gia để bảo vệ những công dân Việt Nam tại tòa án Mỹ.

Thông tin quan trọng nhất và mới nhất liên quan đến vụ kiện là chúng tôi vừa thay đổi một số điểm trong hồ sơ khởi kiện trình lên tòa án. Cụ thể, đã có thêm 21 người được đưa vào danh sách nguyên đơn. Phía bên bị đơn, những công ty hóa chất ra sức phản đối việc chúng tôi đưa thêm vào danh sách nguyên đơn khi mà thời gian bắt đầu phiên tòa không còn nhiều. Họ đang cố yêu cầu tòa án dời ngày xét xử đến 12 tháng 12. Theo thông tin mà tôi nhận được, họ bảo rằng hoặc là hủy danh sách mới của chúng tôi, hoặc phải cho họ thêm ba tuần nữa để chuẩn bị. Chúng tôi đang chờ quyết định của tòa án.

+ *Hiện giờ công việc chính của các ông là gì?*

- Trong khi chờ phiên tòa diễn ra, chúng tôi cực kỳ bận rộn vì phải nghiên cứu hồ sơ, chứng cứ được cung cấp bởi những bị đơn trong vụ kiện 20 năm trước của các cựu binh Mỹ. Có khoảng 600.000 trang tài liệu được lưu giữ trong Trung tâm Lưu trữ quốc gia của Mỹ mà chúng tôi được các vị thẩm phán yêu cầu phải tìm hiểu kỹ. Mỗi ngày, công việc của chúng tôi là đọc, đánh dấu và photo lại tất cả những gì có thể mang ra trước tòa cùng với những hồ sơ tóm tắt về pháp lý của các nạn nhân để thuyết phục bồi thẩm đoàn đồng ý tiếp nhận vụ kiện. Hiện các công ty hóa chất Mỹ lại vừa gửi kiến nghị hủy bỏ phiên tòa vì những lý do không chính đáng. Hạn cuối của chúng tôi hiện nay là 12 tháng 11, và kế hoạch được vạch ra là phải hoàn chỉnh toàn bộ hồ sơ trước ngày này.

+ *Ông từng phát biểu trên nhiều phương tiện truyền thông nước ngoài là ông tham gia vụ kiện này một cách hoàn toàn tự nguyện. Vậy đâu là động lực của việc làm này?*

- Tôi đã không tìm được nước mắt khi đến Bệnh viện Từ Dũ, nhìn những hình hài bé bỏng của các em đau đớn mỗi ngày vì tác hại của hóa chất. Bác

sĩ giám đốc Nguyễn Thị Ngọc Phượng đã tiếp cho tôi một nguồn năng lượng vô tận để tôi dồn hết sức vào vụ kiện này. Các em đau đớn nhưng khả năng giúp đỡ của bệnh viện thì rất hạn chế và tôi đọc được nỗi buồn trong mắt bác sĩ Phượng khi bà nói về những gì đã làm cho các em...

Nhìn thấy các nạn nhân chất độc Da cam ở Việt Nam, tôi cảm nhận được một sự cam chịu số phận quá lớn của họ. Mối quan hệ Việt - Mỹ đang phát triển rất tốt đẹp. Nước Mỹ có một bộ khung luật pháp để điều chỉnh và bồi thường những sai lầm mà họ đã gây ra. Công việc mà chúng tôi đang làm chỉ là sử dụng hệ thống luật pháp đúng đắn này để cùng các nạn nhân gióng lên tiếng chuông báo động với tòa án và xã hội Mỹ về những sai lầm nghiêm trọng của họ trong cuộc chiến phi nghĩa ở Việt Nam. Điều kinh khủng nhất mà chúng tôi muốn nói lên là sự phá hoại tàn khốc của cuộc chiến này vẫn còn để lại những di chứng đau xót ở Việt Nam khi mà nhiều thập kỷ đã trôi qua.

+ Ông đánh giá thế nào về khả năng giành chiến thắng của các nạn nhân Việt Nam?

- Mục đích của vụ kiện sẽ nhằm vào việc đòi bồi thường cho các nạn nhân. Các điều luật Mỹ thật ra không quy định rõ về chuyện có bồi thường cho nạn nhân là người nước ngoài phải chịu hậu quả do tác động của hóa chất sử dụng trong cuộc chiến do Mỹ thực hiện hay không. Các công ty hóa chất đều vin vào điều này để yêu cầu tòa hủy bỏ vụ kiện vì luật không quy định chuyện bồi thường theo kiểu này. Đây cũng là điểm đầu tiên mà chúng tôi tập trung vào để "chiến đấu". Nói một cách công bằng, chúng tôi đoán chắc mình sẽ thắng trong phần tranh luận này.

Nếu bước khởi đầu suôn sẻ, phần tiếp theo chúng tôi sẽ trưng ra những bằng chứng khoa học về tác hại của chất độc Da cam lên cơ thể người nhiễm và những thế hệ con cháu của họ. Đã có nhiều báo cáo khoa học về vấn đề này được thu thập, chứng minh dioxin là tác nhân gây nên hàng loạt căn bệnh nguy hiểm nhất: ung thư, sảy thai, thai dị dạng... Trong phần quyết định của phiên tòa, các nghiên cứu khoa học, chứng minh nhân thân và so sánh với những người có cùng hoàn cảnh sống của các nạn nhân, đặc biệt là những người tham gia vụ kiện là rất quan trọng. Tôi đã có trong tay những bằng chứng có độ tin cậy khoa học cao, bác sĩ Phượng cũng cho biết vẫn đang tiến hành thêm nhiều nghiên cứu khác bởi những nhà khoa học Mỹ và Việt Nam. Tôi tin những nghiên cứu này sẽ là tác nhân giúp vụ kiện vì công lý thắng lợi.

+ Xin cảm ơn ông.

TRẦN NGUYỄN thực hiện

CÂU CHUYỆN CỦA NHỮNG TẮM CHẶN NƯỚC MÁT

Từ hơn một năm trước, có những phụ nữ Mỹ bắt đầu may những tấm chăn thể hiện nỗi đau mà những nạn nhân chất độc Da cam - những cựu binh Mỹ tham chiến tại Việt Nam và gia đình họ phải chịu đựng trong gần 30 năm qua. Những tấm chăn biểu tượng này được triển lãm trên toàn nước Mỹ từ năm 1999, lay động hàng triệu người dân trong nước. Người phụ nữ đầu tiên may tấm chăn và khởi đầu dự án "Tắm chăn nước mát" mang tên Jennie R. Le Fevre. Bà vừa qua đời ngày 8 tháng 9 năm 2004, nhưng hành trình của những tấm chăn vẫn tiếp tục...

Chuyện của Jennie.

Năm 2000, Jennie R. Le Fevre gửi đến bạn bè những dòng tâm sự về sự hủy diệt mà chất độc Da cam đã gây ra cho cuộc sống của chồng bà, trung sĩ Gerald H. Le Fevre và bản thân bà. Lá thư của Jennie viết:

"Tôi là quả phụ của trung sĩ về hưu Gerald Le Fevre. Chồng tôi tham chiến tại Việt Nam, đóng quân tại Nha Trang trong một đơn vị không quân từ 1968 - 1969. Ông là người liên lạc thông tin trên những chiếc C-130, loại máy bay vận chuyển chất độc Da cam ít nhất hai lần mỗi tháng từ nơi này sang nơi khác. Chồng tôi cũng giúp khuân những thùng hóa chất này. Những chiếc C-130 bay ra bay vào những vùng bị rải chất độc Da cam, bay ở tầm thấp giữa làn bụi khói của loại hóa chất này, với những cánh cửa máy bay mở toang. Có lần ông viết cho tôi từ Việt Nam, nói rằng da tay ông bị lột từng mảng mà ông không hiểu vì sao. Năm đó Gerald 35 tuổi.

Tháng 5 năm 1989, 15 năm sau khi về hưu, chồng tôi được chẩn đoán bị ung thư phổi, dạ dày, lá lách, màng bụng, xương và cơ hoành... Sau đó, Gerald còn được chẩn đoán hàng loạt triệu chứng hủy hoại hoàn toàn trong những ngày cuối đời. Gerald qua đời trong tháng 12 năm 1989 ở tuổi 56. Trong giấy chứng tử, người ta ghi nguyên nhân cái chết của chồng tôi là "chết tự nhiên". Làm sao lại có thể như thế được?

Tôi đã bắt đầu đấu tranh với chính phủ (Mỹ) từ khi chồng tôi được hỏa thiêu tại nghĩa trang Arlington. Tôi gửi thư đến Hội Cựu binh khuyết tật Mỹ (DAV) khẳng định rằng tôi tin chồng tôi thiệt mạng vì những hậu quả

của chất độc Da cam. Sau một thời gian dài không nhận được hồi âm, tôi tìm hiểu và phát hiện DAV không hề tìm hiểu hồ sơ bệnh án của chồng tôi. Sau đó, DAV cũng từ chối tôi nhiều lần khi tôi yêu cầu họ giải trình về quyết định không cho gia đình tôi hưởng những dịch vụ y tế cần thiết theo nhu cầu (như gia đình các nạn nhân chất độc Da cam cần phải được hưởng).

Sau đó tôi tìm được hồ sơ y tế của Gerald khi còn tại ngũ, tôi phát hiện từ trước khi giải ngũ chồng tôi đã được chẩn đoán có dấu hiệu phổi bị hủy hoại. Vậy mà khi khám sức khỏe trước khi giải ngũ, họ lại ghi rằng chồng tôi xuất ngũ trong tình trạng sức khỏe hoàn toàn tốt. Tôi trình bày toàn bộ bằng chứng này trước một phiên giải trình khác của cơ quan thụ lý các trường hợp pháp lý của cựu binh...

Những cuộc giải trình kéo dài như vô tận. Đến tháng 9 năm 1998, tôi chuyển hồ sơ của mình sang Dự án dịch vụ pháp lý cho cựu binh quốc gia. Rồi trong năm 2000, tôi nhận được một lá thư yêu cầu phải cung cấp một thư bảo đảm của một bác sĩ nào đó, trong đó ghi rõ căn bệnh ung thư của chồng tôi là hậu quả trực tiếp của chất độc Da cam. Điều đó thật nực cười - làm sao tôi tìm được một bác sĩ làm việc đó vào thời điểm này? Điều đó có nghĩa là yêu cầu được thừa nhận căn nguyên cái chết của chồng tôi có nguy cơ bị rũ bỏ...

Gần đây nhất, tôi tìm hiểu chồng tôi đã được đưa vào một danh sách nghiên cứu của không quân Mỹ. Đây là cuộc nghiên cứu tình trạng sức khỏe của những cựu binh từng phục vụ trong chiến dịch Ranch Hand¹ hoặc từng là thành viên phi hành đoàn của những chiếc C-130. Kết quả cuộc nghiên cứu này cũng ghi nhận chồng tôi bị hủy hoại phổi và những căn bệnh khác. Một đồng nghiệp của chồng tôi cũng được đưa vào danh sách nghiên cứu, nhưng rồi cũng như chồng tôi, ông bị loại khỏi danh sách về sau này. Chúng tôi tin rằng vì tình trạng sức khỏe của họ quá tồi tệ, họ không được nằm trong danh sách. Những người điều tra chỉ muốn tìm thấy ai khỏe mạnh vì họ không muốn kết quả nghiên cứu thể hiện quá rõ ràng mức độ hủy hoại của chất độc Da cam. Đồng nghiệp của chồng tôi cũng mất vì ung thư buồng phổi.

Khi còn sống, một lần chồng tôi hỏi: "Em có tin rằng chất độc Da cam đã đưa anh vào tình trạng sức khỏe tồi tệ này không?". Tôi hứa với Gerald rằng tôi sẽ kiểm tra điều đó. Cho đến ngày nay tôi vẫn còn đang đấu tranh, dù con đường tôi đi dài dằng dặc mà kết quả thì không tiến triển được đến đâu... Tôi sẽ không bao giờ tha thứ cho những người chịu trách nhiệm về sinh mạng của Gerald vì họ đã không làm điều cần phải làm".

1. Chiến dịch hủy diệt rừng ở miền Nam Việt Nam bằng đường không.

Cho đến phút trút hơi thở cuối cùng, Jennie R. Le Fevre vẫn không một ngày ngừng nghĩ hành trình tìm kiếm sự thật của mình...

Và dự án "Tấm chăn nước mắt" (Quilt of tears).

Jennie R. Le Fevre bắt đầu may tấm chăn đầu tiên trong năm 1998. Qua những tổ chức hỗ trợ cựu binh Mỹ, bà gửi lời kêu gọi những người vợ, người thân của những nạn nhân chất độc Da cam tại Mỹ góp sức cùng mình. Mỗi người may một phần tấm chăn và nối liền các mảnh chăn thành những tấm lớn hơn, mỗi tấm như một giọt nước mắt tưởng niệm những người thân. Tên, hình ảnh, huân chương của những cựu binh và những thông điệp mà người thân của những nạn nhân muốn gửi gắm được dệt trải dài trên chăn. Họ đem biểu tượng của nỗi buồn và nước mắt này đến các buổi họp của cựu binh để tìm sự đồng cảm và chia sẻ.

Những "Tấm chăn nước mắt" được triển lãm với quy mô lớn lần đầu tiên tại thủ đô Washington trong năm 1999. Năm 2003, những tấm chăn tiếp tục hành trình lay động lòng người của mình, đến New Jersey, Utah và Indiana. Trong năm 2004, Hội hỗ trợ nạn nhân chất độc Da cam và những quả phụ mà bà Jennie làm chủ tịch tổ chức buổi triển lãm mới nhất trong ngày tưởng niệm cựu binh. Bà Jennie cho biết nhiều cựu binh đến xem những tấm chăn triển lãm đã òa khóc nức nở. Nhiều người gửi đến dự án của bà thêm huân chương, kỷ vật như một phần của những tấm chăn. Nhà thơ New Zealand Mike Subritzky - người sáng tác bài thơ về chất độc Da cam cũng gửi bản thảo bài thơ *Điểm danh* của mình để được dệt trên những tấm chăn nước mắt.

Ngoài dự án này, Jennie cùng những người đồng cảnh ngộ của bà cũng thành lập tổ chức Những cựu binh chất độc Da cam để tiếp tục nỗ lực tìm kiếm sự thật về sinh mạng của những người thân của họ. Hiện nay nhóm có 78 thành viên, họ chia sẻ thông tin và theo dõi sát sao những bước tiến của các nỗ lực tìm hiểu tác hại của chất độc Da cam. "Mục tiêu hoạt động của nhóm chúng tôi là tiếp tục đánh thức dư luận trên toàn nước Mỹ về những hậu quả nghiêm trọng của chất độc Da cam... Chúng tôi tin rằng cuộc đấu tranh của chúng tôi sẽ còn tiếp diễn và sẽ tiếp tục đến ngày chúng tôi nhắm mắt xuôi tay". Trong nhật ký của mình, Jennie viết: "Chúng tôi sẽ không cho phép những nạn nhân chất độc Da cam bị bỏ quên".

Và tháng mười, mười một tới, những tấm chăn lại sẽ có mặt tại Texas và Florida...

CAM LY (viết từ New York)

MỠI NGƯỜI HÃY GÓP GIÓ ĐI!

Lần đầu tiên tôi gặp các nạn nhân bị nhiễm chất độc Da cam ở Việt Nam là lúc tôi làm trưởng phân xã Bangkok của một đài truyền hình Nhật. Từ đó, trong 15 năm qua, bao gồm cả hai năm thường trú tại Hà Nội, cùng với một số bạn bè, tôi thường xuyên đến thăm các nạn nhân bị nhiễm độc để giúp đỡ và khích lệ họ. Những mẩu chuyện quý mà tôi đã nghe từ các nạn nhân đó sẽ được kể lại trong một quyển sách sắp phát hành tại Nhật.

A Lưới, Quảng Trị, Thanh Hóa, Phú Thọ, Bến Tre, Bình Dương... tôi đã đặt chân tới những nơi này để thăm các nạn nhân. Tại Ninh Bình, tôi đã nghe câu chuyện cảm động của những người lính là phụ nữ thuộc đơn vị 559. Ngoài ra hội chúng tôi (Hội nạn nhân bị nhiễm chất độc Da cam Việt Nam) đã giúp đỡ chi phí phẫu thuật cho các trẻ em bị tàn tật, trong đó có hai chị em ở Hà Tây chân bị quặp vào bên trong. Tại tôi vẫn nghe rõ lời bi thảm và đầy nước mắt của nhiều nạn nhân và gia đình họ: "Chúng tôi muốn nói chuyện với nhau, nhưng con tôi hoàn toàn không hiểu gì cả". "Tôi đi vắng chỉ khoảng 15 phút thôi mà hai con tôi đến gần ao và lên cơn động kinh rồi ngã xuống nước". Cả hai anh em tàn tật và một người cháu ra cứu giúp đều chết đuối cả. Gặp 100 người là 100 mẩu chuyện bi thảm khác nhau.

Một tội phạm chiến tranh.

Trong giai đoạn đầu Thế chiến thứ II, Hội đồng nghiên cứu quốc gia Mỹ đã cho phép nghiên cứu chất hóa học nhằm phá hoại đồng ruộng tại Nhật. Kết quả đó là sự ra đời chất độc Da cam với mục đích quân sự. Tuy nhiên Tổng thống Roosevelt lúc bấy giờ không sử dụng chất hóa học này. Sau đó một nhân viên quân đội Mỹ đã tiết lộ rằng vào tháng 6 năm 1945, cuối Thế chiến thứ II dưới thời Tổng thống Truman, quân đội Mỹ chuẩn bị sử dụng thuốc diệt cỏ ở đồng ruộng quanh sáu thành phố lớn của Nhật. Tuy nhiên kế hoạch này không thực hiện được vì Nhật đã đầu hàng sớm. Thế nhưng chính Tổng thống Truman đã ra lệnh thả bom nguyên tử khủng khiếp xuống hai thành phố Hiroshima và Nagasaki.

16 năm sau sự kiện đó, tức năm 1961, Tổng thống Kennedy lúc bấy giờ đã đưa ra một quyết định sử dụng vũ khí hóa học nói trên, thứ vũ khí mà các chính quyền Mỹ từ trước đến nay chưa dám làm. Còn Tổng thống Nixon thì trao đổi ý kiến với phụ tá Kissinger về khả năng sử dụng cả bom nguyên tử.

Đối với Nhật, Mỹ đã thả bom nguyên tử kiểu urani xuống Hiroshima và kiểu plutoni xuống Nagasaki; còn đối với Việt Nam, Mỹ đã rải 15 loại thuốc hóa học với số lượng 80 triệu lít, trong đó có gần 400kg chất dioxin. Con số này gần trùng hợp với lời phát biểu "500kg dioxin" của ông Forkin của Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô vào năm 1983. Tuy nhiên tôi vẫn nghi ngờ con số mà ông Forkin phát biểu cũng còn quá thấp so với con số thực tế. Nhiều nạn nhân chưa nhận được tiền bồi thường, chưa nghe lời xin của Mỹ mà chết yểu với tâm trạng oan ức. Người ta nói tế bào con người có thể tái sinh được cho đến 120 tuổi. Sách Phật giáo cũng viết con người có thể sống được 120 tuổi. Thế mà các nạn nhân chỉ sống một cuộc sống quá ngắn ngủi như thế. Chính dioxin đã phá hoại tế bào quý báu đó.

Chất dioxin là loại chất hóa học có tác dụng từ từ, nó chỉ bộc lộ toàn diện tính quái ác của nó 30 năm sau khi chiến tranh kết thúc. Mỹ không chỉ hành động vô nhân đạo mà còn là một tội phạm chiến tranh.

Im lặng là đồng lõa với kẻ ác.

Tại Hiroshima và Nagasaki ở Nhật, những người sống sót đã vượt qua đau khổ và khó khăn do hậu quả khủng khiếp của bom nguyên tử gây ra. Im lặng tức là đồng lõa với kẻ gây tội ác. Chúng ta cần phải nghe và tiếp tục kể lại những mẫu chuyện của các nạn nhân chất độc Da cam còn sống sót, nạn nhân của một cuộc chiến tranh hóa học có thể là dai dẳng nhất trong lịch sử. Tiếng Nhật có câu "Đồng khổ". Nói một cách khác là cảm nhận đau khổ của nạn nhân như là đau khổ của bản thân mình mà đứng cùng vị trí của người yếu. Còn Giáo sư Nguyễn Trọng Nhân, Phó chủ tịch Hội nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam, lại cho tôi biết một thành ngữ Việt Nam là "Góp gió thành bão". Vâng, mỗi người hãy góp gió đi. Tôi tin tưởng rằng trách nhiệm và nghĩa vụ của chúng tôi ngày nay là động viên dư luận thế giới, kêu gọi lương tâm, công lý, chính nghĩa của thế giới. Chính điều này sẽ dẫn đến thắng lợi trong vụ kiện của tập thể các nạn nhân. Theo tôi, Việt Nam dù là nước nhỏ nhưng đã vượt qua cuộc chiến tranh kéo dài ác liệt chưa từng có nên có sứ mệnh to lớn là cất lên tiếng nói của tư tưởng yêu chuộng hòa bình.

Chất độc vô cùng mạnh dioxin sẽ giảm phân nửa mức độ theo thời gian. Chất hóa học dần dần mất đi, các nạn nhân cũng chết dần. Nhưng nếu nghĩ theo thời gian đó mà trách nhiệm của chính phủ, quân đội và 37 công ty hóa chất sản xuất chất độc Da cam của Mỹ cũng sẽ phai nhạt thì thật là hoàn toàn sai lầm. Hành động của chính phủ và quân đội Mỹ không thể giảm ngay cả đến phân nửa mức tội, trừ khi họ thừa nhận trách nhiệm của mình và viện trợ nhân đạo.

KITAMURA HAJIME - KATO NORIO (*dịch*)

Bản sao lưu trữ

ĐÔI NHỮNG GIỌT NƯỚC MẮT LẤY MỘT NỤ CƯỜI

Vì công lý, vượt qua mọi biên giới, mỗi người đã cất lên tiếng nói của mình. Và hai trong nhiều ý kiến vừa gửi tới Tuổi trẻ cũng là một khẳng định cho sự tất thắng của lẽ phải - một lẽ phải mạnh mẽ ngay trong chính quá trình đi đến thắng lợi. Diễn đàn tạm khép lại, nhưng cuộc đấu tranh cho những điều mình tin tưởng thì chưa dừng lại...

Người thứ 596.094...

(PETR TSEVTOV - bình luận viên tạp chí Liên Bang Nga Ngày nay)

Tôi đã nhiều lần tới Bảo tàng Chứng tích chiến tranh tại thành phố Hồ Chí Minh, và cứ mỗi lần tới gian trưng bày hình ảnh quân đội Mỹ sử dụng chất diệt cỏ trong chiến tranh Việt Nam, tim tôi lại se thắt. Không thể thản nhiên nhìn những nạn nhân của một loại vũ khí như thế - chất Da cam. Những đứa trẻ dị dạng, không có chi, câm điếc, chúng được sinh ra và tiếp tục được sinh ra từ những người không may sống dưới những cơn mưa Da cam. Tôi đau xót cho những bé trai, bé gái không tội tình gì nhưng không thể lớn lên thành những con người bình thường, chỉ vì từ trong phôi thai chúng đã bị dị dạng bởi cuộc thí nghiệm dã man của quân phiệt Mỹ. Không chỉ thế, tôi còn cảm nhận nỗi đau nhiều hơn khi hình dung những khổ tâm mà cha mẹ các bé phải cam chịu. Bởi tôi cũng là một người cha và cảm thấy thật kinh khủng khi tưởng tượng nỗi bất hạnh đó ập xuống gia đình mình...

Khó mà giúp được gì cho nỗi buồn khổ đó. Nhưng cần phải lên án những ai sản xuất, chuyên chở và sử dụng loại vũ khí khủng khiếp này mà không hề sám hối. Chính vì thế mà tôi đã ký tên vào lời kêu gọi sẽ được chuyển tới tòa án New York, yêu cầu tổng thống và chính quyền Mỹ cùng các công ty hóa chất phải nhận trách nhiệm và đền bù cho nạn nhân của tội ác man rợ này. Số của tôi là 596.094 ([www. PetitionOnline.com/AOVN/petition.html](http://www.PetitionOnline.com/AOVN/petition.html)). Có nghĩa ít nhất đã có hơn nửa triệu người trên hành tinh lên án tội ác của bộ máy chiến tranh Mỹ và bày tỏ sự đồng cảm với những nạn nhân chất độc Da cam. Với những người này, cũng như với tôi, lời của nhà thơ Xô viết Konstatin·Simonov: "Nỗi đau không phải của riêng ai" có lẽ là một lời giải

thích chân tình nhất. Tôi nghe nói các bạn cũng đang có cuộc vận động ký tên vì công lý và bạn, bạn đã ký tên chưa?

Bởi những tội ác trên thế gian này đã sinh ra từ sự thờ ơ.

Có thể có ba kết quả tích cực (CARLYLE A. THAYE - giáo sư Đại học New South Wales, Úc).

Tôi vẫn theo dõi vấn đề Da cam như một phần trong quan hệ Việt - Mỹ. Tôi cảm thấy Việt Nam cuối cùng cũng đã biết cách cho bằng việc đưa vụ việc một tòa án Mỹ để đòi bồi thường. Cho tới nay vấn đề vẫn còn là chuyện giữa hai chính phủ, mà Chính phủ Mỹ luôn lảng tránh trách nhiệm trực tiếp trong việc sử dụng chất diệt cỏ ở Việt Nam. Trong thời gian qua họ đã bị thuyết phục bởi phía Việt Nam và tài trợ cho những nghiên cứu nhằm xác lập mối liên hệ khoa học giữa tác nhân Da cam (chủ yếu là dioxin) với việc sinh dị dạng. Tới tháng 3 năm 1992, người Mỹ chỉ mới đồng ý tài trợ một chương trình nghiên cứu chung như thế với Việt Nam.

Tôi nghĩ rất tốt khi khoa học đã xác lập được chất dioxin có thể gây ung thư, bệnh bạch cầu, các loại ung thư, các khiếm khuyết trong hệ miễn dịch, rối loạn thần kinh, tác hại tới hệ sinh sản, các loại bệnh chậm phát triển tinh thần, các loại bệnh về da.

Với vụ kiện ở Việt Nam, có thể có ba kết quả tích cực: 1- Việt Nam thắng kiện, được đền bù. 2- Một thỏa thuận bên ngoài tòa án sẽ được dàn xếp, đền bù cho Việt Nam bởi các công ty liên quan. 3- Vấn đề chất độc Da cam sẽ được biết đến nhiều hơn ở Mỹ.

Tiến trình pháp lý có thể tốn nhiều thời gian. Thí dụ như các cựu binh Mỹ đâm đơn kiện tập thể năm 1979 nhưng tòa án chỉ ra phán quyết năm 1984. Tôi cho rằng đại diện của 37 công ty hóa chất liên quan sẽ tác động các phán quyết để bãi bỏ vụ kiện này. Còn với khả năng thứ hai và ba, năm 1984 các công ty hóa chất đã trả 180 triệu USD cho các cựu binh Mỹ tham gia chiến tranh Việt Nam bị ảnh hưởng bởi chất độc Da cam. Nhưng theo luật Mỹ, việc chi trả này được thực hiện khi mà các công ty hóa chất không phải gánh chịu nghĩa vụ pháp lý (liability). Như tôi được biết, Tòa án tối cao Mỹ hồi năm ngoái đã phán quyết các cựu binh vẫn có thể đòi bồi thường về pháp lý.

PHAN XUÂN LOAN dịch

CHẤT ĐỘC MÀU DA CAM NỖI ĐAU KHÔNG CỦA RIÊNG AI!

Riêng trên đường Trường Sơn, suốt từ vĩ tuyến 17 vào mãi phía Nam chúng tôi cũng đã hứng chịu không ít những trận mưa khai quang do máy bay Mỹ dội xuống mà lúc đó với sự hiểu biết chưa đầy đủ về các loại hóa chất độc này nên chúng tôi chưa có được những biện pháp phòng ngừa thỏa đáng, thậm chí nhiều anh chị em còn coi thường. Không hiểu số lượng chất khai quang mà máy bay Mỹ rải xuống Trường Sơn có nằm trong số 76 triệu lít mà nhà báo Mỹ Peter Waldman đã đề cập tới. Cho đến nay trong số hàng vạn chiến sĩ chiến đấu trên đường Trường Sơn còn sống trở về có bao nhiêu trường hợp đã được ghi nhận là bị ảnh hưởng chất độc Da cam trong các chiến dịch khai quang của giặc Mỹ? Con số đó hoàn toàn chưa có. Tôi chắc đó cũng là tình trạng chung của cả quân đội và trong nhân dân, có lẽ vì ta chưa có một tổ chức nào tiến hành việc này. Đối chiếu với những thông tin của nước ngoài mà chúng tôi có được, đặc biệt là qua nghiên cứu cuốn sách chưa được xuất bản của giáo sư, bác sĩ Lê Cao Đài và thạc sĩ Lê Bích Thủy "Cuộc chiến tranh hóa học của Mỹ ở Việt Nam. Tình hình và biện pháp giải quyết" chúng tôi thấy rõ nhiều căn bệnh đã gây tử vong và tỷ lệ dị tật bẩm sinh cao ở nhiều cán bộ, chiến sĩ bộ đội Trường Sơn thời chống Mỹ là có liên quan đến chất độc Da cam và dioxin mà trong công bố gần đây (tháng 8 năm 1993) của Viện Hàn lâm khoa học Hoa Kỳ, sau gần 20 năm phủ nhận, nay đã chính thức thừa nhận. Liệu trong số những người đang còn sống, những chiến sĩ của bộ đội Trường Sơn cũng như quân và dân ở nhiều vùng khác trên khắp miền Nam Việt Nam đã từng bị rải chất khai quang, sẽ còn bao nhiêu người phải hứng chịu những đau đớn giày vò của các căn bệnh do chất độc Da cam gây ra?

Nhưng còn một nỗi đau âm ỉ khác là những trẻ em sinh ra bị dị tật bẩm sinh do bố mẹ chúng bị ảnh hưởng chất độc Da cam. Nhà báo Minh Chuyên ở Thái Bình đưa tin "Riêng thị xã Thái Bình có tới 44 cựu chiến binh bị nhiễm độc hóa học, 45 người con của họ đang chịu hậu quả đau đớn, dị tật do chất độc từ bố truyền sang". Anh Mai Trọng Phước, đại tá, nguyên Cục trưởng Cục Xăng dầu quân đội, một sĩ quan cao cấp của bộ đội Trường Sơn trước đây, viết về những chiến sĩ của mình: gia đình anh Dương Ngọc Hải và

chị Phùng Thị Hoa ở Hiệp Hòa, Hà Bắc, đều là chiến sĩ bộ đội Trường Sơn năm xưa nay có ba con đều bị di chứng của chất độc hóa học, trong đó có cháu Dương Thị Hằng 18 tuổi, nhưng chỉ bằng cháu lên ba, cả ngày chỉ nằm tại chỗ không ngồi dậy được. Chị Nguyễn Thị Liên cũng là một chiến sĩ của bộ đội Trường Sơn sinh được 6 cháu thì 3 cháu bị mù. Và trước mắt tôi lúc này là những lá thư và đơn gửi các cấp của nhiều đồng đội đã từng sống và chiến đấu với nhau trên Trường Sơn trước đây đưa tới nhờ can thiệp giải quyết những hậu quả chất độc Da cam với bản thân gia đình. Trong đó có cả một bộ hồ sơ kèm ảnh của anh Trần Minh Thao quê ở Đồn Xá, Quỳnh Hồng, Quỳnh Phụ, Thái Bình nói về việc 2 con: cháu Trần Thị Hương đẻ năm 1979, cháu Trần Văn Hoàn sinh năm 1983, cả hai đều bị bệnh và đã được Hội đồng khám nghiệm trẻ em di chứng chất độc trong chiến tranh kết luận là bị ảnh hưởng chất độc màu Da cam. Còn biết bao trường hợp khác nữa trong cả nước? Chắc chắn là không ít, vì chỉ qua một thông tin nhỏ hẩn là chưa đầy đủ, riêng tỉnh Thái Bình đã phát hiện có 1.487 cháu bị tật nguyên do bố mẹ là bộ đội, thanh niên xung phong thời chống Mỹ bị nhiễm chất độc hóa học.

Gần đây một số báo chí cũng đã đề cập đến hậu quả của cuộc chiến tranh hóa học do Mỹ gây ra ở Việt Nam. Nhưng nghe chừng còn thưa thớt như tiếng vạc kêu sương! Vì sao? Tôi cũng chẳng biết. Song thật may thay, *đầu tháng 4 năm 1997 vừa qua nhân dịp tiếp Bộ trưởng Tài chính Hoa Kỳ - Robert Rubin, Tổng Bí thư Đỗ Mười đã khẳng định "... Cùng với vấn đề POW - MIA, Việt Nam mong muốn hai nước cùng hợp tác để giải quyết những hậu quả nặng nề của chất độc màu Da cam..."*. Chắc chẳng riêng tôi, mà tất cả chúng ta đều nhiệt liệt đồng tình với cách đặt vấn đề của đồng chí Tổng Bí thư đối với phía Mỹ. Chúng ta, những ai còn đang may mắn được khỏe mạnh đều không thể bàng quan với số phận của không ít bạn bè, đồng chí, đồng bào đã từng "bị xông chín trong hơi của chất Da cam" và bây giờ đang phải chịu đựng hậu quả của nó dưới nhiều dạng bệnh tật đã biết và có thể còn chưa được biết, rồi con cái của họ, hàng vạn cháu bé đang ngày đêm đau khổ vì bệnh tật và dị tật bẩm sinh, đó là chưa kể những trẻ chưa ra đời mà số phận hẩm hiu đang chờ sẵn. Tất nhiên chúng ta không ngây thơ, đơn giản đổ hết mọi bệnh tật và dị tật bẩm sinh trẻ nhỏ là hoàn toàn do các chất độc hóa học của Mỹ gây ra. Nhưng tôi tin là khoa học ngày nay có thể giải đáp dễ dàng cho từng trường hợp bệnh tật và dị tật bẩm sinh do nguyên nhân nào. Và phía Mỹ, họ có đủ khả năng nếu không nói là thừa. Qua một số nguồn tin mà chúng tôi nắm được, phía Mỹ tỏ ra rất sốt sắng trong việc đầu tư nghiên cứu hậu quả chất độc Da cam ở Việt Nam, thậm chí trong lá thư của giáo sư Arnold Schecter hiện đang làm việc tại Trung tâm khoa học sức khỏe thuộc Đại học quốc gia New York gửi giáo sư Lê Các Đài ngày 28 tháng 3

năm 1997 còn nói rõ "... phía Mỹ nhấn mạnh là hiện nay vấn đề này (nghiên cứu hậu quả chất Da cam ở Việt Nam) chỉ tùy thuộc vào phía Việt Nam, chứ không phải là phía Mỹ...". Tôi nghĩ, ta hãy tạo cơ hội cho phía Mỹ thể hiện bằng việc làm, sự quan tâm của họ. Vì đó chính là trách nhiệm của họ.

Tôi mạn phép được thay mặt các đồng đội của mình kiến nghị với các cơ quan có trách nhiệm của Nhà nước hãy ra tay hành động, hãy làm ngay những việc có thể làm trong việc giải quyết hậu quả chất độc hóa học của Mỹ đã sử dụng trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam không những đối với con người mà cả đối với môi trường. Chúng ta cần phải có những biện pháp thỏa đáng buộc phía Mỹ phải làm đầy đủ trách nhiệm của mình trong việc hàn gắn những vết thương của cuộc chiến tranh do Mỹ gây ở Việt Nam, trong đó có việc đánh giá, thống kê những tác hại của chất độc hóa học, đặc biệt là chất Da cam và dioxin đối với con người và môi trường Việt Nam hiện nay và tương lai, những biện pháp khắc phục, giải quyết hậu quả.

Từ những vùng nông thôn hẻo lánh đến những góc rừng ven núi quạnh vắng, xa xôi những người dân Việt đã từng một lòng một dạ đi theo Đảng, theo cách mạng, đem hết sức mình cống hiến cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, nay không ít người đang lâm vào những hoàn cảnh bệnh tật éo le do hậu quả chiến tranh như đã nói trên. Họ đang phải tự vượt lên hoàn cảnh để mà sống và hy vọng, đợi chờ những chính sách chế độ thỏa đáng của Đảng và Nhà nước được thực thi một cách hiệu quả triệt để, Đảng và Nhà nước phải làm gì cho họ? Tất cả chúng ta phải làm gì cho họ? Nỗi đau này không của riêng ai!

Đại tá ĐẶNG HƯƠNG -

Cựu chiến binh bộ đội Trường Sơn -

Nguyên Phó tư lệnh Binh đoàn 12.

NỖI ĐAU MÀU DA CAM

Đêm Hà Nội mưa như trút nước. Nhìn cu Nhím say sưa trong giấc ngủ, tôi bật khóc khi nhớ đến những đứa trẻ bất hạnh ở Thái Bình. Mấy ngày ở đó, đi đến đâu và ở đâu trên vùng đất mang cái tên rất thanh bình ấy, tôi cũng gặp những cảnh đời nghiệt ngã vì chất độc Da cam. Không biết có nơi đâu trên đất nước này, trên trái đất này, nỗi đau màu Da cam lại hằn sâu trong trái tim con người đến thế...

Men theo con đường đất nhỏ chạy giữa những cánh đồng xanh non mướt tằm mắt, chúng tôi đến nhà anh thương binh Mai Xuân Định ở xã Nam Bình, huyện Kiến Xương. Người lính đặc công chiến đấu khắp các chiến trường miền Đông Nam Bộ sau những năm tháng cống hiến cho đất nước, giờ đây đang ngày phải "chiến đấu" với những vết thương của chính cơ thể mình để giành giật với tử thần sự sống và cũng để giữ mạng sống cho đứa con tật nguyền của mình. Từ ngày sinh ra đến nay, con anh, Mai Xuân Thiện chưa một ngày được sống đúng nghĩa một con người. Năm nay 20 tuổi, nhưng Thiện không nặng nổi 10kg. Cả người em co quắp, ngón chân, ngón tay cong queo, vụn vẹo. Cổ, đầu, mặt đều biến dạng, hàm răng tự rụng gần hết, đôi mắt mở to vô hồn. Gần 20 năm qua, Thiện nằm liệt giường, không nói, không cười, không nhận thức. Nếu không có thuốc ngủ, Thiện khóc rờn rã ngày đêm, tiếng khóc méo mó, khàn đục, rền rĩ... Với gia đình ông Định, nỗi đau chưa dừng lại ở đó. Sinh được ba người con, ngoài Thiện nằm liệt một chỗ, anh và chị của em da dẻ đều sần sùi, mụn nhọt khắp người, lúc tỉnh, lúc quên.

Có lẽ từ trước tới nay, chưa từng có căn bệnh nào lại khiến con người đau đớn, vật vã, điên loạn như những nạn nhân của chất độc Da cam. Chúng tôi đã lặng người khi nhìn thấy em Lại Thị Hà ở xóm 7, xã Phúc Thành, huyện Vũ Thư nằm lệt thỏm trong một chiếc cũi. Hà sinh năm 1983, là con đầu của cựu chiến binh Lại Văn Hằng. 21 tuổi, Hà nhỏ như đứa trẻ lên 5, chân tay teo tóp, khằng khiu, gương mặt ngậy dại. Đây là chiếc cũi thứ 4 mà cha em đã nuốt nước mắt vào lòng, thuê thợ đóng để nhốt con. Nếu không ở trong cũi, với những cơn thần kinh thường xuyên, Hà sẽ cắn nát mọi thứ lọt vào tay em, xé tan thành chần, màn, gối, chiếu, kể

cả bộ quần áo đang mặc trên người và những chấn song cũ gỗ. Mẹ em, người phụ nữ mới 43 tuổi đã bạc gần hết mái đầu giữa nước mắt trên khuôn mặt khắc khổ, đứng nhìn con, nghẹn ngào: Hai mấy tuổi đầu chỉ mặc được toàn quần áo trẻ con...

Không như hoàn cảnh của ông Định, anh Hằng, hai con song sinh của ông Phạm Minh Phương ở xã Tân Hòa, huyện Vũ Thư sinh ra đều không có đầu. Nhìn thấy con, vợ ông ngất xỉu. Hai cháu cũng chết ngay khi chưa kịp đặt tên. Những lần mang thai sau, không thai nhi nào được thành người. Cũng đau đớn như thế là ông Hà Duy Hưng ở cùng xã. Vợ ông Hưng mang thai bốn lần nhưng mấy lần chữa là mấy lần sa tội tình. Cứ đến tháng thứ 6, thứ 7 là thai chết, tự ra với những hình hài dị dạng, thiếu, thừa các bộ phận trong cơ thể. Giờ hai vợ chồng ông như hai thân cây gập bão, xơ xác, đen sạm, chên vênh trong căn nhà trống. Ông Hưng lẩm lức ngơ ngẩn như người mất hồn, bắc ghế ngồi trước cổng, thần thờ cả buổi nhìn trẻ con quanh xóm đi học về mà lòng đau như cắt.

Trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, Thái Bình đã gửi hàng chục vạn người con ra tiền tuyến. Đất nước toàn thắng, 48.000 người con mãi mãi không trở về; gần 30.000 người con khác trở thành thương bệnh binh và hơn 25.000 người bị nhiễm chất độc Da cam. Trong đó hơn 8.000 nạn nhân nhiễm chất độc Da cam là con, là cháu; gần 4.000 trẻ em là nạn nhân chất độc Da cam ở thể nặng không còn khả năng lao động hoặc tự chủ trong sinh hoạt. Bao gồm 15% dị dạng; 13% bị liệt; 3% bị mù; 9% bị câm; 25% bị thần kinh; 13% bị tâm thần; các dị tật khác 22%. Hơn 1.000 em đã chết vì các chứng bệnh nan y. Ở Thái Bình, không có một làng xã nào ở 8 huyện, thị lại không có nạn nhân chất độc Da cam. Đau thương, mất mát là thế, nhưng người dân Thái Bình cùng với những tấm lòng của nhân dân cả nước, đã vượt lên, san sẻ, giúp đỡ những gia đình có nạn nhân chất độc Da cam giảm bớt phần nào khó khăn trong cuộc sống. Ngoài chế độ trợ cấp cho mỗi nạn nhân theo Quyết định 26/2000/QĐ-TTg ngày 23 tháng 2 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với người tham gia kháng chiến và con đẻ của họ bị nhiễm chất độc hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam, Ủy ban nhân dân tỉnh, các ngành, các cấp và nhân dân Thái Bình đã huy động các nguồn lực để hỗ trợ, chăm sóc cho những nạn nhân chất độc Da cam, đặc biệt là trẻ em. Các dự án hỗ trợ trẻ em khuyết tật, trẻ em là nạn nhân chất độc Da cam do Quỹ bảo trợ trẻ em Việt Nam giúp đỡ; dự án hỗ trợ dạy nghề và tạo việc làm cho trẻ em dị tật; dự án phục hồi chức năng cho trẻ khuyết tật, trẻ nhiễm chất độc Da cam tại các cụm xã... đã và đang hoạt động rất hiệu quả. Mỗi năm, hàng tỷ đồng đã được dùng để trợ cấp cho hàng trăm lượt trẻ em nhiễm chất độc Da cam, những nạn nhân có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và để thăm hỏi, tặng quà, khám chữa bệnh, cấp phát thuốc

miễn phí, hỗ trợ tạo việc làm, cho vay vốn... nhưng vẫn không sao bù đắp nỗi
nỗi đau trong mỗi con người, mỗi gia đình.

Không chỉ ở Thái Bình! Cả nước hiện có hơn 4 triệu nạn nhân bị nhiễm
chất độc Da cam và như thế cũng có nghĩa là có hơn 4 triệu con người tật
nguyên. Chất độc màu Da cam đã tàn phá nhiều thế hệ, đe dọa tuyệt diệt cả
một dòng họ, làm suy thoái giống nòi... Thực tế đau lòng này đã làm thức
tỉnh lương tâm của biết bao dân tộc trên thế giới, trong đó có cả những người
dân Mỹ. Họ và những người Việt Nam yêu cuộc sống đã đứng lên, đòi Chính
phủ Mỹ phải buộc các công ty Mỹ đã cung cấp hóa chất chứa dioxin để quân
đội Mỹ rải thảm hủy diệt trong chiến tranh Việt Nam phải có trách nhiệm
bồi thường, phải trả giá cho những việc làm vô nhân đạo ấy.

LÊ THANH THÚY

Bản sao lưu trữ

NOI ẤY, VẾT THƯƠNG CHIẾN TRANH VẪN CÒN ĐAU

Chiến tranh đi qua đã 25 năm. Nhiều miền quê Việt Nam bị chiến tranh tàn phá khốc liệt đã và đang hồi hủ hồi sinh. Nhưng có những vết thương vẫn còn đau, sẽ còn là nỗi đau đớn tột cùng cho nhiều sinh linh vô tội. Đó là hậu quả của chất độc hóa học mà bọn đế quốc rải trong chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Có một tài liệu điều tra cho thấy từ những năm 1962-1972, quân đội Mỹ đã rải xuống miền Nam Việt Nam và khu vực phụ cận bắc vĩ tuyến 17 một lượng khá lớn các chất độc hóa học làm rụng lá cây và diệt cỏ, nhằm phát quang tuyến vận tải dọc dãy Trường Sơn (tức đường mòn Hồ Chí Minh). Tại Quảng Trị, đã có 347 phi vụ rải chất độc hóa học, hủy hoại 44% đất canh tác và 43% diện tích rừng rậm, khiến hàng trăm nghìn hécta rừng nguyên sinh bị tàn phá. Riêng hai huyện Đak-rông và Hướng Hóa có đường số 9 và đường mòn Hồ Chí Minh đi qua, hơn 2.000 đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở đây chết trong các vụ rải thảm đó.

Không chỉ hủy hoại môi trường sống, sau chiến tranh di chứng của chất độc hóa học đã trở thành hiểm họa đối với cuộc sống hàng vạn gia đình, qua hai, ba thế hệ. Theo kết quả điều tra mới đây, ở Quảng Trị có 120.242 hộ dân thì có 6.615 hộ có người bị nhiễm chất độc hóa học. Họ hoặc là cư dân vô tội trong vùng oanh tạc của máy bay xâm lược, hoặc là những thanh niên xung phong, bộ đội một thời lăn lộn ở Trường Sơn trong kháng chiến. Tổng số người bị nhiễm độc đến thời điểm tháng 7 năm 1999 lên tới 15.451 người. Trong đó, số nạn nhân trực tiếp là 8.320 người. Và họ đã sinh ra 6.881 người con, 45 người cháu nội, ngoại bị dị dạng, dị tật. Những nạn nhân đáng thương nhất, đem đến cho cộng đồng nỗi đau đớn nhất, là trẻ em. Toàn tỉnh Quảng Trị có 6.800 trẻ em khuyết tật thì đối tượng bị nhiễm chất độc hóa học đã là 2.582 cháu, với những dị dạng, dị tật nặng nhất. Chỉ tính riêng huyện Cam Lộ, *vùng chiến tranh xưa bị nhiều vụ rải chất độc, có đến 936 trẻ tật nguyền (chiếm 1,97% dân số của huyện) và các xã Cam Nghĩa, Cam Chính bị ảnh hưởng nặng nhất, có đến 96-111 trẻ.*

Chị Nguyễn Thị Huyền ở thôn Bàng Sơn, xã Cam Nghĩa, chồng bị bệnh chết sớm để lại bốn đứa con thơ dại, nhưng đã có ba đứa bị tật nguyền.

Cháu Lê Thị Hạnh 17 tuổi mà chỉ bằng đứa trẻ lên 6, teo cơ, bại não nằm bất động rồi chết. Em của Hạnh là Lê Thị Đào, 15 tuổi, cũng như chị và mù mắt. Cậu con út Lê Văn Khanh 13 tuổi cũng nằm liệt một chỗ. Từ 17 năm nay, tất cả mọi sinh hoạt của những đứa con tật nguyên đều đặt trên vai người mẹ với cuộc sống quá đổi khốn khó. Cũng ở xã này, vợ chồng ông Lê Văn Lộc có ba trong bốn đứa con bị dị tật, đứa nằm bất động, đứa luôn quay cuồng, lấy tay đập vào đầu. Gia đình ông Trần Sâm có bốn con thì cả bốn cháu đều bị liệt, v.v.

Nạn nhân của chất độc Da cam và những gia cảnh như chị Huyền, ông Lộc, ông Sâm ở tất cả chín huyện, thị xã trong tỉnh, nơi nào cũng có, với nhiều biểu hiện khác nhau như dị tật về mắt, về não, chi, về máu... Các hộ có nạn nhân của chất độc hóa học, hoàn cảnh đều giống nhau: nghèo khổ, thiếu ăn do thiếu nhân lực lao động và phải dành phần lớn thu nhập cho những đứa con bất hạnh.

Suốt một phần tư thế kỷ qua, trong nhiều nỗ lực để hàn gắn vết thương chiến tranh, Đảng, Nhà nước và các tổ chức xã hội đã rất quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ các nạn nhân chất độc Da cam. Ở Quảng Trị, các hoạt động xã hội, từ thiện ngày càng có nhiều lực lượng tham gia. Nhiều tổ chức nhân đạo quốc tế, trong nước đã triển khai các dự án về giải phẫu, hỗ trợ kinh tế cho các hộ có trẻ tàn tật. Nhưng đáng nói nhất là những cố gắng của chính quyền và nhân dân địa phương, Ủy ban Bảo vệ và Chăm sóc trẻ em Quảng Trị trở thành đầu mối để tổ chức các mô hình phục hồi chức năng cho trẻ khuyết tật dựa vào cộng đồng, đặc biệt ưu tiên trẻ bị nhiễm chất độc Da cam. Mục tiêu của chương trình nhân đạo này là cố gắng phục hồi những khả năng còn lại của trẻ tàn tật nói chung và nạn nhân của hóa chất độc nói riêng, giúp các cháu có cơ hội hòa nhập cộng đồng. Mặt khác, làm thức tỉnh trách nhiệm của xã hội với trẻ tàn tật. Từ đó huy động sức mạnh tổng hợp từ nhiều nguồn để chăm lo cho các em. Lực cản lớn nhất mà Chương trình phục hồi chức năng trẻ khuyết tật ở Quảng Trị phải vượt qua, trước hết là lượng trẻ thuộc đối tượng quá lớn, nhất là trẻ bị nhiễm chất độc hóa học thường bị dị tật mức nặng hơn nhiều. Trong khi đó, điều kiện về dịch vụ y tế thiếu thốn nghiêm trọng, rồi sự bất cập về kiến thức, kinh nghiệm của cộng đồng và gia đình trong hoạt động chăm sóc trẻ tàn tật.

Từ hai xã thí điểm năm 1994, đến nay Chương trình phục hồi chức năng trẻ khuyết tật đã nhân ra thêm 45 xã với 1.028 cháu ở bốn huyện, thị trong tỉnh. Để thực hiện chương trình này, ngoài các thành viên ở Sở Y tế, Khoa phục hồi chức năng bệnh viện đa khoa tỉnh, Ủy ban Bảo vệ và Chăm sóc trẻ em Quảng Trị đã kêu gọi và động viên được 286 người có tấm lòng yêu trẻ, tình nguyện bỏ công sức giúp đỡ trẻ khuyết tật, trong đó phần đông là thân

nhân các cháu. Các tình nguyện viên được đào tạo kỹ năng và truyền thụ kinh nghiệm về phục hồi chức năng.

Tín hiệu đáng mừng đã phát lên ở những mô hình nhân đạo ấy. Riêng hai xã thí điểm thực hiện từ 1994 là Cam Chính, Cam Nghĩa (Cam Lộ) đã có 52% số cháu phục hồi các chức năng còn lại khá tốt. Có cháu từ chỗ không nói, không nghe được, nay đã tiếp xúc được với bạn bè, biết nghe và biết hát. Có cháu chỉ nằm bất động nay biết phản ứng vui, buồn. Rồi có những cháu bị mù, không đi lại được, giờ biết làm những công việc đơn giản, v.v. Từng niềm vui nho nhỏ như thế cứ nhân lên trong các em, trong mỗi người làm cha, làm mẹ và cộng đồng.

Dành sự quan tâm, ưu ái hơn nữa cho những người tàn tật, nhất là những đối tượng bị nhiễm chất độc hóa học, tỉnh Quảng Trị lập Quỹ bảo trợ nạn nhân chất độc màu Da cam, thành lập Trung tâm tư vấn và phục hồi chức năng trẻ tàn tật ở Đông Hà, xúc tiến xây dựng ở mỗi huyện, thị xã một trung tâm phục hồi chức năng cho người tàn tật. Và mới đây, tỉnh Quảng Trị tổ chức đưa vào sử dụng Trung tâm giáo dục trẻ khuyết tật Đông Hà trị giá gần 2 tỷ đồng, là món quà của đồng chí Đỗ Mười, nguyên Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tặng trẻ em Quảng Trị, nạn nhân của bom, mìn và chất độc hóa học do chiến tranh để lại.

Hậu quả khủng khiếp và vô nhân đạo của chất độc hóa học mà quân đội Mỹ đã rải xuống đất Việt Nam hơn 25 năm trước, đã, đang và sẽ còn là nỗi đau đớn của nhiều người dân vô tội, nhất là trẻ em. Từ nhiều năm nay, Đảng, Nhà nước ta đã có nhiều chính sách, biện pháp nhằm giúp đỡ các nạn nhân, hạn chế tác hại của nó. Và một lần nữa, những thông điệp thương tâm về nạn nhân chiến tranh, chất độc hóa học đã làm lay động nhân tâm năm châu bốn biển, đòi hỏi Hoa Kỳ có trách nhiệm đối với việc làm họ đã gây ra cho nhân dân Việt Nam.

ĐINH NHƯ HOAN

NƯỚC MÁT MÀU DA CAM

Theo tài liệu mà Mỹ thừa nhận thì từ tháng 3 năm 1965 đến tháng 6 năm 1970, Mỹ đã rải 20 triệu galông, tương đương 76 triệu lít chất độc hóa học và chất độc màu Da cam xuống 697.000 hécta rừng rậm và cây trồng ở miền Nam Việt Nam để phá hủy "nơi che giấu và ẩn nấp của Cộng sản".

Vậy mà mới đây, Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ M.Albright đã lật lọng nói rằng: "Không có bằng chứng nào về hậu quả của việc này cả".

Báo An ninh thế giới xin cung cấp một vài tư liệu với một vài số phận trong hàng triệu người Việt Nam phải chịu hậu quả của cuộc chiến tranh này.

Có những người cha đã nhiều lần định đưa tay kết liễu sự sống hắt hiu của những đứa con mình rồi sau đó mình sẽ chết theo. Có những bà mẹ cả cuộc đời chôn chặt đôi chân bên chiếc giường không chăn chiếu để chăm sóc những đứa con tật nguyền, nhằn nhục như một thiên thần bên nỗi đau không bờ bến. Hết nước mắt để khóc, không còn lời để than, họ lặng im vật vờ trong hố thẳm khó nghèo và bất hạnh. Cuộc chiến tranh đi qua đã một phần tư thế kỷ nhưng dường như họ chưa có được phút nào hưởng bình yên. Chất độc màu Da cam đã đẩy họ và những đứa con tội nghiệp của họ đến một sự đọa đày chưa từng có trên thế gian... nhất là sau ngày con người chế tạo ra loại chất độc ghê khiếp này để chống lại chính đồng loại của mình. Những số phận dưới đây có thể nói lên được nỗi đau còn khủng khiếp hơn cả sự chết chóc này...

Người mẹ và những đứa bé... hai mươi tuổi.

Người mẹ ấy là chị Hà Thị Điều ở xóm I - cái xóm nhỏ nằm sâu nơi một thung lũng heo hút sát chân núi Hòn Dung của làng Trung Lộc, xã Quế Lộc (Quế Sơn, Quảng Nam). Hai mươi năm trước đây, chị cùng chồng - anh Võ Tịnh đã rất vui mừng khi chị sinh cùng lúc hai đứa con trai. Vợ chồng chị nghĩ, quả là Trời Phật có mắt lần này, bởi đã bù lại cho vợ chồng chị nỗi đau về đường con cái: Đứa trai đầu của vợ chồng chị bị tâm thần nặng ở tuổi lên năm và đứa con gái tiếp theo cũng không được lành lặn lắm. Nhà nghèo, nhưng dù ăn cơm với dưa mắm, chị vẫn đủ sữa cho hai cục cưng của chị bú. Và cu Anh, cu Em - hai cái tên yêu thương mà vợ chồng chị đặt cho hai đứa

nhỏ đều lớn rất nhanh. Nhưng rồi... mãi đến tháng tuổi thứ 10, hai cục cứng vẫn cứ nằm ngửa, chẳng hề biết lật biết trườn. Ngõ chúng yếu xương, vợ chồng chị đã luôn chân chạy thuốc chạy thầy cho con. Nhưng hết một năm rồi hai năm, ba năm, mặc thuốc mặc thầy, hai đứa trẻ vẫn cứ nằm ngửa nhìn lên với đôi mắt vô hồn, miệng luôn ú ở những âm thanh kỳ dị. Chị nói: "Cho đến năm chúng lên 10, vợ chồng tôi vẫn còn cho là chúng yếu xương, ra tận ông thầy ở Duy Xuyên để chạy chữa cho chúng. Nhưng bệnh thì không khỏi, nợ lại mang vô thân. Mãi đến lúc đưa đến bệnh viện, bác sĩ nói e chúng bị nhiễm chất độc màu Da cam, vợ chồng tôi mới hối ối!...". Những lời nói nhướm vẻ mỏi mệt của người mẹ thiếu ăn thiếu ngủ luôn bị những tiếng kêu ré thất thanh của hai đứa trẻ... hai mươi tuổi che lấp. Thấy trăm việc đều đổ lên đầu chồng, nhiều lúc chị định liều bỏ chúng một mình để ra đồng làm hoặc lên núi kiếm gánh củ bán. Nhưng làm thế nào bỏ mặc chúng được, chúng cứ luôn lúc thì cào cấu vào nhau, lúc thì tự cào cấu vào chính thân mình hay cho tay vào miệng cắn đến rách thịt, chảy máu. Thỉnh thoảng cho chúng nằm nghiêng để tránh khỏi phải trầy da thối thịt vì nằm ngửa mãi thì chúng lại dùng miệng gặm gậy thành chõng. Đã có đến hai chiếc chõng bị chúng gặm gãy phải vứt đi. Chúng cũng không chịu mặc quần áo, bao nhiêu cái mặc được vào đều bị chúng xé nát. Điều khác thường là chúng ăn rất mạnh và chóng đói, luôn la hét những âm thanh kỳ dị, nhất là khi chúng đói bụng. Theo lời chị Điều, nếu có gạo nấu cho chúng ăn thẳng sức, mỗi ngày hai đứa có thể ăn hết ba cân gạo. Nhiều lúc thiếu gạo, kiếm được trái mít non, chị Điều đem xắt và luộc trộn qua loa, cả một thau đầy vẫn không làm thỏa hai cái miệng thêm ăn. Mạnh ăn, mạnh la hét, chúng cũng mạnh ở chuyện... bài tiết. Và đây chính là một phần nỗi khổ sở của người mẹ. Mà khổ nhất là nơi sơn cùng thủy tận này, nghèo đến cả miếng vải rách để lau chùi cũng thiếu. Mùa mưa, nhiều đêm chị phải lăn mình với cứt đá của con, còn chúng thì hét ré lên vì giá lạnh. "Tôi đã nghĩ đến chuyện cho hai đứa nằm riêng, còn mình thì nằm canh ở chiếc chõng kê giữa cho đỡ bị cứt đá dấy vào mình nhưng không được. Hai đứa nó mà không thấy nhau là hét ré lên không ai chịu thấu. Khổ nỗi, chúng ăn nhiều nhưng lại ngủ rất ít, đêm cứ thức nhìn nhau và la ú ó...". Những lời kể của người mẹ tựa như khúc bi ca ít có trên đời...

Nỗi đau bên chân núi.

Nói đến nỗi đau màu Da cam ở Tiên Phước - một huyện nửa trung du và miền núi có số trẻ khuyết tật lớn nhất ở Quảng Nam - có lẽ gia đình anh Nguyễn Hữu Đông ở thôn I, xã Tiên Châu là hứng chịu nặng nề nhất. Sau khi sinh được chút con trai kế sau đứa con gái đầu lòng, vợ chồng anh đã thỏa niềm mong đợi. Nhưng, ngay ở tháng đầu, bên cạnh niềm vui đã xen kẽ

nỗi lo lắng: cục cứng bé bỏng của vợ chồng anh hơi bị khó thở. Chạy chữa đã không hết, đến tháng thứ 6, cu Vương - tên của đứa bé - vẫn cứ nằm ngửa, cổ yếu, tay chân bị co rút. Rồi đến tháng thứ 10, những diễn biến tồi tệ lại đến tiếp, chứng tỏ đứa bé khó phát triển bình thường được. Lội suối, vượt rừng, anh cùng người vợ khốn khổ - chị Trương Thị Thì - đưa con đến bệnh viện. Nhưng thuốc thầy nào có thể chữa được cái bệnh vốn là hậu quả của loại chất độc tàn ác ấy, vợ chồng anh buồn bã đưa con về với kết luận khép lại mọi hy vọng của bệnh viện: bị dị tật bẩm sinh. Rồi sau đó, vợ anh sinh tiếp một đứa con trai. Anh ra sức chạy gạo nuôi vợ ở cũ. Nhưng đến tháng thứ 5, những diễn biến bệnh trạng của cu Vương ngày trước bắt đầu trở thành bản sao nguyên mẫu đối với cu Ván - đứa em của nó. Từ đó, chiếc chõng không chiếu trải trong căn nhà tiêu tụy trở thành chỗ nằm chung của hai đứa bé tật nguyền, gồng mình chịu khổ, ba năm sau vợ chồng anh lại sinh tiếp một bé gái. "Lần ni thì trai gái chi cũng được, miễn là nó lành mạnh, đừng có mà...". Nhưng ước mong của vợ chồng anh vẫn không mấy được trọn vẹn. Bé Hường tuy không bị bại liệt và dị dạng như hai anh nhưng vẫn bị tật ở chân. Tấn bi kịch vẫn chưa dừng lại. Năm 1993, cu Ván chết vì suy mòn thể lực ở tuổi lên 5. Cũng trong năm này, vợ chồng anh lại có thêm mụn con trai. "Biết đâu nó sẽ... lành mạnh. Ở chốn núi rừng heo hút ni không có con trai buồn lắm, lúc tuổi già lấy ai cậy dựa...". Mừng, nhưng chút hy vọng như tia sáng cuối đường hầm vẫn làm vợ chồng anh lo lắng. Và đúng là họa vô đơn chí. Ở tháng tuổi thứ 5, cu Xuyên lại lập nguyên tình trạng bệnh hoạn của hai anh. Vậy là thế vào chỗ nằm của cu Ván trên chiếc chõng mòn cũ, giờ đây là cu Xuyên. Hai hình hài tật nguyền ngày ngày cùng dăm dăm mắt nhìn lên mái nhà buồn thảm, cùng buông những tiếng cười vô tri, vô giác buồn đến nẫu người...

Đau thương trong một mái nhà.

Cả một đời làm lính, đối với anh Nguyễn Xuân Công quả là hạnh phúc, ở tuổi 50, anh mới có được mụn con đầu sau 6 năm lập gia đình. Đây cũng là nỗi vui mừng của người mẹ già còm cõi của anh - người có đến 3 người con hy sinh vì nước, chỉ còn lại mình anh là con trai duy nhất. Nhưng ngay sau tin vui là nỗi đau quặn lòng của cả gia đình: Vừa mới lọt lòng, bé Thúy Hằng đã nôn mửa từng cơn dài. Càng xót xa hơn, dăm ngày sau bé lại lên cơn co giật tay chân. Ba tháng tuổi, bé bắt đầu trải cuộc đời bất hạnh nơi bệnh viện, với chẩn đoán ban đầu: hẹp môn vị, có dấu hiệu rối loạn não, không ăn được, mất ngủ. Vết đồng lương lính của mình và đồng lương y tế phụng dưỡng của vợ anh, anh dốc lòng chữa chạy cho con. Nhưng hoài thuốc, hoài công, bệnh vẫn không giảm. Một thời gian sau, bé Thúy Hằng lại phát phì đột biến. Gắng chịu khổ đau, vợ chồng anh lại có thêm mụn con để mong lấp bù bất hạnh.

Anh không dám nói câu "câu được ước thấy", nhưng quả là anh mừng rỡ vô cùng khi đón tin từ người đỡ đẻ rằng, đứa bé vừa ra đời là một mụn trai. Nhưng rồi... màu Da cam tai ác kia đã biến vùng sáng hy vọng của những nạn nhân của nó thành vùng tối đen ngòm. Chẳng bao lâu, cu Mão cũng lặp lại bệnh lý của chị. Một căn nhà nhỏ đầy những khổ đau. Mới lên 6 tuổi, bé Thúy Hằng đã nặng gần 40kg, chảy máu thường xuyên ở âm đạo và cả nôn ra máu tươi. Cũng trong thời gian này, anh Công bắt đầu phát hiện: long các đầu móng tay, nứt nẻ các kẽ chân, kẽ tay, máu mủ tiết ra âm i ở bộ phận sinh dục kèm theo là sự suy sụp thể lực và tinh thần. "Đến lúc này tôi mới sực nghĩ ra là có lẽ chất độc hóa học mà mình hứng chịu trong chiến tranh đã mang lại những hậu quả này. Ở Tây Nguyên, máy bay Mỹ rải chất độc hóa học xuống nhiều đến nỗi chúng tôi phải mặc cả áo mưa để chống thấm vào da...". Không thể nhìn chồng con quần quai trong đau khổ, năm 1991, vợ anh - chị Nguyễn Thị Thúy, bán nhà đưa chồng con ra Hà Nội chạy chữa. Nhưng hết bệnh viện Nhi Thụy Điển đến bệnh viện Bạch Mai, cả hai đều phải bó tay. Về lại quê ở thị xã Tam Kỳ cũng là lúc chị Thúy phải gồng mình gánh hết việc nhà bởi bệnh tình chồng chị ngày càng nặng. Lại cũng không thể nhìn bệnh tật hành hạ con mình, nhất là bé Thúy hằng. Năm 1997, chị Thúy lại vay mượn bà con đưa bé Thúy Hằng đến các bệnh viện Tam Kỳ, Đà Nẵng để chạy chữa. Nhưng làm sao những nơi này có thể chạy chữa khi mà các bác sĩ đã ghi trong chẩn đoán: Bị nhiễm chất độc dioxin. Người mẹ đành đưa con về trong nỗi tuyệt vọng hoàn toàn.

Bên nỗi đau không lời.

Những đứa trẻ hứng chịu sự dọa dẫm tận cùng của kiếp sống không hề nói được một lời, không hiểu vì sao mình phải chịu khổ, không biết thế nào là khổ đau, hạnh phúc. Nước mắt màu Da cam có lẽ là nước mắt của cộng đồng dành cho những đứa trẻ tật nguyên và người thân của chúng. Hầu hết những gia đình có vết thương màu Da cam nặng nề mà chúng tôi đã gặp là những gia đình đắm chìm trong vực thẳm của khó nghèo, cùng khổ.

Chất độc màu Da cam bao lâu nay là nỗi kinh hoàng, là địa ngục trần gian của sự sống. Rải rác đó đây trên đất nước ta, hàng vạn tấn bi kịch màu Da cam vẫn đang từng ngày gặm nhấm, dày dạn những nạn nhân của nó. Chúng ta vẫn đợi chờ một thái độ, một sự sẻ chia trách nhiệm tích cực của Chính phủ Mỹ - kẻ đã gây ra tấn thảm kịch này; chờ đợi sự giúp đỡ của các tổ chức nhân đạo trong và ngoài nước. Chúng ta cũng mong sao cả cộng đồng cùng góp sức xoa dịu những nỗi đau của những cuộc đời bất hạnh.

HUYỀN VĂN MỸ

NHỮNG NGƯỜI MỘT THỜI Ở TRƯỜNG SƠN

Bốn đội thanh niên xung phong của Thái Bình gồm gần 2 vạn người có mặt trên các tuyến đường Trường Sơn trong những năm chiến tranh khốc liệt. Trong số này có 1,6 vạn là chị em phụ nữ. Họ là các cô gái mười bảy, đôi mươi, khi Tổ quốc lâm nguy, họ tình nguyện lên đường trải dọc Trường Sơn. Họ là những cô gái Vũ Thu, Thái Thụy, Tiên Hải, Đông Hưng, Kiến Xương, Hưng Hà, thị xã Thái Bình vào tuyến lửa, lấp hố bom, mở đường, đưa các đoàn xe, đoàn người nối nhau ra trận. Những chiến công một thời nức lòng nhân dân cả nước có một phần tiếp sức cực kỳ quan trọng của các tổng đội thanh niên xung phong. Khi chiến tranh khép lại, những cô gái mười bảy đôi mươi đâu còn nữa, phần thì họ đã hóa thân cho những con đường để thành liệt sĩ, để cho đất nước bình yên. Những người nguyên vẹn trở về quê hương thì tuổi xuân đã gửi lại trên những con đường, trở về với cuộc sống bình yên, mỗi người một hoàn cảnh. Song dù ở đâu, làm gì họ vẫn giữ tư chất một người chiến sĩ được rèn luyện nơi đất lửa. Có người "gửi thân" nơi cửa Phật vẫn làm sáng đạo, đẹp đời như sư thầy Đàm Phương, Đàm Nhuận, Đàm Thân, sư Minh, sư Lộc, sư Mừng, v.v. Có người trở về với làng quê tiếp tục cái công việc muôn thuở của người nông dân. Có chị em đi học trở thành cán bộ, trở thành bác sĩ, kỹ sư. Cũng có chị em gặp phải những cảnh ngộ thương tâm, do bị thương, bị nhiễm chất độc không còn khả năng làm vợ, làm mẹ, v.v. Tôi được gặp 900 cô gái thanh niên xung phong, 25 năm trước họ ở Trường Sơn, họ tụ hội đông đủ trong một cuộc họp mặt do Ban liên lạc thanh niên xung phong Thái Bình tổ chức. Tất cả đều ở tuổi trên dưới "Ngũ tuần". Cái tuổi một thời vương bụi chiến trường, run rẩy sốt rét nay "Lên bà" trông thật đáng thương, đáng phục.

Chị Trần Thị Lan nguyên là đại đội trưởng thanh niên xung phong đội 89 đơn vị 953 kể với chúng tôi về những đồng đội của mình "Họ không vào ở cửa Phật mà sống đặm đặm với cuộc sống đời thường ở nơi thôn quê. Họ nỗ lực vươn lên không kém những người bạn của họ, tu luyện ở cõi "Hư vô". Nhưng do sức cạn, lại chịu hậu quả của cuộc chiến tranh tàn khốc do đế quốc Mỹ gây ra, nên nhiều người ước mơ có cuộc sống bình thường cũng khó khăn".

Trước khi kể lại số phận từng người, chị Trần Thị Lan giới thiệu vấn tắt với chúng tôi về sự cống hiến của gần 2 vạn thanh niên xung phong

Thái Bình ở các đơn vị 981, 952, 953, 874, v.v. Nhiều người có mặt suốt từ tháng 12 năm 1965 đến tháng 6 năm 1974. Theo số liệu ban đầu do Ban đại diện thanh niên xung phong Thái Bình tập hợp, số chị em hy sinh được công nhận là liệt sĩ là 364 người. Nhiều trường hợp khác hy sinh chưa được xác nhận do có nhiều nguyên nhân. Gần 800 chị em bị thương đã được cấp thẻ hưởng chế độ như thương binh. Hơn 200 chị em hiện tại bị nhiễm độc nặng, 150 đứa con của các chị do mẹ nhiễm độc nên bị tật nguyền dị dạng, không kể hàng trăm cháu đã qua đời. Trở về với cuộc sống thường ngày, hiện tại 2.860 chị em đang gặp khó khăn trong cuộc sống. Trong đó số chị em quá khó khăn 305 chị, 327 chị không có chồng.

Chị Trần Thị Lan đưa chúng tôi đi thăm một số gia đình bạn bè của chị một thời ở Trường Sơn và tặng quà cho các chị em có gia cảnh đặc biệt. Tới gia đình chị Hà Thị Hận ở Bắc Sơn (Hưng Hà), chúng tôi ai cũng bùi ngùi xúc động. Chị Hận là thanh niên xung phong đội 27-C271 bị sức ép bom và nhiễm độc tái phát, ốm liệt giường 3 năm, vừa mới qua đời. Anh Bùi Duy Tảo, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã trao 500.000 đồng và một số quần áo của báo Tiền Phong nhờ tỉnh chuyển đến cho chồng và con chị. Sư thầy Đàm Nhuận và bác Nguyễn Diệu Chiêm cùng đi trong đoàn chúng tôi đã làm lễ cầu siêu cho Hà Thị Hận. Hai nhà sư là bạn cùng Tổng đội thanh niên xung phong với Hận 25 năm trước. Cầu cho bạn mình siêu thoát, nước mắt hai nhà sư đầm đìa, khiến chúng tôi không ai không rơi nước mắt. Từ Hưng Hà chúng tôi về Đông Hưng thăm gia đình chị Nguyễn Thị Chiến xã Nguyên Xá đơn vị 943 đội 43, chị bị sức ép bom và chấn thương sọ não ở bệnh trạm 12 Trường Sơn, chúng tôi đến chuyển số quà của đồng đội gom góp giúp chị vượt qua lúc bệnh tình nguy nan. Chị Chiến cảm động nói:

- Ngày còn ở đơn vị thanh niên xung phong, các bạn đã rất quan tâm đến tôi nhất là khi tôi bị thương.- Chiến vừa nói vừa chỉ tay vào hai nhà sư cùng đi trong đoàn.- Sư Nhuận, sư Diệu đây trước cùng đơn vị với tôi, các chị tốt lắm. Nay lại đến thăm và cho tiền tôi. Tình nghĩa này bao giờ tôi mới trả được.

Về Vũ Lạc (Kiến Xương), chúng tôi đến thăm gia đình chị Trần Thị Nhung nguyên là chiến sĩ thanh niên xung phong đội 94-C894. Chị Nhung có thời gian đi lấp hố bom, mở đường trên tuyến đường Trường Sơn khá lâu. Ngày ấy, tuổi mười bảy "bẻ gãy sừng trâu" chị có mặt trên các cung đường hết chiến dịch này đến chiến dịch khác. Ba lần bị bom vùi, hai lần bị nhiễm độc vẫn không "quật đổ" chị. Mãi đến khi về quê hương Vũ Lạc, ở cái tuổi "Ngũ tuần" chất độc và sức ép của bom mới "trỗi dậy" hành hạ chị. Hiện giờ chị không đi lại được, suốt ngày nằm liệt trên giường. Người đàn ông không chịu nổi cảnh người vợ như thế đã "tự nguyện" ra đi với một mối tình "lạnh lặn" trẻ trung nơi đất khách quê người. Nhưng vẫn còn chút lương tâm, anh

ta "tặng lại" chị một căn nhà để chị tĩnh tâm an nghỉ. Cuộc sống của chị Nhung hiện nay chỉ trông vào người con và tình nghĩa của bà con xóm làng. Người giúp tiền, người giúp gạo, lãnh đạo xã Vũ Lạc cũng rất tận tình. Vừa qua các anh đã lên tỉnh, lên huyện làm thủ tục, chế độ để chị Nhung được hưởng một phần trợ cấp chính sách. Hiện tại chưa xong, song nghĩa tình làng xóm lo toan cho chị cũng rất "đầy đặn". Được mọi người an ủi, chị Nhung đang sống những ngày cuối cùng của cuộc đời, chị bảo chị thấy rất ấm lòng. Chị Trần Thị Lan, người đại đội trưởng thanh niên xung phong một thời sống bên chị, trong những năm chị đau yếu, chị Lan đã vận động các chị em cùng đơn vị gom góp của ít lòng nhiều đến giúp đỡ. Ấu cũng là nghĩa cử của bè bạn với nhau, đó chính là điểm tựa để Trần Thị Nhung vượt qua cơn hoạn nạn, v.v.

Từ các đơn vị thanh niên xung phong 891, 952 đến các đơn vị 933, 874 gồm gần 2 vạn chàng trai, cô gái Thái Bình trải dọc tuyến đường Trường Sơn trong 10 năm đánh Mỹ từ 1965 đến 1975. Hơn 20 năm sau gặp lại, người thương tật, bệnh hoạn, người nhiễm chất độc, hoàn cảnh khó khăn có nhiều, nhưng người khỏe mạnh, thành đạt, làm kinh tế giỏi, hạnh phúc gia đình "đầy đặn" cũng không ít. Gặp chị Trần Thị Lan, người tận tình suốt 10 ngày dẫn chúng tôi đi tìm đồng đội, là một con người có nghị lực vươn lên hiếm có. Chị nguyên là đại đội trưởng thanh niên xung phong 953 có mặt suốt 3 nhiệm kỳ từ 1965 đến 1974 trên tuyến đường Trường Sơn. Trần Thị Lan hiện trú quán tại 46 Minh Khai, thị xã Thái Bình là thương binh 2/4. Rồi đơn vị thanh niên xung phong về với cuộc sống đời thường, chị đã cùng người chồng của mình tần tảo lo toan xây dựng cuộc sống. Mặc dù sức yếu, 51% thương tật, chị vẫn nỗ lực xoay sở đủ nghề, làm đủ mọi việc từ sản xuất đến kinh doanh dịch vụ. Hiện tại gia đình chị có cuộc sống khá giả, đầm ấm.

Điều đáng quý ở Trần Thị Lan là chị không chỉ lo cho mình mà còn tận tình giúp đỡ các chị em khác. Chị đã dành khá nhiều thời gian đi tìm đồng đội, chấp mối liên hệ giữa các đơn vị thanh niên xung phong. Nắm danh sách từng người ai còn, ai mất, làm gì, ở đâu? Buổi gặp mặt đầu tiên gần 1.000 thanh niên xung phong đã bầu chị là trưởng ban đại diện thanh niên xung phong Thái Bình. Tiếp đó 8 ban đại diện thanh niên xung phong ở 8 huyện, thị được thành lập, tạo điều kiện để chị em giúp đỡ nhau trong lúc khó khăn.

Trong những năm qua, hoạt động chủ yếu của lực lượng thanh niên xung phong Thái Bình là vận động anh chị em góp tiền để trợ cấp, cứu giúp các đồng đội của mình trong cơn hoạn nạn, khốn khó. Riêng chị Trần Thị Lan đã ủng hộ 140kg đường và 3 triệu đồng cho các gia đình liệt sĩ, thương binh, thanh niên xung phong đang gặp khó khăn. Tình cảm và sự nhiệt thành của Trần Thị Lan đã để lại nhiều ấn tượng sâu sắc với các bạn đồng ngũ một thời sống ở tuyến đường Trường Sơn.

Trong những ngày cùng ban đại diện thanh niên xung phong Thái Bình đi tìm đồng đội, tôi được chứng kiến một buổi hội tụ khá lý thú và cảm động. Hơn 100 thanh niên xung phong và các nhà sư cùng một thời là thanh niên xung phong ở 4 đơn vị 981, 874, 952 và 953 gặp nhau dưới tán cây bồ đề tại chùa Kỳ Bá, thị xã Thái Bình. Họ vào đây cùng các nhà sư bè bạn lần lượt thắp hương để cầu mong cho đồng đội của họ ngã xuống ở Trường Sơn mau chóng siêu thoát. Sau khi thắp hương, họ cùng nhau mắc võng dưới tán cây bồ đề, dưới tán cây đại, cây ngâu để ôn lại những kỷ niệm mở đường dưới làn đạn bom 25 năm trước. Họ ngồi quây quần hai ba người trên một chiếc võng. Bên cạnh những chị ăn vận quần áo thanh niên xung phong, màu nón chuối, ngực đeo huân chương, rất chỉnh tề là những chị "đầu trọc" vận quần áo cà sa ngực cũng đeo lấp lánh huân chương. Họ rôm rả ôn lại, kể lại những kỷ niệm một thời mắc võng dưới tán cây rừng Trường Sơn, một thời sốt rét... Điều làm tôi cảm kích mãi không nguôi là 100 chị vừa nhà sư vừa bạn hữu cùng đồng thanh hát vang bài ca "Cô gái mở đường". Rồi tiếp đó họ lại hát bài "Trường Sơn Đông Trường Sơn Tây". Vừa hát các nhà sư và các bạn thanh niên xung phong vừa vỗ tay bắt nhịp rất đều. Cả tôi và họ khi đó đều rung rung và hình như ai cũng nghĩ rằng mình đang ngồi trên chiếc võng dưới tán cây rừng Trường Sơn năm xưa.

Bất giác tôi quay sang anh Nguyễn Hồng Diên, Bí thư tỉnh đoàn Thái Bình cùng tham dự buổi sinh hoạt truyền thống hôm đó rồi nói:

- Các nhà sư vốn là người tịnh tâm nơi cửa Phật, thế mà hôm nay... Vui quá phải không anh.

Nguyễn Hồng Diên mỉm cười:

- Vui quá!-Anh nói tiếp:

- Chỉ có tình đồng đội sống chết bên nhau mới kéo được các nhà sư vào những sinh hoạt ngoài đời.

Nói rồi, Nguyễn Hồng Diên lại hát và cùng bắt nhịp vỗ tay với những cô gái một thời đi lấp hố bom. Tôi hiểu anh cũng đang tràn ngập niềm vui, hân hoan như họ.

Phóng sự của MINH CHUYỀN

CHẤT MÀU DA CAM, MÀU ÁO NÂU SÔNG

Chúng tôi về Thái Bình thăm ban liên lạc nữ Cựu chiến binh Trường Sơn, mới hình thành đầu năm 1999 đã tụ hội được 425 chị em bộ đội, thanh niên xung phong một thời trên con đường mang tên Bác. Cô Đoàn Thị Minh Huệ, Nguyễn Thị Tâm trong ban liên lạc nhiệt tình chờ đón, dẫn đường thăm bạn chiến đấu cũ. Có về tận nơi nghe kể mới rõ tình cảnh các nữ chiến binh năm xưa, nay sống thế nào? Gần ba chục năm đắp đổi lần hồi, ai cũng bảo "nước lên, thuyền lên" cuộc sống chị em đã dần dà ổn định... Nhưng vẫn còn hơn năm chục nữ thương, bệnh binh hàng năm phải nhờ chữ thập đỏ và hội bảo trợ người tàn tật cứu tế...

- Mỗi chị được bao nhiêu? - tôi khẽ hỏi.

- Trên dưới 300 ngàn... chẳng thấm béo gì - chị Tâm chép miệng - nhưng cũng đỡ xót lòng...

Anh Trọng Khoát hỏi xen ngang:

- Tất cả đều xây dựng gia đình rồi hả?

Chị Tâm ngược mắt nhìn ra sân, lặng đi một lúc:

- Đa phần thì thế, nhưng... vẫn còn hơn ba mươi chị là bộ đội, thanh niên xung phong không lấy được chồng... Các anh muốn biết vì sao ư? Vì thương tật, vì hơn chục năm tuổi xuân qua đi ở Trường Sơn... Vì cái tuổi ngoài băm, lại xanh xao vì sốt rét... Hỏi ai còn dám... Mười bảy chị đã cắt tóc đi tu rồi.

Tôi sờn óc. "Sự mất mát chẳng có chính sách nào ghi nhận...". Chị Tâm đưa bản danh sách những ni cô trụ trì ở 17 cổ tự các huyện, thị Thái Bình:

- Sư thầy Đàm Phương trụ trì chùa Can Đẻ nguyên là thanh niên xung phong đường 20. Sư Đàm Thân tu tại chùa Đông An nguyên là quân y sĩ. Bây giờ sư thầy trụ trì lại là thầy giáo của mười trò vừa học vừa làm đấy.

Chúng tôi đến thăm Đông An tự. Nhà sư Đàm Thân được giáo hội cử đến trụ trì ngôi chùa này đã trọn bảy năm. Từ khi về đây, sư thầy rất chăm lo tu bổ ngôi cổ tự, truyền bá đức từ bi hỉ xả nhà Phật. Thầy hằng tâm niệm làm nhiều công đức cứu khổ cứu nạn cho đời... Nhưng hỏi vì sao đã quy y, thầy chỉ lặng im.

Chị Tâm và một số nữ cựu chiến binh kể lại: Sư thầy Đông An tự tên thật là Lê Thị Thân, y sĩ trạm phẫu tiên phương Quảng Trị. Cô đã hai lần bị thương. Lần đầu cô đang hộ tống thương binh dưới rừng già, bỗng nhiên dải nắng xiên ngang qua kẽ lá bị rợp hẳn. Một thứ mùi hăng hắc nồng nặc phả vào mặt, mắt cay xè, chảy mũi liên tục. "Ôi! Chất độc...". Tiếng hét của mọi người lịm đi, nổi kinh hoàng choáng ngợp tâm trí. Họ vội vã rời ngay khu rừng nhiễm độc. Song không kịp nữa rồi, anh đội trưởng cứng đờ cả cơ hàm, nhiều người ngất xỉu. Sau này tin tình báo về "chương trình trụi lá rừng" tiết lộ: Chính đại tướng tổng chỉ huy quân viễn chinh Hoa Kỳ nảy ý tưởng: chiến tranh ngăn chặn hữu hiệu nhất là hãy đưa cái chất "diệt sinh" màu Da cam của hãng Doom Chemical vào cuộc. Điều ngay đàn phi cơ đặc nhiệm sang Việt Nam. Đổ bột Xarin xuống khắp rừng Trường Sơn. Bộ Quốc phòng Mỹ vội thông cáo rằng: Chỉ phun thuốc "diệt cỏ" để phát hiện kẻ đào ngũ (?). Song sự thật bị vạch trần. Jôn Tuc-cơ đã lái những chuyến bay tội ác kể trước ống kính phóng viên: "... Có ai tận mắt thấy người trúng chất bột ấy thế nào chưa? Cả đám ngã dụi, giãy giụa, chân tay co quắp... chỉ ít phút sau toàn thân bầm tím, miệng rỉ máu... Cái chất "diệt cỏ" là vậy đó"...

Tổ phẫu thuật của y sĩ Thân cũng thế. Cô may mắn thoát chết, nhưng ít lâu sau tóc cô cứ rời ra từng mảng. Vậy là người "hớt trọc" đầu cô là ông tướng Hoa Kỳ với cái chất màu Da cam ấy. Lần thứ hai, lại do ông tướng sư đoàn thủy quân lục chiến Mỹ giới pháo dọn đường đổ bộ, lóc hẳn mảng da đầu cô...

30 tháng 4 kết thúc cuộc chiến tranh xâm lược, cả nước tung bừng đón ngày giải phóng. Y sĩ Thân về thăm quê với ước mơ được sà vào lòng mẹ, ôm lấy đứa em gái bé bỏng... Nhưng cảnh xóm thôn bị bom xơ xác chưa kịp phục hồi. Cả mấy nếp nhà thân thương biến hết rồi, lau lách um tùm lặng ngắt. Bà con lối xóm chạy đến òa khóc đón cô thương binh bất hạnh... Thân kịp hiểu. Thế là hết cả rồi... Mấy đêm liền suy ngẫm, cô dứt lòng cắt tóc nương nhờ cửa Phật. Nói là cắt tóc, chứ đầu cô đã bị mấy viên tướng Hoa Kỳ "hớt" trụi từ lâu...

Lê Thị Thân làm tiểu, làm ni qua các chùa. Cô dốc lòng kính Phật không vì mơ lên cõi niết bàn, mà chỉ mong quên hết cõi đời oan nghiệt. Cô được giáo hội rao giảng dân hiểu ra rằng: Đời là cõi tục, muốn quên khổ đau đà hết khổ. Hãy dẫn mình theo đức Quan Thế Âm... Mười năm tu luyện lên bậc sư thầy. Năm Ất Hợi, Thích Thanh Phước thượng tọa Đông An tự viên tịch, sư thầy Đàm Thân kế tục trụ trì. Cũng từ đấy, sư thầy chuyên tâm thu nhận những sinh linh khổ nạn. Mười hai em nhỏ khuyết tật do nhiễm chất độc màu Da cam từ cha mẹ. Châu Trần Thị Cang chỉ có một tay và hỏng mắt; Hoàng Thị Thúy liệt nửa thân mình; Phan Thị Hòa thương lên cơn co giật; Viên Thị Hải mồ côi cả cha mẹ; Đỗ Thị Tươi sinh ra chỉ tròn cân rưỡi... Cả bà

cụ Trần tuổi ngoại tám mươi cô đơn bệnh tật, sư Đàm Thân cũng đón về nuôi dưỡng... Thế là ba bốn năm nay, một lớp học tình thương, một xưởng sản xuất hương Bật tại Đông An tự ra đời cho kẻ nghèo vừa học vừa làm, do sư thầy Đàm Thân dốc lòng chăm sóc. Nơi đây lại đang tạo dựng nếp chùa mới khang trang. Sư thầy Đàm Thân dẫn giải: "Năm nay cố gắng hoàn thành... chùa thượng tôn thờ Phật tổ cùng chư vị Bồ Tát. Chùa hạ là nơi thờ phụng các liệt sĩ nước ta"... Thích Đàm Thân chấp tay kính cẩn: "Ngày ấy bản tự mong được tiếp đón quý vị thế chủ đến lễ Phật và viếng các tinh anh liệt sĩ".

Sắp đến buổi nhật tụng, chúng tôi từ biệt ra về. Giọng niệm kinh xen tiếng ôn bài của các trò nhỏ ở hậu phòng vẳng ra. Tôi lắng nghe, chạnh nghĩ về chất độc màu Da cam và màu áo nâu sồng cùng trong cô gái quân y, thầy giáo, nhà sư đang sống quên mình...

NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG

SA NGHĨA - NỖI ĐAU CÒN DẠI DẰNG

Năm 1972, đồi Sạc Ly được mệnh danh là "Mùa hè đỏ lửa" - nơi chứng kiến biết bao người lính đã ngã xuống. Với mưu mô thâm hiểm, quân đội Mỹ đã rải hàng ngàn tấn chất độc hóa học lên cả một vùng đồi nhằm diệt trụi cây cối, phá nơi che giấu bộ đội, chặn đường tiến quân của ta. Dù chiến tranh đã qua đi gần 30 năm, nhưng thứ độc dược ấy vẫn còn âm ỉ trong lòng đất, để tiêu diệt cây cối và biết bao sinh linh bé nhỏ của vùng đất này hiện đang trong cảnh đau đớn vô cùng...

Vào năm 1981, ca mổ phẫu thuật tách đôi cặp song sinh Việt - Đức được hàng vạn người biết đến như một thành công của Y học nước nhà, hơn là minh chứng báo hiệu hậu quả của chiến tranh bắt đầu lan truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác ở một vùng đất đã từng hứng chịu bao trận oanh tạc bằng chất độc hóa học và đạn bom của Mỹ. Cách trung tâm huyện Sa Thầy khoảng 3km, xã Sa Nghĩa cùng nhiều xã khác nằm lọt thỏm dưới quả đồi Sạc Ly. Dù có đi vào bất kể thời điểm nào trong ngày thì Sa Nghĩa cũng vắng vẻ và heo hút vô cùng. Ngày nắng, gió thổi tung từng lớp bụi đỏ quạch trên những con đường đầy ổ gà. Khi mưa, những con đường ấy lại trở nên sinh lầy, rất khó đi lại. Mặc dù đã được ông Nguyễn Tiến Dũng - Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em huyện Sa Thầy nói trước nhưng tôi vẫn không khỏi bàng hoàng khi được tận mắt chứng kiến một sự thật ở Sa Nghĩa.

Vào một ngày cuối tháng 10 năm 2002, chúng tôi hỏi thăm nhà chị Phạm Thị Xuân Bốn, ở thôn Anh Dũng thì hầu như người nào trong xã cũng biết, bởi ngoài cái nghèo, chị còn đứa con trai có tới 2... cái đầu. Đứa trẻ tên là Huỳnh Hưng. Ngày Hưng lọt lòng, chị Bốn đã ngất xỉu khi thấy đứa con mình sinh ra không giống người. Phía sau gáy nó có một khối thịt nhô ra, mất, mũi tuy không rõ nhưng lại có tóc hỏn hoi. Bà con kể tiền, người gạo giúp đỡ nên chị Bốn có điều kiện đưa con đến bệnh viện Kon Tum, tách bỏ khối thịt lạ lùng ra khỏi đầu nó. Tưởng thế là suôn sẻ, nào ngờ 1 năm, 2 năm, rồi hơn 10 năm sau, nó cứ nằm yên một chỗ, bất động như một đồ vật trong nhà. Nhưng đầu chỉ có vậy, mỗi khi trái gió trở trời, nó lại kêu gào, đập phá, đưa vào miệng bất kể thứ gì vớ được. Người đàn bà ôm con vào lòng, nghẹn ngào: "Cháu đầu chỉ dị tật, hoạt động và vệ sinh bữa bái mà còn không nhận biết bất cứ người thân nào trong gia đình".

Người phụ nữ có dáng lam lũ, khắc khổ tên là Nguyễn Thị Hương, ở thôn Nghĩa Long cũng phải đón nhận một nỗi đau không kém chị Bốn. Đợi chồng sau 12 năm đi bộ đội trở về mới bắt đầu sinh con, nhưng số phận nghiệt ngã bám lấy anh chị. Ngay từ khi mới sinh ra, cháu Nguyễn Văn Nam, sinh năm 1998, đã có những biểu hiện khác thường. Cùng với thời gian, sự khác thường ấy đã khiến nỗi lo của vợ chồng chị trở thành sự thật. Các bác sĩ cho hay Nam mắc các chứng bại não, thiếu năng trí tuệ, co giật toàn thân. Trong ngôi nhà tường đất, mái tranh phủ đầy rêu xanh cùng năm tháng, tôi nhìn thấy những tia sáng xuyên qua nóc xuống nền nhà. Chị Hương bảo: "Cũng may là trời hôm nay nắng đấy, chứ mưa thì không biết phải ngồi đâu. Anh ấy làm nghề thợ đá nuôi sống cả gia đình. Còn tôi hàng ngày, hàng giờ phải ở nhà trông cháu Nam và 2 đứa sau". Tôi hỏi chị Hương: "Anh đã có nhiều thời gian trong quân ngũ, sao anh chị không làm thủ tục đưa cháu vào Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh?". Chị tâm sự: "Tôi đã từng bảo vậy nhưng anh ấy không nghe vì thương con và còn bảo: Số vợ chồng mình như vậy thì ráng chịu thôi chứ trách ai. Con mình sinh ra mình nuôi vẫn hơn chứ. Anh sẽ làm việc nhiều hơn để em có thời gian chăm lo cho các con. Nó không có tội tình gì mà bỏ rơi nó". Thật cảm động! Dù kinh tế gia đình rất nghèo, lại phải nuôi tới 3 người con, nhưng vợ chồng chị Hương vẫn có thể làm được những điều để người khác phải trân trọng.

Một trường hợp may mắn nhất trong số những đứa trẻ tàn tật ở xã Sa Nghĩa này, có lẽ phải kể đến cháu Nguyễn Anh Tuấn, sinh năm 1997, ở thôn Hòa Bình. Lúc mới sinh, cháu bị liệt nửa người và đôi mắt gần như chỉ có một màu trắng. Nhưng niềm hạnh phúc vô cùng lớn lao đã đến với cháu. Đó là việc Hội Chữ thập đỏ tỉnh Kon Tum kịp thời đưa cháu tới thành phố Quy Nhơn (Bình Định) để tiến hành phẫu thuật, chỉnh hình. Và tia hy vọng tưởng chừng như rất mong manh ấy đã đem lại nguồn sáng cho cháu. Hôm tôi đến, bà ngoại của Tuấn khoe: "Chú xem nó đã đi được rồi đó, hiện cháu đang là học sinh lớp mẫu giáo". Nhìn cháu đi từng bước rất khó nhọc bởi chân, tay khuỳnh khoảng đầy tật, bất giác tôi nhớ đến những đứa trẻ dị dạng, dị tật vì nhiễm chất độc Da cam đang phải nằm liệt trên giường mà cảm thấy xót xa. Vì thế tôi hiểu được niềm vui lớn lao của bà ngoại Tuấn khi thấy đứa cháu trai đang dần hoàn thiện những động tác của một con người.

Theo số liệu thống kê của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em, phòng Thương binh Xã hội huyện Sa Thầy thì năm 1998, toàn huyện có 473 trường hợp bị nhiễm chất độc hóa học. Sau đó, một số trường hợp do bị nhiễm độc nặng đã chết. Năm 2001, trong đợt kiểm tra lại còn 117 trường hợp là trẻ em bị nhiễm chất độc hóa học, tàn tật, tuổi từ 17 trở xuống. Số này tập trung chủ yếu ở 4 xã: Sa Nghĩa, Sa Nhơn, Rơ Kơi, Mo Ray. Trưởng phòng Thương binh Xã hội - A Kang nói với tôi: "Đã xuống thực tế rồi, nhà báo thấy đó,

nhìn những đứa trẻ bị nhiễm chất độc hóa học mới tội làm sao. Đứa đầu to, đầu nhỏ, đứa khoèo chân, khoèo tay, bại liệt toàn thân, vệ sinh bừa bãi, rồi la hét, đập phá tất cả những gì chúng vớ được. Đáng thương hơn là nhiều đứa trông chẳng ra hình người, mỗi lần đến thăm, tặng quà, nhìn các cháu mà...". A Kang lắc đầu thay phải nói ra điều ông không muốn.

Trên đường đưa tôi đến thăm các cháu, anh Võ Thanh Phương - cán bộ xã Sa Nghĩa cho biết, nhiều đứa trẻ không may bị dị dạng, bệnh tật kia còn có chung nỗi bất hạnh khác là mất cha. Khi thấy những đứa con quái thai chào đời, nhiều người như bố của Việt - Đức, bố của Huỳnh Hưng... đã bỏ làng quê đi biên biệt, để lại vùng đất này bao người phụ nữ một mình quanh năm nhọc nhằn, đánh vật với mưa nắng khắc nghiệt để kiếm cái ăn, để lo cho các con sống bình dị cũng là điều quá khó khăn. Chiến tranh đã đi qua gần 30 năm nhưng dư âm cũng như hậu quả mà nó để lại cho những nơi được gọi là "Vùng đất chiến" thì quả là vô cùng nặng nề. Những đứa trẻ được sinh ra trên đời phải mang những hình hài quái thai, dị dạng, rồi lại mắc những chứng bệnh điên khùng... chính là những minh chứng sống cho điều đó. Mặc dù Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Kon Tum cùng một số cơ quan chức năng khác, vẫn thường quan tâm đến những số phận đáng thương này, nhưng mỗi năm có một vài trường hợp được đưa đi phẫu thuật, hình ảnh cũng chưa nói gì được nhiều so với những bất hạnh mà quá nhiều đứa trẻ đang gặp phải.

Còn nhiều lắm những đứa trẻ bất hạnh của vùng đất Sa Thầy vẫn đang sống trong cảnh đói cơm, thiếu thuốc. Qua bài viết này, chúng tôi muốn kêu gọi sự đồng cảm bằng hành động của chúng ta. Mọi người hãy dành tình cảm, vật chất với huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum... Một địa bàn còn khó khăn, thiếu thốn về mọi mặt. Mỗi người chúng ta hãy bằng những việc làm thiết thực, rất có thể sẽ góp phần làm đổi thay số phận của những đứa trẻ bất hạnh ở nơi này. Và cũng từ đây, những người đã gây ra cuộc chiến ở Việt Nam hãy sớm làm trách nhiệm của chính mình.

NGUYỄN HƯNG

MẤY NHÂN CHỨNG MÀ TÔI BIẾT

Được sự đồng ý của đồng chí cán bộ phụ trách thương binh xã hội, tôi xem lại những kết luận của Hội đồng giám định thực chứng trong hồ sơ của những đồng chí, đồng đội của tôi. Còn lại ở quê tôi 4 người (đã là ông bố) và 12 cháu hàng ngày, hàng giờ phải sống "âm thầm đau thương". Vết thương trong thân thể các anh, không đổ máu, không có giấy chứng thương, không được coi là thương binh, con các anh lần lượt bị biến dạng, đổi hình, có cháu như quái vật! Miệng người đời bàn tiếu cho là gia đình các anh "thất đức" nên trời quả báo! Đau đớn lắm! Biết phân trần cùng ai! Những năm gần đây, ánh sáng khoa học và Ủy ban điều tra về tội ác chiến tranh do đế quốc Mỹ gây ra ở Việt Nam có thông báo về chất độc hóa học Mỹ rải xuống chiến trường hủy diệt mọi sinh vật. Các anh bị nhiễm hóa chất độc, để lại hậu quả như hôm nay cho bản thân và con cái các anh.

Giải oan được dư luận người đời, lòng vợ đi chút hận. Các nỗi đau khác đan chéo nhau, giằng xé từng ngày! Nhìn các anh, tôi không tưởng tượng nổi: "Xuống cấp về hình hài, thể lực đến mức này ư?". Trong những năm tháng chiến tranh, các anh cưới những con "tuấn mã" bụng no hàng bát chấp bom đạn, vượt lên cả thân chết để đưa đạn, gạo tới chiến trường. Qua được cửa tử, lại chia nhau điều thuốc Trường Sơn, lại cười, lại hát. Tuổi đôi mươi đứng ở tuyến đầu, các anh hồn nhiên là thế.

Chiến tranh kết thúc, các anh trở về với quê hương xây dựng cuộc sống của riêng mình. Vết thương trên mặt đất mờ dần. Màu xanh nuôi sự sống ngày càng thắm. Các anh đã có gia đình, có vợ có con. Có tất cả. Vẫn thấy không tất cả! Buồn rầu, day dứt vô xé tâm hồn và thể xác các anh. Đọc tập hồ sơ bệnh án của các anh, tôi không khỏi nghẹn ngào. Xin phép kể đôi ba dòng các anh cho phép.

Anh Trần Văn Lợi, 53 tuổi, đơn vị C71-D25, chiến trường Quảng Trị: thương binh loại đặc biệt, mù cả hai mắt, vợ sảy thai 2 lần. Sinh 5 người con, dị dạng 4, chết 2. Người con trai lớn 26 tuổi, lộc ngọc, bạch tạng toàn thân, thiếu năng trí tuệ. Cháu gái út 18 tuổi, trọng lượng toàn thân tương đương yến gạo. Lúc 5, 6 tuổi cháu đẹp như tranh, càng lớn càng dị dạng. Cháu bị động kinh, tâm thần không ổn định. Còn lại người con thứ, đã học

xong lớp 12, niềm hy vọng "nối dõi tông đường". Vợ chồng anh vui trong niềm hạnh phúc mong manh. Nhưng lo âm thầm như chính hai con mắt của anh, chưa bao giờ được tiếp nhận ánh sáng, mọi nhận biết trên đời bằng cảm nghĩ của riêng anh. Trong đôi mắt trũng sâu kia chứa hình dáng đứa con, mong sao nó trọn vẹn đầy đủ một con người.

Anh Bùi Quang Hồ, 60 tuổi, vào chiến trường từ năm 1973, năm 1975 bị thương ra Bắc. Anh lái xe ở đoàn 559 Trường Sơn. Vợ sảy thai 1 lần, sinh 7 người con, di dạng chết 1, 5 cháu đến nay phát bệnh cả 5. Anh bị tăng huyết áp, suy nhược cơ thể, rối loạn tâm thần. Đến thăm anh. Anh rất ngại người không muốn để khách vào nhà. Không phải anh không mến khách. Bốn gian nhà cấp 4, thấp lè tè. Vào nhà, ngoài cái nóng của thời tiết, mùi khai nồng nặc xông lên do các cháu tự phóng uế không tự chủ. Chỉ riêng khoảng không gian bị ô nhiễm mà anh chị phải sống, phải làm việc để tồn tại nhiều năm nay, cũng đủ chứng minh sự chịu đựng phi thường. Người con trai lớn, cháu Bùi Quang Kha, 23 tuổi được bố mẹ cho "ở riêng" một góc nhà chừng 3 mét vuông. Một "chuồng" như kiểu nuôi thú dữ ở công viên Thủ Lệ. Bốn bề quây kín bằng hàng rào mắt cáo B40 lên tới nóc. Cháu tha hồ "nhảy múa" trong "chuồng" đặc biệt này. Ngày cũng như đêm, thời tiết 4 mùa, đối với cháu đều vô cảm. Cái không gian riêng, thế giới riêng của cháu nặng mùi do cháu bài tiết tự do. Ai thu dọn cháu cũng chẳng cần biết. Cháu nhìn tôi, mắt đỏ ngầu như muốn khóc, như van xin đừng bắt cháu, đừng đuổi cháu, đừng xích cháu! Tay cháu vịn chặt vào hàng rào, bấu víu như khi! Ý chừng cầu cứu được ra. Tất tất mọi thứ sinh hoạt của cháu, cha mẹ cháu phải đảm đương hết thảy. Nhìn cháu rất thương tâm! Tôi hỏi anh Hồ: "- Có thể bằng cách khác để cháu được thoải mái tí chút không anh?". Nước mắt anh rùng rùng, dòng nước mắt của người bố, gánh nặng nỗi đau buồn, không lối thoát. Anh nói: "Trước đây không nốt, xích 2 chân, 2 tay vào chân giường. Trông thương lắm. Vài tháng xích, cháu bị liệt. Để cháu tự do thì cháu chạy, chạy không định hướng, lao như tên bay, bất biết vật cản là gì? Đôi lần xẻ đầu toạc má!". Chiếc giường của anh, xộc xệch manh chiếu, kê sát "chuồng" của cháu để trông coi cháu.

Hai cháu gái: Thường 11 tuổi, Ngà 17 tuổi để thêm để cầu may, đều bị viêm khớp, hen phế quản, thiếu năng trí tuệ, tuy có đi học, nhận biết chậm. Cháu Ngà đỡ dần bố mẹ được chút việc nhỏ. Cháu Thường ngày ngồi trông anh nó trên chiếc ghế đẩu nhỏ, cạnh chiếc bàn con ghép tạm để bộ ấm chén cộc cạch sứt quai. Nguồn vui của cháu là chiếc ti vi đen trắng, hàng đồng nát, hình lúc có lúc không. Tôi hỏi chị M, vợ anh Hồ, vừa đi làm đồng về: - "Chị cấy nhiều không" - "Trên 5 sào anh ạ! Được ngót 1 tấn. Vụ này em trông nom chăm bón không tốt, nên bị bạc lá. Xong mùa nộp sản, còn lại phải bán đi thuốc thang cho các cháu". Rồi chị nói tiếp: "Còn nước còn tát.

Để các cháu như vậy không đành"! Người mẹ của 3 đứa con, đẻ ra đẹp đẻ, lành lặn; lớn lên dị dạng tật nguyên, đau xót lắm! Dù chị có nghị lực đến đâu cũng không thể không quán xuyến hết. Chị khóc nhiều, khóc thâm, khóc lúc vắng anh. Chị thương anh, sức anh có hạn, lại tiêu hao trong những năm ở chiến trường. Chị không đẹp, mỏng mày duyên dáng, nói năng dễ nghe. Chị nói: -"Em khổ nhiều, nỗi khổ đóng cục đóng băng trong óc. Ngày anh đi bộ đội, năm tháng đợi chờ, vạch từng vạch trên tường tính ngày xa cách. Đêm nằm vò vò nghe từng đợt gió lùa. Đóng cửa lại nhìn ra, lúc nào cũng thấy bóng anh. Cầu xin gia tiên, tổ phúc phù hộ cho anh tránh được hòn tên mũi đạn. Bỗng anh về đột ngột, em sưng sờ tưởng như mơ. Anh được phục viên. Chẳng được chế độ gì. Em nghĩ, sống được về là phúc rồi! Hai vợ chồng mang hết sức ra nặn từng hòn đất đóng gạch làm nhà. Sức của hai vợ chồng "tái thiết sau hậu chiến", là làm được một gia tài chưa vượt khỏi ngưỡng nghèo - Nợ mòn, con lớn. Em nghèo của, nghèo cả con - già cậy ai?". Chị xúc động, tôi phải lảng sang chuyện khác.

... Tôi đã gặp từng cháu, được chứng kiến một số hành vi vô thức của các cháu - lúc lên cơn, "dùng vũ lực" cả với người thân! Tập hồ sơ ghi bệnh án của các cháu, đọc bao nhiêu thương xót bấy nhiêu!

Hội đồng giám định thực chứng, chắc cũng như tôi, đau xót, tay run lên khi phải ghi cụm từ "tan rã nhân cách".

Mỹ đã tàn bạo rải chất độc màu Da cam rải xuống dải đất Việt Nam, hậu quả thật khôn lường. Những nạn nhân (đại diện) mà chúng tôi vừa kể đang cần câu trả lời từ chính kẻ gây ra tội ác.

ĐẶNG MINH TÂM

VẾT THƯƠNG NGẤM

Chiến tranh đã qua, chiến tranh vào dĩ vãng. Thời gian và sự sống dần dần đã hàn gắn vết thương trên mỗi cơ thể, trên mỗi vùng đất. Màu xanh thiên nhiên, cây trái đã xóa đi tất cả dấu tích tàn khốc của một thời chiến tranh. Riêng nỗi đau con người, nỗi đau do hậu quả chiến tranh tàng ẩn trong cơ thể của họ thì mãi mãi vẫn còn. Chỉ riêng Thái Bình, một miền quê nhỏ nhỏ thuộc vùng châu thổ hạ lưu sông Hồng, đất không rộng, người không đông mà có tới hơn 5 vạn liệt sĩ, hàng chục vạn người chịu hậu quả chiến tranh. Có những hậu quả suốt "ba đời" bố, con, cháu phải gánh gượng gánh chịu. Đó là hậu quả của những người bị nhiễm chất độc dioxin do Mỹ thả xuống chiến trường miền Nam. Khi chiến tranh kết thúc, họ lạnh lẽo trở về làng, xuất ngũ, xây dựng quê hương, xây dựng tổ ấm, lấy vợ, sinh con. Nào ngờ, chất độc đã ngấm sâu trong "lục phủ ngũ tạng" của họ để rồi truyền sang cho thế hệ con cháu. Một loại vết thương không mảnh đạn, không rỉ máu, nhưng lại dai dẳng, đau đớn và âm thầm tàn phá cuộc đời con cái của họ suốt mấy chục năm qua.

Tôi có dịp đến thăm gia đình những người đồng đội một thời cùng trên chiến hào đánh Mỹ. Hơn 20 năm đất nước im tiếng súng, nhưng các anh bảo, gia đình các anh chưa được một ngày bình yên. Bởi tội ác của đế quốc Mỹ gây ra trong cuộc chiến tranh tàn ác quá. Hòa bình rồi mà không đêm nào gia đình các anh không có tiếng "bom nổ". Tội ác tày trời ấy như một cái bóng, theo các anh về làng, lừa dối, "vây bắt" tàn phá vợ con các anh.

Con đường trải đá, láng nhựa vun vút đưa chúng tôi về làng Phương Công, Tiên Hải. Đã từ lâu người ta đồn ở làng này có hai người từ hành tinh khác "lạc xuống". Đâu phải. Về làng hóa ra đây là hai đứa con anh Đặng Văn Minh ở xóm 4, vì rất giống người hành tinh khác nên người ta đồn vậy. Tôi chưa nhìn thấy người ngoài hành tinh bao giờ. Nhưng cô gái con anh Minh thì thật kỳ dị. Cô gái đầu của anh là Đặng Minh Ngọc 20 tuổi, cô thứ hai: Đặng Minh Huệ 18 tuổi. Cả hai đang ở tuổi xuân xanh rực rỡ. Giá bình thường, hai em đã là hai "cô Tấm" xinh đẹp, dịu hiền của làng Công. Các trai làng hẳn sẽ yêu mến, gần gũi suốt ngày bên các em. Còn bây giờ trước mặt chúng tôi, Ngọc và Huệ nửa như một bà già ngoài 70 tuổi, nửa như mặt

"đuôi ươi" đang ngồi nặn tượng đất ở góc hè. Cả hai mắt có vành, lông hằn ra ngoài, môi trề, da "có vảy" dần deo, bệch bạc. Đầu to như cái "ấm giành" không tóc, trọc lóc, sù sì. Hai chân nhỏ ti, lùn tịt, đi không vững, suốt ngày chống gậy dò dẫm hết trong nhà lại ra sân. Lưỡi cả hai lúc nào cũng thè ra ngoài run run. Anh Minh bảo nuôi con hai mươi năm rồi mà vợ chồng anh chưa một lần được nghe con gọi bố ơi, mẹ ơi, vì các cháu không nói được. Tôi hỏi:

- Trước kia anh ở chiến trường nào? Máy năm? Có bị thương không?

Minh bảo:

- Tôi ở Quảng Trị, Khe Sanh hơn 7 năm. Trong chiến đấu anh em đơn vị hy sinh và bị thương khá nhiều. Riêng tôi, chưa lần nào dính đạn. Chỉ duy nhất một lần bị nhiễm chất độc.

Đặng Văn Minh kể: Đêm 25 tháng 5 năm 1971 tổ ba người do anh làm tổ trưởng chốt trên đồi Chu Phong, Khe Sanh. Chừng quá nửa đêm, nghe tiếng máy bay âm ì trên đầu. Chúng chà đi, lượn lại chừng ba bốn lần rồi im bật. Ít phút sau cả 3 người đều thấy ngọt ngọt, khó chịu, ứa nước mắt, cổ cay xè, nôn nao rồi ngất lịm. Sáng hôm sau trung đội trưởng Nguyễn Văn Hùng lên chốt thấy ba người nằm gục, bất tỉnh, lay gọi không biết gì. Trung đội trưởng lập tức đưa người lên khiêng đi cấp cứu. Hôm sau, tỉnh dậy, anh em đến thăm, bảo: *"Đêm qua máy bay Mỹ thả chất độc hóa học, các cậu suýt chết, may mà bệnh viện đã cứu sống"*.

Anh Minh bảo:

- Giá đêm ấy chúng tôi cứ "yên giấc" mãi mãi thì bây giờ đâu có những đứa con thế này. Ngày ngày nhìn các cháu tội nghiệp lắm.

Rồi anh nói vẻ cứng rắn và cảm động:

- Nhưng nhiều khi nghĩ lại... Thôi thì... Chiến tranh mà. Có được đất nước hòa bình, mọi nhà hạnh phúc thì sự mất mát như gia đình chúng tôi cũng là tất yếu. Tôi vẫn coi như mình đã hy sinh rồi.

Anh nói, hai mắt rưng rưng. Tôi hiểu đó là sự chịu đựng ghê gớm. Sự chịu đựng vốn có ở những người chiến sĩ trung kiên.

Nghe tin ở Thụy Trường, huyện Thái Thụy có một người đàn bà đẻ ra đứa bé 4 chân, tôi về Thụy Trường. Người đàn bà ấy là vợ anh Đỗ Đức Thoát, cựu chiến binh, từng có mặt ở chiến trường Quảng Nam - Đà Nẵng suốt những năm đánh Mỹ. Anh bị nhiễm chất độc khá nặng. Đôi mắt lồi ra căng phồng, đỏ xọng, người teo tóp, da xanh bủng. Bà con xóm biển góp tiền, mua, sắc cho anh có tới hàng trăm chén thuốc, vẫn không sao "tẩy được" cái chất hóa học đã ngấm sâu trong "gan óc", người anh vẫn da bọc xương, đôi mắt vẫn đục mờ. Thấy tôi cứ nhìn hoài, một người bảo: "Mắt của chú ấy ngày xưa trong sáng và tinh khôn lắm. Từ ngày đi bộ đội về nó mới lờ mờ thế đấy".

Tôi ý tứ hỏi thăm cháu nhỏ vợ anh mới sinh. Anh không giấu, đưa tôi vào buồng trong, cháu bé đang nằm trên giường, bụng đắp tấm chăn hoa mỏng. Anh Thoát kéo tấm chăn, thằng bé cọ quậy. Tôi khẽ rùng mình khi nhìn 4 cái chân ngắn cùn áp sát vào nhau. Thực ra chỉ có hai cái chân là hoàn toàn giống chân. Còn 2 cái, bàn thì giống mu bàn chân, ngón thì lại là ngón tay. Giá nó "mọc" ở 2 bờ vai thì vẫn có thể coi là tay, nhưng là bàn tay dị dạng. Đẳng này nó lại "mọc" cạnh hai cái chân và choãi xuống nên thành ra người 4 chân.

Đỗ Đức Thoát nhìn con ái ngại nói:

- Tôi không thể tưởng chất độc của thằng giặc nó lại kinh khủng thế này. Giá nó chỉ hủy hoại thân mình, mình chịu được. Nó nhiễm sang con cái, thật khổ cho các cháu quá.

Cháu bé thoi thóp sống được 5 ngày thì qua đời. Trước đó vợ anh đã sinh 3 con, nhưng chỉ có Nguyễn Đức Thông là hơi giống người bình thường. Còn cháu Nguyễn Đức Thi, Nguyễn Đức Thích đều dị tật. Cả hai cổ rụt, đầu như "mọc" lên ở vai, mắt lồi, xéch, chân tay co quắp, da vàng bủng. Thi và Thích được hơn 5 tuổi thì chết. Vì thế vợ anh mới cố đẻ thêm "tí nữa", nào ngờ... Cũng như Đặng Văn Minh, Đỗ Đức Thoát cho rằng nỗi đau của gia đình anh là do "số phận". Anh thấy sự đau đớn này không vô nghĩa. Anh sẵn sàng chấp nhận nó như đồng đội chấp nhận sự hy sinh. Và anh tin lòng tốt của con người, của làng xóm sẽ chữa khỏi nỗi đau cho bố con anh. Nhưng bà con, bạn bè, bệnh viện hết lòng chạy chữa, bồi bổ, Đỗ Đức Thoát mới "cầm cự" được đến ngày 17 tháng 5 năm 1990 thì anh vĩnh biệt cõi đời.

Rong ruổi qua con đường đê biển khúc khuỷu, lồi lõm, tìm đến gia đình anh Lã Văn Dực xóm 2 xã Thụy Dương. Anh là chiến sĩ đơn vị E268 quân khu 1 Sài Gòn, từng bị địch bắt đày ra Phú Quốc gần 3 năm. Vợ anh, chị Bùi Thị Bằng - cô thanh niên xung phong đơn vị 411 Trường Sơn. Khi chiến tranh khép lại, họ chẳng còn nhớ bao lần chết hụt bởi những trận "mưa bom" và chất độc hóa học trút xuống trắng rừng.

Dực và Bằng lành lặn "nguyên vẹn" trở về làng. Họ thành vợ thành chồng, sống đầm ấm trong một căn nhà giữa vùng quê bình yên. Những tưởng được ở bên nhau mãi mãi. Nào ngờ "đứt gánh" nửa đường. Chất độc màu Da cam thấm sâu trong cơ thể Dực và Bằng những năm chống Mỹ "rỉ ra" hủy hoại cả nhà anh. Bốn đứa con ra đời, bốn số phận khác khoải. Cháu đầu: Lã Văn Trung 21 tuổi, mắt bệnh bạc, da vàng bủng, khẩng khiu teo tóp như trẻ con. Cháu thứ hai: Lã Văn Dũng 19 tuổi; cháu thứ ba: Lã Văn Tùng 15 tuổi cùng bị di chứng chạy vào não, ngắn ngơ như người vô tri, vô giác, v.v. Chất độc không chỉ trút hết cho con cái mà sau đó trút cả lên "đầu chị". Cổ chị phồng to, chân tay teo nhỏ, các u cục trồi lên đầy lưng, đầy bụng, rỉ máu suốt ngày. Đầu chị đau như "búa bổ". Sau hơn ba tháng vật vã, chị

Bằng vinh biệt coi đời, để lại một "đàn con" dị tật cho người bạn đời cũng đang bị chất độc âm ỉ, hành hạ.

Nhà nghèo, cảnh gà trống nuôi con, lại là những đứa con không bình thường, bao gánh nặng lo toan trút cả lên đầu anh. Thay vợ tần tảo làm lụng suốt ngày, chăm sóc, tắm giặt, nuôi dưỡng, chạy chữa thuốc men cho con, người Dục quất lại. Anh nói giọng nghèn nghẹn:

- Tôi công con đi Hà Nội chữa nhiều lắm rồi mà không khỏi. Tôi bị nhiễm độc, lại bị địch đánh đập ngày ở tù. Chỉ sợ... sau này các cháu không còn người nương tựa, thật tội nghiệp cho chúng.

Cách nhà Lã Văn Dục không xa, tới tìm vào gia đình anh Phạm Văn Sáp xã Thụy Quỳnh. Anh Sáp nguyên trung đội trưởng chiến đấu tại chiến trường Đắc Tô - Tân Cảnh. Khách mới đến nhà khó ai phân biệt nổi hai bố con anh, ai là con, ai là cha. Cả hai cùng phải gắng gượng giành giật sự sống. Anh hồi nhớ lại những năm tháng ở chiến trường rồi kể với tôi:

Ngày 15 tháng 9 năm 1969 đơn vị của anh đang "quân nhau" với một đại đội lính Mỹ trên cao điểm, cùng với pháo bầy tới tấp bắn, máy bay Mỹ lao xuống rải thảm chất độc xuống cao điểm. Cả đơn vị trùm lên một lớp bụi phấn như tuyết. Anh bị ngất vừa do chất độc, vừa do mảnh pháo cắt cụt một cẳng chân...

Hai đứa con anh hiện thời đang sống trong nỗi đau giày vò của bệnh tật. Cháu Phạm Văn Tuấn 22 tuổi đã bạc đầu. Cháu Phạm Thị Hải 20 tuổi thân hình biến dạng, tiêu tụy đi không vũng.

- Một hôm hai bố con tôi lên cơn sốt - Anh Sáp nói - Mỗi người trùm chân nằm một giường, đầu thò ra ngoài. Một người bạn ở xa, đến thăm, không rõ lại gọi tôi bằng anh, gọi cháu Tuấn bằng cụ. Họ bảo: "Cụ nhà ta cũng ốm hả anh". Tôi thấy mủn lòng, không rõ rồi tương lai của cháu sẽ ra sao?

Là thương binh 2/4, một chân gửi ở mặt trận, máu lại nhiễm độc dioxin, sức kiệt, ngày ngày Phạm Văn Sáp vẫn gắng gượng làm thêm nghề chữa xe đạp, để có đồng ra, đồng vào chạy chữa thuốc men cho con.

Từ Thái Thụy chúng tôi về Hưng Hà, vùng đất cổ, yên tĩnh, nơi đây cũng rất xa mặt trận. Gặp Vũ Văn Hạnh, Trưởng phòng thương binh huyện, anh cho hay, ngoài các cháu bị di chứng chất độc đã mất, hiện tại Hưng Hà còn hàng trăm cháu đang sống lắt lẻo.

Tôi tới gia đình chị Hà Thị Hậu xã Bắc Sơn, nguyên thanh niên xung phong C271 bị nhiễm độc khá nặng ở Trường Sơn. Sau 3 lần sinh nở, 3 đứa con khuyết tật, chị bị liệt toàn thân. Chồng chị, anh Lê Xuân Đáng chiến sĩ Sư đoàn 312 về phục viên. Anh bảo: hơn 10 năm chăm sóc vợ liệt và nuôi 3 đứa con dị tật, anh đâu có ngại, chỉ mong sao vợ khỏi, con lành. Nhưng mong sao được, càng ngày vợ và con anh càng nguy kịch. Đứa con thứ hai: Lê Văn

Duệ, ngẩn ngơ, mồm lúc nào cũng há, dãi chảy, miệng kêu la suốt ngày. Từ lúc Duệ lên 5 tuổi, chưa biết đi, nhiều đêm đã cạy cửa bò ra sân, ra ngõ. Có hôm bò rất xa, có hôm bò xuống vệ ao nằm trên bùn, trên nước. Lên 10 tuổi, Duệ lại càng "hung hăng" cạy cửa, bỏ nhà. Nhiều đêm nó lẩn ra nằm ngoài ruộng lúa, hôm thì ở máng nước, khi dưới bờ ao. Anh Lê Xuân Đáng bảo: - Lắm hôm, một hai giờ đêm tỉnh giấc, không thấy con nằm bên, tôi hốt hoảng mang đèn pin đi soi hết ao này đến ao khác mới lòi được cháu lên bờ. Có hôm lúc thay quần áo, bốn, năm con đĩa cắn, bám lưng lẳng ở nách, ở bụng cháu. Anh nói tiếp:

- Có người bảo do ma làm. Nhưng nhiều người lại nói chắc trong người cháu rất nóng nên nó mới trốn nhà đi ngâm nước. Năm nay cháu 13 tuổi rồi, mà tâm trí hoàn toàn không biết gì cả.

Anh Đáng nói như cố nén cơn đau lại:

- Còn nhà tôi tháng 7 năm 1996 bệnh phát kịch liệt. Trước khi nhắm mắt chỉ nằm khóc. Gần lúc tắt thở mới thều thào dặn tôi: "- Em đi chỉ thương các con tàn tật cả, anh thì yếu lắm rồi, sau này chúng biết dựa vào ai?".

Tôi an ủi: "- Có bà con xóm làng, em không thấy đấy ư? Hơn 10 năm qua, em và các con sống được là nhờ làng xóm đấy thôi!". Nhà tôi khê gật, hai hàng nước mắt giàn giụa rồi tắt thở!

Mấy hôm sau, tôi đến thăm gia đình Mai Văn Hoạt, người bạn cùng một thời ở chiến trường. Anh nguyên là trung tá đơn vị 174-F316, hiện trú tại phường Phúc Khánh, thị xã Thái Bình. Một con người lúc nào cũng tình nghĩa vẹn toàn, hết lòng với bạn bè. Nhìn vẻ ngoài ít ai biết được nỗi đau vật, đau đớn của chiến tranh âm ỉ trong anh suốt mấy chục năm qua.

Vợ anh kể: Năm hòa bình đầu tiên, cũng là năm chị mang thai đứa con đầu lòng. Đến tháng thứ bảy chị có linh cảm cái thai ngọt ngào, không bình thường. Có lúc nó cuộn lên như vẻ quần quại đau đớn, có lúc thối lại, bì bịch, nặng nề. Rồi một đêm, sau cơn đau như "xé ruột" chị sinh ra một thi thể bất thành nhân. Chỉ có đôi mắt bé tí là giống mắt người, còn toàn thân đứa bé tròn trục như một con mèo, lông dày dít. Đứa bé thoi thóp được hơn một giờ thì tắt thở. Hai năm sau, tháng 12 năm 1977 chị Hoạt lại sinh con thứ hai. Đứa bé không xù lông, không tròn trục nhưng thân hình dị dạng: mắt xếch, mồm méo, môi trề, da xanh, đặt tên là Mai Thị Duyên. Càng lớn Duyên càng biến dị, tâm trí lơ mơ, thờ thần. Đầu đã yên, Duyên còn liên tục bị con bệnh hành hạ, giày vò. Hai chục năm qua liên tục lên cơn la hét, vật vã, cào xé. Những lúc lên cơn, người vật ngã, sùi bọt mép, có lúc giãy "đành đạch". Vợ chồng anh Hoạt suốt ngày phải "túc trực" trông coi, đè, giữ con.

Lo âu, vất vả nhưng ước mong có một đứa con lành lặn vẫn len lỏi trong lòng anh. Máy năm sau, chị Hoạt lại sinh con thứ ba. Tưởng sự bất hạnh đã

trút hết lên những đứa con đầu, nào ngờ đứa bé ra đời lại một "hình nhân" không bình thường. Khuôn mặt nửa giống mặt người, nửa không giống người. Anh Hoạ đặt tên cho con là Mai Thị Diệu. Người Diệu da bọc xương, dẫn đeo, teo tóp. Mới đẻ ra bằng cổ tay, gần 10 năm sau Mai Thị Diệu cũng chỉ nhỉnh hơn cổ tay. Ngồi không vững, chỉ nằm cò củ, rên rỉ như một con mèo ốm. Cùng một lúc vợ chồng anh Hoạ phải nuôi hai đứa con đau đớn triền miên. Đồng lương hưu trung tá của anh vừa thuốc men cho con, vừa tần tiện duy trì cuộc sống cho gia đình. Người anh gầy xanh, hai lốm mắt thâm quầng. Hơn 20 năm sống trong hòa bình, anh Hoạ bảo, vợ chồng anh chưa được một ngày đêm nào bình yên. Ngày đêm nào cũng lo nơm nớp con lên cơn. Ngày đêm nào cũng nghe con lớn gào khóc, cào xé, nghe con bé rên rỉ, vật vã.

Ngày 4 tháng 10 năm 1989 giữa lúc cháu Mai Thị Duyên cắn xé quần áo, lăn lóc trên đồng bùn trước cửa nhà, thì cháu Mai Thị Diệu cào xé các vết lở trên mình rồi dùng dùng lên cơn co giật và tắt thở. Ba mặt con, ba số phận khác khoải làm Mai Văn Hoạ luôn luôn ám ảnh về nỗi bất hạnh từ cuộc chiến tranh do đế quốc Mỹ gây ra. Cuộc chiến tranh mà anh đã từng trải.

- Tôi chiến đấu ở chiến trường Tây Nguyên gần 10 năm - Anh Hoạ nói - Sự tàn khốc của bom đạn tôi đâu có ngại. Nhưng khi trở về xây dựng tổ ấm gia đình, trước tình cảnh như vậy, được nghe các thầy thuốc chẩn đoán, con tôi bất hạnh vì tôi bị nhiễm chất độc màu Da cam. Nghĩ tới hai đứa con qua đời, một đứa đang thoi thóp, tôi mới sực nhớ những lần mình không dính đạn mà ngất xỉu ở chiến trường.

- Lần thứ nhất: - Anh nói tiếp - Chiều ngày 6 tháng 5 năm 1967 sau trận đánh cứ điểm Sa Trê, đơn vị tôi rút về hậu cứ bên dòng sông Sa Thầy. Vừa tới nơi, máy bay Mỹ ập đến rải chất độc hóa học. Rừng cây nơi trú quân xanh tươi chìm trong lớp bụi trắng đục như sữa. Nhiều anh em trong đơn vị bị ngất, choáng. Tôi bị nhiễm nặng, phải cấp cứu một ngày một đêm mới tỉnh. Mấy hôm sau, rừng cây nơi chúng tôi ở ngả màu vàng, lá cây rụng lá tả, chỉ còn trơ cành.

Mai Văn Hoạ kể tiếp:

- Lần thứ hai: Trưa ngày 9 tháng 8 năm 1970, chúng tôi đang phục kích trên đồi Lai Chơ phía nam tỉnh Gia Lai. Địch phát hiện, chúng tôi tấp nã pháo, mặt đồi mù mịt khói đạn. Cùng lúc ấy, hai chiếc máy bay lao tới rải chất độc nhằm hủy diệt lực lượng của ta. Khi đó, hai mắt tôi nước mắt giàn giụa, cổ cay xè, đắng ngắt. Một lát sau, tôi gục xuống rồi không biết gì. - Anh tiếp: - Giá như nó giết chết ngay chúng tôi khi đó, coi như một trận chiến đấu mình đã hy sinh có phải thanh thản không!

Mai Văn Hoạt và 10 người chiến binh bị nhiễm chất độc hóa học, chúng tôi gặp đều có tâm trạng như thế. Các anh sẵn sàng hy sinh hiến thân mình cho Tổ quốc, cho nhân dân. Và chính điều cao cả ấy đã giúp các anh gắng gượng vượt lên trong cuộc sống nghiệt ngã thường ngày bên những đứa con bất hạnh.

Những năm tháng qua, do còn giải quyết nhiều hậu quả chiến tranh khác, cơ quan chính sách chưa có điều kiện bù đắp sự hy sinh của những người mang trên mình di chứng chất độc hóa học, một loại vết thương ngấm không chảy máu, nhưng cũng rất đau thương. Nó không chỉ tàn phá thân thể người bố, mà còn âm thầm hủy hoại các thế hệ con cháu của họ. Nhưng tình thương và trách nhiệm, sự an ủi và giúp đỡ của mọi người, đã làm dịu một phần nỗi đau những vết thương này.

Chúng tôi, người cầm bút, được chứng kiến mầm sống khắc khoải của những đứa con người lính và nghe những lời thống thiết từ nước mắt người mẹ: "Hỡi những người Mỹ có lương tri, đừng bao giờ gây nên thảm họa chất độc như cuộc chiến tranh ở Việt Nam! Hỡi những người Mỹ có lương tri, người phải có trách nhiệm với hàng trăm hàng ngàn những đứa trẻ đang chới với trong cơn đau và cái chết do chính các người gây nên!". Và hỡi tất cả những lương tri, vì sự sống của văn minh con người, chúng ta phải ngăn chặn ngay từ gốc để các tội ác như thế này không được phép reo rắc xuống bất cứ nơi nào trên trái đất.

*Bút ký của MINH CHUYÊN
Thái Bình, tháng 7 năm 1997.*

NHỮNG "BÀ MẸ DA CAM"

Theo thống kê chưa đầy đủ của Quỹ bảo trợ nạn nhân chất độc Da cam, nước ta hiện đang có khoảng một triệu nạn nhân. Có nghĩa là, ngoài khoảng một triệu con người đang phải từng ngày cam chịu sự hành hạ của vết đau thân xác và tinh thần ấy còn có hàng triệu người thân của họ cũng phải khổ đau, vất vả vì họ. Và chính những bà mẹ là những người chịu đựng nhiều nhất những đọa đày của hậu họa chất độc màu Da cam ghê khiếp nhất trong lịch sử chiến tranh hóa học của nhân loại mà Mỹ đã trút lên đầu người dân nước ta. Chúng tôi đã lần tìm đến một số những địa chỉ thương tâm đó ở Quảng Nam - một trong những địa phương bị chất độc Da cam để lại ảnh hưởng nặng nề...

Nỗi đau khổ triển miên.

"Con ơi! Mẹ về đây rồi!" - Một số bà con ở thôn 3, xã Quế Phong (Quế Sơn) kể lại với chúng tôi là từ khi dọn về ở đây, mỗi lần đi làm về, chị Nguyễn Thị Trinh đều nói với đứa con trai nằm một chỗ của chị câu nói đó. Ấy là vì thương con chị nói thế, chứ đứa trẻ vô tri vô giác đó nào có biết gì. Bà Võ Thị Dương, hàng xóm của chị Trinh cho biết, hôm ấy chị đang làm mía thuê cho người trong thôn và căn nhà mà mẹ con chị đang ở là của người chị ruột của chị cho ở nhờ khi chị ly dị chồng mấy năm nay. Khi cặp con song sinh tật nguyên của vợ chồng chị ra đời, để nuôi năm đứa con nơi vùng quê bán sơn địa khô cằn này, vợ chồng chị đã rất gian nan. Một trong hai đứa con liệt não này chết ở tuổi lên năm, từ đó chồng chị ngày càng trở nên nát rượu, bản tính. Chịu không được sự ngược đãi của chồng, khi mà sức nặng của áo cơm ngày càng dồn lên vai mình, cuối cùng chị đã ly dị chồng, dẫn theo 3 đứa con về xin ở nhờ nhà người chị ruột. Để có cái ăn cho mấy mẹ con, chị đã bươn chải không ngừng: hết chăm 2 sào ruộng nhà, chị lại xoay qua làm mướn để kiếm đồng tiền bát gạo.

Chị Nguyễn Thị Hoa (thôn Phong Ngũ, xã Điện Thắng, Điện Bàn) làm thuê cho một chủ lò ấp vịt trong thôn, đi từ sáng mờ đến chiều tối mới về. Trong mái tôn nhỏ do Hội chữ thập đỏ của tỉnh làm cho, đứa con gái 13 tuổi của chị đang ngồi đỡ đứa em lên hai. Nơi chái tôn phía sau, cô gái tật nguyên đang ngồi ngã gục trên chõng với đôi mắt không hồn, ruồi bâu đầy

mặt. Ông Võ Lang, người hàng xóm, cho chúng tôi biết cô bé tật nguyên trông như một đứa trẻ này đã 20 tuổi, là sự mở đầu cho những truân chuyên, khổ ải của cha mẹ nó. Khi đã hết thuốc thầy chạy chữa, khi cái kết luận khủng khiếp: "Bị nhiễm chất độc Da cam" được đặt lên cái hình hài bé bỏng của đứa con gái đầu của mình, vợ chồng chị Hoa đã phải mang nợ nần chồng chất. Cố chống chèo vươ lên khỏi nghịch cảnh, người cha trẻ đã tìm đến các bãi đào vàng nơi rừng núi xa xôi để tìm may mắn. Phải lao碌 ở mảnh đất đầy lam sơn chướng khí, anh cuối cùng phải nhìn cảnh đau thương, lụn bại của gia đình mình mà nhắm mắt ra đi.

Tận cùng bị kịch có lẽ là những người phụ nữ không một ngày được làm vợ nhưng lại làm mẹ những đứa con nhiễm chất độc Da cam. Ở thôn 4, xã Tiên An (Tân Phước) - nơi được coi là vùng đất chết bởi suy kiệt đất đai vì lượng chất độc Da cam rải xuống đây quá nhiều - chúng tôi đã nao lòng khi thấy bà mẹ Lê Thị Cúc dút đến củ lang cuối cùng cho đứa con trai 15 tuổi nằm liệt trên giường vẫn không làm cho nó ngưng những tiếng ú ớ đòi ăn nữa. Khi chúng tôi đến, chị đang sửa soạn vào rừng kiếm củ bán - cái nghề chị đeo bám suốt 15 năm nay. Chị rưng rưng kể lại: Để có chút con bông ằm, để mai này có chỗ cậy dựa, chị đã liều... "tự túc" một mụn con bằng cách trao thân cho một người công nhân địa chất. Nhưng ai biết được chữ ngờ. Một tuổi rồi đến ba tuổi, năm tuổi, đứa con trai của chị vẫn cứ nằm ngửa nhìn lên, không nói không rằng, chân tay khăng khiu như cành củi đốt. "Bị nhiễm chất độc Da cam đó!" - Câu nói của bà con trong làng khi thằng bé lên hai đã làm tắt nơi chị mọi hy vọng chạy chữa. Nhưng tình thương của chị với con thì không thể nào tắt được. Chị ra sức làm lụng nuôi con. Rồi, thêm một lần liều thân, may thay lần này chị đã có được chút con trai lành lặn. Miệng ăn tăng, chị phải có củi bán tăng. Chị kể, mỗi ngày chị phải vào rừng kiếm cho được hai gánh củi để bán. Thương tình cảnh chị, năm ngoái, Hội chữ thập đỏ tỉnh đã làm cho mẹ con chị một cái nhà tình thương bằng khung sắt, mái tôn...

Tình cảnh của chị Phan Thị Bang ở thôn 3, xã Tiên An cũng hệt như chị Lê Thị Cúc. Khi tuổi đời đã lớn, gặp được người công nhân địa chất quê miền Bắc đến đây công tác, sau đắn đo chị đã "nhờ" anh cho chị chút con. Vì lượng dioxin ác hại làm liệt đi não bộ của đứa bé gái con chị ngay từ khi nó còn là bào thai trong bụng... Trước mặt chúng tôi, đứa con gái 15 tuổi của chị cũng chỉ là một hình hài vô tri vô giác, chân tay cong queo, mắt lồi, lưng gù, chỉ có thể ngồi khi được nâng đỡ trong dăm bảy phút. Quen đói nghèo nơi lũng làng khuất vắng, mẹ con chị đùm tùm nhau trong túp lều tranh nát dột, no đói qua ngày. Trận mưa bão năm 1999 đã sập mái lều của mẹ con chị. Không còn cách nào hơn, người chú ruột già nua của chị phải đón mẹ con chị về ở đậu.

Cũng "thấy mà đứt ruột" nỗi niềm của bà mẹ Nguyễn Thị Đẩu ở thôn 3, xã Quế Phong (Quế Sơn). Đứa con trai của chị Đẩu biết nói, biết đi nhưng lại mắc phải bệnh "chân khổng lồ". Bốn tuổi, đứa trẻ tội nghiệp này phải lê cả chiếc chân phải to gấp đôi chân trái. Khi bác sĩ Nguyễn Văn Đại (trưởng khoa Chấn thương chỉnh hình Quân y viện 103 - Hà Nội) trong đoàn khám lưu động của Trung ương Hội chữ thập đỏ cho biết, không thể phẫu thuật chữa bệnh chân khổng lồ, chị Đẩu đã khóc. Thành cu con của chị đã ngây thơ bảo chị: "Mẹ ơi! Mẹ chặt cái chân to của con bỏ đi. Để nó xấu lắm, con không thích mô!" khi nó nghe những đứa trẻ xấu mồm trong làng trêu ghẹo. Chị kể, nhiều đêm nằm ôm chiếc chân con, chị đã khóc dầm.

Cuối chuyến hành trình, chúng tôi tìm đến nhà của bà mẹ Trịnh Thị Năm ở thôn Thạch Trung, xã Đại Chánh (Đại Lộc). Cha mẹ chết hết trong chiến tranh, ngày hòa bình, chị xin theo một đơn vị bộ đội làm một... "phó chị nuôi" không biên chế để kiếm cơm sống qua ngày. Tháng lại ngày qua, không thể làm việc được nữa, chị trở về làng cũ, che một túp lều để sống và xin một người đàn ông nọ "giúp" cho chị có đứa con để nuôi. Nhưng cái chất dioxin độc ác đó đã biến đứa con chị mong chờ thành một hình hài vô tri vô giác, không nói, không cười, chỉ nằm ngửa nhìn lên với đôi mắt dại khờ. Họạ vô đơn chí, vài năm sau khi sinh con, chị cũng bộc phát bệnh hoạn: khắp mình chị, cả trên mặt đều nổi lên những mụn thịt to như hạt bắp. Dựa vào mảnh ruộng con, dựa vào bà con chòm xóm, cuộc sống của mẹ con chị là sự tồn tại đáng thương trên mảnh đất còn lắm khó nghèo này. Con lữ lạt năm 1999 đã xô ngã túp lều của chị, báo *Thanh niên* được tin đã làm cho mẹ con chị mái nhà tôn khung sắt. Có được chỗ ở kín lành nhưng còn miếng cơm viên thuốc với hai con người đáng thương này là điều không dễ.

Những "bà mẹ da cam" - những con người khổ đau nhiều nhất trong cuộc sống hôm nay - luôn ngong ngóng mong chờ những sự giúp đỡ của xã hội. Với họ, mọi sự giúp đỡ, dù muện mần đến mấy cũng là quý giá. Không than thân phận, chẳng trách hờn ai - nhiều bà mẹ vẫn chưa biết chất độc Da cam là gì - họ âm thầm chịu đựng, yêu thương hơn đứa con họ rút ruột đẻ ra.

HUỲNH VĂN MỸ

NHỮNG EM BÉ SINH RA SAU CHIẾN TRANH

Sinh ra sau chiến tranh gần 1/3 thế kỷ nhưng những em bé ở "Làng Hữu nghị Việt Nam" - Từ Liêm, Hà Nội vẫn phải mang trong mình những di chứng của chất độc màu Da cam - thứ chất độc nguy hiểm mà Mỹ đã sử dụng trong chiến tranh Việt Nam. Đơn giản chỉ vì các cháu đều là con em của những người lính - những người đã từng vào sinh ra tử không tiếc mồ hôi, xương máu cho ngày độc lập dân tộc. Mong muốn chia sẻ phần nào khó khăn, vất vả, những nạn nhân không may bị nhiễm chất độc Da cam, "Làng Hữu nghị Việt Nam" đã được thành lập với sự hợp tác giúp đỡ của một số cá nhân và những cựu chiến binh yêu hòa bình năm nước Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Nhật.

Ngoài những cựu chiến binh, những thanh niên xung phong, thành viên của làng còn là những trẻ em bị tật nguyền bẩm sinh, bị di chứng chất độc Da cam từ ông bà, cha mẹ. Các cháu được đưa về làng từ hơn 33 tỉnh thành trong cả nước. Gần 100 cháu là gần 100 căn bệnh và số phận éo le khác nhau. Các cháu được các mẹ chăm sóc, chữa bệnh, hồi phục chức năng và hòa nhập với cộng đồng. Nghe thì đơn giản, nhưng có chứng kiến công việc hàng ngày mới hiểu được hết nỗi vất vả của các mẹ. Buổi sáng, sau khi hướng dẫn các con làm vệ sinh cá nhân, các mẹ tập trung cho các con ăn sáng. Nhiều con không tự ăn được các mẹ lại phải dỗ dành, bón cho chúng ăn từng thìa. Lắm khi đang ăn chúng nổi đóa đập tan cả bát đĩa, các mẹ vẫn phải thu dọn, dịu dàng khuyên bảo. Lúc các con lên lớp học cũng là lúc các mẹ giặt giũ, dọn dẹp nhà cửa. Tùy vào căn bệnh và khả năng tiếp thu của từng trẻ mà được sắp xếp học tập theo những "trình độ" khác nhau. Như những cháu bé ở nhà T5 - khu nhà tập trung hơn 20 cháu thiếu năng trí tuệ nặng thì riêng việc hướng dẫn các con nhận biết được đồ vật, màu sắc cũng là điều quá khó. Chúng cứ ngây ngây chẳng biết phân biệt được đâu là mắt, đâu là mũi, đang nói đây, cười đây nhưng quay sang khóc lóc, đánh đập bạn học được ngay. Nhưng bằng lòng kiên trì, nhẫn nại, các mẹ đã hướng dẫn cho những đứa trẻ tật nguyền dần biết làm những công việc đơn giản như: xúc cơm, mặc quần áo và sống thân thiện hơn với bạn bè. Sau giờ cơm trưa các mẹ phải rửa ráy rồi cho các con đi ngủ chuẩn bị cho giờ học phục hồi chức năng buổi chiều.

Trong phòng tập, các con được các y, bác sĩ, các mẹ xoa bóp chân, tay. Tùy từng căn bệnh mà hướng dẫn từng cử chỉ, động tác giúp cho các cháu cách đứng, cách đi và chơi được những trò chơi đơn giản nhất... Với phương pháp đông tây y kết hợp, sự giúp đỡ của Trung tâm nghiên cứu dưỡng tâm thể, Trung tâm phẫu thuật chỉnh hình, v.v. Làng đã phẫu thuật và phục hồi chức năng cho nhiều cháu bị thiếu năng trí tuệ. Những đứa trẻ thường xuyên lên cơn đập phá, đánh cha mẹ, ỉa đái dầm dề đến đây đã tỉnh táo, khỏe mạnh hơn rất nhiều. Những hoạt động của các cháu ngày một ý thức hơn chứ không đại dột, nguy hiểm như lúc đầu. Mẹ Hồng đã kể tôi nghe về trường hợp của bé Hải - Quốc Oai, Hà Tây. 14 tuổi nhưng Hải nhỏ như đứa trẻ lên 8. Bố của Hải là một cựu chiến binh bị nhiễm chất độc Da cam. Hai anh trước của Hải sinh ra bị quái thai không sống nổi. Cha mẹ cháu tưởng rằng cái chất độc quái ác ấy không đeo đẳng đến Hải nhưng ngay cả đứa em sau Hải cũng bị thiếu năng trí tuệ nặng. Nhà nghèo không có cả gạo ăn nói chi đến việc chữa bệnh nên cha mẹ Hải chỉ biết nhìn cảnh con lên cơn đập phá đồ đạc, xé quần áo và leo lên ban thờ đập phá tan cả bát hương thờ cúng tổ tiên. Nhiều đêm, Hải còn tự tay nhổ hàng mảng tóc trên đầu cho vào miệng nhai ngấu nghiến. Cha vừa ôm con thật chặt vừa khóc, mẹ Hải cũng vừa khóc vừa lau cho con những dòng máu chảy dài từ đầu xuống cổ mà chẳng biết làm sao. Đến Làng trong tình trạng đó, Hải được các bác sĩ, các mẹ chăm sóc, nay cháu không còn lên cơn như trước, tóc đang dần mọc trở lại, đã phân biệt được màu sắc, đồ vật và thuộc rất nhiều bài hát thiếu nhi. Nhiều cháu phục hồi nhanh hơn Hải đã biết cầm kim khâu, làm hoa nghệ thuật và tự cắt may những bộ quần áo đẹp đẽ.

Mẹ Hồng tâm sự: "Ngày mới đầu nhìn các con mà phát khóc. Khóc vì thương các con và sợ mình không giúp gì được cho chúng. Nhưng nghĩ lại nếu mình hết lòng vì trẻ thì chúng sẽ cảm nhận được, thậm chí sẽ giúp đỡ lại được cho mình". Cố gắng của các mẹ giờ đã được đền đáp. Sinh hoạt của các cháu giờ đã đi vào nề nếp, nhiều cháu đã biết giúp mẹ xúc cơm, cho nhau ăn và trông chừng các em khi mẹ bận công việc. Hầu như các mẹ phải có mặt bên con mình 24/24 giờ vì sơ ý chút thôi là chúng nghịch ngợm, leo trèo, bỏ trốn được ngay. Có đêm trời mưa gió, nghe tiếng sấm sét, cháu Thanh - Phú Thọ sợ quá bỏ chạy ra ngoài. Thế là các mẹ phải huy động cả Làng đi tìm. Tìm mãi gần 4 giờ sáng mới thấy Thanh ngồi thu lu bên gốc rơm ngoài Làng. Tìm thấy con đã ướt đẫm, mẹ vừa mừng vừa giận nhưng khi nghe con kể: "Con nghe thấy mẹ gọi Thanh ơi ra với mẹ đi nhưng tối quá lạnh quá, con sợ lắm, mẹ ơi!". Thế là mẹ lại bật khóc, lại vỗ về an ủi, đưa con về thay quần áo và cho con ngủ trong vòng tay ấm áp thương yêu.

Giờ đến Làng, ai cũng mừng khi thấy các cháu mạnh khỏe, trí nhớ đã dần dần hồi phục, mặc cảm về nỗi bất hạnh cũng dần được xóa bỏ. Thành công

này là nhờ sự quan tâm, đóng góp của rất nhiều tổ chức, cá nhân có tấm lòng nhân ái, nhưng công lao lớn vẫn thuộc về các mẹ - những người đã dành trọn tình thương cho những đứa trẻ vốn không được số phận mỉm cười. Các mẹ vẫn lo khi các cơ quan luôn tuyển nhân viên với điều kiện: "Có sức khỏe tốt và ngoại hình tương đối" thì đâu sẽ là nơi đón nhận những con người ốm đau về trí tuệ, thừa thiếu về thể xác đây? Và đến bao giờ mới tìm ra biện pháp kiểm tra di chứng chất độc Da cam ngay khi còn là bào thai để những thế hệ sau này không phải chịu cảnh tật nguyền đáng tiếc như thế.

PHƯƠNG LIÊN

Bản sao lưu trữ

CÒN ĐÓ NHỮNG MẢNH ĐỜI BẤT HẠNH

Chị Vân kể, một câu chuyện nghe xa xôi lắm: "Hôm tôi đau nặng nằm điều trị ở bệnh viện đa khoa Nghệ An, cô Hiền giáo viên trường cấp II Nam Đàn nghe tôi kể về hoàn cảnh thương tâm của mình thì không cầm nổi nước mắt. Chia tay, Hiền tặng tôi một truyện ngắn đề là "Cây tre cộc mắt chèo bè gỗ lim đi ngược dòng sông Lam". Tôi đọc thấy tình cảm quá, Hiền viết về thân phận một người đàn bà khốn khổ như tôi, ví tôi như một chiếc bè ngược dòng sông Lam "Phiêu lưu, đơn độc". Tôi nhìn chị Hồ Thị Vân, người phụ nữ bốn lần vượt cạn mà sinh thành có ba. Ba cậu con trai, đứa thì toàn thân bại liệt, đứa thì ngơ ngơ ngẩn ngẩn. Đức ông chồng giờ như cái bóng đổ xuống đời mình, anh Nguyễn Bá Lượng cũng bị bại liệt, không lao động được. "Hồi lên 5 tuổi, tôi đang khỏe mạnh thì bỗng nhiên gục xuống, chân phải teo lại", anh Lượng kể. Nhà có 5 người thì 4 người mất sức lao động, thế nên mọi gánh nặng, mọi ưu phiền đều trút lên người vợ người mẹ gầy guộc yếu đuối này.

Năm 1963, đang học trường cấp III Cầu Giát (Quỳnh Lưu) thì Hồ Thị Vân xung phong vào bộ đội, cùng đồng đội trấn thủ núi Quyết (Bến Thủy), sau chuyển vào chiến đấu ở Bình Trị Thiên. Năm 1964, bị sức ép bom suýt chết, được đưa về điều trị tại bệnh viện quân Khu 4. Năm 1965 đang kỳ nghỉ dưỡng sức thì chị lại xung phong đi thanh niên xung phong. Sau này chị chuyển về Nhà máy Nhiệt điện Ninh Bình, rồi về Xi măng Bỉm Sơn. Năm 1980, nghỉ hưu, không ai ngờ được rằng chính trong những ngày mưa bom đạn ấy, trong những ngày lăn lộn chiến đấu, chị đã nhiễm chất độc Da cam.

Khi nhắc đến những đứa con, chị Vân nước mắt lưng tròng:

- Các con tôi lúc sơ sinh đều bị chứng phù nề toàn thân, ỉa chảy, tiếp đó hai đầu gối sưng to như hai quả bưởi rồi cuối cùng bị teo cơ. Cậu lớn nhất, Nguyễn Bá Hùng năm nay 28 tuổi, nhưng chẳng có đứa con gái nào ở làng này dám lấy nó. Gia đình thì thế, người ngọm thì teo tóp như que củi. Từ nhỏ đến năm 17 tuổi Hùng phát triển bình thường, nhưng lên mười tám tuổi sức khỏe bỗng suy sụp. Lưng Hùng còng xuống, mắt lồi ra, da dẻ trắng bệch. Gia đình đưa em đi khắp các bệnh viện, hết Bạch Mai lại ra Ngô

Quyên (Hải Phòng) rời Viện 108, sau chuyển về Trung tâm phục hồi chức năng. Thương con, tôi mời cả lang y ở tận Quỳnh Châu về cắt thuốc nhưng cũng không khỏi, đi đến đâu các bác sĩ đều lắc đầu: "Chị nhiễm chất độc hóa học, giờ truyền sang con, thôi đưa con về đi, chất độc màu Da cam không thuốc nào chữa được đâu". Những năm tháng khốn khó đó nhà tôi đã bán đến con chó cuối cùng, bán tống bán tháo cả chiếc xoong nấu cám lợn cho bà đồng nát lấy vài chục ngàn chắt góp mua thuốc cho con. Thăng con thứ Nguyễn Bá Cường sinh năm 1979, lúc sơ sinh bình thường, nhưng lên một tuổi thì bỗng nhiên ngã bệnh. Cường nằm liệt một chỗ từ 23 năm nay. Cái chân cái tay cứ đỏ hồng, oặt ẻo như đứa bé vừa chẵn tháng. Cường nằm bất động, những lúc ăn uống phải có người bón từng thìa. Tiểu tiện, đại tiện làm ngay trên giường, nhiều hôm nhà đi vắng hết, Cường gọi chẳng thấy ai, đau quá liền đại tiện vãi khắp chần chiếu, còn mỗi lần "tè" Cường đều "tè" từ trên giường, nước chảy xuống nền nhà thành vũng, khai mù. Cậu con út Nguyễn Bá Phương năm nay 16 tuổi, học lớp 10, nhưng sức khỏe yếu. Nhiều khi cô giảng bài, Phương cứ ngẩn ngơ nghĩ ngợi dẫu dẫu lúc cô giáo gọi mới giật mình "ạ thưa cô em chưa nghe", "ạ thưa cô em chưa hiểu gì".

Anh Nguyễn Bá Lượng chỉ làm được ba việc lật vật trong nhà, còn đồng áng giao hết cho vợ. Nhưng khổ nỗi chị Vân sức mỗi ngày một cạn kiệt, nhà có ba vạt ruộng thì phải thuê người làm công từ đầu chí cuối. Cày thuê, bừa thuê, bơm thuốc trừ sâu cũng thuê, nên mùa thu hoạch đặt bút tính ngược trừ xuôi có khi phải bù lỗ. Một năm mười hai tháng, gia đình chị thiếu ăn mất tám đến chín tháng. Nhiều hôm thóc trong bồ không còn một hạt, chị lại cúi mặt vác rá đi vay hàng xóm. Nhiều tổ chức, cá nhân biết hoàn cảnh éo le của anh chị đã giúp ít đỡ nhiều. Ai cho đồng nào, chị Vân đều lấy sổ ghi chép cẩn thận: "Doanh nghiệp vàng bạc Đức Tài - thị trấn Cầu Giát cho 500 ngàn đồng; Trường cấp II Quỳnh Thạch năm nào cũng tặng Hùng, Cường, Phương quần áo mới đón Tết; Hội Người mù Quỳnh Lưu cho 50 ngàn đồng; Hội Phụ nữ xã cho 10 ngàn đồng; đội sản xuất cho 5kg gạo ăn Tết; Huyện Đoàn Thanh niên Quỳnh Lưu giúp đỡ 80.000 và 20 cuốn sách". Cuốn sổ ghi chép "Công đức" của gia đình họ còn rất nghèo nàn.

Chị Vân đã 11 lần cất công đi gõ cửa Ngành Lao động, Thương binh và Xã hội "đòi chế độ chất độc màu Da cam" cho những đứa con tật nguyền bất hạnh, nhưng cả 11 lần đều thất vọng. Có người khuyên dẫu như roi quất: "Chị đã có lương rồi, con chị không được hưởng chế độ nữa đâu". Hôm gần đây chị gặp một vị cán bộ Ngành Lao động, Thương binh và Xã hội, thấy chị thở dài, anh ta chợt dạ hỏi: "Răng mà thở dài lắm rứa chị Vân?". Cha mẹ ơi tui đi "11 lần, chừ mới được gặp các anh, mừng như người chết sống lại". Hai

người cãi nhau ôm tôi. Anh ta nổi cáu, đập bàn đập ghế tùm lum khiến cốc chén vỡ loảng xoảng: "Chế độ các con chị, do cấp trên làm. Ở đây là chúng tôi không biết đầu nhá. Thôi chị đi về đi, từ nay đừng đến đây nữa".

Kể đến đây, chị Vân ôm mặt khóc rưng rức:

- Xong đợt nhỏ cỏ cho lúa vụ hè thu ni, tui sẽ khăn gói ra Trung ương. Chao ôi con đường đi đòi "chế độ chất độc màu Da cam" cho các con tội nghiệp của chị xa mịt mù, bàn chân của người đàn bà bất hạnh này biết về đâu?

Rời mái tranh nghèo của vợ chồng anh Lượng chị Vân ở xóm 12 - xã Quỳnh Thạch - huyện Quỳnh Lưu, chúng tôi lên đường phóng xe về Diễn Châu tìm về nhà chị Phạm Thị Tình xóm 5 - xã Diễn Hạnh. Chị Tình có 4 đứa con thì hỏng mất 3. Lê Văn Hòa sinh năm 1973, bị thần kinh, ngơ ngác ngác, hễ nghe ai nói mà không đụng đến mình đều chửi lại. Hòa không có trí khôn nên chửi chẳng có đầu có đuôi gì cả, gặp chi nói nấy. Và cố nhiên cả làng này chả ai chấp gã Hòa khùng. Thậm chí người ta còn thương nữa đằng khác, bị hấn chửi sa sả nhưng vẫn thấy thương thương, tội tội, thế mới lạ. Thôi thì cha mẹ sinh con trời sinh tính, không có được đứa con giỏi con ngoan đành chấp nhận đứa con tật nguyên này. Miễn là giọt máu mình rút ruột đẻ ra. Sau Hòa đến Lê Thị Hợp. Hợp sinh năm 1974, bị bại liệt, kèm theo chứng động kinh. Nhiều hôm đang ngồi đờ đẫn chợt Hợp lăn đùng ra đất, giãy đành đạch. Thế mà chẳng sao đâu, miễn là đừng ngã xuống nước kẻo chết sặc, chứ nơi khô ráo để Hợp nằm một lúc rồi lấy dầu xoa nơi lở mũi là tỉnh lại ngay. Mà hơn nữa Hợp quanh năm ngồi bất động, chứ đi đâu xa mà sợ ngã té xuống nước. Thân thể Hợp gầy còm, ốm yếu, cái chân cái tay thì khẳng khiu như que củi. Tóc cắt ngắn. Gặp ai dù thân hay sơ Hợp đều lơ đãng cười. Nụ cười chẳng biểu lộ chẳng hàm ý gì cả. Tỉnh thoảng, giữa không gian vắng lặng quê mùa này người ta lại giật thót mình. Hợp tru lên những tiếng dài, rất náo nức ảm đạm. Em than phiền về số phận bất hạnh của mình chẳng? Hay em muốn cất lên tiếng nói bình đẳng giữa bao tiếng nói con người? Chị Tình cúi mặt u sầu: "Lúc mới sinh ra, Hợp chỉ là một hài nhi nhũn nhão, không có sức sống. Lớn lên Hợp bị bại liệt, không cử động được. Đặt đâu thì nằm đấy. Ăn uống phải có người mớm từng thìa. Lúc tắm rửa thì phải có người xách nước, người rửa ráy, thay quần áo". Ngồi cạnh Hợp là cậu con trai thứ ba Lê Văn Hùng. Hùng sinh năm 1976, tật nguyên từ nhỏ. Hai chân Hùng bất di bất dịch, bất chéo thành hình dấu nhân và gầy guộc như hai khúc xương. Chỉ có một cánh tay và đầu là ngúc ngoác được. Trong bốn đứa con chị rút ruột đẻ ra thì chỉ có Lê Văn Hào (sinh năm 1984) là khá bình thường, tuy có cái cổ hơi bị lệch. Hào đang học lớp 11 trường Phổ thông trung học Diễn Châu III và hầu như năm nào cũng được tặng giấy khen.

Chị Tình nói:

- Hôm trước Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện Diên Châu có giấy mời anh Huệ xuống kiểm tra. Họ kết luận anh bị nhiễm chất độc dioxin rất nặng. Giờ chất độc hóa học đó lại truyền sang, hành hạ những đứa con.

Những năm 60 anh Lê Văn Huệ làm nhiệm vụ tải thương ở Quảng Trị và trúng độc trong những ngày này. Còn chị Tình, hết nghĩa vụ dân công hỏa tuyến làm đường Sườn sang Lào và chuyển về làm đội phó đội sản xuất Tiến Thành. Đang khỏe mạnh bình thường thì bốn tháng nay chân chị bị bại liệt, đi lại rất khó khăn. Nhà có sáu miệng ăn nhưng chỉ có anh Huệ là lao động chính. Một năm đói ăn mất bốn tháng. Cuộc sống hàng ngày của gia đình chị vẫn thường thiếu thốn, túng bấn.

Số phận bất hạnh của Hùng, Cường, Hòa, Hợp... cũng ngặt nghèo như bao đứa trẻ còi cọc khác vì bị ảnh hưởng chất độc màu Da cam. Toàn tỉnh Nghệ An có 10.383 trẻ em khuyết tật, trong đó có hàng nghìn trẻ lây truyền chất độc dioxin từ bố hoặc mẹ, hàng nghìn cuộc đời không có tương lai đang mòn đi trên mọi làng quê. Để an ủi cho những đứa trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trong đó có trẻ em bị nhiễm chất độc màu Da cam, tỉnh đã thành lập ban vận động và bước đầu đã tặng quà cho một số đối tượng. Tuy nhiên, những món quà nghĩa tình ấy vẫn chưa thể san sẻ, chưa thể xóa hết nỗi đau của hàng nghìn trẻ em tật nguyên nơi xứ Nghệ. Những số phận như Hùng, Cường, Hòa, Hợp, thực sự cần đến tấm lòng từ thiện của các nhà hảo tâm gần xa.

Phóng sự của QUANG LONG

LIỆU HỌ CÓ VƯỢT QUA NỖI ĐAU?

Đầu xuân, chúng tôi về Quảng Bình. Nửa ngày dọc theo những con đường sỏi đá, những quả đồi trọc trụi, những miền quê chang chang cát nắng, những ruộng đất bạc màu... chúng tôi đã có mặt ở xã Lâm Hóa, huyện Tuyên Hóa. Hơn 10 năm nay, có một gia đình không chỉ hàng ngày, hàng giờ phải kiếm từng chén cơm manh áo, mà họ còn phải gánh chịu một nỗi đau khó nói thành lời.

Chiều muộn, chúng tôi có mặt trước ngôi nhà của anh Nguyễn Ngọc Thìn. Trong xã Lâm Hóa, có lẽ không có nhà nào tồi tàn và ảm đạm hơn thế (?!). Đứng từ ngoài cổng, chúng tôi thấy vợ chồng anh Thìn đang tát bát ra vào với đồng xô chậu. Thấy khách đến, vợ chồng anh chỉ gật đầu với nụ cười méo xệch, bởi họ đang trong cảnh tiến thoái lưỡng nan. Mặc dù đã được các cán bộ xã Lâm Hóa nói trước, nhưng tôi vẫn không tránh khỏi ngỡ ngàng, khi được tận mắt chứng kiến những hình hài quá đỗi thảm thương kia. Trong số 4 đứa trẻ mắc bệnh, thì hiện có tới 3 đứa đang "bình" ra những chiếc giường tre eo ọt, cùng hàng loạt tiếng kêu la thật nhói lòng. Phải tới 20 phút sau, vợ chồng anh mới tạm hoàn thành cái gọi là "công việc thường nhật" cho các con.

Trong ngôi nhà lợp bằng lá cọ, vách nửa đan ghép vào nhau, tôi đứng giữa nhà ngược mắt nhìn lên, có tới 4 - 5 tia nắng xiên xuống nền nhà. Biết có mình tôi là người lạ trong đoàn, anh Thìn quay sang nói nhỏ, nhưng giọng thật buồn "Nếu các anh không có cuộc thăm đột xuất này, thì giờ bà xã tôi vẫn chưa có thời gian nấu một phích nước nóng". Tôi nhìn quanh, trong ngôi nhà của vợ chồng anh, chẳng có một thứ gì đáng giá: Một bộ bàn ghế cũ kỹ, bộ ấm chén sứ mẻ gần hết, chiếc xe đạp gỉ cả ghi đồng, cánh cửa ra vào "không cần" nắp chốt... 4 đứa trẻ đang nằm đó, những khuôn mặt méo mó, những ánh mắt thất thần, những bàn tay, bàn chân teo tóp, miệng cứ phì phì ra thứ nước bọt nhớt nhát... Tôi hỏi đứa lớn nhất, dễ chừng đã 15 tuổi. Đứa trẻ chỉ giương to đôi mắt, dướn người lên khi thấy có người bắt chuyện. Rồi nó oằn oại, kêu la. Và nếu tôi không kịp giữ lại, thì nó "chẳng ngại gì" mà không lăn xuống nền nhà. Anh Thìn lắc đầu buồn

bã: "Cháu đâu có nói được! Nếu mặc quần áo cho chúng, thì phải biết sử dụng bao nhiêu chiếc cho đủ trong một ngày!". Rồi anh kéo tay tôi: "Chú động vào, các cháu cúi lên, là bậy ngay ra đó". Ấm nước đã được người phụ nữ nấu sôi. Chị ôm các con vỗ về, nhưng dù có cố hết mình, cũng chỉ giúp được 2 đứa "ngôi giận". Không còn cách nào khác, anh Thìn phải bỏ dở ấm trà đang pha, đứng dậy phụ vợ giúp bọn trẻ nằm yên. Hiểu được nỗi băn khoăn của chúng tôi, chị quay sang: "Thời tiết nóng quá, các cháu bứt rứt trong người, nên mới sinh ra thế. Chỉ một lát sau, các cháu lại nằm yên thôi mà". Đợi cho bọn trẻ hết quấy, anh Thìn bước lại bàn nước. Trong nỗi buồn vô tận, anh nhớ về quá khứ...

Ngày ấy, cũng như bao thanh niên khác, anh lên đường nhập ngũ và cùng binh đoàn đóng quân tại chiến trường Quảng Trị. Là lính chiến, suốt những ngày tháng, anh thường xung phong mở đường để đồng đội hoàn thành những phần việc kế tiếp. Sau bao năm nằm lán ngủ rừng, ăn trái xanh, uống nước suối, người lính Nguyễn Ngọc Thìn vẫn hăng hái. Chỉ đến khi tiểu đoàn của anh gặp phải trận bom B-52 quái ác của giặc Mỹ, thì anh mới thấy sức khỏe của mình bị giảm sút. Giải phóng miền Nam, anh xuất ngũ trở về quê, xây dựng gia đình. Hai năm sau ngày cưới, những tưởng hạnh phúc của gia đình anh càng thêm trọn vẹn, khi chị sinh ra một bé trai kháu khỉnh, giống cha như đúc. Bà con trong làng, người chực trứng, ca gạo nếp, có người được phân phối cân đường, hộp sữa, cũng không tiếc mang đến chúc mừng đôi vợ chồng gặp nhiều may mắn này.

Nguyễn Văn Lâm lớn lên trong tình yêu thương của gia đình và hàng xóm. Ấy nhưng, được hơn một năm thôi, vợ chồng anh Thìn đột nhiên thấy con mắc những chứng bệnh lạ. Lúc đầu là cái cổ gật gù, sau đến đôi tay, đôi chân thường run lên bần bật, rồi đến đôi mắt, cái miệng cũng khác thường lắm! Linh tính mách bảo cho vợ chồng anh có chuyện chẳng lành đến với con. Đem con tới cả 3 bệnh viện, sau khi khám, các bác sĩ đều lắc đầu, vì "Đây là loại bệnh hiếm mà thời điểm này, Ngành Y học Việt Nam chưa thể chữa được". Một năm sau, bệnh của Lâm ngày một nặng hơn và rồi... cháu trở thành một đứa trẻ bại liệt toàn thân, cùng hàng loạt các chứng bệnh khác như tâm thần, vô thức.

Nỗi đau lần đầu của vợ chồng anh tạm lắng xuống, khi chị mang bầu lần thứ hai. Dù kinh tế gia đình còn khó khăn về nhiều mặt, nhưng anh Thìn vẫn bồi dưỡng sức khỏe cho chị bằng tất cả những gì có thể. Rồi thì ngày mong đợi cũng đến "Mẹ tròn con vuông, sướng nhé! Con trai đấy, nặng gần 3kg" - anh Thìn nghe rõ giọng chị y tá vang lên trong phòng, ngay khi đứa trẻ cất tiếng khóc chào đời. Bao tình yêu thương, vợ chồng anh tiếp tục

dành trọn cho con. Nghe lời khuyên của những người trong họ, anh đặt tên con là Lành, nhưng Lành cũng chỉ "lành" được hơn một năm. Sau đó, Lành lại mắc đúng chứng bệnh như người anh đã bị.

Từ cú sốc này, vợ chồng anh suy sụp rất nhiều về mặt tinh thần. Không ai còn thiết gì đến làm ăn, cả hai anh chị đưa nhau tới các bệnh viện, để tìm hiểu về tình trạng bệnh tật của mình, xin lời khuyên của bác sĩ. Cuối cùng, họ cũng chỉ nhận được một lời khuyên "Cả hai không có bệnh gì, gắng giữ gìn sức khỏe, tinh thần cho tốt và thử lại lần nữa xem sao". Mùa thu năm ấy, vợ chồng anh lại cho ra đời một bé trai bụ bẫm, hoàn toàn lành lặn. Lại chờ đợi và hy vọng, anh cầu may bằng cách đặt tên cho con. Anh thì thầm với chị: "Con mình sinh ra có số rồi, mình đặt tên nó là Phận." Lên một tuổi rưỡi, Phận khỏe mạnh hồng hào, với cái miệng rất duyên giống mẹ, khiến vợ chồng anh thấy khỏe cả người. Đứa trẻ được chăm sóc tốt, nên lớn nhanh trước tuổi, rồi chập chững đến đùa với hai anh nằm bất động trên giường. Thế rồi dùng một cái, Phận bỗng trở nên câu bần, la hét om sòm, đập phá lung tung, thậm chí Phận còn không nhận ra người thân nữa. Dù vợ chồng anh đã đưa con đi cấp cứu kịp thời, nhưng cũng chỉ gần một ngày sau, chứng bệnh quái ác trong người Phận lại làm tan nát cõi lòng cha mẹ nó.

Hai năm sau, đứa trẻ tên Nguyễn Văn Loan ra đời, sau khi đã được cha mẹ dùng trước đủ các loại thuốc y học cổ truyền. "Ngày mới chào đời, nó vẫn khỏe mạnh bình thường như các anh. Vợ chồng tôi chỉ cần nó khỏe mạnh trọn vẹn trong 2 năm thôi, để vượt qua cái ngưỡng cửa thời gian định mệnh, thì Loan cũng không làm được" - anh Thìn thở dài khi phải nói ra điều đau lòng ấy. Kể đến đây, anh chỉ tay vào 4 đứa con nằm rải đều ở 4 góc nhà "Đến giờ, vợ chồng tôi cũng không thể gọi đúng tên chứng bệnh mà các cháu đã mắc phải nữa. Nhiều thứ bệnh quá!". Tôi hỏi chuyện người phụ nữ đang tay ôm, tay ấp hai đứa nhỏ. Chị thở dài: "Bao nhiêu tiền dành dụm được, vợ chồng tôi dồn hết vào mua thuốc chữa bệnh cho các con. Vì bệnh tật của chúng, mà giờ chúng tôi không những phải vay mượn, mà còn không có thời gian đi làm nữa. Khoản trợ cấp nhỏ nhoi hàng tháng của chồng và các con tôi chỉ là nguồn động viên cho đỡ cực thôi!". Anh Thìn nói tiếp: "Cũng may là vừa qua, Nhà nước tổ chức đợt khám bệnh cho những người từng tham gia kháng chiến. Lúc đó, tôi mới biết mình bị nhiễm chất độc Da cam của Mỹ. Và các con tôi bị như thế này là do nhiễm từ tôi. Biết muộn nhưng vẫn còn hơn, nếu không chúng tôi lại tiếp tục "tìm kiếm" một đứa con lành lặn, thì đâu chỉ khổ mình, mà còn làm khổ lây nhiều người nữa"... Nghe đến đây, mỗi người trong chúng tôi đều lặng đi.

Chiều xuân ở Lâm Hóa vẫn rất bóng cái nắng như những ngày giữa hạ. Chỉ hơn 2 giờ đồng hồ ở nhà anh Thìn, được tận mắt chứng kiến một sự thật đau lòng, sự đồng cảm trong tôi với vợ chồng anh như được nhân lên gấp bội, với những gì mới được nghe kể. Trước lúc chia tay, tôi chỉ biết động viên vợ chồng anh hãy giữ gìn sức khỏe, để tiếp tục lao động và chăm lo cho các con. Mong muốn các tổ chức nhân đạo, các nhà từ thiện hãy cùng nhau đóng góp sức mình, giúp đỡ gia đình người cựu binh Nguyễn Ngọc Thìn đang từng ngày từng giờ sống trong cảnh thương tâm này (!!!).

NGUYỄN HUNG

Bản sao lưu trữ

NỖI ĐAU RỈ MÁU

Được sự giúp đỡ của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và Quỹ bảo trợ nạn nhân chất độc Da cam, từ ngày 5 đến 15 tháng 12 năm 2000 tại 29 Hàng Bài - Hà Nội, và từ ngày 5 tháng 1 đến 20 tháng 1 năm 2001, tại Bảo tàng Chiến tranh thành phố Hồ Chí Minh, sẽ triển lãm ảnh về đề tài nạn nhân chiến tranh, về các cháu bé tật nguyền bị ảnh hưởng chất độc Da cam, do phóng viên nhiếp ảnh người Nhật Bản Nakamura Goro chụp trong suốt hơn 20 năm qua.

Được biết phóng viên nhiếp ảnh Nakamura Goro là bạn thân của Takano Isao, phóng viên báo Akahata (cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Nhật), người đã anh dũng hy sinh trong khi làm nhiệm vụ tại Lạng Sơn tháng 3 năm 1979.

Triển lãm này là kết quả của hơn 20 năm gắn bó với Việt Nam, Nakamura đã lặn lội khắp Việt Nam, anh chụp trên 35.000 tấm ảnh nhằm miêu tả cho được hậu quả khủng khiếp của chiến tranh, đó là chất độc Da cam mà các cháu bé mang trên mình, những rừng cây bị chết trơ trụi do chất độc hóa học của Mỹ rải xuống.

Không chỉ đi khắp Việt Nam, anh còn lang bạt đến tận nước Mỹ, lần tìm cho ra những người đã từng tham chiến ở Việt Nam, nay mang trong mình hậu quả chất độc Da cam do chính họ gây ra. Đó là những nạn nhân chất độc Da cam và những người góa phụ do chiến tranh đang hợp mặt để đòi Chính phủ Mỹ bồi hoàn. Hay bức ảnh đặc tả lính dù Thomas Buono bị viêm da, mang cả nỗi đau tinh thần vì vợ anh đã bỏ đi. Đó là bức ảnh gia đình Dan Jordan, một nạn nhân có cậu con trai bị dị tật ở tay. Jordan và những cựu chiến binh khác đang dẫn đầu đoàn biểu tình đòi các công ty hóa chất của Mỹ bồi thường 180 triệu đô la.

Từ Mỹ, anh sang cả Hàn Quốc, cũng lại khó khăn, vất vả tìm cho được những người đã từng tham chiến ở Việt Nam. Anh chụp tấm biển treo "Chất Da cam có liên quan đến cựu chiến binh phục vụ ở Việt Nam", chụp Chou Kil Sou làm ở kho Biên Hòa, chân của anh đã bị cắt đến đùi.

Những bức ảnh của Nakamura Goro có tính báo chí, giá trị nghệ thuật cao, chứa đầy tình nhân ái, đánh động trái tim người xem. Ảnh của anh đã

triển lãm khắp nơi trên đất Nhật, Hàn Quốc, Hoa Kỳ. Sách ảnh của anh đã tái bản đến 16 lần, số lượng đến 250.000 cuốn.

Nakamura Goro là nhà nhiếp ảnh tài ba, nhiệt huyết. Anh đã đánh đổi cả đời mình cho sự nghiệp mà mình đeo đuổi, giá trị đạo đức trong từng tác phẩm, tận tụy đi tìm sự thật, miêu tả nó, nâng nó lên ngang tầm thời đại để thức tỉnh lương tri nhân loại. Làm cho người xem phải rơi nước mắt và ám ảnh mãi trong trí óc câu hỏi tại sao lại có thể có những cảnh như thế này.

Lần đầu tiên anh đến Việt Nam vào tháng 5 năm 1976, lúc chiến tranh đã qua đi, hòa bình đã trở lại trên đất Việt Nam. Nhưng anh nhận ra rằng những vết thương chiến tranh còn hằn trên đất nước và con người Việt Nam quá lớn, hậu quả chất độc Da cam của quân đội Mỹ đã và đang gây ra biết bao đau thương ở nơi này. Vốn mang nặng trong mình tâm hồn người Nhật, với truyền thống gần gũi, hòa đồng với thiên nhiên nên khi đến Năm Căn (Cà Mau) vào năm 1976, anh đã ngỡ ngàng đến tột độ khi thấy cánh rừng đước ở đây trơ trụi, hoang vu đến ghê rợn vì chất độc mà Mỹ đã rải xuống. Khi được tiếp xúc với những đứa trẻ vô tội bị tật nguyền, những bà mẹ đứng khóc bên những đứa con tàn tật do hậu quả của cuộc chiến tranh để lại anh càng thấm thía hơn với nỗi đau khổ và hiểu sâu hơn nỗi đau thương mà những nạn nhân chất độc Da cam đã và đang gánh chịu.

Càng tiếp xúc với Việt Nam anh càng cảm phục lòng nhân hậu, tình yêu con người, tấm lòng cao thượng trong cuộc sống còn khó khăn vất vả, đau thương, chờ đợi và hy vọng, từ những tấm lòng ấy, anh đã hết sức tận tụy, sẵn sàng quên mình vì nó mà tự nguyện lao động đến cùng, đầy nghị lực, đầy sáng tạo để đạt được đạo lý cao đẹp mang lại những tấm ảnh quý giá cho hôm nay. Nhìn những em bé khổ đau, những bà mẹ rỉ máu con tim vì con em mình đầy tật nguyền do hậu quả chiến tranh để lại, ai mà cầm nổi nước mắt.

TRẦN QUANG TUẤN

HAI SỐ PHẬN, MỘT NỖI KHỔ CÙNG

Nếu có cái gì đó không cần cố gắng mà vẫn có, cứ như thể từ trên trời rơi xuống thì đích thị đó chỉ là... tai vạ. Muôn phần cay đắng ấy của nhân gian, chúng tôi đã nhìn tận mắt khi có dịp đi vào rừng núi sâu heo hút của huyện Tuyên Hóa, phía tây tỉnh Quảng Bình.

Tận khổ.

Bà Nguyễn Thị Út sinh năm 1941, ở thôn 4, xã Thanh Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Bình. 23 tuổi, chị Út sang làng bên cạnh làm dâu. Lấy nhau chưa bao lâu, ông Cao Minh Thân, chồng chị đã khoác ba lô vào lính và hy sinh sau ngày xa làng chưa đến một năm. Năm 1968, chị Út mới nhận được giấy báo tử của chồng. Người lính ấy ra đi rồi đi mãi, chưa một lần được trông thấy mặt con. Đội khăn tang, chị Út quay lại nhà mẹ đẻ vò võ làm lụng nuôi con, bé Cao Minh Vân, lúc ấy mới tròn 3 tuổi.

Ba năm sau, chị Út đi bước nữa. Chồng sau của chị tên là Hoàng Văn Như, một thanh niên xung phong đi dân công hỏa tuyến vừa trở về từ chiến trường Khe Sanh - Khăm Muộn, vùng ác liệt nhất của chiến trường Hạ Lào (3-1971). Ông Như nhỏ hơn bà Út 2 tuổi, lại đang bị những di chứng của chiến trường hành hạ nên triển miên đau ốm. Thôi thì "rổ rá cạp lại", chị Út cũng không toan tính thiệt hơn, chỉ mong trong nhà có bóng đàn ông khi tối lửa tắt đèn, mà không hay tai vạ cũng rập rình từ đó.

Về ở với nhau đầu năm thì cuối năm chị Út sinh non. Những cơn ho thất ngược quần quai của ông Hoàng Văn Như đã được hiểu ngay chính là nguyên nhân tai vạ: Bé Hoàng Văn Viên bị mù từ trong bụng mẹ. Sinh ra, Viên đã hấu như không có tròng mắt. Thay vào đó chỉ là hai hố mắt dẹt, đỏ và ướt, bên trong có một khối đục nhờ nhờ. 18 năm sau đó, chị Út, giờ đã thành bà Út, sinh nở thêm 5 lần nữa. Ngoại trừ hai đứa giữa Hoàng Văn Đức và Hoàng Thị Cảnh, ba đứa trẻ còn lại là Hoàng Văn Luận (1974), Hoàng Văn Phong (1978), Hoàng Văn Thuột (1989), cũng đành chung số phận với người anh, bị mù từ khi vừa lọt lòng mẹ. Bất hạnh hơn, không chỉ mù, Luận còn bị bại liệt toàn thân, sống hoàn toàn vô thức, quắt queo như đứa trẻ lên 5; ăn ngủ, tiêu tiểu gì cũng chỉ nằm một chỗ; gần 30 năm nay vẫn chưa một lần được nhắc thân ra khỏi tấm chiếu cáu bẩn đã rách bươm trải trên chiếc

giường tre ọp ẹp kê trong xó tối. Đông cũng như hè, cái hình hài dật dẹo ấy chỉ ngọ nguậy trong tám chần chiền rách bùng nhùng, lúc đói, lúc đau hay có khách đến thăm cũng chỉ ọ người phát ra được vài âm thanh ọ ẹ!

Sáu đứa con chung, một đứa con riêng, gánh nặng mưu sinh đè trĩu lên cuộc đời bà Út, ông Như. Làm lụng quần quật, ngôi nhà tranh vách lá của họ hơn 30 năm sau vẫn chẳng hề rộng ra, đã rách lại càng rách thêm. Bệnh tật thời chiến và gieo neo cơm áo thời bình đã vắt kiệt sinh lực của ông Như. Đến những năm đầu thập niên 90 thì ông gần như quy hẳn, thời gian sống chỉ nối nhau bằng những tràng ho xé phổi. Năm 1993, ông mất, dồn toàn bộ gánh nặng áo cơm và 4 đứa con tật nguyền cho người vợ tuổi đã xế chiều. Trong căn nhà rách nát ấy, bà Út bảo: "Chẳng có cái gì đáng giá hơn chục bạc..."

Đồng cảnh khổ với gia đình bà Út là gia đình anh chị Đình Hữu Đường - Nguyễn Thị Bình ở thôn Thanh Lạng, xã Thanh Thạch, cùng huyện. Trước đây, Thanh Thạch và Thanh Hóa cùng một xã, sau này mới chia ra. Hai anh chị cưới nhau năm 1980. Chị Bình, người đàn bà quắt queo, võ vàng ấy đã 9 lần sinh nở thì có 5 lần những đứa con sinh ra chỉ là mầm tai vạ. Khi chúng tôi đến nhà, chị Bình, anh Đường đều đi vắng. Trên chiếc chõng tre lấm láp tro than kê bên chái bếp trống hoác mờ mịt khói có 2 đứa bé chừng lên 5, lên 3 nằm oặt nửa trên nửa dưới, tay chân buông thõng lợt xuống và kẹt cứng giữa những nan chõng gãy. Cả hai đứa trẻ đều bất động, ruồi bâu đầy mép và hố mắt. Cái nhìn của chúng vô hồn, không một chút sinh khí. Quẩn quanh bên chiếc chõng tre ấy còn có thêm một đứa trẻ khác ngực nhô, lưng hơi gù, chân cao chân thấp chừng 3 tuổi. Hình như tất cả đám trẻ con nhà ấy đều chừng... 3 tuổi, bởi hầu như chúng chẳng thể và chẳng chịu lớn thêm. Kỳ thực, nằm trên chõng đó không phải là hai đứa trẻ mà là hai người đã ở tuổi thanh niên: Đình Thị Hải sinh năm 1982 và Đình Hồng Thạch sinh năm 1987. Sinh ra, cả hai đều bình thường nhưng chỉ sau 1 đến 3 năm, cơ thể những đứa trẻ ấy đã bắt đầu co rút, tay chân teo lại, miệng méo không nói được, rồi nằm một chỗ, mọi sinh hoạt đều phải có người lo. Chung số phận với chúng là 2 cháu Đình Thị Thủy và Đình Thị Thu, đều đã chết khi lên 13 và 14 tuổi. Trước đó, hai đứa trẻ đều lành lặn, đều được đến trường. Khi chúng lên 7, lên 8 thì bệnh tật bộc phát, bắt đầu từ tay chân co rút, rồi sau đó là oặt ọo cả người, không thể đi đứng được; không nói, không nghe được. Cháu Thu mất năm 2000, còn Thủy mới mất hồi tháng 4 năm 2003. Nhắc đến chúng, chị Bình không khóc nổi nữa, đôi mắt đỏ hoe chỉ kính hoàng liếc trộm xuống cậu con út Đình Hồng Kông sinh năm 2000 đang quẩn bên chân. Bé Kông cũng bắt đầu có những triệu chứng phát bệnh như anh chị nó: giọng nói bắt đầu uốn âm, chân đang teo dần thành chân cao chân thấp, ngực nhô ra...

Hỏi nguyên nhân bệnh tật của đứa con, bà mẹ lao lực ấy chỉ lắc đầu vì chị không biết. Anh Đường, chồng chị, cũng không biết. Nỗi tuyệt vọng đã khiến đầu óc họ mù đi. Chị Bình bảo: "Đi khám mấy lần ở bệnh viện Đồng Lê (Tuyên Hóa), bác sĩ đều bảo là chúng bị bẩm sinh, không thể chữa được".

Điều duy nhất mà họ có thể biết, đó là cuộc sống túng quẫn đang ngày một túng quẫn hơn, vây bủa lấy những cuộc đời con trẻ đang chết dần chết mòn. Miền tây Quảng Bình rừng núi bạt ngàn nhưng toàn núi đá vôi với đất đai cằn cỗi, được khoảng bằng phẳng nào thì tro toàn đá gan gà, hầu như không trồng tía gì được. Nhà chị Bình còn lại 9 miệng ăn, tất cả chỉ trông chờ vào 2 sào ruộng, hai sào vườn để trồng ngô, ăn còn không đủ nói chi đến thuốc men chạy chữa cho đám trẻ. Vậy là hai vợ chồng đành bất lực ngồi đợi tử thần lần lượt cướp dần những đứa con sau khi đã chán chường gieo bệnh tật lên cuộc đời chúng.

Ngôi nhà đang ở, vợ chồng chị được một người anh nhường lại năm 1995 với giá 12 triệu đồng cho trả dần. Sau 8 năm số nợ tiền nhà mới trả được một nửa, nhưng họ lại nợ ngân hàng thêm gần 10 triệu và hoàn toàn không còn khả năng trả cả nợ cũ và nợ mới. Chị Bình bảo: "Hết cách rồi" và bất lực nhìn trần trần vào vách tường đã bị khói bếp ám đen kịt.

Nghị lực sống và nỗi tuyệt vọng.

Ngoại trừ đứa con riêng Cao Minh Vân đã có gia đình và ở riêng, 6 đứa con họ Hoàng của bà Út chỉ có thêm mỗi mình anh Hoàng Văn Đức cũng đã lập gia đình. Số còn lại vẫn xoay vần bên người mẹ già và nỗi khốn khổ. Trợ thủ đắc lực nhất của bà Út trong cuộc mưu sinh là cô con gái áp út Hoàng Thị Cảnh, sinh năm 1981. Theo bạn bè, Cảnh đã rời quê vào tận Bình Dương làm công nhân cho phân xưởng gò của Công ty Sao Việt, khu Công nghiệp Đồng An. Khả năng giúp đỡ gia đình của cô hầu như cũng chỉ dừng ở mức độ tấm lòng hơn là trách nhiệm, bởi lương công nhân chỉ 500 đến 600 ngàn đồng/tháng, tiền tiện lắm may ra mới đủ gửi về cho mẹ nuôi các anh mỗi tháng một vài trăm ngàn. Con nhà khó thường năng động, cho dù là người mù cũng thế. Ngoại trừ Luận nằm một chỗ, Thuột suốt ngày ngồi ruồi bầu chẳng buồn đuổi với nụ cười ngô nghê, còn lại hai anh em Viên và Phong dù chưa bao giờ được trông thấy ánh mặt trời vẫn cứ phải quăng mình vào cuộc mưu sinh với một cái nghề không tưởng: chẻ củi thuê. Xã Thanh Hóa nằm trên một triền đồi, đường xóm mấp mô, trời trụi, đầy những dốc hố, rãnh và đá lớn nhón đá nhưng hang hốc nào hai anh em Viên, Phong cũng biết, cũng đã từng có dịp ghé qua. Mỗi xe công nông củi, tiền công cả cửa lẫn chẻ là 40.000 đồng, người khỏe và sáng mắt làm cật lực mất khoảng 2 đến 3 ngày. Vừa rờ rẫm vừa quai búa, Viên và Phong làm từ sáng sớm đến tối mịt, thời gian cũng phải hết hơn tuần lễ, tính ra thu nhập cho một ngày quần quật

cũng chỉ chừng 2 đến 3 ngàn đồng. Của đáng tội, xót thương hoàn cảnh họ, đa phần người thuê đều cho thêm 10 đến 15 ngàn đồng một xe, nhưng bởi vì mù, lắm lúc họ tìm được đến nhà chủ thì cũng đã 12 giờ nên ngày công cứ thế kéo dài ra. Cũng có lúc có kẻ không tử tế gì, đổ xe ruồi, hai xe vào một đồng để bắt họ làm tối mặt cả nửa tháng mà công xá cũng không hề được thêm đồng nào. Viên, Phong biết cũng chỉ cười trừ. Người mù có nhìn thấy đâu mà biết, có việc làm đã là may lắm, dù chỉ đem lại cho họ ngày công chừng... 1 ngàn đồng! Cũng may, với người mù thì ngày cũng như đêm, có lúc vui việc họ chẻ luôn đến 10 giờ đêm mà vẫn cứ cảm thấy "trời còn sớm", để rồi lếch thếch dìu nhau về được đến nhà thì trời đã khuya, khổ cực nhưng vui. Phong suốt ngày vừa làm vừa hát, từ "*Bèo dạt mây trôi*" đến "*Họa mi hót trong vườn khuya*", nghĩa là trên radio phát bài hát nào, thuộc câu nào là anh hát luôn câu đó, hát luôn miệng. Viên không biết hát, cũng chỉ nghe câu được câu chẳng nhưng lại rất tích cực giải thích - tất nhiên chẳng đúng bao giờ - lời hát của Phong với đám khán thính giả "vào cửa tự do" là đám con nít có lối tán thưởng âm nhạc bằng cách đưa ống tay áo quẹt ngang mũi dãi! Tuy mù, song cả hai anh em đều dùng cưa, đục, dao khá thành thạo. Viên khoe: "Mần khi mô xong thì thôi, ai thúc mà phải lớp tớp? Mần răng chặt phải tay được". Dù tin lời anh, tôi vẫn cứ thót tim khi theo dõi tay dao của Viên lần rờ lên khúc củi rồi dứt khoát hạ phập xuống thanh củi đứng. Mới hay, bản năng sinh tồn của con người mạnh mẽ biết chừng nào. Làm mãi thành quen, chỉ cần bóc vỏ thanh củi đưa lên mũi là họ biết ngay đó là gỗ gì: "Mềm dễ chẻ thì có dền, bầy bầy, ổi, mốt..., còn gập gỗ cành, dễ sứt, chẻo cây... cứ gọi là cứng như đinh". Phong bảo thế và tôi cũng tin là thế.

Ngoài chẻ củi, từ tháng 4 đến tháng 8 dương lịch, hai anh em còn có thêm nguồn thu nhập khác bằng nghề bắt vẹm. Sáng sớm, ngửa mặt lên trời hít một hơi, Phong bảo: "Trời khô!". Vậy là ôm theo một mớ dây thừng, hai anh em lại dắt nhau mò ra bờ sông dốc đứng. Đến nơi, Viên tìm một gốc cây cột một đầu dây vào và ngồi chờ, trong khi Phong buộc đầu dây kia vào bụng rồi lặn xuống nước. Không biết bơi, khi nào ra chỗ quá sâu hoặc bắt được vẹm, Phong lại giật dây để Viên biết và gồng sức kéo em lên. Vất vả, nguy hiểm, cực nhọc song với nghề này, hai anh em có thể kiếm được những 10.000 đồng/ngày. Có khi, nửa đêm cả hai mới xách rổ vẹm về nhà, trong hốc mắt, khoe mũi Phong, những con đĩa trâu to như ngón tay cái đã hút máu no tròn vẫn bám lòng thòng. Người nhà thấy gỗ cho thì chớ, không thì hai anh em cứ để nguyên như thế mà ngủ, đĩa hút máu chân cứ việc rời ra, bỏ đi hoặc chui rúc vào đâu mặc sức.

Cuộc đời không ánh sáng, một người mù trở thành chỗ dựa của một người vừa mù vừa điếc, họ cứ sống hồn nhiên như cây cỏ. Trong làng, hề nghe có tiếng trống đám ma là hai anh em lại bỏ áo vào quần, lấy dây chuối buộc lại

cho khỏi rớt và dắt nhau tìm đến mua hương hoa phúng viếng. Viên bảo: "Sống được là nhờ tình thương, nghĩa tử là nghĩa tận, phải đến cúng người ta chứ?". Phong khoe: "Bữa tê bắt vẹt bán được 10 ngàn, bỏ phong bì đi cúng hết 5 ngàn, còn 5 ngàn tích lại khi nào đủ sẽ mua cái radio mới vì cái đài cũ do thanh niên tình nguyện sắm cho đã hư rồi".

Cũng tận khổ, song ở nhà chị Bình, không khí không được hồn nhiên như thế. Thôn Thanh Lạng toàn đá là đá, vợ chồng chị chẳng biết làm gì để cải thiện thêm. Con lợn nhà chị nuôi, cũng y như lợn nhà bà Út, có lẽ thuộc giống "lợn... nhai kinh tế", nuôi 8 tháng vẫn chỉ nặng chừng hơn 20kg. Người còn chưa đủ ăn, lợn lấy gì ăn mà bắt nó lớn, chị ngậm ngùi nói. Để giúp mẹ, đứa con lớn Đình Hồng Sơn, sinh năm 1983, đã bỏ học từ lâu theo bạn vào rừng làm nghề sơn tràng, đi biển biệt, nửa tháng, 1 tháng mới tạt về dúm cho mẹ được một vài trăm. Anh Đường, chồng chị, cũng theo con đi sơn tràng nhưng sức cùng lực kiệt, tiền bạc chẳng thấy đâu. Tuyệt vọng, anh đi để chạy trốn cảnh nhà nheo nhóc là chính, còn tiền làm ra không đủ thuốc men bệnh tật cho chính bản thân anh. Thực ra, được chút tiền lẻ nào thì anh cũng để mặc cho nó chìm theo nổi buồn vào đáy chén rượu tiêu sầu. May ra, bên căn nhà xô lệch ở triền đồi heo hút ấy, chỉ còn lại thằng bé Hồng Kông là vẫn vô tư. Nó vẫn thao láo mắt nhìn khách rồi lại ùa vào trêu ghẹo 2 ổ chó con vừa mới đẻ, hoàn toàn vô tư không hề biết nổi bất hạnh tật nguyên lại đang rập rình bủa xuống đầu mình. Sức sống duy nhất mà tôi gặp bên chái bếp nhà chị Bình là một đĩa hành tằm đã nằm trong xó bếp đã từ lâu lắm, đang đâm mọc nhô lên tua tủa. Thấy tôi chăm chú, chị Bình ngượng nghịu giải thích: "Lâu không có chi mà nấu, nó mọc mầm ra đấy!".

Lời trần tình hụt hơi của chị Bình, nước mắt của bà Út cứ ám ảnh chúng tôi suốt dọc đường về! Chạy qua những ngôi làng, những cuộc đời heo hút của họ là con đường Trường Sơn công nghiệp hóa, đã rộng rãi hơn, vươn xa hơn về một tương lai tươi sáng, nhưng cuộc sống của những đứa trẻ tật nguyên con chị Bình, những ngày tháng mưu sinh khốn khổ của 4 người mù trong gia đình bà Út thì vẫn chìm trong tăm tối, tuyệt vọng và không lối thoát. Tai vạ thì trên trời rớt xuống, nhưng để cất gánh nặng áo cơm, để giảm tối thiểu nỗi đau đớn cho những đứa trẻ tật nguyên và đem chút ánh sáng cho cuộc đời những người mù trong hai gia đình ấy thì trời đành bất lực. Chỉ có tấm lòng bạn đọc gần xa mới có thể rung động, xót xa với nỗi khốn cùng của họ để mà chia sẻ. Mong đợi lắm thay.

NGUYỄN HỒNG LAM - ĐỨC CHƯƠNG

CẦN GIÚP NGƯỜI KHUYẾT TẬT LẤY LẠI TỰ TIN

Quỳnh K, dân tộc Pa-cô, 64 tuổi ốm yếu, ngồi một chỗ không đi lại. Ông có hai người con bị dị tật. Người con gái lớn bị nhẹ, một bàn tay thiếu 3 ngón. Đứa con trai út lên 6 tuổi bị nặng, thiếu năng trí tuệ không biết nói. Cháu này chốc chốc lại lên cơn động kinh. Đặt nằm thì đầu lắc lia lịa. Thả xuống đất thì đi quay quay không biết phương hướng, bà mẹ luôn luôn phải đỡ mắt trông con.

Ông K. vốn là bộ đội vận tải dọc đường Trường Sơn. Ông bị nhiễm chất độc Da cam bốn, năm lần vào năm 1967. Nặng nhất là lần đầu tiên. Ông kể: "Máy bay Mỹ phun chất độc Da cam như mưa nhẹ. Anh em khác kịp choàng ni lông còn tôi lại để ni lông dưới đáy gùi. Họ che phủ được toàn thân còn tôi bị ướt hết, mắt thì cay xè, toàn thân ngứa ngáy chịu không nổi. Sau đó gặp chỗ có nước, tôi có tắm rửa nhưng ngứa ngáy không dứt. Làm công tác vận tải, chúng tôi đi nhiều. Không có công sự để tránh. Anh M. cùng xã với tôi cũng là bộ đội vận tải, có hai con gái trên hai mươi tuổi bị dị tật câm điếc. Một cháu còn bị tâm thần. Ngoài những lần bị chất độc Da cam, anh M. còn bị ngất 2 lần vì hơi cay. Từ 1969, Mỹ rải các thùng phuy có những ống nhỏ phụt hơi cay. Bị nặng thì ngất, nhẹ thì choáng váng, buồn nôn. Hơi cay để lại di chứng mờ mắt, đau đầu. Thấy ông K. mệt mỏi, ho một tràng, tôi xin phép trò chuyện với cô con gái ông trên 20 tuổi. X. nói nhỏ nhẹ như một cô gái Huế. Cô rất dè dặt, hỏi câu nào, trả lời câu ấy. Cô đã học qua ba năm trong trường nội trú dành cho học sinh dân tộc ít người ở Huế nhưng hè vừa qua cô thi rớt. Cô về làm ruộng phụ giúp anh là lao động chính. Anh trai cô học hết lớp 7 phải thôi học để gánh vác việc sản xuất thay cha mẹ đau yếu. Mẹ cô đã từng đi dân công hỏa tuyến, bị thương ở chân.

Tôi nghĩ đối với đồng bào dân tộc miền núi, có con học đến lớp 12 là rất hiếm, nhất là con gái. X. lại sức vóc yếu, tay có tật, nếu cô có được bằng tú tài còn có cơ may học nghề, tôi quyết định giúp khuyến học để cô đủ tiền học ôn bổ túc văn hóa và thi lấy bằng trong năm.

Sau khi tôi gửi tiền học cho X. và có thư từ động viên, X. đã dần dần trút bỏ mặc cảm tự ti. Lá thư thứ nhất ngày 12 tháng 2 năm 2004 có kể: "... Cháu quyết tâm học để khỏi phụ lòng bà và các chú các bác ở xã cháu đã động viên

an ủi, cháu nghĩ đây là cơ hội để cháu khỏi xấu hổ trước mặt bạn bè, dù là một cô gái tật nguyền nhưng cố sức phấn đấu cũng sẽ không ai dám coi thường cháu. Từ khi cháu gặp được bác và bác bắt tay cháu, đó chính là các tay thiếu ngón của cháu, cháu thấy như có một ai đó đang gắn lại các ngón tay cho cháu. Bác biết đấy, trong xóm cháu có vài bạn, nếu cháu giơ tay bị tật của cháu, các bạn ấy sợ lắm và bảo là tay quý. Lúc đó cháu buồn lắm nhưng không thể khác được vì đó là số phận của cháu, vì vậy cháu nghĩ chỉ có bác là người hiểu thấu lòng cháu, đưa con gặp nhiều bất hạnh trong cuộc đời. Cháu tự nhủ lòng mình phải biết vượt lên mọi khó khăn để sống tốt hơn, để xóa bỏ mọi mặc cảm trong xã hội, đúng vậy không bác?"

Đến lá thư thứ hai ngày 29 tháng 3 năm 2004 cô vẫn rất lo và kể: "Bác ơi, cuối tháng 5 này cháu xuống thi ở Huế. Cháu thật sự thiếu tự tin lắm bác ạ. Nếu có gì xảy ra chắc cháu không dám ngẩng đầu lên, nhưng nói vậy cháu sẽ cố gắng hết sức lực của cháu..."

Trong lá thư thứ 3 ngày 22 tháng 4 năm 2004 tôi mới thấy cô có thêm tự tin sau khi thổ lộ tâm sự của mình như sau: "... Từ nhỏ cháu đã có ước mơ trở thành cô giáo dù là một cô giáo tiểu học. Cháu nghĩ đó chỉ là mơ tưởng của cháu, chắc cháu không bao giờ thực hiện được giấc mơ đó. Anh trai cháu mới học hết lớp 7 nhưng vì gia đình khó khăn quá, anh đã phải bỏ học, làm việc kiếm tiền để lo cho cháu bảo cháu phải cố gắng học vì cháu không làm việc nặng được và cháu tự hứa trong lòng cháu sẽ cố học để khỏi làm anh trai và mẹ cháu buồn, nhưng không ngờ cháu lại làm cho cả nhà cháu buồn khi cháu thi rớt. Từ đó cháu suy sụp hoàn toàn, cháu nghĩ chắc bây giờ mình không dám ngẩng đầu lên nữa. Từ khi cháu gặp được bác động viên cháu, cháu như một người sống lại lần thứ hai. Bác đã cho cháu cơ hội duy nhất nên cháu cần cố gắng hết khả năng của mình. Vì tương lai sau này của cháu, cháu nhất định sẽ vượt qua mọi gian nan, thử thách rồi sẽ qua, đúng không bác?"

Lá thư thứ 4 ngày 23 tháng 6 năm 2004, X. báo tin đã thi đỗ trung học phổ thông hệ bổ túc văn hóa. Cô viết: "Cháu đã đỗ với điểm số 32, dù con số điểm không cao nhưng đó cũng là sự cố gắng của cháu trong suốt thời gian cháu vui đầu vào sách vở. Thời gian quá ít đối với cháu vì ban ngày nếu có rảnh thì phải học đến 11 giờ. Nhờ lời khuyên của bác làm cho cháu tự tin hơn... Giờ đây cháu có thể ngẩng đầu lên trước mọi người xung quanh cháu. Bác ơi, bác nhớ sống lâu để cháu được tâm sự mọi ưu phiền trong cháu. Cháu coi bác như người bà của cháu sống lại, đang dõi theo con đường cháu đang đi. Mong sao được bà dõi theo suốt cuộc đời của cháu, nhưng đó chỉ là ý nghĩ của cháu chứ làm sao mà bà phù hộ cho cháu được suốt cuộc đời... Không gặp được bác chắc cháu không dám đương đầu trước mọi khó khăn. Trời xui khiến cháu được gặp bác và làm quen với bác để cháu xóa được mọi

mặc cảm trong cháu, giờ đây cháu sẽ sống như mọi người bình thường, không cần phải suy nghĩ về số phận của mình. Bác biết không khi cháu đang đi học, cháu sống với bạn bè rất cách xa vì cháu nghĩ cháu không thể vui đùa như các bạn nên cháu chỉ sống riêng rẽ, đôi khi cháu ngồi khóc một mình trong lớp. Khi thấy các bạn vui đùa như vậy sao mình lại không được như các bạn, chắc vì vậy đợt trước cháu thi rớt vì cháu hay suy nghĩ lung tung. Bây giờ cháu hết suy nghĩ như vậy và cháu sẽ sống hạnh phúc hơn".

Đến lá thư thứ 5 ngày 24 tháng 7 năm 2004, X. báo tin cô không thể đi học Sư phạm tiểu học vì việc đào tạo giáo viên đã dư, hiện thời ở Huế không mở trường này nữa. Song cô xác định: "... đó chỉ là ước mơ của cháu. Mỗi con người đều có một ước mơ dù nó có thể thực hiện hay không?"

Cuối thư cô nhắc: "Bác đừng quên người cháu ở miền núi xa xôi này nhé" và cô tự nhận là: "Vì cháu nói chưa chuẩn tiếng Kinh nên hay sai dấu, lỗi chính tả mong bác thông cảm cho cháu". Đây là lá thư dài nhất, kín hết bốn trang giấy. Cô tâm sự chuyện bản thân, gia đình, xã hội xung quanh. Cô viết trong tâm trạng buồn phiền, đang đau ốm tuy đau không nặng. Việc hằng hụi không được học làm cô giáo tiểu học khiến cô cảm thấy mình như người thừa, lại theo mẹ làm ruộng rẫy, không làm gì khác để thay đổi cuộc sống nặng nhọc như bây giờ. Cô mong nhận được thư tôi để xoa dịu một nhọc trong suốt ngày làm việc.

Qua những lá thư tâm sự của cô gái trẻ ở miền núi xa xôi hẻo lánh (huyện A Lưới) giáp biên giới Lào này tôi thấy đối với người khuyết tật, dù chỉ là khuyết tật nhẹ như ta tưởng nhưng mặc cảm tự ti lại hết sức lớn khi bạn bè gần cô sợ "bàn tay cô như tay quỷ". Cho nên được Nhà nước đầu tư cho học trường trung học nội trú ở Huế, xa gia đình xa quê hương, cô càng lạc lõng và xa lánh bạn bè khi không được ai hiểu thấu hoàn cảnh và an ủi kịp thời. Do đó cô đã thi rớt. Bên cái vẻ ngoài e dè, khép nép, những lá thư đã toát lên tâm trạng của một cô gái có nhiều suy tư, nhiều nỗi day dứt nội tâm. Từ đó tôi nghĩ rằng bên cạnh sự giúp đỡ những gia đình có con khuyết tật về mặt vật chất, rất cần sự hỗ trợ về tâm lý và việc này không thể chỉ làm một lần là đủ.

ĐẠM THƯ

(Khảo sát các gia đình nạn nhân chất độc Da cam ở huyện A Lưới các năm 2002, 2003, 2004).

NỖI ĐAU KHÔNG NGƯỜI

Quỳnh Thi 61 tuổi, dân tộc Tà Ôi ở vùng A Lưới. Ông đi bộ đội lúc thanh niên. Sau hòa bình trở về A Lưới, lấy vợ người Kinh (theo gia đình từ Huế lên A Lưới làm kinh tế mới). Phục viên ông được học sư phạm ở Huế và làm giáo viên tiểu học rồi quản lý giáo dục ở A Lưới. Ông có 5 người con thì 2 con là trai bị bại não. Một cháu đã mất lúc 18 tháng. Cháu út còn lại không biết đi, không biết nói. Mọi sinh hoạt hàng ngày, người lớn phải chăm sóc cháu tỉ mỉ.

Tôi còn nhớ lúc nhỏ sống với bố mẹ ở vùng A Lưới này, rừng già còn nhiều lắm. Cây cao vòi vọi, rừng bao la, có nhiều loại gỗ quý như lim, sến, táu, kiền kiền, chò chỉ và có cả trầm hương... Nhà rộng ngày xưa rất dài, cột lim đánh bóng, sàn cũng bằng gỗ - nhà giàu có gỗ quý làm nhà, làm giường, tủ, trâu bò cả đàn mấy chục con. Người nghèo quá phải đập vỏ cây làm khố. Các thú rừng có đủ loại từ hổ, báo, voi, gấu, tê giác đến hươu nai, dê rừng, lợn rừng, khỉ, voọc, nhím, v.v. Hổ rất sợ thuốc lửa, còn voi không sợ người. Chúng chỉ phá phách khi người bắt voi con về nhà nuôi. Chúng tôi bẫy thú rừng bằng hầm chông, hố chông có cắm những chông bằng tre cứng vót nhọn.

Tuy có đốt nương làm rẫy nhưng cha ông cũng biết bảo vệ rừng. Dân chúng tôi trước kia sống nhờ cây, giờ chiến tranh tàn phá hết, bà con phải chuyển sang làm lúa nước. Nhưng đất nghèo kiệt, đời sống hết sức khó khăn.

Vùng này có đường Trường Sơn đi qua, đã bị Mỹ đánh phá hủy diệt. Bom đạn nhiều, chất độc màu Da cam cũng nhiều. Khi cây khô héo trụi lá chúng dùng bom na pan làm cháy hết, cỏ tranh cũng chết hết. Giờ Hội Chũ thập đồ giúp tôn lợp nhà, nếu có muốn dùng cỏ tranh cũng không kiếm được nữa. Bom đạn, cháy rừng, tiếng nổ âm âm khiến chim muông, thú rừng chạy hết. Có lẽ chúng chạy tán loạn sang đất Lào. Có bữa đi hành quân trong rừng, bom đạn nổ ở rừng bên nhưng chỗ tôi cây cối rung chuyển rào rào do sức ép của bom. Những con voọc từ trên cây cao hoảng sợ rơi xuống bịch bịch như quả rụng. Chúng chết không phải do mảnh bom đạn mà vì quá sợ, rơi từ cao xuống mà chết.

Tôi tham gia cách mạng tương đối sớm. Đầu tiên là đi làm liên lạc cho mấy cán bộ hoạt động bí mật trong vùng. Lúc đó khoảng những năm 57,

58, 59. Tôi mới 14, 15 tuổi. Làm liên lạc tôi được học tiếng Kinh và học chữ. Đến năm 1960, tôi xin đi bộ đội và thoát ly gia đình. Lúc đó đi rất tự giác, cũng chẳng khám sức khỏe. Có người đi, bố mẹ cũng không biết. Nhưng tôi đi, tôi có nói với cha mẹ. Tôi là con út, lúc này bố tôi đã già. Ông động viên tôi: "Con cứ đi đi. Trách nhiệm đánh Mỹ không riêng một mình ai, đây là trách nhiệm chung, con hãy tự giác mà đi". Tôi có chị lớn cũng tham gia cách mạng nhưng ở gần nhà, một em ở Quảng Trị, một anh vào tận Nam Bộ, còn tôi phần lớn ở đường 9 - Nam Lào. Mỗi người ở mỗi nơi. Ba, bốn năm sau mới được tin bố mẹ đã mất cả. Còn anh chị em cũng không biết sống, chết thế nào.

Khi ra đi cũng biết là sẽ vất vả nhiều. Bom rơi đạn nổ, không biết khi nào trở về. Không chỉ bom đạn mà còn chất độc Da cam và hơi cay. Tôi gặp 3 đợt Mỹ rải chất độc hóa học. Lần đầu vào năm 1966 ở Quảng Trị, năm 1967 hai lần nữa ở Hướng Hóa. Máy bay Mỹ thường rải buổi sáng. 4 chiếc đakôta đi phun chất độc hóa học thì có 2 máy bay phản lực bay cao yểm trợ. Hấn phun thuốc chi như mưa bụi, rơi xuống chỗ có núi đá hoặc nước, bắn nổi như vầng mỡ. Cũng biết là chất độc vì không những cây bị khô héo mà rải xuống sông, suối thì cá chết nổi lên rất nhiều. Chúng tôi được trang bị mặt nạ, có bị đồng nước đem theo và có khăn để phòng khi gặp chất độc Da cam thì thấm ướt khăn úp lên mặt mũi cho đỡ. Nhưng 3 lần tôi gặp Mỹ rải chất độc, tôi đều ở dưới nước. Tôi đeo mặt nạ, núp dưới nước. Có khi 30 phút, khi 40 phút, khi cả tiếng đồng hồ. Lúc đó biết là chất này có hại cho cây cối, củ sắn hay quả chuối to phồng lên nhưng cũng không biết có hại đối với con người thế nào. Ngay sấn sau khi bị rải chất độc, lá đã trụi hết nhưng đào củ lên cũng phải ăn vì đói quá.

Trong các chuyến đi hành quân vấp phải bom đạn cũng nhiều. Nói là mình tránh bom đạn cũng không đúng mà đúng ra là bom đạn tránh mình thì mình mới tránh nổi. Có khi bom nổ, đồng đội chết mà mình lại không chết. Có khi bị bom vùi, đè nặng lên, một chân khiến cái chân đó giờ bị yếu. Cũng có lần bị thương vào phần mềm. Lúc đó mục tiêu là giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, tất cả đồng viên nhau cực khổ mấy cũng chịu dù bom rơi, đạn nổ, dù chất độc hóa học, v.v. cũng vẫn cố gắng làm tròn nhiệm vụ.

Đến khi hòa bình trở về, bố mẹ đã mất. Gia đình điếm lại có hai người ra đi không trở về. Mình sống sót, gặp lại được cha mẹ để kể cho cha mẹ thấy mình đã trưởng thành thế nào. Nhưng lúc sum họp đoàn tụ lại có 4 người đã mất. Thế là vui mừng vì thống nhất Tổ quốc, hòa bình đã trở lại nhưng không gặp được cha mẹ anh em, thật đau lòng xót ruột.

Tôi lấy vợ năm 1977. Gia đình vợ tôi gốc ở Huế, nhà đông con, lên A Lưới khẩn hoang làm kinh tế mới. Năm 1979 chúng tôi có con gái đầu lòng bình thường. Nhưng năm 1981 đẻ cháu thứ hai bị bại não. Đến khi cháu 13 tháng

thì mất. Khi thấy cháu bất thường vợ chồng tôi có đưa đi bệnh viện. Chữa ở bệnh viện A Lưới không lành lại theo đường số 14 đưa cháu về Quảng Trị chữa. Ở bệnh viện Quảng Trị 3 tháng không thấy có chuyển biến, lại đưa cháu về Huế nằm điều trị 5 tháng. Cuối cùng các bác sĩ ở khoa Nhi bảo: "Thường các cháu vô điều trị thì lành lúc trở về cháu sẽ không lành. Càng điều trị càng nặng lên. Thôi đành cho cháu về nhà". Vợ chồng tôi khóc, các bác sĩ cũng ứa nước mắt. Về nhà ít lâu thì cháu mất. Vợ tôi suy sụp nên cũng ngã bệnh, đau một năm.

Lúc đó bác sĩ hỏi:

- Anh trước đây có đi bộ đội không?

- Tôi có đi. Có vấp bom đạn, chất độc Da cam phun từ máy bay - Tôi trả lời.

- Chắc anh có bị ảnh hưởng chất độc Da cam rồi.

Tôi nửa tin, nửa ngờ. Sau đó năm 1983 chúng tôi có đứa con thứ ba là trai, bình thường. Đến 1985 sinh cháu gái, có một chân 6 ngón. Nhưng đến cháu thứ năm sinh năm 1988, lại bị nặng giống cháu thứ hai, tháng đầu chưa biết nhưng rồi cháu vận động rất kém. Lại bồng cháu lên bệnh viện Huế điều trị 6 tháng trời. Ai cũng bảo là vợ chồng tôi quen bệnh viện nhắm mắt như cơm bữa. Cháu không đỡ, hai vợ chồng lại bồng con về. Y bác sĩ cũng bùi ngùi khóc với chúng tôi. Không còn hy vọng gì.

Hoàn cảnh chúng tôi lúc đó rất bi đát. Thật quá vất vả. Bây giờ có đỡ hơn, được 3 bữa vừa cơm vừa cháo. Những năm từ 1978 đến 1988 khó khăn cả vật chất lẫn tinh thần. Lương giáo viên tiểu học thì thấp lại bộn nhiều. Kể ra nếu biết trước là do chất độc Da cam chắc không dám đẻ con thêm để nó lại chịu tàn tật. Tôi xem ti vi cũng thấy cả trong Nam và ngoài Bắc bộ đội đi chiến đấu ở miền Nam trở về với gia đình nhiều người cũng bị hậu quả chất độc Da cam. Ngoài Bắc cũng có những gia đình có 2, 3 đứa bị. Thật đau đớn. Sau những năm tháng chiến đấu gian khổ, may mà sống trở về lập gia đình ai cũng mong có những đứa con khỏe mạnh mà lại gặp cảnh đau xót này. Nuôi con tàn tật vất vả mà không có ngày mai. Về già chẳng thể nhờ cậy mà còn phải tiếp tục chăm sóc nó.

Tôi và cháu út cũng được trợ cấp về chất độc Da cam. Lúc gia đình khó khăn quá, xóm giềng cũng trợ cấp gạo. Giờ thì thôi. Có khi được cấp mỡ, mì chính, bánh kẹo của Nhà nước cho, có khi được chăn ấm. Cũng là để động viên gia đình. Chúng tôi cũng rất cảm động được chính quyền và bà con thương các cháu nạn nhân chất độc Da cam. Song gia đình riêng vẫn rất vất vả vì cháu này cũng hay yếu đau. Bây giờ vợ tôi bán quần áo trong chợ, bán hàng lẹp xẹp thôi cũng yếu đau luôn, hàng cũng ế. Tôi thì không còn sức lao động nữa. Chỉ làm được việc nhẹ, ở nhà chăm sóc cháu út nì, 16 tuổi mà

không biết chi. Từ ăn uống đến mặc quần áo cái chi cũng phải làm giúp hần. Mà cháu nhai nuốt kém, không ăn thức ăn cứng được. Thức ăn phải nghiền cho thật mềm hần mới nuốt được. Ăn rất chậm. Đại tiện, tiểu tiện cũng tự động, không biết gọi. Quần áo, chăn màn và tắm rửa phải làm hàng ngày nếu không mùi hôi thối sặc sụa, không chịu nổi. Trước đây cháu còn biết khóc, nay ít khóc. Cháu yếu đuối. Suốt ngày đặt ngồi thì ngồi. Ứng ngữ thì ôm đầu ngủ vậy thôi.

Gia đình tôi lo nhất là bố mẹ mất trước hần. Hiện nay tuy cực khổ nhưng còn bố mẹ lo. Nếu bố mẹ mất thì gánh nặng để lại cho anh chị, cực cho anh chị hần. Chị lớn thì ai ứng cũng phải cho đi lấy chồng, đâu phải cứ ở nhà mà chăm sóc hần mãi. Đây là nỗi lo mà tôi thấy nan giải quá. Cá nhân mình thấy mình bị chất độc Da cam đã buồn, lại thấy những đối tượng nạn nhân khác cũng mắc cảnh ngộ giống mình rất tội. Vất vả và đau khổ, tương lai lại mờ mịt. Cho nên nếu chị có điều kiện thông tin giùm cho phía Mỹ phải có trách nhiệm bồi thường hậu quả chiến tranh do họ gây ra. Giả sử bảo họ phải làm cho con người tàn tật được bình thường trở lại thì ai cũng mừng, song điều đó không thể làm được. Tôi thấy Mỹ phải bồi thường cho các nạn nhân Việt Nam bị hậu quả chất độc Da cam, trong đó có gia đình tôi về những thảm họa họ đã gây ra bằng cách trợ cấp nuôi dưỡng những nạn nhân tàn tật. Tôi hy vọng rằng những người có lương tri trên thế giới ủng hộ chúng tôi để việc làm nhân đạo này được thành công.

ĐẠM THU

Ghi theo lời kể của Quỳnh Thi

(A Lưới)

KHI CHỒNG CON CÙNG TÀN TẬT

Tôi sinh năm 1954 ở Hà Nội trong một gia đình viên chức có 7 anh chị em. Tôi là con gái thứ năm, rất hợp với bố và bố tôi đã dạy tôi biết tự lập từ nhỏ. Năm tôi lên 10 tuổi, bắt đầu có chiến tranh phá hoại, tôi đi sơ tán về Vĩnh Phú ở với bà con nông dân cùng với hai em nhỏ. Tôi được coi như chị cả, quản lý hai đứa em cho đến năm 1970.

Sau khi tốt nghiệp phổ thông tôi học công nhân kỹ thuật cơ khí nhưng do sức khỏe yếu chưa được 2 năm tôi đã bị "bệnh nghề nghiệp" đau lưng, đau dây chằng cột sống phải chữa bệnh cả năm trời ở Hợp tác xã thuốc nam Chùa Bộc. Khỏi bệnh, tôi chuyển sang học nghề đông y và làm ở Hợp tác xã Chùa Bộc. Đến năm 1977 một bác cùng làm ở hợp tác xã giới thiệu tôi với anh Vi ở cạnh nhà bác ấy. Anh Vi là Tây lai, được một gia đình hiếm con nhận về nuôi từ lúc mới sinh. Lẽ ra con một không phải đi bộ đội, song anh xung phong đi bộ đội năm 1969, chiến đấu ở Quảng Trị, đường 9 - Nam Lào. Anh bị thương năm 1971 và đến năm 1972 phục viên về Hà Nội, làm ở xí nghiệp bàn chải của các thương binh. Nghe nói hoàn cảnh của anh Vi là thương binh tôi đã có ít nhiều cảm tình vì anh trai tôi cũng đi bộ đội, bạn bè tôi nhập ngũ cũng nhiều, tôi nghĩ là sống với bộ đội có hình ảnh đẹp về con người đã chịu mọi gian nan ở chiến trường, tiếp xúc giữa cái sống và cái chết. Anh Vi lại là thương binh tôi càng muốn bù đắp cho anh ấy nhất là tôi lại làm ở nghề y. Ngay khi tiếp xúc với anh Vi lần đầu, thấy anh đẹp trai, tôi mừng quá, tôi nói luôn với mẹ tôi: "U ơi u, con đồng ý u ạ". Chúng tôi tìm hiểu nhau chỉ chừng mấy tháng. Gia đình tôi thương tôi sức khỏe yếu mới phải vào nghề lương y, nay lại lấy một anh thương binh thì làm sao mà nhờ cậy được. Bố mẹ tôi không bằng lòng nhưng bố tôi biết ý tôi đã quyết, ông chỉ khuyên: "Bố phân tích điều hơn lẽ thiệt, con sống với người ta cả đời, sướng con hưởng, khổ con chịu, cảm kêu". Tôi lĩnh hội cái ý của bố tôi như thế cho nên về sau tôi cực khổ vô cùng nhưng không bao giờ tôi dám về nhà kêu ca điều gì.

Khi tôi cưới, ông chủ nhiệm quý anh thương binh nên đã sắp xếp nhà tập thể cho chúng tôi ở song anh Vi là con một, nhà neo người nên bố mẹ chồng tôi muốn có con dâu ở cùng. Còn tôi không dám bỏ bố mẹ anh ấy vì thấy

trách nhiệm phải báo đáp công lao bố mẹ nuôi dưỡng anh ấy trưởng thành. Nhà anh Vi nghèo, chỉ có ông bố có lương hưu còn mẹ anh ấy vừa nội trợ vừa gánh nước thuê, mất lại kém. Khi tôi sinh cháu An đầu lòng, bà rất phấn khởi, bà ở nhà bế cháu. Lúc này kinh tế gia đình đã khó khăn lại thêm khó khăn sau khi có cháu bé ra đời. Trước khi cưới tôi chỉ biết anh Vi là thương binh nhưng đến hôm tân hôn tôi mới biết là anh bị thương sọ não ở vùng chẩm. Biết lại càng thương anh ấy hơn chứ không ân hận gì. Có điều là sức khỏe của anh càng ngày càng suy sụp, các cơn động kinh của anh ấy càng dày lên và sau những cơn động kinh, anh Vi như người mất trí. Nếu bị thương ở chân tay thì còn lắp chân tay giả bù vào, nhưng vào đầu thì làm đầu giả làm sao được, lại càng thương. Cháu An giống bố nên rất xinh. Thôi thì ăn đói mặc rách nhưng nhìn thấy chồng đẹp con đẹp cũng nguôi ngoai, quên vất vả phần nào.

Cháu An được 8 tháng tôi lại có mang. Vô cùng lo sợ, nhưng đi khám bệnh viện C họ không phát hiện được là tôi có thai. Mãi đến 4 tháng, thai bắt đầu đập thì đã quá muộn. Chồng tôi thì bệnh tình ngày càng nặng. Tôi đành lên cầu cứu bà chị gái, chị tôi an ủi: "Bao giờ đẻ đứa thứ hai thì mang cháu An lên chị nuôi đỡ cho". Nghe thấy thế tôi mới vững tâm nuôi cái thai.

Tôi sinh cháu Thi ở bệnh viện Bạch Mai. Cháu ra ngược, nặng có 2,4kg. Khi cháu vừa lọt lòng tôi nghe thấy một câu là chân ra trước, tay vắt qua mặt. Một lúc sau lại có câu "bị não bẩm sinh...". Cháu phải nuôi trong lồng kính. Tôi phát hiện thấy khi cho bú đầu cháu rất nặng, đặt nằm ngửa thì đầu cứ đổ xuống. Ba tháng không biết lẫy, 6 tháng cũng không lẫy, người cháu cứ mềm oặt như tàu lá. Tôi bế cháu đi chữa ở viện Nhi, người ta chẩn đoán cháu bị bệnh về thần kinh bẩm sinh, không thể chữa được, chỉ cho phục hồi chức năng như tắm điện, chiếu tia tử ngoại, ăn uống bồi dưỡng. Cháu là con thương binh nên cũng có được phần nào ưu tiên. Khi thể lực cháu khá lên, cháu ra viện. Tôi lại tiếp tục chữa đông y cho cháu. Ông lang bảo: "Cháu bị tiêu thiên bất túc". Bố cháu là người gieo giống mà đau ốm thần kinh, còn tôi lúc đó như mảnh đất cằn cỗi có gì bồi bổ cho thai, các cụ nói thật đúng là "Sương thì sương từ trứng nước mà khổ thì cũng khổ từ trứng nước". Tôi cố gắng cho Thi bú mẹ đến một năm rưỡi và đưa cháu đi chữa bằng phương pháp tác động vào cột sống. Ông lang không lấy tiền nhưng đông khách quá, mỗi lần bế cháu đi mất cả buổi. Tôi lại là trụ cột của gia đình, tôi không thể đi mãi như thế vì ai kiếm tiền nuôi gia đình?

Thế là cứ cái vòng luẩn quẩn là dành dụm được ít tiền thì bế con đi chữa một thời gian, hết tiền lại quảng con cho bà, đi kiếm tiền vừa bồi bổ thuốc thang cho chồng và cho con đi chữa bệnh - tiền kiếm được chỉ đổ vào ăn và chữa cho hai bố con. Lúc này khổ đâu dám kêu ai vì mình đã tự nguyện mà. Chị em bạn bè giúp cho manh áo. Tâm người nhỏ nhắn, ai cho quần áo gì

cũng mặc vừa hết. Lúc khó khăn quá đi vay cũng ái ngại. Người ta quan niệm "trông giò, bỏ thóc", mình chẳng có gì để người ta tin là có thể trả được nên cũng thật khó vay ai. Có những người bán hàng ở chợ thông cảm đã bán chịu gạo, thịt, mắm muối...

Bấy giờ vào năm 1982, tôi phải bỏ tập thể ở Hợp tác xã Chùa Bộc để về nhà làm đủ nghề để thêm thu nhập, còn ai quen biết đến chữa bệnh tại nhà tôi vẫn chữa. Lúc thì rửa bát thuê cho hàng phở hàng cơm, lúc bán ngô khoai, lúc bán bánh mì pa-tê. Làm mặt hàng ăn tuy rất vất vả nhưng lại không cần vốn. Cửa hàng không có, toàn đi bán rong. Có lúc tôi đi bán bún ốc. Một bà ái ngại nói: "Theo nhà Phật, thế thì hại nhiều sinh linh quá". Tôi nghe hoảng sợ, quay ra bán bún xáo. Có lúc lại phải nghỉ làm hàng, đi trông trẻ con và giúp việc gia đình khác, miễn sao kiếm được tiền tươi là làm luôn. Điềm lại có lẽ trên đời này có 3 việc là tôi không dám làm: buôn bán vận chuyển ma túy, ăn cắp và bán thân. Song tôi sẵn sàng bán máu. Vì bên cạnh cái việc cấp bách cần tiền, lại có niềm kiêu hãnh là làm việc nhân đức, nhân đạo. Cũng cảm thấy dễ chịu. Lúc ấy họ có trả tiền đâu mà bồi dưỡng sữa, đường lại phải đi bán lại lấy tiền. Sau được trả thẳng bằng tiền. Nhưng cũng có ngày không được tiền ngay thì lại phải chấp nhận vay lấy lãi ở ngay cổng bệnh viện. Chồng con đang chờ, cần tiền tươi giải quyết ngay. Vay một trăm chỉ được 80. Bệnh viện phát thẻ bán máu đặn 2 tháng mới được bán một lần nhưng tôi phải có ít nhất 3 thẻ 3 bệnh viện khác nhau. Chỉ mười hôm, nửa tháng, vết kim vừa lành không ai phát hiện được là tôi đi luôn, lại cho máu. Nếu không túng quá thì tháng đi một lần. Có khi có ca cấp cứu hoặc dự trữ hết, khoa huyết học biết địa chỉ của tôi họ đến tận nhà lấy máu. Lúc đó sướng lắm vì chẳng phải đi xếp hàng lại được tiền luôn.

Đến năm 1985, chồng tôi bệnh quá nặng. Sau cơn động kinh, mất trí anh không biết gì nữa. Đại, tiểu tiện không biết, không làm chủ được mọi sinh hoạt cá nhân nữa. Lúc này cả mẹ chồng tôi và tôi hợp sức mới phục vụ được anh vì anh vốn to cao phải hai người mới tắm rửa thay quần áo được. Anh lại hay bỏ đi lang thang không nhớ đường về. Có khi chúng tôi đi tìm không thấy lại phải đưa lên thông tin đại chúng. Thường thì 3, 4 ngày hơi tỉnh trí thì anh tự tìm về, người bẩn thỉu nhem nhuốc, đầu tóc bù xù, chân đất. Kết cục không còn khả năng đi tìm, đành chấp nhận số phận. Anh mất tích, không trở về. Coi như mất. Tôi nhớ lại cái năm 1985 kinh khủng ấy, sau những lần bố cháu lên cơn đánh con, đánh tôi, người điên có biết gì đâu, tôi lớn, tôi biết chạy. Nhưng có lúc hôm đi làm, tôi rất lo là anh ở nhà nhờ đánh con quá tay nó chết thì sao? Còn tôi thì tôi phải sống, lắm lúc thấy quá khổ, nhưng mình là trụ cột gia đình, chết sao được. Còn nếu đánh con vào chỗ phạm, con mà chết có lẽ tôi cũng phát điên lên chứ không thể sống được. Bần cùng quá, tôi phải bế con về đằng ngoại. Chẳng kêu, chẳng kể, tôi phải

ấn con Thi cho ông bà ngoại. Ông ngoại thương cháu lắm. Cháu Thi đã 5 tuổi, chẳng biết đứng, chẳng biết đi nhưng cháu vẫn nhanh và nói được. Ai hỏi thì nó nói nó yêu ông vì ông chăm chút cháu. Cũng như ở nhà nó nói yêu bà nội vì bà bế ẵm trông nom. Nhưng ông cũng già yếu, tôi lại phải đưa cháu An từ đặng bà chị về để nó trông em đỡ cho ông. Thế là chị An chỉ hơn em có tuổi rưỡi mà ngày ngày phải xúc cơm cho em ăn, đẩy xe máy cho em đi chơi, cho em ra khỏi xe khi em ỉa, đái... Con bé chẳng được đi chơi. Thương con đứt ruột, cả đứa tàn tật và đứa lành.

Không may cho tôi cuối năm 1985 bố tôi mất, tôi hết chỗ bầu vú. Sang đến năm 1986, bố cháu như mất tích vĩnh viễn. Trong lúc khốn quẫn, năm 1990, Hội Chữ thập đỏ phường chứng nhận cháu mồ côi và cháu được làng Birla của Ấn Độ giúp, không phải đóng góp và lại được đi học. Năm đó An 12 tuổi. Đến 1995 cháu tốt nghiệp phổ thông, ra trường, trở về nhà được trường Hoa Sữa cho học nghề phục vụ khách sạn, nhà hàng. Cháu nay đã có việc làm ở khách sạn và nay đã có chồng, con. Còn cháu Thi năm 1990 làng Birla không thể nhận do cháu tàn tật. Phải chờ đến ngày nào có cơ sở nuôi trẻ tàn tật.

Tôi chữa bệnh mất tay nên cũng có nhiều khách, lại biết bấm huyết, châm cứu. Ông chồng mất tích chả ghen tuông gì nhưng khốn nỗi bà mẹ chồng lại quá nhạy cảm, ghen hộ con trai. Cái chuyện có lãng nhăng hay không thì chắc chắn chỉ có tôi biết. Tôi được bố mẹ giáo dục biết lòng tự trọng của mình. Và lại tôi chỉ biết thương chồng thương con, bù đắp cho chồng con, thiết gì đến cá nhân mình. Nhưng trong xã hội muôn người, có anh muốn lợi dụng mình, có anh thực tâm thương mình, thông cảm muốn giúp mình. Thôi thì cũng phải xã giao sao cho thêm bạn bớt thù, quan hệ cho đúng mức, lại còn chuyện làm sao chữa bệnh cho chồng người ta, giữ sao cho vợ người ta không hiểu lầm mình. Thành thử không những khổ về kinh tế, khổ vì tình cảm chồng bệnh, con tật, khổ về tình cảm mẹ chồng con dâu không thông cảm, lại tình cảm đối với xã hội, với bệnh nhân, người nhà bệnh nhân. Chữa bệnh cho chồng người ta, người ta có ơn không hay lại nghĩ chồng mình mất tích rồi, thêm khát vọng không biết chừng. Cuộc đời thật đáng sợ, không đơn giản chút nào. Nhiều khi khổ tâm lắm lắm. Nhưng tâm niệm một điều: TÔI KHÔNG BAO GIỜ NGHĨ ĐẾN CHẾT ĐỂ ĐẦU HÀNG. Tuy mất chồng còn 2 mặt con. Tôi phải dạy cho chúng biết tự lập. Song An đã vậy, Thi tàn tật, tự lập không được. Sau này tôi già tôi chết đi, ai sẽ thay tôi chăm sóc cháu. Cháu lớn đến tuổi sẽ lấy chồng, về nhà nó... Năm 1991 có anh bộ đội xuất ngũ về làm bảo vệ thông cảm với tôi, về ở với tôi ở căn nhà tập thể của công nhân mà tôi đã mua với số tiền mẹ đẻ tôi bán nhà chia cho các con. Cùng là có chỗ dựa vào nhau mà sống. Trời ban cho tôi lại có thêm một đứa con gái xinh xắn, khỏe mạnh. Và bây giờ thì cháu Ngọc quán quýt với chị Thi, làm

bạn với chị. Còn bố cháu thì được vài năm cũng bỏ về quê. May sao làng Hòa Bình - một tổ chức phi chính phủ của Đức thành lập để nuôi dạy các cháu tàn tật nạn nhân chất độc Da cam - nhận cháu Thi vào làng, cháu được miễn phí toàn bộ. Cháu ở làng Hòa Bình từ 1992 đến 1997 và cháu vừa được phục hồi chức năng vừa học văn hóa. Từ chỗ chỉ biết đứng vịn lúc 12 tuổi, nhờ xoa bóp, tập thể dục... cháu đã đi được tuy còn hay ngã, còn cổ vẫn lắc lư ngật ngưỡng. Tay phải yếu, cầm mọi thứ bằng tay trái, run rẩy, còn chân đi phải dạng và dùng tay phải lấy thăng bằng cho lúc đi.

Làng Hòa Bình có hướng nghiệp cho các cháu để sau khi ra trường cháu có việc hòa đồng cùng với cộng đồng chứ chưa chắc nuôi nổi bản thân mà phải còn nhờ vào xã hội. Cháu Thi đã thử mọi nghề trong làng nhưng cổ lắc lư, ngoẹo đầu, tay run nên cũng chẳng làm được việc vả lại khi cố quá cháu lại bị cứng cơ, giật cơ. Hai, ba ngày mới được một sản phẩm mà người khác làm vài giờ. Cháu rất thích chơi búp bê và các con giống bông mềm, đặc biệt nhạy cảm với âm nhạc. Có một cái đàn oóc chạy pin, cháu mày mò các nốt nhạc rồi được người này người khác biết nhạc giúp đỡ, cháu đã biết nhìn vào bản nhạc và đánh thành bài. Cháu sung sướng khoe mẹ khi cháu đánh đàn bài Quốc ca, gần đây cháu bắt chước trên ti vi, đánh được bài của Seagames. Tôi biết cháu có nhiều ước mơ trong đầu nó, vì bác sĩ bảo là não cháu không bị tổn thương, cháu bị tật là do dây thần kinh vận động, nhưng điều đáng buồn là nay cháu 22 tuổi rồi mà vận động tay chân cháu càng yếu. Mấy năm trước đây cháu còn đỡ tôi được nấu cơm bằng nồi điện và tự đi lại trong nhà chậm chạp. Nhưng sang năm nay chân tay cháu yếu dần, đi là ngã, đi là ngã...

ĐẠM THƯ ghi âm (tháng 8 và tháng 10)

Lời kể của chị Vi

(xin không nêu tên thật của mọi người trong gia đình).

PHẦN THỨ BA
THỨC TỈNH LƯƠNG TRI LOÀI NGƯỜI

Bản sao lưu trữ

BÁO CÁO TỔNG KẾT HỘI THẢO QUỐC TẾ LẦN THỨ I

Từ ngày 13 đến 20 tháng 1 năm 1983, tại thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành cuộc Hội thảo về "các chất diệt cỏ và làm trụi lá dùng trong chiến tranh tác động lâu dài trên con người và thiên nhiên".

Tham gia hội thảo gồm có trên 160 nhà khoa học, các chuyên gia thuộc 21 nước cũng như các quan sát viên của FAO, UNEP và UNESCO. Hội thảo đã thảo luận các tác động lâu dài của các chất diệt cỏ và chất làm trụi lá do quân đội Mỹ với sự thỏa thuận của chính quyền Sài Gòn sử dụng đối với con người và thiên nhiên trong cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ hai 1961-1975.

Trong các phiên họp toàn thể và thảo luận các nhóm, các nhà khoa học đã đọc 72 bản báo cáo khoa học và tham luận, đề cập đến các vấn đề sau đây:

- Quy mô và tính chất của chiến dịch Ranch Hand (Operation Ranch Hand) từ năm 1962-1971 tại Việt Nam.

- Các hậu quả lâu dài của các chất diệt cỏ và làm trụi lá cây (military herbicides and defoliants) trên người (29 báo cáo chính) và trên thiên nhiên (43 báo cáo chính).

- Các kết quả nghiên cứu thực nghiệm về các chất diệt cỏ trong các vụ tai nạn các nhà máy sản xuất hay các ảnh hưởng trên các nhóm công nhân sản xuất các hóa chất dùng trong công nghiệp.

Các nhà khoa học đã trao đổi nhiều ý kiến, đánh giá các kết quả nghiên cứu trong các phòng xét nghiệm và trên thực địa, bàn bạc về cách nghiên cứu trong thời gian tới để thanh toán các hậu quả của việc sử dụng bừa bãi và thiếu trách nhiệm các chất diệt cỏ làm trụi lá trên quy mô lớn. Hội nghị cũng bàn về khả năng hợp tác Quốc tế trong lĩnh vực nghiên cứu.

Trong thời gian hội thảo, các nhà khoa học đã đi thăm một phòng triển lãm trình bày các loại vũ khí hóa học đã dùng trong chiến tranh và các hậu quả do các chất diệt cỏ và làm trụi lá cây gây nên cho thiên nhiên Việt Nam và cho con người. Các đại biểu cũng đi thăm khu rừng Mã Đà thuộc tỉnh Đồng Nai tức tỉnh Long Khánh cũ, ở đây sự phá hoại của các chất diệt cỏ và làm trụi lá trên thiên nhiên từ trong chiến tranh vẫn còn được giữ nguyên. Trong thực tế, Mã Đà có thể xem là một mô hình nghiên cứu thực địa, thực nghiệm về phương diện các tác động trực tiếp và gián tiếp của chúng lên rừng nhiệt đới nội địa, tác động gián tiếp bao gồm các hỏa hoạn. Việc đi thăm

rừng Mã Đà đã làm cho các đại biểu có một khái niệm rõ rệt về các tác động lâu dài của các chất diệt cỏ và sự hồi phục tự nhiên của rừng nhiệt đới trên cạn.

Trong hội thảo các nhà khoa học đã làm việc khẩn trương, tích cực trong một bầu không khí thân thiện hữu nghị. Mặc dầu đại đa số các nhà khoa học mới gặp nhau lần đầu nhưng đều cùng nhau bàn bạc, trao đổi ý kiến một cách cởi mở, thẳng thắn, chân tình, không khí làm việc này đã bảo đảm cho hội thảo đạt kết quả tốt.

Đa số các đại biểu đều thống nhất một số nhận định sau đây:

1. Chiến dịch Ranch Hand thực chất là một cuộc chiến tranh hóa học bằng hóa chất diệt cỏ trên một quy mô lớn không gian và thời gian, sử dụng một khối lượng hóa chất lớn nhất trong lịch sử chiến tranh của nhân loại. Nó hoàn toàn không giống như những tai nạn nổ hay những hư hỏng các nhà máy hóa chất. Nó được tiến hành ở một nước nhiệt đới, ở một vùng địa lý khác xa nơi các cuộc thực nghiệm đã được tiến hành ở bất cứ một nước nào trên thế giới và khác hẳn với những thực nghiệm trong các phòng thí nghiệm. *Vì vậy không thể lấy nguyên kết quả của các nghiên cứu trên để đánh giá các sự kiện xảy ra đối với thiên nhiên, đất nước, con người Việt Nam do chiến dịch Ranch Hand gây nên.*

Các chất diệt cỏ dùng trong chiến dịch Ranch Hand lúc đầu gồm có:

- 1) 2,4-D
- 2) 2,4,5-T (chứa dioxin)
- 3) Picloram
- 4) Dimetylxenic axit

Bốn hóa chất này lúc đầu được sử dụng ở dạng 3 hợp chất:

- 1) Da cam (hỗn hợp của 2,4-D và 2,4,5-T).
- 2) Trắng (hỗn hợp của 2,4-D và Picloram).
- 3) Xanh (Dimetylxenic axit hay cacodylic).

Trong các số liệu chính thức của Mỹ khoảng 44 triệu lít Da cam được sử dụng trong khoảng từ 1961-1970; khoảng 20 triệu lít chất Trắng được dùng trong những năm 1961-1971; và khoảng 8 triệu lít loại Xanh trong 1961-1971.

Các số liệu trên chưa phải là con số đầy đủ nên chưa thể xác định chính xác có bao nhiêu kilôgam dioxin đã sử dụng trong cuộc chiến nhưng sự đánh giá dè dặt của các nhà chuyên môn thì cho rằng lượng dioxin không dưới 170kg.

2. Từ hơn 20 năm nay, rất nhiều nghiên cứu thực nghiệm về các chất diệt cỏ, các chất làm trụi lá được tiến hành ở các cơ sở nghiên cứu của rất nhiều

nước. Qua các công trình nghiên cứu mặc dù các kết luận chưa thống nhất với nhau về cơ chế tác động của các loại hóa chất trên đối với sức vật thí nghiệm song qua nhiều năm nghiên cứu với sự kiên nhẫn đáng kính phục, với những phương pháp ngày một chính xác hơn, đa số các nhà khoa học đều thừa nhận là chất diệt cỏ làm trụi lá dù được dùng với liều cao hay thấp trong một thời gian dài đều có ảnh hưởng rõ rệt đối với môi trường sinh thái và sức khỏe con người. Chúng có thể gây biến dị, ung thư, quái thai.

3. Các công trình nghiên cứu trên các công nhân trong các nhà máy sản xuất các chất diệt cỏ và làm trụi lá cũng được tiến hành từ nhiều năm. Các công trình này đã xác nhận các đặc tính của các chất diệt cỏ, đặc biệt là 2,4,5-T (2,4,5-Trichloro phenoxyacetic acid) có chứa 2,3,7,8 tetrachlorodibenzo-para-dioxin (TCDD) được gọi tắt là dioxin.

Các biểu hiện nhiễm độc tức thời và lâu dài do các chất chlorophenoxy acetic acid gây nên đã được y văn thế giới mô tả đầy đủ và tỉ mỉ trong đó có các biểu hiện được coi là đặc thù của sự nhiễm độc như: Chloracne, sạm da chậm (Porphyria cutanea tarda), suy nhược cơ thể (Asthenia), v.v.

Trong bệnh học của người, mỗi cá nhân phản ứng lại đối với các tác nhân gây bệnh (Agent pathogene) một cách khác nhau và có những biểu hiện khác nhau, làm cho việc đánh giá thống kê nhiều khi khó khăn.

4. Phần quan trọng của Hội thảo dành sự đánh giá các tác động lâu dài của chiến tranh hóa học ở Việt Nam. Các nhà khoa học tham dự Hội thảo đánh giá cao sự đóng góp của các nhà khoa học Việt Nam. Mặc dù có nhiều khó khăn trong và sau chiến tranh, các nhà khoa học Việt Nam đã cố gắng đi sâu nghiên cứu và bằng phương pháp thích hợp nhất với các phương tiện sẵn có tại chỗ đã thu được những kết quả nhất định. Các bản báo cáo của Việt Nam và các ý kiến phát biểu trong hội thảo là những cơ sở bổ ích cho các nhà khoa học Việt Nam trên thực tế ở các địa phương trên cả 2 miền Nam Bắc, là những tư liệu có giá trị khoa học thực tế chưa được nêu lên nhiều ở các nước khác.

5. Thiên nhiên Việt Nam bị phá hoại một cách nghiêm trọng. Các sự phá hoại này có rất nhiều nguyên nhân phức tạp. Các đại biểu đều thống nhất rằng một nguyên nhân chính, quan trọng nhất là các chất diệt cỏ và làm trụi lá được sử dụng trên một quy mô lớn. Ngay sau khi rải các chất độc có tác động hủy diệt trực tiếp đến thực vật, cây trồng, các động vật sống trong rừng trên cạn hay vùng ngập mặn, các tác động tức thời này vẫn kéo dài cho đến ngày nay. Thời gian qua chưa đủ cho việc phục hồi sinh thái ở các khu vực bị rải chất độc hóa học nặng. Sự phục hồi chỉ có thể xảy ra chậm chạp và trên một khu vực rất nhỏ mà thôi. Các ảnh viễn thám đã

không phản ánh đúng thực trạng sự phục hồi các khu rừng nhiệt đới bị rải các chất làm trụi lá.

6. Các chất độc hóa học rải trên một quy mô lớn, với một nồng độ cao làm thay đổi thành phần của đất, tiêu hủy các vi sinh vật vốn có ích, cuối cùng làm cho đất trở thành khô cằn, chỉ còn tồn tại các loài cỏ dại hay một số loại thực vật thứ sinh, không có giá trị kinh tế, các loại gặm nhấm, trung gian truyền các dịch bệnh. Các ảnh viễn thám cho thấy các vùng sa van còn tiếp tục phát triển trên những quy mô rộng lớn. Hơn nữa những tác động khác nhau lên thiên nhiên đã góp phần phá hoại một cách có hệ thống môi trường sống của con người.

7. Các chất độc hóa học rải xuống đất sẽ bị phân hủy và bị lôi cuốn xuống các vùng đất trũng, xa nơi được rải xuống. Nguy hiểm nhất là chất Da cam được sử dụng rộng rãi, coi như là chất duy nhất được dùng từ năm 1966 trở đi. Chất Da cam còn chứa một tạp chất là chất 2,3,7,8 TCDD thường gọi tắt là dioxin, một chất rất độc và bền vững, tồn tại lâu dài trong thiên nhiên. Khối lượng chất độc hóa học được rải xuống là bao nhiêu? Điều quan trọng cần biết là hiện nay trong thiên nhiên Việt Nam có còn tồn tại chất dioxin hay không? Năm 1981 đã phân tích 7 mẫu đất lấy ở một vùng ngoại ô thành phố Hồ Chí Minh ở những độ sâu khác nhau. Trên một số mẫu ở độ sâu 0,1m vẫn thấy vết dioxin với nồng độ 5ppt trên 1g đất. Trên một mẫu ướm ở mặt đất có tới 11ppt trong 1g đất.

Theo những tài liệu đã công bố thì trên 90 ngàn tấn chất diệt cỏ đã được rải trong đó có 57 ngàn tấn đã chứa tạp chất dioxin.

8. Chưa có nhiều công trình khoa học xác định được vòng sinh học của các chất dioxin từ trong đất, vào các loại thực vật, các loại lương thực thực phẩm, vào các động vật và vào con người.

Việc nghiên cứu chất dioxin và các chất phân hủy của các chất diệt cỏ, các chất làm trụi lá là một việc rất khó khăn phức tạp. Vì vậy khó có ý kiến thống nhất hoàn toàn. Mỗi nhà khoa học làm việc trong những điều kiện khác nhau. Phần lớn các báo cáo của các nhà khoa học Việt Nam nêu lên các kết luận phù hợp với các kết quả của các thực nghiệm của đa số các nhà khoa học trên thế giới và Việt Nam. Các báo cáo của Việt Nam đã nêu được các tác động của chất diệt cỏ và làm trụi lá lên các nhiễm sắc thể, gây các biến cố sinh sản, các dị dạng ở thai nhi và các ung thư rau (chrioépithéliome), cũng như các dị tật bẩm sinh khác. Các cựu binh Việt Nam bị nhiễm các chất độc hóa học một thời gian dài trong các năm chiến tranh, có thể truyền lại cho thế hệ thứ hai các dị tật bẩm sinh. Tỷ lệ quái thai trong các gia đình các cựu chiến binh Việt Nam cao hơn trong các gia đình bình thường. Các công trình nghiên cứu cũng nêu lên một số dự kiến về tác động của các chất độc hóa học lên sức

khỏe của con người, tác động gây ung thư trên người, trước mắt là ung thư gan. Các chất diệt cỏ nhiễm vào cơ thể một lần hay nhiều lần liên tiếp đã gây tác động lâu dài, mặc dầu nạn nhân đã rời khỏi các điểm bị ô nhiễm. Đặc biệt đối với những người đến nay vẫn còn ở trong vùng bị rải thì các tác động đó còn rõ rệt hơn.

Trong số những kết luận bước đầu của các nhà khoa học Việt Nam có những điểm mới đã được quan sát từ thực tế ở Việt Nam, mà từ trước đến nay các công trình nước ngoài chưa đề cập đến hoặc đề cập đến một cách chưa đầy đủ.

10. Trong thời gian hội thảo các nhà khoa học đã đi đến thống nhất.

a) Cần phải tiếp tục làm thêm trong nhiều năm các công trình nghiên cứu về các tác động lâu dài của các chất diệt cỏ và làm trụi lá sử dụng trong chiến tranh đối với con người và thiên nhiên của Việt Nam.

b) Sự hợp tác quốc tế giữa các nhà khoa học Việt Nam và các đồng nghiệp nước ngoài là rất cần thiết để một mặt đẩy mạnh việc nghiên cứu và khẳng định các tác động của các chất diệt cỏ và làm trụi lá mặt khác tìm ra các biện pháp giải quyết các hậu quả, vì lợi ích của nhân dân Việt Nam và vì lợi ích chung của nhiều dân tộc khác. Cuộc hội thảo quốc tế tại thành phố Hồ Chí Minh lần này mang nhiều tính chất nhân đạo, phục vụ cho lợi ích của con người, đặc biệt là những người lao động nghèo khổ.

c) Các biện pháp để giải quyết các tác động của các chất diệt cỏ và làm trụi lá rất phức tạp, khó khăn bao gồm nhiều mặt (khoa học, kỹ thuật, văn hóa, xã hội, kinh tế, quản lý, v.v.), đòi hỏi phải có một chủ trương, một đường lối, các chính sách thích hợp của Nhà nước, đòi hỏi sự tham gia của toàn dân, một nghị lực lớn của con người, một sự đầu tư vốn và cơ sở vật chất quan trọng, v.v. Sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế về mọi mặt đối với nhân dân Việt Nam là yêu cầu cấp thiết.

Sau cùng có một văn kiện ngắn cung cấp các thông tin cơ bản về các mục tiêu của hội thảo và 7 văn kiện là những bản tóm tắt chính thức của các tổ thảo luận trong hội thảo:

- a) Sinh thái thực vật và rừng.
- b) Sinh thái động vật.
- c) Sinh thái đất.
- d) Sinh thái bờ biển và nước.
- đ) Ung thư và dịch tễ học lâm sàng.
- e) Dịch tễ học sinh sản.
- g) Độc chất học thực nghiệm và hóa học.

BÁO CÁO TỔNG KẾT HỘI THẢO QUỐC TẾ LẦN THỨ II

Hội thảo quốc tế lần thứ II có tên "Chất diệt cỏ trong chiến tranh ảnh hưởng lâu dài trên con người và thiên nhiên", tổ chức tại Hà Nội từ ngày 15 đến ngày 18 tháng 11 năm 1993, 10 năm sau Hội thảo lần thứ I vào năm 1983 tại thành phố Hồ Chí Minh.

Đến dự hội thảo lần này gồm:

Các nhà khoa học và các vị đại biểu của các tổ chức nhân đạo từ nhiều nước quan tâm đến hậu quả của việc sử dụng chất độc hóa học trong chiến tranh cùng với những ảnh hưởng của nó lên con người và môi trường Việt Nam và các nước khác.

Các nước đại diện gồm có: Úc, Anh, Đức, Nhật, Ấn Độ, Hàn Quốc, Nga, Hoa Kỳ và Việt Nam. Ngoài ra còn có cả các nhà luật sư, các nhà hoạt động xã hội bảo vệ trẻ em tật nguyền, các tổ chức thông tin đại chúng của Việt Nam và quốc tế, đồng đảo các vị khách quý khác quan tâm đến vấn đề này.

Các câu hỏi được nhiều người quan tâm đã được đặt ra dưới nhiều khía cạnh khác nhau của việc nghiên cứu chất độc Da cam, một hỗn hợp của các chất diệt cỏ 2,4-D và 2,4,5-T có chứa một tạp chất 2,3,7,8-TCDD còn gọi tắt là dioxin. Lo lắng này cùng biểu lộ sự quan tâm của các đại diện các nước tham gia.

Kể từ khi hội thảo lần thứ nhất được tổ chức 10 năm trước đây đến nay đã có nhiều phát hiện quan trọng liên quan tới con người và môi trường, ví dụ việc tìm thấy các chất dioxin ở trong con người và trong sản xuất công nghiệp ở nhiều nước.

Chính vì các bài học về dioxin ở Việt Nam có liên quan tới tất cả mọi người sống ở các nước công nghiệp phát triển và các nước đang phát triển có sử dụng chất hóa học. Hiện nay dioxin được người ta coi là một chất ô nhiễm của nhiều quá trình hoạt động.

1. Trong cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ II các chất diệt cỏ và các chất khai quang được sử dụng nhiều trong chiến dịch có tên "Ranch Hand" từ năm 1961-1971. Chiến dịch này đã gây nhiều thiệt hại cho thiên nhiên Việt Nam, biến miền Nam Việt Nam thành phòng thí nghiệm lớn nơi các nạn nhân đã từng sinh sống bao gồm:

+ Binh lính của nhiều nước tham gia chiến tranh. Các quốc gia này ở cách xa nhau, có ít quan hệ trong tình hình lịch sử chiến tranh thế giới thứ hai.

+ Hàng triệu người dân Việt Nam vô tội.

Vì vậy, thật không may mắn Việt Nam đã cung cấp một cơ hội duy nhất để nghiên cứu ảnh hưởng của chất diệt cỏ có chứa dioxin đã được sử dụng trong chiến tranh với lượng lớn. Do vậy việc sử dụng chất diệt cỏ ở đây cũng là đồng nghĩa với sự ô nhiễm dioxin lớn nhất thế giới. Nhân dân Việt Nam, lượng đàn ông, đàn bà, trẻ con đã hứng chịu chất độc hóa học lớn hơn bất kỳ một nơi nào khác trên thế giới.

Các cựu chiến binh Mỹ ở Việt Nam tham gia cuộc hội thảo này muốn biết các kết quả nghiên cứu về ảnh hưởng của chất độc Da cam đối với sức khỏe con người. Hơn ai hết họ muốn biết thực chất các cuộc nghiên cứu về chất độc màu Da cam ở Việt Nam có được tiến hành như ở Mỹ không.

Hơn 20 năm trôi qua kể từ năm 1971, khi quân đội Mỹ được lệnh ngừng sử dụng chất diệt cỏ và khai quang. Các cuộc nghiên cứu được thực hiện ở Việt Nam và nước ngoài đã chứng minh những hậu quả nặng nề trên con người và môi trường. Cuốn sách có tựa đề "*Cha tôi, con tôi*" của đô đốc Elmo Zumwalt, trung úy Elmo Zumwalt III và John Pekkanen là một tài liệu quý giá cho các nhà khoa học. Chiến dịch "Ranch Hand" đã để lại sau đó các hậu quả nghiêm trọng ngay cả cho chính người đi rải chất độc hóa học.

Ở Việt Nam nhiều kết quả của các cuộc nghiên cứu hợp tác giữa Mỹ và Việt Nam gồm có các nhà hóa học từ nhiều nước, lần đầu tiên xác nhận có các mức độ dioxin gia tăng khác nhau trong mô của cơ thể con người do tác động của chất độc màu Da cam.

Nồng độ dioxin cao ở vùng miền Nam và thấp ở miền Bắc (trừ những người lính miền Bắc chiến đấu ở miền Nam Việt Nam thời kỳ chất hóa học được sử dụng). Mức độ dioxin ở trong mô của người sống ở miền Nam Việt Nam hiện đang dần giảm xuống tới mức độ gần như dân ở các nước công nghiệp phát triển nhưng vẫn cao hơn mức của người sống ở miền Trung và miền Bắc Việt Nam. Hội thảo lần này đã giải thích cụ thể và chính xác hơn một số vấn đề tồn tại mà Hội thảo năm 1983 tại thành phố Hồ Chí Minh đã đặt ra như:

- Các bệnh di truyền từ bố mẹ.
- Sinh sản quái thai.
- Một số u ác tính.
- Một số rối loạn của hệ thống thần kinh trung ương.

1. Trong thế kỷ XX, khi sử dụng hợp lý các chất hóa học, diệt cỏ, khai quang, v.v. đã cải thiện đời sống con người rất nhiều. Trái lại, khi sử dụng bừa bãi gây ra những nguy hại nghiêm trọng cho con người và thiên nhiên. Việt Nam đã là một ví dụ duy nhất và điển hình trong thế kỷ này.

2. Những công trình nghiên cứu khoa học về chất độc hóa học đòi hỏi nguồn tài chính rất lớn, song các biện pháp khắc phục nó lại càng cần vốn đầu tư lớn hơn nữa và chắc chắn sẽ vượt ra ngoài khả năng của Việt Nam. Mặt khác cũng cần phải đề cập tới hậu quả của các chất hóa học đang được hình thành trong đời sống xã hội... đó là nguyên nhân của sự ô nhiễm do công nghiệp hóa học và những hoạt động hàng ngày (lò thiêu, cháy rừng).

Kinh nghiệm có được ở Việt Nam cũng như một số nước khác mà hội thảo đã đề cập là rất bổ ích không phải chỉ cho trước mắt mà cho cả tương lai đối với việc bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

3. Qua thảo luận các vấn đề cần được đề cập để tiếp tục nghiên cứu trong thời gian tới:

a) Trong thiên nhiên Việt Nam vẫn có lượng dioxin tồn lưu khá cao nhưng ở các mức độ khác nhau. Mức độ này tùy thuộc vào đặc điểm khác nhau của từng vùng địa hình và địa lý (đất thấp, đất cao, điều kiện khí hậu...).

b) Lượng dioxin tồn lưu trong con người Việt Nam với các mức độ đã được khảo sát rõ ràng. Dioxin có trong nhiều mô khác nhau của cơ thể (ví dụ: sữa mẹ, mô mỡ, máu, tinh trùng, v.v...).

Mức độ dioxin một phần tùy thuộc vào vùng ô nhiễm, qua nghiên cứu cũng có các ý kiến gợi ý như sau:

+ Các bệnh tật trong sinh đẻ ở các vùng bị hứng chịu cao hơn ở vùng không bị hứng chịu.

+ Tỷ lệ một số bệnh ác tính ở các cựu chiến binh phục vụ ở miền Nam trong chiến tranh cao hơn các binh sĩ chỉ ở miền Bắc.

+ Khả năng đáp ứng miễn dịch ở phụ nữ trẻ tuổi bị nhiễm chất độc màu Da cam là kém hơn so với phụ nữ lớn tuổi.

c) Các vấn đề khác liên quan đến các chất diệt cỏ sử dụng trong chiến tranh cũng cần được làm rõ:

+ Mối liên quan giữa mức độ dioxin tồn lưu trong thiên nhiên và cân nặng ở mỗi cá thể con người. Chu trình di chuyển của dioxin vào cơ thể con người thông qua chuỗi thức ăn như thế nào.

+ Sự phân hủy của dioxin trong môi trường, trong cơ thể người và trong các sinh vật khác.

+ Ảnh hưởng của dioxin tới sức khỏe con người được nêu ra một số bệnh có liên quan ví dụ như chloracne, ung thư (sacôm mô mềm, u lympho không Hodgkin, bệnh Hodgkin, ung thư gan, vú...).

Những rối loạn về gan..., rối loạn thần kinh, rối loạn sinh sản,... các hệ thống này vẫn chưa được hiểu một cách rõ ràng.

Suy giảm miễn dịch có liên quan tới một vài bệnh tật, làm dễ dàng xuất hiện các bệnh ác tính. Trong khi đó, có ý kiến khác cho rằng: muốn phát triển ung thư, dioxin cần phải có một vài men đồng cộng hưởng được coi như là một nhân tố "đồng hành". Để có được biện pháp khắc phục và phòng ngừa có hiệu quả làm xoay chuyển tác dụng độc hại của dioxin cần phải xác định trước hết là:

Dioxin có thể làm ảnh hưởng tới các gen và truyền từ đời này đến đời khác. Rối loạn trong di truyền có thể tạo ra quái thai, sinh sản bất bình thường đó là những trường hợp đáng tiếc.

Nguy hại về sinh thái do chất diệt cỏ sử dụng trong chiến tranh Đông Dương lần thứ hai là không thể chối cãi được. Dữ liệu đưa ra hội thảo lần thứ nhất đã rõ ràng. Động thực vật đã bị tấn công mạnh mẽ. Nhiều loại động vật biến mất, đất trống đã gây ra những vấn đề nghiêm trọng, không chỉ có xói mòn mà còn có cả các thay đổi về khí hậu đối với con người.

Việc khôi phục đất trống đã được tích cực thực hiện sau chiến tranh. Việc trồng lại rừng cũng không phải dễ dàng vì thiếu cả người và vốn. Để trồng lại vùng rừng đã bị phá hủy, đất nước này cần phải vài chục năm nữa, thậm chí hàng thế kỷ lao động miệt mài cộng với sự giúp đỡ về vật chất và tài chính của quốc tế. Bằng cách như vậy mới có thể hy vọng vượt qua được khó khăn lớn đó.

Nhiều báo cáo khoa học đã được trình bày ở hội thảo này, nhiều cuộc nghiên cứu chung giữa Nga và Việt Nam đã cho thấy những ảnh hưởng của chất diệt cỏ đối với con người Việt Nam ở Sông Bé là rất rõ.

Các tác giả cũng nhấn mạnh rằng cần nghiên cứu sâu hơn để từ những nhận xét mang tính gợi ý đến những kết luận chắc chắn về những hậu quả nặng nề của chất Da cam đối với sức khỏe con người Việt Nam, người Mỹ, Triều Tiên hay bất kỳ một ai khác.

Các biện pháp mới để đánh giá mức độ phơi nhiễm trực tiếp bằng cách tính toán hệ số phơi nhiễm. Trong thời đại ngày nay việc di chuyển dân số là không thể tránh khỏi. Vì vậy để bảo vệ những người ở vùng không bị rải chất độc hóa học khi họ bước vào một vùng bị ô nhiễm dioxin là một vấn đề cần được đặt ra. Mặt khác, các biện pháp để điều trị bệnh nhân có liên quan đến dioxin là một vấn đề khẩn cấp và cần được nghiên cứu sâu.

4. Cộng đồng các nhà khoa học trên toàn thế giới, trong thời đại khoa học hiện đại cần hợp tác với nhau để nghiên cứu những vấn đề nêu trên. Những vấn đề này đòi hỏi không chỉ tri thức khoa học hiện đại mà còn cần cả vốn

đầu tư lớn và sự nghiên cứu cẩn thận để các công trình nghiên cứu dịch tễ học, khoa học cơ bản có thể đi tới những kết luận khoa học về những ảnh hưởng của chất diệt cỏ đối với sức khỏe con người. Vì vậy nó đòi hỏi các chuyên ngành khoa học cần phát triển bao gồm cả khả năng thực hiện các nghiên cứu cơ bản trong phòng thí nghiệm cũng như ngoài thực địa. Đây là nỗi lo lắng của hàng triệu người Việt Nam cũng như toàn thế giới vì chỉ có bằng cách này mới có thể tìm được các biện pháp khắc phục một cách hữu hiệu tác hại của chất diệt cỏ có chứa dioxin...

Chúng tôi muốn chuyển sang trang mới trong lĩnh vực hợp tác khoa học kỹ thuật về môi trường ở Việt Nam, một nước đang trên đà phát triển sau chiến tranh. Ngoài những cố gắng của Nhà nước và nhân dân Việt Nam, nhiều chính phủ và tổ chức phi chính phủ của nhiều nước trên thế giới đã đóng vai trò quan trọng trong việc hàn gắn những vết thương trong quá khứ do sử dụng chất hóa học một cách sai lầm gây ra.

Kết luận, hội thảo có thể nói rằng Việt Nam là một trong những trường hợp nhiễm chất diệt cỏ nổi bật nhất trên thế giới ở thế kỷ XX này. Đến nay những ảnh hưởng của chất hóa học này đối với thiên nhiên môi trường và sức khỏe con người vẫn là mối quan tâm của tất cả nhân loại.

Mặc dù mục tiêu nghiên cứu chất độc màu Da cam được bắt đầu chú trọng từ thời gian chiến tranh, hiện giờ mỗi quan tâm của tất cả các nước đều giống nhau. Các nhà khoa học trên thế giới đã làm việc với nhau mới chỉ giải quyết được một phần đó là chất hóa học dioxin và sức khỏe con người. Hy vọng các nghiên cứu trong tương lai sẽ mang lại hiểu biết nhiều hơn nữa. Sự hợp tác giữa các nhà khoa học của các nước lần này tốt hơn nhiều so với hội thảo lần thứ nhất và sẽ tiếp tục phát triển trong tương lai.

Mặc dù mục tiêu bắt đầu từ chiến tranh song vấn đề bây giờ là chất hóa học và sức khỏe. Sử dụng chúng như thế nào để giúp con người mà không làm hại họ. Các hậu quả lâu dài tới sức khỏe con người do chất hóa học tổng hợp gây ra là cái cơ và sẽ trở thành mặt trận của sự hợp tác trong tương lai giữa các dân tộc và các quốc gia khác nhau.

LỜI KHAI MẠC HỘI NGHỊ
ỦNG HỘ NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM/DIOXIN VIỆT NAM

*(Trần Xuân Thu - Phó Chủ tịch, Tổng thư ký
Hội nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam)*

Quân đội Mỹ đã tiến hành một cuộc chiến tranh hóa học lớn nhất trong lịch sử loài người tại miền Nam Việt Nam, khoảng 80 triệu lít chất độc diệt cỏ và làm rụng lá cây đã được phun rải xuống một vùng rộng lớn khoảng 3 triệu hecta rừng cây, đồng ruộng Việt Nam với liều lượng gấp hàng chục lần liều lượng sử dụng trong nông nghiệp.

Đặc biệt trong khối lượng lớn chất độc trên có chứa khoảng 400kg chất độc dioxin, một chất vào loại độc nhất mà liều lượng cho phép theo quy định của tổ chức y tế chỉ là đơn vị phần nghìn tỷ gam trên một kilôgam thể trọng của con người, chất độc hóa học đã làm nhiễm độc từ 2 đến 4 triệu người dân Việt Nam gây ra nhiều bệnh tật quái ác tác động đến hệ miễn dịch, gây ra dị tật bẩm sinh, ung thư và di truyền đến đời con cháu.

Chiến tranh đã đi qua gần 30 năm nhưng hậu quả của nó vẫn đang tồn tại, đặc biệt là ở các khu vực trước đây là cơ sở kho tàng của Mỹ, những nơi bơm các chất độc lên máy bay như sân bay Biên Hòa, Đà Nẵng, Phù Cát... còn tồn lưu chất độc với liều lượng cao và rất cao đang là các điểm nóng có tác động đến sức khỏe của nhân dân. Đảng, Chính phủ và nhân dân ta đã quan tâm đến các nạn nhân và gia đình họ, đã có những chính sách cụ thể để giúp họ giảm bớt khó khăn trong đời sống. Tuy vậy, do hậu quả của chất độc là vô cùng nặng nề, nhiều bệnh tật do chất độc dioxin gây ra không lường trước được cho nên các nạn nhân Việt Nam vẫn là tầng lớp có sức khỏe yếu nhất, có đời sống kinh tế nghèo khổ nhất và bức xúc nhất về tinh thần do di chứng chất độc gây nên cho họ, cho gia đình con cháu họ.

Hôm nay, Hội nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam và cơ quan đồng tổ chức là Thời báo Kinh tế tổ chức Hội nghị "Ủng hộ nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam" nhằm mục đích phát động phong trào toàn dân ủng hộ nạn nhân chất độc Da cam/dioxin, kêu gọi các nhà hảo tâm quốc tế ủng hộ các nạn nhân Việt Nam, đòi Chính phủ Hoa Kỳ có trách nhiệm tham gia khắc phục hậu quả chất độc do chính họ gây ra, ủng hộ các nạn nhân trong vụ kiện các công ty hóa chất Hoa Kỳ đã sản xuất ra các chất độc

để quân đội Mỹ sử dụng dùng trong chiến tranh Việt Nam, đòi họ phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe và đời sống cho họ.

Hội nghị gồm 3 phần lớn:

1. Báo cáo của Chủ tịch Hội nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam và phát biểu của các đồng chí lãnh đạo Trung ương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và thành phố Hồ Chí Minh.

2. Gặp gỡ giao lưu với các nạn nhân chất độc Da cam.

3. Ra lời kêu gọi, lấy chữ ký và tài trợ cho các nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam.

Thay mặt Trung ương Hội nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam và Ban biên tập Thời báo Kinh tế, tôi xin tuyên bố khai mạc Hội nghị Ủng hộ nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam.

Xin cảm ơn!

Bản sao lưu trữ

HÃY ĐẾN VỚI NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM - TIẾNG GỌI CỦA LƯƠNG TÂM VÀ TRÁCH NHIỆM

ĐẶNG VŨ HIỆP

Chủ tịch Hội nạn nhân chất độc Da cam / dioxin Việt Nam

Kính thưa các vị đại biểu và khách mời quý mến,

Thưa các anh chị em và các cháu nạn nhân chất độc Da cam thân mến!

Trong cuộc chiến tranh Việt Nam, quân đội Mỹ đã không chỉ dùng các loại vũ khí thông thường để gây thương vong cho quân và dân ta, mà còn dùng chất độc hóa học nhằm phát quang trên diện rộng rừng núi, đồng ruộng, tàn phá mùa màng, triệt nguồn nước sinh hoạt, hủy hoại môi sinh. Ngày 10 tháng 8 năm 1961, chiếc máy bay trực thăng H-34 của không lực Hoa Kỳ thực hiện chuyến bay rải chất diệt cỏ đầu tiên dọc theo quốc lộ 14 từ Kon Tum lên Đắc Tô, mở đầu cho chiến dịch rải chất khai quang, được đặt dưới mật danh "Ranch Hand". Từ năm 1965 đến năm 1971, quy mô cuộc chiến tranh hóa học mở rộng, quân đội Mỹ còn dùng cả những máy bay vận tải khổng lồ C123 có khoang chứa tới hơn 4,5 tấn hóa chất rải sâu vào căn cứ địa, hậu phương của ta. Sau phi vụ rải trở về sân bay, trước khi hạ cánh, phi công phải xả hết số hóa chất còn lại trong khoang máy bay. Khi về tới căn cứ, khoang chứa hóa chất trong máy bay được làm vệ sinh, cọ rửa sạch sẽ. Nước vệ sinh lan tràn ra sân bay. Như vậy, chất độc hóa học không chỉ đã được rải trên các trục đường vận tải chiến lược nối hậu phương lớn miền Bắc với tiền tuyến lớn miền Nam, không chỉ ở những nơi tập kết, trú quân, kho tàng, trên đồng ruộng, nương rẫy ở căn cứ của ta, mà ngay trong vùng dưới hành lang hạ cánh của máy bay và trên khu vực đất sân bay, ảnh hưởng của chất độc hóa học cũng rất nặng nề, khiến cho con người bị nhiễm độc, mùa màng cây cối bị phá hủy.

Suốt trong 10 năm, từ 1961-1971, quân đội Mỹ đã rải hơn 80 triệu lít chất độc hóa học, phần lớn là chất Da cam, chứa gần 400kg dioxin.

Dioxin là loại hóa chất độc hại nhất mà loài người đã tìm ra được cho đến nay. Với liều lượng 1 nanôgram (1 phần tỷ gram) đã có thể gây nên bệnh ung thư, tai biến sinh sản ở người và di truyền tới đời con, cháu. Với liều lượng vài chục nanôgram, có thể lập tức gây chết người... Chính vì vậy, dù chiến

tranh đã lùi xa, vết thương do chiến tranh đã lành theo năm tháng, song nỗi đau về thể xác và tinh thần vẫn chưa nguôi đối với hàng triệu gia đình Việt Nam là nạn nhân của chất độc Da cam/dioxin. Hầu hết những người bị nhiễm chất độc Da cam đều là cán bộ kháng chiến, bộ đội, thanh niên xung phong và nhân dân sống trong vùng bị rải chất độc, một số là những người từng phục vụ chính quyền Sài Gòn. Hàng vạn nạn nhân do nhiễm chất độc Da cam/dioxin trong chiến tranh đã bị ung thư và các bệnh nan y, nay đã chết. Đồng thời có nhiều nạn nhân thế hệ con (F1) và cháu (F2) sinh ra với nhiều dị tật bẩm sinh. Những nạn nhân này bệnh thường kéo dài, có thể hệ con, cháu khi sinh ra đã bị mắc bệnh. Nhiều gia đình có đến 2, 3 người con bị mắc bệnh do nhiễm độc, vừa không có lao động, vừa lo duy trì cuộc sống nên hoàn cảnh cực kỳ khó khăn.

Vợ chồng ông Tư, bà Mười ở xã Phú Túc, huyện Châu Thành, Bến Tre, 10 lần sinh con thì 10 đứa con đều ngơ ngác chào đời. Con Ba còn ngậm vú, thằng Hai bỗng trở nên nghễnh ngãng, chỉ biết ngoẹo đầu mà cười. Rồi con Tư vừa cất rốn, con Ba lại giống như anh nó. Đứa trước cười, đứa sau cười. Thằng Tám chết, chín đứa còn lại là bản sao của nhau. Tất cả đều "vô tri, vô giác", cào cấu đời cha, bấu víu đời mẹ, đau cả một đời không xoa dịu được. Trong những người con tâm thần, con Sáu là "tỉnh táo" hơn cả, được người dạn hỏi, đi lấy chồng. Không dè Sáu lại đẻ ra một đứa con giống hệt như các cậu các dì nó, lẩn thẩn, ngơ ngơ ngáo ngáo suốt ngày nọ sang ngày kia. Miệng đời dị nghị: "Chắc kiếp trước ở không đúc, nên kiếp này họa báo oan gia". Có biết đâu ông Tư từng đi tham gia kháng chiến, bị nhiễm chất độc Da cam.

Trong căn nhà của bà Nguyễn Thị Tán (thôn Y Tàng, xã Bắc Phú, huyện Sóc Sơn, Hà Nội), chỉ cái quạt 3 cánh tự chế treo ở đình màn là tài sản đáng giá duy nhất. Trên ban thờ là di ảnh của người chồng. Bà Tán buồn rầu kể: "Sau ngày giải phóng, ông Tích chồng tôi từ chiến trường miền Nam trở về. Chúng tôi có với nhau ba mặt con, hai trai và một gái. Các cháu khi sinh ra đều khỏe bình thường, nhưng lên 5, lên 6 tuổi thì các cháu cứ yếu oặt đi, thân thể méo mó, chân tay cong queo. Năm 1992, cháu út lên 10 thì ông nhà tôi mất vì ung thư phổi...".

Ở thôn Tân Hòa, xã Cam Tuyên, huyện Cam Lộ, Quảng Trị, gia đình vợ chồng ông Trần Văn Trâm và bà Trần Thị Dần sinh liên tiếp 4 đứa con trong những năm 1979, 1981, 1983, 1984 đều bị dị dạng bẩm sinh và mang những căn bệnh giống nhau.

Ông Nguyễn Vũng, ở số nhà 4/8 phố Chi Lăng, thành phố Huế, vốn là trung úy của trung đoàn 3, sư đoàn bộ binh 1, quân đội chính quyền Sài Gòn, nhiều lần theo đơn vị làm nhiệm vụ ở vùng A So, A Lưới, bị nhiễm

nặng chất độc Da cam/dioxin, nay đã bị ulimphô đường ruột, phải mổ và mang hậu môn nhân tạo.

Vùng đất thép Củ Chi là chiến trường ác liệt nhất miền Nam, hứng chịu nhiều bom đạn và cả chất độc hóa học của Mỹ, nay đã thay da đổi thịt, những hố bom đạn đã được san ủi thành những mảnh vườn, ruộng xanh tốt. Nhưng trong căn nhà trống trải của ông Trần Văn Lối, thương binh 4/4 ở ấp Phú Bình, xã An Phú, con trai ông là Trần Anh Kiệt năm nay đã 21 tuổi, thân hình teo tóp, nằm bất động, chân tay co quắp như khúc củi khô. Khuôn mặt Kiệt ngơ ngác, sợ sệt, không nhận biết được gì, luôn luôn nhìn người lạ với đôi mắt đờ đẫn. Hai người con gái nhà ông Tô Văn Mô ở xã Trung Lập Thượng là Tô Thị Huệ (sinh năm 1974) và Tô Thị Chi (sinh năm 1979) đều ngây ngô như những đứa trẻ, không biết làm gì, quét nhà cũng không xong, cho ra đồng làm cỏ lúa thì lại nhổ lúa vứt đi.

Và còn nhiều, nhiều lắm những hoàn cảnh thương tâm của các nạn nhân chất độc Da cam/dioxin...

Với trách nhiệm của mình, Nhà nước Việt Nam đã thành lập Ủy ban 10-80 để điều tra về những hậu quả của chiến tranh hóa học và lập Ban Chỉ đạo 33 để khắc phục hậu quả của cuộc chiến tranh đó. Tháng 2 năm 2000, Chính phủ đã có chính sách hỗ trợ các nạn nhân bị nhiễm chất độc Da cam/dioxin trong chiến tranh. Mới đây, Chính phủ đã trợ cấp cho Hội Chữ thập đỏ thêm kinh phí để phẫu thuật chỉnh hình cho trẻ bị khuyết tật; trợ cấp thường xuyên cho nạn nhân từng là bộ đội, thanh niên xung phong và con cái họ bị dị tật bẩm sinh. Hội Chữ thập đỏ Việt Nam đã lập ra Quỹ bảo trợ nạn nhân chất độc Da cam ngày 24 tháng 7 năm 1998 với mục đích huy động sự giúp đỡ của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước dành cho các nạn nhân chất độc Da cam. Cho đến nay, Quỹ này có chi nhánh ở hầu hết các tỉnh và thành phố. Trong 6 năm hoạt động, Quỹ Trung ương đã huy động được hơn 23 tỷ đồng và các quỹ địa phương huy động được hơn 50 tỷ đồng. Gần 300.000 nạn nhân đã được giúp đỡ khám, chữa bệnh, phẫu thuật chỉnh hình, phục hồi chức năng, học văn hóa, học nghề, cấp phương tiện hành nghề, cải thiện đời sống, cấp hàng ngàn xe lăn, xe lắc, cấp học bổng, xây nhà tình nghĩa... Riêng Quỹ bảo trợ nạn nhân chất độc Da cam thành phố Hồ Chí Minh hơn 5 năm qua đã quyên góp được 2,4 tỷ đồng, trợ cấp thường xuyên cho 156 gia đình nạn nhân với mức trợ cấp hàng tháng từ 150.000 - 200.000 đồng, trợ cấp khó khăn cho hơn 200 hộ, trợ vốn cho 120 hộ, trợ cấp điều trị bệnh cho 120 người... Quỹ bảo trợ nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam còn nhận được sự ủng hộ của Hội Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế, Hội Chữ thập đỏ một số quốc gia như Na Uy, Đức, Mỹ, Đan Mạch, Thụy Điển, Tây Ban Nha..., Quỹ Ford, Cơ quan hợp tác và phát triển Na Uy, một số câu lạc bộ Sư tử ở Nhật Bản...

Tuy nhiên, sự giúp đỡ của cộng đồng xã hội còn hạn chế so với nhu cầu dù ít ỏi của các nạn nhân. Hầu hết gia đình các nạn nhân chất độc Da cam/dioxin có hoàn cảnh rất thương tâm. Không ít cựu chiến binh dù mang trên người nhiều vết thương vẫn phải cùng người vợ đau yếu lo chạy vạy ngược xuôi hàng ngày để nuôi dưỡng những đứa con bị dị tật nặng nề của mình. Nhiều người vẫn chưa được công nhận là nạn nhân và chưa được hưởng chế độ trợ cấp vì mất trí nhớ, mất giấy tờ xác nhận đã chiến đấu, công tác ở những vùng bị rải chất độc hóa học. Vì bố mẹ, ông bà chưa được công nhận là nạn nhân nên con, cháu có dị tật bẩm sinh cũng chưa được hưởng chế độ trợ cấp của Nhà nước.

Trong bối cảnh như vậy, một số nạn nhân chất độc Da cam, các cựu chiến binh, các nhà khoa học và nhà hoạt động xã hội có cùng chung tâm huyết phải tích cực hoạt động hơn nữa để khắc phục hậu quả chất độc Da cam đã tập hợp nhau lại thành Ban vận động thành lập Hội nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam do bà Nguyễn Thị Bình - nguyên Phó Chủ tịch nước - làm Trưởng ban. Sau một thời gian chuẩn bị, ngày 10 tháng 1 năm 2004, Hội nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam đã được thành lập. Hội là một tổ chức xã hội của các nạn nhân chất độc Da cam và các cá nhân, tập thể tự nguyện đóng góp công sức trí tuệ, tiền của để giúp đỡ các nạn nhân chất độc Da cam khắc phục hậu quả chất độc hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh xâm lược Việt Nam. Hội có chức năng bảo vệ quyền lợi các nạn nhân chất độc Da cam và là đại diện pháp lý cho nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam quan hệ với các tổ chức và cá nhân ở trong và ngoài nước.

Một trong những việc làm đầu tiên của Hội là lập đề án "Giúp đỡ các nạn nhân chất độc Da cam trong cuộc sống", đồng thời "Tổ chức thu thập hồ sơ, chứng cứ, tiến hành khiếu kiện dân sự các công ty Mỹ sản xuất chất độc Da cam để quân đội Mỹ sử dụng trong chiến tranh Việt Nam".

Ngày 30 tháng 1 năm 2004, Hội cùng với một số nạn nhân chất độc Da cam/dioxin đã đứng nguyên đơn khởi kiện 37 công ty Mỹ sản xuất chất độc hóa học tại tòa án quận Brooklyn - bang New York - Hoa Kỳ.

Ngày 25 tháng 2 năm 2004, Hội ra tuyên bố kêu gọi toàn thể đồng bào trong và ngoài nước biểu lộ mạnh mẽ hơn nữa sự đồng tình và ủng hộ những hoạt động của Hội và vụ kiện tại Mỹ của các nạn nhân. Hội mong đợi và hoan nghênh những tình cảm, những hành động hưởng ứng nồng nhiệt hơn của mọi tổ chức, mọi cá nhân tiến bộ vì quyền sống của con người từ mọi nơi trên thế giới, đặc biệt ở Mỹ. Hội nhiệt liệt tán thành Tuyên ngôn của Hội nghị Stockholm - Thụy Điển (tháng 7 năm 2002) ủng hộ Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia khắc phục hậu quả chiến tranh, đồng thời khẩn thiết kêu gọi các chính phủ, các tổ chức phi chính phủ, nhân dân các nước tích cực ủng hộ

những hoạt động nhân đạo giúp đỡ các nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam và khắc phục những hậu quả chiến tranh nặng nề tại Việt Nam.

Kể từ khi Hội và một số nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam phát đơn và đưa vụ kiện ra trước công luận, ngày 3 tháng 2 năm 2004 Thông tấn xã Việt Nam và các cơ quan báo chí ở nước ta đều đưa tin về sự kiện này. Vốn đã quan tâm đến nỗi đau khổ cả về vật chất và tinh thần của các nạn nhân chất độc Da cam, công luận và dư luận càng quan tâm đến tiến trình của vụ kiện và biểu thị thái độ ủng hộ vụ kiện của các nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam tại tòa án Mỹ. Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã ra tuyên bố kêu gọi các tầng lớp nhân dân ở khắp mọi miền đất nước, người Việt Nam ở nước ngoài có những hành động thiết thực để ủng hộ, giúp đỡ nạn nhân chất độc Da cam; đồng thời hoan nghênh Hội nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam cùng các cá nhân đại diện nạn nhân tiến hành vụ kiện dân sự tập thể ra tòa án Mỹ đối với các tập đoàn sản xuất ra các chất độc hóa học để quân đội Mỹ sử dụng tại cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam từ năm 1961-1971. Tuyên bố khẩn thiết kêu gọi các chính phủ, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, các nhà khoa học, các luật gia có uy tín và nhân dân thế giới cần hiểu rõ sự thật về cuộc chiến tranh hóa học, về những tác hại tức thời, cùng những hậu quả hết sức nặng nề đối với các thế hệ con người Việt Nam do quân đội Mỹ đã tiến hành ở Việt Nam. Hội Nông dân Việt Nam thay mặt 10 triệu hội viên nông dân và gần 60 triệu người dân sinh sống ở nông thôn, Hội Cựu chiến binh Việt Nam và Hội Luật gia Việt Nam ra tuyên bố ủng hộ nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam khiếu kiện các công ty hóa chất Hoa Kỳ.

Ngày 1 tháng 5 năm 2004, nhiều thanh niên và sinh viên Việt kiều đã diễu hành trên đường phố thủ đô Paris nước Pháp, phân phát 10.000 tờ truyền đơn kêu gọi sự chú ý của người dân Pháp tới các nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam.

Ngày 25 tháng 6 năm 2004, đại diện 32 tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã họp Hội nghị "Vì nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam". Những người dự hội nghị quyết định lấy ngày 10 tháng 8 hàng năm (ngày đầu Mỹ rải chất độc hóa học xuống Việt Nam, năm 1961) là ngày cả nước hành động "Vì nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam", và lấy chữ ký ủng hộ các nạn nhân, nhất là ủng hộ vụ kiện dân sự đang được thụ lý ở Mỹ.

Cũng trong dịp này, Quỹ "Vì người nghèo" của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Quỹ Hỗ trợ phát triển Việt Nam, mỗi nơi tặng 100 triệu đồng cho các nạn nhân chất độc Da cam nghèo làm nhà ở, cải thiện đời sống. Tại thành phố Hồ Chí Minh, nhiều cơ quan, đoàn thể, tổ chức, công ty,

doanh nghiệp, các nhà hảo tâm trong dịp này cũng nhiệt tình quyên góp, ủng hộ các nạn nhân chất độc Da cam.

Hội nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam và các nạn nhân cũng đã nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ đầy tình nhân ái của bạn bè trên thế giới. Hội đã nhận được sự ủng hộ của Hội Hữu nghị Anh - Việt, Hội Hữu nghị Pháp - Việt, Hội Thụy Sĩ - Việt Nam, Ủy ban Thụy Điển đoàn kết với Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia, Hội Cựu chiến binh Mỹ chiến đấu ở Việt Nam, Hội Luật gia dân chủ quốc tế, Hội đồng Hòa bình thế giới... Nghệ sĩ Kumiko Yokoi (Nhật Bản), bà Anjuska Weil (Hội Thụy Sĩ - Việt Nam) trong chuyến thăm Việt Nam đã trực tiếp đến Hội nhờ chuyển tiền tới các nạn nhân chất độc Da cam và hứa sẵn sàng trở lại Việt Nam, ủng hộ, giúp đỡ các nạn nhân Việt Nam. Đặc biệt, từ tháng 3 năm 2004, ông Len Aldis - Tổng thư ký Hội Hữu nghị Anh - Việt đã thông qua mạng internet kêu gọi những người có lòng nhân ái trên thế giới ký tên ủng hộ các nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam. Đến nay, lời kêu gọi ấy đã nhận được hàng vạn chữ ký, trong đó có nhiều chữ ký của người dân Mỹ. Cuối tháng 5 năm 2004, giáo sư Kenneth J. Herrman - người từng phục vụ trong quân đội Mỹ tại Việt Nam từ tháng 5 năm 1968 đến tháng 5 năm 1969, nay là giám đốc chương trình "Suny Brockport Vietnam Program" đã gửi thư đến văn phòng đại diện Thông tấn xã Việt Nam tại Washington kêu gọi các nạn nhân chất độc Da cam của Việt Nam lên tiếng để thế giới biết tới những mất mát, đau thương mà họ đang phải chịu đựng. Giáo sư J. Herrman đề nghị các nạn nhân, thân nhân nạn nhân hãy gửi thư đến giáo sư để sẽ tổ chức, vận động sự quyên góp, ủng hộ tại Mỹ vào tháng 9 năm 2004.

Nhân hội nghị hôm nay, thay mặt Hội nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam và các nạn nhân, xin chân thành cảm ơn sự quan tâm chăm sóc, giúp đỡ của Đảng và Chính phủ, của nhân dân ở khắp các vùng, miền trong cả nước và ở nước ngoài đã giúp đỡ cho các nạn nhân chất độc Da cam dịu bớt nỗi đau đớn cả về thể xác và tinh thần, giảm bớt được nhiều khó khăn trong sinh hoạt và đời sống, thấy tin tưởng hơn vào cuộc đời tuy còn nhiều vất vả, gian truân.

Xin chân thành cảm ơn các tổ chức và bạn bè trên thế giới, vì tiếng gọi của lương tri và công lý, đã có những nghĩa cử cao đẹp ủng hộ và giúp đỡ nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam.

Xin cảm ơn các cơ quan thông tấn, báo chí của Việt Nam và nước ngoài, với sự cảm thông sâu sắc đã thường xuyên theo dõi, phản ánh về tình hình các nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam.

Hội nghị "Ủng hộ nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam" một lần nữa kêu gọi toàn thể đồng bào Việt Nam ở trong và ngoài nước hãy hướng về

các nạn nhân chất độc Da cam, ủng hộ giúp đỡ nhiều hơn nữa đối với các nạn nhân.

Hội nghị mong bạn bè khắp năm châu, kể cả nhân dân Mỹ, hãy ủng hộ các nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam trong cuộc đấu tranh vì lương tâm và trách nhiệm, vì lương tri và công lý này, đòi các tập đoàn sản xuất hóa chất độc Mỹ phải có trách nhiệm đền bù cho các nạn nhân ở Việt Nam cũng như ở Mỹ và nhiều nước khác.

Hãy đến với các nạn nhân chất độc Da cam, đến với những người nghèo nhất trong những người nghèo, những người đau khổ nhất trong những người đau khổ. Ở đó, nhiều người đã chết, nhiều người đang hàng ngày hàng giờ sống trong bệnh tật giày vò vì di chứng tàn khốc của chất độc Da cam. Ở đó, nhiều thanh niên cả trai và gái không thể tự đứng trên đôi chân của mình, nhiều phụ nữ không được hưởng hạnh phúc làm mẹ, rơi vào tuyệt vọng khi sinh ra những đứa con dị dạng, tật nguyền.

Đến với nạn nhân chất độc Da cam là đến với nỗi đau khổ tột cùng của con người, nhưng cũng chính ở đây tính bản thiện của mỗi con người Việt Nam "Thương người như thể thương thân", "Nhiều điều phủ lấy giá gương, người trong một nước phải thương nhau cùng" được thể hiện rõ nhất; cũng chính ở đây lòng nhân ái, tình đồng loại của mỗi con người có lương tâm và trách nhiệm trên thế giới này được tôn vinh.

Xin cảm ơn!

QUỸ HÒA BÌNH PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
VIETNAM PEACE AND DEVELOPMENT FOUNDATION

*Phát biểu của Chủ tịch danh dự Hội nạn nhân chất độc Da cam / dioxin Việt Nam
Nguyễn Thị Bình tại Hội nghị "Ủng hộ nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam".*

Kính thưa các vị đại biểu,

Với tư cách là Chủ tịch danh dự Hội nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam và là người gắn bó với hoạt động cứu trợ nạn nhân chất độc Da cam từ nhiều năm nay, tôi rất vui mừng hôm nay chúng ta đã tổ chức được một hội nghị quan trọng về chủ đề "Ủng hộ nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam".

Hội nghị đã nghe báo cáo rất súc tích, đầy đủ của đồng chí Đặng Vũ Hiệp, Chủ tịch Hội nạn nhân chất độc Da cam, về tình hình quân đội Mỹ tiến hành chiến tranh hóa học ở Việt Nam, những tác hại ghê gớm mà họ đã gây ra với sức khỏe con người và môi trường. Chúng ta đã nghe giáo sư Nguyễn Ngọc Phượng đề cập đến tác hại của chất độc Da cam đối với khả năng sinh sản của phụ nữ; những khổ đau của những bà mẹ, người vợ sinh ra quái thai, đứa con bị dị tật. Niềm hạnh phúc được làm mẹ trở thành những khổ đau tột cùng của người phụ nữ bị nhiễm chất độc Da cam hoặc có chồng bị nhiễm chất độc Da cam.

Chúng ta cũng rất xúc động nghe một số đại biểu quốc tế chia sẻ với chúng ta nỗi day dứt trước những đau khổ, bất hạnh của các nạn nhân. Các bạn đã nói lên tiếng nói của lương tri loài người, đòi sự công bằng cho người bị hại, người gây ra tội ác phải nhận lãnh trách nhiệm.

Thưa các vị đại biểu,

Đảng và Nhà nước ta đã hết sức quan tâm giải quyết hậu quả của chiến tranh hóa học từ những năm 80. Năm 1998, cùng với sự ra đời của Quỹ bảo trợ nạn nhân chất độc Da cam trực thuộc Hội Chữ thập đỏ, Nhà nước đã có một số chế độ trợ cấp cho các nạn nhân chất độc Da cam và con cháu họ, cũng là nạn nhân. Đồng thời trên tinh thần tương thân tương ái của người Việt Nam, các nạn nhân đều nhận được sự đùm bọc và giúp đỡ của bà con, làng xóm; nhờ đó họ đã vượt qua những khó khăn, thử thách tưởng chừng không thể chịu nổi trong cuộc sống.

Tuy vậy, như đồng chí Chủ tịch Hội đã đánh giá: sự giúp đỡ của xã hội còn nhỏ bé, thậm chí còn quá nhỏ bé so với thực tế của hàng triệu nạn nhân.

Trong thời gian tới, cùng với Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, Hội nạn nhân chất độc Da cam hy vọng sẽ huy động được đông đảo nhân dân trong cả nước giúp đỡ tích cực hơn nữa các nạn nhân chất độc Da cam, để làm giảm đi phần nào nỗi khổ và bất hạnh của họ.

Nhưng, mặt khác, chúng ta cho rằng Hoa Kỳ cần phải thừa nhận hậu quả của chất độc Da cam đối với người Việt Nam và thực hiện trách nhiệm về tinh thần và vật chất đối với nạn nhân Việt Nam, như họ đã làm đối với các cựu chiến binh Mỹ. Không có lý do gì mà người ngồi trên máy bay rải chất độc được công nhận bị nhiễm và mắc bệnh, còn người bị rải chất độc lên đầu, phải ăn uống với những thức ăn, nước uống có chất độc, lại không được công nhận. Đây là sự vi phạm nhân quyền cực kỳ nghiêm trọng. Trước mắt các công ty hóa chất đã sản xuất các chất độc hóa học trong đó có dioxin nồng độ cao để cung cấp cho quân đội Mỹ, phải đáp ứng yêu cầu của nạn nhân chất độc da cam, bồi thường thích đáng cho họ. Nguyên vọng, đòi hỏi của Việt Nam là hết sức chính đáng, phù hợp với đạo lý và cả pháp lý quốc tế.

Chúng ta tin tưởng vụ khởi kiện của các nạn nhân chất độc Da cam đối với các công ty hóa chất Mỹ, được sự đồng tình, ủng hộ rộng rãi của dư luận công minh trên thế giới, kể cả dư luận Mỹ, nhất định sẽ thắng.

Thưa các vị đại biểu,

Thay mặt Hội nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam, chúng tôi trân trọng cảm ơn đồng chí Nguyễn Minh Triết - Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, đồng chí Lê Truyền - Ủy viên Đoàn chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đồng chí Nguyễn Văn Đua - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, đã nói lên sự quan tâm đặc biệt của Đảng, Nhà nước, Mặt trận đối với vấn đề chất độc Da cam, gây cho chúng ta thêm tin tưởng vào hoạt động của mình.

Xin cảm ơn các cấp chính quyền và nhân dân ở khắp vùng, miền trong cả nước và kiều bào ở nước ngoài, với lòng nhân ái truyền thống của dân tộc đã giúp đỡ nhiệt tình và hết sức thiết thực cho các nạn nhân chất độc Da cam. Chân thành cảm ơn các tổ chức và bạn bè trên thế giới vì lương tri và công lý đã có những nghĩa cử cao đẹp ủng hộ nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam.

Xin cảm ơn các cơ quan thông tấn báo chí Việt Nam và nước ngoài, với sự cảm thông sâu sắc đã thường xuyên theo dõi, phản ánh về tình hình các nạn nhân, và sẽ đưa tin về hội nghị của chúng ta hôm nay.

Thưa các vị đại biểu,

Chúng tôi hy vọng hội nghị này là một bước ngoặt quan trọng trong công cuộc cứu trợ, bảo vệ quyền lợi cho nạn nhân chất độc Da cam ở Việt Nam.

Hội nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam mong sẽ nhận được sự ủng hộ ngày càng mạnh mẽ của nhân dân trong nước và bạn bè quốc tế để hoàn thành sứ mệnh đầy ý nghĩa cao cả và trách nhiệm nặng nề của mình.

Ứng hộ, giúp đỡ, bảo vệ quyền lợi cho các nạn nhân chất độc Da cam là lương tâm, trách nhiệm của tất cả chúng ta.

Đây là cuộc đấu tranh kiên trì và gian khổ của nhân dân ta nhưng chính nghĩa cuối cùng nhất định sẽ thắng.

Xin trân trọng cảm ơn! .

Bản sao lưu trữ

LỜI KÊU GỌI CỦA HỘI NGHỊ

"ỦNG HỘ NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM/DIOXIN VIỆT NAM"

(Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 7 năm 2004)

Cách đây hơn 40 năm, ngày 10 tháng 8 năm 1961 quân đội Mỹ đã khởi đầu chiến dịch rải chất độc hóa học tại miền Nam Việt Nam. Trong 10 năm trời họ đã dùng hơn 80 triệu lít chất độc (nhiều nhất là chất Da cam), chứa gần 400kg dioxin "hóa chất độc nguy hiểm nhất mà loài người tìm ra được cho tới nay".

Cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam đã kết thúc gần 30 năm. Nhưng những hậu quả thảm khốc của nó vẫn còn đến tận nay. Hàng triệu người Việt Nam đã bị phơi nhiễm chất dioxin và mắc nhiều bệnh nan y, hàng vạn người đã chết trong đau khổ và oán hận. Nhiều phụ nữ bị tai biến sinh sản, thậm chí mất khả năng làm mẹ. Xót xa nhất là con cháu họ - những thế hệ không tham gia chiến tranh - cũng trở thành nạn nhân chất dioxin khi sinh ra với biết bao dị tật bẩm sinh, các cháu không được hưởng hạnh phúc tối thiểu nhất là sống như con người bình thường. Những nạn nhân chất độc Da cam/dioxin là những người nghèo khổ, đau thương nhất. Nhiều gia đình đông nạn nhân bị khánh kiệt.

Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam đã quan tâm chăm sóc, giúp đỡ để cố gắng giảm bớt nỗi đau cùng cực của họ. Nhiều tổ chức nhân đạo, hữu nghị quốc tế và quốc gia, nhiều bạn bè có lương tri khắp thế giới đã chia sẻ những khó khăn với các nạn nhân.

Nhân dân Việt Nam thiết tha với hòa bình hữu nghị, đã nhiều năm kiên trì tỏ ý hợp tác với Mỹ để khắc phục những hậu quả nặng nề của cuộc chiến tranh chất độc tàn khốc. Nhưng rất tiếc thiện chí đó không được đáp ứng. Hội nghị Stockholm (tháng 7 năm 2002) đã ra tuyên bố đòi Mỹ phải có trách nhiệm hàn gắn vết thương chiến tranh ở Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia, phải nhanh chóng giải quyết hậu quả do các hóa chất độc gây ra tại Việt Nam.

Trước tình hình đó, các nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam buộc phải khiếu kiện các tập đoàn đã sản xuất các hóa chất độc tại Mỹ cung cấp cho quân đội Mỹ sử dụng trong chiến tranh tại Việt Nam. Họ đã thu được lợi nhuận khổng lồ trên đau khổ của hàng triệu con người.

Hội nghị "Ủng hộ nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam" gồm các tầng lớp đại diện cho nhân dân Việt Nam và các bạn bè quốc tế thiết tha kêu

gọi toàn thể đồng bào trong và ngoài nước, các tổ chức, cá nhân yêu chuộng hòa bình, công lý trên thế giới hãy tích cực ủng hộ các nạn nhân về mọi mặt, hãy ký vào bản kiến nghị ủng hộ vụ khiếu kiện các tập đoàn sản xuất hóa chất độc ở Mỹ sẽ được xét xử.

Hội nghị khẳng định với nhân dân Mỹ rằng nhân dân Việt Nam không hận thù với nhân dân Mỹ - những người cũng đã có lịch sử đấu tranh cho độc lập, tự do. Hy vọng nhân dân Mỹ thông cảm sâu sắc với những đau khổ của các nạn nhân Việt Nam. Các bạn cần hiểu rằng sử dụng hóa chất độc là vi phạm luật pháp quốc tế, là tội ác chiến tranh, là hành động tàn nhẫn vi phạm nhân quyền, là phản bội lại Tuyên ngôn Nhân quyền của Thomas Jefferson. Vì công lý và lương tri, các bạn hãy lên tiếng yêu cầu Tòa án Mỹ xét xử nghiêm túc, đòi các tập đoàn sản xuất hóa chất độc ở Mỹ phải chịu trách nhiệm đền bù các nạn nhân ở Việt Nam cũng như ở Mỹ và nhiều nước khác.

Hội nghị chân thành cảm ơn sự ủng hộ của bạn bè khắp năm châu. Mong các bạn đoàn kết chặt chẽ hơn nữa với nhân dân Việt Nam, ủng hộ các nạn nhân trong cuộc đấu tranh đòi tôn trọng công lý và lương tri này. Cuộc đấu tranh ngày nay chính là vì cuộc sống hòa bình của các thế hệ mai sau trên trái đất này.

Hãy ủng hộ và giúp đỡ các nạn nhân chất độc Da cam / dioxin Việt Nam!

Hãy lên tiếng và hành động vì hòa bình, hữu nghị, công lý và lương tri!

TỔ CHỨC LIÊN HIỆP LIÊN MINH CÔNG DÂN

Kính thưa các quý ông, quý bà, các bạn và các nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam!

Tên tôi là Charles Johnson, tôi là chủ tịch của Tổ chức Liên hiệp Liên minh Công dân thuộc thành phố Kingsport, tiểu bang Tennessee, Hoa Kỳ.

Tổ chức Liên hiệp Liên minh Công dân là một tổ chức nhân đạo, phi lợi nhuận, được thành lập theo luật pháp của Hoa Kỳ do một nhóm cựu thương nhân Mỹ và những người dân nhằm giúp đỡ cho những người nghèo, nạn nhân chiến tranh, những người tàn tật, những người vô gia cư, những quả phụ và trẻ em mồ côi ở các nước đang phát triển.

Vì lòng nghĩa hiệp của hàng nghìn nam, nữ, trẻ em và cả những nhà lãnh đạo khắp nơi (kể cả quê hương tôi - Hoa Kỳ); tổ chức của chúng tôi đã có vinh hạnh được trợ giúp nạn nhân chất độc Da cam nghèo và các gia đình khác ở Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Cà Mau.

Dự án đầu tiên của chúng tôi là lập quỹ cho trạm y tế chữa trị bệnh do chất độc Da cam gây ra, trạm này đã hoạt động và đang phục vụ hàng nghìn người ở Củ Chi.

Những dự án tiếp theo cho năm 2004 đến hết năm 2006, với hy vọng sau này nữa:

Hỗ trợ thành lập thêm các trạm y tế, cung cấp trang thiết bị y tế và các nhu yếu khác cho:

1. Hỗ trợ cho người tàn tật và trẻ mồ côi thành phố Hồ Chí Minh.
2. Dự định thành lập bệnh viện Chất độc Da cam Chũ thập đỏ thành phố Hồ Chí Minh.
3. Bổ sung những nhu cầu, dự án ở Củ Chi và rất nhiều những dự án hỗ trợ đặc biệt cho các nhu cầu cấp thiết ở tỉnh Cà Mau.

Chúng tôi sẽ tiếp tục hỗ trợ những dự án, khi có được các khoản quỹ từ những tấm lòng hào hiệp của các bạn Mỹ, (khi mỗi ngày qua đi ở Việt Nam tôi càng thấy mình trẻ hơn).

Tôi có dự định dành nốt quãng đời còn lại của mình để giúp đỡ các nạn nhân đã bị bỏ mặc, những người đó như da thịt của mình. Hy vọng, khát khao và mơ ước của họ cũng như bản thân và tôi sẽ làm điều đó cho đến khi lìa đời.

Giờ đây được các bạn cho phép tôi muốn nói với các bạn thật ngắn gọn, để thay mặt cho những nạn nhân chất độc Da cam vô tội và các hóa chất độc giết người khác, những người đang tuyệt vọng rất cần sự giúp đỡ của chúng tôi, và của những người khác trên hành tinh này!

Cuộc chiến tranh nào, đều có bắt đầu và kết thúc. Thường mọi cuộc chiến tranh nào cũng đều như vậy, ngoại trừ cuộc chiến tranh mà ở Việt Nam người ta gọi là chiến tranh của Mỹ, còn ở Mỹ người ta gọi là chiến tranh của Việt Nam.

Dù cuộc chiến tranh ngày hôm nay người ta đặt tên là gì đi nữa, song nó không đơn thuần là cuộc xung đột vũ trang. Cái chết và sự hủy hoại hàng loạt đã trút xuống hàng triệu người dân vô tội giữa những năm 1961 và 1971 sẽ được ghi vào biên niên sử thế giới là:

SỰ HỦY DIỆT NGƯỜI VIỆT NAM VĨ ĐẠI

Hôm nay, đâu đó ở Mỹ người ta vẫn giấu giếm những hồ sơ ghi chi tiết những khối lượng lớn dioxin và những vũ khí giết người khác do những công ty hóa chất Hoa Kỳ tội lỗi gây ra trong chiến tranh.

Công lý đòi hỏi rằng họ phải công nhận và thanh toán cho sự lừa dối mà quái được tính toán rất tinh vi của họ. Sự lừa dối đó đã đem lại thảm họa chưa từng biết đến trên thế giới; gây ra chết chóc và thương tật cho nhiều triệu dân thường người Việt Nam, và hầu như đã tàn phá chính sự tồn tại của cả một dân tộc!

Tiếng gọi của các vị tổ tiên tôn kính, những người đã chết vì sự khùng khiếp không thể nói lên lời phát ra từ nắm mồ đòi hỏi công lý đã bị lãng quên quá lâu. Hòa trộn với những tiếng kêu đó là những lời khẩn cầu đáng thương của những con cháu họ vẫn còn sống những cuộc đời đầy đau đớn và khốn khổ. Cũng như vậy những tiếng xì xầm từ những linh hồn chưa sinh đã bị áp đặt phải chịu đựng số phận đầy nỗi kinh sợ tương tự.

Các nạn nhân dũng cảm đã trình ra tòa vụ kiện phải đứng vững chiến đấu trong một trận đánh kéo dài vì công lý trong khi phải nhận rõ rằng một vụ kiện rất lớn được đưa ra cùng tòa án đó chưa bao giờ được đưa ra xét xử bởi vì có sự sắp đặt bên ngoài tòa để giành lấy một sự bố thí do chính những công ty hóa chất đó biết cách đánh lừa rất tinh vi (Vụ kiện của đô đốc Elmo Zumwalt).

Là chủ tịch của Hiệp hội Liên minh Công dân, hãy tin rằng chúng tôi sẽ đứng cạnh các bạn với tư cách là những người Mỹ trung thành và công dân

chung của một thế giới đảm bảo rằng không để cho một cuộc tàn sát khác nữa lại xuất hiện ở Việt Nam.

Cám ơn các bạn rất nhiều đã cho tôi có cơ hội được phát biểu, thay mặt cho hàng trăm ngàn nạn nhân chất độc Da cam, tôi vinh dự được cất lên lời kêu gọi: hỡi các bạn của tôi!

CHARLES JOHNSON

Bản sao lưu trữ

THƯ LEN ALDIS GỬI NGÀY 15 THÁNG 7 NĂM 2004

Giáo sư Nhân kính mến!

Do công việc của tôi ở Luân Đôn, tôi lấy làm tiếc vì không thể đến dự hội nghị hết sức quan trọng nhằm ủng hộ các nạn nhân thảm thương của chất độc Da cam.

Trong mấy tháng tới vấn đề này sẽ đạt đến một tầm cao mới, đó là tầm cao quốc tế đến thẳng đến trung tâm của tòa án ở New York. Tôi thật lòng hy vọng rằng những cuộc thảo luận và quyết định ở Hội nghị của các bạn sẽ không chỉ mang lại hy vọng mà còn cả công lý cho các nạn nhân đã phải chờ đợi quá lâu.

Trong khi các luật sư sẽ nhận được sự ủng hộ của chúng ta dành cho nỗ lực của họ ở tòa án, công việc chính của mỗi người và mọi người trong chúng ta là phải làm tăng thêm sự ủng hộ của quốc tế đối với tất cả các nạn nhân chất độc Da cam và gia đình họ.

Các ngài kính mến, cho phép tôi gợi ý về một biện pháp nhằm đạt được sự ủng hộ quốc tế là vận động mọi người ký vào bản kiến nghị quốc tế sẽ được gửi tới tổng thống Hoa Kỳ, những nhà lãnh đạo của Hạ nghị viện và Thượng nghị viện Hoa Kỳ, các công ty hóa chất và Tổng thư ký Liên Hiệp quốc.

Tôi chúc cho hội nghị thành công!

Kính thư

LEN ALDIS

Tổng thư ký

ĐIỀU TRẦN CỦA GIÁO SƯ, TIẾN SĨ KHOA HỌC PHAN THỊ PHI PHI

Về những tác hại kéo dài của chất độc Da cam/dioxin đã sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam tại Diễn đàn xã hội Thế giới lần thứ IV tại Mumbai, Ấn Độ (tháng 1 năm 2004).

Các bạn thân mến!

Tôi thật sự cảm động khi thấy rất nhiều bạn đến dự buổi điều trần hôm nay của tôi, người thay mặt cho hàng triệu nạn nhân chất độc Da cam trình bày nỗi khùng khiếp của cuộc chiến tranh hóa học đã xảy ra ở đất nước chúng tôi cách đây hơn ba chục năm, tôi tin rằng nhiều người trong số các bạn ở đây đã từng nghe nói về tác hại của chất độc Da cam bị tạp nhiễm dioxin lên môi trường và sức khỏe con người, nhưng chắc rằng rất ít người hình dung được quy mô và mức độ nghiêm trọng của tác hại của loại hóa chất độc hại này.

Ở đất nước chúng tôi mặc dù chiến tranh đã chấm dứt gần 30 năm, nhưng những di chứng nặng nề, nghiêm trọng và lâu dài vẫn còn đang diễn ra hàng ngày trước mắt mọi người. Chiến tranh là những nỗi khổ đau cùng tận của phụ nữ và trẻ em, những người dân vô tội trên thế giới này. Tôi sẽ cố gắng kể lại những gì tôi chứng kiến, những gì bản thân tôi và bè bạn đã trải qua trong cuộc chiến tranh tàn khốc này.

Cho phép tôi tự giới thiệu về mình. Tôi là bác sĩ, nguyên là giám đốc bệnh viện Số 1 của 9 tỉnh Liên khu 5, miền Trung Việt Nam trong thời kỳ chiến tranh chống Mỹ để thống nhất hai miền Nam và Bắc Việt Nam. Sau chiến tranh, tôi làm việc ở trường Đại học Y Hà Nội từ 1972 đến nay. Ngoài những nhiệm vụ của một giáo sư Đại học Y, tôi chuyên tâm nghiên cứu về tác hại của chất Da cam đối với sức khỏe của những người đã bị phơi nhiễm hóa chất độc hại này. Tôi cũng lắng nghe các bạn mình nghiên cứu về tác hại của nó lên môi trường sinh thái và con người, ngẫm nghĩ và kết nối các tác hại đó với nhau.

Trước chiến tranh, vợ chồng tôi đã có một cháu gái rất khỏe mạnh, bình thường. Cháu học tập và làm việc tốt, hiện cũng đang giảng dạy ở Đại học Y Hà Nội cùng với mẹ. Anh chị em ruột của chồng tôi và của tôi đều có con cái đông đúc và khỏe mạnh. Sau chiến tranh, 3 năm liền tôi liên tục bị sảy thai tự nhiên 4 lần và thai thường không quá hai tháng tuổi. Tôi cố gắng tìm hiểu lý do. Nhìn xung quanh bạn bè, nhiều người cũng gặp những cảnh ngộ như tôi hay còn đau lòng hơn gấp vạn lần. Một số người không được bao giờ làm vợ, làm mẹ, thậm chí làm mẹ của những đứa con dị tật, bất thành người.

Tôi xin được nói lại cho có đầu đuôi để các bạn nắm được chi tiết, hiểu được những nỗi đau không bao giờ có thể vơi được của phụ nữ và trẻ thơ Việt Nam, để sát cánh cùng nhau làm sao cho chiến tranh phải được dập tắt, để chúng ta có thể có hạnh phúc làm người.

1. *Lịch sử của chất độc Da cam/dioxin*: Theo các nhà khoa học thế giới, *dioxin là chất tạp nhiễm không mong muốn trong chất Da cam, bền nhất, độc hại nhất trong số các hóa chất đã sản xuất cho đến ngày nay, có thời gian bán phân hủy rất dài và đến nay Cộng đồng Khoa học Quốc tế đã thống nhất rằng dioxin gây ung thư, quái thai, dị tật bẩm sinh, và "nhiều bệnh lý khác"*. Không còn là vấn đề bàn cãi rằng dioxin chỉ gây các bệnh nói trên ở động vật thí nghiệm như trước đây họ đã từng nghĩ hay từng biện bạch, che giấu, làm sai lệch kết quả nghiên cứu một cách cố tình.

Vì lẽ như vậy, từ tháng Giêng năm 1966, 29 nhà khoa học Mỹ đã chống lại việc sử dụng AO/dioxin trong chiến tranh ở Việt Nam vì họ cho rằng chất độc không thể phân biệt quân đội đối phương và dân lành vô tội. Họ đề nghị Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ cho nghiên cứu về tác dụng ngắn hạn và lâu dài của việc sử dụng các hóa chất đang sử dụng ở Việt Nam. Hơn 5.000 nhà khoa học Hoa Kỳ cũng đã yêu cầu Tổng thống Johnson chấm dứt việc sử dụng chất diệt cỏ ở Việt Nam. Nhưng những chất diệt cỏ vẫn được lệnh sử dụng tiếp tục ở đây.

Những năm đầu của thập kỷ 70 của thế kỷ trước, một tổ chức khoa học đã cử một đoàn chuyên gia (HAC - Herbicide Assessment Commission) đến Việt Nam để điều tra về tác hại của chất diệt cỏ, đặc biệt của AO/dioxin trên môi trường, sinh thái và con người tại Việt Nam. HAC đã đi đến đề nghị Chính phủ Hoa Kỳ phải ngừng sử dụng các chất diệt cỏ tại Việt Nam vì nó phá trụi rừng được và gây rối loạn sức khỏe sinh sản ở người như đẻ ra chết ngay, sảy thai và thai dị tật bẩm sinh. Và họ cho biết rằng đó là do chất dioxin đã tạp nhiễm trong chất Da cam gây ra, giống như trên thực nghiệm ở động vật. Như thế không phải Hoa Kỳ không biết rằng chất diệt cỏ, đặc biệt là chất Da cam, không có tính chất hủy diệt con người và sinh thái. Tại Hoa Kỳ, từ đầu năm 1970, chất Da cam đã bị cấm sử dụng vào mục đích công nông nghiệp do tính chất gây ung thư của nó; nhưng ở Việt Nam thì mãi đến năm 1971 Chính phủ Hoa Kỳ mới ra lệnh cho quân đội Mỹ ngừng sử dụng và vẫn cho quân đội Nam Việt Nam sử dụng số hóa chất còn lại trong kho cho đến khi kết thúc chiến tranh, 30 tháng 4 năm 1975.

2. *Số phận của các cựu chiến binh Mỹ tham chiến ở Việt Nam*: Thời gian quân dịch của người Mỹ ở Việt Nam chỉ là một năm. Sau khi trở về từ Việt Nam, họ bị nhiều bệnh nặng như ung thư, bệnh gan hay đẻ ra con bị dị tật. Từ những năm 1970-1975 cựu chiến binh Mỹ bắt đầu nghi ngờ có mối liên

quan giữa chất diệt cỏ ở Việt Nam, đặc biệt là chất Da cam, với bệnh tật của họ và con cái họ. Charle Owen đã chết vì ung thư. Rồi Paul Reutershan chết cũng vì ung thư ở tuổi 28. Ông đã nói: "Tôi đã chết ở Việt Nam mà ngay cả tôi cũng không biết điều đó". Ông đã kể rằng, là phi đội trưởng lái máy bay trực thăng, ông đã bay trong những đám mây chất diệt cỏ mà máy bay C-123 đã rải xuống và ông thấy rừng cây xanh nguyên sinh rụng lá, rừng được thì chuyển màu nâu và chết. Mặc dù thấy rừng nguyên sinh và rừng được như vậy sau khi bị rải chất diệt cỏ ông cũng không hề lo lắng cho sức khỏe của mình vì cho rằng nó không hại cho súc vật và cho người, cho đến khi chết vì ung thư. Ông là người cùng với luật sư của mình gửi đơn kiện các hãng Dow Chemical, Monsanto, Diamond, Shramrock - các hãng sản xuất nhiều hóa chất diệt cỏ nhiều nhất lên Tòa án New York trong những ngày cuối cùng của đời mình. Ông cũng thông báo cho bạn bè biết về tác hại của chất độc Da cam/dioxin lên sức khỏe con người và thành lập ra Hội nạn nhân Da cam quốc tế (AOVI - Agent Orange Victims International) mà bạn ông làm giám đốc.

3. Kết quả của cuộc đấu tranh của cựu chiến binh Mỹ đã tham chiến ở Việt Nam: Hội cựu chiến binh Hoa Kỳ đã dựa vào kết quả nghiên cứu của Viện Y học thuộc Viện Hàn lâm khoa học Hoa Kỳ đòi được đền bù theo thỏa thuận với các hãng hóa chất (nay đã lên đến 7 hãng hóa chất) cho các cựu chiến binh bị bệnh do phơi nhiễm chất Da cam/dioxin trong chiến tranh ở Việt Nam. Do phát hiện hậu quả của phơi nhiễm dioxin kéo dài nên Hội Cựu chiến binh Mỹ tiếp tục kiện. Và mới đây, sau 39 năm kể từ khi bị phơi nhiễm chất Da cam, thêm một số cựu chiến binh New Zealand phát bệnh, nâng con số cựu chiến binh New Zealand bị bệnh liên quan đến chất Da cam lên đến 356 người. Cựu chiến binh New Zealand cho rằng nạn nhân Da cam Việt Nam đủ tư cách để khởi kiện lên Tòa án quân sự Hoa Kỳ (theo tạp chí Y học quốc tế, ngày 5 tháng 12, 2003 - <http://www.jim.fr>).

4. Hậu quả của chất Da cam / dioxin ở Việt Nam:

- *Về lượng dioxin đã rải xuống miền Nam Việt Nam:* Công bố ban đầu của A. Westing là 179kg, được rải trên 12% diện tích miền Nam. Westing là người trong đoàn HAC đã đến Việt Nam và phản đối việc sử dụng chất độc hóa học, đặc biệt chất Da cam, ở Việt Nam, ông cũng là người ủng hộ việc tổ chức hội nghị về môi trường vào tháng 7 năm 2002 tại Stockholm.

Tháng 4 năm 2003, bà J.M Stellman và cộng sự đã công bố trong tạp chí Nature lượng chất dioxin đã rải xuống miền Nam Việt Nam là 366kg, (chứ không phải là 170kg như trước đây). Chúng ta thật sự chưa biết lượng dioxin thật sự đã rải xuống miền Nam Việt Nam. Chỉ có Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ là biết rõ nhất.

- *Về số nạn nhân nhiễm chất độc Da cam:* Theo các nhà khoa học Việt Nam và nước ngoài, có ít nhất là 3 triệu người; và theo thống kê chưa đầy đủ của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội Việt Nam, trong số 1,2 triệu trẻ em tàn tật các loại, có khoảng 150.000 con cháu của các nạn nhân chất độc Da cam, mang các dị tật nặng như bại não, ngớ ngẩn, liệt chân tay, xương phát triển không bình thường, dị dạng...

- *Về lượng dioxin tồn lưu trong môi trường, một số thực phẩm và mô của người như máu, mỡ, sữa và tinh dịch ở những vùng bị rải trong chiến tranh:* Ngay trong những năm đầu sau khi rải, hàm lượng này rất cao. Vào năm 1970, trước khi có lệnh chấm dứt cuộc chiến tranh hóa học của quân đội Hoa Kỳ, Baughman và Meselson (trong đoàn HAC) đã phân tích các mẫu sữa mẹ ở Cần Giờ, thành phố Hồ Chí Minh và Tân Uyên, Bình Dương và kết quả đã cho thấy hàm lượng dioxin cao tới mức chưa từng thấy ở người bị phơi nhiễm, cao hơn ở bất kỳ tai nạn nổ nhà máy hóa chất nào trong lịch sử nhân loại (1.450ppt/g lipid). Hàm lượng này trong con người và môi trường ở những vùng bị rải cũ trong chiến tranh ở miền Nam Việt Nam đã giảm xuống gần với mức nền của các nước công nghiệp phát triển phương Tây từ sau những năm 1985 trở đi. Nhưng tác hại trên các thế hệ con và cháu của các cựu chiến binh vẫn không giảm thấp chút nào.

- *Tình hình bệnh lý do chất dioxin tap nhiễm trong chất Da cam gây ra ở Việt Nam:* Rõ ràng là thời gian bị phơi nhiễm của cư dân và cựu chiến binh Việt Nam là dài hơn cựu chiến binh Mỹ. Nhiều vùng đã bị quân đội Hoa Kỳ rải đi rải lại nhiều lần. Do đó bệnh lý của người Việt Nam bị phơi nhiễm qua nhiều đường (tiếp xúc qua da, thở, ăn uống...) hết sức nặng, phơi nhiễm mạn tính rất đa dạng, rất nhiều bệnh kết hợp. Tôi và đồng nghiệp cũng như cư dân trong vùng bị rải đã ăn sắn, ăn rau ngay sau khi sắn bị trụi lá, đắng ngắt. Chúng tôi coi thường các triệu chứng cay mắt, chảy nước mắt, khó thở thoáng qua và nhất là ngứa là nổi mẩn da. Chúng tôi vẫn uống nước trong vùng vừa bị rải chất độc ở trong rừng, chúng tôi chỉ coi trọng bệnh sốt rét, sốt rét ác tính, bệnh đói, phù, lạt muối, trong khi không có hiểu biết gì về tác hại lâu dài của chất Da cam/dioxin.

Sau này khi bản thân mình bị sảy thai liên tiếp và cùng với các kết quả nghiên cứu của bác sĩ Nguyễn Thị Ngọc Phượng - Giám đốc bệnh viện Từ Dũ Sài Gòn và nhiều bác sĩ khác, tôi mới biết rằng chất độc Da cam mà trong đó có tạp nhiễm dioxin là nguyên nhân gây ra bao nhiêu bệnh tật nguy hiểm chết người như ung thư, bệnh lý hệ tiêu hóa, thần kinh, suy giảm miễn dịch, bệnh lý hệ nội tiết và đặc biệt một tỷ lệ rất cao các dị tật bẩm sinh. Có rất nhiều thảm cảnh tại đất nước chúng tôi. Nhiều người mẹ cố gắng sinh đẻ với hy vọng có được một đứa con bình thường nhưng trong rất nhiều trường hợp

các con đẻ ra đều bị một hay nhiều dị tật đồng thời. Các bạn đã xem những cảnh đời thê thảm trong cuốn phim vừa chiếu. Đó chỉ là một phần của bất hạnh xảy ra với các gia đình nạn nhân chất độc Da cam ở Việt Nam. Có những trẻ em sinh ra không có chân, không có tay; có trẻ dính đôi một đầu hai mặt, nhiều trẻ hình hài quái dị, nhiều trẻ đẻ ra chết ngay, không đầu... Nhưng nhiều nhất là trẻ em bại não, chậm phát triển trí tuệ ở khắp mọi miền Nam, Bắc (do cha chúng đã tham gia chiến đấu ở miền Nam Việt Nam). Tôi thấy nhiều gia đình có con bị mù, thậm chí cả 3 - 4 con đều mù. Tôi nào kể được ra đây tất cả. Nhiều cháu mọc lông và da đen từng mảng. Có cháu cũng đã được mang sang Hoa Kỳ để chữa trị phần da đen và mọc lông, nhưng cũng chỉ thay đổi được phần ở mặt. Các rối loạn này đã đi vào gen của bố, của mẹ hay của cả hai bố mẹ và truyền sang con cháu.

5. Sự tồn tại các vùng nóng về dioxin ở miền Nam Việt Nam: Vấn đề hậu quả chất độc Da cam vẫn tiếp tục là vấn đề bức xúc. Từ năm 1993 đến năm 2000, các nhà khoa học Nhật Bản, Hoa Kỳ và Canada cộng tác với các nhà khoa học Việt Nam đã phát hiện rằng trong đất của một số căn cứ quân sự và sân bay cũ của quân đội Hoa Kỳ còn tồn lưu dioxin lên đến trên 1.000.000ppt, nhiều nghìn ppt. Nhiều trẻ em sinh sau chiến tranh, nhiều người dân di cư từ Bắc vào Nam để làm ăn sinh sống sau chiến tranh, sống sát sân bay Biên Hòa có nồng độ dioxin cao và rất cao trong máu. Bệnh lý liên quan đang tiếp diễn và trong một số trường hợp đã và đang hủy diệt nhiều dòng họ.

Vấn đề Da cam là vấn đề nóng bỏng của hiện tại chứ không phải chỉ là vấn đề của quá khứ và chưa bao giờ chấm dứt.

6. Chính phủ chúng tôi đã làm gì cho nạn nhân Da cam? Ngay từ những năm 1970 tại Hội nghị quốc tế về tác hại của chất diệt cỏ với môi trường tổ chức ở Orsay, Pháp, cố giáo sư Tôn Thất Tùng, trưởng đoàn Việt Nam, đã thông báo những lo lắng về tác hại của chất diệt cỏ lên sức khỏe con người, nhất là bệnh ung thư gan, năm 1980, Chính phủ Việt Nam đã lập ra Ủy ban 10-80 để điều tra hậu quả của các chất độc hóa học dùng trong chiến tranh Việt Nam, đứng đầu là giáo sư Hoàng Đình Cầu với người cộng sự rất tâm huyết trong lĩnh vực nghiên cứu này mà toàn thế giới rất quen thuộc là cố giáo sư, bác sĩ Lê Cao Đài. Chính phủ đã có biện pháp thiết thực hỗ trợ các nạn nhân chất độc Da cam. Quỹ hỗ trợ nạn nhân chất độc Da cam được thành lập. Các tổ chức nhân đạo trên thế giới như các Hội chữ thập đỏ Hoa Kỳ, Na Uy, Đức, Đan Mạch, Thụy Sĩ, Anh, Quỹ Ford, cơ quan hợp tác phát triển Na Uy... đã dành cho các nạn nhân chất độc Da cam của Việt Nam sự giúp đỡ hết sức quý báu. Không ít cựu chiến binh Mỹ đã trở lại Việt Nam để góp phần giảm nhẹ những nỗi đau mà họ đã gây ra đối với nhân dân chúng tôi. Nhưng với một nước còn nghèo, còn rất nhiều khó khăn mà chiến tranh

để lại cần phải giải quyết, sự giúp đỡ trong và ngoài nước còn rất khiêm tốn so với nhu cầu to lớn của các nạn nhân.

Chúng tôi kêu gọi toàn thể nhân dân thế giới quan tâm chia sẻ phần nào với những kiếp người kém may mắn hơn chúng ta. Chúng tôi vẫn chờ đợi sự cộng tác của Chính phủ Hoa Kỳ cũng như các công ty hóa chất lớn ở Hoa Kỳ trong việc giúp đỡ các nạn nhân chất độc Da cam.

Chính phủ Hoa Kỳ yêu cầu chứng cứ khoa học về tác hại của chất độc Da cam hơn sức khỏe con người trước khi hành động. Chứng cứ chưa đủ sao với các kết quả nghiên cứu của CDC, của EPA Hoa Kỳ, của IARC, của các nhà khoa học Thụy Điển, Đức, Hà Lan, Ý qua các vụ nổ nhà máy hóa chất hay trên các công nhân bị các bệnh nghề nghiệp? Chứng cứ không đủ sao khi cựu chiến binh Mỹ đã phải trả giá đắt như vậy cho hạnh phúc gia đình họ? Chứng cứ nào nữa khi chính cựu đô đốc Hải quân Mỹ, ông Zumwalt, người đã ra lệnh rải chất độc Da cam ở Việt Nam để bảo vệ con trai của mình cùng quân lính Mỹ đang tham chiến ở Việt Nam, đã phải trả giá bằng chính mạng sống của con trai mình bị hai bệnh ung thư liên tiếp trong một thời gian ngắn và cháu nội của mình bị mù màu và đần độn! Ông cũng đã đến Việt Nam cùng con trai của mình, nguyên là trung úy quân đội Hoa Kỳ tham chiến ở Việt Nam, với mong muốn làm một việc gì để làm giảm nhẹ nỗi đau của các nạn nhân chất độc Da cam mà ông, con ông và gia đình ông là người cảm thông thực sự. Họ đều đã chết khi chưa kịp làm được gì nhiều! Các bạn hãy đến Việt Nam, hãy đi khắp một vài làng xã để thấy được sự nổi trội về các cháu dị tật, con của các nạn nhân chất độc Da cam so với các làng xã bình thường khác không bị rải chất diệt cỏ để thấy rõ chứng cứ sống. Các bạn hãy đến bảo tàng thai dị tật chết tại bệnh viện Từ Dũ thành phố Hồ Chí Minh để thấy hết kiểu hình của các thai dị tật chết. Những cái đó chính là những chứng cứ cụ thể của chất độc Da cam mà Hoa Kỳ đã rải xuống Việt Nam. Các nhà khoa học Việt Nam cũng có cùng phương pháp làm việc như tất cả các nhà khoa học trên thế giới mặc dù họ chưa có đủ các trang thiết bị và kỹ thuật hiện đại để chứng minh cơ chế của các tác hại này.

Không thể chỉ hợp tác nghiên cứu khoa học trong khi các nạn nhân chất độc Da cam ở Việt Nam sống lay lắt, nghèo đói và bệnh tật triền miên. Nhiều người đã chết trong vô vọng. Thay mặt cho các nạn nhân Da cam và đại diện cho nhân dân Việt Nam tôi kêu gọi tất cả các bạn, các chính phủ, các tổ chức xã hội nhân đạo, nhân quyền và nhân dân các quốc gia, đặc biệt là chính phủ và các công ty hóa chất Hoa Kỳ hãy có trách nhiệm giúp đỡ các nạn nhân chất độc Da cam của đất nước chúng tôi để họ được sống, được chữa bệnh, được phục hồi chức năng, để họ không còn sinh ra những con cháu dị tật. Hãy giúp chúng tôi tẩy độc càng sớm càng tốt những vùng còn ô nhiễm nặng, ảnh hưởng đến cuộc sống của nhân dân.

Tôi xin vô cùng cảm ơn các bạn đã lắng nghe, đã chia sẻ các đau khổ cùng chúng tôi. Chúng tôi tin rằng các bạn sẽ có những hành động cần thiết không những chỉ cho nhân dân Việt Nam mà còn cho bất cứ nhân dân nước nào đang đau khổ vì chiến tranh. Chúng ta cùng lên tiếng ủng hộ ngày hành động Bhopal, đòi các hãng sản xuất chất độc Da cam đã gây 8.000 người chết và 77.000 người ốm đau, tật nguyền tại Bhopal được đền bù xứng đáng. Chúng ta hãy đoàn kết lại, hãy ngăn chặn chiến tranh bằng bất cứ phương tiện gì vì một xã hội văn minh và công bằng!

Bản sao lưu trữ

ẢNH HƯỞNG CỦA CHẤT ĐỘC DA CAM/DIOXIN TRÊN SỨC KHỎE CON NGƯỜI

Giáo sư, Bác sĩ NGUYỄN THỊ NGỌC PHƯƠNG

*Phó Chủ tịch Hội nạn nhân chất độc Da cam / dioxin Việt Nam
Giám đốc Bệnh viện Từ Dũ, thành phố Hồ Chí Minh.*

Chúng ta đều biết, trong thời gian chiến tranh 1962-1970, không quân Hoa Kỳ đã rải xuống các vùng dọc biên giới, dọc bờ biển, xung quanh các căn cứ quân sự Mỹ... một số lượng rất lớn, trên 18 triệu gallons các chất độc hóa học (72 triệu lít), trong đó 61% là chất độc Da cam với hơn 500kg dioxin (2,3,7,8 TCDD) - một loại chất hóa học có độc tính cao nhất đối với con người hiện nay - chỉ cần vài ppt (picrogram: phần tỷ của miligam) là đã có thể gây tác hại trên sức khỏe con người.

TẠI HOA KỲ

1. Năm 1985: 7 công ty hóa chất Hoa Kỳ đã phải thu xếp sau khi bị kiện bồi thường ngoài tòa án 250 triệu USD cho số cựu chiến binh Hoa Kỳ trước đây có tham gia vào chiến dịch rải chất độc hóa học tại Việt Nam (chiến dịch Ranch Hand).

2. Hiện nay, Chính phủ Hoa Kỳ đã công nhận chất độc Da cam/dioxin gây ra 13 loại bệnh - tật và nhận điều trị miễn phí cho cựu chiến binh Hoa Kỳ và con cái của họ (trong các năm qua, mỗi năm danh sách các loại bệnh - tật này đều được bổ sung dài thêm), như:

- Chloracnea (mụn nhọt mặt do clor).
- Porphyria cutanea tarda (sạm da).
- Các loại ung thư phần mềm:
 - + Bệnh Hodgkin.
 - + Lymphoma không phải Hodgkin.
 - + Sarcoma cơ trơn.
 - + v.v...
- Đau tủy.
- Các loại ung thư đường hô hấp trên và ung thư phổi.
- Ung thư tiền liệt tuyến.

- Tiểu đường.
- Dị tật bẩm sinh: Spina bifida (nút đôi đốt sống gây thoát vị não tủy).

TẠI VIỆT NAM

Việt Nam là nơi nhận chịu tác động chất độc Da cam/dioxin nhiều nhất thì sao?

A. Môi trường: qua khảo sát nhiều năm từ sau 1975, chúng ta khẳng định:

1. Đất, nước... không còn chứa dioxin vì:

- Thời gian bán hủy dioxin trong môi trường chỉ khoảng 3 năm
- Ở Việt Nam lại có nhiều nắng, mưa, sông ngòi, kênh rạch (trừ một vài điểm nóng trước đây là kho chứa chất độc Da cam của không quân Hoa Kỳ).

2. Thực phẩm hàng ngày cũng chứa rất ít hóa chất này so với tại các nước công nghiệp phát triển (do hóa chất sử dụng trong công nghiệp).

B. Trong con người: Dioxin được chứa trong mỡ và các cơ quan có mô mỡ.

1. Thời gian bán hủy dioxin trong con người được các nhà khoa học ước tính khoảng hơn 10 đến 12 năm. Thí dụ - một người bị rải trực tiếp có thể có 200ppt dioxin năm 1970:

- + 1982 còn 100ppt
- + 1994 còn 50ppt
- + 2006 còn 25ppt
- + 2018 còn 12,5ppt

Mà ngưỡng gây tác hại của dioxin (2,3,7,8 TCDD) lên sức khỏe con người được ước tính rất thấp chỉ vài ppt.

2. Ở phụ nữ, lượng dioxin có thể giảm nhanh hơn vì được tiết ra qua sữa mẹ.

- 1970: J. Constable - Meselson - Baughman (Boston - Massachusetts) đã phân tích sữa mẹ lấy từ Tân Uyên (chiến khu Dương Minh Châu) và thấy có 1.450ppt dioxin.

- 1973: Phân tích lại mẫu sữa mẹ tại đây thấy còn 300-400ppt dioxin.

Như thế, ngoài những người dân bị rải trực tiếp trong thời gian chiến tranh, còn nhiều triệu em bé sinh ra trong hoặc sau khoảng thời gian rải chất độc Da cam đã bị truyền dioxin từ mẹ qua sữa mẹ.

3. Tại bệnh viện Từ Dũ: các loại dị tật bẩm sinh đã thấy tăng lên từ những năm 60 đến nay. Cho đến năm 2003, vẫn còn nhiều dị tật bẩm sinh được phát hiện hàng ngày như dị tật hệ thần kinh trung ương có 303 trường hợp, trong đó.

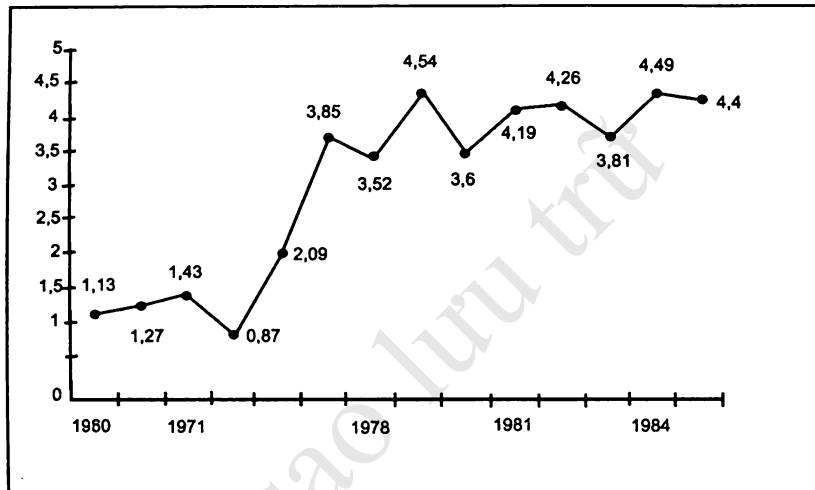
- 218 não úng thủy
- 41 vô sọ

- 22 thoát vị não - màng não
- 15 thoát vị tủy - màng tủy
- 07 đầu nhỏ.

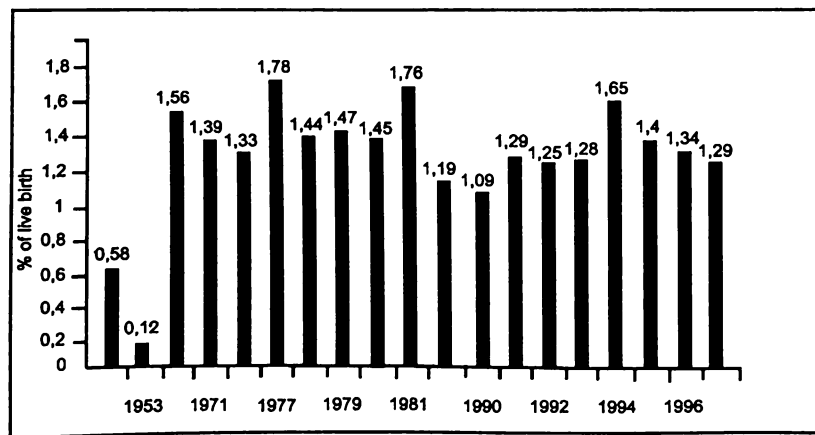
Do quan sát thấy như trên, chúng tôi đã có một số nghiên cứu như sau:

a) Nghiên cứu hồi cứu:

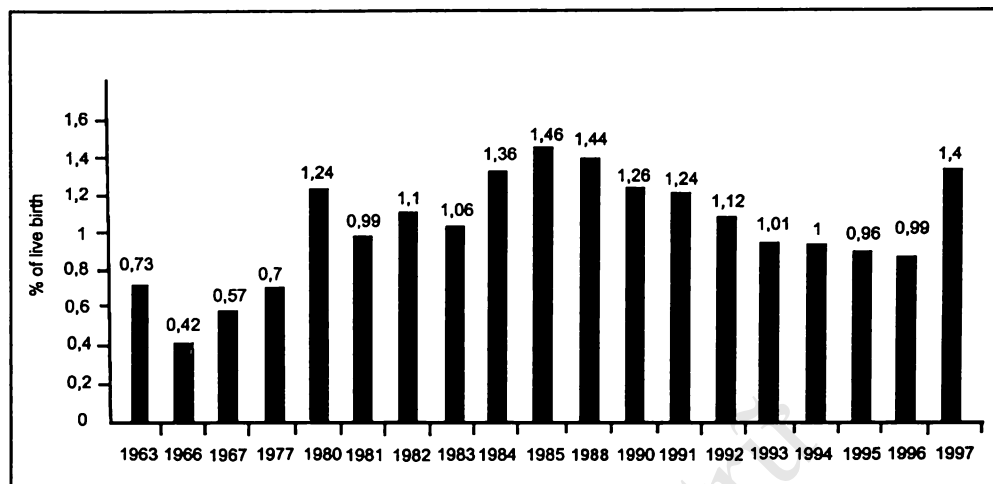
Bảng 1
THAI TRỨNG VÀ UNG THƯ NGUYÊN BÀO NUÔI



Bảng 2
THAI CHẾT TRONG TỬ CUNG



Bảng 3
DỊ TẬT BẨM SINH



b) Điều tra cơ bản (1983):

+ Thạnh Phong - Thạnh Phú - Bến Tre

+ Phường 10 - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh

So sánh: mẹ có bị rải chất độc hóa học dị tật bẩm sinh gấp 3 lần

Những bất thường này có tỷ lệ thuận với mức độ bị rải nặng - trung bình - nhẹ.

Bảng 4
TỶ LỆ THAI NGHÉN BẤT THƯỜNG TRÊN TỔNG SỐ LẦN CÓ THAI

	Xã Thạnh Phong	Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh		P
	Số nhiễm chất độc hóa học	Có nhiễm	Không nhiễm	
Dị tật bẩm sinh	81/7.327	16/294	29/6.690	< 0,05
% Dị tật bẩm sinh	1,1%		0,4%	
Thai chết lưu	0,8%	0,34%	0,02%	< 0,01
Sảy thai	8,01%	16,7%	3,63%	< 0,05
Thai trứng	0,73%	3,74%	0,38%	< 0,05
Thai chết bất thường	12,47%	27,2%	4,64%	< 0,01

Bảng 5
TỶ LỆ DỊ TẬT BẨM SINH Ở CÁC MỨC ĐỘ NHIỄM CHẤT ĐỘC HÓA HỌC
TẠI XÃ THANH PHONG

	Tổng số	Nhiễm nặng	Nhiễm trung bình	Nhiễm nhẹ
% Dị tật bẩm sinh	81/7.327	65/5.138	8/868	9/1.321
	1,1%	1,2%	0,92%	0,68%

Bảng 6a
TỶ LỆ THAI TRỨNG Ở CÁC ĐỊA PHƯƠNG

	Xã Thanh Phong nhóm có nhiễm chất độc hóa học				Phường 10 - Thành phố Hồ Chí Minh
	Tổng số	Nhiễm nặng	Nhiễm trung bình	Nhiễm nhẹ	Không nhiễm
% Thai trứng	51/7.327	38/5.138	7/868	26/6.690	9/1.321
	0,73%	0,74%	0,80%	0,68%	0,38%

Bảng 6b
TẦN SUẤT DỊ TẬT Ở MIỀN BẮC VÀ MIỀN NAM VIỆT NAM

	Miền Nam		Miền Bắc		
	Xã Thanh Phong	Quận 1 Tp. Hồ Chí Minh	Mỹ Văn (đồng bằng)	Hải Hậu (ven biển)	Mai Châu (miền núi)
% Dị tật bẩm sinh	1,1%	0,4%	0,45%	0,39%	0,68%
% Thai trứng	0,73%	0,38%	0,09%	0,03%	10%

c) Nghiên cứu bệnh chứng tại bệnh viện (1983) trên phụ nữ cho thấy trong số phụ nữ có bất thường thai nghén có đến 64% đã bị rải chất độc hóa học so với 12% phụ nữ thai nghén bình thường.

Nghiên cứu bệnh chứng (1983)

Bảng 7
THAI TRỨNG - THEO SỐ TUỔI

	Thai trứng	Đối chứng
Số trường hợp	50	134
Số tuổi trung bình	29,5	31,5

$P > 0,05$

Nghiên cứu bệnh chứng (1983)

Bảng 8

THAI TRỨNG - THEO SỐ LẦN SINH

	Thai trứng	Đối chứng
Số trường hợp	50	134
Số con trung bình	3	3,5

$P > 0,05$

Nghiên cứu bệnh chứng (1983)

Bảng 9

THAI TRỨNG - TẦN SUẤT TIẾP XÚC

	Thai trứng	Đối chứng
Có tiếp xúc	32/50 64%	16/134 12,6%
Không tiếp xúc	18	118

$\chi^2 = 51,21$

$\chi^2_\alpha = 0,001$

$P < 0,001$

Hai nhóm phụ nữ có hay không có bất thường thai sản giống nhau về bệnh tật hay tình trạng dinh dưỡng hoặc có hút thuốc hay uống rượu.

Tuy nhiên, những phụ nữ có con dị tật bẩm sinh hoặc có thai trứng thì có tần suất tiếp xúc chất độc hóa học cao hơn.

d) Nghiên cứu tại U Minh, tỉnh Cà Mau trên thế hệ thứ hai có nhiễm các chất độc hóa học cũng cho thấy tỷ lệ bất thường thai sản nhiều hơn.

Bảng 10

TỶ LỆ DỊ TẬT BẨM SINH

	TỶ LỆ DỊ TẬT BẨM SINH		
	Có dị tật bẩm sinh	Không dị tật bẩm sinh	% dị tật bẩm sinh trong nhóm
Nhóm A (394) 1964-1970	9	385	2,28
Nhóm B (2.281) 1938-1963	5	2.276	0,22

$P < 0,01$ (Fisher - exact 2 - tailed p - value = 0,00003).

Bảng 11

TỶ LỆ CHẬM PHÁT TRIỂN TÂM THẦN

	TỶ LỆ CHẬM PHÁT TRIỂN TÂM THẦN		
	Có chậm phát triển tâm thần	Không chậm phát triển tâm thần	% chậm phát triển tâm thần trong nhóm
Nhóm A (394) 1964-1970	8	386	2,03

Nhóm B (2.281) 1938-1963	3	2.278	0,13
-----------------------------	---	-------	------

P < 0,01 (Fisher - exact 2 - tailed p - value = 0,000228).

Bảng 12

THAI TRỨNG VÀ UNG THƯ NGUYÊN BÀO NUÔI (TT-KNBN)

	Có TT - KNBN	Không TT - KNBN	% TT - KNBN trong nhóm
Nhóm A (394) 1964-1970	4	390	1,02
Nhóm B (2.281) 1938-1963	1	2.280	0,04

P < 0,01 (Fisher - exact 2 - tailed p - value = 0,0020514).

Bảng 13

THAI CHẾT LƯU (TCL)

	Có TCL	Không TCL	% TCL trong nhóm
Nhóm A (394)	12	382	3,04
Nhóm B (2.281)	1	2.280	0,35

P < 0,01 (Fisher - exact 2 - tailed p - value = 0,0000037).

Bảng 14

THAI CHẾT CHƯA RÕ NGUYÊN NHÂN (TCCRNN)

	Có TCCRNN	Không TCCRNN	% TCCRNN trong nhóm
Nhóm A (394)	21	373	5,33
Nhóm B (2.281)	7	2.274	0,30

P < 0,01 (Fisher - exact 2 - tailed p - value = 0,0000).

Bảng 15

SẢY THAI TỰ NHIÊN (STTN)

	Có STTN	Không STTN	% STTN trong nhóm
Nhóm A (394)	4	390	1,02

Nhóm B (2.281)	1	2.280	0,04
-------------------	---	-------	------

Chi - Square (Yates corrected) = 0,00 - P - value = 0,976 > 0,005

4. Nghiên cứu khác ở miền Bắc trên cựu chiến binh Việt Nam có vợ sinh sống tại các tỉnh Thái Bình, Ninh Bình, Hà Nội, Hà Tây, v.v. cũng cho thấy:

Bảng 16

**THỐNG KÊ THAI NGHÉN BẤT THƯỜNG Ở CÁC PHỤ NỮ NHÓM A
CÓ CHỒNG BỊ NHIỄM VÀ NHÓM B THUỘC 3 HUYỆN PHÍA BẮC VIỆT NAM**

Đối tượng	Số sảy thai	Số chữa trứng	Số con chết trước và trong sinh	Số con bị dị tật
Nhóm A không nhiễm	7.148	70	2.512	521
	121.993	121.993	114.025	114.025
	5,68 ± 0,13	0,06 ± 0,01	2,20 ± 0,09	0,46 ± 0,04
Nhóm B nhiễm	2.271	28	576	189
	32.069	32.069	29.560	29.560
	7,08 ± 0,28	0,09 ± 0,04	1,95 ± 0,16	0,64 ± 0,09
Chung cho 2 nhóm	9.419	98	3.088	710
	154.062	154.062	143.585	143.585
	6,11 ± 0,12	0,06 ± 0,01	2,15 ± 0,07	0,49 ± 0,03

(Nguyễn Cận và cộng sự 1983)

Bảng 17

**KẾT QUẢ ĐIỀU TRA VỀ SỐ LƯỢNG DỊ TẬT BẨM SINH
Ở 18 CƠ SỞ SẢN XUẤT CỦA CÁC BỘ ĐỘI PHỤC VIÊN**

	Bị nhiễm	Không bị nhiễm
Số bộ đội được khám không tính số chưa có vợ hoặc mới cưới chưa có con	1.142	613
Tổng số con	3.147	2.172
Tổng số con bị dị tật	82	10
Tỷ lệ %	2,6	0,46
	P = 1 x 10 ⁻⁷	

(Tôn Đức Lang và cộng sự 1983)

Tỷ lệ các dị tật bẩm sinh tăng lên nhiều ở nhóm tiếp xúc và tỷ lệ này giảm dần theo số lần sinh.

Kết luận của nhóm P2 của Hội nghị quốc tế 1983 có 22 nước tham dự như Hoa Kỳ, Pháp, Đức, Hà Lan, Nhật, Liên Xô, Tiệp Khắc, Hungary, Úc, v.v. về

hậu quả lâu dài của các chất diệt cỏ và trừ lá đã được sử dụng tại Việt Nam trong thời gian chiến tranh đã khẳng định: có 5 khuyết tật bẩm sinh thường thấy ở Việt Nam nhưng hiếm gặp hoặc không có tại các nước khác:

- Khuyết tật ống thần kinh
- Khuyết tật tay chân
- Khuyết tật các giác quan như mắt, mũi...
- Song sinh dính
- Sứt môi, chẻ vòm hầu

Tóm lại: Cả Chính phủ Hoa Kỳ, các nhà khoa học Hoa Kỳ và các công ty sản xuất hóa chất Hoa Kỳ cũng thừa nhận chất độc Da cam/dioxin có gây nhiều tác hại cho sức khỏe con người, do đó:

- Các công ty đã bồi thường cho cựu chiến binh Hoa Kỳ 250 triệu USD năm 1985.

- Cựu chiến binh Hoa Kỳ và con cái họ được điều trị miễn phí về một số bệnh tật đã được khẳng định là do chất độc Da cam/dioxin gây ra.

- Vậy, không lý do gì, hơn 4 triệu cựu chiến binh Việt Nam và người dân thường Việt Nam đã từng bị rải chất độc Da cam cùng con cái họ - đã và đang bị ung thư, dị tật bẩm sinh, còn nhiều khó khăn trong đời sống - lại không được các công ty hóa chất thể hiện trách nhiệm của mình trước những nỗi đau khổ của họ hay sao?

BÀI PHÁT BIỂU CỦA TỔNG THỐNG BILL CLINTON
TẠI BUỔI HỌP BÁO TẠI NHÀ TRẮNG
Ngày 28 tháng 5 năm 1996

Thưa Ngài phó tổng thống,

Xin cảm ơn sự chú ý và cố gắng của ngài trong sự nỗ lực này. Xin cảm ơn Bộ trưởng Brown về sự phụng sự trong nhiều phương diện cho đất nước chúng ta, và đặc biệt công việc của ngài Bộ trưởng Hershel Gober và những vị khác có mặt hôm nay tại đây. Ngài Thượng nghị sĩ Robb, Hạ nghị sĩ Evans và các vị nghị sĩ quốc hội vắng mặt ngày hôm nay, bao gồm cả ngài Nghị sĩ Daschele, người rất tận tụy về vấn đề chất Da cam, các cựu chiến binh Mỹ phục vụ chiến tranh Việt Nam có mặt ở đây hôm nay và các vị quan tâm đến vấn đề này.

Hôm nay là một ngày rất quan trọng với nước Mỹ để tiến thêm một bước làm giảm nhẹ những đau thương mà đất nước chúng ta đã vô tình gây nên cho những người con của mình khi buộc họ phải tiếp xúc với chất Da cam ở Việt Nam. Hơn hai thập kỷ qua, các cựu chiến binh đã than phiền rằng việc tiếp xúc với chất Da cam trước khi họ rời chiến trường đang giết dần giết mòn và thậm chí tổn thương đến cả con cái của họ.

Trong nhiều năm, chính quyền đã không lắng nghe những lời than phiền này. Với những bước tiến từ năm 1993, và bước tiến quan trọng chúng ta đạt được hôm nay, chúng ta đã chứng minh rằng nước Mỹ có thể lắng nghe và hành động.

Tôi xin tuyên bố từ nay các cựu chiến binh tiếp xúc với chất Da cam bị các loại bệnh: Ung thư tiền liệt tuyến, rối loạn thần kinh, bệnh thần kinh ngoại vi sẽ được hưởng trợ cấp thương tật. Chính phủ cũng sẽ đề nghị với Quốc hội trợ cấp cho con các cựu chiến binh bị dị tật bẩm sinh gai đôi. Đây là lần đầu tiên con cái các cựu chiến binh cũng được hưởng trợ cấp do bệnh tật của người cha đã phục vụ chiến trường.

Từ ngày đầu, chúng ta đã cố gắng rất nhiều để tìm câu trả lời về hậu quả của chất Da cam, các hóa chất diệt cỏ khác dùng để hủy diệt cây cối trong chiến tranh Việt Nam gây ra. Một lần trước đây chúng ta cũng đã có câu trả lời trong vấn đề này, chúng ta đã tìm biện pháp thực tế nhất để làm giảm những đau thương mất mát của những người đã hy sinh rất nhiều cho đất nước.

Ngay sau khi tôi nhậm chức, Viện Hàn lâm khoa học đã công bố một công trình nghiên cứu về tác hại lâu dài của chất Da cam đối với sức khỏe con người. Bộ Cựu chiến binh, dưới sự lãnh đạo của Bộ trưởng Brown đã nhanh chóng bồi thường và điều trị cho các cựu chiến binh bị các loại bệnh do chất Da cam gây ra được Viện Hàn lâm khoa học thừa nhận. Sau đó, chúng ta bổ sung thêm hai loại bệnh: bệnh Hodgkin và bệnh gan vào danh sách các loại bệnh được thừa nhận do tiếp xúc chất Da cam. Tiếp theo, Bộ trưởng Brown đã nghiên cứu kỹ lưỡng hơn các chi tiết trong báo cáo của Viện Hàn lâm khoa học. Theo đề nghị của ông, tôi đồng ý trợ cấp cho các cựu chiến binh bị ung thư đường hô hấp và đa u tủy. Cuối cùng, chúng tôi đã yêu cầu Viện Hàn lâm khoa học chú ý tới sự liên quan giữa chất Da cam và các loại bệnh khác, bao gồm ung thư tiền liệt tuyến, bệnh thần kinh ngoại vi và dị tật gai đôi ở các con của các cựu chiến binh Việt Nam.

Buổi họp báo hôm nay công bố những kết quả nghiên cứu gần đây nhất của Viện Hàn lâm khoa học.

Tôi xin hoan nghênh Viện Hàn lâm khoa học và Viện Y học trong cố gắng to lớn của họ phục vụ cho các cựu chiến binh. Họ đã tập hợp được những nhà khoa học và các bác sĩ giỏi nhất của Mỹ trong việc tìm câu trả lời cho câu hỏi khó khăn về tác hại của chất Da cam. Quan trọng hơn nữa là họ đã tạo điều kiện cho các cựu chiến binh tham gia ý kiến vào các công trình nghiên cứu. Tôi cũng hoan nghênh quyết tâm của Bộ trưởng Brown, người đã nhiều lần biến các kết quả nghiên cứu thành hành động cụ thể, đây là cống hiến lớn lao của ông trong lĩnh vực chất Da cam.

Cuối cùng, tôi cũng rất cảm ơn người bạn cũ lâu năm của tôi - đô đốc hải quân Zumwalt - người đã đấu tranh xuất sắc nhất cho các cựu chiến binh Mỹ ở Việt Nam. Các vị đã nghe ông nêu ra những vấn đề mà đã được phản ánh tới tổng thống. Sau hơn 10 năm cố gắng, đô đốc đã làm cho người mà trước đây ông không ngờ sẽ làm tổng thống, hiểu biết về chất Da cam. Không ai có thể làm tốt hơn ông trong việc làm sáng tỏ tác hại của chất Da cam. Không ai biết rõ hơn, và nhận trách nhiệm cá nhân tốt hơn ông về những hành động của chúng ta. Đô đốc là người có trái tim và tâm hồn yêu nước mà chúng ta phải biết ơn.

Tôi xin cảm ơn các vị nghị sĩ quốc hội, hai trong số các vị có mặt ở đây đã phục vụ ở Việt Nam đang còn khỏe mạnh, nhưng đã không quên những bạn đồng ngũ của mình và không để cho vấn đề này trôi qua.

Sự việc này chứng tỏ đất nước ta có thể đối mặt với hậu quả của những hành động mà chúng ta đã làm và đang dám chịu trách nhiệm về những tổn hại đó, thậm chí do vô tình gây ra. Chúng ta sẽ tiếp tục tôn vinh những người đã phục vụ và hy sinh cho đất nước.

Không gì có thể đền đáp được cho những cống hiến và mất mát mà các cựu chiến binh đã phải chịu đựng, đặc biệt là các cựu chiến binh bị tổn thương do chất Da cam. Nhưng chúng ta không bao giờ được ngừng cố gắng. Các cựu chiến binh đã nỗ lực trong việc phục vụ đất nước và nay là lúc chúng ta phải làm những điều chúng ta cần làm, chúng ta sẽ tiến bước nữa vì họ.

Một lần nữa, tôi xin cảm ơn các vị đã đóng góp vào quyết định này, các vị đã phục vụ đất nước và đền đáp các cựu chiến binh về những hy sinh của họ. Xin cảm ơn sự có mặt của các vị hôm nay. Xin cảm ơn!

Bản sao lưu trữ

**THƯ NGỎ CỦA ÔNG LEN ALDIS, TỔNG THƯ KÝ HỘI HỮU NGHỊ ANH - VIỆT
GỬI TỔNG THỐNG MỸ BILL CLINTON**

Ngày 3 tháng 6 năm 2000

Thưa Ngài tổng thống!

Vài tháng nữa Ngài sẽ kết thúc nhiệm kỳ tổng thống Mỹ. Trong 8 năm làm tổng thống, Ngài đã thực hiện nhiều chính sách, tích cực có, tiêu cực có. Trước khi rời Nhà Trắng, tôi mong Ngài sẽ có một quyết định tích cực đánh dấu vị trí của Ngài trong lịch sử. Ngài hãy thừa nhận hậu quả khủng khiếp mà đất nước Ngài đã gây ra cho nhân dân và đất nước Việt Nam qua việc sử dụng các hóa chất độc do các công ty Mỹ sản xuất trong cuộc chiến tranh Việt Nam - "Chất Da cam".

Ngài đã đi bước đầu tiên trên con đường này vào ngày 28 tháng 5 năm 1996, khi từ Nhà Trắng, Ngài đã trở thành tổng thống Mỹ đầu tiên chính thức thừa nhận những tác hại này... Tôi xin trích dẫn: "... Chúng ta tiến thêm một bước làm giảm nhẹ những đau thương mà đất nước chúng ta đã vô tình gây nên cho những người con của mình khi buộc họ phải tiếp xúc với chất Da cam ở Việt Nam...". Thật đáng tiếc Ngài đã không nói gì đến người dân Việt Nam và đất nước của họ.

Ngày 30 tháng 4 năm nay tôi đã dự lễ kỷ niệm 25 năm ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước cùng với hàng triệu người Việt Nam và những người bạn của họ đến từ khắp mọi nơi. Đó là một ngày lễ lớn đã làm xúc động hàng nghìn người ở các nước trên thế giới, có cả người Mỹ, những người đến Việt Nam dự lễ kỷ niệm này.

Cũng giống như chuyến đến thăm Việt Nam trước đây vào năm 1998, tôi đã tới thăm rất nhiều tỉnh, gặp rất nhiều người đủ mọi lứa tuổi, đã và đang bị nhiều tổn thương hoặc mất đi một phần thân thể do hậu quả bom, mìn hiện vẫn còn vùi sâu trong đất. Riêng tỉnh Quảng Trị, hàng năm đã có 700 người bị chết và bị thương do những vũ khí đã sử dụng 25 năm trước đây và do ảnh hưởng của chất độc Da cam.

Số nạn nhân chất độc Da cam đến nay đã lên tới 1 triệu người, 1/80 dân số Việt Nam. Thưa Ngài tổng thống, đó là một di sản khủng khiếp mà chưa một cuộc chiến nào đã để lại cho bất kỳ một nước nào trên thế giới.

Trong bức ảnh kèm theo, Ngài có thể thấy những đứa trẻ mà tôi gọi là vô tội, chúng ra đời sau khi chiến tranh kết thúc vào năm 1975. Chúng đang bị

hành hạ vì những tác hại không phải do chúng gây nên. Chúng giống như con của những người lính Mỹ tham chiến ở Việt Nam. Nhưng với con cựu chiến binh Mỹ thì ít nhất Ngài đã làm dịu nỗi đau bằng cách bồi thường cho họ.

Khi đến Quảng Trị, tôi đã thăm một gia đình cựu chiến binh ở huyện Cam Lộ có hai đứa con gái, một cháu bé 8 tuổi bị trói hai tay suốt ngày để ngăn cháu không tự đập vào đầu và mặt mình.

Trên đường đến tỉnh Tuyên Quang, một tỉnh phía Bắc, chúng tôi dừng lại ở làng An Khánh và gặp một cựu chiến binh, anh Lê Quang Vinh, đã từng phục vụ quân đội ở Lào từ năm 1971 đến năm 1975. Anh có 6 người con thì 4 cháu bị dị tật. Cháu lớn nhất là một thanh niên 25 tuổi, đã và sẽ suốt đời bị dính chặt vào chiếc xe lăn, đứa em trai 10 tuổi háo hức biểu diễn cho tôi thấy sau hai năm điều trị tại Trung tâm Hương Sen cháu có thể đi được những bước chân chậm rãi trong căn buồng nhỏ bé của mình. Đứa con gái út 8 tuổi ở cạnh cửa sổ, cháu bị dị tật gai đôi điển hình, một căn bệnh cũng đã được Viện Hàn lâm Khoa học Quốc gia Hoa Kỳ công nhận là do chất Da cam gây ra.

Khi ra về, đứa em trai đã được người chị vừa đi học về bế lên xe chúng tôi để cùng đi đến Trung tâm Hương Sen. Tại Trung tâm lúc đó có 28 cháu đang ăn trưa, nhiều cháu ngồi trên xe lăn được người khác bón cho ăn, họ là những người tình nguyện đến Trung tâm để giúp đỡ các cháu trong bữa ăn cũng như trong sinh hoạt hàng ngày. Một số cháu ở nội trú trong Trung tâm, số khác đến đây hàng ngày để được luyện tập, điều trị giống như con anh Vinh.

Thưa Ngài tổng thống, một số nạn nhân - xin nhớ rằng tất cả có một triệu đang chờ đợi được điều trị. Với tuyệt đại đa số nạn nhân, điều tốt nhất có thể làm là giúp cho cuộc sống của họ bớt đau khổ trong thời gian còn lại của cuộc đời, có khi chỉ còn vài tháng. Mối lo ngại của họ là *"điều gì sẽ xảy ra với con cái chúng tôi khi chúng tôi không còn trên đời này"*.

Thưa Tổng thống, vẫn còn thời gian để Ngài làm một điều gì đó trước khi hết nhiệm kỳ. Đã đến lúc Ngài cần thừa nhận với nhân dân Việt Nam giống như ngày 28 tháng 5 năm 1996, Ngài đã thực hiện với nạn nhân chất Da cam của Mỹ.

Mặc dù lời bình luận và tuyên bố của bà Madeleine Albright, Ngoại trưởng của chính phủ Ngài, và của ông Đại sứ Mỹ Pete Peterson, muốn phủ nhận tác hại của chất Da cam và đòi hỏi cần nghiên cứu nhiều hơn nữa. Sự thật đã rõ trong công bố của Viện Hàn lâm Khoa học Quốc gia Hoa Kỳ. Nhiều tổ chức quốc tế khác cũng đã tiến hành các công trình nghiên cứu trong đó có những công trình nghiên cứu tại Việt Nam.

Nếu Ngài cần thêm bằng chứng, tiến hành thêm những công trình nghiên cứu, thì điều gì sẽ xảy ra trong thời gian đó đối với những nạn nhân hiện nay ở Việt Nam? Hàng ngàn người đã chết trước và sau lời công bố của Ngài năm 1996. Bao nhiêu người sẽ còn phải chết thêm nữa và bao nhiêu người sẽ tiếp tục sống với những bất hạnh của mình trước khi Chính phủ Mỹ thừa nhận trách nhiệm và chịu bồi thường cho những nạn nhân Việt Nam như Ngài đang làm với nạn nhân Mỹ.

Xin Ngài hãy đi nốt bước đường này, hãy tới Nhà Trắng với cương vị một tổng thống dám chấp nhận và giải quyết những di sản của một cuộc chiến tranh khùng khiếp mà Mỹ đã gây cho nhân dân một nước khác.

Khi Ngài nói với nhân dân Việt Nam về vấn đề này cũng như về 27 vạn người mất tích trong cuộc chiến, họ sẽ trả lời Ngài: Họ không còn căm thù hay giận dữ nữa, họ muốn hướng tới tương lai, nhưng họ không quên và cũng không thể quên được quá khứ...

Cảm giác này có thể thấy rõ cùng với lễ hội tưởng niệm ngày 30 tháng 4, người ta còn viếng thăm phần mộ những người thân đã hy sinh cho ngày độc lập. Rất mong nhận được thư trả lời của Ngài.

THÔNGIỆP CỦA GIÁO SƯ, TIẾN SĨ NGUYỄN TRỌNG NHÂN*
GỬI TỔNG THỐNG BILL CLINTON
Ngày 18 tháng 11 năm 2000

Kính thưa Ngài tổng thống,

Tôi viết thư này vì trong buổi gặp Ngài không thể nói hết được mọi điều cần thiết. Được Ngài tiếp tuy thời gian hạn hẹp là một may mắn và vinh dự đối với tôi.

Phải thừa nhận các nhà báo Mỹ ngày 8 tháng 6 năm 1993, đã giải tiên đoán rằng tôi có cơ hội được gặp Ngài.

Xin tự giới thiệu với Ngài, là ngoài chức năng Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ Việt Nam tôi đã có nhiều sự hợp tác với một số tổ chức phi chính phủ của Mỹ như Helen Keller toàn cầu, Ủy ban Hợp tác khoa học giữa Việt Nam và Mỹ, tổ chức các nhà tình nguyện viên phẫu thuật mắt quốc tế, dự án Orbis, v.v. Tôi cũng đã có dịp sang thăm đất nước Ngài tháng 3 năm 1994 ngay sau khi Ngài ra lệnh bãi bỏ lệnh cấm vận đối với Việt Nam. Lúc đó báo chí Mỹ đưa tin tôi là Bộ trưởng Việt Nam đầu tiên tới Mỹ. Trong dịp đó, khi tới Houston, cựu Tổng thống Bush có mời tôi gặp ông ấy.

Với tư cách là Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, tôi đã cố gắng thiết lập quan hệ giữa hai Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và Mỹ. Tôi tin rằng hợp tác nhân đạo là một biện pháp tốt nhất cho sự hòa giải và xây dựng một tình hữu nghị đẹp đẽ giữa các dân tộc.

Trong những năm gần đây và năm nay, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam đã nhận được sự ủng hộ ngày càng tăng từ đất nước Ngài: Hội Chữ thập đỏ Mỹ, Chính phủ Mỹ, sứ quán Mỹ, một số quý từ thiện như Ford, Freeman và cả từ quân đội Mỹ. Với sự ủng hộ đó, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam có thêm khả năng giúp những người nghèo khó và những nạn nhân thiên tai.

Hôm nay tôi đề nghị Ngài quan tâm giải quyết một vấn đề nhân đạo rất lớn ở Việt Nam, đó là giúp đỡ các nạn nhân chất độc Da cam ở Việt Nam. Kèm theo thư này là một số tài liệu làm bằng chứng (ảnh, băng video, sách). Chúng tôi có sự hợp tác chặt chẽ với giáo sư A. Schecter ở Đại học Texas trong lĩnh vực này.

Tôi tin rằng Ngài rất hiểu vấn đề này vì Ngài đã quyết định giải quyết vấn đề các nạn nhân chất độc Da cam trong số các cựu chiến binh Mỹ tại

* Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bảo trợ nạn nhân chất độc Da cam.

Việt Nam trở về. Tôi đã được đọc bài phát biểu của Ngài tại Nhà Trắng ngày 28 tháng 5 năm 1996.

Nạn nhân chất độc Da cam ở Việt Nam rất đông, khoảng trên dưới 1 triệu người, tình trạng sống của họ rất thảm thương. Điều đáng lo ngại là chất Da cam đã tác hại tới đời con, đời cháu của họ. Mọi người, trong đó có nhiều người Mỹ tới thăm họ đều đã rất xúc động.

Hội Chữ thập đỏ Việt Nam đã lập Quỹ bảo trợ nạn nhân chất độc Da cam, có chi nhánh ở hầu hết các tỉnh, thành phố trong cả nước. Hiệp hội Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế thông cảm với Việt Nam đã ra lời kêu gọi giúp đỡ nạn nhân chất độc Da cam gửi tới các Hội Chữ thập đỏ quốc gia. Đáng mừng là Hội Chữ thập đỏ Mỹ, Quỹ Ford đã hưởng ứng, nhiều tổ chức nước ngoài cũng ủng hộ chúng tôi. Nhưng khả năng hiện nay so với nhu cầu còn rất xa.

Tôi nghĩ rằng đây là một vấn đề nhân đạo, không phải chỉ của riêng Việt Nam mà còn là vấn đề lương tâm và trách nhiệm của mọi người.

Tôi trân trọng đề nghị Ngài, đặc biệt với tư cách một người đã từng không đồng tình việc tiến hành chiến tranh ở Việt Nam và đã thực hiện một số chính sách hữu nghị với Việt Nam, hãy có những giải pháp nhân đạo giúp Hội Chữ thập đỏ Việt Nam về vật chất cũng như về tinh thần để giúp đỡ các nạn nhân chất độc Da cam.

Ngoài ra, Chính phủ Mỹ nên giúp Việt Nam tẩy độc những vùng còn tồn đọng chất Da cam đang tiếp tục tác hại tới cuộc sống nhân dân vô tội.

Tôi nghĩ rằng, cần có sự hợp tác nghiên cứu của các nhà khoa học nhiều nước trong lĩnh vực này nhằm phòng ngừa tác hại di truyền qua thế hệ sau, phát hiện và chữa các tổn thương do chất Da cam gây ra. Không thể đồng tình với quan điểm nghiên cứu khoa học trước, rồi mới giúp đỡ nạn nhân sau.

Hàng ngày có nạn nhân Da cam đã chết trong đau khổ và đầy lòng oán trách. Hàng ngày có thêm các trẻ em vô tội trở thành nạn nhân chất độc Da cam. Do đó cần phải tiến hành cùng lúc ba việc: Giúp đỡ nạn nhân chất Da cam, tẩy độc môi trường và nghiên cứu khoa học.

Thưa Ngài tổng thống! Tôi viết bức thư này trong khi chờ buổi tiếp kiến Ngài. Nếu hôm nay vì quá bận Ngài không dành được thời gian gặp tôi, xin Ngài hiểu rằng, đây là tấm lòng của Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ Việt Nam gửi tới Ngài - người đỡ đầu Hội Chữ thập đỏ Mỹ. Tôi viết những dòng này với một niềm tin và hy vọng vào sức mạnh của nhân đạo.

Chúc Ngài và gia đình có một chuyến thăm Việt Nam thành công và lịch sử.

**THƯ TRẢ LỜI CỦA TỔNG THỐNG BILL CLINTON
GỬI GIÁO SƯ, TIẾN SĨ NGUYỄN TRỌNG NHÂN
Ngày 12 tháng 2 năm 2001**

Thưa giáo sư Nguyễn Trọng Nhân,

Tôi rất vinh dự được sang thăm Việt Nam và chuyến thăm đã để lại cho tôi ấn tượng rất sâu sắc.

Cám ơn bức thư đầy xúc động của Ngài, bày tỏ tâm huyết đối với các nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam. Tôi xin chia sẻ với Ngài mối quan tâm lo lắng về những khó khăn bệnh tật và tâm lý mà các nạn nhân đang phải đối mặt. Tôi đồng ý rằng, cần thiết phải làm cùng lúc nghiên cứu khoa học và nỗ lực trợ giúp nhân đạo của cả hai nước chúng ta. Tôi ca ngợi sự nghiệp khó khăn và sự cống hiến của Ngài trên cương vị là Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ Việt Nam.

Xin cảm ơn Ngài về cuốn phim tư liệu, quyển sách "Chất Da cam trong chiến tranh Việt Nam", và cuốn Album ảnh đặc biệt về các nạn nhân chất độc Da cam. Ngài đã trao tặng món quà đặc biệt đó cho tôi, và tôi đánh giá cao nghĩa cử của Ngài.

Trân trọng,
BILL CLINTON

TUYÊN NGÔN STOCKHOLM "NHỮNG HẬU QUẢ CỦA CHIẾN TRANH Ở CAM-PU-CHIA, LÀO VÀ VIỆT NAM"

Thông qua ngày 28 tháng 7 năm 2002 tại Stockholm - Thụy Điển.

Từ ngày 26 đến 28 tháng 7 năm 2002, Hội nghị về môi trường Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia đã được tổ chức tại Stockholm, Thụy Điển với sự tham dự của gần 60 đại biểu từ 14 quốc gia. Hội nghị đã ra Tuyên ngôn Stockholm như sau:

"Quá khứ không hề biến mất hoặc nằm xuống và im tiếng mà nó quay lại và ám ảnh chúng ta một cách dai dẳng và đáng hổ thẹn trừ khi nó được giải quyết một cách thích đáng trên thực tế".

Desmond Tutu,

Giải Nobel về Hòa bình năm 1984

Chiến tranh chưa chấm dứt khi bom ngừng rơi và các bên ngừng chiến. Sự tàn phá tiếp tục ở lại lâu sau đó, trong mảnh đất cũng như tâm trí và cơ thể của người dân. Nhiều năm đã trôi qua từ khi cuộc chiến hành hạ Cam-pu-chia, Lào và Việt Nam trong hàng thập kỷ khép lại, nhưng khắp khu vực này, những nạn nhân vô tội vẫn tiếp tục chịu đựng.

Người dân tiếp tục bị tàn phế hoặc thiệt mạng vì hàng triệu những vật nổ do chiến tranh để lại. Nạn nhân thường là trẻ em đâm phải một quả mìn hoặc một quả bom chưa nổ khi đang chơi với bạn bè hoặc trên đường đến trường; hoặc đó có thể là một nông dân chạm lưỡi cày phải một quả bom nằm sâu trong lòng đất. Những thảm kịch này đối với con người làm ảnh hưởng tới toàn thể các gia đình và cộng đồng. Trong thời bình, đã có ít nhất 50.000 người ở Cam-pu-chia, Lào và Việt Nam thiệt mạng cộng thêm vô số người bị thương. Con số này tăng lên từ tháng này qua tháng khác.

Những đợt ném bom lan tràn và khốc liệt của Hoa Kỳ xuống các vùng nông thôn, dùng xe ủi cào bằng, việc rải các chất rụng lá và những hành động hủy diệt khác trong chiến tranh đã biến hàng loạt các cánh đồng và cánh rừng quý giá thành những bãi rác thải. Các hệ sinh thái bị hủy diệt, để lại những bãi đất hoang bị xâm lăng bởi cỏ dại vô dụng. Những vùng đất rộng lớn không thể canh tác do nguy cơ dai dẳng của mìn và vũ khí chưa nổ.

Những tàn dư khác của chiến tranh vẫn tiếp tục công việc phá hoại của chúng, thậm chí còn hơn, nhưng không kém phần hủy diệt. Hơn 72 triệu lít các

chất hóa học gây rụng lá đã được rải trên các cánh rừng và cánh đồng của Việt Nam và một lượng không biết rõ là bao nhiêu đã rải trên đồng quê Cam-pu-chia và Lào. Các sản phẩm phụ độc hại của quá trình sản xuất vẫn còn lại tại các "điểm nóng" nguy hiểm - Những điểm bị nhiễm độc cao do sự cố, rơi rớt, và các căn cứ quân sự gây ra các nguy cơ nghiêm trọng đối với sức khỏe dân cư trong khu vực xung quanh.

Chất độc nhất và dai dẳng nhất trong số các sản phẩm phụ này là dioxin, chất vẫn được coi là liên quan đến một danh sách ngày càng dài các chứng bệnh, bao gồm nhiều dạng ung thư, gai đôi cột sống bẩm sinh, tiểu đường típ II và rối loạn hệ thần kinh, hệ miễn dịch và hệ nội tiết. Các nghiên cứu được thế giới công nhận cũng nêu lên khả năng liên quan với nhiều dị tật bẩm sinh khác và các rối loạn sinh sản.

Nhiều trẻ em của Cam-pu-chia, Lào và Việt Nam, bị ảnh hưởng bởi những hậu quả của cuộc chiến, cần tới sự nuôi dưỡng suốt đời của gia đình vốn đã chịu gánh nặng của nghèo đói và trong nhiều trường hợp đã mang những vết thương và bệnh tật khác do chiến tranh. Cần có thêm các nghiên cứu khoa học về ảnh hưởng của dioxin đối với sức khỏe, đặc biệt là nghiên cứu có thể mang lại những lợi ích nhân đạo trực tiếp, như xác định vị trí những điểm nóng được công nhận là nguy hiểm theo các tiêu chuẩn quốc tế. Sự hỗ trợ nhân đạo đối với các nạn nhân được xác nhận theo những tiêu chí do các nhà chức trách quốc gia quy định, phải được thực hiện ngay lập tức và liên tục; không thể chờ đợi những kết luận khoa học cuối cùng.

Nhân dân Cam-pu-chia, Lào và Việt Nam đã làm nhiều để hỗ trợ các nạn nhân cũng như khôi phục lại đất đai, xây dựng lại làng mạc, thành phố và cơ sở hạ tầng. Trong lĩnh vực này, họ đã được nhiều cá nhân, tổ chức trên toàn thế giới giúp đỡ. Sự hỗ trợ này không được giảm bớt vì những vấn đề mới đang thách thức lương tri của thế giới. Hơn nữa, những nguồn lực địa phương và quốc tế cho tới nay còn rất nhỏ so với nhu cầu.

Để xác định phạm vi và ảnh hưởng của việc sử dụng các chất hóa học trong cuộc chiến tranh này, cần có một sự giải thích đầy đủ dựa trên các thông tin sẵn có của Chính phủ Hoa Kỳ từ các cuộc điều tra trong nước và từ hồ sơ về các hoạt động quân sự đã công bố hoặc còn đang giữ kín.

Hội nghị Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ Quốc tế lần thứ 27 có trách nhiệm duy trì và cập nhật các thông tin về thực hiện Thỏa ước Gionevơ về Luật chiến tranh năm 1999 đã kết luận rằng, các bên tham chiến "nên nỗ lực, bất cứ khi nào thích hợp, để tham gia vào các cuộc thảo luận sau xung đột với mục đích giúp đỡ các nạn nhân chiến tranh". Đã qua lâu rồi thời gian để áp dụng nguyên tắc này đối với những hậu quả to lớn của cuộc chiến tranh ở Cam-pu-chia, Lào và Việt Nam.

Nhân dân và chính phủ của các nước này đã thể hiện tinh thần cao thượng đối với kẻ thù trước đây và không khắc sâu sự thù hận. Nhưng họ cần sự trợ giúp. Cộng đồng thế giới, đặc biệt là Chính phủ Hoa Kỳ, các quốc gia và các công ty đã trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia vào việc sản xuất và sử dụng những vũ khí này, cần phải đáp lại lời kêu gọi đó với tinh thần của một công lý được thức tỉnh bằng cách hôm nay giải quyết những hậu quả lâu dài của quá khứ.

Nhân danh lòng nhân ái và những chuẩn mực bình thường nhất, chúng tôi kêu gọi Liên Hiệp quốc và tất cả mọi người có lương tâm và thiện chí giúp đỡ với tư cách cá nhân hoặc thông qua hành động của chính phủ mình, hỗ trợ với một nỗ lực quy mô rộng lớn để giải quyết những hậu quả hiện tại và còn tiếp diễn của chiến tranh đối với cuộc sống, sinh kế và môi trường của nhân dân Cam-pu-chia, Lào và Việt Nam.

Kiến nghị hành động.

Hệ sinh thái.

+ Nghiên cứu: Thực hiện các cuộc điều tra toàn diện các khu vực bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi chiến tranh, nhằm thúc đẩy việc xây dựng tài liệu về kế hoạch sử dụng đất và trồng lại rừng ở hệ sinh thái ngập nước và đất liền.

+ Phục hồi: Cải thiện các phương tiện sinh sống cho người dân ở những vùng đó để thúc đẩy sự phát triển của những hệ sinh thái bền vững.

+ Nâng cao năng lực: Cung cấp các khóa tập huấn đa ngành cho các chuyên gia kỹ thuật về phục hồi và bảo vệ môi trường sống của hệ sinh thái đất liền và ven biển.

Y tế.

+ Hỗ trợ: Cung cấp sự giúp đỡ cụ thể cho các nạn nhân bao gồm chăm sóc y tế, phẫu thuật, phục hồi chức năng, chỉnh hình, xe lăn và các phương tiện trợ giúp khác, cũng như sự hỗ trợ về mặt xã hội cho gia đình họ.

+ Giáo dục: Tuyên truyền các thông tin liên quan đến nguy cơ và biện pháp giảm thiểu.

+ Xác định và tẩy độc những điểm nóng, tháo gỡ các điểm có mìn/vũ khí chưa nổ. Hỗ trợ người dân vượt qua các khó khăn về tâm lý và kinh tế trong việc tái định cư.

+ Nghiên cứu: Điều tra ảnh hưởng của dioxin lên sức khỏe người dân trong phạm vi Cam-pu-chia, Lào và Việt Nam, bao gồm đặc điểm của bệnh, cách phòng ngừa và phương pháp điều trị.

Phát triển kinh tế và xã hội.

+ Tái thiết: Xây dựng một chương trình tái thiết môi trường và xã hội sau chiến tranh quy mô lớn, là một bộ phận của các chiến lược phát triển quốc gia hiện hành.

+ Lồng ghép rộng hơn hậu quả chiến tranh đối với môi trường vào việc lập kế hoạch quốc tế cho phát triển kinh tế và xã hội.

Đạo đức, luật pháp và chính sách.

Các chuẩn mực quốc tế: Áp dụng các tiêu chuẩn môi trường đã có trong luật pháp quốc gia và hiệp ước quốc tế yêu cầu các hành động cấp thiết, trong đó có thỏa thuận về các chất gây ô nhiễm bền vững. Nhiều phương diện của các vấn đề chất độc Da cam và mìn, vũ khí chưa nổ có thể được khoanh vùng hoặc xử lý ngay với những cam kết và nguồn lực thích hợp.

Bản sao lưu trữ

**THƯ CỦA PHÓ CHỦ TỊCH NƯỚC NGUYỄN THỊ BÌNH
CHÀO MỪNG HỘI NGHỊ STOCKHOLM**

Ngày 1 tháng 7 năm 2002

Được tin Hội nghị bàn về giải pháp khắc phục hậu quả của các chất độc hóa học đã sử dụng trong thời kỳ chiến tranh tại Việt Nam sẽ được tổ chức từ ngày 26 đến ngày 28 tháng 7 năm 2002 tại Stockholm - Thụy Điển, với tư cách Phó Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Chủ tịch danh dự Quỹ bảo trợ nạn nhân chất độc Da cam thuộc Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng Quỹ bảo trợ trẻ em Việt Nam, tôi nhiệt liệt hoan nghênh Hội nghị vì sẽ bàn về một vấn đề có tính thời sự, nhân đạo, vì quyền lợi chính đáng của nhân dân Việt Nam. Tôi thiết tha mong Hội nghị sẽ làm cho nhân dân Mỹ nhận thức được hậu quả nặng nề do chiến tranh của Mỹ gây ra ở Việt Nam, làm cho Chính phủ Mỹ thấy rõ trách nhiệm của mình trong việc gây ra và nay phải có nghĩa vụ tham gia giải quyết hậu quả của cuộc chiến tranh đó. Chiến tranh đã kết thúc hơn một phần tư thế kỷ nhưng tác hại của nó đối với con người, môi trường vẫn còn dai dẳng cho đến ngày nay và chưa biết đến bao giờ mới kết thúc, đặc biệt là các nạn nhân của chất dioxin gây nhiều bệnh tật truyền qua nhiều thế hệ. Nhiều người đã chết trong đau khổ. Nhiều trẻ em vô tội sinh sau chiến tranh cũng bị tác hại gián tiếp của dioxin, phải mang trên thân thể nhiều dị tật, mắc những chứng bệnh khó lòng chữa chạy. Nhà nước Việt Nam, các tổ chức nhân đạo, xã hội Việt Nam đã và đang có nhiều hoạt động tích cực để khắc phục những hậu quả nặng nề của cuộc chiến tranh. Bên cạnh đó, nhiều cá nhân, nhiều tổ chức phi chính phủ, nhiều Hội Chữ thập đỏ quốc gia, một số chính phủ đã ủng hộ Việt Nam trong lĩnh vực này. Tuy nhiên, những nguồn lực đó vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu rất lớn cần giúp đỡ của các nạn nhân. Chúng tôi cần nhiều hơn nữa sự ủng hộ của bạn bè quốc tế, đặc biệt là từ phía nước Mỹ.

Tôi rất mừng là Hội nghị được tổ chức trên đất nước Thụy Điển, một đất nước yêu chuộng hòa bình và công lý luôn có thiện cảm với nhân dân Việt Nam và ủng hộ Việt Nam trong chiến tranh cũng như trong hòa bình. Hy vọng rằng Hội nghị được sự ủng hộ của chính phủ, nhân dân Thụy Điển và nhiều chính phủ, nhân dân các nước trên thế giới vì lợi ích chính đáng của

nhân dân Việt Nam, vì thông cảm với hoàn cảnh bi đát của các nạn nhân chất độc Da cam sử dụng trong chiến tranh tại Việt Nam. Rất tiếc vì lý do công việc nên tôi không tham dự được Hội nghị để tham gia ý kiến và trực tiếp cảm ơn các vị đại biểu tham dự và nhân dân Thụy Điển. Tôi tha thiết mong muốn chiến tranh, đặc biệt là chiến tranh hóa học không xảy ra bất cứ nơi đâu trên thế giới để mọi người được hạnh phúc, hợp tác và thương yêu giúp đỡ lẫn nhau.

Bản sao lưu trữ

**QUỐC HỘI ANH ỦNG HỘ TUYÊN NGÔN STOCKHOLM
(Bản khuyến nghị 228)**

Quốc hội Anh bày tỏ mối quan tâm đến tác hại lâu dài của cuộc chiến tranh hóa học ở Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia và tán thành bản Tuyên ngôn Stockholm và các khuyến nghị hành động do Hội nghị môi trường Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia đưa ra ngày 28 tháng 7 năm 2002. Hạ viện kêu gọi các chính phủ, các công ty đã trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến việc sản xuất hoặc sử dụng vũ khí hóa học cần phải chịu trách nhiệm giải quyết những hậu quả lâu dài của việc sử dụng đó, đặc biệt là quân đội Hoa Kỳ đã sử dụng chất diệt cỏ, trong đó có chất độc Da cam, chứa dioxin. Hạ viện cũng thúc giục Hoàng gia Anh đề nghị Tổng thư ký Liên Hiệp quốc cho truyền bá rộng rãi bản Tuyên ngôn Stockholm như một tài liệu chính thức của Liên Hiệp quốc và kêu gọi Hoàng gia nỗ lực ủng hộ những nước này giảm bớt hậu quả lâu dài của cuộc chiến tranh hóa học đối với môi trường và sức khỏe của nhân dân họ.

QUỐC HỘI CANADA ỦNG HỘ TUYÊN NGÔN STOCKHOLM

Quốc hội Canada đã công bố tin số M-402 ngày 26 tháng 3 năm 2003 bày tỏ quan tâm đến tác hại lâu dài của cuộc chiến tranh hóa học ở Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia, tán thành bản Tuyên ngôn Stockholm và các khuyến nghị hành động do Hội nghị môi trường Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia đưa ra ngày 28 tháng 7 năm 2002. Hạ viện kêu gọi các chính phủ, các công ty đã trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến việc sản xuất hoặc sử dụng vũ khí hóa học phải chịu trách nhiệm giải quyết về những hậu quả lâu dài của việc sử dụng đó, đặc biệt là quân đội Hoa Kỳ đã sử dụng chất diệt cỏ, trong đó có chất độc Da cam, chứa dioxin. Hạ viện cũng thúc giục chính phủ đề nghị Tổng thư ký Liên Hiệp quốc cho truyền bá rộng rãi bản Tuyên ngôn Stockholm như một tài liệu chính thức của Liên Hiệp quốc và kêu gọi chính phủ nỗ lực ủng hộ những nước này giảm bớt hậu quả lâu dài của cuộc chiến tranh hóa học đối với môi trường và sức khỏe của nhân dân họ.

Mỹ cần phải có trách nhiệm giúp đỡ những nạn nhân chất độc Da cam mà Mỹ đã rải xuống lãnh thổ Việt Nam trong thời gian chiến tranh. Thay vì tiến hành "nghiên cứu thêm" về tác hại của chất độc này đối với sức khỏe con người, Mỹ cần phải chi ngay tiền để giúp đỡ cho hàng triệu người thuộc nhiều thế hệ Việt Nam đang phải gánh chịu những hậu quả nặng nề của loại chất độc này.

Từ Washington Post số ra ngày 18 tháng 4 năm 2003.

**NGHỊ SĨ BERNIE SANDER PHÁT BIỂU
VỀ TÁC HẠI CỦA CHẤT DA CAM TẠI QUỐC HỘI MỸ
Ngày 28 tháng 2 năm 2000**

Chất Da cam không chỉ gây tổn hại cho sức khỏe người Mỹ, mà còn gây tổn hại đối với môi trường và sức khỏe người dân Việt Nam. Trong khi các nghiên cứu vẫn đang được tiến hành để đánh giá tác hại của chất độc Da cam thì một ước tính trên báo Mother Jones cho hay: "Theo người Việt Nam ước tính, hàng triệu lít chất Da cam rải xuống miền Nam Việt Nam đã giết hại 400 ngàn người đồng thời gây ra 500 ngàn trẻ em dị tật bẩm sinh...". Rõ ràng, nếu chúng ta biết được tác hại của chất Da cam với sức khỏe con người thì cần phải làm nhiều việc nữa ở Việt Nam.

Trong tâm trí tôi, một trong những hướng tốt để giải quyết toàn bộ vấn đề chất Da cam là năm 1985, một vụ kiện đã được giải quyết giữa Bộ Cựu chiến binh và một số công ty sản xuất chất Da cam như Dow, Chemical, Monsanto, Uniroyal, Diamond, Shamrock,... Đây là cách giải quyết gây tranh cãi và làm rất nhiều cựu chiến binh thất vọng. Thú vị hơn, theo tôi hiểu thì hơn 200 ngàn cựu chiến binh đã được nhận bồi thường từ các công ty sản xuất hóa chất, trong khi cho đến nay, gần 10 ngàn cựu chiến binh hay gia đình của họ đã được chính phủ bồi thường.

Tiếp theo Hội nghị quốc tế về dioxin 2000, Viện quốc gia Y học môi trường Mỹ đã tổ chức một hội thảo chuyên đề về nghiên cứu chất Da cam ở Việt Nam. Nhiều nhà khoa học đã tham gia và bàn về các đề tài nghiên cứu sẽ tiến hành và những giải pháp để giải quyết những ý kiến trái ngược nhau trong lĩnh vực hợp tác nghiên cứu song phương. Các nhóm đã tranh luận và cho rằng: "Việt Nam đã đưa ra một cơ hội chưa từng có từ trước đến nay cho chương trình hợp tác nghiên cứu quan trọng về ảnh hưởng của dioxin đối với sức khỏe con người Việt Nam".

Nội dung của chương trình hợp tác nghiên cứu đã được đưa ra bàn luận và đã được Quốc hội Mỹ phê chuẩn với điều kiện phải được Chính phủ Việt Nam ủng hộ. Chương trình gồm những nghiên cứu về tác nhân gây ung thư của dioxin, về tổn thương thần kinh ở trẻ em do ảnh hưởng của chất Da cam và những phương pháp đánh giá, phân tích sự tồn lưu của dioxin trong môi trường Việt Nam.

Về việc đóng góp của Việt Nam và Mỹ trong chương trình hợp tác nghiên cứu ảnh hưởng của dioxin, các nhà khoa học Mỹ cho rằng Việt Nam thiếu

các trang thiết bị phân tích tinh vi để phân tích dioxin và Việt Nam hy vọng tìm kiếm sự hỗ trợ về tài chính để nghiên cứu khoa học cũng như giải quyết hậu quả. Ông Christopher Portier, Quyền giám đốc Khoa độc học môi trường của Viện quốc gia Y học môi trường Mỹ hy vọng, trong thời gian tới sẽ tổ chức một hội nghị chuyên đề giữa các nhà khoa học Việt Nam và Mỹ ở một nước trung lập để bàn về vấn đề hợp tác nghiên cứu, ông nói: "Chúng tôi đang cố gắng thúc đẩy Chính phủ Mỹ phê chuẩn chương trình hợp tác nghiên cứu này, bước tiếp theo sẽ là các cuộc gặp gỡ giữa các trường đại học, viện nghiên cứu của Việt Nam và Mỹ để bàn bạc các đề cương nghiên cứu trên cơ sở hiểu biết lẫn nhau".

Red Dalton - Nature số 406, tháng 8 năm 2000.

Bản sao lưu trữ

ÔNG LEN ALDIS - TỔNG THƯ KÝ HỘI HỮU NGHỊ ANH - VIỆT

"Công lý phải được thực hiện với các nạn nhân chất độc Da cam ở Việt Nam!"

Tôi đã có nhiều bài viết, nhiều buổi nói chuyện, giảng bài tại các trường đại học ở Anh về hậu quả nặng nề của chất độc Da cam đối với người dân Việt Nam để họ hiểu và từ đó có đóng góp cho việc khắc phục hậu quả này. Hiện Hội Hữu nghị Anh - Việt đang vận động gây quỹ trợ giúp cho các nạn nhân chất độc Da cam. Theo tôi, hậu quả của chất độc Da cam rất nặng nề, cho nên không chỉ riêng các cơ quan chính phủ quan tâm đến vấn đề này mà còn phải huy động sự trợ giúp của cả cộng đồng, của các tổ chức quốc tế. Tôi biết có những gia đình ở Việt Nam có tới 3, 4 người bị ảnh hưởng của chất độc Da cam. Những nạn nhân không chết ngay mà họ có thể sống hàng chục năm. Đây là gánh nặng rất lớn đối với Việt Nam, cần phải có sự trợ giúp của quốc tế. Về trách nhiệm đạo lý đối với vấn đề chất độc Da cam ở Việt Nam, theo tôi, mọi người phải hành động để công lý được thực hiện đối với các nạn nhân đáng thương này. Năm ngoái, tại Stockholm, các đại biểu tại một hội nghị quốc tế đã thảo luận về những hậu quả lâu dài của cuộc chiến tranh đối với Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia. Hội nghị đã kết thúc với sự nhất trí về Tuyên ngôn Stockholm. Chúng ta cần vận động để Tuyên ngôn Stockholm được Liên Hiệp quốc thông qua. Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia không thể giải quyết vấn đề chất độc Da cam một mình, sự hỗ trợ quốc tế là vô cùng quan trọng".

Báo Quân đội nhân dân, ngày 30 tháng 4 năm 2003.

CHÍNH PHỦ MỸ BIẾT RÕ SỰ NGUY HIỂM CỦA CHẤT ĐỘC DA CAM

Cuốn sách "Chất độc Da cam, dioxin và hệ quả" của tiến sĩ Nguyễn Văn Tuấn (Nxb Trẻ ấn hành, tháng 7 năm 2004), đã cung cấp cho bạn đọc những thông tin về dioxin và hậu quả của chất độc Da cam do Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam một cách dễ hiểu, khoa học và đầy tính thuyết phục. Tác giả đã tham khảo hơn 300 tài liệu của Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng Mỹ, Đại sứ quán Mỹ tại Sài Gòn trước đây, thư từ của các quan chức, nghiên cứu của các nhà khoa học trên thế giới... và dựa trên những kết quả nghiên cứu của chính mình để viết nên cuốn sách này. Với sự đồng ý của tác giả, chúng tôi xin giới thiệu vài trích đoạn với bạn đọc. Các đầu đề do chúng tôi đặt.

Ngày 20 tháng 11 năm 1961, Tổng thống John F. Kennedy phê chuẩn cho quân đội Mỹ tiến hành chiến dịch khai quang đồng cỏ Việt Nam. Quyết định này được Ngô Đình Diệm ủng hộ nồng nhiệt. Bất chấp sự phản đối của một số quan chức Mỹ ngay lúc đó, chiến dịch vẫn được thi hành.

Lời cảnh báo từ thập kỷ 60.

Chiến dịch dùng hóa chất của Mỹ ở Việt Nam bị dư luận thế giới lên án gay gắt. Hầu như tất cả báo chí châu Âu và ngay trong nước Mỹ, giới khoa học và trí thức thế giới cực lực phản đối hành động của Mỹ và đòi hỏi Chính phủ Mỹ phải ngưng ngay việc dùng hóa chất độc hại. Bertrand Russel, một nhà toán học danh tiếng trên thế giới, tố cáo thẳng thắn rằng quân đội Mỹ đang tiến hành một cuộc chiến tranh hóa học ở Việt Nam, qua việc sử dụng hóa chất có khả năng gây ra ung thư trên con người. Trong khi đó, Thượng nghị sĩ Mỹ Robert W. Kastenmeier (bang Winssconsin) cảm thấy tình hình bất ổn, nên viết cho Tổng thống Kennedy, chất vấn việc dùng hóa chất và đặt vấn đề chế độ Diệm có xứng đáng để Mỹ phải hy sinh nguyên tắc đạo đức hay không.

Tháng 1 năm 1966, giáo sư John Edsall (Đại học Harvard) và một nhóm gồm 29 nhà khoa học ở thành phố Boston viết một thư phản đối việc dùng hóa chất để tiêu hủy mùa vụ của nông dân. Một năm sau, cố vấn khoa học cho tổng thống nhận được một thư phản kháng từ 5.000 nhà khoa học trên thế giới, trong đó có 17 người từng đoạt giải Nobel và 129 thành viên của Viện Hàn lâm Khoa học Mỹ, yêu cầu Tổng thống Lyndon B. Johnson chấm dứt ngay hành động hủy diệt môi sinh tại Việt Nam. Năm 1967, Hiệp hội vì

Phát triển khoa học Mỹ, với sự thúc đẩy của giáo sư E. W. Pfeiffer (Đại học Montana), khuyến cáo Bộ Quốc phòng Mỹ về hậu quả lâu dài cho người dân và môi sinh Việt Nam do chiến dịch Ranch Hand gây ra.

Mùa thu năm 1969, một nhóm khoa học gia công bố một nghiên cứu quan trọng cho thấy, chất 2,4,5-T - một thành phần hóa học của chất màu Da cam, ở nồng độ cao, có khả năng gây ra dị thai hay dị dạng bẩm sinh và chết thai trong bụng mẹ. Lúc đó, các bản tin từ báo chí Sài Gòn cũng cho biết, chất màu Da cam là nguyên nhân gây ra nhiều trường hợp dị dạng bẩm sinh cho người dân. Ngày 15 tháng 4 năm 1970, sau khi nghiên cứu này được công bố, Bộ Y tế, Giáo dục và Xã hội, Bộ Nội vụ và Bộ Nông nghiệp Mỹ ra lệnh ngưng ngay việc dùng chất màu Da cam ở Mỹ.

Tháng 4 năm 1970, Bộ Quốc phòng Mỹ ra lệnh tạm thời đình chỉ chiến dịch Ranch Hand. Nhưng trên thực tế, các thuốc khai quang khác vẫn được tiếp tục rải xuống Việt Nam. Đến tháng 7 năm 1971 thì chiến dịch hoàn toàn chấm dứt. Theo báo cáo chính thức của chiến dịch Ranch Hand, quân đội Mỹ đã thành công trong việc phá hủy khoảng 14% diện tích rừng Nam Việt Nam, kể cả 50% các rừng đước.

Ý định hạt nhân.

Xét qua diễn biến chiến dịch Ranch Hand và những hậu quả của nó, người ta có thể nói cuộc chiến Việt Nam đã được giới quân sự Mỹ biến thành một bài thí nghiệm khổng lồ cho hóa chất độc hại. Điều đáng nói ở đây là có dấu hiệu cho thấy, họ biết những hóa chất này có khả năng gây ra tác hại cho sức khỏe của người dân. Trong lá thư gửi cho Thượng nghị sĩ Tom Daschle, đề ngày 9 tháng 9 năm 1998, tiến sĩ James R. Clary thuộc cơ quan nghiên cứu vũ khí hóa học, trực thuộc Trung tâm Phát triển vũ trang không quân, viết như sau: "Lúc chúng tôi (các nhà khoa học quân đội) khởi xướng chương trình khai quang vào đầu thập niên 60, chúng tôi biết tiềm năng độc hại của chất dioxin chứa trong thuốc diệt cỏ. Chúng tôi còn biết rằng công thức mà giới quân sự dùng có nồng độ cao hơn nồng độ mà giới dân sự dùng, vì chi phí rẻ và thời gian sản xuất ngắn. Tuy nhiên, vì hóa chất sẽ được dùng trên kẻ thù, không ai trong chúng tôi quan tâm thái quá. Chúng tôi không bao giờ nghĩ là quân đội chúng ta lại bị nhiễm độc chất. Và, nếu chúng tôi nghĩ đến tình huống này, chúng tôi mong muốn chính phủ chúng ta giúp đỡ các cựu chiến binh bị nhiễm độc chất". Tiết lộ trên cho thấy, giới quân sự Mỹ đã biết trước các hóa chất trong cuộc chiến Việt Nam là độc hại, nhưng, một cách kiêu ngạo, họ cho rằng vẫn có thể dùng trên "kẻ thù".

Cần phải nói thêm ở đây, là không những chỉ dùng các phương tiện hóa học ở Việt Nam, Mỹ còn có dự định dùng vũ khí hạt nhân trong thời chiến. Tài liệu của Viện Nghiên cứu Nautilus (Berkeley, bang California) vừa mới

tiết lộ vào năm 2003 cho thấy, vào năm 1966, trong lúc Mỹ đang leo thang chiến tranh ở Việt Nam, Lầu Năm Góc đã từng suy nghĩ đến việc dùng vũ khí hạt nhân tiến công Việt Nam. Ông Freeman Dyson, cựu giáo sư vật lý tại Đại học Princeton, từng nghe các giới chức Lầu Năm Góc nói đến việc dùng vũ khí hạt nhân để đối phương (tức Việt Nam) do dự. Không phải là người hiếu chiến và muốn ngăn chặn ý đồ điên rồ của giới quân sự, sau khi nghe tin này, ông Dyson và đồng nghiệp, Robert Gomer và S. Courtenay Wright (thuộc Đại học Chicago) và Steven Weinberg (Đại học Harvard), quyết định tiến hành một nghiên cứu về những hậu quả nếu Mỹ quyết định dùng vũ khí hạt nhân ở Việt Nam. Công trình nghiên cứu này ước đoán rằng, Mỹ cần phải dùng đến 3.000 vũ khí hạt nhân hàng năm để phá hủy hệ thống giao thông đường mòn Hồ Chí Minh. Ngoài ra, nếu Mỹ quyết định như thế thì phía Việt Nam, với sự giúp đỡ của Liên Xô và Trung Quốc, có thể dùng vũ khí hạt nhân để phản công và hậu quả sẽ khủng khiếp cho quân đội Mỹ hơn là cho quân đội Việt Nam. Báo cáo của các nhà vật lý được đệ trình lên Bộ Quốc phòng Mỹ, nhưng không ai biết ảnh hưởng của báo cáo đến chính sách của Mỹ ra sao. Lúc đó, Robert Mc Namara là Bộ trưởng Quốc phòng, và ông đã từng phản đối ý nghĩ dùng vũ khí hạt nhân trong cuộc chiến.

Trong y học, một khi công thức thuốc được phát triển, người ta phải làm thử nghiệm về sự an toàn của thuốc trên thú vật (như chuột) cực kỳ kỹ càng trước khi đem ra dùng cho bệnh nhân. Ngay cả thử nghiệm trên chuột, các nhà khoa học cũng phải được phép của hội đồng y đức trước khi tiến hành nghiên cứu. Trong khi đó, quyết định dùng chất màu Da cam chứa dioxin trong chiến tranh Việt Nam chỉ do một người quyết định (Tổng thống Kennedy) và nhận được sự ủng hộ của ông Ngô Đình Diệm. Người dân Việt Nam hoàn toàn không biết gì đến quyết định này. Vì thế, có thể nói rằng quyết định dùng chất Da cam ở Việt Nam là một việc làm tàn nhẫn và vô nhân đạo. Nó thể hiện một thái độ ngạo mạn của người Mỹ coi thường mạng sống con người Việt Nam và môi trường Việt Nam. Nhận xét đó đã được giới khoa bảng Mỹ nêu lên từ năm 1966, họ cho đó là một hành động dã man, chỉ có hại cho người lính và thường dân.

Lịch sử sẽ ghi nhận việc Mỹ dùng chất màu Da cam và dioxin ở Việt Nam (và nhiều hóa chất khác ở vùng Vịnh, vùng Balkans) như là những cuộc chiến tranh hóa học đầu tiên trong lịch sử chiến tranh thế giới.

NGUYỄN VĂN TUẤN

CHÍNH PHỦ MỸ CHƯA THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM VỚI CÁC NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM

Là một cựu binh trong chiến tranh ở Việt Nam, từ hơn 30 năm qua, ông Jaime Vazquez, thị trưởng thành phố Jersey, bang New Jersey (Mỹ), đã sống chung với chất độc Da cam trong máu. Ông bị phơi nhiễm chất Da cam khi mới 18 tuổi, ở chiến trường Quảng Trị. Trở lại Việt Nam lần này, ông đã nói nhiều về sự phẫn nộ đối với sự thờ ơ của Chính phủ Mỹ, và ủng hộ vụ kiện của các nạn nhân chất độc Da cam ở Việt Nam. Ông cho biết:

- Trong chuyến thăm này, tôi muốn trở lại thăm Làng Hữu nghị Việt Nam ở Vân Canh - nơi nuôi dưỡng các trẻ em Việt Nam bị nhiễm chất độc Da cam của Mỹ. Tôi cũng muốn đề xuất mở ra quan hệ trực tiếp giữa cựu chiến binh Việt Nam với cựu chiến binh Mỹ để thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa hai bên. Tổ chức Cựu chiến binh vì hòa bình (VFP) mà tôi là thành viên do Thượng nghị sĩ John Kerry sáng lập những năm 70. Tại hội nghị của VFP diễn ra tại Boston tháng 7 năm 2004 đã ra nghị quyết, trong đó nêu rõ: Chính phủ cần làm tất cả để giúp nạn nhân chất độc Da cam ở Việt Nam, phải trao cho các bác sĩ Việt Nam những thông tin y học từ nghiên cứu của họ, giúp Việt Nam những thứ thuốc men đã tìm ra để điều trị bệnh tật do hậu quả chất độc Da cam. Nhưng, Chính phủ Mỹ chưa thực hiện trách nhiệm của họ.

+ *Thưa ông, vụ kiện của các nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam hẳn sẽ rất khó khăn?*

- Nếu họ được phép kiện thì đó đã là một thắng lợi quan trọng. Người nước ngoài rất khó kiện cáo ở Mỹ. Bên bị đơn có thể khiếu nại trước tòa: Tại sao họ, không phải là công dân Mỹ, lại được phép kiện tôi, công dân Mỹ. Khi các công ty Mỹ biến bạn thành nạn nhân, chẳng hạn ô tô của một nhà sản xuất làm bạn bị thương, thì nhà sản xuất phải trả tiền bồi thường cho bạn. Trường hợp chất độc Da cam cũng vậy. Chất độc Da cam do một công ty Mỹ sản xuất ra, do quân đội Mỹ rải xuống Việt Nam, thì người Việt Nam phải có quyền kiện các công ty đó.

Cựu binh Mỹ chúng tôi cũng đã kiện các công ty Mỹ 20 năm trước đây, nhưng mới chỉ đi được nửa đường đấu tranh. Chúng tôi vẫn tiếp tục đấu tranh với các công ty đó. Số tiền bồi thường phải tương đương với những thiệt hại mà người ta gây ra. Có những người bị dị tật và chúng ta phải tốn rất nhiều tiền để chăm sóc họ. Chính phủ Mỹ và các công ty cần phải trả tiền chăm sóc đó. Tôi hy vọng rằng nếu được kiện, đó đã là một thắng lợi. Và nếu các bạn thắng kiện thì đó lại là một thắng lợi nữa. Hệ thống pháp lý của Mỹ có nhiều cấp bậc, nếu bạn thắng ở cấp bậc này, bên thua kiện có quyền

kháng cáo lên tòa cao hơn. Vì vậy một vụ kiện ở Mỹ có thể mất tới 10 năm để giải quyết, nhất là khi kiện các công ty lớn có nhiều tiền, có khả năng thuê luật sư. Nhưng vẫn cần phải đấu tranh, không đấu tranh thì ta không bao giờ biết ta có thắng hay không.

+ Theo ông, phía Việt Nam cần làm gì để giành lợi thế trong vụ kiện này?

- Nếu được phép kiện, nghĩa là chúng ta phải đối mặt với những thủ tục pháp lý. Nếu ta kiện nghĩa là ta có khả năng thắng, tất nhiên ta cũng có khả năng thua. Có thể mất tới 10 năm cho một vụ kiện. Nhưng Việt Nam là một đất nước có hàng nghìn năm lịch sử, Mỹ chỉ có 228 năm. 10 năm đối với Việt Nam không phải là dài. Việt Nam không thể nào muốn dừng bước trước nước Mỹ.

+ Nhưng ông có tin là có khả năng thắng không?

- Có.

+ Theo ông bằng chứng của phía Việt Nam có mạnh không?

- Theo tôi là rất mạnh. Vấn đề là đưa ra các bằng chứng đó ra tòa như thế nào, phải thuyết phục tòa như thế nào. Nếu có thể chứng minh về mặt y học mối liên hệ trực tiếp giữa chất Da cam với các bệnh tật thì chúng ta có cơ hội tốt để thắng kiện, ngay cả khi sử dụng chương trình riêng của Mỹ. Luật sư Việt Nam hãy ra tòa và nói rằng, chính quyền Mỹ thừa nhận 40 bệnh liên quan đến chất độc Da cam, ngay cả ở Mỹ chất độc Da cam cũng có ảnh hưởng như vậy, thì người Việt Nam nhất định bị tác động bởi chất độc Da cam. Tôi cho đó là những bằng chứng rất mạnh.

+ Các cựu binh Mỹ đã làm gì với số tiền 180 triệu USD mà các công ty Mỹ phải bồi thường 20 năm trước?

- Số tiền đó thấp đến mức, rất ít cựu binh được nhìn thấy số tiền đó. Đây là lý do mà chúng tôi khởi kiện lại năm ngoái. Các công ty đã quay lưng lại. Họ đã gây tội ác, nhưng họ bồi thường cho tội ác đó rất ít.

+ Tiến trình kiện lần này của họ ra sao, thưa ông?

- Rất chậm. Và cũng có thể mất nhiều năm nữa.

+ Vụ kiện của các cựu binh Mỹ có thể giúp Việt Nam không, thưa ông?

- Có chứ. Tuy không phải là luật sư, nhưng tôi cho rằng chúng ta có thể trao đổi ý kiến và tạo ra một sức mạnh mới. Nếu các cựu binh Mỹ thắng thì các nạn nhân Việt Nam cũng có thể thắng.

+ Yêu cầu của các cựu binh Mỹ là gì?

- Phải điều tra lại toàn bộ vấn đề chất độc Da cam, phân loại lại và yêu cầu chính phủ thừa nhận các bệnh tật do dioxin gây ra.

+ Xin cảm ơn ông!

MỸ HẰNG thực hiện

HÃY ỦNG HỘ NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM!

Vụ kiện tập thể mà Hội nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam và các nạn nhân đối với các công ty hóa chất Mỹ đang nhận được sự ủng hộ to lớn. Không chỉ các cá nhân, tổ chức và Chính phủ Việt Nam, mà những lực lượng tiến bộ trên toàn thế giới đều sẵn sàng đứng về phía những nạn nhân bất hạnh, những người mà tuy chiến tranh đã lùi xa gần 30 năm nhưng vẫn phải chịu vô vàn đau khổ. Cuộc đấu tranh này đã vượt qua biên giới một quốc gia, trở thành một biểu tượng của lương tri nhân loại. Ngày mai, 25 tháng 7, một cuộc mít tinh quốc tế sẽ được tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh để ủng hộ những nạn nhân đang theo đuổi vụ kiện. Trang báo nhỏ này của chúng tôi cũng xin góp một tiếng nói vào cuộc đấu tranh chung đó.

Giáo sư Lê Thị Nhâm Tuyết:

"CHÍNH PHỦ MỸ PHẢI XIN LỖI NHÂN DÂN VIỆT NAM..."

Sau nhiều năm thực hiện các nghiên cứu khoa học xã hội về chất độc Da cam/dioxin, đầu tháng 7 này, giáo sư Lê Thị Nhâm Tuyết, giám đốc Trung tâm nghiên cứu giới, gia đình và môi trường trong phát triển (CGFED) đã thay mặt trung tâm gửi một bức thư ngỏ đến Tòa án liên bang Mỹ. Cùng cuốn "sách trắng" - "Những câu chuyện của nạn nhân chất độc Da cam/dioxin ở Việt Nam" ra mắt vào hạ tuần tháng 7, các nhà nghiên cứu cho rằng đó là những bằng chứng rõ ràng về hậu quả nghiêm trọng mà chất độc Da cam/dioxin đã để lại trên nhiều phương diện khác nhau trong đời sống kinh tế - xã hội của Việt Nam. Giáo sư Lê Thị Nhâm Tuyết đã trả lời phỏng vấn của báo Lao động.

+ *Thưa bà, là một nhà nghiên cứu xã hội học, lý do nào khiến bà quan tâm đến vấn đề di hại của chất độc Da cam / dioxin?*

- Trong quá trình nghiên cứu giới, gia đình và môi trường trong phát triển, chúng tôi rất chú ý đến vấn đề sức khỏe sinh sản, quyền sinh sản và chất lượng dân số. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi thấy sức khỏe sinh sản của nhiều phụ nữ ở Việt Nam đã bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi chất độc Da cam/dioxin của Mỹ. Nhiều người mẹ đã bị tước mất quyền sinh sản khi sinh ra những đứa con tật nguyền, sảy thai hoặc phải nạo thai triển miên. Là một người phụ nữ, lại là đồng đội của những nạn nhân chất độc Da cam/dioxin, tôi không thể đứng "ngoài cuộc"...

+ *Những phương pháp khoa học nào đã được áp dụng trong quá trình nghiên cứu để bà đưa ra khẳng định những nạn nhân này chịu ảnh hưởng của chất độc Da cam/dioxin?*

- Chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu của khoa học xã hội, đặc biệt là phương pháp nghiên cứu đường lịch sử sinh sản (reproductive life - line history) và phương pháp "chuyện kể đường đời" (recits de vie). Đây là những phương pháp có hiệu quả cao trong việc tiến hành nghiên cứu những vấn đề như chất độc Da cam/dioxin. Để có được những phương pháp mới này áp dụng trong nghiên cứu, chúng tôi được sự hỗ trợ đặc biệt của tổ chức IHCAR (Thụy Điển), CEDRATE (Pháp), các giáo sư của Đại học Tổng hợp Copenhagen (Đan Mạch), tổ chức Vietnam les enfants de la dioxine (Pháp).

+ *Kết luận được đưa ra là gì, thưa bà?*

- Qua hàng trăm trường hợp nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy chất độc Da cam/dioxin đã gây nên hậu quả nghiêm trọng về nhiều phương diện khác nhau trong đời sống kinh tế - xã hội, văn hóa vật chất cũng như tinh thần, không những cho cá nhân, gia đình mà cho cả những cộng đồng mà họ sinh sống. Những nạn nhân chất độc Da cam/dioxin dù trực tiếp hay gián tiếp đều chịu những hệ quả tiêu cực: Đau ốm, bệnh tật, thiếu năng trí tuệ... Sự tổn hại về thể chất này đã di chứng đến đời thứ 3 trong một số gia đình nạn nhân. Với những nạn nhân chất độc Da cam/dioxin, sự tổn thất về kinh tế, tinh thần và tình cảm là không thể tính hết được. Những nỗi đau về đời sống tâm linh cũng vượt quá sức chịu đựng của họ: Không có những đứa con khỏe mạnh để kế thừa hương hỏa. Những câu chuyện kể đường đời của nhiều phụ nữ có chồng nhiễm chất độc Da cam/dioxin đã cho thấy muôn vàn nỗi đau đớn, bất hạnh.

+ *Trong quá trình nghiên cứu, điều gì đã gây xúc động lớn nhất cho bà?*

- Mọi nỗi đau khổ, cuối cùng đều "giội" lên đầu người phụ nữ. Không có hạnh phúc làm mẹ, thời kỳ đầu nhiều phụ nữ còn bị gia đình chồng coi là không biết đẻ, bị ghẻ lạnh. Có người phụ nữ phải hy sinh hạnh phúc riêng của mình, cưới vợ mới cho chồng với hy vọng chồng có một đứa con nối dõi. Rồi đứa con của người vợ sau cũng bị dị tật. Nhưng khi bà vợ sau bỏ đi, chị vợ cũ đã trở lại chăm sóc người chồng bị nhiễm chất độc Da cam đã mù hai mắt... Có rất nhiều những trường hợp như thế...

+ *Vì sao trong thư ngỏ gửi Tòa án Liên bang Mỹ, bà lại thay mặt các nhà nghiên cứu yêu cầu Chính phủ Mỹ phải xin lỗi nhân dân Việt Nam?*

- Mỹ có một món nợ với Việt Nam về chất độc Da cam, cho nên việc kiện Chính phủ Mỹ và các công ty sản xuất hóa chất của Mỹ yêu cầu họ phải xin

lỗi và đền bù cho các nạn nhân là hết sức công bằng. Vụ kiện này không chỉ vì những nạn nhân chất độc Da cam/dioxin ở Việt Nam mà còn ở nhiều nước khác, không phải vì một thế hệ mà còn vì nhiều thế hệ đã, đang và sẽ phải chịu đựng những cực khổ kéo dài. Vì thế, chúng tôi khẳng định sự ủng hộ của mình với những người đã đứng ra khởi kiện.

+ *Xin cảm ơn bà!*

HẠNH PHƯƠNG *thực hiện*

Bản sao lưu trữ

CÔNG LÝ SẼ CHIẾN THẮNG

Cuộc chiến tranh do Mỹ gây ra ở Việt Nam đã kết thúc gần 30 năm, nhưng hậu quả mà nó để lại vẫn rất nặng nề và dai dẳng, trong đó có hàng triệu người bị nhiễm chất độc Da cam / dioxin...

Sự thật đau lòng.

Tờ chuyên san khoa học *Nature* (tự nhiên) đã công bố một nghiên cứu gần đây nhất của chính các nhà khoa học Mỹ về việc quân đội nước này đã rải dioxin và nhiều chất độc khác (có màu hồng, xanh, tím với hàm lượng dioxin rất cao) trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam với số lượng lớn hơn rất nhiều lần những gì mà chính quyền Mỹ đã từng công bố. Những thông báo của giới khoa học cho rằng, từ năm 1962 đến năm 1974, Mỹ đã phun khoảng 68 triệu lít chất độc Da cam (Agent Orange - AO) xuống nhiều khu vực tại Việt Nam cùng nhiều loại hóa chất khác không thống kê được chính xác. Nghiên cứu mới đây nhất tiến hành tại thành phố Hồ Chí Minh cho thấy, một số nạn nhân có nồng độ dioxin trong máu cao hơn mức cho phép 200 lần. Tổng số khu vực bị phun dioxin đã được xác lập là 12 địa điểm.

Ngoài 68 triệu lít AO đã phun xuống Việt Nam, tờ *Tự nhiên* còn công bố con số 1,9 triệu lít chất độc màu Tím (gây ung thư) đã được rải xuống ở Việt Nam. Điều đó chứng tỏ số lượng chất "Tím" đã cao gấp gần 4 lần so với số lượng mà Mỹ đã đưa ra (548.100 lít). Thông qua phương pháp điều tra thực nghiệm, các nhà khoa học đã tìm ra con số khổng lồ: 9.440.028 lít thuốc diệt cỏ đã được sử dụng để trút xuống cánh đồng, khu rừng của Việt Nam trong năm 1974. Trước năm 1965, đế quốc Mỹ cũng đã huy động hơn 200 đợt dùng máy bay phun thuốc diệt cỏ nhưng được che đậy dưới nhiều vỏ bọc khác nhau.

Không những nhiều về số lượng mà cách thức và cấp độ phun chất độc cũng được đế quốc Mỹ và tay sai thực hiện với mức khủng khiếp chưa từng có. Mở đầu chiến dịch phun thuốc này là những đợt rải chất Tím xuống các cánh rừng của Việt Nam từ tháng 9, 10 năm 1962, đến tháng 11 thì chúng thực hiện phun chất độc màu Xanh. Trong những cuộc "tập kích bằng thuốc độc" này, Mỹ đã huy động cả máy bay vận tải hạng nặng C-123 kết hợp với bình phun tay, xe, máy bay trực thăng để tiến hành "có hiệu quả". Trong khi đó, người ta biết rằng nếu chỉ hòa 80gr dioxin vào hệ thống cung cấp nước thì có thể hủy diệt cả một thành phố với 8 triệu dân.

Cũng theo nghiên cứu trên, có ít nhất 3.581 xã của nước ta đã bị rải chất độc trực tiếp và những hậu quả của những đợt "mưa hóa chất" này không

những tàn phá môi trường sinh thái, tự nhiên một cách dai dẳng, khốc liệt mà gây ra những nỗi đau thương không gì có thể bù đắp nổi cho người dân. Nhân dân nhiều vùng căn cứ địa cách mạng, nhiều chiến sĩ giải phóng, dân quân, du kích, thanh niên xung phong... đã bị phơi nhiễm dioxin và mắc nhiều bệnh nan y trầm trọng. Hàng vạn người đã phải chết trong đau khổ. Nhiều phụ nữ là nạn nhân chất độc Da cam bị mắc các tai biến sinh sản như sảy thai, đẻ non, thai chết lưu, chửa trứng, thậm chí mất khả năng làm mẹ. Trong những năm chiến tranh và nhiều năm sau đó, người ta còn tìm thấy chất dioxin trong sữa mẹ, nguồn sống của những đứa trẻ sơ sinh. Nhưng xót xa nhất là những người thế hệ thứ 3, sinh ra sau chiến tranh hàng chục năm cũng trở thành nạn nhân dioxin. Các cháu phải mang trên hình hài của mình những dị tật bẩm sinh, nhiều cháu chưa được hưởng hạnh phúc đơn giản nhất là được sống như một con người bình thường. Do vậy, gia đình những nạn nhân chất độc Da cam thường là những hộ nghèo khổ nhất, kiệt quệ kinh tế vì không có lao động.

Lên tiếng vì công lý.

Mặc dù đã gây ra những hậu quả rất khốc liệt và dai dẳng ở Việt Nam, nhưng từ đó đến nay các công ty hóa chất đều "im hơi lặng tiếng". Trong khi đó, tại Mỹ, họ đã đền bù cho các cựu chiến binh tham chiến tại Việt Nam. Sự "phớt lờ" đó đã buộc các nạn nhân chất độc Da cam nước ta phải lên tiếng. Gần đây, Hội nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam đã tiến hành thu thập hồ sơ, chứng cứ, đứng tên khiếu kiện các công ty hóa chất Mỹ đã sản xuất chất độc để quân đội Mỹ rải xuống Việt Nam. Đây là một việc làm cần thiết nhằm góp phần làm vơi đi những nỗi đau của các nạn nhân chất độc Da cam/dioxin. Ngày 10 tháng 9 vừa qua, tại buổi gặp mặt đại diện các gia đình nạn nhân chất độc Da cam/dioxin có hoàn cảnh đặc biệt - vượt khó toàn quốc, Phó Chủ tịch nước Trương Mỹ Hoa đã khẳng định: "Việc khiếu kiện sẽ có nhiều khó khăn, phức tạp, đòi hỏi phải rất kiên trì, nhưng chúng ta tin rằng công lý sẽ chiến thắng".

Để hưởng ứng lời kêu gọi của Hội nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam, các cấp, các ngành trên cả nước đang làm hết mình vì công lý. Riêng Bộ Y tế đã phát động phong trào ủng hộ các nạn nhân chất độc Da cam/dioxin trong toàn ngành, trong đó có việc thu thập chữ ký, quyên góp tiền ủng hộ và khám, chữa bệnh từ thiện, phục hồi chức năng cho các nạn nhân.

Với sự ủng hộ của toàn thể nhân dân, cùng hàng triệu người có lương tri trên thế giới, chúng ta tin rằng vụ kiện các công ty hóa chất của Mỹ của Hội nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam nhất định sẽ thắng lợi.

VÂN ANH

"ĐÓ LÀ TỘI ÁC CHIẾN TRANH"

"Các loại vũ khí phóng xạ mới như chất độc Da cam mà quân đội Mỹ đã rải xuống mùa màng trên đất Việt Nam là một tội ác chiến tranh. Đó chính là chất độc hủy diệt nhiều thế hệ. Chính vì thế, nó là tội ác chiến tranh...". Đó là lời phát biểu của bác sĩ An-phơ-rét-đô Em-bít, người đã dành khá nhiều thời gian để nghiên cứu về những tác hại của chất độc Da cam / dioxin và vũ khí phóng xạ, tại Diễn đàn Nhân dân ASEM - 5 vừa qua. Phóng viên báo Hà Nội mới đã có cuộc trao đổi với bác sĩ A.Em-bít về vấn đề này.

+ Trước tiên, xin ông cho biết nguyên do nào khiến ông nghiên cứu những tác hại của chất độc Da cam / dioxin ở Việt Nam?

- Tôi đã đến Việt Nam 3 lần và lần đầu tiên cách đây 8 năm. Ngay từ lần đầu tiên đặt chân lên đất nước các bạn, tôi cảm thấy thực sự xúc động khi tận mắt chứng kiến các nạn nhân chất độc Da cam/dioxin. Họ là những người con sinh ra sau chiến tranh, không hề biết đến chiến tranh là gì nhưng lại phải gánh chịu những căn bệnh quái ác do hậu quả chiến tranh gây ra. Thậm chí nhiều khi tôi không còn tin vào mắt, vào lý trí của mình nữa và tự vấn tại sao trên cõi đời này lại có những con người phải chịu đau khổ đến như vậy? Từ đó, tôi quyết định gắn cuộc đời mình với việc nghiên cứu loại chất độc này. Không chỉ có các chuyến đi thực tế ở Việt Nam, sau khi về nước tôi đã dành khá nhiều thời gian để tra cứu các tài liệu y khoa, các công trình nghiên cứu khoa học liên quan đến tác hại của loại chất độc này.

+ Việc nghiên cứu đó đã mang lại kết quả gì, thưa ông?

- Thực tế cho thấy, những tác hại của chất độc Da cam/dioxin vẫn đang là chủ đề được giới khoa học trên thế giới tranh luận rất nhiều. Theo tôi, nếu thế giới chỉ biết đến các cựu binh Mỹ - những người trực tiếp rải chất độc Da cam/dioxin xuống Việt Nam - bị phơi nhiễm chất độc Da cam là thiếu sót lớn. Vậy còn khoảng 3 triệu nạn nhân Việt Nam - những người bị ảnh hưởng trực tiếp bởi các loại chất độc này thì sao? Một số nhà khoa học còn ngần ngại vì chưa đủ bằng chứng, nhưng tôi tin rằng thời gian sẽ cho họ câu trả lời. Điều mà tôi quan tâm hiện nay là, chưa nhà khoa học nào dám khẳng định chất độc Da cam/dioxin sẽ gây tác hại đến mấy thế hệ? Thực tế ở Việt Nam đã có 3 thế hệ bị nhiễm chất độc Da cam/dioxin. Ngoài các bệnh do chất độc Da cam/dioxin gây ra với con người đã được Viện Y học Hàn lâm Mỹ công bố, còn một số loại bệnh do chất độc Da cam gây ra như các bệnh liên quan đến

tim mạch, bệnh ngoài da, làm suy giảm hệ thống miễn dịch khiến người bị nhiễm không có khả năng chống đỡ lại bệnh tật... Một số công trình nghiên cứu khoa học thì khẳng định, hậu quả chiến tranh hóa học đối với nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam vẫn sẽ còn là "gánh nặng" ít nhất đến năm 50 của thế kỷ này. Nghĩa là tối thiểu phải qua hai thế hệ nữa. Tôi cũng vừa hoàn thành một công trình nghiên cứu về đề tài chất độc Da cam/dioxin bằng tiếng Tây Ban Nha, trong đó có 150 trang đề cập tới Việt Nam.

+ *Hiện nay các nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam đang tiến hành khởi kiện các công ty sản xuất hóa chất Mỹ. Vậy quan điểm của ông về vụ kiện này như thế nào?*

- Tôi hoàn toàn ủng hộ vụ kiện của các nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam. Đây là vụ kiện khá phức tạp nên có thể sẽ phải đương đầu với không ít khó khăn, nhưng họ cần tiếp tục đấu tranh để làm thức tỉnh lương tri của cộng đồng quốc tế, để họ hiểu rằng thế nào là "nỗi đau Da cam" của các nạn nhân Việt Nam? Chính phủ Mỹ đã từng bồi thường cho các cựu quân nhân Mỹ - những người trực tiếp đi rải chất độc, hà cớ gì mà những nạn nhân của hành động đó lại không được? Về cá nhân, tôi luôn nghĩ rằng mình sẽ làm một điều gì đó nhằm góp phần làm dịu bớt nỗi đau của các nạn nhân Da cam/dioxin Việt Nam. Mặc dù vụ kiện của các nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam mới bắt đầu nhưng tôi sẽ luôn ủng hộ và theo sát các bạn. Tôi tin công lý sẽ thắng và hy vọng các nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam sẽ thắng trong vụ kiện này.

+ *Xin cảm ơn ông!*

ĐÌNH HIỆP

"CHÚNG TÔI CÓ ĐỘNG LỰC ĐẠI DIỆN CHO CÁC NẠN NHÂN"

Các công ty Mỹ sản xuất chất độc Da cam phải chịu trách nhiệm - đó là ý kiến của ông Constantine Kokkoris, một trong những luật sư Mỹ tham gia bảo vệ quyền lợi cho các nạn nhân Việt Nam kiện các công ty Mỹ sản xuất chất diệt cỏ có chứa dioxin mà quân đội Mỹ đã sử dụng trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Trước khi rời Việt Nam, sau chuyến đi từ 29 tháng 6 đến 14 tháng 7, ông đã dành cho phóng viên báo Lao động một cuộc trao đổi ngắn. Ông nói:

"Từ lâu tôi đã rất yêu Việt Nam, ngưỡng mộ con người và văn hóa Việt Nam. Vợ tôi là người Mỹ gốc Việt. Tôi đã đến thăm Việt Nam vài lần. Trong suốt chiều dài lịch sử, người Việt Nam đã vượt qua rất nhiều khó khăn gian khổ một cách đầy quả cảm.

Tôi nghĩ rằng, các nạn nhân chất độc Da cam của Việt Nam đã phải chịu quá nhiều bất công - điều đó cần được thừa nhận và sửa chữa. Có những nạn nhân đau yếu đến mức họ không thể làm việc để nuôi sống bản thân. Có những nạn nhân có con cái bị dị tật bẩm sinh cần được chăm sóc suốt đời - một điều có thể làm tiêu hao thể xác và tinh thần của những bậc cha mẹ. Những người này cần được giúp đỡ, cần được bồi thường để có thể nuôi sống bản thân và chăm sóc cho con cái họ. Họ cần tiền để được chữa chạy sức khỏe. Những vùng đất bị ô nhiễm cũng cần được làm sạch để bệnh tật và dị tật bẩm sinh không còn là nỗi đau cho các thế hệ tương lai của Việt Nam.

Chúng tôi, các luật sư Mỹ, đã gặp rất nhiều nạn nhân chất độc Da cam ở Việt Nam, đã ghi chép và nhận được khối lượng thông tin khổng lồ và sẽ xem lại khi trở về Mỹ để đánh giá tình trạng của từng nạn nhân. Gặp gỡ các nạn nhân người Việt Nam, thăm những vùng đất bị ô nhiễm không những đem lại cho chúng tôi động lực để tham gia tích cực hơn vào vụ kiện này, mà việc đó còn giúp chúng tôi hiểu hơn về bản thân vấn đề ô nhiễm dioxin ở Việt Nam, giúp chúng tôi làm tốt hơn nhiệm vụ đại diện những lợi ích của các nạn nhân Việt Nam trước tòa án Mỹ.

Khi trở về Mỹ, chúng tôi sẽ sửa đổi lời khiếu kiện, thêm vào đó nhiều nạn nhân hơn, những người mà chúng tôi đã gặp trong chuyến đi vừa qua. Sau đó, chúng tôi phải chuẩn bị đối phó với kiến nghị mà các luật sư của bên nguyên sẽ đưa ra trước tòa vào tháng 9 tới yêu cầu tòa bác bỏ vụ kiện của chúng tôi trên các cơ sở pháp lý. Nhưng tôi tin rằng tòa án sẽ có những quyết định đúng đắn.

Quan điểm của chúng tôi là, các công ty sản xuất các chất diệt cỏ này đều biết rõ sản phẩm của họ sẽ được sử dụng như thế nào ở Việt Nam, biết rõ sản phẩm đó nguy hiểm như thế nào, nhất là khi tính đến việc chúng được rải xuống những vùng mà người dân Việt Nam khai thác thực phẩm và nước uống.

Chúng tôi rất lạc quan về vụ kiện này. Trong cuộc gặp đầu tiên với chánh án phiên tòa này, ông chánh án đã nói rằng, ông coi phiên tòa này là rất nghiêm trọng. Gần đây, Tòa án Tối cao Mỹ cũng ra quyết định cho phép những người không phải công dân Mỹ kiện các công ty Mỹ theo Luật Khiếu kiện đòi bồi thường dân sự nước ngoài - đạo luật mà chúng tôi dựa vào đó để tiến hành vụ kiện này. Tôi cho rằng đây là một tiến triển rất tốt cho vụ kiện".

MỸ HẰNG ghi

NGƯỜI VIỆT NAM TẠI PHÁP GIÚP ĐỠ NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM

"Cuộc chiến tranh chống Mỹ đã kết thúc hơn một phần tư thế kỷ, nhưng những di chứng mà nó để lại không biết đến bao giờ mới hết", Dương Hiệu, lưu học sinh Việt Nam tại Pháp không giấu nổi xúc động khi đưa chúng tôi xem những bức ảnh chụp các em nhỏ Việt Nam với thân hình bị biến dạng do hậu quả của chất độc Da cam. Day dứt trước nỗi đau không gì bù đắp và những tiếng nói lẻ loi của các nạn nhân dioxin, cùng với hàng trăm sinh viên Việt Nam tại Pháp, Hiệu quyết định tham gia vào chiến dịch thông tin quốc tế kêu gọi giúp đỡ các nạn nhân này.

Nơi hội tụ của những tấm lòng.

Tôi gặp Hiệu và một nhóm lưu học sinh Việt Nam tại ngày hội văn hóa Việt Nam tổ chức ở công viên Montreau, thành phố Montreuil (Pháp) vào một ngày trưa tháng 6. Không khó nhận ra gian hàng của các bạn giữa hàng chục quầy hàng trưng bày và giới thiệu các sản phẩm văn hóa, du lịch, thương mại của Việt Nam ở Montreuil. Tấm biểu ngữ lớn màu da cam nổi bật với dòng chữ "Chất độc Da cam vẫn tiếp tục giết người" đã níu kéo bước chân của hầu hết các du khách qua đây.

Vừa tíu tít phát tờ rơi cho khách, Khuất Thùy Linh vừa tự giới thiệu: "Chúng tôi là thành viên nhóm Collectif Vietnam Dioxin (Collectif), một tập hợp các cá nhân, tổ chức của thanh niên Việt kiều và sinh viên Việt Nam tại Pháp, để giúp đỡ các nạn nhân chất độc Da cam ở Việt Nam". Cẩm tập tờ rơi mà Linh vừa phát, đập vào mắt tôi là hình ảnh những em nhỏ với thân hình bị biến dạng và những con số thật khủng khiếp: "83 triệu lít chất diệt cỏ đã được Mỹ sử dụng trong chiến tranh Việt Nam từ năm 1961 đến năm 1971; Hơn 1 triệu người Việt Nam, trong đó có 200.000 trẻ em mang di chứng (ung thư, tàn tật...) do chất độc Da cam".

Mãi đến cuối giờ chiều, khi lượng khách tới dự ngày hội tạm lắng, Hiệu, Linh và nhóm sinh viên Việt Nam mới có thời gian kể cho tôi nghe về những sáng kiến nhân đạo của họ. Hiệu cho biết, Collectif được thành lập với sự tham gia của Hội Hữu nghị Việt - Pháp, Hội Bảo trợ trẻ em nhiễm chất độc dioxin, Hội Tâm Việt, Hội Sinh viên Việt Nam tại Pháp, Hội Người Việt Nam tại Pháp, Hội Thanh niên Việt kiều tại Pháp... Collectif trực tiếp góp sức vào các hoạt động tại Pháp như: Tìm hiểu, phổ biến thông tin liên quan đến chất độc Da cam, dioxin, tổ chức các buổi thảo luận và nói chuyện, giúp

đỡ các tổ chức nhân đạo và quyên góp quỹ, chiếu phim tài liệu, thông tin trực tiếp đến các trường đại học, trung học và tổ chức mít tinh, tuần hành... nhằm mục đích tập trung sự chú ý của công luận tới những hậu quả của chất độc Da cam tại Việt Nam.

"Chính phủ Mỹ và những công ty sản xuất ra chất độc Da cam không hề có hành động trợ giúp các nạn nhân dioxin Việt Nam. Chúng tôi muốn phát động chiến dịch nhằm đòi hỏi sự giúp đỡ về vật chất, y tế, cũng như tinh thần, ủng hộ cuộc đấu tranh đòi bồi thường thỏa đáng cho họ", Võ Định Kim, Việt kiều tại Pháp nói.

Những hoạt động đẩy ý nghĩa.

Anh Kim cho biết, kể từ khi được thành lập vào đầu năm 2004, Collectif đã tiến hành nhiều hoạt động thiết thực để thông tin với bạn bè Pháp về tình hình nạn nhân chất độc dioxin tại Việt Nam. Mới đây nhất, vào ngày Quốc tế Lao động 1-5, Collectif đã tổ chức tuần hành ở quảng trường Bastille, phát khoảng hơn 7.000 tờ rơi nhằm kêu gọi sự ủng hộ của người dân Paris đối với vụ 3 nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam kiện các công ty hóa chất Mỹ.

Ngày 11 tháng 5, đúng vào ngày Tổng thống Mỹ Kennedy (lúc bấy giờ) ký quyết định cho phép sử dụng chất độc màu Da cam tại Việt Nam. Collectif đã phát hành web-site riêng ở địa chỉ www.vietnam-dioxin.org, đồng thời tiến hành thu thập chữ ký cho bức thư ngỏ gửi tới 3 ứng cử viên tổng thống Mỹ. Bức thư này, hiện đã nhận được hơn 2.000 chữ ký trực tiếp và hàng ngàn chữ ký qua internet, sẽ được gửi tới chính quyền Mỹ vào tháng 9 tới, khi vụ kiện của các nạn nhân Việt Nam được tiến hành. Trong thư có đoạn: "Các ngài hiện đang trong chiến dịch tranh cử tổng thống, nơi truyền thông thường xuyên đề cập tới vấn đề chiến tranh Việt Nam. Gần ba thập kỷ trôi qua, cuộc chiến tranh đó vẫn tiếp tục mang đau thương tới cho người dân Việt Nam và cả người Mỹ. Là một hoạt chất đặc biệt bền vững, dioxin tiếp tục lan nhiễm trong đất, trong thực phẩm và gây nhiễm độc. Minh chứng cho điều này là những trường hợp dị tật bẩm sinh bởi dioxin ở các em nhỏ Việt Nam thuộc thế hệ thứ 3 sau cuộc chiến. Năm 2004, theo ước tính của tổ chức Chữ thập đỏ Việt Nam, đất nước chúng tôi vẫn còn hơn một triệu nạn nhân của chất độc Da cam và các loại chất diệt cỏ khác. Các ngài Bush, Kerry và Nader, chúng tôi chỉ có một câu hỏi gửi tới các ngài: Các ngài sẽ làm gì đối với các nạn nhân chất độc Da cam tại Việt Nam?".

Anh Hồ Vĩnh Trụ, đại diện Hội Người Việt Nam tại Pháp cho biết, qua các chiến dịch vận động của mình, chúng tôi còn mong muốn đạt được sự quan tâm của các cơ quan, cá nhân và tổ chức, vận động sự giúp đỡ về kinh

tế, y tế cũng như cải thiện môi trường cho các vùng dân cư bị ảnh hưởng nặng nề bởi dioxin.

Các thành viên của Collectif Vietnam dioxin nhờ báo Lao động gửi lời nhắn tới các nạn nhân chất độc Da cam ở Việt Nam: "Các bạn sẽ không lẻ loi. Nhân dân và các tổ chức trên toàn thế giới đang cùng nhau phát động một chiến dịch nhằm đòi hỏi sự giúp đỡ về vật chất và tinh thần cho các bạn".

CHIẾN THẮNG

Bản sao lưu trữ

CHÍNH PHỦ MỸ PHẢI CÓ TRÁCH NHIỆM VỚI NHÂN DÂN VIỆT NAM

Chưa đầy một năm, Giêm Vác-kê, Phó thị trưởng thành phố Gióc-xy lại có mặt tại Hà Nội, đến với các em nhỏ Làng Hữu Nghị Vân Canh với những tình cảm thân thiết và những món quà đầy ý nghĩa. Ông không chỉ là Phó thị trưởng một thành phố của nước Mỹ, mà còn là một cựu chiến binh ở Việt Nam về và đặc biệt là một nạn nhân của chất độc Da cam. Chúng ta hiểu rõ ông hơn qua cuộc phỏng vấn của phóng viên báo Quân đội nhân dân:

+ Lần thứ hai ông trở lại Việt Nam, ý tưởng của chuyến đi lần này là gì, có điều gì mới chăng?

- Đây là lần thứ hai tôi đến Việt Nam kể từ sau khi chiến tranh kết thúc. Lần đầu tôi sang đây là vào năm ngoái. Tôi đến Việt Nam lần này để thăm lại Làng Hữu Nghị và bệnh xá của làng. Tôi đã đến thăm và tặng các em nhỏ ở đây một số thuốc chữa bệnh và thiết bị y tế, giống như những gì năm ngoái tôi đã mang đến đây. Ngoài ra, tôi đến đây lần này cũng nhằm củng cố và phát triển mối quan hệ mà chúng tôi đã thiết lập từ trước. Với cương vị là một thành viên của Hội Cựu chiến binh Mỹ, chuyến đi của tôi còn nhằm tăng cường quan hệ của Hội Cựu chiến binh Mỹ với Hội Cựu chiến binh Việt Nam và đề nghị sẽ thành lập một tổ chức chung bao gồm các cựu chiến binh của Việt Nam và của Mỹ. Chúng tôi tin rằng chúng tôi sẽ thực hiện được ý tưởng này. Chúng ta phải cùng nhau hàn gắn vết thương chiến tranh, khắc phục hậu quả chiến tranh và giúp Việt Nam tháo gỡ những bãi mìn, những bom đạn còn lại sau chiến tranh.

Tại Mỹ, chúng tôi đã tổ chức quyên góp tiền để giúp cho bệnh xá của Làng Hữu Nghị và hiện nay chúng tôi đang chuẩn bị cho dự án mới, theo đó chúng tôi sẽ giúp bệnh xá của Làng Hữu Nghị máy siêu âm trị giá 70.000USD để phục vụ cho việc khám, chữa bệnh cho các em.

+ Hiện nay các nạn nhân chất độc Da cam của Việt Nam đã đệ đơn kiện các công ty hóa chất Mỹ, ông nghĩ gì về việc này?

- Tôi ủng hộ việc các nạn nhân Việt Nam kiện các công ty hóa chất của Mỹ. Chính bản thân tôi cũng là một nạn nhân của các công ty đó, trong máu tôi hiện có các thành phần của chất độc Da cam, vì vậy chúng ta đang chiến đấu trên cùng trận tuyến. Ngay giờ đây, các cựu binh Mỹ cũng kiện các công ty này vì những căn bệnh mà họ đang phải mang trong mình vì đã tiếp xúc với chất độc Da cam và họ cũng sẽ ủng hộ việc các nạn nhân Việt Nam kiện các công ty đó.

+ *Xin ông cho biết thái độ của người dân Mỹ đối với vấn đề này?*

- Hầu hết người dân Mỹ biết về vấn đề này, họ sẽ đứng về phía cuộc đấu tranh của các bạn Việt Nam.

+ *Thế còn thái độ của Chính phủ Mỹ?*

- Thật đáng buồn trước thái độ của Chính phủ Mỹ. Đó là một thái độ không tốt. Để tăng cường hơn nữa mối quan hệ hai nước, chúng ta phải làm thay đổi thái độ của Chính phủ Mỹ.

Chính phủ Mỹ phải chịu trách nhiệm về việc này. Họ có trách nhiệm chăm sóc sức khỏe các cựu binh và phải nghiên cứu về vấn đề này. Trong năm 1980, tôi đã nhận được bức thư của cơ quan cựu binh bảo tôi hãy đến bệnh viện để họ có thể làm xét nghiệm máu cho tôi. Họ muốn tất cả cựu binh từ Việt Nam về sẽ được xét nghiệm máu. Tôi nằm trong nhóm người đầu tiên được làm xét nghiệm để nghiên cứu về chất độc Da cam. Kết quả xét nghiệm của tôi là dương tính, trong máu tôi đã có các thành phần của chất độc Da cam. Chúng ta cần phải hợp tác với nhau để làm các nghiên cứu y tế. Tất cả các nghiên cứu trong suốt 25 năm qua chỉ nhằm làm giúp đỡ các nạn nhân, đặc biệt là các nạn nhân Việt Nam. Chính phủ Mỹ và các công ty hóa chất Mỹ phải chịu trách nhiệm và giúp đỡ Việt Nam vì những gì mà họ đã gây ra cho nhân dân Việt Nam, những hủy hoại do họ gây ra cho rừng núi, đất đai, cho hệ sinh thái Việt Nam. Phải giúp Việt Nam làm sạch những vùng còn bị nhiễm độc, rà phá bom mìn còn sót lại sau chiến tranh.

+ *Đã từng là một quân nhân và đã từng tham chiến ở Việt Nam, ông có nhận xét, đánh giá thế nào về Quân đội nhân dân Việt Nam?*

- Tôi hiện nay đã 55 tuổi, trong những năm trước chiến tranh, tôi là một sinh viên sử học. Tôi cũng đã nghiên cứu lịch sử, trong đó có lịch sử Việt Nam. Qua nghiên cứu học tập lịch sử tôi đã biết về Chủ tịch Hồ Chí Minh và những đức tính cao đẹp của Người, một vị anh hùng lỗi lạc của đất nước Việt Nam. Còn những ngày tháng tham chiến ở Việt Nam đã giúp tôi nhận ra rằng Quân đội nhân dân Việt Nam, là những người đã chiến đấu vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, là những người có lý tưởng cao cả và những người anh hùng đích thực. Người Mỹ không có lý do gì, không có công việc gì để đến gây chiến tại Việt Nam. Với tôi không có điều gì khác ngoài sự kính trọng đối với nhân dân Việt Nam, Quân đội Việt Nam, những người chiến đấu vì độc lập tự do của đất nước.

+ *Lần này đến Việt Nam có để lại trong ông ấn tượng gì không?*

- Mỗi lần đến Việt Nam, tôi đều học được những điều mới mẻ và tôi đã mang những điều đó về nước cùng chia sẻ với mọi người. Tôi sẽ trở lại Việt Nam và tôi ủng hộ việc các cựu chiến binh Mỹ trở lại Việt Nam. Tôi ủng hộ

mọi người Mỹ hãy đến Việt Nam, vì người Mỹ phải học tập Việt Nam và hiểu rằng Việt Nam không phải là cuộc chiến tranh, mà Việt Nam là một đất nước, một dân tộc, một xã hội, một nền văn hóa... Nếu bạn đến đó, bạn sẽ được thấy họ là một dân tộc như thế nào. Họ không mang những thù hận đối với những gì mà người Mỹ đã gây ra cho họ trong chiến tranh. Tôi hiểu rằng, trong cuộc chiến tranh này, nhiều người dân Mỹ đã tức giận vì nước Mỹ đã bị thua trong chiến tranh và đã có 60.000 binh sĩ Mỹ chết, nhưng Việt Nam đã mất tới 2 triệu người.

THÙY CHI *thực hiện*

Bản sao lưu trữ

TRANG WEB CỦA NHỮNG TRÁI TIM NHÂN ĐẠO

PetitionOnline.com là trang web gì? Đó là câu hỏi mà trước đây ít lâu, đã rất nhiều người chưa từng nghe. Thế nhưng, giờ nó đã quá quen thuộc không chỉ với những nạn nhân của chất độc Da cam, mà cả những trái tim nhân đạo trên toàn thế giới...

Ông già 74 tuổi và những lần đến Việt Nam.

Lần đầu tiên ông Len An-dít đến Việt Nam vào năm 1989. Ấn tượng về chuyến đi ấy đến bây giờ vẫn còn in đậm trong tâm trí ông: "Tôi nhận thấy đất nước các bạn đã bị tàn phá nặng nề như thế nào bởi những trận bom Mỹ. Hồi đó, Việt Nam còn đang trong giai đoạn rất khó khăn. Điện sinh hoạt cùng lắm chỉ được 2 tiếng mỗi ngày. Tôi đã thấy những ngôi làng nghèo, những bệnh viện sơ sài, thiếu thốn cả những trang thiết bị tối thiểu nhất. Tôi cũng đã chứng kiến những câu chuyện thương tâm ngay giữa thời bình do bom mìn, vật liệu nổ còn sót lại từ thời chiến tranh gây ra, đã thấy di chứng của chất độc Da cam trên thân thể những con người ở mảnh đất này".

Chuyến xuyên Việt đầu tiên ấy, cũng là lần đầu tiên Len An-dít ghé thăm căn phòng đặc biệt dành cho các nạn nhân chất độc Da cam ở bệnh viện Từ Dũ, thành phố Hồ Chí Minh. Ông đã tận mắt chứng kiến Việt và Đức, với cái đầu to bất bình thường khiến hai em chỉ có thể nằm trên giường và lúc lắc đầu. Ông đã định ôm hai em vào lòng nhưng không thể. Ông sợ làm thế có thể làm hai em gãy cổ vì cái đầu to quá.

Trở về Luân Đôn, Len An-dít bắt đầu viết báo về những gì mình đã chứng kiến tại Việt Nam.

Năm 1992, Len An-dít thành lập và trở thành Chủ tịch Hội Hữu nghị Anh - Việt với mỗi ưu tiên hàng đầu là giúp đỡ các nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam. Tại Anh, Hội đã có tới 200 thành viên. Dưới sự chỉ đạo của Len, các thành viên tổ chức bán đồ lưu niệm, thủ công mỹ nghệ của Việt Nam. Số tiền thu được từ hoạt động này, được chuyển đến cho các nạn nhân dioxin ở Việt Nam.

Tháng 7 năm 2002, Len An-dít dự Hội nghị Stockholm (Thụy Điển) về hậu quả chiến tranh, ảnh hưởng của chất độc Da cam đối với sức khỏe con người và môi trường ở 3 nước Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia. Ông đã vận động được 75 nghị sĩ Quốc hội Anh ký tên vào bản kiến nghị Quốc hội Anh ủng hộ tuyên bố của Hội nghị Stockholm và chương trình hành động trợ giúp 3 nước Đông Dương. Ông cũng đề xuất các bên liên quan viện trợ Việt Nam mỗi

năm 20 triệu bảng Anh "cho đến khi không còn ảnh hưởng của chất độc Da cam đối với đất nước và con người Việt Nam nữa".

Cùng những hoạt động tích cực trên các diễn đàn quốc tế, Len An-dít còn thường xuyên đến các trường đại học, các hội, nhóm ở Anh, tổ chức triển lãm ảnh, chiếu phim về hậu quả của chất độc Da cam. Sang Việt Nam, có lần, ông đã "rủ" tất cả nhân viên một khách sạn trên phố Bảo Khánh ký tên vào bản kiến nghị. Tới tặng quà cho các trường học ở Hà Tây, ông cũng "kiếm" được 2.500 chữ ký của học sinh...

Cuộc trò chuyện với BBC.

Mới đây nhất, khi PetitionOnline.com được đông đảo những trái tim nhân đạo trên toàn thế giới hưởng ứng, ông Len An-dít đã có cuộc trò chuyện với hãng thông tấn BBC.

+ Ông đã suy nghĩ ra ý tưởng lập trang web này ra sao?

- Trước hết tôi phải nói rằng tôi biết về vụ kiện của các nạn nhân chất độc Da cam mà bắt đầu từ hồi tháng Giêng năm 2004 và có bàn bạc với các bạn bè tôi ở Anh và cả ở Mỹ nữa. Tôi nghĩ rằng đây là cơ hội tuyệt vời, vì cuối cùng vụ này cũng ra tới tòa. Tôi cũng nghĩ về vấn đề này theo hai hướng. Thứ nhất, tất cả chúng ta đều không thể tới tòa để bày tỏ quan điểm của mình vì đó là vấn đề của các luật sư. Tuy nhiên, chúng ta có thể có được tiếng nói của công chúng mà ở đây là công chúng trên toàn thế giới qua việc có một thỉnh nguyện thư trên mạng internet. Chính vì thế tôi đã lập ra trang web thu thập chữ ký ủng hộ nạn nhân chất độc Da cam.

+ Và hiện nay mỗi ngày ông đều nhận được hàng nghìn chữ ký phải không thưa ông?

- Vâng, tính trung bình mỗi ngày trang web nhận được khoảng 20.000 chữ ký. Tôi nhận được sự hỗ trợ rất nhiều của các tờ báo Việt Nam và quốc tế. Tại Anh, trang web của BBC, các trang web vì hòa bình cũng đã có đường dẫn tới trang ký tên vì các nạn nhân của chất độc Da cam.

Mới đây tờ *South East Asian Times* cũng đăng bài của tôi về vấn đề này. Tôi cũng vừa nhận được tin là một sinh viên Việt Nam ở Nhật Bản đã dịch thỉnh nguyện thư sang tiếng Nhật để kêu gọi mọi người ký tên.

Cho tới nay, cố gắng của tôi đã nhận được nhiều sự ủng hộ và mang lại kết quả. Lần cuối cùng khi tôi vào xem trang web cách đây ít ngày, số người ký tên đã đạt gần 300.000 và vẫn tiếp tục tăng liên tục.

+ Khi ông mở trang web để lấy chữ ký của công chúng thì ông có một con số trong đầu là ông phải đạt được bao nhiêu chữ ký không?

- Không, tôi không có một con số nào trong đầu cả vì vấn đề thu thập chữ ký trên mạng là mới đối với tôi và cũng mới đối với cả vấn đề chất độc Da cam nữa.

Tôi chưa bao giờ nghe nói tới một trang web thu thập chữ ký để ủng hộ các nạn nhân của chất độc này. Chính vì vậy đây là một ẩn số và tôi thực sự không biết sẽ thu được bao nhiêu chữ ký. Nhưng rồi nó đã thu hút được sự chú ý của mọi người và tôi nhận được rất nhiều thư về vấn đề này, thậm chí từ các em nhỏ mới 10 tuổi. Hằng ngày tôi nhận được hàng chục lá thư và mỗi lần tôi hồi âm gửi đi thì lại nhận được các lá thư khác.

+ Và ông có quan tâm tới vấn đề đâu là chữ ký của những người thực sự hiểu biết về vấn đề chất độc Da cam và đâu là những chữ ký của những người ký tên chỉ vì người khác cũng ký không?

- Không, tôi nghĩ rằng những người ký tên đều biết về vấn đề này hay được nghe về vấn đề này từ khi học đại học chẳng hạn. Một số người thậm chí biết những người bị ảnh hưởng hay là người nhà của những người như vậy.

Tôi nhận được nhiều thư rất cảm động của các em nhỏ viết rằng các em biết ơn tôi đã lập trang web và kể những câu chuyện về những người bị ảnh hưởng bởi chất độc Da cam, thậm chí qua đời vì chất này. Như vậy, người ta có thể là trực tiếp liên quan hay nghe hoặc đọc về vấn đề chất độc Da cam.

+ Đây không phải là lần đầu tiên ông thu thập chữ ký vì các nạn nhân chất độc Da cam, vậy phản ứng của Chính phủ Hoa Kỳ ra sao?

- Lần trước, khi ông Bin Clinton, lúc còn là tổng thống Hoa Kỳ, tới thăm Ai-len, tôi đã thu thập được khoảng 3.500 tới 4.000 chữ ký và gửi tới tòa Đại sứ Hoa Kỳ ở Luân Đôn để họ chuyển cho ông Clinton. Nhưng đó là các chữ ký trên giấy chứ không phải chữ ký trên mạng như tôi đang thu thập hiện nay.

+ Và họ có hồi âm gì lại không thưa ông?

- Không, tôi chưa bao giờ nhận được hồi âm gì từ ông tổng thống, hay ít nhất từ ngoại trưởng Cô-lin Pao-oen về thỉnh nguyện thư hay cho thư từ mà tôi gửi đi. Tuy nhiên, thỉnh nguyện thư lần này rất quan trọng vì mọi người từ khắp nơi trên thế giới có thể ký tên vào và nếu chúng ta đạt con số chừng một triệu chữ ký chẳng hạn thì đó sẽ là sự thể hiện ý kiến rất đáng chú ý.

Dĩ nhiên thỉnh nguyện thư này không có giá trị về mặt pháp lý khi phiên tòa xử vụ kiện của các nạn nhân chất độc Da cam diễn ra nhưng chính vì lý do này mà chuyện công chúng thể hiện ý kiến của họ lại càng quan trọng. Chúng ta phải thể hiện ý kiến vì công lý cho các nạn nhân. Tại Hoa Kỳ, hiện nay các cựu chiến binh Hoa Kỳ và con em họ đã được bồi thường cho một số bệnh như gai đôi hay ung thư tuyến tiền liệt, vậy thì tại sao các nạn nhân Việt Nam lại không được bồi thường?

Ông Cô-lin Pao-oen mới đây cũng bị ung thư tuyến tiền liệt. Ông đã có hai chuyến đi sang Việt Nam khi phục vụ trong quân ngũ. Theo luật thì ông

ấy hoàn toàn có quyền đòi bồi thường. Tôi nghĩ rằng đây là điều không công bằng cho các nạn nhân Việt Nam.

+ Ông dự định là sẽ khép lại trang web thu thập chữ ký vào cuối tháng 12, vậy là khi đó Hoa Kỳ cũng đã có tổng thống mới rồi...

- Đúng là khi đó Hoa Kỳ đã có người được đề cử làm tổng thống nhưng vẫn chưa nhậm chức. Nếu trường hợp ông Giôn Kê-ry thắng cử, tôi vẫn gửi thư trong đó kèm theo đường dẫn tới trang thu thập chữ ký ủng hộ nạn nhân chất độc Da cam cho Tổng thống Busơ, lãnh đạo của Thượng viện, Hạ viện Hoa Kỳ cũng như 35 công ty hóa chất Hoa Kỳ.

Tôi cũng sẽ gửi thư cho Tổng thư ký Liên Hiệp quốc Cô-phi An-nan để trình bày ý nguyện của những người ký tên vào thỉnh nguyện thư. Tôi nghĩ rằng cho tới giờ có lẽ họ cũng đã biết về trang web này và biết được ý kiến của công chúng về vấn đề chất độc Da cam.

+ Ông có nghĩ rằng lá thư của ông sẽ được đón nhận với thái độ cởi mở hơn nếu ông Giôn Kê-ry thắng cử?

- Tôi cho rằng chúng ta có lý do để tin rằng nếu ông Giôn Kê-ry trở thành tổng thống, ông ấy sẽ có hiểu biết tốt hơn về vấn đề chất độc Da cam. Thứ nhất là ông ấy đã từng phục vụ trong quân ngũ ở Việt Nam. Thứ hai là ông ấy cũng đã phát biểu về vấn đề này rồi. Như vậy ít nhất ông ấy cũng hiểu vấn đề hơn là tổng thống hiện nay.

TRẦN LONG

HÃY CHIA SẺ ĐỂ LÀM VỢ ĐI NỖI ĐAU

Lời thề thứ 7.

Cựu chiến binh Đoàn Văn Đáng quê ở Vĩnh Bảo (Hải Phòng) đang điều dưỡng tại làng Hữu Nghị (Hà Nội) kể: Vợ chồng ông hạ sinh được 8 con thì có tới 7 bị nhiễm chất độc Da cam. Người cha dường như đã kiệt nước mắt khi lần lượt đưa 4 đứa con trở về với đất. Đồng hương của anh - cựu chiến binh Phạm Văn Hiếu ở huyện An Lão cũng có 4 con thì cả 4 bị nhiễm. Các cựu chiến binh đều bị nhiễm chất độc Da cam nên gánh nặng kinh tế gia đình dồn hết lên đôi vai người vợ. Cựu chiến binh Vũ Đình Bào (64 tuổi) lặng đi giây phút khi nói về người vợ của mình. Vợ ông hai vai nặng gánh với 5 đứa con bị nhiễm chất độc Da cam, ông cũng đang phải rời gia đình về điều dưỡng tại làng Hữu Nghị. Ông Nguyễn Khái Hưng - giám đốc của làng bọc bạch: Chúng tôi đang thực hiện *Lời thề thứ 7* của Quân đội nhân dân Việt Nam "... Hết lòng giúp đỡ nhau lúc thường cũng như lúc ra trận...". Rời chiến trường, đồng đội của chúng tôi, người đã mất, người còn sống thì lại bị di chứng của cuộc chiến tranh hóa học. Gia đình họ đang phải gánh chịu suốt hơn 30 năm qua, không lẽ nào thờ ơ được trước nỗi đau của đồng đội. Hội Cựu chiến binh Việt Nam cùng Hội Cựu chiến binh một số nước như Anh, Pháp, Nhật, Mỹ, Đức xây dựng Làng Hữu Nghị, để nuôi dưỡng, điều trị, phục hồi cho các nạn nhân chất độc Da cam. Làng Hữu Nghị có đủ cả ba thế hệ bị nhiễm, sống trong mái nhà "ông chăm cháu, chị chăm em". Các đại biểu của Làng Hòa Bình thì chỉ có "một" thế hệ, các em sần sần tuổi nhau, nếu không bị nhiễm chất độc Da cam thì các em cũng đã được gọi là những chàng trai, những cô gái, nhưng di chứng của chất độc Da cam đã biến các em mãi chỉ như những cô bé, cậu bé lên 10.

Chia sẻ làm vợ đi nỗi đau.

Ông Mai Phước Lục là đại biểu lớn tuổi nhất trong buổi gặp gỡ. Ông Lục ở thị trấn Vĩnh Thuận (Kiên Giang). Trong những năm chiến tranh, vùng quê ông nằm trong khu vực bị rải chất diệt cỏ để không còn chỗ ẩn náu cho Cộng sản. Ngày ấy, có ai biết được cái thứ thuốc được phun ra từ máy bay màu trắng, khi rơi xuống tỏa ra như sương mù lại độc đến vậy. Có ai ngờ được hậu quả của thứ thuốc độc ấy, nó không giết chết ngay con người mà nó cứ âm thầm ngấm vào cơ thể, tàn phá cơ thể. Di chứng của nó đã làm cho các thế hệ thứ hai, thứ ba bị dị tật, thành những đứa trẻ không được bình

thường. Những nhân chứng sống đã làm xúc động những người có mặt trong buổi gặp gỡ bởi sự cố gắng vượt lên số phận để sống. Em Hà Chương quê ở miền Tây tỉnh Quảng Ngãi bị mù cả đôi mắt vì di chứng chất độc Da cam. Mười tuổi, Chương mới được đi học, nhưng tình thương yêu của gia đình và cả những người mà Chương không hề quen biết đã tiếp cho Chương nghị lực đi tiếp con đường của cuộc đời. Chương giành giải hùng biện tiếng Anh, vừa đậu thủ khoa khoa Nhạc cụ dân tộc của Nhạc viện Hà Nội. Cả hội trường lặng trong giây phút, chị Trần Thu Hương - Phó giám đốc Công ty Điện toán và truyền số liệu (Trung tâm điện toán - truyền số liệu khu vực 1) nước mắt chảy dài khi nghe Chương da diết trong từng câu hát với bài hát *Em lắng nghe tiếng đời: "Em không thấy trời xanh, không thấy núi Sơn Trà, không thấy nước sông Hàn. Em chỉ nghe được những lời ru của bà, của má. Mẹ yêu ơi xin đừng đi xa..."*.

Tại buổi gặp gỡ, Phó Chủ tịch nước Trương Mỹ Hoa kêu gọi các tổ chức xã hội trong nước, các bạn bè quốc tế, người có lương tri trên toàn thế giới hãy giúp đỡ các nạn nhân chất độc Da cam, ủng hộ vụ kiện dân sự của các nạn nhân chất độc Da cam với các công ty hóa chất đã sản xuất chất độc Da cam/dioxin cung cấp cho quân đội Mỹ, sử dụng trong cuộc chiến tranh Việt Nam. Nhiều công ty đã góp vật chất để các nạn nhân chất độc Da cam được gặp gỡ tại Hà Nội, công đoàn Công ty hóa chất tặng 5 sổ tiết kiệm, mỗi sổ 500.000 đồng cho 5 đại biểu có nhiều con bị nhiễm chất độc Da cam. Công ty cổ phần Trafaco, Công ty Dệt 10-10, Quỹ bảo trợ trẻ em Việt Nam và Công ty Sữa gia đình Enpha A+ (Mỹ) tặng quà cho các đại biểu nạn nhân chất độc Da cam.

LÊ HUÂN

Thư của Len Aldis gửi Tổng thống Hoa Kỳ George W. Bush:
"ĐÃ QUÁ LÂU ĐỂ CÔNG LÝ ĐƯỢC THỰC THI"

Thưa Ngài tổng thống,

Là tổng thống Hoa Kỳ, ngài giữ một địa vị quyền lực lớn và do đó là cả địa vị trách nhiệm - không chỉ đối với nhân dân nước ngài, mà cả với những người dân các nước khác trên toàn thế giới. Điều đó đặc biệt đúng khi liên quan tới nhân dân Việt Nam.

Thưa Ngài tổng thống, tôi muốn nói đến cuộc chiến tranh của đất nước ngài ở Việt Nam và hậu quả kinh hoàng mà nó để lại. Trong số những vũ khí mà Hoa Kỳ sử dụng có các hóa chất độc hại mà những ảnh hưởng của chúng đối với con người và môi trường Việt Nam đã làm nảy sinh thuật ngữ "thuốc hủy diệt sinh thái". Nhiều quân nhân của chính đất nước ngài cũng bị ảnh hưởng, và vì thế họ đã được phép hưởng những lợi ích qua Bộ Cựu chiến binh của Hoa Kỳ.

Hóa chất được sử dụng rộng rãi nhất trong cuộc chiến tranh chống lại Việt Nam là tác nhân Da cam, một loại thuốc diệt cỏ có chứa dioxin, một trong những chất độc hại nhất mà loài người biết đến. Tác nhân Da cam chiếm một tỷ lệ lớn trong 82 triệu lít hóa chất độc hại mà theo các nhà nghiên cứu Hoa Kỳ, đã được rải xuống Nam Việt Nam trong suốt giai đoạn từ 1961-1972.

Năm 1984, các cựu binh Hoa Kỳ trong chiến tranh Việt Nam đã đệ đơn kiện tập thể ở New York chống lại các công ty sản xuất các chất diệt cỏ này. Các cựu binh cho rằng việc bị ảnh hưởng bởi các hóa chất này đã khiến họ mắc phải nhiều loại bệnh nghiêm trọng khác nhau, và họ đã đưa ra các bằng chứng khoa học để xác minh cho cáo buộc của họ. Các công ty hóa chất trong vai trò bị cáo rõ ràng đã đánh giá vụ kiện của các cựu binh là có cơ sở mạnh mẽ, vì thế họ đã đồng ý thanh toán 180 triệu USD tiền đền bù. Gần đây, một đơn kiện mới cũng đã được đệ lên bởi các cựu binh đang tìm kiếm bồi thường bổ sung.

Tháng 7 năm 1996, người tiên nhiệm của nước ngài, Tổng thống Bill Clinton, tuyên bố một số loại bệnh phụ đã được Viện Hàn lâm khoa học quốc gia xác nhận có liên quan tới việc sử dụng tác nhân Da cam, và từ đó những cựu binh bị ảnh hưởng sẽ được đền bù, cùng con em của họ. Danh sách này hiện bao gồm 12 loại bệnh, trong đó ít nhất có một bệnh liên quan tới sự khiếm khuyết về di truyền mà các cựu binh đã truyền cho con cái của họ.

Cũng cần lưu ý rằng có một xác tín mạnh mẽ khác về những mối liên hệ tới tác nhân Da cam. Theo các hướng dẫn của Bộ Các vấn đề Cựu binh thì "Những cựu binh phục vụ tại Việt Nam trong giai đoạn 1967-1973 (trong số đó có cả những người chỉ tới Việt Nam trong một thời gian ngắn) và có bệnh mà bộ này xác nhận là có liên quan tới tác nhân Da cam, thì được coi là có bị ảnh hưởng bởi tác nhân Da cam".

Thưa Ngài tổng thống, vào tháng 1 năm nay, một đơn kiện tập thể nữa đã được đệ lên tòa án New York chống lại các công ty sản xuất tác nhân Da cam dùng trong chiến tranh Việt Nam. Nguyên đơn trong vụ kiện này là các nạn nhân Việt Nam của chất độc Da cam, những người bị ảnh hưởng bởi các loại bệnh trầm kha được xác nhận là đồng nhất hoặc rất giống với những loại bệnh mà vì chúng, các cựu binh Hoa Kỳ được bồi thường.

Ba thế hệ người Việt Nam đã bị ảnh hưởng, và những hậu quả còn tiếp tục kéo dài trong tương lai.

Ước tính 3 triệu người Việt Nam đã bị tác động, tuy nhiên đến nay không một ai trong số họ nhận được một xu đền bù nào. Vì thế, thưa Ngài tổng thống, tôi viết thư này nhân danh những người đang đau khổ: Thời gian đã qua quá lâu để tất cả những nạn nhân chất độc Da cam được hưởng công lý, trong đó có hàng triệu người Việt Nam.

Cho tới hôm nay, 610.000 người đã tán thành lời thỉnh cầu kêu gọi Chính phủ Hoa Kỳ cùng các công ty hóa chất được nhắc trong đơn kiện tập thể nêu trên nhận trách nhiệm vì phần lớn nỗi thống khổ họ đã mang tới cho các nạn nhân chất độc Da cam của Việt Nam. Những chữ ký có thể được xem tại trang web địa chỉ sau: <http://www.petitiononline.com/AOVN/>.

Đĩ nhiên là đã quá trễ để bồi thường cho những người đã chết. Nhưng đối với các nạn nhân hiện nay và tương lai, vẫn có nhiều điều có thể và phải được làm.

Thưa Ngài tổng thống, ngài có quyền lực và vì thế có trách nhiệm để bảo đảm việc bồi thường cho hàng triệu người đang tiếp tục đau khổ vì di họa khủng khiếp của cuộc chiến tranh hóa học của Mỹ ở Việt Nam.

Đại diện cho những người đã ký tên dưới lời thỉnh cầu, tôi mong ngài hãy nhận trách nhiệm của Hoa Kỳ đối với các nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam, trong một tinh thần đúng mực và công bằng xứng đáng với chức vụ của ngài.

Trân trọng,
LEN ALDIS

New Zealand công bố kết quả điều tra về chất độc Da cam:
"CHÍNH PHỦ PHẢI XIN LỖI VÀ BỒI THƯỜNG"

Ông Len Aldis: kết luận từ New Zealand rất quan trọng đối với nạn nhân Việt Nam.

Hôm qua, Ủy ban Y tế của Quốc hội New Zealand công bố báo cáo kết quả cuộc điều tra về mối liên hệ nguy hiểm giữa chất độc Da cam với sức khỏe của các cựu binh tham chiến tại Việt Nam. Báo cáo thừa nhận chất độc Da cam và các chất diệt cỏ khác đã gây ra nhiều căn bệnh cho các cựu binh và đề nghị chính phủ nước này thừa nhận.

Tuy báo cáo không đề cập đến việc chính phủ phải xin lỗi hay bồi thường, nhưng những yêu cầu này đã xuất hiện ngay sau khi Quốc hội nghe báo cáo. Dân biểu Pita Paraone của Đảng New Zealand nhấn mạnh việc thừa nhận của chính phủ phải kèm theo lời xin lỗi và bồi thường. Người phát ngôn về y tế của Đảng Xanh Sue Kedgley cũng đề nghị chính phủ xin lỗi về việc các chính phủ tiền nhiệm đã từ chối không xác nhận các cựu binh tiếp xúc chất độc Da cam trong suốt 30 năm (hai báo cáo trước đây do tướng Paul Reeves và Đại học Y khoa Wellington đưa ra năm 1999 đều cho rằng các cựu binh New Zealand không bị ảnh hưởng bởi chất độc Da cam). Ông John Moller, cựu chủ tịch Hiệp hội Cựu binh chiến tranh Việt Nam của New Zealand, nói trong vòng hai tuần qua ông biết bốn cựu binh đã qua đời (không nêu rõ nguyên nhân).

THƯỢNG NGHỊ SĨ ANH ỦNG HỘ NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM

Thượng nghị sĩ Alf Dubs, chủ tịch nhóm nghị sĩ Công Đảng tại Thượng viện Anh, cho biết chuyến thăm Việt Nam một tuần từ ngày 20 tháng 9 của nhóm nghị sĩ các đảng có quan tâm tới Việt Nam đã giúp các nghị sĩ Anh hiểu biết sâu sắc hơn về Việt Nam. "Việt Nam đã có nhiều thay đổi lớn lao trong những năm qua. Khi trở về Anh, chúng tôi sẽ khuyến nghị thủ tướng Anh tới thăm Việt Nam", ông Alf Dubs nói với *báo Tuổi trẻ* trong một cuộc trao đổi ngắn tối 24 tháng 9 tại Hà Nội. Ông cũng cho biết phái đoàn nghị sĩ Anh đã tới thăm vùng Tây Nguyên, đi thực địa tại các nhà thờ, trường học và nói chuyện với người dân địa phương. Ông Alf Dubs khẳng định với những gì ông chứng kiến, Chính phủ Việt Nam đang dành quan tâm để phát triển vùng Tây Nguyên, đặc biệt hỗ trợ những người dân thiểu số ở vùng này.

Trả lời *báo Tuổi trẻ* về phản ứng của Hạ viện Anh sau khi Hạ nghị sĩ Harry Cohen trình kiến nghị kêu gọi ủng hộ các nạn nhân chất độc Da cam của Việt Nam, ông Alf Dubs cho biết các nghị sĩ Anh sẽ có điều kiện quan tâm hơn vấn đề này sau khi được nghe phía Việt Nam thông báo về vấn đề chất độc Da cam tại Việt Nam. Với tư cách cá nhân, Thượng nghị sĩ Alf Dubs tuyên bố ủng hộ các nạn nhân chất độc Da cam. "Người dân Việt Nam đã phải chịu đựng những điều khủng khiếp trong chiến tranh. Các nạn nhân có quyền chính đáng yêu cầu bồi thường và công lý cho mình", ông Alf Dubs nói.

CẨM HÀ

Tổng thư ký Hội Hữu nghị Pháp - Việt Marie-Hélène Lavallard:

"TÔI TIN CÔNG LÝ SẼ THẮNG"

Các đại biểu tham gia Diễn đàn nhân dân Á - Âu (AEPF) lần 5 tại Hà Nội (từ ngày 6 đến ngày 9 tháng 9) đã thông qua lời kêu gọi đòi công lý cho những nạn nhân đang phải gánh chịu hậu quả nặng nề của chất độc Da cam/dioxin và uranium nghèo. Nhân dịp này, bà Marie-Hélène Lavallard, Tổng thư ký Hội Hữu nghị Pháp - Việt, đã có cuộc trao đổi với phóng viên Thông tấn xã Việt Nam bày tỏ ủng hộ việc các nạn nhân chất độc Da cam của Việt Nam khởi kiện các công ty hóa chất của Mỹ.

+ Bà có thể cho biết các hoạt động của Hội Hữu nghị Pháp - Việt ủng hộ các nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam trong vụ kiện này?

- Đây là vụ kiện đầu tiên do các nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam khởi kiện. Hội Hữu nghị Pháp - Việt đã làm việc tích cực hơn một năm qua để có thể tổ chức một hội nghị quốc tế về vấn đề này tại Paris, dự kiến vào hai ngày (11 và 12 tháng 3 năm 2005). Chúng tôi đã có nhiều nhà khoa học, nhà hoạt động chính trị từ nhiều nước khác nhau tới dự. Chúng tôi cũng đã có kế hoạch xuất bản một cuốn sách về chất độc Da cam và cuộc đấu tranh chống lại các hậu quả của chất độc này để mọi người dân Pháp có thể đọc và thấy được hậu quả của nó.

Có lẽ các bạn đã nghe nói về trang web kêu gọi ủng hộ nạn nhân chất độc Da cam của Việt Nam do ông Len Aldis, Tổng thư ký Hiệp hội Hữu nghị Anh - Việt xây dựng. Tôi tình cờ biết được và tôi đã xin phép được dịch nội dung của trang web đó sang tiếng Pháp và nhiều ngôn ngữ khác để chuyển đến những người bạn ở Ý, Đức, Tây Ban Nha, Trung Quốc, Nhật Bản, Hy Lạp và Thụy Điển. Cho đến nay, chúng tôi đã thu thập được khoảng 2.000 chữ ký ủng hộ các nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam. Con số này còn ít ỏi là do chúng tôi chỉ mới khai trương trang web sáu tuần trước đây. Nhưng tôi hy vọng trang web của chúng tôi sẽ được biết đến một cách rộng rãi hơn trong tương lai không xa. Ngoài các hoạt động trên, chúng tôi cũng tập trung vào việc quyên góp càng nhiều tiền càng tốt để gửi đến các nạn nhân chất độc Da cam và những người khác đang gặp khó khăn ở Việt Nam.

+ Liệu các nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam có thể thắng kiện?

- Tôi nghĩ công lý sẽ thắng và tôi hy vọng các nạn nhân Da cam của Việt Nam sẽ thắng trong vụ kiện này. Tôi mong và tin rằng tòa án Mỹ sẽ thụ án.

Có thể một cuộc chiến lâu dài sẽ diễn ra tại tòa. Tuy nhiên, tôi biết rằng các luật sư tốt đã được lựa chọn để bảo vệ quyền lợi của các nạn nhân.

+ *Theo bà, phiên tòa sẽ diễn ra trong bao lâu?*

- Tôi cho rằng phiên tòa có thể kéo dài nhiều năm, bởi lẽ nó còn phụ thuộc vào nhiều vấn đề chẳng hạn như cuộc bầu cử tổng thống ở Mỹ, sức ép từ cộng đồng quốc tế... Tôi cho rằng các nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam sẽ kiên trì với vụ kiện vì công lý này.

+ *Bà đánh giá mối quan hệ Pháp - Việt hiện nay?*

- Hiện tại, quan hệ giữa hai nước khá tốt và tôi hy vọng mối quan hệ này sẽ phát triển tốt đẹp hơn nữa trong tương lai. Tôi ngạc nhiên khi thấy những người lính từng tham chiến tại Đông Dương lại yêu Việt Nam đến vậy. Họ luôn mong muốn được quay lại mảnh đất này. Tôi không biết lý giải điều này như thế nào nhưng tôi cảm nhận được rằng họ rất yêu đất nước các bạn. Tất nhiên, còn có rất nhiều người Pháp cũng có tình cảm như vậy. Khi tôi còn trẻ, tôi đã tham gia biểu tình phản đối cuộc chiến do Mỹ gây ra tại Việt Nam. Tôi không biết tại sao, phải chăng chúng ta cùng có những giá trị chung cho dù nền văn minh của hai nước còn có khác biệt.

THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM

ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM ỦNG HỘ VỤ KIẾN CHẤT ĐỘC DA CAM/DIOXIN

Lấy ngày 10 tháng 8 là Ngày vi nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam.

Chiều 9 tháng 7, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức buổi họp báo công bố bản Tuyên bố của Đoàn chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ủng hộ nạn nhân chất độc Da cam ở Việt Nam.

Tại buổi họp báo, thay mặt Ban Thường trực, ông Lê Truyền - Ủy viên thường trực Đoàn Chủ tịch đã giới thiệu nội dung bản tuyên bố trong đó nêu rõ: Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhiệt liệt hoan nghênh và chào mừng Hội nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam - Một tổ chức xã hội từ thiện của những nạn nhân chất độc Da cam và các cá nhân, tập thể tự nguyện hoạt động giúp đỡ nạn nhân chất độc Da cam khắc phục hậu quả chất độc hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam. Mấy chục năm qua, chất độc Da cam gây hậu quả rất nặng nề về bệnh tật và di chứng và vẫn còn tiếp diễn rất phức tạp, gây đau khổ và rất thương tâm tới nhiều thế hệ của hàng triệu nạn nhân và gia đình họ. Trong bản tuyên bố, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cảm thông sâu sắc, chia sẻ với những thiệt thòi và đau thương to lớn của các nạn nhân chất độc Da cam ở Việt Nam và kêu gọi các tầng lớp nhân dân ở khắp mọi miền đất nước và người Việt Nam ở nước ngoài hãy phát huy truyền thống đoàn kết, nhân ái ủng hộ giúp đỡ nạn nhân chất độc Da cam như phương tiện sinh sống, chăm sóc sức khỏe, tham gia ủng hộ cho Quỹ nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam... Bản tuyên bố cũng bày tỏ sự đồng tình và hoan nghênh Hội nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam cùng các cá nhân đại diện nạn nhân chất độc Da cam đã tiến hành vụ kiện dân sự tập thể ra tòa án Mỹ đối với các tập đoàn sản xuất các chất độc hóa học. Cũng trong bản tuyên bố này, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cũng khẩn thiết kêu gọi các chính phủ, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, các nhà khoa học, các luật gia có uy tín và nhân dân thế giới cần hiểu rõ sự thật về cuộc chiến tranh hóa học, về những tác hại tức thời, cùng những hậu quả hết sức nặng nề đối với các thế hệ con người Việt Nam để có những hành động thiết thực giúp đỡ các nạn nhân chất độc Da cam, lên án nghiêm khắc và làm rõ trách nhiệm việc tiến hành chiến tranh hóa học của quân đội Mỹ tại Việt Nam.

Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng các tổ chức thành viên cũng đã thống nhất lấy ngày 10 tháng 8 là "Ngày vì nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam" để việc tuyên truyền vận động thường xuyên tốt hơn thông qua những hình thức vận động đa dạng, phong phú như tổ chức lấy chữ ký các tầng lớp nhân dân, tạo dư luận ủng hộ rộng rãi và có hành động thiết thực giúp đỡ bảo vệ quyền lợi nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam.

H.T

Bản sao lưu trữ

HỘI NGHỊ BAN THƯỜNG VỤ HỘI LUẬT GIA DÂN CHỦ QUỐC TẾ

TTXVN - Trong bốn ngày từ 19 đến 22 tháng 6, tại thủ đô Béc-lin (Cộng hòa liên bang Đức) diễn ra Hội nghị Ban Thường vụ Hội Luật gia dân chủ quốc tế (IADL). Nhiều đoàn đại biểu quốc tế, trong đó có đoàn đại biểu Hội Luật gia nước ta, gồm giáo sư Đào Trí Úc, Viện trưởng Viện Nhà nước và Pháp luật, Phó chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hội Luật gia Việt Nam và phó giáo sư Nguyễn Như Phát, giám đốc Trung tâm Luật so sánh, đã tham dự hội nghị.

Hội nghị đã thông qua tuyên bố về cuộc chiến tranh xâm lược I-rắc, về tính chất pháp lý của việc xét xử cựu Tổng thống I-rắc Xát-đam Hu-xê-in; tuyên bố về quá trình nghiên cứu và sự ủng hộ của Hội Luật gia dân chủ quốc tế đối với vụ các nạn nhân chất độc Da cam/dioxin ở Việt Nam kiện các tập đoàn sản xuất, cung cấp hóa chất độc hại này cho quân đội Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Trong khuôn khổ hội nghị, các luật gia quốc tế và Đức đã thành lập diễn đàn "Tòa án nhân dân thế giới về cuộc xâm lược I-rắc" với hơn 40 bản thuyết trình, tham luận và kiến nghị.

Hội nghị quyết định tổ chức đại hội Hội Luật gia dân chủ quốc tế vào tháng 5 năm 2005 tại Pa-ri (Pháp).

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM ỦNG HỘ CÁC NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM

Hưởng ứng Lời kêu gọi của Hội nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam, ngày 11 tháng 7, Hội Luật gia Việt Nam đã ra Tuyên bố ủng hộ các nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam khởi kiện ra Tòa án Liên bang Mỹ vụ kiện dân sự các công ty hóa chất Hoa Kỳ sản xuất chất độc Da cam cung cấp cho quân đội Mỹ sử dụng trong chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Tuyên bố nêu rõ: Vụ kiện dân sự này là "việc làm đúng luật pháp quốc tế và pháp luật của các quốc gia, phù hợp đạo lý và lương tri của tất cả những ai yêu chuộng hòa bình, chống chiến tranh tàn bạo, bênh vực lẽ phải, vì sự công bằng và nhân đạo".

Hội Luật gia Việt Nam hoàn toàn ủng hộ các nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam trong vụ kiện này; kêu gọi sự công bằng, khách quan của các vị thẩm phán Hoa Kỳ; hoan nghênh sự giúp đỡ đầy thiện chí của các luật sư Mỹ đối với các nguyên đơn trong vụ kiện, đồng tình và cùng với Hội Luật gia dân chủ quốc tế, Hội nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam ủng hộ về tinh thần và pháp lý đối với các nguyên đơn để đưa vụ án đến kết quả cuối cùng.

MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM RA TUYÊN BỐ ỦNG HỘ NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM

Chiều 9 tháng 7, tại Hà Nội, Đoàn chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ra Tuyên bố ủng hộ nạn nhân chất độc Da cam ở Việt Nam và nhiệt liệt hoan nghênh việc Hội nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam ra đời, trở thành một thành viên mới của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Tuyên bố nêu rõ: Đoàn chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cảm thông sâu sắc, chia sẻ những thiệt thòi, đau thương to lớn của các nạn nhân chất độc Da cam ở Việt Nam và kêu gọi các tầng lớp nhân dân ở khắp mọi miền đất nước, người Việt Nam ở nước ngoài hãy phát huy truyền thống đoàn kết, nhân ái, thương người như thể thương thân, có những hành động thiết thực để ủng hộ, giúp đỡ nạn nhân chất độc Da cam. Đồng thời, hoan nghênh Hội nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam cùng các cá nhân đại diện nạn nhân chất độc Da cam tiến hành vụ kiện dân sự tập thể ra tòa án Mỹ, đối với các tập đoàn sản xuất ra các chất hóa học để quân đội Mỹ sử dụng tại cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, từ năm 1961 đến năm 1971. Đây là vụ kiện đầy tính nhân đạo, nhằm bảo vệ công lý, hòa bình của nhân loại vì chính nghĩa, quyền lợi của hàng triệu người bị hại và một lần nữa hoan nghênh bản Tuyên ngôn của Hội nghị Stockholm (Thụy Điển) về việc ủng hộ Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia khắc phục hậu quả chiến tranh do Mỹ gây ra, khẩn thiết kêu gọi các chính phủ, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, các nhà khoa học, các luật gia có uy tín và nhân dân thế giới cần hiểu rõ sự thật về cuộc chiến tranh hóa học, về những tác hại tức thời, cùng những hậu quả hết sức nặng nề đối với các thế hệ con người Việt Nam do quân đội Mỹ đã tiến hành ở Việt Nam.

LỜI KÊU GỌI CỦA HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM ỦNG HỘ NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM Ở VIỆT NAM

Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam chào mừng sự ra đời và đi vào hoạt động của Hội nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam (Hội nạn nhân) từ tháng 1 năm 2004 như một thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam cũng nhiệt liệt hoan nghênh việc Hội nạn nhân cùng một số cá nhân đại diện tiến hành vụ kiện dân sự tập thể đối với các tập đoàn sản xuất ra các hóa chất độc hại mà quân đội Mỹ đã sử dụng tại Việt Nam từ 1961 đến 1971.

Cuộc chiến tranh đi qua từ lâu, nhưng những chất độc hóa học mà Mỹ đã sử dụng vẫn để lại những hậu quả nặng nề cho môi trường và sức khỏe của hàng triệu người dân Việt Nam ở những vùng bị ảnh hưởng và cả các quân nhân Mỹ tham chiến ở Việt Nam. Trong khi các cựu chiến binh Mỹ đã được hưởng trợ cấp bệnh tật - di chứng do chất độc Da cam gây nên, thì các nạn nhân Việt Nam vẫn phải đương đầu với bệnh tật và di chứng mà không hề được sự quan tâm của những người gây ra hậu quả đó.

Phụ nữ hơn ai hết là những người gánh chịu những hậu quả của cuộc chiến tranh, những đau khổ mà chất độc để lại trên cơ thể họ, và các thế hệ mai sau của họ. Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam xin bày tỏ sự cảm thông sâu sắc tới các gia đình nạn nhân chất độc Da cam và những người phụ nữ, ở cả Việt Nam và Mỹ, vì những đau khổ bất hạnh mà họ phải gánh chịu trong hàng chục năm qua và trong nhiều năm nữa.

Thời gian mà tòa án Mỹ sẽ xem xét hồ sơ vụ kiện đang tới gần. Nhân dịp này, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam *khẳng định* việc khởi kiện của các nạn nhân Việt Nam là hoàn toàn chính đáng, xuất phát từ ý nghĩa nhân đạo, từ niềm tin vào công lý và lương tâm của con người.

Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam *kêu gọi lương tâm* của phụ nữ và nhân dân Mỹ, *sự công bằng* của tòa án Mỹ, và *trách nhiệm* của các công ty Mỹ đối với hậu quả mà các sản phẩm của họ gây ra. Hãy trung thực trước lịch sử và thực tế cuộc sống của các nạn nhân chất độc Da cam ở Việt Nam để có những hành động phù hợp, và điều đó sẽ làm các bạn thanh thản hơn.

Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam *kêu gọi phụ nữ và nhân dân thế giới* - những người đã ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của Việt Nam trước đây - hãy lên tiếng ủng hộ các nạn nhân chất độc Da cam ở Việt Nam và vụ kiện

của họ bằng mọi hình thức. Tiếng nói của các bạn sẽ là niềm cổ vũ động viên lớn lao đối với các nạn nhân và sẽ góp phần vào cuộc đấu tranh cho lẽ phải.

Cũng nhân dịp này, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam *phát động phong trào ủng hộ* các nạn nhân chất độc Da cam trong hội viên và phụ nữ cả nước. Các cấp Hội và chị em phụ nữ hãy thiết thực quan tâm và chăm sóc tốt hơn nữa các nạn nhân chất độc Da cam ở cộng đồng, đồng thời ủng hộ mạnh mẽ vụ kiện mà các nạn nhân chất độc Da cam đang tiến hành bằng cách tổ chức lấy chữ ký trong các cơ sở Hội. Các cấp Hội sẽ lấy ngày 10 tháng 8 là ngày cao điểm cho các hoạt động vì nạn nhân chất độc Da cam hàng năm.

Mỗi ngày là một ngày quan tâm tới các nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam!

Vì hòa bình và công lý, hãy ủng hộ các nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam!

Bản sao lưu trữ

HỘI NGƯỜI CAO TUỔI, LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM RA TUYÊN BỐ ỦNG HỘ NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM VIỆT NAM

Sáng 20 tháng 7, Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam đã ra tuyên bố ủng hộ nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam. Bản tuyên bố nêu rõ: Hội Người cao tuổi Việt Nam ủng hộ các cá nhân đại diện nạn nhân chất độc Da cam và Hội nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam tiến hành vụ kiện dân sự tập thể ra tòa án Mỹ đối với các tập đoàn sản xuất chất độc hóa học để quân đội Mỹ sử dụng tại cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam từ năm 1961 đến năm 1971, gây hậu quả nặng nề và bao đau thương cho các thế hệ người Việt Nam, trong đó có người cao tuổi.

Hội Người cao tuổi Việt Nam kêu gọi những người cao tuổi ở mọi miền đất nước và người cao tuổi Việt Nam ở nước ngoài hãy cùng nhân dân cả nước ủng hộ các nạn nhân chất độc Da cam ở Việt Nam kiện các công ty Mỹ ra tòa án Mỹ theo luật pháp Mỹ đòi làm rõ trách nhiệm pháp lý về những sản phẩm của các công ty Mỹ đó sản xuất và gây tác hại to lớn đến sức khỏe của con người Việt Nam, có trách nhiệm trong việc hồi phục, chăm sóc, sức khỏe cho nạn nhân và gia đình họ.

Ngày 14 tháng 7 năm 2004, Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam đã ra tuyên bố ủng hộ các nạn nhân chất độc Da cam. Tuyên bố nêu rõ: Là tổ chức đại diện cho gần hai triệu trí thức khoa học và công nghệ Việt Nam, Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam hiểu rõ, dioxin là một trong số hóa chất có độc tố cao nhất mà con người đã tìm ra. Trong nhiều năm qua các nhà khoa học Việt Nam, trong đó có nhiều hội viên của Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam đã tham gia nhiều công trình nghiên cứu hậu quả nguy hiểm của chất độc Da cam/dioxin đối với môi trường thiên nhiên và con người ở Việt Nam. Các bệnh tật phổ biến ở các nạn nhân chất độc Da cam/dioxin là các bệnh ung thư, các bệnh hệ thống tiêu hóa, thần kinh, tai biến sinh sản, dị tật bẩm sinh,... với tỷ lệ cao hơn hẳn so với những đối tượng khác. Thực tế ở Việt Nam trong mấy chục năm sau chiến tranh cho thấy chất độc Da cam đã, đang và sẽ còn tiếp tục gây ra hậu quả rất nặng nề đối với môi trường thiên nhiên, gây ra những bệnh tật và di chứng rất thương tâm đối với nhiều thế hệ của hàng triệu nạn nhân và gia đình Việt Nam.

Đoàn Chủ tịch Hội đồng Trung ương Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam hoan nghênh và bày tỏ sự ủng hộ mạnh mẽ vụ kiện dân sự

tập thể ra tòa án Mỹ của Hội nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam cùng các nạn nhân chất độc Da cam.

Đoàn Chủ tịch Hội đồng Trung ương Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam hoan nghênh bản Tuyên ngôn của Hội nghị Stockholm - Thụy Điển về việc ủng hộ Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia khắc phục hậu quả chiến tranh do Mỹ gây ra, đồng thời khẩn thiết kêu gọi các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, các nhà khoa học, các luật gia của Việt Nam và quốc tế và nhân dân thế giới tiếp tục quan tâm tìm hiểu sự thật về cuộc chiến tranh hóa học, về những tác hại tức thời, cùng những hậu quả hết sức nặng nề và lâu dài đối với các thế hệ người Việt Nam; có những hành động thiết thực giúp đỡ nạn nhân chất độc Da cam ở Việt Nam; lên án nghiêm khắc và làm rõ trách nhiệm việc tiến hành chiến tranh hóa học của quân đội Mỹ tại Việt Nam, ủng hộ mạnh mẽ vụ kiện dân sự tập thể của Hội nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam và các nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam đang tiến hành.

Bản sao lưu trữ

NGÀY 10 THÁNG 8 HÀNG NĂM: NGÀY CẢ NƯỚC HÀNH ĐỘNG VÌ NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC MÀU DA CAM

"Chiến dịch Ranch Hand".

Chiến dịch sử dụng chất diệt cỏ và làm rụng lá cây tại chiến trường miền Nam Việt Nam được quân đội Mỹ tiến hành với mật danh "Chiến dịch Ranch Hand".

Ngày 10 tháng 8 năm 1961, chuyến bay đầu tiên rải chất độc hóa học xuống khu vực Đắc Tô (Kon Tum). Sau hai giờ, các loại cây bị phun hóa chất đã héo và chết. Cuộc thí nghiệm được thực hiện trong hai ngày trên địa bàn Kon Tum được quân đội Mỹ đánh giá là phi vụ thành công mỹ mãn. Theo tạp chí "Tự nhiên" của Trường đại học Côlômbia (Mỹ) công bố vào tháng 4 năm 2003, trong gần một thập kỷ thực hiện cuộc chiến tranh hủy diệt, quân đội Mỹ đã rải xuống chiến trường miền Nam 80 triệu lít hóa chất, trong đó khoảng 600kg dioxin. Khi kết thúc chiến tranh, tại nhiều khu vực (sân bay Đà Nẵng, Phù Cát, Biên Hòa) vẫn còn tồn trữ lượng hóa chất lớn. Cuộc chiến tranh hóa học của Mỹ tại miền Nam Việt Nam được các nhà khoa học trên thế giới đánh giá là "cuộc chiến tranh môi sinh" lớn nhất trong lịch sử nhân loại.

Ngày 15 tháng 6 năm 1966, tại cuộc họp của Hội đồng Khoa học thường kỳ của Hội Vì sự tiến bộ của khoa học Hoa Kỳ (AAAS) đã công bố: "Việc sử dụng hóa chất trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam của Bộ Quốc phòng Mỹ gây ra mối lo ngại trong các nhà khoa học về tác hại của nó. Phân viện Thái Bình Dương sẽ thành lập một nhóm khoa học đầu ngành nghiên cứu về tác hại của hóa chất diệt hại trên môi sinh ở Việt Nam...". Các nhà khoa học có lương tri trên thế giới đều phản đối chính quyền Mỹ, yêu cầu ngừng ngay việc sử dụng chất diệt cỏ tại Việt Nam. Dư luận thế giới gây áp lực lớn đối với chính quyền Mỹ. Ngày 29 tháng 10 năm 1969, Mỹ đã phải tuyên bố hạn chế dùng hóa chất diệt cỏ ở những vùng đông dân cư. Đến tháng 2 năm 1971, chiến dịch sử dụng chất diệt cỏ của Mỹ mới ngừng hẳn, nhưng chính quyền Sài Gòn vẫn tiếp tục sử dụng đến tháng 4 năm 1975.

Hãy dành một ngày.

Cuộc chiến tranh kết thúc, nhiều người lính từ chiến trường trở về quê hương xây dựng gia đình, khi sinh con đều bị dị dạng, khuyết tật. Tại những khu dân cư ở khu vực bị rải chất độc hóa học, ở gần kho lưu trữ hóa chất cũng có nhiều người sinh con dị dạng. Nhiều người sinh ra sau chiến tranh cả chục

năm vẫn bị dị dạng, nồng độ dioxin ở trong máu khá cao. Riêng ở khu vực dưới chân đồi An Sơn (Bình Định) - nơi tồn trữ lượng hóa chất khá lớn, phụ nữ bị tai biến sinh sản, trẻ dị tật nhiều hơn khu vực khác. Bao nhiêu năm qua, "bí ẩn" của chất độc Da cam/dioxin vẫn chưa được các nhà khoa học vén lên. Đa phần các nạn nhân đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nhiều gia đình có tới 4 - 5 người con bị di chứng chất độc Da cam/dioxin, không có khả năng lao động, cần phải có sự giúp đỡ, chăm sóc của người khác. Nhiều người không được quyền làm cha, làm mẹ. Nhiều trẻ em sinh ra đã phải sống cuộc sống thực vật, vô thức, hoàn toàn phải sống nhờ cậy vào người thân và xã hội. Nhiều gia đình có cả ba thế hệ bị di chứng chất độc Da cam/dioxin.

Theo số liệu của Hội nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam, hiện nay cả nước có khoảng 4,8 triệu người bị phơi nhiễm chất độc Da cam, trong đó có gần 3 triệu người là nạn nhân chất độc Da cam/dioxin.

Ông Lê Kế Sơn - giám đốc Quỹ bảo trợ nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam nói: "Trong thời gian qua, có thể nói rằng nhiều tổ chức phi chính phủ nước ngoài đến Việt Nam hoạt động, thực hiện nhiều dự án khác nhau trên nhiều lĩnh vực, nhưng còn rất ít các tổ chức phi chính phủ tham gia vào việc giúp đỡ nạn nhân chất độc Da cam và chưa có tổ chức chính phủ nào chính thức giúp đỡ nạn nhân chất độc Da cam. Điều này gây thiệt thòi cho các nạn nhân chất độc Da cam.

Đặc biệt, cuộc chiến tranh hóa học ở Việt Nam để lại hậu quả nặng nề do quân đội Mỹ gây nên, nhưng cho đến nay Chính phủ Mỹ vẫn chưa có việc làm nào giúp đỡ nạn nhân chất độc Da cam. Hội Chữ thập đỏ Mỹ là tổ chức phi chính phủ đầu tiên hợp tác với Quỹ bảo trợ nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam thực hiện các dự án giúp đỡ người khuyết tật và nạn nhân Da cam trên quy mô khá lớn với kinh phí 555.000 USD. Tuy nhiên, số tiền này vẫn còn quá nhỏ so với yêu cầu. Vì thế chúng tôi mong muốn có nhiều tổ chức tham gia vào việc giúp đỡ nạn nhân Da cam".

Khi các nạn nhân Da cam Việt Nam khởi kiện các công ty hóa chất tại tòa án Mỹ, dư luận ủng hộ mạnh mẽ vụ kiện, hàng trăm nghìn chữ ký của lương tri ủng hộ các nạn nhân Da cam đó là những chữ ký vì công lý, vì lương tri của nhân loại. Hơn 3.000 lá thư được gửi tới giáo sư Kenneth J. Herrman - giám đốc chương trình "Suny Brokport Vietnam Program". Toàn bộ chữ ký và những lá thư đó sẽ là áp lực rất lớn đối với Chính phủ Mỹ về trách nhiệm với các nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam.

Ngày 10 tháng 8 - Ngày vì nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam. Chúng ta hãy có những hành động thiết thực vì họ.

LÊ HUÂN

THƯ CỦA CHỦ TỊCH NƯỚC TRẦN ĐỨC LƯƠNG GỬI QUỸ BẢO TRỢ NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM

Tôi vui mừng được biết, ngày 24 tháng 7 năm 1998 là ngày ra mắt chính thức "Quỹ bảo trợ nạn nhân chất độc Da cam".

Thành lập "Quỹ bảo trợ nạn nhân chất độc Da cam" là việc làm rất cần thiết, đáp ứng mong mỏi của các gia đình có người là nạn nhân của chất độc màu Da cam, phù hợp với nguyện vọng của đông đảo đồng bào ta trong cả nước, kiều bào ta ở nước ngoài vốn có truyền thống giàu lòng nhân ái và phù hợp với chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

Tôi tin tưởng chắc chắn rằng, sau khi Quỹ được thành lập, sẽ có nhiều cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước ủng hộ.

Vì điều kiện công tác, không thể trực tiếp đến động viên và cổ vũ nhân ngày ra mắt của Quỹ, tôi xin được gửi một phần tháng lương của mình để góp vào Quỹ nhân ngày thành lập đầu tiên này.

Chúc "Quỹ bảo trợ nạn nhân chất độc Da cam" thành công!

"NHỮNG NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM XỨNG ĐÁNG ĐƯỢC CHĂM SÓC VÀ GIÚP ĐỠ MỘT CÁCH TÍCH CỰC"

*Bà Nguyễn Thị Bình - nguyên Phó Chủ tịch nước,
Chủ tịch danh dự Quỹ bảo trợ nạn nhân chất độc Da cam,
Chủ tịch danh dự Hội nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam*

+ Là người dành rất nhiều tâm huyết giúp đỡ những nạn nhân chất độc Da cam, xin bà cho biết đôi điều về nhiệm vụ của Hội nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam vừa ra đời ngày 10 tháng 1 năm 2004!

- Từ lâu, Đảng và Nhà nước đã quan tâm giúp đỡ các nạn nhân chất độc Da cam với sự thành lập Ủy ban 10-80 (vừa nghiên cứu, vừa giúp đỡ các nạn nhân), sau đó là sự thành lập của Quỹ bảo trợ nạn nhân chất độc Da cam (trực thuộc Hội Chữ thập đỏ). Đến năm 1998, Nhà nước đã có chính sách cụ thể, trực tiếp đối với nạn nhân chất độc Da cam. Trước đây, các chính sách chỉ đề cập tới nạn nhân chiến tranh nói chung, trong đó có nạn nhân chất độc Da cam, nhưng từ những năm 1997-1998 Nhà nước đã có chính sách rõ ràng đối với những người bị nhiễm chất độc hóa học, chất độc Da cam. Cùng với những hoạt động tích cực của Quỹ bảo trợ nạn nhân chất độc Da cam, Quỹ bảo trợ trẻ em Việt Nam... sự quan tâm của cộng đồng đối với nạn nhân chất độc Da cam đã tăng lên. Các nạn nhân đã thấy sự hỗ trợ đó là quý báu nhưng còn quá hạn chế so với nhu cầu được sống, được chữa bệnh, được giúp đỡ để có được những nghề đơn giản có thể tự nuôi thân... Theo nguyện vọng, đòi hỏi của nạn nhân chất độc Da cam, Đảng và Nhà nước đã thấy rằng những đòi hỏi đó là hết sức chính đáng nên cho phép Hội nạn nhân chất độc Da cam ra đời với những nhiệm vụ rất rõ. Một là: Với truyền thống tự cứu mình, trước hết những nạn nhân phải đoàn kết với nhau, đoàn kết với cộng đồng để vươn lên, vượt qua khó khăn. Hai là: Vận động trong và ngoài nước chăm lo cho nạn nhân nhiều hơn và thiết thực hơn. Hội cũng sẽ đề xuất những chính sách cần thiết với Đảng và Nhà nước để cải thiện mức sống của các nạn nhân. Ba là: Tranh thủ sự ủng hộ trong và ngoài nước để bảo vệ quyền lợi cho những nạn nhân chất độc Da cam. Nhiều nạn nhân cho rằng Mỹ đã gây ra tổn thất này đối với nhân dân Việt Nam nên đòi hỏi những công ty sản xuất ra chất độc phải có trách nhiệm, họ phải đền bù, đóng góp vào sự chăm lo cho đời sống của những nạn nhân.

+ *Có ý kiến cho rằng chúng ta đã để mất khá nhiều thời gian trước khi chính thức lên tiếng đòi các công ty Mỹ bồi thường cho các nạn nhân chất độc Da cam. Xin bà cho biết ý kiến cá nhân về vấn đề này!*

- Thực ra, trong tất cả những buổi tiếp xúc của các vị đại diện quan chức của Mỹ, Chính phủ ta đều đặt vấn đề Mỹ phải có trách nhiệm trước những tổn thất đã gây ra cho các nạn nhân chất độc Da cam. Tuy vậy, dù đã cố gắng nhưng chúng ta vẫn nên làm sớm hơn. Bao nhiêu nạn nhân đã mất rồi. Chúng ta nên rút kinh nghiệm đó để làm tốt hơn, để những người còn sống được chăm sóc, giúp đỡ tốt hơn.

+ *Vậy theo bà, cộng đồng cần hành động như thế nào để có thể giúp đỡ các nạn nhân thực sự có hiệu quả?*

- Tôi nghĩ trước hết Đảng, Nhà nước và những người quản lý phải có trách nhiệm vì *Nhà nước này là nhà nước của dân, mà những nạn nhân chất độc Da cam phần lớn là những người đã chiến đấu vì độc lập dân tộc nên họ xứng đáng được chúng ta chăm sóc và giúp đỡ một cách tích cực.* Đảng và Nhà nước đã có chính sách, đang thực hiện nhưng vẫn cần các cơ quan liên quan như Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế... thực hiện những chính sách này tốt hơn. Nhiều việc trong xã hội ta cần sự "cùng làm" của cả Nhà nước và nhân dân và ở đây chúng ta cần huy động sự quan tâm, giúp đỡ của cộng đồng đối với những nạn nhân chất độc Da cam - người nghèo nhất, đau khổ nhất trong xã hội. Những việc làm đó đã giúp nhiều nạn nhân sống được đến hôm nay, có những người đã có được một nghề để tự nuôi thân... Tuy nhiên, *chúng ta phải thấy rằng chúng ta có thể làm được tốt hơn thế.* Các tầng lớp nhân dân trong xã hội ta cần có sự quan tâm nhiều hơn, thiết thực hơn để những nạn nhân chất độc Da cam với bớt những đau khổ không chỉ về vật chất mà còn về tinh thần.

Điều đáng nói là bạn bè thế giới luôn quan tâm tới cuộc đấu tranh chung cũng như những ảnh hưởng của chất độc hóa học, chất độc Da cam đối với Việt Nam. Do đó, nếu chúng ta thông tin rõ hơn cho họ về tác hại của chất độc Da cam thì chắc chắn sẽ nhận được sự hậu thuẫn, ủng hộ không chỉ của nhân dân Việt Nam mà còn của cả cộng đồng quốc tế... Những nạn nhân chất độc Da cam khởi kiện một số công ty Mỹ sản xuất chất độc Da cam còn là vấn đề về đạo lý và sự công bằng, các nạn nhân đòi Mỹ phải có trách nhiệm với những gì mà họ đã làm nên chúng ta cần thuyết phục dư luận đặt vấn đề Mỹ phải có trách nhiệm với những nạn nhân chất độc Da cam ở Việt Nam. Hiện nay, sự giúp đỡ cả về vật chất lẫn tinh thần cho các nạn nhân là vô cùng cần thiết bởi hậu quả của chất độc Da cam là rất nặng nề. Dân ta cũng cần được thông tin đầy đủ để hiểu và có sự giúp đỡ tích cực hơn. Đối với dư luận bên ngoài, chúng ta cần tạo điều kiện để họ thấy thực chất của vấn

đề, thức tỉnh lương tri và trách nhiệm để họ có sự giúp đỡ thiết thực. Sự giúp đỡ về vật chất là rất cần thiết đối với các nạn nhân bởi họ là những gia đình rất nghèo, đang rất cần được sống, được chữa bệnh khi hầu hết đều mang những căn bệnh nan y, cần chữa trị lâu dài và rất tốn kém. Hiện nay, sự giúp đỡ đã có nhưng vẫn còn ít ỏi. *Chúng ta còn có thể làm tốt hơn để cải thiện cuộc sống cho những nạn nhân, giúp họ bớt đi phần nào những đau khổ, mất mát, nhất là đối với phụ nữ và trẻ em - những nạn nhân thảm thương nhất của chất độc này.*

+ *Xin cảm ơn bà!*

THỤC HẠNH *thực hiện*

Bản sao lưu trữ

Giáo sư, tiến sĩ khoa học Phan Thị Phi Phi
"TÔI KHIẾU KIỆN KHÔNG PHẢI VÌ BẢN THÂN MÌNH"

+ *Tại sao bà quyết định trở thành một trong những nguyên đơn đại diện đầu tiên của một vụ kiện dân sự tập thể, nơi bà sẽ phải đấu tranh cho quyền lợi không chỉ của riêng mình mà còn của hàng ngàn nạn nhân khác?*

- Đã 18 năm nay tôi nghiên cứu về tác hại của chất độc Da cam trên người (gồm cả cựu chiến binh, dân thường, những người sống trong vùng bị rải chất độc hóa học...). Tôi đã gặp những nạn nhân chất độc Da cam ở rất nhiều nơi trên đất nước. Nhiều người đã chết, khi tôi đến gia đình chỉ gặp được vợ con. Nhiều người cả hai vợ chồng bị nhiễm, sinh ra một bầy con tất cả đều dị dạng, không phát triển, ngưng như ở Quảng Trị, Ninh Bình; có những gia đình có tới 4 đứa con mù như ở Hà Tây... Những tai ương đó quá khủng khiếp đối với các gia đình, nhất là khi người bố và người mẹ đau ốm, không có khả năng lao động để lo cho mình, nói gì đến lo cho các con. Họ rất lo lắng bởi ý nghĩ khi qua đời không biết ai sẽ chăm sóc những đứa con bệnh tật. Khoảng 10 năm trở lại đây, nhân dân ta đã hiểu do chất độc hóa học nên con cái họ bị như vậy, còn trước đây nhiều người cho rằng vì bố mẹ ác đức nên mới sinh những đứa con dị dạng, tật nguyền. Vậy là, đã nghèo, họ còn bị cô lập trong xã hội! Tôi đã theo 2 đứa trẻ quê Hà Tây đang sống ở Làng Hòa Bình về thăm gia đình chúng, để rồi chúng kiến một người cha câm lặng vì quá đau khổ, một người mẹ khóc ròng bên bầy con bị ảnh hưởng chất độc Da cam. Họ không nói nhưng tôi đọc được trong mắt họ rằng: Họ không tin những giúp đỡ tí teo của đoàn này hay đoàn kia đến thăm có thể giải quyết được gì. Họ quá khổ! Họ là những người khổ nhất, nghèo nhất và thảm thương nhất!

(Câu chuyện của chúng tôi bị ngừng lại bởi những giọt nước mắt. Người phụ nữ sắc sảo trên các diễn đàn khoa học, giờ nghẹn lời khi nói đến chuyện của "người đời". Trước cuộc gặp này, tôi đã biết bà bị nhiễm chất độc Da cam từ hơn 30 năm trước, khi làm giám đốc bệnh viện Số 1- nơi cứu chữa các bệnh nhân 9 tỉnh thuộc Liên khu 5. Nhiều người đã dặn tôi không nên gợi lại nỗi đau riêng của bà... Nhưng rồi chính bà lại chủ động nói về điều ấy).

Chuyện của tôi đã quá lâu rồi, khi tôi còn trẻ. Vì nhiễm chất độc Da cam nên tôi bị sảy thai liên tiếp và phải quyết định không sinh con... Thời gian qua lâu rồi, tôi cũng không nghĩ đến kiện cáo gì, nhưng cảnh sống của các nạn nhân chất độc Da cam ở miền Nam, nhân dân ở những vùng bị nhiễm,

bị rải, những người di tản chiến trường về đang sống ở Nam Định, Thái Bình, Hà Tây, Từ Liêm, Ninh Bình, Huế... còn khổ quá, không còn từ nào để diễn tả. Tuy Chính phủ đã cố gắng và các nhà hảo tâm giúp đỡ, nhưng mới chỉ đến được với số ít nạn nhân và có được thì cũng còn quá ít. Sau chiến tranh, người bị thương hay chết đã được xác định rõ, còn chất độc Da cam thì truyền qua nhiều thế hệ nên những khổ đau là bất tận. Vì vậy, tôi muốn làm được một điều gì đó cho những nạn nhân, trong đó có quyền lợi của mình, nhưng mình không phải là chính. Nếu chỉ cho mình thì tôi không làm, nhưng nếu làm vì quyền lợi chung, trong đó có quyền lợi của mình, thì mình phải làm và làm đến cùng.

Bản sao lưu trữ

CÁC LUẬT SƯ MỸ TIN CÔNG LÝ SẼ ỦNG HỘ CÁC NẠN NHÂN VIỆT NAM

Đoàn luật sư Mỹ bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho các nạn nhân chất độc Da cam trong vụ khởi kiện dân sự của các nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam đối với các công ty hóa chất Hoa Kỳ sản xuất ra chất độc hóa học để quân đội Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam, gây tác hại nặng nề đến sức khỏe và môi trường - đã chính thức đến Việt Nam. Đoàn sẽ gặp gỡ các nạn nhân và làm việc với Hội nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam về lộ trình của vụ khiếu kiện đang được Tòa án Liên bang ở bang New York xem xét.

Đoàn luật sư do bà Jeane Ellen Mirer làm trưởng đoàn sang Việt Nam từ ngày 30 tháng 6 đến 14 tháng 7 năm 2004. Đoàn đã làm việc với Hội nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam về lộ trình vụ khiếu kiện dân sự của các nạn nhân chất độc Da cam với 37 công ty hóa chất Hoa Kỳ đã sản xuất ra chất độc hóa học, cung cấp cho quân đội Mỹ sử dụng trong chiến tranh Việt Nam. Tòa án Liên bang bang New York đã bắt đầu xem xét đơn khởi kiện của các nạn nhân chất độc Da cam ở Việt Nam.

Việc các nạn nhân chất độc Da cam ở Việt Nam khởi kiện các công ty hóa chất Hoa Kỳ đã nhận được sự ủng hộ của nhiều tổ chức, cá nhân trên toàn thế giới. Tại hội nghị của Hội Luật gia dân chủ thế giới được tổ chức vào tháng 6 vừa qua, đoàn luật sư Mỹ đã đưa vấn đề khởi kiện của các nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam và đề nghị với Hội Luật gia thế giới ra tuyên bố ủng hộ các nạn nhân chất độc Da cam ở Việt Nam. Theo luật gia Đào Trí Úc (đại diện Hội Luật gia Việt Nam tham dự hội nghị), nghị quyết của hội nêu rõ quan điểm ủng hộ vụ kiện và sẽ ra tuyên bố của Hội Luật gia dân chủ thế giới.

Trong những ngày có mặt tại Việt Nam, đoàn luật sư Mỹ đã trực tiếp gặp gỡ, tiếp xúc với các nạn nhân chất độc Da cam ở một số tỉnh, thành. Đoàn luật sư Mỹ đã có buổi trao đổi với nạn nhân Nguyễn Văn Quý (Hải Phòng) - một trong những nguyên đơn của vụ kiện. Tại cuộc tiếp xúc của đoàn với các nạn nhân chất độc Da cam ở tỉnh Thái Bình, cựu thanh niên xung phong đường Trường Sơn thuộc Binh đoàn 559 Nguyễn Thị Tâm đã thực sự làm các luật sư Mỹ xúc động, bởi chị đã bị chất độc hóa học tước đi quyền làm mẹ và đành phải nương nhờ cửa Phật.

Đoàn luật sư Mỹ cũng đã đến A So, A Lưới (Thừa Thiên - Huế), Biên Hòa (Đồng Nai), nơi hứng chịu nhiều nhất lượng hóa chất do quân đội Mỹ rải

xuống trong cuộc chiến tranh cách đây gần 40 năm, nhưng di chứng và sự tàn phá của chất Da cam/dioxin vẫn còn dai dẳng đến ngày hôm nay. Đoàn luật sư Mỹ đã gặp gỡ hàng trăm nạn nhân và tiếp nhận nhiều hồ sơ để làm bằng chứng cho vụ khởi kiện, trong đó có nhiều trẻ em - thế hệ thứ ba bị di chứng của chất dioxin.

Các nạn nhân Da cam chủ yếu thuộc gia đình nghèo khó, họ gặp rất nhiều khó khăn cả về kinh tế lẫn cơ sở vật chất. Năm 2000, Hội Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm quốc tế kêu gọi các tổ chức chữ thập đỏ trên toàn thế giới hãy giúp đỡ các nạn nhân chất độc Da cam ở Việt Nam. Hội Chữ thập đỏ Mỹ và một số nước đã có những dự án giúp nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam và bước đầu đã thu được những kết quả nhất định: Người được hưởng lợi từ dự án có những cải thiện rõ rệt trong cuộc sống.

Giáo sư Kenneth Hermann - giám đốc chương trình "Sunny Brockport Vietnam Program" kêu gọi các nạn nhân, gia đình nạn nhân chất độc Da cam hãy gửi thư để ông mang về Mỹ, mở cuộc vận động ủng hộ chất độc Da cam ở Việt Nam. Ông Len Aldis - Chủ tịch Hội Hữu nghị Anh - Việt đã mở hẳn trang web, kêu gọi lương tri trên toàn thế giới có những chữ ký để ủng hộ các nạn nhân chất độc Da cam ở Việt Nam.

Bà Jeane Ellen Mirer - trưởng đoàn luật sư Mỹ cho biết, đoàn luật sư Mỹ yêu cầu dư luận trong và ngoài nước, đặc biệt là ở Mỹ hãy lên tiếng mạnh mẽ hơn nữa để ủng hộ các nạn nhân chất độc Da cam ở Việt Nam, ủng hộ Tuyên bố của Hội nạn nhân chất độc Da cam ở Việt Nam, để tin rằng lương tri và công lý còn tồn tại trên trái đất này.

LÊ HUÂN - NGỌC HIỀN

TRIỆU TẮM LÒNG XOA DỊU NỖI ĐAU DA CAM

Ấy là một đêm rực sáng bằng ánh sáng của những ngọn nến hy vọng. Một đêm chợt bừng trắng bởi ngàn vạn con hạc giấy của ước mơ. Một đêm không có sự kết thúc bởi triệu triệu con tim đang thổn thức.

4 giờ chiều ngày 18 tháng 9, trời chợt đổ mưa trên khắp địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Cái mưa giữa mùa mưa của mảnh đất Nam Bộ anh dũng này có thể làm cùn đi ý định ra đường của bất cứ ai. Mưa trắng trời, xối đất. Mưa khiến ngàn vạn người dân thành phố chợt dấy trong lòng nỗi lo về chương trình đêm nay họ đang chờ đợi.

Thế nhưng, trời cũng như cảm thông với những nỗi đau. 18 giờ, những giọt mưa cuối cùng khuất hẳn sau những tấm màn ánh sáng. Cùng lúc ấy, mọi nẻo đường dẫn về khu vực Công viên 30-4, người đông nườm nượp. Người ta đến sớm không phải để giành chỗ. Người ta đến để làm một nghĩa cử: Ký tên ủng hộ những nạn nhân chất độc Da cam. 20 chiếc máy tính nối mạng ngay tại Công viên 30-4 không được nghỉ đến một giây. Người xếp hàng chờ đến lượt kéo thành một hàng dài dọc theo vỉa hè đường Pa-xtơ. Phần đông là sinh viên, học sinh. Phần còn lại, khá ngỡ ngàng, có cả những người đạp xích lô, chạy xe ôm, bán quà rong... Trong số họ, không thiếu gì người không biết một chút gì về máy tính. Và, lần đầu tiên tiếp xúc với thứ sản phẩm của công nghệ cao kia, hóa ra lại là một lần họ làm việc nghĩa.

Trước giờ khai màn chừng một giờ đồng hồ, đoạn đường Lê Duẩn chạy giữa Công viên 30-4, nơi được Ban tổ chức chọn làm sân khấu tổ chức "Đêm trắng góp tay xoa dịu nỗi đau Da cam" đã không còn một chỗ trống. Hàng ngàn thanh niên, sinh viên, trẻ nhỏ, người già, trung niên... tự sắp xếp chỗ ngồi cho mình theo cách rất trật tự. Dường như mỗi người đều ý thức được việc họ đang làm.

Thắp nến lên!

Chỉ trong một tích tắc, chợt ánh sáng nến bùng lên tỏa rực khắp khu vực Công viên 30-4. Đặc biệt hơn, mỗi ngọn nến lại được gắn lên một con hạc giấy. Ban tổ chức đã tính có khoảng 1.000 con hạc giấy. Điều ấy có nghĩa, đã khoảng 1.000 ngọn nến cùng lúc được thắp lên trong đêm. Điều ấy cũng có nghĩa, ngàn niềm hy vọng đã cùng ngàn ước mơ bay lên.

Ngay lời đầu tiên trong bài phát biểu khai mạc gọn ghẽ, ông Lê Hoàng, Tổng biên tập báo *Tuổi trẻ* - đơn vị tổ chức "Đêm trắng góp tay xoa dịu nỗi đau Da cam" đã vui mừng thông báo: Ban tổ chức đã nhận được 1,2 tỷ đồng

quyên góp ủng hộ các nạn nhân chất độc Da cam và "Ký tên vì công lý" đã lên tới 600.000 chữ ký. Trong đó, tính riêng ngày 18 tháng 9 là hơn 926 triệu đồng.

Những lời ca lên án tội ác man rợ của chất độc Da cam, những lời ca xoa dịu nỗi đau của những trẻ em không may mắn đã vang lên. Ấy là "Vì đâu em chết", là "Em không biết", "Hãy cho em ngày mai", "Đôi chim xanh", "Về đâu em ơi", "Mùa xuân", "Thấp sáng ngàn tình tú", "Hãy hàn gắn thế giới"... Những bài ca ấy không chỉ được diễn trên sân khấu. Cả ngàn người đã cùng hát. Họ đã hát không chỉ bằng hơi, bằng sức. Họ hát bằng cả con tim. Bởi thế, những tiếng hát ấy khiến người nghe phải rung động, phải... không thể không hát theo.

Một trong số những hành động thiết thực nhất ủng hộ các nạn nhân chất độc Da cam là cuộc bán đấu giá những bức ảnh xúc động của nghệ sĩ nhiếp ảnh Đoàn Đức Minh. Trước khi "Đêm trắng góp tay xoa dịu nỗi đau Da cam" diễn ra, ba bức ảnh "Mẹ và Trương Thị Kiều", "Bé Thùy Linh", "Cô Mến nắm tay cha" đã được ba đơn vị nhận mua với tổng số tiền là 33 triệu đồng. Theo ban tổ chức, số tiền này và cả số tiền bán ảnh ngay tại chương trình, sẽ được dùng để ủng hộ các nạn nhân chất độc Da cam. Để có những bức ảnh đầy xúc cảm ấy, nghệ sĩ nhiếp ảnh Đoàn Đức Minh đã tốn không ít thời gian, công sức và cả sự chia sẻ. Anh tâm sự: "Mang bi kịch gia đình nhà mình ra giới thiệu trước các phương tiện thông tin đại chúng là một việc không dễ dàng gì. Nhưng tôi không phải là khách qua đường, tạt vào nhà những nạn nhân chất độc Da cam để ghi vài tấm hình rồi đi. Tôi đã ở lại nhà họ và chờ đợi giây phút có thể bấm máy".

Trong đêm ấy, dưới ánh nến lung linh, nhiều em đã khóc. Thế nhưng, những giọt nước mắt ấy không dành cho lòng thương hại. Đó là những giọt nước mắt sẻ chia!

HUY QUÂN

ỦNG HỘ NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM LÀ VÌ HÒA BÌNH, HỮU NGHỊ, CÔNG LÝ VÀ LƯƠNG TRI

Lời tòa soạn: Những ngày này, phong trào lấy chữ ký ủng hộ nạn nhân chất độc Da cam ở nước ta, nhất là ủng hộ vụ kiện dân sự các công ty hóa chất Hoa Kỳ đã sản xuất chất độc để quân đội Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam, đang "nóng" lên từng giờ. Những người ủng hộ trong và ngoài nước ngày một tăng. Phóng viên báo Quân đội nhân dân đã phỏng vấn đồng chí Thượng tướng Đặng Vũ Hiệp, Chủ tịch Hội nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam. Sau đây là nội dung cuộc phỏng vấn:

+ *Kính thưa Chủ tịch, nước ta vừa có rất nhiều hoạt động nhân ngày 10 tháng 8, ngày cả nước hành động "Vì nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam"?*

- Đúng là có rất nhiều hoạt động, nhưng so với những hoàn cảnh thương tâm, những mất mát đau thương của họ thì vẫn còn xa mới đạt yêu cầu. Tôi phải nhấn mạnh rằng, nạn nhân chất độc Da cam là những người nghèo nhất trong những người nghèo; đau khổ nhất trong những người đau khổ. Đến với họ là đến với nỗi đau khổ tột cùng của con người. Nhiều gia đình âm thầm chịu đựng đến mấy chục năm nay rồi và cũng không biết họ phải chịu đựng đến bao giờ.

+ *Còn công tác tuyên truyền, đồng chí đánh giá thế nào?*

- Cũng "ra quân" chậm, không thường xuyên. Chính vì thế mà lâu nay dư luận trong nước ít chú ý, không thấy được hết hậu quả nặng nề của chất độc Da cam. Nhưng gần một tháng nay các phương tiện thông tin đại chúng đã chú ý nhiều hơn vấn đề này.

+ *Thưa Chủ tịch, hiện nước ta có bao nhiêu nạn nhân chất độc Da cam?*

- Chưa có con số chính xác, nhưng cũng phải hàng triệu người.

+ *Cơ sở để ước tính số nạn nhân là gì?*

- Trong chiến tranh Việt Nam, Mỹ có 2,3 triệu lượt lính tham gia, mặc dù chỉ chịu ảnh hưởng gián tiếp, mà hiện có 200 nghìn lính bị nhiễm chất độc Da cam/dioxin. Còn ở Việt Nam có 16 triệu người trong vùng Mỹ rải chất độc, nếu tính trung bình 20% thì phải hàng triệu người bị. Một tổ chức nghiên cứu của Mỹ cho rằng Việt Nam có khoảng 4 triệu nạn nhân chất độc Da cam. Nếu chất dioxin ngấm vào gien, nó còn lây nhiễm sang các thế hệ sau. Ở nước ta đã có bằng chứng nhiễm sang thế hệ thứ ba, còn thế hệ thứ tư có hay không thì nay cũng chưa kết luận được.

+ *Chủ tịch vừa nói đến nạn nhân của quân đội Mỹ?*

- Luật của Hoa Kỳ, các cựu chiến binh không được phép kiện chính phủ về các việc xảy ra trong chiến tranh, nên họ đã kiện 7 công ty hóa chất đã cung cấp cho quân đội Mỹ các hóa chất độc dùng trong chiến tranh Việt Nam. Ngày 7 tháng 5 năm 1984 khai mạc vụ án tại tòa án liên bang quận phía Đông Brooklyn, New York và các công ty đã phải bồi thường 180 triệu USD gửi vào ngân hàng thành một quỹ để bồi thường cho các cựu chiến binh bị tác hại của chất Da cam. Cùng với lãi suất, ngân khoản này tăng lên đến nay thành hơn 240 triệu USD. Đến nay trong số 68.000 đơn khiếu nại, có khoảng 40.000 đơn đã được nhận trợ cấp. Vậy thì không có lý do gì người Việt Nam là nạn nhân trực tiếp của chất độc Da cam lại không được đền bù. Viện Hàn lâm y học Hoa Kỳ đã công nhận chất độc Da cam/dioxin rải ở Việt Nam gây ra 13 loại bệnh tật và nhận điều trị miễn phí cho cựu chiến binh Mỹ và con cháu họ, danh sách mỗi năm lại được bổ sung thêm.

+ *Đối với nạn nhân của Việt Nam thì sao, thưa Chủ tịch?*

- Trước hết phải khẳng định rằng trách nhiệm thuộc về nước Mỹ. Nói thế không có nghĩa rằng gây nên hận thù, hay lật lại quá khứ để ảnh hưởng đến quan hệ hợp tác giữa hai nước mà theo chủ trương của Đảng ta, khép lại quá khứ, hướng tới tương lai - mà chính là để các bên thấy được trách nhiệm, phối hợp trông nom, chăm sóc, chữa trị người bệnh và tẩy rửa môi trường. Các nhà khoa học, kể cả nhiều cựu chiến binh và nhân dân Mỹ đều đã lên tiếng đấu tranh từ rất lâu đòi chính quyền Mỹ phải chấm dứt sử dụng vũ khí hóa học rải xuống Việt Nam, vận động ủng hộ nạn nhân chất độc Da cam. Điển hình là tháng 2 năm 1967 một nhóm hơn 5.000 nhà khoa học Mỹ, trong đó có 17 người đã nhận giải thưởng Nobel và 129 viện sĩ Viện Hàn lâm khoa học quốc gia Mỹ dưới sự lãnh đạo của tiến sĩ John Edsall của Trường đại học Harvard đã ký vào một kiến nghị trình lên Tổng thống Lyndon Johnson đề nghị Chính phủ Mỹ ngừng ngay việc sử dụng chất diệt cỏ tại Việt Nam. Còn cuối tháng 5 năm 2004 giáo sư Kenneth J. Herrman- người từng phục vụ trong quân đội Mỹ tại Việt Nam, nay là giám đốc chương trình "Sunny Brockport Vietnam Program" đã gửi thư đến Văn phòng đại diện thông tấn xã Việt Nam tại Washington kêu gọi các nạn nhân chất độc Da cam của Việt Nam lên tiếng để thế giới biết tới những mất mát, đau thương mà họ đang phải chịu đựng. Giáo sư J. Herrman đề nghị các nạn nhân, thân nhân nạn nhân hãy gửi thư đến giáo sư để tổ chức vận động sự quyên góp, ủng hộ tại Mỹ vào tháng 9 năm 2004 (Hội chúng tôi đã nhận được hơn 3.000 bức thư).

+ *Xin đồng chí cho biết về sự ủng hộ của các nước khác?*

- Cũng rất nhiều. Tôi chỉ đơn cử vài trường hợp. Tại Pháp, Hội Hữu nghị Pháp - Việt đã thành lập Hội Ủng hộ nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam.

Còn ông Len Aldis - Tổng thư ký Hội Hữu nghị Anh - Việt thì từ tháng 3 năm 2004 đã thông qua mạng internet kêu gọi những người có lòng nhân ái trên toàn thế giới ký tên ủng hộ các nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam. Đến ngày 16 tháng 8 đã nhận được 173.426 chữ ký, trong đó có nhiều chữ ký của người Mỹ.

+ *Còn sự ủng hộ trong nước?*

- Những tháng gần đây, các đoàn thể trong Mặt trận Tổ quốc và các cơ quan, địa phương mít tinh, lên tiếng ủng hộ và đặc biệt là phong trào lấy chữ ký ủng hộ vụ kiện của các nạn nhân đang rất sôi nổi. Về vật chất, hơn 8 tháng nay, kể từ khi được thành lập (10-1-2004), Hội nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam đã nhận được trực tiếp 800 triệu đồng của các cá nhân, tổ chức xã hội ủng hộ nạn nhân chất độc Da cam và còn khoảng một tỷ đồng thông báo qua thư, fax... sẽ chuyển tiền đến sau. Nếu tính cả nước đóng góp vào các Quỹ bảo trợ nạn nhân chất độc Da cam ở Hội Chữ thập đỏ Trung ương và các địa phương thì con số cũng không nhỏ. Tuy nhiên sự giúp đỡ của cộng đồng xã hội vẫn còn hạn chế so với nhu cầu dù ít ỏi của các nạn nhân.

+ *Xin phép hỏi thêm Chủ tịch về ý nghĩa của ngày 10 tháng 8?*

- Ngày 10 tháng 8 năm 1961, chiếc máy bay trực thăng H-34 của Không lực Hoa Kỳ thực hiện chuyến bay rải chất diệt cỏ đầu tiên dọc theo quốc lộ 14 từ Kon Tum lên Đắc Tô, mở đầu cho chiến dịch rải chất khai quang, được đặt dưới mật danh "Ranch Hand" và kéo dài 10 năm liên quân đội Mỹ đã rải xuống chiến trường miền Nam Việt Nam khoảng 80 triệu lít chất độc hóa học, phần lớn là chất Da cam, chứa gần 400kg dioxin. Ngày 25 tháng 6 năm 2004, đại diện 32 tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã họp Hội nghị "Vì nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam" đề nghị lấy ngày 10 tháng 8 hàng năm (ngày đầu tiên Mỹ rải chất độc hóa học xuống Việt Nam) là ngày cả nước hành động "Vì nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam", nhằm kêu gọi lương tri và trách nhiệm của cộng đồng. Ủng hộ nạn nhân chất độc Da cam là vì hòa bình, hữu nghị và công lý.

+ *Xin cảm ơn Chủ tịch!*

HUY THIÊM thực hiện

PHẦN THỨ TƯ

**NHỮNG NẠN NHÂN
CHẤT ĐỘC DA CAM /DIOXIN
TRONG VỤ KIỆN CÁC CÔNG TY
HÓA CHẤT HOA KỲ**

Bản sao lưu trữ

**VỀ VỤ KIẾN DÂN SỰ DO CÁC CÔNG DÂN VIỆT NAM
BỊ NHIỄM CHẤT ĐỘC DA CAM/DIOXIN
KIẾN CÁC CÔNG TY HÓA CHẤT HOA KỲ**

Đây là vụ kiện dân sự do các công dân Việt Nam và một tổ chức của người Việt Nam dựa theo Đạo luật bồi thường thiệt hại cho người nước ngoài/Alien Tort Claims Act - ("ATCA"), 28 U.S.C. DD1350 và những điều luật trong luật án lệ và các luật áp dụng đối với những hành vi hỗ trợ và tiếp tay vi phạm pháp luật quốc tế và phạm tội ác chiến tranh, đồng thời đòi các công ty Hoa Kỳ bồi thường bằng tiền cho những tổn thương cá nhân bị chết oan uổng và tình trạng dị tật bẩm sinh và kiến nghị tòa ra trát lệnh bồi thường về tình trạng ô nhiễm môi trường và hồi trả lợi nhuận. Sở dĩ có những đòi hỏi trên chính là do quá trình sản xuất và cung cấp chất diệt cỏ để phun rải, cất giữ và rò rỉ ở Việt Nam từ 1961 đến 1975, gây ra tử vong và tổn thương cho nguyên đơn và tập thể mà họ đại diện, cũng như đã làm ô nhiễm nhiều vùng đất đai của đất nước này.

CÁC BÊN CỦA VỤ KIẾN

Nguyên đơn "Hội nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam" (The Vietnam Association for Victims of agent orange/dioxin) là một tổ chức không vụ lợi, phi chính phủ của công dân Việt Nam. Hội viên là những nạn nhân trực tiếp tiếp xúc với các chất diệt cỏ được sử dụng trong chiến tranh với Mỹ cũng *như những cá nhân và tập thể tình nguyện dành thời gian, công sức hoặc hỗ trợ tài chính để giúp đỡ các nạn nhân*. Mục đích của hội là đại diện và bảo vệ quyền lợi, gây quỹ để chữa trị và chăm sóc nạn nhân, làm giảm nhẹ tác hại của ô nhiễm. Hội do một ban chấp hành điều hành gồm nạn nhân, luật sư, nhà nghiên cứu y học, khoa học cũng như nhân sĩ nổi tiếng thuộc các chuyên ngành khác của Việt Nam.

Nguyên đơn:

NGUYÊN ĐƠN PHAN THỊ PHI PHI

Phan Thị Phi Phi là một người Việt Nam đồng thời là một bác sĩ sống tại tỉnh Quảng Nam, Nam Việt Nam.

Từ tháng 4 năm 1966 qua hết tháng 7 năm 1971, bác sĩ Phi Phi đã phục vụ với tư cách là giám đốc bệnh viện Số 1. Đó là một bệnh viện cơ động có nhiều bộ phận lưu động đến nhiều địa phương của tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi của Nam Việt Nam. Các đơn vị của bệnh viện thường đứng chân gần đường mòn Hồ Chí Minh và gần nhiều sông suối trong các tỉnh nói trên. Bác sĩ Phi Phi thường phải đi lại trên đường mòn Hồ Chí Minh để thăm các đơn vị của bệnh viện.

Với tư cách là giám đốc bệnh viện Số 1, bác sĩ Phi Phi đã luôn đi kiểm tra việc điều trị và chăm sóc bệnh nhân là dân thường. Bệnh viện cũng thỉnh thoảng chữa trị cho binh sĩ bị bệnh nặng.

Cán bộ bệnh viện trong đó có bác sĩ Phi Phi cùng bệnh nhân nằm chữa trị tại bệnh viện này, để sống hàng ngày, đều phải dựa vào thực phẩm mà họ trồng trọt và tìm được trong những thung lũng. Họ uống nước suối gần các đơn vị của bệnh viện hoặc gần đường mòn Hồ Chí Minh. Trong số thực phẩm mà họ trồng cấy và ăn là sắn, gạo, ngô và các rau quả dại. Họ cũng mua thực phẩm như gia cầm, lợn và các động vật khác cùng với rau trồng của người địa phương.

Các tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi, đặc biệt gần đường mòn Hồ Chí Minh là hai khu vực bị rải nhiều chất diệt cỏ do một, một số hoặc tất cả bị đơn đã sản xuất cho chương trình Trail Dust và Ranch Hand, cả trước lẫn trong thời gian bác sĩ Phi Phi ở những nơi đó. Những chiến dịch này đã làm cho những thung lũng gần đường mòn Hồ Chí Minh bị phơi nhiễm nặng các chất diệt cỏ trong đó có cả các thung lũng mà bác sĩ Phi Phi và đồng sự trồng và thu hoạch thực phẩm và dùng nước uống.

Do bị phơi nhiễm các chất diệt cỏ nên cây cối và rau quả trong các thung lũng này đã rụng hết lá và thối không ra quả nữa. Do vậy, bác sĩ Phi Phi và đồng sự bắt buộc phải thu hoạch và ăn các loại củ, gốc thực vật như khoai lang, sắn mà không hề biết rằng những thứ đó cũng như nước suối mà họ dùng để sống đã bị nhiễm chất diệt cỏ. Trong toàn bộ thời gian bà làm giám đốc tại bệnh viện Số 1, bác sĩ Phi Phi đã ăn thực phẩm và uống nước phơi nhiễm các chất diệt cỏ.

Trước chiến tranh, bác sĩ Phi Phi đã sinh được một bé gái khỏe mạnh.

Từ 1971-1972, bác sĩ Phi Phi có thai ba lần. Mỗi lần bác sĩ Phi Phi mang thai đều bị sảy ngay trong 3 tháng đầu. Bác sĩ Phi Phi đã bị sảy thai vào tháng 12 năm 1971, tháng 7 năm 1972 và tháng 11 năm 1972.

Năm 1973, bác sĩ Phi Phi lại thai nghén lần nữa. Mặc dù quá trình đó tiến triển bình thường trong 3 tháng đầu nhưng đến tháng 7 năm 1973, bà lại bị sảy và buộc vào nằm viện.

Các lần sảy thai của bác sĩ Phi Phi đều do nguyên nhân bà đã bị phơi nhiễm chất diệt cỏ và dioxin theo con đường thực phẩm và nước uống lấy từ những nơi bị phun rải chất diệt cỏ.

**CÁC NGUYÊN ĐƠN NGUYỄN VĂN QUÝ, VŨ THỊ LOAN, NGUYỄN QUANG TRUNG
VÀ NGUYỄN THỊ THÚY NGA**

Vào khoảng tháng 7 năm 1972, nguyên đơn Nguyễn Văn Quý là người Việt Nam đồng thời là bộ đội phục vụ trong quân đội của Việt Nam Dân chủ cộng hòa. Nhiệm vụ của ông là sửa chữa đường dây thông tin.

Từ tháng 4 năm 1972 đến tháng 7 năm 1972, đơn vị Nguyễn Văn Quý hành quân vào miền Nam Việt Nam dọc theo đường mòn Hồ Chí Minh. Từ tháng 7 năm 1972 đến tháng 9 năm 1972, Nguyễn Văn Quý đóng quân ở Bo Ko. Sau đấy, ông chuyển về Quảng Ngãi là nơi ông đóng quân từ tháng 9 năm 1972 đến tháng 4 năm 1973. Từ tháng 4 năm 1973 đến cuối chiến tranh vào năm 1975, ông đóng quân ở Quảng Nam, gần đường mòn Hồ Chí Minh. Tất cả những tỉnh nói trên đều ở Nam Việt Nam.

Trong thời gian từ 1972 đến 1975, ông thường xuyên ăn sắn, rau dại và các loại cây cỏ khác kiếm được và ông cũng thường xuyên uống nước suối của những khu vực bị phun rải chất diệt cỏ do một, một số hoặc tất cả các bị cáo đã sản xuất. Ông có thể chỉ ra được nơi đã bị phun rải các chất diệt cỏ bằng cách nhận biết cây cối không có lá và khi trời mưa thường có mùi nồng nặc, khó chịu bốc lên từ mặt đất trong một lúc.

Vào khoảng tháng 8 năm 1972, một hôm, khi đang thu hoạch rau dại để ăn, ông đã gặp một thùng sắt mà ông nghĩ có đựng dầu đang rất cần để thắp sáng. Bấy giờ, dầu đang có công dụng lớn cho đèn. Ông đã lấy lưới lê đâm thủng chiếc thùng và thấy rò rỉ ra một chất trắng có mùi nồng nặc và khó chịu. Dựa vào thông tin và niềm tin, chất trắng đó chính là chất diệt cỏ do một, một số, hoặc tất cả các bị đơn đã sản xuất.

Trong cả thời gian ông đóng quân tại Nam Việt Nam, Nguyễn Văn Quý thỉnh thoảng nhức đầu, mệt mỏi, da thường ngứa ngáy và nổi mẩn. Tình trạng mẩn ngứa biến mất sau khi ông đi khỏi Quảng Ngãi vào năm 1973, nhưng triệu chứng nhức đầu và mệt mỏi vẫn tiếp tục kéo dài và ngày càng tệ.

Sau chiến tranh, Nguyễn Văn Quý trở lại nhà ở tỉnh Hải Dương, miền Bắc Việt Nam, là nơi ông đoàn tụ với gia đình lo việc đồng áng.

Năm 1983, Nguyễn Văn Quý lập gia đình và vợ của ông mang thai. Vào cuối năm, ông Quý đi Vũng Tàu, Nam Việt Nam, là nơi ông đã tìm được việc làm thợ hàn.

Trong khi ông Quý đang làm việc tại Vũng Tàu, thì người vợ đang có thai của ông vẫn ở cùng gia đình ở Hải Dương. Nhưng quá trình thai nghén đã kết thúc bằng đứa bé chết ngay trong lúc ra đời. Bà đã đẻ non và thai nhi lại dị dạng.

Do thai chết lưu và dị dạng, vợ ông Quý đã đòi và được ly dị.

Ông Quý tiếp tục làm việc tại Vũng Tàu trong khoảng một năm, nhưng phải dừng lại vì cảm thấy ốm yếu và mệt mỏi.

Năm 1986, ông Quý trở lại nhà mình tại Hải Dương, nơi ông có thể dựa vào gia đình về tài chính vì ông quá yếu không thể lao động được.

Vào năm 1987 ông Quý đã kết hôn một lần nữa với nguyên đơn Vũ Thị Loan và ông đã chuyển về thành phố Hải Phòng sống trong nhà của gia đình bà Loan và lấy đó làm chỗ dựa về tài chính.

Bà Loan nhanh chóng có thai vào năm 1988, sinh ra cháu trai đó là nguyên đơn Nguyễn Quang Trung.

Nguyên đơn Nguyễn Quang Trung sinh ra cùng với dị tật cột sống, chân tay và phát triển không bình thường. Các ngón chân thô to và méo mó. Nguyên đơn không thể điều khiển được chân tay. Cột sống của Nguyên đơn bị dị tật bẩm sinh không đủ khả năng nâng đỡ cơ thể. Nguyên đơn không có khả năng phát triển cơ thể. Do những điều kiện như vậy, Nguyễn Quang Trung không thể đứng, đi hoặc sử dụng tay; không thể chăm sóc bản thân và đi học hay lao động.

Ngay sau khi sinh Nguyễn Quang Trung, bà Loan lại mang thai và vào năm 1989 sinh ra một bé gái đó là nguyên đơn Nguyễn Thị Thúy Nga cũng bị dị tật bẩm sinh, đồng thời điếc và câm. Do vậy, Nguyễn Thị Thúy Nga không thể đi học hoặc lao động cũng như không thể tự chăm sóc.

Tình trạng mệt mỏi và ốm yếu của ông Quý ngày càng xấu, và trong tháng 9 năm 2003, ông đến bệnh viện Việt Tiệp ở Hải Phòng để chạy chữa.

Vào khoảng ngày 20 tháng 10 năm 2003, ông Quý thấy khó thở, được xe cấp cứu đưa đến bệnh viện Quân đội 108 ở Hà Nội để chạy chữa. Ông được chuyển đến một bệnh viện chuyên ngành về ung thư ở Hà Nội. Tại đó ông được chẩn đoán ung thư dạ dày, tổn thương gan và phát hiện thấy dịch trong phổi.

Ông Quý bị ung thư và chữa trị làm cho ông tạm thời bị rụng tóc. Việc điều trị hết sức tốn kém buộc ông Quý phải vay tiền của bạn bè và gia đình để chi trả. Hiện nay ông rất yếu, khó thở và luôn có mặt tại nhà. Mặc dù ông Quý được hưởng chế độ thương tật của Chính phủ nhưng số tiền đó không nhiều và bà Loan đã phải nuôi gia đình bằng cách làm và bán hương ngay tại gia đình. Ông Quý và bà con bên vợ chăm lo cho Nguyễn Quang Trung và

Nguyễn Thị Thúy Nga và gia đình. Cả hai con của ông Quý đều không tự chăm sóc mình và thường xuyên đòi hỏi sự chăm nom của ông Quý, bà Loan và gia đình họ.

Bệnh tật và hoàn cảnh của ông Quý cũng như những dị tật bẩm sinh và tình hình của các con ông phát sinh là do ông bị phơi nhiễm chất diệt cỏ và dioxin thông qua con đường thực phẩm, nước uống lấy từ khu vực bị phun rải chất diệt cỏ cũng như khả năng ông tiếp xúc trực tiếp với chất diệt cỏ.

NGUYỄN ĐƠN DƯƠNG QUỲNH HOA VÀ HUỲNH TRUNG SƠN

Nguyễn đơn Dương Quỳnh Hoa là một công dân Việt Nam và là bác sĩ sống tại thành phố Sài Gòn, Nam Việt Nam.

Trong thời gian đó, bà đi lại thường xuyên trong các thành phố Biên Hòa và Sông Bé đã bị ô nhiễm nặng chất diệt cỏ do một, một số hoặc tất cả bị đơn sản xuất.

Từ 1968-1976, nguyên đơn bác sĩ Hoa phục vụ với tư cách là Bộ trưởng Bộ Y tế của Chính phủ Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Trong thời gian đó bà sống ở tỉnh Tây Ninh.

Trong thời gian ở Tây Ninh, nhiều lần bà được thông báo phải che đầu bằng túi ni lông vì máy bay Hoa Kỳ đang rải hóa chất. Trong thời gian đó bà cũng bắt gặp một thùng đựng chất diệt cỏ do một, một số hoặc tất cả bị đơn sản xuất và được máy bay Hoa Kỳ phun rải.

Vào tháng 5 năm 1970, bác sĩ Hoa sinh nở một cháu trai, đó là nguyên đơn Huỳnh Trung Sơn. Nguyên đơn Huỳnh Trung Sơn ra đời với dị tật phát triển và mắc bệnh động kinh (developmentally disabled, epileptic convulsions).

Nguyên đơn Huỳnh Trung Sơn đã chết vào lúc 8 tháng tuổi sau một cơn co giật.

Vào thời điểm cuối chiến tranh, bác sĩ Hoa bắt đầu thấy ngứa và nổi mẩn trên da.

Năm 1971, bác sĩ Hoa lại có thai nhưng vào tháng 7 năm 1971, sau 8 tuần thì sảy.

Bác sĩ Hoa lại có thai lần nữa và lại sảy sau 6 tuần, vào tháng Giêng năm 1972.

Sau cái chết của cháu bé và hai lần sảy thai, bác sĩ Hoa đi đến quyết định không tiếp tục mang thai nữa.

Năm 1985, sau những đợt sức khỏe giảm sút và ốm mệt bác sĩ Hoa đã được chẩn đoán mắc bệnh đái đường.

Năm 1998, sau khi cảm thấy có một u trong ngực phải, bác sĩ Hoa được chẩn đoán là bị ung thư vú và bà đã phải đi phẫu thuật cắt bỏ (mastectomy).

Năm 1999, bác sĩ Hoa được kiểm tra về dioxin và kết quả cho thấy hàm lượng chất độc trong máu của bà tương đối cao.

Bệnh tật của nguyên đơn Dương Quỳnh Hoa và cái chết của con trai Huỳnh Trung Sơn xảy ra là vì bác sĩ Hoa đã phơi nhiễm chất diệt cỏ do một, một số hoặc tất cả bị đơn sản xuất.

NGUYÊN ĐƠN HỒ KAN HẢI VÀ NGUYỄN VĂN HOÀNG

Từ năm 1972, nguyên đơn Hồ Kan Hải là một công dân Việt Nam sống bằng nghề nông tại thung lũng A Lưới (trước là A Sầu), Nam Việt Nam, gần với căn cứ không quân Hoa Kỳ, nơi chất diệt cỏ do bị đơn sản xuất và cung cấp sau đó được cất giữ, vận chuyển, rò rỉ và phun rải.

Trong số thực phẩm của khẩu phần ăn của bà Hải và gia đình gồm có gạo, rau, sắn, cá, gia cầm lấy được tại địa phương.

Trong thời gian sống tại A So, bà Hải đã bốn lần sảy thai, hai con bị chết non, một chết lúc mới được 16 ngày, một chết lúc 2 tuổi. Bà cũng bị phẫu thuật u nang buồng trứng.

Một trong những đứa trẻ đang sống là nguyên đơn Nguyễn Văn Hoàng. Cháu sinh ngày 7 tháng 9 năm 1992. Khi sinh, Hoàng đã bị dị tật nghiêm trọng về thể chất, tinh thần và hiện đang sống với mẹ là bà Hải và cha đẻ. Bà Hải hàng ngày phải chăm nom Hoàng và Hoàng không thể và sẽ không bao giờ có thể tự chăm sóc cho mình.

Sở dĩ có sảy thai, bị u nang buồng trứng là do bà Hải đã dùng thực phẩm và nước bị nhiễm độc chất diệt cỏ do một số hoặc tất cả bị đơn sản xuất.

NGUYÊN ĐƠN HỒ THỊ LÊ VÀ HỒ XUÂN BẮT

Nguyên đơn Hồ Xuân Bắt là một công dân Việt Nam và là một giáo viên, sinh 1952, đã sống tại thung lũng A Lưới, Nam Việt Nam. Trong thời gian chiến tranh với Hoa Kỳ, ông hoạt động tích cực trong Mặt trận dân tộc giải phóng và nhiều lần quan sát việc phun rải chất diệt cỏ. Thung lũng A Lưới cũng bị phơi nhiễm chất diệt cỏ do quá trình cất giữ, vận chuyển và rơi vãi tại nhiều căn cứ quân sự Hoa Kỳ trong vùng.

Năm 1978, ông Bắt kết hôn cùng nguyên đơn Hồ Thị Lê, sau đó tiếp tục sống tại A Lưới, bà Lê trồng lúa và rau để cung cấp cho gia đình thực phẩm

và bán ra chợ địa phương. Khẩu phần ăn chủ yếu của họ gồm có gạo, sắn, rau dại, cá và gia cầm sản xuất tại địa phương.

Năm 1980, bà Lê sinh hạ đứa con đầu lòng, sau đó lại mang thai, nhưng lần này chỉ mới được một tháng thì không giữ được.

Năm 1982, đứa con đầu đã chết vì nghẹt ở mũi. Cùng năm đó, bà Lê lại sinh đứa thứ hai, nhưng đứa trẻ đã chết sau 16 ngày. Bà Lê hiện vẫn không rõ vì sao.

Trong số các triệu chứng, ông Bất bắt đầu thấy sức khỏe giảm sút, mệt mỏi, thường xuyên đau đầu, ho ra máu, đau ngực, ngại ăn, sút cân và sốt. Vào khoảng tháng 10 năm 2002, ông đã điều trị ở bệnh viện địa phương nhưng không có kết quả.

Khoảng tháng 6 năm 2003, ông Bất đến điều trị tại bệnh viện Trung ương Huế và được chẩn đoán bị ung thư phổi phải. Bệnh của ông ngày càng nặng và chết vì ung thư phổi vào ngày 18 tháng 5 năm 2004.

Sảy thai, hai con chết, sau đó chồng chết do ung thư phổi đều vì họ đã dùng thực phẩm và nước ô nhiễm chất diệt cỏ do một, một số hoặc tất cả bị đơn sản xuất

NGUYỄN ĐƠN NGUYỄN MƯỜI VÀ NGUYỄN ĐÌNH THÀNH

Nguyễn đơn Nguyễn Mười là một công dân Việt Nam, sinh ra vào ngày 8 tháng 10 năm 1983 tại Huế. Bố của cháu là nguyên đơn Nguyễn Đình Thành và mẹ là Lê Thị Gấm. Họ kết hôn với nhau năm 1969.

Ông Thành là nông dân, từng phục vụ trong một đơn vị quân đội Cộng hòa Nam Việt Nam thời kỳ chiến tranh với Hoa Kỳ. Từ 1970 đến 1975, ông chuyên nấu ăn cho một đơn vị bộ binh đóng quân tại thung lũng A Lưới. Trong thời gian đó ông ăn rau và uống nước suối.

Anh Mười định kỳ cảm thấy nhói đau vùng giữa, sau lưng và cảm thấy đi lại rất khó khăn. Đôi khi vì quá đau, anh cảm thấy như cái chết sắp đến gần. Năm 1999, anh nhận ra rằng anh đã mắc bệnh nặng và không thể chạy chữa được.

Khoảng ngày 18 tháng 7 năm 2003, Mười được chẩn đoán mắc bệnh spina bifida. Mười đã phải ngừng học ngành kiến trúc xây dựng và không thể lao động do bị đau và có liên quan đến bệnh tật của anh. Mười sẽ phải tiếp tục dựa vào bố là ông Thành về mặt tài chính và chăm sóc, ông Thành đã mất sự chăm sóc và tình cảm gia đình của con trai mình.

Bệnh spina bifida của anh Mười là do cha anh đã phơi nhiễm chất diệt cỏ do một, một số hoặc tất cả bị đơn sản xuất.

NGUYỄN ĐƠN DẶNG THỊ HỒNG NHỰT

Nguyên đơn Đặng Thị Hồng Nhựt là một công dân Việt Nam, quê tại Tiền Giang, Nam Việt Nam. Trước chiến tranh, bà sống tại Sài Gòn.

Năm 1959, bà Nhựt lấy chồng và năm 1960 sinh hạ được một cháu trai khỏe mạnh.

Năm 1965, bà Nhựt đến Củ Chi thăm chồng và sống tại đó khoảng một tháng. Củ Chi là một vùng bị phun rải rất nặng nề chất diệt cỏ trong chiến dịch Ranch Hand và Trail Dust, bà Nhựt thường nhìn thấy đám mù hay sương và ngửi thấy mùi nặng trong không khí và một chất trắng đọng trên lá cây.

Trong thời gian bà sống tại Củ Chi, bà Nhựt ăn rau dại, gia cầm và cá, uống nước suối. Vào thời điểm đó bà từng bị mẩn ngứa. Bà Nhựt trở về Sài Gòn năm 1965.

Năm 1966, bà Nhựt bị chế độ Cộng hòa Nam Việt Nam bắt giam tại nhà tù Biên Hòa từ 1966 đến 1972. Trong thời gian ở tù, bà ăn cá và các loại thực phẩm mà bà không thể biết rõ. Sau khi ra tù, bà sống tại Tây Ninh, Bình Dương, Củ Chi - tất cả những khu vực đó đều bị rải chất diệt cỏ nặng nề. Sau chiến tranh bà tìm việc làm thợ may tại một cửa hàng nhỏ.

Năm 1974, bà Nhựt lại mang thai lần nữa. Nhưng sau hai tháng thì sảy.

Năm 1975, bà Nhựt lại mang thai lần thứ ba. Nhưng mới sau hai tháng, lại sảy lần nữa.

Năm 1977, bà Nhựt có thai lần thứ tư. Máy siêu âm của bệnh viện Từ Dũ tại Sài Gòn đã xác định rằng bào thai mắc chứng spina bifida và nhiều dị dạng khác và quyết định không thể giữ được nữa, bào thai được đưa ra và cất giữ tại bệnh viện này.

Năm 1980, bà Nhựt có thai lần thứ năm và sau hai tháng lại bị sảy. Vào lúc đó, bác sĩ khuyên bà không nên mang thai nữa vì dễ gặp nguy hiểm.

Năm 2002, phát hiện ra một khối u trong ruột bà Nhựt và bà Nhựt đã phẫu thuật cắt nó ở bệnh viện Nguyễn Trãi.

Năm 2003, bà Nhựt đã cắt bỏ tuyến giáp vì nó bị hỏng.

Sảy thai và tình trạng sức khỏe có vấn đề của bà Nhựt là do bị phơi nhiễm chất diệt cỏ, dùng thực phẩm và nước bị ô nhiễm chất diệt cỏ do một, một số hoặc tất cả bị đơn sản xuất.

NGUYỄN ĐƠN NGUYỄN THỊ THƯ, NGUYỄN SƠN LINH VÀ NGUYỄN SƠN TRÀ

Nguyên đơn Nguyễn Thị Thư, Nguyễn Sơn Linh và Nguyễn Sơn Trà là các công dân Việt Nam sống tại thành phố Huế. Bà Thư là mẹ của hai

anh em Linh và Trà. Linh sinh ngày 9 tháng 1 năm 1987, Trà sinh ngày 16 tháng 2 năm 1980.

Bà Thư quê ở Huế, từng phục vụ trong lực lượng xung phong sửa đường tại huyện Nam Đông, Nam Việt Nam, từ 1973 đến 1975. Nam Đông là địa phương bị rải chất diệt cỏ nặng nề trong chiến dịch Ranch Hand và Trail Dust và bà Thư ăn rau dại, gia cầm và cá, uống nước suối tại đây.

Chồng của bà Thư là cha của hai đứa trẻ tên là Nguyễn Hải Sơn từng phục vụ trong một đơn vị của Việt Nam Dân chủ cộng hòa, đóng quân tại Quảng Trị từ 1970 đến 1975. Quảng Trị bị phun rải rất nặng nề chất diệt cỏ và ông Sơn đã ăn rau dại, cá, uống nước suối tại đó.

Bà Thư đã 5 lần mang thai, trong đó một lần sảy. Bà sinh được 4 con, nhưng 2 người hoàn toàn bị liệt ngay từ khi sinh cho đến nay. Nguyên đơn Linh và Trà sinh ra đã có dị tật và liệt từ lưng trở xuống. Các cháu phải ngồi trên xe lăn suốt đời và bà Thư đã phải chăm lo hàng ngày cho cả hai con trai của mình.

Sảy thai, hai con sinh dị dạng đều do bà và chồng đã dùng thực phẩm và nước ô nhiễm chất diệt cỏ do một, một số hoặc tất cả các bị đơn sản xuất.

NGUYỄN ĐƠN VÕ THANH HẢI, NGUYỄN THỊ HOA VÀ VÕ THANH TUẤN ANH

Nguyên đơn Võ Thanh Hải là công dân Việt Nam, quê gốc của ông là thành phố Huế, Nam Việt Nam. Ông hiện đang sống tại Nam Đông cùng vợ và con trai, nguyên đơn Nguyễn Thị Hoa và con trai của họ, nguyên đơn Võ Thanh Tuấn Anh.

Ông Hải chuyển đến Nam Đông vào năm 1973. Năm 1978, ở tuổi 19, ông phục vụ trong quân đội Việt Nam. Ông làm lâm nghiệp, đặc biệt nhiệm vụ trồng lại các khu rừng vùng Nam Đông đã bị phát quang trong chiến dịch Trail Dust và Ranch Hand. Ông Hải thường làm việc ban đêm ngoài rừng, rất xa nhà và ông đã ăn rau rừng tại những nơi đó. Nhiệm vụ trồng rừng kết thúc vào năm 1993. Hiện nay ông và vợ mở một cửa hàng Karaoke tại nhà. Gia đình cũng trồng lúa và rau làm nguồn thực phẩm.

Năm 1986, vợ của ông Hải, Nguyễn Thị Hoa mang thai, nhưng sau đó bị sảy. Ngày 28 tháng 5 năm 1987, bà Hoa sinh con trai là Võ Thanh Tuấn Anh.

Năm 2001, Tuấn Anh bắt đầu cảm thấy mệt mỏi và có những lúc chóng mặt. Tháng 11 năm 2001, ông Hải đưa con đi bệnh viện Trung ương Huế để kiểm tra. Vào lúc đó, Tuấn Anh được chẩn đoán mắc bệnh osteosarcoma và được chữa trị bằng phẫu thuật, xạ trị và hóa trị.

Khi ông Hải đưa con trai đi bệnh viện, bác sĩ chú ý đến một khối u trên cổ của ông Hải và khuyên ông nên kiểm tra. Căn cứ các xét nghiệm, chẩn đoán cho thấy ông Hải bị bệnh hodgekins.

Cả cha và con đều mắc chứng mệt mỏi kinh niên và rất khó làm những công việc thường nhật phải dùng đến sức. Bà Hoa phải chăm lo hàng ngày cho chồng và con trai và đã mất đi sự chăm sóc tình cảm gia đình của các thành viên trong gia đình bà.

Những bệnh mà ông Hải và Tuấn Anh mắc phải là do phơi nhiễm chất diệt cỏ và dioxin, sử dụng thực phẩm và nước bị ô nhiễm chất diệt cỏ do một, một số hoặc tất cả bị đơn sản xuất.

NGUYỄN ĐƠN LÊ THỊ VỊNH

Nguyễn đơn Lê Thị Vịnh là công dân Việt Nam và đang sống tại thành phố Huế. Quê của bà là Quảng Bình, miền Bắc Việt Nam.

Từ năm 1969 đến 1973, bà Vịnh phục vụ với tư cách là một thanh niên xung phong sửa đường trong khu vực tỉnh Quảng Trị, Nam Việt Nam, là nơi bị phun rải chất diệt cỏ rất nghiêm trọng trong chiến dịch Ranch Hand và Trail Dust. Vào thời điểm đó, bà Vịnh thường nhìn thấy sương mù trong không khí, ăn rau dại và uống nước suối.

Sau chiến tranh, bà Vịnh tìm được việc làm tại một trung tâm giữ trẻ tại Quảng Trị. Bà bắt đầu thấy mệt mỏi, đau khớp xương, gân nổi lên. Bà tìm cách chạy chữa nhưng không có kết quả. Bà có hai lần sảy thai trong khoảng thời gian này. Bệnh tình của bà ngày càng nặng đến mức bà phải ngừng làm việc vào năm 1986.

Năm 2002, bà đến chữa bệnh tại bệnh viện Trung ương Huế, tại đó bà được khám và chẩn đoán bị ung thư phổi phải. Mặc dù bà đã phải mổ và vớt bỏ rất nhiều khối u, nhưng ung thư phổi vẫn còn; bà cảm thấy đau ngực, khó thở và phổi tràn dịch. Bà lúc nào cũng thấy đau đớn, không lao động được.

Ung thư và sảy thai mà bà Vịnh chịu đựng là do bị phơi nhiễm chất diệt cỏ và dioxin, và do dùng thực phẩm, nước bị ô nhiễm chất diệt cỏ do một, một vài hoặc tất cả bị đơn sản xuất.

NGUYỄN ĐƠN NGUYỄN THỊ NHÂM VÀ NGUYỄN MINH CHÂU

Nguyễn đơn Nguyễn Thị Nhâm và Nguyễn Minh Châu là công dân Việt Nam và là cư dân thành phố Biên Hòa, Nam Việt Nam, bà Nhâm là mẹ của

Châu sinh năm 1981. Bà Nhâm và chồng Nguyễn Đình Hanh đều là giáo viên nghỉ hưu đã từ Tân Hiệp chuyển đến sống tại Biên Hòa.

Biên Hòa là nơi bị phơi nhiễm chất diệt cỏ do hậu quả phun rải, cất giữ, vận chuyển và rò rỉ tại căn cứ không quân Hoa Kỳ trong thành phố. Trong thời gian đó họ sống tại Biên Hòa.

Năm 2003, bà Nhâm bắt đầu bị đau đầu và mệt mỏi thường xuyên. Tháng 11 năm 2003, bà được điều trị ở bệnh viện Đa khoa tỉnh Đồng Nai, ở đó bà được chẩn đoán mắc bệnh đái tháo đường.

Bà Nhâm có mang 3 lần, đứa con đầu của bà đã bị đẻ non và chết sau khi sinh một tháng. Đứa thứ hai bị mắc bệnh đường ruột, ngăn cản hệ tiêu hóa và đã chết sau khi sinh 10 ngày. Cuộc sống của con trai là Châu sinh năm 1981 phải chịu đựng bệnh chlorance.

Năm 1999, cả bà Nhâm và Châu đều đi xét nghiệm máu và thấy mức dioxin trong máu cao khác thường.

Bệnh tình của nguyên đơn Nguyễn Thị Nhâm và Nguyễn Minh Châu và cái chết của những đứa con khác của bà Nhâm là nguyên nhân do đã ăn phải thức ăn và nước bị ô nhiễm do một, một số hoặc tất cả các công ty bị đơn sản xuất.

NGUYỄN ĐƠN NGUYỄN THỊ THƠI

Nguyên đơn Nguyễn Thị Thơi là người Việt Nam, gốc Hải Dương, miền Bắc Việt Nam. Năm 1954 bà Thơi chuyển đến Đồng Nai, miền Nam Việt Nam, bà đã kết hôn và chuyển đến với chồng ở thành phố Biên Hòa.

Biên Hòa đã bị phơi nhiễm chất diệt cỏ do việc rải, tàng trữ, vận chuyển và làm đổ ở căn cứ quân sự của Mỹ trong thành phố. Trong suốt thời gian ở Biên Hòa, bà Thơi và gia đình bà đã canh tác và ăn rau, gia cầm, cá và gạo của địa phương.

Năm 1967, bà Thơi sinh con đầu lòng, nhưng sau 3 năm đứa con đó đã chết do sốt cao và lên cơn co giật. Bà Thơi phải chịu đựng một lần sảy thai. Bà Thơi cũng chịu đựng bệnh đau đầu, mệt mỏi và đau đớn thường xuyên.

Năm 2000, bà Thơi đi xét nghiệm dioxin và thấy mức độ dioxin trong máu cao khác thường.

Bệnh của nguyên đơn Nguyễn Thị Thơi, sảy thai và cái chết của đứa con là do ăn phải thức ăn và uống nước bị ô nhiễm bởi các chất diệt cỏ do một, một vài hoặc tất cả các bị đơn sản xuất.

NGUYỄN ĐƠN NGUYỄN LONG VÂN, TỐNG THỊ TƯ VÀ NGUYỄN THẮNG LỢI

Nguyên đơn Nguyễn Long Vân là chồng của nguyên đơn Tống Thị Tư và nguyên đơn Nguyễn Thắng Lợi là con trai của họ. Họ đều là công dân Việt Nam hiện đang sống tại Long Khánh, Nam Việt Nam. Ông Vân là bác sĩ, quê ở Bình Định và bà Tư quê ở Trà Vinh, đều ở Nam Việt Nam.

Bắt đầu từ năm 1961 và xuyên suốt cuộc chiến tranh, bác sĩ Vân đã phục vụ Mặt trận dân tộc giải phóng với tư cách là y tá, phần lớn tại Vũng Tàu là nơi bị rải chất diệt cỏ rất nặng nề theo chương trình Trail Dust và Ranch Hand. Bác sĩ Vân đã trực tiếp bị rải bởi chất diệt cỏ ít nhất là 10 lần.

Bà Tư cũng phục vụ với tư cách là y tá từ năm 1961 cho đến hết cuộc chiến tranh phần lớn tại Long Thành. Cả bác sĩ Vân và bà Tư đều ăn rau rừng, gạo, sắn, gia cầm và uống nước suối bị phơi nhiễm chất diệt cỏ.

Bà Tư đã sinh ra hai cháu gái đều khỏe mạnh vào năm 1966 và 1974.

Năm 1967, bà Tư sinh ra một bé trai, cháu bé đã chết sau một ngày vì bệnh phổi.

Năm 1968, bà Tư sinh ra một bé trai khác. Cháu sinh ra đã có dị tật ở đầu và vài giờ sau thì chết.

Năm 1969, bà Tư sinh ra một bé trai khác. Cháu đã chết sau một vài ngày do biến chứng hệ tiết niệu.

Năm 1970, bà Tư sinh ra nguyên đơn Nguyễn Thắng Lợi. Cháu sinh ra với dị tật ở chân và không phát triển bình thường. Cháu phải có sự giúp đỡ của bố mẹ.

Sau chiến tranh bác sĩ Vân công tác tại một trạm y tế ở địa phương ở Long Thành. Đầu tiên là một bác sĩ sau đó làm công tác hành chính cho đến khi ông về hưu năm 1991.

Năm 1997, bà Tư được chẩn đoán mắc bệnh tiểu đường tại bệnh viện Xuân Lộc, gần Long Thành.

Năm 2002 bác sĩ Vân được chẩn đoán bị u tiền liệt tuyến. Và trong năm 2003 bác sĩ Vân cũng được chẩn đoán là mắc bệnh tiểu đường.

Bệnh tật của nguyên đơn Nguyễn Long Vân và Tống Thị Tư, cái chết của con cái và dị tật bẩm sinh của con trai đều do việc phơi nhiễm chất diệt cỏ và dioxin được sản xuất bởi một hay do nhiều bị đơn gây ra.

...

Bị đơn:

Căn cứ vào thông tin và niềm tin, vào mọi thời điểm liên quan đến vụ án này, bị đơn THE DOW CHEMICAL COMPANY đã và đang là một công ty được tổ chức theo luật Tiểu bang Delaware được đăng ký và trong thực tế hoạt động kinh doanh tại tiểu bang New York.

Căn cứ vào thông tin và niềm tin, vào mọi thời điểm liên quan đến vụ án này, bị đơn MONSANTO COMPANY đã và đang là một công ty được tổ chức theo luật Tiểu bang Delaware, được đăng ký và trong thực tế hoạt động kinh doanh tại tiểu bang New York.

Căn cứ vào thông tin và niềm tin, vào mọi thời điểm liên quan đến vụ án này, bị đơn MONSANTO CHEMICAL COMPANY đã và đang là một công ty được tổ chức theo luật Tiểu bang Delaware, được đăng ký và trong thực tế hoạt động kinh doanh tại tiểu bang New York.

Căn cứ vào thông tin và niềm tin, vào mọi thời điểm liên quan đến vụ án này, bị đơn PHARMACIA CORPORATION đã và đang là một công ty được tổ chức theo luật Tiểu bang Delaware, được đăng ký và trong thực tế hoạt động kinh doanh tại tiểu bang New York.

Căn cứ vào thông tin và niềm tin, vào mọi thời điểm liên quan đến vụ án này, bị đơn HERCULES INCORPORATED đã và đang là một công ty được tổ chức theo luật Tiểu bang Delaware, được đăng ký và trong thực tế hoạt động kinh doanh tại tiểu bang New York.

Căn cứ vào thông tin và niềm tin, vào mọi thời điểm liên quan đến vụ án này, bị đơn OCCIDENTAL CHEMICAL CORPORATION đã và đang là một công ty được tổ chức theo luật Tiểu bang New York, được đăng ký và trong thực tế hoạt động kinh doanh tại tiểu bang New York.

Căn cứ vào thông tin và niềm tin, vào mọi thời điểm liên quan đến vụ án này, bị đơn ULTRAMAR DIAMOND SHAMROCK CORPORATION đã và đang là một công ty được tổ chức theo luật Tiểu bang Delaware, được đăng ký và trong thực tế hoạt động kinh doanh tại tiểu bang New York.

Căn cứ vào thông tin và niềm tin, vào mọi thời điểm liên quan đến vụ án này, bị đơn MAXUS ENERGY CORPORATION đã và đang là một công ty được tổ chức theo luật Tiểu bang Delaware, được đăng ký và trong thực tế hoạt động kinh doanh tại tiểu bang New York.

Căn cứ vào thông tin và niềm tin, vào mọi thời điểm liên quan đến vụ án này, bị đơn THOMPSON HAYWARD CHEMICAL COMPANY đã và đang là một công ty được tổ chức theo luật Tiểu bang Missouri, được đăng ký và trong thực tế hoạt động kinh doanh tại tiểu bang New York.

Căn cứ vào thông tin và niềm tin, vào mọi thời điểm liên quan đến vụ án này, bị đơn HARCROS CHEMICALS INC đã và đang là một công ty được tổ chức theo luật Tiểu bang Kansas, được đăng ký và trong thực tế hoạt động kinh doanh tại tiểu bang New York.

Căn cứ vào thông tin và niềm tin, vào mọi thời điểm liên quan đến vụ án này, bị đơn UNIROYAL INC đã và đang là một công ty được tổ chức theo luật Tiểu bang New Jersey, được đăng ký và trong thực tế hoạt động kinh doanh tại tiểu bang New York.

Căn cứ vào thông tin và niềm tin, vào mọi thời điểm liên quan đến vụ án này, bị đơn UNIROYAL CHEMICAL INC đã và đang là một công ty được tổ chức theo luật Tiểu bang Delaware, được đăng ký và trong thực tế hoạt động kinh doanh tại tiểu bang New York.

Căn cứ vào thông tin và niềm tin, vào mọi thời điểm liên quan đến vụ án này, bị đơn UNIROYAL CHEMICAL HOLDING COMPANY đã và đang là một công ty được tổ chức theo luật Tiểu bang Delaware, được đăng ký và trong thực tế hoạt động kinh doanh tại tiểu bang New York.

Căn cứ vào thông tin và niềm tin, vào mọi thời điểm liên quan đến vụ án này, bị đơn UNIROYAL CHEMICAL ACQUISITION CORPORATION đã và đang là một công ty được tổ chức theo luật Tiểu bang New Jersey, được đăng ký và trong thực tế hoạt động kinh doanh tại tiểu bang New York.

Căn cứ vào thông tin và niềm tin, vào mọi thời điểm liên quan đến vụ án này, bị đơn C.D.U. HOLDING INC đã và đang là một công ty được tổ chức theo luật Tiểu bang Delaware, được đăng ký và trong thực tế hoạt động kinh doanh tại tiểu bang New York.

Căn cứ vào thông tin và niềm tin, vào mọi thời điểm liên quan đến vụ án này, bị đơn DIAMOND SHAMROCK AGRICULTURAL CHEMICALS, INC đã và đang là một công ty được tổ chức theo luật Tiểu bang Delaware, được đăng ký và trong thực tế hoạt động kinh doanh tại tiểu bang New York.

Căn cứ vào thông tin và niềm tin, vào mọi thời điểm liên quan đến vụ án này, bị đơn DIAMOND SHAMROCK CHEMICALS đã và đang là một công ty được tổ chức theo luật Tiểu bang Delaware, được đăng ký và trong thực tế hoạt động kinh doanh tại tiểu bang New York.

Căn cứ vào thông tin và niềm tin, vào mọi thời điểm liên quan đến vụ án này, bị đơn DIAMOND SHAMROCK CHEMICALS COMPANY đã và đang

là một công ty được tổ chức theo luật Tiểu bang Delaware, được đăng ký và trong thực tế hoạt động kinh doanh tại tiểu bang New York.

Căn cứ vào thông tin và niềm tin, vào mọi thời điểm liên quan đến vụ án này, bị đơn DIAMOND SHAMROCK CORPORATION, đã và đang là một công ty được tổ chức theo luật Tiểu bang Delaware, được đăng ký và trong thực tế hoạt động kinh doanh tại tiểu bang New York.

Căn cứ vào thông tin và niềm tin, vào mọi thời điểm liên quan đến vụ án này, bị đơn DIAMOND SHAMROCK REFINING AND MARKETING COMPANY, đã và đang là một công ty được tổ chức theo luật Tiểu bang Delaware, được đăng ký và trong thực tế hoạt động kinh doanh tại tiểu bang New York.

Căn cứ vào thông tin và niềm tin, vào mọi thời điểm liên quan đến vụ án này, bị đơn OCOIDENTAL ELECTROCHEMICALS CORPORATION, đã và đang là một công ty được tổ chức theo luật Tiểu bang Delaware, được đăng ký và trong thực tế hoạt động kinh doanh tại tiểu bang New York.

Căn cứ vào thông tin và niềm tin, vào mọi thời điểm liên quan đến vụ án này, bị đơn DIAMOND ALKALI COMPANY, đã và đang là một công ty được tổ chức theo luật Tiểu bang Delaware, được đăng ký và trong thực tế hoạt động kinh doanh tại tiểu bang New York.

Căn cứ vào thông tin và niềm tin, vào mọi thời điểm liên quan đến vụ án này, bị đơn ANSUL INCORPORATED, đã và đang là một công ty được tổ chức theo luật Tiểu bang Delaware, được đăng ký và trong thực tế hoạt động kinh doanh tại tiểu bang New York.

Căn cứ vào thông tin và niềm tin, vào mọi thời điểm liên quan đến vụ án này, bị đơn HOOKER CHEMICAL CORPORATION, đã và đang là một công ty được tổ chức theo luật Tiểu bang New York được đăng ký và trong thực tế hoạt động kinh doanh tại tiểu bang New York.

Căn cứ vào thông tin và niềm tin, vào mọi thời điểm liên quan đến vụ án này, bị đơn HOOKER CHEMICAL FAR EAST CORPORATION, đã và đang là một công ty được tổ chức theo luật Tiểu bang New York, được đăng ký và trong thực tế hoạt động kinh doanh tại tiểu bang New York.

Căn cứ vào thông tin và niềm tin, vào mọi thời điểm liên quan đến vụ án này, bị đơn HOOKER CHEMICALS & PLASTICS CORP, đã và đang là một công ty được tổ chức theo luật Tiểu bang New York, được đăng ký và trong thực tế hoạt động kinh doanh tại tiểu bang New York.

Căn cứ vào thông tin và niềm tin, vào mọi thời điểm liên quan đến vụ án này, bị đơn HOFFMAN-TAFP CHEMICALS, INC, đã và đang là một công ty được tổ chức theo luật Tiểu bang Missouri, được đăng ký và trong thực tế hoạt động kinh doanh tại tiểu bang New York.

Căn cứ vào thông tin và niềm tin, vào mọi thời điểm liên quan đến vụ án này, bị đơn CHEMICAL LAND HOLDINGS, INC, đã và đang là một công ty được tổ chức theo luật Tiểu bang Delaware được đăng ký và trong thực tế hoạt động kinh doanh tại tiểu bang New York.

Căn cứ vào thông tin và niềm tin, vào mọi thời điểm liên quan đến vụ án này, bị đơn T-H AGRICULTURE & NUTRITION COMPANY, INC, đã và đang là một công ty được tổ chức theo luật Tiểu bang Delaware, được đăng ký và trong thực tế hoạt động kinh doanh tại tiểu bang New York.

Căn cứ vào thông tin và niềm tin, vào mọi thời điểm liên quan đến vụ án này, bị đơn THOMPSON CHEMICAL CORPORATION, đã và đang là một công ty được tổ chức theo luật Tiểu bang Delaware, được đăng ký và trong thực tế hoạt động kinh doanh tại tiểu bang New York.

Căn cứ vào thông tin và niềm tin, vào mọi thời điểm liên quan đến vụ án này, bị đơn RIVERDALE CHEMICAL COMPANY, đã và đang là một công ty được tổ chức theo luật Tiểu bang Delaware, được đăng ký và trong thực tế hoạt động kinh doanh tại tiểu bang New York.

Căn cứ vào thông tin và niềm tin, vào mọi thời điểm liên quan đến vụ án này, bị đơn ELEMENTIS CHEMICALS INC, đã và đang là một công ty được tổ chức theo luật Tiểu bang Delaware, được đăng ký và trong thực tế hoạt động kinh doanh tại tiểu bang New York.

Căn cứ vào thông tin và niềm tin, vào mọi thời điểm liên quan đến vụ án này, bị đơn UNITED STATES RUBBER COMPANY, INC, đã và đang là một công ty được tổ chức theo luật Tiểu bang New York, được đăng ký và trong thực tế hoạt động kinh doanh tại tiểu bang New York.

Căn cứ vào thông tin và niềm tin, vào mọi thời điểm liên quan đến vụ án này, bị đơn SYNTEX AGRIBUSINESS INC., đã và đang là một công ty được tổ chức theo luật Tiểu bang Delaware, được đăng ký và trong thực tế hoạt động kinh doanh tại tiểu bang New York.

Căn cứ vào thông tin và niềm tin, vào mọi thời điểm liên quan đến vụ án này, bị đơn SYNTEX AGRIBUSINESS INC, đã và đang là một công ty được tổ chức theo luật Tiểu bang Delaware, được đăng ký và trong thực tế hoạt động kinh doanh tại tiểu bang New York.

Một số hoặc tất cả những bị đơn nêu trên là những đối tượng thừa kế về lợi ích (successors-in-interest), công ty mẹ (parent companies), chi nhánh hoặc tồn tại dưới những hình thức nào đó có liên quan đến lợi ích với những chủ thể chính mà trong văn bản này gọi là bị đơn, đó là những người đã sản xuất và cung cấp chất diệt cỏ cũng được mô tả như những kẻ phải chịu trách nhiệm về những hành vi pháp lý đối với hành động của bị đơn chính. Căn cứ vào thông tin và niềm tin một số các bị đơn nói trên đã thay đổi tên và/hoặc

sáp nhập với các công ty khác để trốn tránh trách nhiệm bồi thường cho việc sản xuất và cung cấp chất diệt cỏ.

Bị đơn "ABC CHEMICAL COMPANIES 1 - 100", tên giả tưởng, tên thật hay tên của một số thực thể mà các nguyên đơn không biết đều là những công ty đã sản xuất và cung cấp chất diệt cỏ được sử dụng trong chiến tranh với Việt Nam từ 1961 đến 1975, hoặc những cơ sở kế tục lợi ích được thành lập để chịu trách nhiệm pháp lý cho họ (successors-in-interest for liability purposes).

Bản sao lưu trữ

NHỮNG THỰC TẾ ĐỂ CÁO BUỘC CHIẾN TRANH DIỆT CỎ Ở VIỆT NAM

Năm 1961, chính quyền Kennedy phải tiếp nhận tình hình Việt Nam đang ngày càng rất xấu đối với Hoa Kỳ nên quyết định chuyển sự quan tâm sang vấn đề làm sao Hoa Kỳ có thể vực dậy được Chính phủ Cộng hòa miền Nam Việt Nam (ở miền Nam) và tranh thủ được thế lợi chiến tranh hơn Việt Nam Dân chủ cộng hòa (ở miền Bắc) và Mặt trận Giải phóng dân tộc. Chính vì vậy, sự quan tâm đặc biệt đã được dành cho vấn đề làm thế nào để công nghệ hiện đại có thể hỗ trợ nỗ lực chiến tranh.

Chính phủ Hoa Kỳ với sự cộng tác của Chính phủ Việt Nam cộng hòa đã triển khai một chương trình rải chất diệt cỏ tại Đông Nam Á. Mật danh quân sự của toàn bộ hoạt động diệt cỏ này là "Operation Trail Dust" (Hành quân Bụi đường mòn). Chương trình có nội dung chủ yếu là dùng máy bay, trực thăng, ô tô, tàu thuyền và lực lượng bộ binh phun rải chất diệt cỏ. Máy bay Không lực Hoa Kỳ dựa theo một chương trình có mật danh ban đầu là "Operation Hades" (Hành quân Hades), sau đó được đổi thành "Operation Ranch Hand" (Hành quân Lực điền) đã tán phát hơn 95% lượng chất diệt cỏ được sử dụng trong "Operation Trail Dust".

Chương trình rải chất diệt cỏ có hai mục tiêu: (a) phát quang rừng bộ và rừng ngập mặn nhằm phá hoại khả năng che phủ, nguy trang bằng lá cây của Bộ đội Việt Nam Dân chủ cộng hòa và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. (b) phá hoại mùa màng không cho họ có nguồn thực phẩm. *Ngoài ra những hoạt động nói trên còn nhằm mục đích sử dụng vũ khí chiến tranh hoá học như một phương tiện để thúc đẩy chính sách quân sự và đối ngoại của Hoa Kỳ ở Việt Nam và Đông Nam Á.* Hoạt động phun rải đã được tiến hành suốt từ năm 1961 đến cuối cuộc chiến tranh vào năm 1975.

Từ tháng 8 qua tháng 12 năm 1961, nhân viên quân sự Hoa Kỳ đã sử dụng máy bay của VNCH tiến hành một số thí nghiệm rải chất diệt cỏ tuy hạn chế nhưng khá thành công trên vùng đất Nam Việt Nam.

Vào ngày 30 tháng 11 năm 1961, Tổng thống Kennedy đã chuẩn y đồng khuyến nghị của Bộ Ngoại giao và Bộ Quốc phòng tiến hành một chương trình chiến tranh diệt cỏ/hóa học quy mô lớn. Cả hai bộ này chủ trương dùng chất diệt cỏ chỉ nhằm phát quang mà thôi, nhưng rõ ràng họ đã nhận thấy

rằng việc phá hoại mùa màng của kẻ thù là vi phạm một cách rõ ràng luật quốc tế và là một tội ác chiến tranh, *và do đó không còn muốn công khai chấp nhận một chương trình như vậy.*

Chuyến vận chuyển chất diệt cỏ quy mô lớn đầu tiên đến Việt Nam vào tháng 1 năm 1962. Đến tháng 9 năm 1962 các hoạt động làm rụng lá khởi phát và trong tháng 11 năm 1962, các hoạt động phá hoại mùa màng cũng được bắt đầu. Sau một năm, tính từ khi Tổng thống Kennedy chuẩn y chương trình chiến tranh diệt cỏ, đến nay hoạt động phun rải trên mọi mục tiêu đã buộc phải có sự đồng ý trước của Nhà Trắng. Cuối 1962, riêng quyền hạn xác định mục tiêu làm phát quang đã được ủy thác cho vị đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam cộng hòa. Cho đến trước 1963, quyền hạn xác định mục tiêu phá hoại mùa màng cũng được Nhà Trắng giao luôn cho vị đại sứ này.

Chính sách của Chính phủ Hoa Kỳ lúc đầu nhấn mạnh rằng quân đội Hoa Kỳ chỉ đơn thuần trợ giúp Chính phủ Việt Nam cộng hòa trong chương trình diệt cỏ. Một hiệp định năm 1962 đã giao quyền sở hữu chất diệt cỏ cho Chính phủ Việt Nam cộng hòa sau khi được chuyển đến Việt Nam, và binh sĩ Việt Nam cộng hòa có trách nhiệm bốc dỡ, vận chuyển chất diệt cỏ. Kế hoạch sử dụng chất diệt cỏ được vạch ra trên cơ sở phối hợp giữa Sứ quán Hoa Kỳ ở Việt Nam cộng hòa, Bộ chỉ huy Viện trợ Quân sự Hoa Kỳ tại Việt Nam và một tiểu ban của Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn (của Chính phủ Việt Nam cộng hòa) có mật danh là "Ủy ban 202".

Máy bay C-123 của Không lực Hoa Kỳ được dùng để rải chất diệt cỏ được nguy trang, trang bị, và có khả năng gỡ bỏ những phù hiệu nhận dạng. Khi thực hiện những nhiệm vụ phá hoại mùa màng, máy bay mang phù hiệu Việt Nam cộng hòa, phi hành đoàn của Không lực Hoa Kỳ mặc quần áo dân sự và đi cùng với một người của quân đội Việt Nam cộng hòa, làm đúng theo ý tưởng của Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ có mật danh là "Farmgate" (Cổng trang trại).

Mức độ sử dụng chất diệt cỏ leo thang mạnh vào thời kỳ cuối 1964 tương ứng với các bước leo thang chiến tranh. Việc kiểm soát và hạn chế phun rải được từng bước nới lỏng và những khu vực bị phun rải cũng mở rộng hơn. Mục tiêu phổ biến nhất trong chương trình Ranch Hand là những nơi tập trung đường giao thông, đường mòn ở Nam Việt Nam đang được Bộ đội Việt Nam Dân chủ cộng hòa và nhân viên Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam sử dụng tiếp tế, có tên gọi chung là "Đường mòn Hồ Chí Minh" (Ho Chi Minh Trail).

Phạm vi sử dụng chất diệt cỏ để phá mùa màng cũng ngày càng tăng. Chỉ riêng trong 1965, 45% tổng khối lượng phun rải được dành để phá hoại mùa

màng. Đối tượng phá hoại mùa màng gồm có cả những cánh đồng bị nghi ngờ là Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đang sử dụng, tuy nhiên những cánh đồng hoàn toàn do dân thường trồng cấy cũng thường xuyên bị phun rải. Chỉ trong năm 1967, ít nhất 20 triệu lít đã được sử dụng - 85% số đó dành để làm rụng lá, còn 15% dùng để phá mùa màng.

Trong khoảng giữa 1961 và 1971, Không lực Hoa Kỳ đã tiến hành ít nhất 19.905 phi vụ. Mỗi ngày có từ 1 đến 34 phi vụ. Với mức trung bình 10,7 phi vụ/ngày, thời gian trong khoảng từ 1968 đến 1969 là những năm cao điểm nhất của hoạt động phun rải chất diệt cỏ theo chương trình Ranch Hand. Gần đây, một công trình nghiên cứu dựa theo những tài liệu của Chính phủ Hoa Kỳ kết hợp với kỹ thuật đồ bản tinh xảo đã ước tính tổng khối lượng chất diệt cỏ đã thu mua và phun rải riêng từ 1961 đến 1971 đã vượt quá con số 76 triệu lít.

CHẤT DIỆT CỎ ĐÃ ĐƯỢC SỬ DỤNG

Nhiều loại chất diệt cỏ đã được dùng làm rụng lá và phá mùa màng ở Việt Nam. Các chất khác nhau đều được đặt mật danh riêng, căn cứ vào màu của vạch sơn vẽ bên ngoài thùng đựng. Đó là màu Xanh da trời (Agent Blue/cacodylic acid), màu Trắng (Agent White / một hỗn hợp gồm 80% tri-isopropanol amine salt của 2,4-dichlorophenoxyacetic acid (2,4-D) và picloram), màu Đỏ tía (Agent Purple/một chất được tạo thành từ 50% n-butyl ester của 2,4-D, 30% n-butyl ester của 2,4,5-trichlorophenoxyacetic acid (2,4,5-T) và 20% isobutyl ester của 2,4-D), màu Xanh (Agent Green/100% n-butyl ester của 2,4,5-T), màu Hồng (Agent Pink/60% n-butyl ester của 2,4,5-T) và 40% isobutyl ester của 2,4,5-T) và màu Da cam (Agent Orange/ chất hỗn hợp 50-50 của n-butyl esters của 2,4-D và 2,4,5-T).

Khoảng 65% của chất diệt cỏ có chứa 2,4,5-T. Một chất gây ô nhiễm tổng hợp và là sản phẩm phụ tất yếu khi sản xuất 2,4,5-T đó là TCDD, mà mọi người gọi là dioxin. Dioxin là một trong những hoá chất độc hại nhất mà khoa học được biết đến. *Một sản phẩm phụ của chất cacodylic axít, chứa trong chất Xanh da trời là một chất arsenic (thạch tín) và là một chất độc trong picloram, chứa trong chất Trắng là chất hexachlorobenzene, cả hai đều hết sức độc hại.*

Từ 1962 đến 1965, các tác nhân Đỏ tía, Hồng và Xanh đều đã được sử dụng. Từ 1965 đến 1970, tác nhân Da cam, Trắng và Xanh da trời cũng được sử dụng, và từ 1970 đến 1971, chỉ còn lại tác nhân Trắng và Xanh da trời được dùng trong chương trình làm rụng lá. Tác nhân Da cam là chất diệt cỏ được sử dụng nhiều nhất ở Việt Nam.

Các chất diệt cỏ phenoxy như tác nhân Da cam, Đỏ tía, Trắng, Hồng, Xanh đều là những chất có tác dụng điều chỉnh khả năng sinh trưởng. Chúng có khả năng tiêu diệt một số cây cỏ bằng cách gây ra một số rối loạn chức năng của quá trình sinh trưởng sinh học. Tác nhân Đỏ tía và Xanh ít khi được dùng nữa sau khi chất Da cam bắt đầu được đưa đến Nam Việt Nam vào đầu năm 1965. Chất da cam là chất phát quang có hiệu quả khi được sử dụng tập trung nồng độ cao và được sử dụng ở những vùng có nhiều loại cây thân gỗ lá rộng. Nó làm cho lá mất màu và tăng dần và đặc biệt có hiệu quả với rừng ngập mặn. Tác nhân Trắng có tác động đặc biệt đến tiêu diệt các loại tùng bách. Tác nhân Xanh da trời được dùng trước hết vào việc phá hoại mùa màng.

Hệ thống phun rải được sử dụng trong giai đoạn đầu trên máy bay Ranch Hand C-123 là hệ thống phun rải Hourglass, còn có tên là MC-1. Mặc dù hệ thống Hourglass thường có khả năng phân tán chất diệt cỏ ở mức 1 gallon/1 hecta, nhưng khi được cải tiến cho các hoạt động Ranch Hand thì có khả năng phun rải 3 gallons/1 hecta. Năm 1966, hệ thống Hourglass được thay bằng hệ thống rải mô-đun lắp trên tất cả máy bay C-123.

TRANH LUẬN QUỐC TẾ

Trước ý tưởng về các chương trình Trail Dust và Ranch Hand, làn sóng chống đối chiến tranh diệt cỏ đã bùng phát từ nhiều khu vực xã hội khác nhau. Nhiều nhân vật có ảnh hưởng trong Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ như Roger Hilsman và W. Averell Harriman đã phản đối hoạt động này ngay từ đầu, trên cơ sở nêu lên những khả năng có thể tác động vào dân thường Việt Nam và nguy cơ Hoa Kỳ có thể bị coi là một đế quốc man rợ.

Năm 1963, nhiều bài báo do phóng viên Richard Dudman đã đăng tải trên tờ *St. Louis Post-dispatch* cùng các báo chí khác đã phê phán chương trình chất diệt cỏ là những "chiến thuật chiến tranh bẩn thỉu" trong đó có phun rải chất độc phá hoại cánh đồng trồng lúa. Những bài báo này đã yêu cầu Hạ nghị sĩ Robert W. Kastenmeier, thuộc tiểu bang Wisconsin viết thư đề nghị Tổng thống Kennedy từ bỏ sử dụng chất diệt cỏ ở Việt Nam và gọi những hoá chất đó là vũ khí hoá học.

Năm 1964, một bài trên báo *Washington Post* đã mô tả câu chuyện phun rải chất diệt cỏ nhầm vào một ngôi làng đồng minh tại Nam Việt Nam, phá hoại vụ lúa và dứa, chỗ dựa cho đời sống hàng ngày của dân làng. Ngay ngày hôm sau, bài xã luận của tờ *Washington Post* đã lên tiếng kêu gọi chấm dứt sử dụng chất diệt cỏ tại Việt Nam bởi vì những chất đó không có khả năng phân biệt và tạo ra nguy cơ lớn cho dân thường.

Ngay từ 1964, Liên đoàn các nhà khoa học Mỹ đã lên tiếng phản đối các chất diệt cỏ ở Việt Nam trên cơ sở cho rằng Hoa Kỳ đang tập trung vào chiến tranh như một cơ hội để thí nghiệm chiến tranh sinh học và hoá học.

Tháng Giêng năm 1966, một nhóm khoảng 30 nhà khoa học Boston đã phản đối phá hoại mùa màng và coi đó như một cuộc tấn công man rợ, bừa bãi chống lại cả chiến binh lẫn dân thường.

Năm 1967, một kiến nghị có hơn 5.000 chữ ký của các nhà khoa học, trong đó có 17 được giải thưởng Nobel, 129 viện sĩ Viện Hàn lâm khoa học quốc gia kêu gọi Tổng thống Johnson chấm dứt sử dụng hóa chất chống con người và mùa màng tại Việt Nam đã được cố vấn Khoa học của Tổng thống cũng như dư luận công chúng rộng rãi tiếp nhận.

Cũng như trong năm 1967, Công ty Nghiên cứu khoa học Rand Corporation đã đưa ra hai báo cáo phê phán chương trình chiến tranh diệt cỏ vì nó tước đoạt nguồn thực phẩm mà những người nông dân Việt Nam dựa vào để sống.

Cũng trong năm 1967, "Hội Vì sự Phát triển Khoa học" đã thúc giục Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ nghiên cứu những hậu quả lâu dài về môi trường của chương trình chiến tranh diệt cỏ. Mặc dù Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ đã giao cho Viện Nghiên cứu Midwest tổ chức nghiên cứu dựa trên kết quả khảo sát những tài liệu cho rằng sự nhiễm độc của động vật và con người không thực sự đáng quan tâm, một hội đồng của Viện Hàn lâm khoa học quốc gia sau khi xem xét báo cáo này kết luận là công tác nghiên cứu hiện hành về chương trình chiến tranh diệt cỏ không đủ mức đưa ra kết luận vững chắc.

Năm 1965, Viện Ung bướu quốc gia đã giao một hợp đồng cho Phòng thí nghiệm Nghiên cứu Sinh học tìm hiểu tính độc hại của một số chất diệt cỏ và diệt côn trùng. Trong năm 1966, một báo cáo sơ bộ cho thấy 2,4,5-T và 2,4-D có thể làm chuột sinh con dị dạng và chết. Nhưng phát hiện đã không được công bố cho đến tận 1969, sau khi tin này bị rò rỉ ra tạp chí "Nader's (Ralph) Raiders".

Chương trình chiến tranh diệt cỏ được đa số cộng đồng quốc tế coi là hành vi vi phạm công pháp quốc tế và là một tội ác chiến tranh. Ngay từ 1966, đã có những nghị quyết được đưa ra trước Liên Hiệp quốc lên án Hoa Kỳ vi phạm "Nghị định thư Gionevo 1925 về ngăn cấm sử dụng hơi ngạt, hơi độc và các loại hơi trong chiến tranh và sử dụng các phương pháp chiến tranh vi trùng".

Năm 1969, Đại hội đồng Liên Hiệp quốc thông qua Nghị quyết số 2603-A, tái khẳng định rằng Nghị định thư Gionevo 1925 có ngăn cấm sử dụng các tác nhân hoá học và sinh học để phá hoại cây cối trong các cuộc xung đột vũ trang quốc tế. Nghị quyết đặc biệt tuyên bố rằng việc dùng tác nhân hoá học

trong chiến tranh dưới dạng hơi, chất lỏng, hay đặc đều là vi phạm hiệp ước đó vì có thể gây độc hại trực tiếp đến con người, động vật hoặc cây cỏ. Hoa Kỳ không chấp nhận lối giải thích này và đã biểu quyết chống lại nghị quyết đó. Tuy nhiên nghị quyết đã được thông qua vào ngày 16 tháng 12 năm 1969 bởi 80 phiếu ủng hộ, 3 phiếu chống và 36 phiếu trắng.

Ngày 15 tháng 4 năm 1970, các Bộ trưởng Y tế, Giáo dục và Phúc lợi, Nông nghiệp, Nội vụ của Hoa Kỳ đã ra một tuyên bố chung yêu cầu ngừng sử dụng trong nước Mỹ chất diệt cỏ có chứa 2,4,5-T trừ phi sử dụng một cách hạn chế vào những công việc không liên quan đến mùa màng. Cùng ngày, Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ ra lệnh đình chỉ sử dụng về mặt quân sự chất 2,4,5-T, kể cả tác nhân Da cam "trong khi chờ có một đánh giá triệt để hơn về tình hình". Từ đó, việc phun rải chất diệt cỏ làm rụng lá chỉ còn tiếp tục trong một thời gian ngắn bằng tác nhân Trắng. Hoạt động phá hoại mùa màng bằng tác nhân Trắng và Xanh da trời vẫn tiếp tục cho đến hết năm 1970. Đến tháng Giêng năm 1971, nhiệm vụ cuối cùng của Ranch Hand đã được hoàn thành.

Hoa Kỳ chính thức kết thúc Operation Ranch Hand năm 1971, nhưng đã để lại khối lượng lớn chất diệt cỏ thuộc quyền quản lý của Chính phủ Việt Nam cộng hòa. Căn cứ vào thông tin và niềm tin, Hoa Kỳ và các bị cáo còn tiếp tục cung cấp thêm nhiều thùng chứa chất diệt cỏ cho Chính phủ Việt Nam cộng hòa trong những năm 1973 và 1974.

Căn cứ vào thông tin và niềm tin, Chính phủ Việt Nam cộng hòa đã tiếp tục dùng chất diệt cỏ trong nỗ lực chiến tranh cho đến khi sụp đổ vào năm 1975.

Ngày 8 tháng 4 năm 1975, Tổng thống Ford ban hành Mệnh lệnh Hành chính 11850, tuyên bố: "Hoa Kỳ coi việc từ bỏ sử dụng trước chất diệt cỏ trong chiến tranh như một chính sách quốc gia, song có thể sử dụng cho mục đích trong nước theo những quy chế nhất định để kiểm soát tình hình thực vật trong các căn cứ và cơ sở quân sự Hoa Kỳ hoặc trong vùng bảo vệ bao quanh trực tiếp".

Trong quá trình tiến hành chương trình Trail Dust, chương trình Ranch Hand, đặc biệt vào giai đoạn cuối cuộc chiến, rất nhiều binh lính và dân thường Việt Nam đã trực tiếp tiếp xúc với chất diệt cỏ do phun rải. Ngoài số tiếp xúc trực tiếp chất diệt cỏ còn có rất nhiều người khác đông hơn phải tiếp xúc gián tiếp thông qua con đường tiêu dùng thực vật và nước bị nhiễm độc. Con số ước tính có thể lên tới 4 triệu người Việt Nam đã tiếp xúc với chất diệt cỏ riêng trong các năm 1961 - 1971.

Sự tàn phá ghê gớm môi trường với những ảnh hưởng môi trường có tính chất phá hoại là hệ quả của chiến dịch phát quang, chẳng hạn các khu rừng ngập mặn của Nam Việt Nam hầu như đã bị tàn phá gần hết.

Ngoài ra, số lượng chất diệt cỏ bị rò rỉ trong quá trình vận chuyển, bốc dỡ và cất giữ tại hoặc gần các căn cứ không lực Hoa Kỳ ở Việt Nam như Biên Hòa, Đà Nẵng, Nha Trang, Phù Cát, thung lũng A Lưới, A Sầu cũng đã gây ô nhiễm cho đất, hệ thống thực phẩm trong khu vực lân cận và cuối cùng làm cho dân thường bị phơi nhiễm chất diệt cỏ liên tục cho đến tận ngày hôm nay. Tình hình sử dụng chất diệt cỏ trong chiến tranh ở Việt Nam đã được gọi là "Hoạt động chiến tranh hoá học lớn nhất trong lịch sử, gây thiệt hại to lớn về sinh thái cũng như sức khoẻ của công chúng".

VAI TRÒ CỦA BỊ ĐƠN: SẢN XUẤT VÀ CUNG CẤP CHẤT DIỆT CỎ

Chính phủ Hoa Kỳ đã đề nghị nhiều nhà sản xuất hoá chất, trong đó có các bị đơn sản xuất và bán cho chính phủ những chất diệt cỏ phenoxy chuyên dùng cho cuộc chiến tranh diệt cỏ ở Việt Nam.

Vào những năm đầu thập niên 60, Chính phủ Hoa Kỳ căn cứ vào Đạo luật Sản xuất Quốc phòng năm 1950, đã ký hàng loạt hợp đồng với bị đơn sản xuất và thu mua theo giá cố định. Những hợp đồng này yêu cầu bị đơn không ghi nhãn mác bên ngoài để chỉ rõ nội dung bên trong của các thùng đựng chất diệt cỏ mà chỉ ghi mật hiệu bằng vạch màu sắc khoảng 3 inch ứng với từng loại chất diệt cỏ (Da cam, Đỏ tía, Xanh da trời, v.v...).

Trong giai đoạn từ năm 1961 đến năm 1975 thì việc sản xuất chất diệt cỏ được bắt đầu theo những hợp đồng rất có lợi cho bị đơn. Các bị đơn có thể bán sản phẩm cho chính phủ bao nhiêu cũng được, tùy theo khả năng sản xuất của họ.

Các bị đơn hoàn toàn biết rằng vào thời điểm nhận hợp đồng và sản xuất, chất diệt cỏ sẽ được sử dụng phun rải rộng rãi ở Việt Nam *phục vụ cho các hoạt động chiến tranh hoá học dưới hình thức phát quang và phá hoại mùa màng* để làm rụng lá và phá hoại mùa màng nhưng đã không chống lại dự kiến sử dụng sản phẩm đó. Trái lại, họ đã sản xuất ra và cung cấp chất diệt cỏ mặc dù biết rằng chúng sẽ được dùng trong cuộc chiến tranh diệt cỏ/hoá học là vi phạm luật pháp quốc tế.

Các bị đơn hoàn toàn biết rằng vào thời điểm nhận hợp đồng và sản xuất đều biết rằng dioxin là sản phẩm phụ và chất ô nhiễm của 2,4,5-T và rằng dioxin là chất mang độc tính cao đối với cây cối, động vật và con người và rằng dioxin sẽ gây tổn thương và tử vong cho các nguyên đơn cũng như cho những người khác gặp những tình huống tương tự, đó là tập thể gồm những nhân viên quân sự và dân sự. Tuy nhiên, bị đơn đã không phản đối khả

năng sử dụng như dự kiến các sản phẩm của họ. Trái lại, họ đã sản xuất ra và cung cấp chất diệt cỏ mặc dù biết rằng chúng sẽ được dùng trong chiến tranh diệt cỏ/hóa học là vi phạm luật pháp quốc tế.

Các bị đơn tiếp tục sản xuất và cung cấp chất diệt cỏ ngay cả sau khi họ đã nhận thấy rằng chất diệt cỏ đang được sử dụng với tư cách vũ khí hoá học để diệt cây cối và mùa màng là vi phạm luật pháp quốc tế.

Các bị đơn tiếp tục sản xuất và cung cấp chất diệt cỏ ngay cả sau khi họ đã có lời lưu ý rằng chất diệt cỏ là rất độc đối với cây cối, động vật, và con người và rằng dân thường, chiến binh và môi trường đều bị tác động xấu.

Vào thời điểm nhận hợp đồng và sản xuất, các bị đơn hoàn toàn biết rằng một lượng rất nhỏ chất dioxin trong khẩu phần ăn có thể ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ động vật, và thậm chí một lượng khoảng 5 phần ngàn tỉ gram (ppt) có thể gây bệnh ung thư trong cơ thể chuột khi được cung cấp hàng ngày.

Vào thời điểm nhận hợp đồng và sản xuất, các bị đơn hoàn toàn biết rằng nếu nồng độ khoảng 1 phần tỉ gram (ppt) thì có thể làm thai chết lưu do các chứng bệnh nghiêm trọng và nếu nồng độ trên 50 ppb có thể nhanh chóng tạo ra những dấu hiệu nhiễm độc nghiêm trọng và chết trẻ. Các nhà nghiên cứu đã phát hiện thấy nếu mức tập trung dioxin thấp cũng có thể tạo ra những kết quả tương tự như với nồng độ cao, tuy nhiên trong thời gian dài hơn.

Vào thời điểm nhận hợp đồng và sản xuất, bị đơn Dow đã biết trước rằng vấn đề dioxin phát sinh từ quá trình sản xuất và bất cứ chất dioxin nào được sản xuất vào giai đoạn đó đều có thể nằm bên trong sản phẩm đưa đi cung cấp.

Vào thời điểm nhận hợp đồng và sản xuất, bị đơn Dow đã biết rằng trong trường hợp liên tục phơi nhiễm, với lượng thấp ở mức 1 ppm dioxin, vẫn có thể gây nguy hại. *Và chính vào thời điểm đó các bị đơn cho rằng đó là hàm lượng thấp nhất dioxin mà có thể phát hiện được nhưng thực ra họ có thể phát hiện ở mức thấp hơn nhiều.*

Trước khi nhận hợp đồng và sản xuất, các bị đơn đã từ lâu biết rõ về tác hại của công việc liên quan đến dioxin và công nhân nhà máy bị phơi nhiễm dioxin có thể bị chloracne (đó là bệnh nghiêm trọng về da), tổn thương gan, teo gan vàng da, rối loạn nghiêm trọng về nhân cách và tâm lý cùng với nhiều bệnh khác, trong một số trường hợp nhất định dẫn đến tử vong.

Năm 1949, một tai nạn xảy ra tại nhà máy hoá chất của bị đơn Monsanto tại Nitro, miền Tây tiểu bang Virginia, trong đó một chất chứa dioxin phân tán khắp toà nhà, làm cho công nhân của bị đơn phơi nhiễm với hóa chất độc này.

Ngay sau vụ tai nạn, nhiều công nhân bắt đầu than phiền về sức khoẻ và phát triển bệnh ngay sau vụ tai nạn và những triệu chứng khác. Một số công nhân được các bác sĩ khám, chữa trị. Nhiều nhà nghiên cứu sau này đã tổ chức nghiên cứu những công nhân bị phơi nhiễm và những ảnh hưởng liên quan đến sức khoẻ của họ.

Vào khoảng năm 1952, bị đơn Monsanto đã thừa biết rằng chất dioxin là sản phẩm phụ và là chất thải của 2,4,5-T và là một chất độc hại.

Năm 1956, bệnh chloracne, các bệnh về máu và gan xảy ra hàng loạt trong nhiều công nhân nhà máy Diamond Alkali, đó là nơi họ sản xuất ra chất độc diệt cỏ phenoxy trong đó có chất 2,4,5-T là chất mà các bị đơn khác đều biết.

Các bị đơn cũng đều biết về việc xảy ra với chất 2,4,5-T của bị đơn Diamond Alkali tại Columbia. Bắt đầu từ năm 1962, Diamond đã bán 2,4-D và 2,4,5-T cho Quimor Ltd thuộc Bogota, Columbia. Năm 1963, Quimor bắt đầu biết về những báo cáo đề cập đến bệnh chloracne nghiêm trọng xảy ra trong công nhân của các nhà máy Quimor tại Bucaranga, Medellin và Cartagena. Rất nhiều trường hợp phải điều trị bệnh chloracne và những bệnh liên quan cho công nhân. Có hơn 75 trường hợp trong số những công nhân nói trên, chưa tính đến những trường hợp mắc bệnh chloracne xảy ra với những người tiêu dùng sản phẩm "Killex" của Quimor trong đó có chứa chất 2,4,5-T của Diamond Alkali. Quimor đã cảnh báo bị đơn Diamond Alkali về những rắc rối này và kết cục Diamond đã phải bồi thường cho các cuộc dàn xếp với nhiều tập thể công nhân và chấp nhận rút số hàng tồn kho ra khỏi Columbia.

Trong thập niên 40, bị đơn Công ty hoá chất Hooker đã làm rò rỉ TCP/dioxin mà công nhân của họ đã bị mắc bệnh chloracne kéo dài nhiều thập niên.

Bị đơn Dow đã bắt đầu sản xuất 2,4,5-T vào năm 1948. Dow đã phát triển thí nghiệm "tai thỏ" vào năm 1945 để xác định sự có mặt của chloracnogens. Dow đã thư từ liên lạc với Công ty Đức về tính độc hại của chất này trong những năm thập niên 50 và vào thời điểm đó Dow đã biết về những vụ mắc bệnh chloracne hàng loạt trong công nhân của mình và của các công ty khác. Bị đơn Dow cũng biết rõ về vụ việc tương tự xảy ra tại Pháp.

Đặc biệt, vào đầu thập niên 50, Công ty C.H.Boehringer Sohn của Đức đã xảy ra những trường hợp mắc bệnh chloracne nghiêm trọng khi công nhân tham gia sản xuất trichlorophenol (TCP), tiền thân và cũng là thành phần của hoá chất 2,4,5-T. Hai nhà nghiên cứu Đức nghiên cứu vấn đề đã có thể

tách dioxin với tư cách là tác nhân gây ra những vấn đề sức khoẻ và đã công bố những phát hiện của họ trong một tạp chí khoa học Đức. *Những vụ việc nói trên đã dẫn đến kết quả là việc sản xuất TCP tại Đức bị cấm vào thời điểm đó.*

Tháng 2 năm 1964 tại nhà máy của Dow ở Midland, tiểu bang Michigan, có hơn 40 công nhân bị bệnh chloracne do chất dioxin, và bị đơn Dow xác định rằng dioxin chính là chloracnegen.

Bị đơn Dow đã biết rằng dioxin sẽ hiện diện trong các chất diệt cỏ vốn đòi hỏi phải có hợp đồng mua bán với mức nhạy cảm ít nhất là 1 ppm và dựa trên những thí nghiệm ở động vật mà nó đã biết hoặc nhất thiết phải biết rằng dioxin có thể gây ra ngộ độc thậm chí ở mức dưới 1 ppm.

Bị đơn Dow thậm chí từ năm 1964 đã biết rằng nếu bị phơi nhiễm dioxin có thể làm cho "toàn bộ các bộ phận cơ thể bị nhiễm độc" cũng như các vấn đề có tính chất "tâm lý" và "hệ thống".

Bị đơn Dow đã từng chia sẻ thông tin với các bị đơn khác tại một hội nghị do nó triệu tập vào tháng 3 năm 1965. Các đại diện của bị đơn Hooker Chemical, Hercules và Diamond Alkali đều có mặt và được thông báo rằng nếu lặp lại nhiều lần phơi nhiễm dioxin ở mức 1 ppm có thể rất nguy hiểm.

Bị đơn Dow đồng thời đã thông tin cho những người tham gia hội nghị tháng 3 năm 1965 rằng họ đã lấy mẫu các chất diệt cỏ của các công ty khác và phát hiện thấy chúng có chứa hàm lượng dioxin "cao đến mức ngạc nhiên" và rằng cần phải có biện pháp nhắc nhở cần thiết để tránh những nguy hiểm cho sức khỏe. Từng bị đơn đều biết rằng sản phẩm của mình sẽ được trộn lẫn với những sản phẩm của các bị đơn khác trong dung dịch chất diệt cỏ được sử dụng trong các cuộc hành quân Trail Dust và Rand Hand.

Vào thời điểm đặt mua và sản xuất, tất cả bị đơn đều biết về những vụ việc xảy ra trước đó, chất dioxin đã gây độc hại, trên thực tế dioxin là một chất nguy hiểm và là sản phẩm phụ và chất ô nhiễm của 2,4,5 T. Không có bị đơn nào đã thực hiện đầy đủ các nguyên tắc xét nghiệm chất diệt cỏ trước khi sản xuất và cung cấp cho Chính phủ Mỹ và Việt Nam cộng hòa.

Trong thập niên 60, chất diệt cỏ ngày càng được sử dụng nhiều hơn vào các lĩnh vực thương mại. Kết quả sản xuất và cung cấp tiêu biểu cho một loại kinh doanh mang lại rất nhiều lợi nhuận cho bị đơn. Các bị đơn sợ rằng nếu chính phủ biết được mức độ phức tạp của vấn đề liên quan dioxin thì họ sẽ can thiệp một cách nào đó có thể gây tai họa cho toàn bộ ngành công nghiệp chất diệt cỏ. Sau khi các bị đơn có được thông tin về sự nguy hại của dioxin, họ bắt đầu lo lắng về khả năng xuất hiện các quy định và can thiệp với ngành công nghiệp sản xuất chất diệt cỏ nếu như công chúng được biết về

vấn đề này và đã không thông báo cho chính phủ hoặc công chúng về những nguy hại đối với sức khỏe.

Những nhãn mác cảnh báo điển hình mà Bộ Nông nghiệp đã chuẩn y việc sử dụng chất diệt cỏ chứa 2,4,5-T trong thập niên 60 là những chỉ dẫn cho người sử dụng đừng gây độc cho bất cứ một khối nước nào, không được nuôi động vật lấy sữa trong những khu vực đang được xử lý trong vòng 7 ngày sau khi áp dụng, không được gây ô nhiễm thực phẩm nuôi, rằng sản phẩm có thể "gây khó chịu" mà con người phải tránh "hít phải thuốc được phun ra", rằng "không được đưa vào bên trong cơ thể", rằng "mọi người phải tránh" để mắt, da, áo quần "tiếp xúc với sản phẩm" và rằng trong trường hợp một tiếp xúc như vậy "phải được quan tâm chạy chữa kịp thời".

Bị đơn đã biết rằng chất diệt cỏ đã được phun rải ở Việt Nam với nồng độ cao hơn rất nhiều so với mức khuyến cáo sử dụng trong lĩnh vực dân sự. Và không hề khuyến nghị những quy định cần chú ý khi sử dụng trong lĩnh vực dân sự. Bị đơn không phản đối việc sử dụng sản phẩm của họ hoặc tìm cách cảnh báo chính phủ hoặc công chúng về những hiểm họa sức khỏe liên quan.

Vào thời điểm nhận hợp đồng và sản xuất, các bị đơn đều biết về sự tồn tại của phương pháp sắc ký khí VPC để phát hiện dioxin trong các chất diệt cỏ có độ chính xác đến 1 ppm. Các bị đơn cũng đồng thời biết rằng vào thời điểm đó về thực tế các biện pháp phòng ngừa trong quá trình sản xuất và lọc bỏ dioxin cũng như các chất độc hại khác có thể hạn chế rất nhiều nguy cơ gây nhiễm độc bởi sản phẩm cuối cùng của chất diệt cỏ.

Tuy nhiên các bị đơn đã không có những biện pháp đầy đủ và hợp lý để cắt giảm hàm lượng dioxin và các hoá chất độc hại khác trong các sản phẩm của mình hoặc tìm cách ngăn ngừa, giảm đến mức tối thiểu khả năng con người bị nhiễm độc nếu không may tiếp xúc với chất diệt cỏ khi buộc phải sử dụng chúng. *Tình trạng ô nhiễm chất dioxin trong các mẫu chất diệt cỏ của một số bị đơn đã được phát hiện ở mức cao đến 140ppm, đó là mức rất có khả năng gây ra tổn thương ghê gớm và tử vong cho những người Việt Nam kể cả dân thường.*

Các bị đơn cũng không có biện pháp đầy đủ và hợp lý để phòng ngừa và hạn chế đến mức thấp nhất tác hại của chất diệt cỏ đến môi trường những nơi bị phun rải chất diệt cỏ.

Các bị đơn cũng không cảnh báo đầy đủ cho chính phủ hoặc công chúng rộng rãi về những nguy hại của dioxin trước cũng như trong thời gian họ sản xuất, cung cấp chất diệt cỏ cho chiến tranh. Trong thực tế, các bị đơn đã luôn tích cực che giấu chính phủ và công chúng rộng rãi sự thật về dioxin trước và trong thời gian sản xuất, cung cấp chất diệt cỏ cho chiến tranh.

Tại tất cả những thời điểm liên quan ở đây, bị đơn đã tham gia vào việc cấu kết và / hoặc liên doanh để sản xuất, bán và cung cấp những hóa chất độc hại nói trên cho Chính phủ Hoa Kỳ sử dụng làm vũ khí hóa học ở Việt Nam từ năm 1961 đến năm 1975, vi phạm pháp luật quốc tế. Sự cấu kết này đã có bằng chứng ghi lại nhưng không phải chỉ có như vậy, chẳng hạn trong các thỏa thuận và hành động sau đây:

a) Những cuộc họp và tiếp xúc thường xuyên và hết sức bí mật giữa bị đơn với nhau đã thảo luận vấn đề độc hại của dioxin trong các hoá chất nói trên, chẳng hạn dịch bệnh và bùng nổ bệnh tật nghiêm trọng trong công nhân của bị đơn và những người khác. Và họ đã có kế hoạch ngăn ngừa việc công khai cho chính phủ Liên bang và công chúng biết. Thực sự là Dow "hết sức lo sợ" rằng nếu những thực tế sự việc này được công chúng rộng rãi biết đến thì "tình hình có thể bùng nổ" và ngành công nghiệp sẽ bị tác hại. Dow đã chia sẻ sự sợ hãi này với những bị đơn khác và chính sự sợ hãi này đã trở thành động cơ thúc đẩy họ che giấu như đã nói ở trên.

b) Tích cực đánh lừa Bộ Quốc phòng Mỹ rằng trong lịch sử chưa từng có những ảnh hưởng ngược chiều về y tế đến các công nhân sản xuất do chất 2,4,5-T gây ra, nhưng trong thực tế bị đơn đều biết rõ đó là điều hoàn toàn trái ngược;

c) Những cuộc họp và tiếp xúc thường xuyên để thảo luận và sau đó che giấu tính chất độc hại của những hóa chất nói trên với chính phủ và công chúng;

d) Những cuộc họp và tiếp xúc thường xuyên tại đó các bị đơn đã cùng nhau hành động để mở rộng những giới hạn quy định về việc kết hợp 2,4-D và 2,4,5-T trong sản phẩm nông nghiệp Hoa Kỳ. Trong khi che giấu Chính phủ về sự có mặt và tính chất cực kỳ độc hại mà họ đã biết về dioxin ở trong 2,4,5-T của bị đơn;

e) Theo dõi, quan sát hàm lượng dioxin trong các sản phẩm vũ khí hóa học của nhau để thông báo cho nhau về mức độ báo động cao chất độc hại dioxin, song đồng thời cùng nhau che giấu thông tin đó không cho chính phủ và công chúng biết;

f) Mua và cùng nhau trộn lẫn chất 2,4,5-T của nhau bất chấp sự hòa trộn như vậy sẽ đồng hóa chất lượng và tính tinh khiết của chất 2,4,5-T mà từng bị đơn đã sản xuất và ngăn ngừa có sự khác nhau giữa các đợt sản xuất những hóa chất này về nồng độ dioxin được pha trộn ở trong đó bất chấp là có những sự khác nhau nói trên. Các bị đơn nhất trí và cùng nhau hành động để che giấu mức hòa trộn chất độc không cho chính phủ và công chúng biết;

g) Vận chuyển hóa chất độc của nhau tới các căn cứ quân sự của Hoa Kỳ;

h) Đối với chất Da cam và 2,4,5-T, việc dự thảo và viết những quy định, bên ngoài có vẻ như Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ thực hiện để ràng buộc, hạn chế và kiểm soát những bị đơn nói trên. Nhưng trong thực tế chính bị đơn là người đã viết các quy định một cách chủ ý để loại bỏ bất cứ điều gì đề cập liên hệ đến chất độc, chất pha trộn, dioxin, 2,3,7,8 tetrachlorodibenzodioxin, chloracnegens và chất kích thích bệnh chloracne. Mặc dù trên thực tế bị đơn biết rất rõ là những hóa chất này hết sức độc và gây ra những tổn thương nghiêm trọng, tử vong khi sử dụng với tư cách là vũ khí hóa học ở Việt Nam.

Bản sao lưu trữ

PHẦN THỨ NĂM
NHỮNG TÂM LÒNG VÀNG

Bản sao lưu trữ

NHỮNG TẮM LÒNG VÀNG

Từ 10 tháng 8 năm 1961, quân đội Mỹ đã rải xuống miền Nam Việt Nam hơn 80 triệu lít hóa chất độc, phần lớn là chất Da cam, chứa gần 400kg dioxin.

Dioxin là chất độc mạnh nhất trong các chất độc từ trước đến nay mà con người biết đến. Dioxin cũng tác động trực tiếp đến hệ thống miễn dịch và do đó làm tăng tần suất mắc bệnh của những người bị nhiễm. Dioxin được coi là liên quan đến chứng bệnh bao gồm nhiều dạng ung thư, gai đôi cột sống bẩm sinh, tiểu đường típ 2, rối loạn hệ thần kinh, hệ thống miễn dịch và nội tiết. Các nghiên cứu được thế giới công nhận cũng nêu lên khả năng liên quan với nhiều dị tật bẩm sinh khác.

Theo thống kê chưa đầy đủ của Việt Nam, hiện có khoảng 3 triệu nạn nhân trong đó 10% là trẻ em.

Các nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam là những người đau khổ nhất trong những người đau khổ. Nỗi đau thể xác của nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam theo thời gian càng chồng chất cao hơn, đau đến tột cùng sự chịu đựng của con người.

Với truyền thống "Thương người như thể thương thân" trong những năm qua, các cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức xã hội, các cá nhân hảo tâm trong nước đã chăm sóc giúp đỡ, ủng hộ nạn nhân chất độc Da cam/dioxin và vụ kiện đang tiến hành ở Tòa án liên bang quận Brooklyn - New York - Hoa Kỳ.

Ngoài ra, các nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam và vụ kiện dân sự của các nạn nhân đối với 37 công ty và tập đoàn Mỹ sản xuất hóa chất độc cung cấp cho quân đội Mỹ sử dụng trong chiến tranh Việt Nam đã nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ đầy tinh thần nhân ái của Việt Nam và bạn bè trên thế giới. Hội Hữu nghị Anh - Việt, Hội Hữu nghị Pháp - Việt, Hội Thụy Sĩ - Việt Nam, Ủy ban Thụy Điển đoàn kết với Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia, Hội Cựu chiến binh Mỹ chiến đấu ở Việt Nam, Hội đồng Hòa bình thế giới, Hội Luật gia dân chủ thế giới, Hội Người Việt Nam ở Liên bang Nga, Canada, Hungari...

Hiện nay vụ kiện ở Tòa án liên bang quận Brooklyn - New York - Hoa Kỳ đang thu hút sự quan tâm của nhiều người trong và ngoài nước. Đoàn luật sư Mỹ bảo vệ quyền lợi cho Hội nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam trong vụ kiện đã sang Việt Nam gặp các nạn nhân ở Hà Nội, Hải Phòng, Thừa Thiên - Huế, Đồng Nai, thành phố Hồ Chí Minh... nhằm thu thập, củng cố chứng cứ và bổ sung hồ sơ cho vụ kiện mà Hội và các nạn nhân đang tiến hành.

Vụ kiện này được tiến hành vì quyền sống thiêng liêng, quyền trước tiên của con người, vì tin rằng lương tâm và công lý còn tồn tại và tôn trọng trên trái đất này.

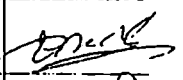
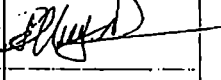
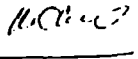
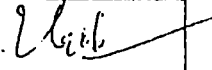
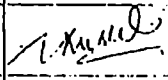

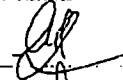
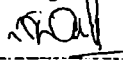
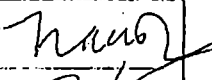
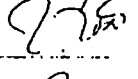
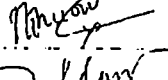
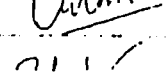

A. NHỮNG CHỮ KÝ ỦNG HỘ NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM/DIOXIN VIỆT NAM

Sau hơn một năm phát động đến nay đã có trên 12 triệu chữ ký của các tổ chức, cá nhân trong cả nước và 680 nghìn chữ ký của các tổ chức quốc tế. Xin trích đăng một số tổ chức trong nước và quốc tế.

I. CÁC TỔ CHỨC TRONG NƯỚC

HOẠT VIÊN CHÍNH TRI QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
PHẦN VIỆN BẢO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

KÝ ỦNG HỘ NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM/ DIOXIN VIỆT NAM

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH - NGHỀ NGHIỆP	ĐỊA CHỈ E-MAIL	ĐIỆN THOẠI	CHỮ KÝ
1.	PGS.TS. Tạ Ngọc Tấn	- Giám đốc - Giảng viên	tatnn@spt.vn	8330647 0913207325	
2.	TS. Phạm Đình Huỳnh	- Phó Giám đốc - Giảng viên	pdlhuynh@spt.vn	8348033 0913220546	
3.	TS. Hoàng Đình Cúc	- Phó Giám đốc - Giảng viên	hoangdinhcuc@spt.vn	7681106 0913236546	
4.	PGS.TS. Dương Xuân Ngọc	- Phó Giám đốc - Giảng viên	dxngoc@yahoo.com	8330687 0913280855	
5.	TS. Phạm Xuân Mỹ	- Trưởng khoa Lịch sử Đảng - Giảng viên		8349278 0913582875	
6.	TS. Lương Khắc Hiến	- Trưởng khoa Tuyên truyền - Giảng viên		8332229 0912440286	
7.	TS. Đoàn Phúc Thanh	- Trưởng phòng Đào tạo - Giảng viên		8334182 0913005942	
8.	TS. Nguyễn Đình Cấp	- Trưởng khoa Tiết học - Giảng viên		8347890 0913588821	
9.	ThS. Đặng Gin Định	- Trưởng khoa CNXH khoa học - Giảng viên		8349930 0912464995	
10.	TS. Trần Thị Trâm	- Phó Chủ nhiệm bộ môn Ngữ văn - Giảng viên		8342443	
11.	ThS. Võ Thị Hoa	- Bí thư Đoàn Thanh niên - Giảng viên		0912069479	
12.	Nguyễn Kiến Liên Phương	- Sinh viên - Lớp trưởng lớp Đào in 21A2			
13.	Đình Thanh Hải	- Sinh viên - Lớp trưởng lớp Chính trị học 22			
14.	Nguyễn Thái An	- Sinh viên - Bí thư Chi đoàn			

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
PHẦN VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

KÝ ỦNG HỘ NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM/ DIOXIN VIỆT NAM

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH - NGHỀ NGHIỆP	ĐỊA CHỈ E-MAIL	DIỆN THOẠI	CHỮ KÝ
16	Dương Khắc Hữu	Trưởng khoa	Khoa Tuyên Truyền		Hữu
17	Nguyễn Văn Minh	Giảng viên			Minh
18	Nguyễn Văn Minh	P. Trưởng khoa			Minh
19	Hoàng Quốc Bảo	P. Trưởng khoa			Quốc Bảo
20	Trần Thị Bình Hoa	Giảng viên			Hoa
21	Trần Thị Anh Đào	Giảng viên			Anh Đào
22	Phạm Huy Kỳ	Giảng viên			Kỳ
23	Mai Đức Ngọc	Giảng viên			Đức Ngọc
24	Tào Khánh Lê	Chuyên viên			Khánh Lê
25	Lê Ngọc Diệp	giảng viên			Diệp
26	Lương Quỳnh Khuê	Cán bộ giảng dạy	Khoa Văn học XHCV	04.8344330	Quỳnh Khuê
27	Ngô Xuân Trâm	giáo viên		04.8334275	Trâm
28	Phạm Thị Nhung	giảng viên		04.8333401	Phạm Nhung
29	Nguyễn Thị Hồng	giáo viên		04.8334275	Hồng

HỌC VIỆN CHÍNH TRI QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
PHẦN VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

KỶ ỪNG HỘ NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM/ DIOXIN VIỆT NAM

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH - NGHỀ NGHIỆP	ĐỊA CHỈ/ E-MAIL	ĐIỆN THOẠI	CHỮ KÝ
1560	Phạm Anh Nguyễn	CB		0912154868	
1561	Nguyễn Văn Dũng	SV	baclung - HH.1979 @ yahoo.com	0912562615	
1562	Nông Duy Liên	SV	Canhdevoibq@yahoo .com		
1563	Nguyễn Thị Hào	SV	Huongyong82@y.		
1564	Đào Đức Cường	SV	Noan.Stas - 1752003	091.3540843	
1565	Đào Văn Thịnh	SV	Tuanvthie1969@ yahoo.com	8585015	
1566	Đào Thị Huệ	SV	Thuyyuan2008 @ yahoo.com		
1567	Nguyễn Thị Liên	SV			
1568	Trần Thị Bích	SV			
1569	Nguyễn Thảo Loan Cảnh	SV		79-10140	
1570	Hà Thị Việt Hà	SV	HVM 1804		
1571	Phạm Thị Thuý Kiều	SV		0912468193	
1572	Nguyễn Thị Bích, Anh	SV			

Chúng tôi là những người đại diện cho các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức xã hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, đại diện cho các tầng lớp nhân dân, các nhân sĩ, trí thức, chức sắc tôn giáo, dân tộc, đồng ký tên ủng hộ các nạn nhân chất độc da cam khởi kiện các công ty hóa chất của Mỹ sản xuất chất độc hóa học cung cấp cho quân đội Mỹ sử dụng trong chiến tranh Việt Nam, gây đau thương tang tóc cho người dân Việt Nam. Đòi các công ty sản xuất hóa chất và nhà cầm quyền Mỹ phải bồi thường thỏa đáng cho các nạn nhân.

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Chữ ký tên
1	Lê Xuân Niêm	Chi Bình, Bình	<i>[Signature]</i>
2	Phạm Bình Na	Chi Bình, Bình	<i>[Signature]</i>
3	Ngô Văn Như	Chi Bình, Bình	<i>[Signature]</i>
4	Phạm Văn Hùng	Chi Bình, Bình	<i>[Signature]</i>
5	Phạm Văn Hùng	Chi Bình, Bình	<i>[Signature]</i>
6	Lê Văn Bình	Chi Bình, Bình	<i>[Signature]</i>
7	Lê Văn Nga	Chi Bình, Bình	<i>[Signature]</i>
8	Lương Nguyễn	Chi Bình, Bình	<i>[Signature]</i>
9	Phạm Văn Nguyệt	Chi Bình, Bình	<i>[Signature]</i>
10	Lê Văn Hùng	Chi Bình, Bình	<i>[Signature]</i>
11	Lê Văn Hùng	Chi Bình, Bình	<i>[Signature]</i>
12	Nguyễn Văn Hùng	Chi Bình, Bình	<i>[Signature]</i>
13	Nguyễn Văn Hùng	Chi Bình, Bình	<i>[Signature]</i>
14	Nguyễn Văn Hùng	Chi Bình, Bình	<i>[Signature]</i>
15	Nguyễn Văn Hùng	Chi Bình, Bình	<i>[Signature]</i>
16	Lê Văn Hùng	Chi Bình, Bình	<i>[Signature]</i>
17	Lê Văn Hùng	Chi Bình, Bình	<i>[Signature]</i>
18	Nguyễn Văn Hùng	Chi Bình, Bình	<i>[Signature]</i>
19	Nguyễn Văn Hùng	Chi Bình, Bình	<i>[Signature]</i>
20	Nguyễn Văn Hùng	Chi Bình, Bình	<i>[Signature]</i>
21	Phạm Văn Hùng	Chi Bình, Bình	<i>[Signature]</i>
22	Ngô Văn Hùng	Chi Bình, Bình	<i>[Signature]</i>
23	Ngô Văn Hùng	Chi Bình, Bình	<i>[Signature]</i>
24	Phạm Văn Hùng	Chi Bình, Bình	<i>[Signature]</i>
25	Ngô Văn Hùng	Chi Bình, Bình	<i>[Signature]</i>
26	Phạm Văn Hùng	Chi Bình, Bình	<i>[Signature]</i>
27	Nguyễn Văn Hùng	Chi Bình, Bình	<i>[Signature]</i>
28	Nguyễn Văn Hùng	Chi Bình, Bình	<i>[Signature]</i>
29	Phạm Văn Hùng	Chi Bình, Bình	<i>[Signature]</i>
30	Nguyễn Văn Hùng	Chi Bình, Bình	<i>[Signature]</i>

ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Số: 140/MT.TP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 29 tháng 9 năm 2004

Kính gửi: - HỘI NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM VIỆT NAM

Sau hơn 1 tháng phát động hưởng ứng tuyên bố của Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ủng hộ nạn nhân chất độc Da cam. Đến nay, Mặt trận Tổ quốc thành phố Cần Thơ đã nhận được 30.137 chữ ký ủng hộ nạn nhân chất độc Da cam khởi kiện các công ty hóa chất của Mỹ sản xuất chất độc hóa học cung cấp cho quân đội Mỹ sử dụng trong chiến tranh Việt Nam.

Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố Cần Thơ tổng hợp chuyển đến Hội nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam.

Kính chào đoàn kết!

TM.BTT.UBMTTQVN TP CẦN THƠ

Ủy viên - Chánh văn phòng

PHẠM THỊ XUÂN NGA

BẢN KÝ TÊN ĐÒI CÔNG LÝ CHO NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM

:***:

Chúng tôi là đoàn viên, hội viên của các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp, tổ chức từ thiện, nhân sĩ, trí thức, chức sắc tôn giáo, dân tộc, nhà kinh doanh, cá nhân thuộc các tầng lớp nhân dân ở thành phố Cần Thơ, đồng ký tên ủng hộ các nạn nhân chất độc da cam khởi kiện các công ty hóa chất của Mỹ sản xuất chất độc hóa học cung cấp cho quân đội Mỹ sử dụng trong chiến tranh xâm lược Việt Nam; gây đau thương tang tóc cho người Việt Nam. Đòi các công ty sản xuất hóa chất và nhà cầm quyền Mỹ phải bồi thường thỏa đáng cho các nạn nhân.

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Chữ ký tên
		Lớp 12 P Trường THPT Ngọc Hiển, TPCT	
1.	TRẦN - THI - HUỆNG	"	
2.	Lê Thị Việt Anh	"	
3.	Hứa Thanh Lưu	"	
4.	Nguyễn Ngọc Khánh Hoa	"	
5.	Võ Thị Bích Hân	"	
6.	Trình Ngọc Hân	"	
7.	Nguyễn Ngọc Xuân Trúc	"	
8.	Nguyễn Thị Thanh Hà	"	
9.	Ngô Hoàng Anh	"	
10.	Ngô Trường Xuân	"	
11.	THÂN THỊ NIỀM TƯỜNG	"	
12.	Trần Hoàng Hùng	"	
13.	"		
14.	Lai Thị Oanh Tuyền	"	
15.	Lê Thị Hồng Hạnh	"	
16.	Nguyễn Thị Bích Ngọc	"	
17.	Ng ² Thị Huyền Nga	"	
18.	Điền Ngọc Linh	"	
19.	LƯU NHƯ HAI TÂM	"	
20.	Nguyễn Hồng Cẩm Tú	"	
21.	LAM HOANG CHI	"	


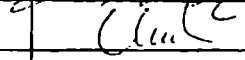
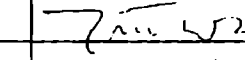
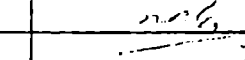
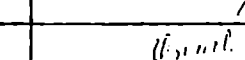
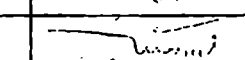
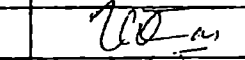
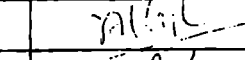
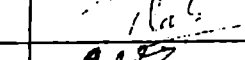
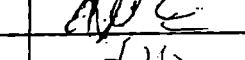
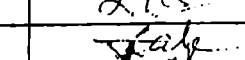
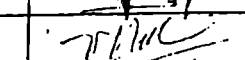
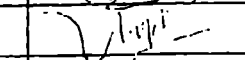
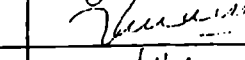



BẢN TỔNG HỢP CHỮ KÝ CỦA CBCNV, LAO ĐỘNG ỦNG HỘ
CÁC NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM/DIOXIN
VIỆT NAM

Kính gửi : Hội nạn nhân chất độc Da cam/Dioxin Việt Nam

Đời phía Mỹ có trách nhiệm khắc phục hậu quả chiến tranh

hóa học do họ đã tiến hành ở Việt Nam

Ủng hộ nạn nhân chất độc da cam Việt Nam khiếu kiện các công ty
hoá chất Hoa Kỳ sản xuất các chất độc để quân đội Mỹ sử dụng trong
chiến tranh Việt Nam.

TT	Họ & tên	Chức danh	Chữ ký
1	Nguyễn Ngọc Sang	Chi cục trưởng	
2	Lục Minh Hiếu	Chi cục phó	
3	Nguyễn Xuân Nhị	Chi cục phó	
4	Nguyễn Thế Trường	Chi cục phó	
5	Nguyễn Văn Thành	TP-Tổng hợp	
6	Trần Thị Hà	Kế toán	
7	Đặng T. K. Hường	Kế toán	
8	Thịnh Thị Sâm	PP - Tổng hợp	
9	Nguyễn TH. Phụng	Kế toán	
10	Đoàn Thanh Cao	Lái xe	
11	Châu Ngọc Tuấn	PP - Pháp chế	
12	Lý Văn Mười	Chuyên viên	
13	Thới Thanh Phong	Chuyên viên	
14	Nguyễn Văn Thanh	PP - QL BVR	
15	Nguyễn Lê Mai Uyên	Công chức	
16	Võ Ngọc Thuận	KL viên	
17	Vũ Quang Huy	Công chức	

18	Lã Ngọc Giới	KL viên	
19	Trần Minh Tuấn	Chuyên viên	Trần
20	Đào Xuân Lục	Phó phòng QL BVR	U.K. - u.
21	Phạm Trung Kiên	KL viên	
22	Đào Xuân Vương	Đội trưởng	Đào Xuân Vương
23	Trần Văn Tâm	Đội phó	Trần Văn Tâm
24	Nguyễn Quang Đơ	KL viên	Nguyễn Quang Đơ
25	Trần Văn Niêm	KL viên	Trần Văn Niêm
26	Nguyễn Văn Sáu	KL viên	Nguyễn Văn Sáu
27	Đặng Thái Lan	KL viên	Đặng Thái Lan
28	Nguyễn Thị Hiền	Kế toán	Nguyễn Thị Hiền
29	Lê Thị Tương	Thủ kho	Lê Thị Tương
30	Cao Văn Đồng	KL viên	Cao Văn Đồng
31	Giang Tấn Thành	KL viên	Giang Tấn Thành
32	Trần Thanh Quang	KL viên	Trần Thanh Quang
33	Lê Thế Trường	Tổ trưởng	Lê Thế Trường
34	Võ Minh	KL viên	Võ Minh
35	Lê Văn Ly	KL viên chính	Lê Văn Ly
36	Trần Thanh Công	Hợp đồng dài hạn	Trần Thanh Công
37	Nguyễn Đức Trí	Hợp đồng dài hạn	Nguyễn Đức Trí
38	Trần Hữu Nghệ	Hợp đồng dài hạn	Trần Hữu Nghệ
39	Thái Xuân Dục	KL viên	Thái Xuân Dục
40	Lưu Văn Thông	KL viên	Lưu Văn Thông
41	Trần Thanh Sơn	KL viên	Trần Thanh Sơn
42	Nguyễn Xuân Miên	KL viên	Nguyễn Xuân Miên
43	Nguyễn Thiện Lưu	KL viên	Nguyễn Thiện Lưu
44	Trần Văn Thái	KL viên	Trần Văn Thái
45	Trần Quang Hưng	Hợp đồng dài hạn	Trần Quang Hưng
46	Đào Xuân Nam	KL viên	Đào Xuân Nam
47	Ngũ Văn Hợi	Trạm trưởng	Ngũ Văn Hợi
48	Trần Văn Thu	KL viên	Trần Văn Thu

QUẬN BA ĐÌNH

DANH SÁCH HỘI VIÊN HỘI NCT VÀ NHÂN DÂN KÝ TÊN ỦNG HỘ
 NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC MÀU DA CAM/DIOXIN VIỆT NAM
 TRONG VỤ KIẾN TẠI TOÀ ÁN MỸ

STT	Họ và tên	Chữ ký
1	Phạm Hồng Hải	Hải
2	Nguyễn Thị Dân	Nguyễn
3	Nguyễn Thị Thủy	Thủy
4	Hồ Thuận	Thuận
5	Ngô Thị Tú	Tú
6	Đỗ Đình Hưng	Hưng
7	Đào Thị Diệu	Diệu
8	Lê Văn Sáu	Sáu
9	Vũ Tươi Lạp	Lạp
10	Trần Thị Thảo	Thảo
11	Đỗ Đình Sáu	Sáu
12	Lê Thị Ngọc	Ngọc
13	Đào Quang Cường	Cường
14	Đào Thị Vân	Vân
15	Đào Quang Khuê	Khuê
16	Nguyễn Thị Huệ	Huệ
17	Ngô Thị Bình	Bình
18	Nguyễn Thị Ninh	Ninh
	Lê Thị Thanh Thảo	Thảo
20	Đoàn Tú Bảy	Bảy
21	Vũ Thị Kim Hoa	Hoa
22	Phạm Thanh	Thanh
23	Trần Thị Lan	Lan
	Lê Thanh Năm	Năm

HỘI BẢO TRỢ NGƯỜI TÀN TẬT
VÀ TRẺ MỒ CÔI VIỆT NAM

Số: 243/CV/HBT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2004

**Kính gửi: BAN PHONG TRÀO ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN
TỔ QUỐC VIỆT NAM**

Hưởng ứng tuyên bố của Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, về kêu gọi nhân dân trong cả nước và bè bạn trên thế giới chăm sóc, giúp đỡ nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam và lấy chữ ký ủng hộ nạn nhân chất độc Da cam tiến hành vụ kiện dân sự các công ty Mỹ sản xuất hóa chất độc sử dụng trong chiến tranh Việt Nam và công văn số 457/MTTW ngày 8 tháng 9 năm 2004 của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đề nghị các tổ chức thành viên của mặt trận tổng hợp kết quả (lấy chữ ký) ủng hộ nạn nhân chất độc Da cam.

Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi Việt Nam đã tổng hợp kết quả 75.843 chữ ký ủng hộ nạn nhân chất độc Da cam của các tỉnh, thành Hội, xin gửi Ban phong trào, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

T/M THƯỜNG TRỰC TW HỘI

Phó Chủ tịch

BÙI DUY THỤ

HỘI BẢO TRỢ NGƯỜI TÀN TẬT VÀ TRẺ MỒ CÔI VIỆT NAM

TỔNG HỢP CHỮ KÝ ỦNG HỘ NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM

(Ngày 19-11-2004)

TT	Tên địa phương	Số lượng	Ghi chú
1	An Giang	2.967	
2	Bình Định	163	
3	Hải Phòng	16.633	
4	Sơn La	7	
5	Bình Phước	90	
6	Quảng Bình	12.704	
7	Phú Thọ	768	
8	Thái Bình	28.081	
9	Nghệ An	27	
10	Trà Vinh	175	
11	Hà Nội	1.088	
12	Vĩnh Long	317	
13	Văn phòng TW Hội	49	
14	Hà Nam	12.774	
	<i>Tổng số</i>	75.843	

II - CÁC TỔ CHỨC QUỐC TẾ

Gerechtigkeit für die Opfer von Agent Orange

An den Präsidenten der USA und weitere Adressaten:

Die chemische Substanz Agent Orange hat getötet, tötet weiter und schafft grosses Leid für über drei Millionen Menschen in Vietnam.

Bitte helft ihnen mit der Unterzeichnung dieser Petition.

Wir begrüssen die zivilrechtliche Klage, die von der Vietnamesischen Vereinigung der Opfer von Agent Orange/Dioxin und drei vietnamesischen Opfern eingereicht wurde und unterstützen sie. Die Dokumente wurden bei einem New Yorker Gericht deponiert im Namen aller, die durch die chemischen Substanzen, welche die US-Army während des Vietnam-Krieges eingesetzt hatte, geschädigt worden sind.

Der Prozess wird der erste sein, den vietnamesische Opfer von Agent Orange je vor einem Gericht angestrengt haben.

Wir appellieren an den Präsidenten der Vereinigten Staaten, die Regierung der Vereinigten Staaten und die Unternehmen, welche in der Anklageschrift als Produzenten aufgeführt sind, ihre Verantwortung für die Schäden, die ihr Handeln und ihre Produkte verursacht haben, wahrzunehmen und die Opfer voll zu entschädigen.

Name und Vorname	Adresse	Unterschrift
Fijnvandraat Lyda	Göttingerstr. 50 8595 Altmu	[Handwritten Signature]
Buzek Ruedi	Oberdorfstrasse 11, 8505 [Handwritten]	[Handwritten Signature]
Buzek Ruedi	Oberdorfstr. 11, 8505 [Handwritten]	[Handwritten Signature]
Faessler Pierre	Göttingerstr. 50 CH-8595 Altmu	[Handwritten Signature]
Hungerbühler Peter	Büdingenstr. 48 CH-8555 Altmu	[Handwritten Signature]
Sanchez Bernie	Postgasse 4, 8345 Aclatswil	[Handwritten Signature]
Hadžimanović Pooza	HARDSTR. 47c 5430 Wettikon	[Handwritten Signature]
Wobser Rosa	Griessmattweg 27, 8037 Zürich	[Handwritten Signature]
Schneider Kolf	Grossweid 130, 8607 Aathal	[Handwritten Signature]
Maiorano Rita	Erismannsh. 30, 8004 Zürich	[Handwritten Signature]

Bitte die Petition unterschreiben und unterschreiben lassen.
Sie sollte bis Ende September 2004 retourniert werden an die
Vereinigung Schweiz-Vietnam, Postfach 8164, 8036 Zürich

Diese Petition wurde von der Freundschaftsgesellschaft Britanien-Vietnam lanciert. Verfasst hat sie Len Aldis, deren Sekretär.

Gerechtigkeit für die Opfer von Agent Orange

An den Präsidenten der USA und weitere Adressaten:

Die chemische Substanz Agent Orange hat getötet, tötet weiter und schafft grosses Leid für über drei Millionen Menschen in Vietnam.

Bitte helft ihnen mit der Unterzeichnung dieser Petition.

Wir begrüssen die zivilrechtliche Klage, die von der Vietnamesischen Vereinigung der Opfer von Agent Orange/Dioxin und drei vietnamesischen Opfern eingereicht wurde und unterstützen sie. Die Dokumente wurden bei einem New Yorker Gericht deponiert im Namen aller, die durch die chemischen Substanzen, welche die US-Army während des Vietnam-Krieges eingesetzt hatte, geschädigt worden sind.

Der Prozess wird der erste sein, den vietnamesische Opfer von Agent Orange je vor einem Gericht angestrengt haben.

Wir appellieren an den Präsidenten der Vereinigten Staaten, die Regierung der Vereinigten Staaten und die Unternehmen, welche in der Anklageschrift als Produzenten aufgeführt sind, ihre Verantwortung für die Schäden, die ihr Handeln und ihre Produkte verursacht haben, wahrzunehmen und die Opfer voll zu entschädigen.

Name und Vorname	Adresse	Unterschrift
Bigler Christina	Schachenstr. 10 8633 <i>Wolfshausen</i>	<i>C. Bigler</i>
Ottiványi Aphie	Blikovstr. 23, 8122 Birm	<i>A. Ottiványi</i>
Gysi Nathalie	Künzlistr. 16/ ⁸⁰⁵⁷ Zürich	<i>N. Gysi</i>
Hürzeler Martin	Lindendubachstr. 22 / 8006 Zürich	<i>M. Hürzeler</i>
Eboie Oliver	Florastr. 7. 8134 Adliswil	<i>O. Eboie</i>
Kégh Mátyas	Künzlistr. 16. 8057 Zürich	<i>M. Kégh</i>
Dren Medichs	Tel Aviv - ISRAEL	<i>M. Dren</i>
Weil Kim	Goldbaumstr. 123, 8055 Zürich	<i>K. Weil</i>
Moser Jung	Gereng 6, 8317 Tappelwangen	<i>J. Moser</i>
MUHAMMAD ZAFAR	10- Gunner Lane, The Mall Peshawar Pakistan	<i>ZAFAR</i>

Bitte die Petition unterschreiben und unterschreiben lassen.
Sie sollte bis Ende September 2004 retourniert werden an die
Vereinigung Schweiz-Vietnam, Postfach 8164, 8036 Zürich

Diese Petition wurde von der Freundschaftsgesellschaft Britanien-Vietnam lanciert. Verfasst hat sie Len Aldis, deren Sekretär.

Gerechtigkeit für die Opfer von Agent Orange

An den Präsidenten der USA und weitere Adressaten:

Die chemische Substanz Agent Orange hat getötet, tötet weiter und schafft grosses Leid für über drei Millionen Menschen in Vietnam.

Bitte helft ihnen mit der Unterzeichnung dieser Petition.

Wir begrüssen die zivilrechtliche Klage, die von der Vietnamesischen Vereinigung der Opfer von Agent Orange/Dioxin und drei vietnamesischen Opfern eingereicht wurde und unterstützen sie. Die Dokumente wurden bei einem New Yorker Gericht deponiert im Namen aller, die durch die chemischen Substanzen, welche die US-Army während des Vietnam-Krieges eingesetzt hatte, geschädigt worden sind.

Der Prozess wird der erste sein, den vietnamesische Opfer von Agent Orange je vor einem Gericht angestrengt haben.

Wir appellieren an den Präsidenten der Vereinigten Staaten, die Regierung der Vereinigten Staaten und die Unternehmen, welche in der Anklageschrift als Produzenten aufgeführt sind, ihre Verantwortung für die Schäden, die ihr Handeln und ihre Produkte verursacht haben, wahrzunehmen und die Opfer voll zu entschädigen.

Name und Vorname	Adresse	Unterschrift
------------------	---------	--------------

Migliorotto Bianca	Breilesteinstr. 55, 8057 Zürich	B. Migliorotto
Müller Barbara	Auikerstrasse 16, 8004 Zürich	B. Müller
Joos Yvonne	Kardlungstr. 7, 9011 St. Gallen	Y. Joos
Weishaupt Peter	Feldblumenweg 45, 8048 Zürich	P. Weishaupt
Bruggmann Peter	Hohlk. 86a, 8004 Zürich	P. Bruggmann
Schwager Bea	Hellmutstr. 9, 8004 Zürich	B. Schwager
Weber Karl	Gräberstr. 24, 8037 Zollikon	K. Weber
Hoos Esther	Schulthessstr. 38, 8037 Zürich	E. Hoos
Bischoff Edith	Zentralsstr. 135, 8003 Zürich	E. Bischoff
Abu Sabiah Korol	06. Boisserstr. 26, 8406 Wädenswil	K. Abu Sabiah

Bitte die Petition unterschreiben und unterschreiben lassen.
Sie sollte bis Ende September 2004 retourniert werden an die
Vereinigung Schweiz-Vietnam, Postfach 8164, 8036 Zürich

Diese Petition wurde von der Freundschaftsgesellschaft Britanien-Vietnam lanciert. Verfasst hat sie Len Aldis, deren Sekretär.

Hội người Việt nam Erfurt-Thüringen
Vietnam Verein Erfurt-Thüringen e.V.
Apoldaer Str.1-99091 Erfurt Tel/Fax 0361.6573574

Kính gửi : Trung ương Hội nạn nhân chất độc màu da cam/Dioxin Việt nam

11/41 Linh Lang, Cống vị Ba đình Hà nội
Tel/Fax : 0084.4 7629.452

Hưởng ứng đợt vận động lấy chữ ký ủng hộ các nạn nhân chất độc màu da cam đồng thời ủng hộ vụ kiện chính phủ Mỹ và các xí nghiệp của Mỹ có liên quan, từ ngày 05 đến 30.tháng 09 2004 Hội người Việt nam ở Erfurt Thüringen chúng tôi đã tổ chức vận động Bà con cộng đồng xa gần tập hợp được tất cả :

321 chữ ký (chưa kể số người ký qua Internet)

tại hai khu giao hàng ở Erfurt .

Nhân dịp này chúng tôi xin Fax gửi toàn bộ chữ ký tới Trung ương Hội nạn nhân chất độc màu da cam và xin bày tỏ lòng cảm thông sâu sắc đối với nỗi khổ cực và thiếu thốn của các nạn nhân và xin chúc vụ kiện đạt kết quả.

Về mặt vật chất Hội chúng tôi sẽ tổ chức quyên góp vào đợt sau.

Hãy nhận ở chúng tôi một tấm lòng luôn nhớ về quê hương và cội nguồn .

Erfurt 1.10.2004

T/M BCH Hội : Chủ tịch Nguyễn văn Bộ



HOI NGUOI VIETNAM ERFURT
VIETNAM VEREIN ERFURT-THÜRINGEN e.V.
Apoldaer Straße 1 · 99091 ERFURT
Telefon/Telefax (0361) 6 57 35 74

Vietnam Verein Erfurt Thüringen e.V. Amtsgericht Erfurt VR: 1142
Bankverbindung : Sparkasse Mittelthüringen Kto-Nr. 600001954 BLZ 82051000

Hội người Việt nam Erfurt-Thüringen

Vietnam Verein Erfurt-Thüringen e.V.

Apoldaer Str.1-99091 Erfurt Tel/Fax 0361.6573574

- | | | |
|-----|-----------------------|-------------------------------------|
| 137 | Hoàng Văn Đê | (Brühe 21 · 99867 Gotha |
| 138 | Lê Thị Tâm | Markt 22 98673 Eisfeld |
| 139 | Dương Thịnh Sơn | Friedenstr.24 07422 Bad-Blank |
| 140 | HOANG KIM LAN | " " " " |
| 141 | Nguyễn Văn Quang | Stettfelder Str 68 - 99877-Eisenach |
| 142 | Hoàng Nữ Hùng | - Jur. Gagarin Str. 43. |
| 143 | Nguyễn Thị Loan | - Gotha |
| 144 | Phạm Phương Mai | Erfurt |
| 145 | Trần Trọng Ngọc Huyền | Breitungen Tk |
| 146 | König Josephin | Erfurt |
| 147 | CHUNG NGUYEN NGO | Meiningen |
| 148 | Minh Đinh Thị | Eisfeld |
| 149 | Lucy Polina | Erfurt |
| 150 | Geyer Yarrick | Erfurt |
| 151 | Trần Thị Thuý Hà | " " |
| 152 | Đinh duy Long | " " |
| 153 | Nguyễn Văn Phụng | Erfurt |
| 154 | Nguyễn Văn Hưng | Erfurt |
| 155 | Nguyễn Anh Tuấn | Erfurt |
| 156 | Nguyễn Tuấn Lộc | Erfurt |
| 157 | Phạm Phú Sơn | Juri gagarin Ring Erfurt |
| 158 | Trần Thị Lan | Sana |
| 159 | TRẦN THỊ LUYÊN | Sana |

Vietnam Verein Erfurt Thüringen e.V. Amtsgericht Erfurt VR: 1142
Bankverbindung : Sparkasse Mittelthüringen Kto-Nr. 600001954 BLZ 82051001

Hội người Việt nam Erfurt-Thüringen
 Vietnam Verein Erfurt-Thüringen e.V.



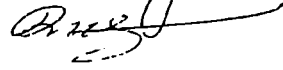
Apoldaer Str.1-99091 Erfurt Tel/Fax 0361.6573574

-
- 45 ~~11/2/20~~ Dũng Berlin
 - 46 ~~11/2/20~~ Tuấn Erfurt.
 - 47 ~~11/2/20~~ Đỗ Minh Hằng
 - 48 Hồ Trọng Thuận Erfurt ~~11/2/20~~
 - 49 AMER FASHION ERFURT. ~~11/2/20~~
 - 50 Trần Quang Huy ~~11/2/20~~
 - 51 Dũng Đình Hải ~~11/2/20~~ Erfurt
 - 52 Nguyễn Thu Kim Hoa 12 ~~11/2/20~~ Apolda
 - 53 Lê Hồ Thanh Việt ~~11/2/20~~ Erfurt
 - 54 PHAM XUAN DUNG ~~11/2/20~~ EF
 - 55 Vũ Thị Cúc ~~11/2/20~~ EF
 - 56 Phạm Thanh Nhân SM ~~11/2/20~~
 - 57 Nguyễn Tiến SM ~~11/2/20~~
 - 58 Phạm Sơn Trọng ~~11/2/20~~ Erfurt
 - 59 Nguyễn Thị Đẹp ~~11/2/20~~ Erfurt
 - 60 Hoàng Kim Anh ~~11/2/20~~ Erfurt

 Vietnam Verein Erfurt Thüringen e.V. Amtsgericht Erfurt VR: 1142
 Bankverbindung : Sparkasse Mittelthüringen Kto-Nr. 600001954 BLZ 82051000

Hội người Việt nam Erfurt-Thüringen
 Vietnam Verein Erfurt-Thüringen e.V.

Apoldaer Str.1-99091 Erfurt Tel/Fax 0361.6573574

- | | | |
|-----------------------|--------------------|---|
| 4M A i THI VAN | | |
| 15 Nguyen Viet Huong | Erfurt |  |
| 16 Tham Thi Phuong | Erfurt | Phung |
| 17 Lai Thanh Hing | Erfurt | Hing |
| 18 Pham Thi Khanh |) | (Char) |
| 19 Le Thi Thu Quyen | Erfurt | Quyen |
| 20 Pham Thi Ngoc Lien | Erfurt |  |
| 21 Tran Thi Dung | ERFURT |  |
| 22 Duong Tri Du | Erfurt | Du |
| 23 Nguyen Van Thuy | Apolda | Thuy |
| 24 Kieu Thi Hong | Apolda | Hong |
| 25 - Nguyen Thi Thuan | Thuan Mittelhausen | Thuan |
| 26 - Tran Quoc Tuan | Meiningen | Tuan |
| 27 - Tran Thi Thoa | Meiningen | Thoa |
| 28 - Luong Thi Nam | Meiningen | Nam |
| 29 Tran Thi Kieu | Apolda | Kieu |

Vietnam Verein Erfurt Thüringen e.V. Amtsgericht Erfurt VR: 1142
 Bankverbindung : Sparkasse Mittelthüringen Kto-Nr. 600001954 BIL.Z. 82051000

Hội người Việt nam Erfurt-Thüringen
Vietnam Verein Erfurt-Thüringen e.V.
 Apoldaer Str.1-99091 Erfurt Tel/Fax 0361.6573574

- | | | |
|-----------------------|--|---------------|
| 1/ Phạm Đức Phú | Erfurt | <i>Pham</i> |
| 2/ Vũ Thị Thoa | Erfurt | <i>Thoa</i> |
| 3/ Phạm Thị Hồng, Văn | Erfurt | <i>Qua</i> |
| 4/ Bùi Đức Chương | Erfurt | <i>Chương</i> |
| 5/ Tô Mạnh Hùng | ERFURT | <i>Hung</i> |
| 6/ Bích Ngọc | Erfurt | <i>Ngoc</i> |
| 7/ Thái Thuận Dũng | Thüringen | <i>Dung</i> |
| 8/ Phạm Thị Hoài, Huệ | Hein-Heinrich
09617. Thüringen | <i>Hui</i> |
| 9/ Lê Thị Thủy Dương | Magdeburger Allee 163
99086. Erfurt | <i>Duong</i> |
| 10/ Nguyễn Thị Phương | ERFURT | <i>Phuong</i> |
| 11/ Nguyễn Đình Sinh | MKS | <i>Sinh</i> |
| 12/ Nguyễn Hoàng Linh | MKS | <i>Linh</i> |
| 13/ Trần Văn Sâm | Sain | <i>Sain</i> |

Vietnam Verein Erfurt Thüringen e.V. Amtsgericht Erfurt VR: 1142
 Bankverbindung : Sparkasse Mittelthüringen Kto-Nr. 600001954 BLZ 82051000

**B. NHỮNG TẬP THỂ VÀ CÁ NHÂN ỦNG HỘ
NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM/DIOXIN VIỆT NAM**

**DANH SÁCH CÁC TẬP THỂ ỦNG HỘ QUỸ NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM
Từ ngày 12 tháng 2 đến ngày 20 tháng 7 năm 2005**

STT	Họ và tên	Tiền mặt	Ngoại tệ
1	Bộ Quốc phòng	50.000.000	
2	Ngân hàng CP TM Quân đội	10.000.000	
3	Binh đoàn 11	10.000.000	
4	Công ty Bảo hiểm Việt Nam	5.000.000	
5	Bộ Tư lệnh Công binh	5.000.000	
6	Công ty Bay dịch vụ miền Nam	2.000.000	
7	Tổng công ty Hàng không Dân dụng Việt Nam	30.000.000	
8	Quỹ Hỗ trợ phát triển - Bộ Tài chính	100.000.000	
9	Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	100.000.000	
10	Sở Thương mại - Tp HCM	2.220.000	
11	Trường ĐH Bách khoa - Tp HCM	10.000.000	
12	Công ty CP Nhựa Bình Minh - Tp HCM	10.000.000	
13	Công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng - Tp HCM	5.000.000	
14	Công ty Nhựa Thiếu niên Tiền phong - Tp HCM	2.000.000	
15	Công ty TNHH Nhựa Đức Đạt - Tp HCM	1.000.000	
16	Công ty TNHH SX-TM-DV Lâm Hưng Phát - Tp HCM	1.000.000	
17	Công ty TNHH Nhựa Duy Tân - Tp HCM	2.000.000	
18	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Tp HCM	20.000.000	
19	Công ty Savimex	20.000.000	
20	Báo Công an - Tp HCM	10.000.000	
21	Sở Tài chính - Tp HCM	15.505.000	
22	Công ty Bảo hiểm Nhà Rồng - Tp HCM	5.000.000	
23	Chùa Vĩnh Nghiêm - Tp HCM	5.000.000	
24	Bệnh viện Từ Dũ - Tp HCM	32.540.000	
25	Sở Thể dục thể thao - Tp HCM	11.766.000	
26	Lực lượng Thanh niên Xung phong - Tp HCM	10.000.000	
27	Công ty TNHH Urai Phanich Việt Nam	10.000.000	
28	Cục Hải quan - Tp HCM	33.130.000	

STT	Họ và tên	Tiền mặt	Ngoại tệ
29	Ngân hàng Ngoại thương - Tp HCM	10.000.000	
30	Sở Y tế Tp HCM	27.754.000	
31	Trường ĐH SP Kỹ thuật - Tp Hồ Chí Minh	10.000.000	
32	Văn phòng UBND Thủ Đức - Tp HCM	40.000.000	
33	Sở LĐTBXH - Tp HCM	2.000.000	
34	UB Dân số, Gia đình và Trẻ em tỉnh Bình Dương	10.000.000	
35	Trường Cán bộ Quản lý giáo dục - Tp HCM	2.000.000	
36	Hội Cựu chiến binh Quận Tân Bình - Tp HCM	1.000.000	
37	Hội Chữ thập đỏ Cà Mau	1.000.000	
38	Cục Thuế - Tp HCM	21.500.000	
39	Ban Liên lạc Cựu tù chính trị và tù binh Thủ Đức - Tp HCM	5.000.000	
40	Hội Cựu chiến binh Tp HCM	1.000.000	
41	Sở Nội vụ Bà Rịa Vũng Tàu	1.000.000	
42	Tỉnh uỷ HĐUBMT tỉnh Bình Phước	5.000.000	
43	Liên đoàn Lao động tỉnh Bình Phước	500.000	
44	Trường ĐH Luật - Tp HCM	2.000.000	
45	Công ty Phân bón miền Nam	3.000.000	
46	Sở Văn hoá Thông tin - Tp HCM	2.000.000	
47	CBNV Sở GD-ĐT - Tp HCM	3,520.000	
48	Hội CCB phường Tân Định - Q1 - Tp HCM	400.000	
49	Cty Hợp tác Trẻ em - Thủ Đức - Tp HCM	1.000.000	
50	Actionaid Internationnal Việt Nam	1.000.000	
51	Cty Cao su Bình Long	5.000.000	
52	Trường ĐH Mỹ thuật - Tp HCM	2.000.000	
53	Công ty Sách và thiết bị trường học - Tp HCM	9,843,300	
54	Trường ĐH KHXH Nhân văn - Tp HCM	1.000.000	
55	Ban Liên lạc Cựu tù chính trị và tù binh Q2 - Tp HCM	2.600.000	
56	Tiến sĩ Lê Võ Đình Tường - 780/17D Sư Vạn Hạnh ND Q10, Tp HCM	1.000.000	
57	Quận Phú Nhuận - Tp HCM	100.000	
58	Trường Mầm non Bán công - Tp HCM	1.500.000	
59	Tỉnh uỷ HĐND, UBND, MTTQ tỉnh Tây Ninh	5.000.000	
60	Trường Trung học Nghiệp vụ Phú Lâm - Tp HCM	1.320.000	

STT	Họ và tên	Tiền mặt	Ngoại tệ
61	Trường TH TT Kinh tế Vạn Tường	200.000	
62	Hiệp hội Nữ doanh nghiệp - Tp HCM	3.500.000	
63	CBNV Sở Tài nguyên Môi trường - Tp HCM	13.940.000	
64	Công ty Cổ phần đá quý Bến Thành - Tp HCM	5.000.000	
65	Trường Mầm non Bán công Thực hành 19/5 - Tp HCM	1.760.000	
66	Hiệp hội Doanh nghiệp - Tp HCM	10.000.000	
67	Xí nghiệp May Vitexco - Tp HCM	500.000	
68	Công đoàn Báo Phụ nữ Việt Nam	620.000	
69	Trường TH Sư phạm Mầm non - Tp HCM	2.700.000	
70	Chùa Diệu Giác - Q2 - Tp HCM	3.000.000	
71	Trường TH TT Kinh tế Vạn Tường	1.000.000	
72	Sở Khoa học Công nghệ - Tp HCM	8.789.000	
73	Trung tâm Trẻ khuyết tật Q4, Tp HCM	500.000	
74	Cty May Thương mại Hữu Nghị II, 99 Lê Trọng Tấn, Q Tân Phú, Tp HCM	2.000.000	
75	Ban đại diện Hội nạn nhân chất độc da cam - Tp HCM	2.000.000	
76	Đoàn cơ sở - TTTT&Thẩm định giá MN, 154 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Tp HCM	100.000	
77	Báo Việt Việt Nam	5.000.000	
78	Trung tâm ĐT khu vực Semeo VN - 35 Lê Thánh Tông, Q1, Tp HCM	5.000.000	
79	Cty Việt Nam Xanh - D3 Nguyễn Hồng Đào, Q Tân Bình, Tp HCM	500.000	
80	Cty Dịch vụ Du lịch Bến Thành, Tp HCM	5.000.000	
81	Công đoàn Trung tâm thú y vùng - Tp HCM	1.000.000	
82	Cty Dvụ Cơ khí Duy Khanh - 321A2 Luỹ Bán Bích - Q Tân Phú, Tp HCM	1.000.000	
83	TT Chi đoàn Kỹ thuật Đầu tư truyền tải điện	500.000	
84	Cty TNHH Điện tử Việt Nam	1.000.000	
85	Cty Điện thoại Đông TP - 8 Ngô Thời Nhiệm, Q3, Tp HCM	1.000.000	
86	Cty Chi Lai - Tp HCM	5.000.000	
87	Cty Kiến trúc sư Hồ Thiện Trị & cộng sự	500.000	
88	Cty Vật liệu xây dựng Gạch men Xuân Đào - Tp HCM	200.000	
89	World Vision - UADP CEDC in HCM.C	7.881.500	

STT	Họ và tên	Tiền mặt	Ngoại tệ
90	Công đoàn Sở Giao thông Công chính - Tp HCM	30.000.000	
91	Trường Đại học Sư phạm - Tp HCM	5.000.000	
92	Cty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận - Tp HCM	10.000.000	
93	Ban Liên lạc Cựu tù chính trị và tù binh - Tp HCM	7.012.000	
94	Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn	20.000.000	
95	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	10.000.000	
96	Công đoàn Thông tấn xã Việt Nam	41.799.000	
97	Nhà Văn hoá - Tp HCM	74.926.800	
98	Ủy ban MTTQ - Tp HCM	100.000.000	
99	Liên đoàn Lao động - Tp HCM	20.000.000	
100	Trung tâm nghiên cứu và phát triển vùng	1.000.000	
101	Công đoàn Ngành Công nghiệp tỉnh Thái Bình	500.000	
102	Trường ĐH Thủy sản - Nha Trang	20.000.000	
103	Cty Hà Phương Đông	500.000	
104	Bệnh viện Tâm thần Trung ương	4.720.000	
105	Bộ Tư lệnh Công binh - Trung tâm công nghệ xử lý bom mìn	10.000.000	
106	CĐoàn Viện Hóa học công nghệ - TCT Hoá chất VN	7.400.000	
107	Công ty JVK Phan Hân	500.000	
108	Viện Y học lao động và vệ sinh môi trường	2.290.000	
109	Bệnh viện Nội tiết - Hà Nội	1.670.000	
110	Viện Đại học mở Hà Nội	3.070.200	
111	Trường tiểu học Nghĩa Tân	1.000.000	
112	Ngân hàng Indovina Bank - Hà Nội	3.000.000	
113	CĐoàn cơ quan VP Chính phủ	4.000.000	
114	Bệnh viện K - Bộ Y tế	8.420.000	
115	Phòng kinh doanh XNKK Thủy sản, Hạ Long	500.000	
116	CBNV Cty Hàng hải Đông Đô	10.000.000	
117	Công đoàn Cty Hàng hải Đông Đô	8.470.000	
118	Viện Dinh dưỡng - Bộ Y tế	3.050.000	
119	TThế lớp 12C6, trường Hoàng Quốc Việt, QNinh	150.000	
120	Trường tiểu học Dịch Vọng - Quận Cầu Giấy - Hà Nội	2.350.000	
121	Trường THCS Hoàn Kiếm - Hà Nội	2.792.000	
122	Tổng Công ty Đầu tư và phát triển Nhà Hà Nội	30.000.000	

STT	Họ và tên	Tiền mặt	Ngoại tệ
123	Trường THPT chuyên Thoại Ngọc Hầu, An Giang	4.155.000	
124	Bệnh viện Trẻ em - Tp Hải Phòng	1.700.000	
125	TThế lớp K35A - ĐH Y khoa Thái Nguyên	70.000	
126	Bệnh viện Hữu nghị - Bộ Y tế	9.090.000	
127	Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng TW	5.330.000	
128	Chùa Lý Quốc Sư - Hà Nội	50.000.000	
129	Trường tiểu học Yên Hoà - Quận Cầu Giấy	1.220.000	
130	Công ty Điện tử y tế kỹ thuật cao	1.000.000	
131	Đại học Y tế công cộng	1.448.000	
132	Văn phòng chi nhánh hãng HKQG Việt Nam tại Cam-pu-chia	3.000.000	
133	Trường TH Xã Thọ Hợp - Quỳ Hợp - Nghệ An	281.000	
134	Tổ may 010-Cty TNHH quốc tế Chu Tex	78.000	
135	Trường THCS Nguyễn Trãi - Tp Đà Nẵng	621.000	
136	Trường PTCS Phan Đình Phùng - Tp Đà Nẵng	1.700.000	
137	Tổ 11-CĐoàn 5 - Cty TNHH Sóng Thần II	70.000	
138	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Điện Biên	1.000.000	
139	Liên đội THCS Thị trấn Phước An - Đắc Lắc	1.730.000	
140	Bệnh viện Trung ương Huế	17.300.000	
141	Công đoàn Cty Cáp Vinadaesung	8.584.000	
142	Cty TNHH Hồng Hà	3.000.000	
143	Bệnh viện Lao và bệnh phổi Trung ương	8.300.000	
144	CĐoàn Bệnh viện Lao và bệnh phổi Trung ương	3.710.000	
145	Hội Điện ảnh Việt Nam	1.500.000	
146	Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh	13.557.500	
147	Phân viện Báo chí và tuyên truyền	17.890.000	
148	Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng	28.830.500	
149	Công ty CP Môi giới bảo hiểm Việt Quốc	2.000.000	
150	Công đoàn Trung tâm công nghệ thông tin	9.340.000	
151	Trung tâm giáo dục thường xuyên Đoàn Hùng - Phú Thọ	540.000	
152	Trường tiểu học Tiểu La - Quận Sơn Trà - Tp Đà Nẵng	1.120.000	
153	Trường THCS Vân Hà - Xã Vân Hà - Đông Anh - Hà Nội	638.000	

STT	Họ và tên	Tiền mặt	Ngoại tệ
154	Hội Sinh viên Trường CĐSP Kỹ thuật Vĩnh Long	619.900	
155	Trường PTTH Bán công Trảng Bàng - Tây Ninh	945.000	
156	Trường PTTH Bán công Tân Châu - Tây Ninh	636.000	
157	Trường THCS Thống Nhất	1.000.000	
158	Công ty Vật tư Bưu điện I	2.559.000	
159	Học sinh trường THCS Nghĩa Tân - Hà Nội	2.944.000	
160	Công ty Dịch vụ viễn thông	7.290.000	
161	TTâm Dịch vụ viễn thông khu vực I-Cty DV Viễn thông	14.190.000	
162	Công ty Cơ khí ô tô 3/2	10.000.000	
163	Trường THPT chuyên Lam Sơn - Thanh Hoá	2.000.000	
164	Trường PTTH dân lập Hồng Hà	1.124.200	
165	Chi đoàn KBNN Hoà Thành	30.000	
166	Chi bộ khu phố 5, phường Lý Thái Tổ - Hà Nội	190.000	
167	Trường tiểu học Bến Trương HĐ, Châu Thành, Tây Ninh	100.000	
168	Trường THCS Mộc Ly, Mộc Châu, Sơn La	200.000	
169	Trường THCS TTrấn huyện Châu Thành, Tây Ninh	490.000	
170	Chi đoàn Bưu điện Châu Thành, Tây Ninh	220.000	
171	Đoàn xã Thanh Điểm, Châu Thành, Tây Ninh	125.000	
172	BCH Thị xã Tây Ninh	12.962.000	
173	Hội SV trường CĐảng KTKT Hải Dương	1.022.000	
174	Trường Mầm non Hoa Hồng, Thanh Trị, Sóc Trăng	45.000	
175	TT Học sinh-TT GDTX Tân Châu, Tân Châu, Tây Ninh	250.000	
176	BCH Đoàn TNCS trường THPT bán công TX Tây Ninh	1.818.000	
177	Trường PTTH Hoàng Lê Kha, Châu Thành, Tây Ninh	358.500	
178	Trường THCS Hoà Thạch, Châu Thành, Tây Ninh	141.700	
179	Cộng đồng Handheld Việt Nam	2.600.000	
180	Cộng đồng người Việt tại Hungari	10.000.000	
181	Công ty cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	5.000.000	
182	Công ty TNHH Thương mại Hoàng Yến	10.000.000	
183	Học viện Tư pháp - Bộ Tư pháp	8.750.000	
184	CBCNV Cty Viễn thông liên tỉnh	5.270.000	
185	Ban liên lạc Cán bộ y tế Hà Nội tại TP HCM	2.500.000	
186	Trường THPT Nguyễn Chí Thanh ấp Long Hải	2.916.900	

STT	Họ và tên	Tiền mặt	Ngoại tệ
187	Chi đoàn TTGD thường xuyên Trắng Bàng - Tây Ninh	300.000	
188	Trường Mầm non Nà Sản - Mai Sơn - Sơn La	225.000	
189	Hội Truyền thống đường Hồ Chí Minh trên biển	21.520.000	
190	Trường tiểu học Phước Vinh, Châu Thành, Tây Ninh	115.000	
191	Trường THCS Phước Vinh, Châu Thành, Tây Ninh	356.800	
192	Đoàn trường Cao đẳng Trà Vinh	3.700.800	
193	Sở Y tế tỉnh Đắk Nông	2.130.000	
194	Bộ Chỉ huy xã đoàn An Cơ	200.000	
195	Liên đội tiểu học Tân Hiệp B	103.500	
196	Tập thể cán bộ, giáo viên, phụ huynh và học sinh tiểu học Văn Yên, Hà Đông	1.500.000	
197	Chi đoàn Ban Tài chính kinh tế huyện Hòa Thành - Tây Ninh	60.000	
198	Liên đội Trường tiểu học Thị trấn Vũ Thư - Thái Bình	631.000	
199	Trường tiểu học Thị trấn A, Châu Thành, Tây Ninh	295.000	
200	Trường THCS Mường Bon - Sơn La	300.000	
201	Đoàn viên Trường Trung học Kỹ thuật in	539.000	
202	Ngân hàng công thương Ba Đình - Hà Nội	3.000.000	
203	Liên đoàn Lao động tỉnh Kon Tum	20.453.000	
204	Đoàn tiếp viên hãng HKQG Việt Nam	27.393.166	
205	Chi nhánh ngân hàng INDOVINA Hải Phòng	1.850.000	
206	Tổng cục Thuế - Bộ Tài chính	102.500.000	
207	CNVCLĐ ngành Y tế Hải Phòng	6.236.500	
208	BCH Công đoàn Bộ Tài chính	30.000.000	
209	Sở Y tế tỉnh Lạng Sơn	5.950.000	
210	Huyện Đoàn Tân Biên - Tây Ninh	6.530.000	
211	BQL Khu kinh tế Cửa khẩu Mộc Bài - Tây Ninh	300.000	
212	Đoàn trường THPT Nguyễn Huệ - Hà Nội	615.200	
213	Trường BTVH Tây Ninh	240.000	
214	Trường Dạy nghề tỉnh Tây Ninh	332.000	
215	Công ty cổ phần Du lịch Bến Tre	552.000	
216	Nhà máy Vật liệu Bưu điện	5.350.000	
217	Đoàn trường THPT Nguyễn Trãi - Hà Nội	1.693.000	
218	Công đoàn Nông nghiệp - PTNT	150.000.000	

STT	Họ và tên	Tiền mặt	Ngoại tệ
219	Viện Pasteur Nha Trang	3.983.200	
220	Trường THPT Lộc Hưng - Tây Ninh	1.000.000	
221	Sở Y tế Lạng Sơn	3.250.000	
222	Bệnh viện Gang thép Thái Nguyên	4.319.000	
223	CBCNVC Công đoàn lao động tỉnh Kon Tum	16.980.000	
224	Báo Tiền phong - Chung kết thi Hoa hậu Việt Nam 2004	100.000.000	
225	Trung tâm giáo dục thường xuyên Châu Thành, Tây Ninh	200.000	
226	Hội Cựu chiến binh chất độc da cam Hàn Quốc		\$ 2.000.00
227	Tập thể CBCNV Văn phòng chi nhánh Hàng không Việt Nam tại Thái Lan		\$ 220.00
228	Công ty Dây và cáp điện Thượng Đình CADI-SUN	5.000.000	
229	Công ty Cổ phần xe khách Hà Nội	1.000.000	
230	Hội Sinh viên trường ĐHDL Phương Đông - Hà Nội	2.212.500	
231	CBộ CNV khối văn phòng Cty viễn thông Quốc tế	3.000.000	
232	Công đoàn Đài truyền hình Việt Nam	50.000.000	
233	Trường THCS Thái Bình, Châu Thành, Tây Ninh	1.446.000	
234	Trường THCS chuyên Thăng Long, Đà Lạt, Lâm Đồng	200.000	
235	Trường THCS Long Vĩnh, Châu Thành, Tây Ninh	474.000	
236	Trường tiểu học Thạch Tân A - Tây Ninh	100.000	
237	Trường tiểu học Giồng Nần và tiểu học Long Vĩnh, Châu Thành, Tây Ninh	260.000	
238	Trường PTTH Quang Trung, Gò Dầu, Tây Ninh	836.500	
239	Trường tiểu học Tân Hội A, Tân Hội, Tây Ninh	160.000	
240	Trường THCS Mương Sang	700.000	
241	Huyện đoàn Bến Cầu, Tây Ninh	1.205.000	
242	HPN Cục Chính trị ĐBĐP; HPN phòng HC hậu cần ĐBĐP; HPN phường Phan Chu Chinh, quận Hoàn Kiếm	2.700.000	
243	Nhà xuất bản Bản đồ, Bộ Tài nguyên và Môi trường	7.500.000	
244	Nữ công Điện lực Lạng Sơn	875.000	
245	Công ty Công nghệ thông tin GENPACIFIC	4.300.000	
246	Công an Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội	1.000.000	
247	Tập thể giáo viên và học sinh trường THCS Vũ Lễ, Bắc Sơn, Lạng Sơn	1.000.000	

STT	Họ và tên	Tiền mặt	Ngoại tệ
248	Công ty TNHH Đông Dương, 47 Huỳnh Thúc Kháng, Hà Nội	10.000.000	
249	Cơ quan liên Bộ Ngoại giao - Quốc phòng - Công an	50.000.000	
250	Cty cổ phần Thương mại - Du lịch - Địa ốc Đất Việt, P12 - Quận 10 - Tp HCM	10.000.000	
251	Tổng Công ty Than Việt Nam, 108 Lê Duẩn - Hà Nội	10.000.000	
252	Câu lạc bộ Doanh nghiệp Việt Nam, Vũ Ngọc Phan - Đống Đa - Hà Nội	10.000.000	
253	Công ty TRANSIMEX Sài Gòn - Hà Nội BRANCH, Quận 1 - TPHCM	10.000.000	
254	Cơ sở sản xuất giống thuỷ sản Cửu Dung, Giao Thuỷ - Nam Định	5.000.000	
255	Công ty TNHH Thành Hưng, Km8 đường 14 Hải Thành - Kiến Thụy - Hải Phòng	5.000.000	
256	Công ty TM và ĐT Hoàng Gia - Nhà máy Nước tinh khiết Joyful, 370 Cầu Giấy - Hà Nội	3.000.000	
257	Công ty Tuyển than Hòn Gai, Tp Hạ Long - Quảng Ninh	3.000.000	
258	Công ty cổ phần NiCoTex - BQP, Hội Xá - Gia Lâm - Hà Nội	2.000.000	
259	Công ty 28 - BQP, 14 Lý Nam Đế - Hà Nội	2.000.000	
260	Công ty Bưu chính liên tỉnh Quốc Tế, Mỹ Đình - Từ Liêm - Hà Nội	2.000.000	
261	Cty Cổ phần Ví An, Xã Uy Nỗ - Đông Anh - Hà Nội	2.000.000	
262	Cty TNHH tạo mẫu tóc Kim Quý, Nguyễn Siêu - Hoàn Kiếm - Hà Nội	1.000.000	
263	Công ty CP Hoá chất và Vật tư KHKT, 70 Hàng Mã - Hà Nội	1.000.000	
264	Công ty Tư vấn Công Lý, 31 phố Vĩnh Phúc - đường Hoàng Hoa Thám - Hà Nội	1.000.000	
265	Công ty TNHH Quỳnh Phương, 54 Trường Lam - Long Biên - Hà Nội	1.000.000	
266	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hùng Phong, P11 - Q5 - TPHCM	1.000.000	
267	Công ty Vietubes, số 35 đường 30/4 Vũng Tàu	1.000.000	
268	Bình đoàn 12 - Tổng Cty XD Trường Sơn	1.000.000	
269	Công ty TM DV và XNK Hải Phòng, 19 Ký Con - Hải Phòng	1.000.000	
270	Ngân hàng TM cổ phần Quân đội, 28A Điện Biên Phủ - Hà Nội	1.000.000	

STT	Họ và tên	Tiền mặt	Ngoại tệ
271	Công ty cổ phần Công trình 6, Khối 4 - TT Đông Anh - Hà Nội	500.000	
272	Công ty cổ phần Khí Công nghiệp, Đức Giang - Gia Lâm - Hà Nội	500.000	
273	Công ty Mây tre xuất khẩu Ngọc Đông - Hà Nam, Duy Tiên - Hà Nam	500.000	
274	Nhà máy Xi măng Lưu Xá, phường Phú Xá - Tp Thái Nguyên	500.000	
275	Cty Ngọc Linh, Tx Bắc Ninh	500.000	
276	Cty Muối Nam Định, 363 Trần Nhân Tông - Tp Nam Định	500.000	
277	XN VTư chế biến hàng Xuất khẩu 1 - Cty Ong TW, 68 Nguyễn Hồng - Hà Nội	500.000	
278	Công ty Điện tử Giảng Võ, 168 Ngọc Khánh - Ba Đình - Hà Nội	500.000	
279	Công ty Cơ điện và Vật liệu nổ 31, Huyện Phổ Yên - Thái Nguyên	500.000	
280	DN Trung Thành, Tổ 40, Phường Trung Thành - Tp Thái Nguyên	500.000	
281	Công ty Vật liệu chịu lửa Thái Nguyên, Phường Cam Giá - Tp Thái Nguyên	500.000	
282	Công ty Cung cấp chó nghiệp vụ và DV Bảo vệ, Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội	500.000	
283	Xí nghiệp Vật tư đường sắt - Đông Anh - Hà Nội	300.000	
284	Công ty TNHH Vân Giang, F2 Thái Hà - Hà Nội	200.000	
285	Công ty Cổ phần TMTH Bắc Giang, Số 2 đường Xương Giang - Tx Bắc Giang	100.000	
286	Khách sạn Tây Hồ, 58 đường Tây Hồ - Hà Nội	100.000	
287	Công ty Cổ phần Vận tải ô tô Lạng Sơn	100.000	
288	Một số đơn vị, cá nhân khác tham dự Câu lạc bộ Doanh nghiệp	1.827.000	
289	Hội Người cao tuổi huyện Từ Liêm	7.998.500	
290	DN ASIA - WORK - Đức	10.000.000	
291	Cty in Hàng không	5.000.000	
292	Ban Nữ công Tp KOSICE - Cộng hòa SLOVAKIA		
293	Hội Người Việt Nam tại LB Nga	161.017.200	

STT	Họ và tên	Tiền mặt	Ngoại tệ
294	Đại diện Hội Người Việt Nam tại Tp Vôngagrat - Nga	30.000.000	
295	TT GDTX Tứ Kỳ - Hải Dương	200.000	
296	MTTQ Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội	25.000.000	
297	Trường ĐH Nông nghiệp I	10.305.000	
298	Cty TNHH Hóa chất và Khoáng sản VMC	1.000.000	
299	TT Trường tiểu học Tân Hưng C - Tây Ninh	148.000	
300	TT Giáo viên Trường THCS An Hòa - Tây Ninh	250.0000	
301	TT Trường tiểu học Hòa Bình - Tây Ninh	22.000	
302	TT Trường tiểu học Phước Hội - Tây Ninh	100.000	
303	Cty Phân đạm và Hóa chất dầu khí	30.000.000	
304	UBMTTQ Quận Ba Đình	10.000.000	
305	Hội Văn hóa người Việt Nam tại Đức		€ 105,00
306	Hội CCB Xã Quang Minh - Hà Giang	300.000	
307	Hội Người cao tuổi huyện Từ Liêm	4.374.000	
308	Cộng đồng người Việt Nam tại Lepzich - Nga	10.000	
309	Cộng đồng người Việt Nam tại Lepzich - Nga		€ 857,00
310	Hội SVHV Hành chính Quốc gia	513.000	
311	Hội CCB số 2 tập thể ĐHSP Hà Nội	510.000	
312	Hội Chữ thập đỏ Trường THCS Chất lượng cao Sơn La	668.700	
313	Hội Người cao tuổi phường Phường Thánh	3.411.000	
314	Trường PTTH dân lập Nguyễn Công Trứ	1.000.000	
315	TT Lớp 9A2 Trường TH Hoàng Văn Thụ - Thái Nguyên	100.000	
316	Chi đoàn Công ty Vận tải Vigracera - Quảng Ninh	742.000	
317	Hội Người cao tuổi phường Trung Liệt - Hà Nội	1.950.000	
318	Hội Người Việt Nam tại Tp UFA - Nga		\$ 1.000.00
319	Đoàn Luật sư Hà Nội	5.000.000	
320	Hội Người cao tuổi huyện Gia Lâm	10.000.000	
321	SV Mỹ tại ĐH OHAIO - Mỹ	41.550.000	
322	Hội Người cao tuổi phường Văn Chương	1.188.000	
323	UB MTTQ TX Uông Bí - Quảng Ninh	7.000.000	
324	Tổng Cty Xăng dầu Việt Nam	20.000.000	
325	Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị Việt Nam	20.000.000	

STT	Họ và tên	Tiền mặt	Ngoại tệ
326	Trường ĐH Bater - Mỹ		\$ 500.00
327	Lớp Bồi dưỡng kết nạp Đảng tỉnh Đắk Nông	70.000	
328	Chi đoàn Ban kinh tế Đài THVN	1.400.000	
329	UB MTTQ huyện Đông Anh	10.000.000	
330	Tổ chức Cứu trợ và Trách nhiệm chất Da cam Việt Nam tại Mỹ	5.544.000	
331	Hội Người Cao tuổi phường Trần Phú	700.000	
332	Công đoàn Bưu điện Việt Nam	50.000.000	
333	Hội Người Cao tuổi quận Long Biên	10.000.000	
334	Trường tiểu học Hưng Mỹ - Tây Ninh	60.000	
335	Báo Gia đình và Xã hội - Hà Nội	300.000	
336	Trường tiểu học Bình Nguyên - Tây Ninh	276.500	
337	Harald fart, Rosiwtha, Đặng Xuân Cương	2.000.000	
338	Đoàn cơ sở Cty 78 - Lâm Đồng	300.000	
339	Hội Hữu nghị Thụy Sĩ - Việt Nam	31.500.000	
340	Đoàn cơ sở Cục Chính trị - Bộ đội Biên phòng	2.000.000	
341	Hãng Phim tài liệu khoa học Trung ương	2.000.000	
342	Hội Người Cao tuổi phường Phương Mai	3.042.000	
343	Đoàn trường Cao đẳng Tư thực công nghệ Thành Đô	1.000.000	
344	Chi hội Người cao tuổi 5/9 - Đống Đa - Hà Nội	50.000	
345	Các thành viên tham gia chương trình "Chiếc nón kỳ diệu"	5.400.000	
346	CLB Hữu trí Văn hóa - Bộ VH-TT	2.830.000	
347	Hội Người Cao tuổi Quận Hoàng Mai	10.000.000	
348	Hội Người Cao tuổi phường Nguyễn Trung Trực	2.140.000	
349	Chi đoàn TT Triển lãm Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam	400.000	
350	Hội trúc lâm thiền Viện - Pháp		€ 200,00
351	Ban Biên tập Kỹ thuật số BTC	10.000.000	
352	Hội Hữu nghị Việt Nam - Tây Ban Nha	10.000.000	
353	Viện Văn hóa Tây Ban Nha - Việt Nam		€ 654,00
354	Cty Mạnh Đức và tập thể nhân viên - Hà Nội	1.500.000	
355	Hội Người Cao tuổi phường Thịnh Quang	3.300.000	

STT	Họ và tên	Tiền mặt	Ngoại tệ
356	Chương trình gặp gỡ kỷ niệm 30/4 do bà Melez Ratner tổ chức	2.220.000	\$ 326,00
357	Chương trình gặp gỡ kỷ niệm 30/4 do bà Melez Ratner tổ chức		£ 700,00
358	Chi đoàn phòng kế hoạch Cụm cảng Hàng không miền Bắc	300.000	
359	Đại sứ quán Việt Nam và Cộng đồng người Việt Nam tại Bungari		\$ 1.160.00
360	TT Dịch vụ giải đáp khách hàng 108	300.000	
361	Tổng Liên đoàn Bóng đá Việt Nam	45.545.454	
362	Hội người cao tuổi phường Phương Liên	3.527.500	
363	Nhà máy SX Phụ tùng và lắp ráp xe máy	30.000.000	
364	Công ty Xích líp Đông Anh - Hà Nội	7.220.000	
365	Công ty Cổ phần Mai Linh (thu tại Ngân hàng Quân đội)	102.375.000	
366	Tập thể cán bộ nhân viên Bệnh viện Phụ sản Từ Dũ (thu tại VCB)	22.000.000	
367	Công ty Xây dựng công trình hàng không ACC (thu tại NH Quân đội)	100.000.000	
368	Kiểu bào Việt Nam tại Thái Lan	1.050.000	\$ 17.098,00
369	Kiểu bào Việt Nam tại Thái Lan		104.300 Bath
370	Kiểu bào Việt Nam tại Thái Lan		€ 100.00

Danh sách các tập thể ủng hộ nạn nhân chất độc Da cam Việt Nam còn tiếp tục.

DANH SÁCH CÁ NHÂN VÀ TẬP THỂ
ỦNG HỘ QUỸ NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM
Từ ngày 12 tháng 2 năm 2004 đến 15 tháng 2 năm 2005

STT	Họ và tên	Tiền mặt	Ngoại tệ
1	Nhà thơ Hoàng Quý ủng hộ	6.000.000	
2	Bà KumiYokoi người Nhật Bản ủng hộ cho Hội		50.000 Yên Nhật
3	Bà Anjuska weil hỗ trợ cho Hội		2.000 USD
4	Bác Nguyễn Thị Ngọc Toàn hỗ trợ	385.000	
5	Bà Vương Thị Khang ủng hộ	100.000	
6	Tân Hiệp Hưng	1.000.000	
7	Em Lê Hồng Nhung và Lê Việt Hùng	1.000.000	
8	Mr Hàn Phúc Sinh - Cty Mai Ka	10.000.000	
9	Bác Lê Quỳnh Vân	200.000	
10	Giáo sư Trần Thế Đông	200.000	
11	Bác Vũ Minh Bồng - 89 Nguyễn Văn Thủ, Q1, Tp HCM	100.000	
12	Mai Thị Hoa - Sở LĐ TBXH Tp HCM	100.000	
13	Lưu Thanh Hồng - 92B Thạch Thị Thanh, Q1, Tp HCM	1.000.000	
14	Nguyễn Thị Mai - 92B Thạch Thị Thanh, Q1, Tp HCM	100.000	
15	Phan Văn Chiêm - 189C Cống Quỳnh, Q1, Tp HCM	500.000	
16	Bùi Thị Bích Quân	1.500.000	
17	Terre Les Homes, Schosser Margrit		100 USD
18	Vũ Thị Mai - 351/7 Nguyễn Trọng Tuyển		
19	Nguyễn Thị Thuý 405/27 XVNT, Q. Bình Thạnh	200.000	
20	Mai Sơn- 400 Nguyễn Tri Phương, Q10, Tp HCM	2.000.000	
21	Ông Trần Văn Đình - 568 đường 3/2, Q10, Tp HCM	100.000	
22	Ông Vũ Hữu Mậu - Nhà thờ Phú Trung - Tân Bình	1.000.000	
23	Nguyễn Văn Quang - 25A Cát Linh - Hà Nội	200.000	
24	Chị Lưu Thị Chiến - 228 Pasteur, Q3, Tp HCM	100.000	
25	Thầy Nguyễn Văn Tiến - Trường TH TT Kinh tế Vạn Tường	100.000	
26	Cô Lâm Bích Ngọc - Trường TH TT Kinh tế VT	100.000	
27	Cháu Khôi Nguyên - Nguyễn Nhật Minh		

STT	Họ và tên	Tiền mặt	Ngoại tệ
28	Mr Baik Seung Kyu - Chủ tịch Hội Cứu tế/ CCB Hàn Quốc	3.000.000	
29	Anh Đỗ Văn Uy Sơn - 45 Lê Duẩn, Q1, Tp HCM	1.000.000	
30	Ông Phạm Hùng Nghị - TBKT Việt Nam	200.000	
31	Ông Đoàn Quang Minh	500.000	10 Pound+ 40 euro
32	Ông Nguyễn Liêm - Cty TNHH Hải Âu	800.000	100USD
33	Bác sĩ Huỳnh Tấn Mẫm	500.000	
34	Bạn đọc Q6	100.000	
35	Bà Phạm Thị Minh Hiền - Phó Chủ tịch Hội đồng hương HP	200.000	
36	Ông Đỗ Khôi - Cty Thái Sơn	200.000	
37	Bà Nguyễn Thị Ngọc Cẩm - 483 Lê Văn Việt - Q9	500.000	
38	Chị Châu - BQL Dự án Bưu điện - 125 Hai Bà Trưng, Q1, Tp HCM	500.000	
39	Cô Hải Nguyễn - Thời báo Kinh tế Việt Nam	1.000.000	
40	BS Nguyễn Thanh Xuân - 105 Nguyễn Kiệm - Q. Gò Vấp	1.000.000	
41	Anh Nguyễn Bình - 128 Nguyễn Đình Chiểu - Q3	300.000	
42	Gia đình ông bà Ung Thấn - 14A2, Cư xá 304, P25, Q Bình Thạnh	1.000.000	
43	Cô Đỗ Thị Giang - 658 Kinh Dương Vương	500.000	
44	Gia đình Nguyễn Thị Minh Khuê - 5/241 Lê Văn Thọ - Gò Vấp	500.000	
45	Chị Huyền - Ngân hàng Nông nghiệp Tp HCM - 50 Bến Chương Dương, Q1, Tp HCM	200.000	
46	Gia đình Bé Phương Hải + Hải Hoàng 117/7A Điện Biên Phủ, Q1	1.000.000	
47	Gia đình bé Vũ Thị Hiền - 11P4 Nguyễn Du, Q1	200.000	
48	Chị Hồ Thu Nga - Thời báo Kinh tế Việt Nam	300.000	
49	Bạn đọc Q11 - Lâm Thị Hoàng Yến	500.000	
50	Anh Nguyễn Duy Anh - 97N Nguyễn Duy Dương, Q5	200.000	
51	Chị Hồng Lan - 4/7 Trần Đình U - Q1	200.000	
52	Chị Nguyễn Thị Hoàng Lan - 12 Đông Du, Q1	1.000.000	
53	Gia đình Chị Bình - Bé Đào Mai Linh - 273 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q3, Tp HCM	1.000.000	
54	Anh Phạm Hoài Nam - 429/26 Lê Văn Sỹ, Q3	200.000	

STT	Họ và tên	Tiền mặt	Ngoại tệ
55	Anh Trần Trọng Khiêm - Vũng Tàu	1.000.000	
56	Gia đình chị Ngọc Trâm - 274 Lô 1 Trần Phú, Q5	300.000	
57	Chị Bích Vân + chị Thuỷ - 216 Lê Quốc Hưng, Q4	300.000	
58	Anh Tôn Thất Duyệt, P2204-37 Tôn Đức Thắng, Q1	200.000	
59	Anh Lê Hồng Quân - 17/167B Nguyễn U, Q Gò Vấp	500.000	
60	Chú Nguyễn Thành Hưng - 245/49A5 Kênh Hiệp Tân - Q Tân Phú	500.000	
61	Chị Hồ Thị Ý - 45 Ca Văn Thỉnh - Q Tân Bình	1.000.000	
62	Bé Tuyết Linh - 132 Lô GC/c Ngô Gia Tự, Q10	100.000	
63	Chị Linh - Tp HCM	500.000	
64	Gia đình chú Tâm - 351-30 Lê Văn Sỹ - Tp HCM	2.000.000	
65	Ông Hoàng Quảng Hà - 7 Lô Cx Tân Cảng - Q Bình Thạnh	500.000	
66	Nguyễn Xuân Toàn - 152/8B Lý Chính Thắng, Q3	200.000	
67	Gia đình bé Vũ Xuân Thảo, Tp HCM	100.000	
68	Bạn đọc Bình Thạnh - 290A Bùi Đình Túy, Q Bình Thạnh	2.000.000	
69	Chị Nguyễn Thị Phương - 13/202 Bình Hưng Hoà, Q Tân Bình	500.000	
70	Anh Vũ Xuân Thịnh - Cty Bảo Việt Tp HCM	200.000	
71	Anh Nguyễn Việt Khoa - Q Phú Nhuận, Tp HCM	200.000	
72	Bạn đọc Tp HCM	100.000	
73	Chị Quỳnh Hoa - 77 Thích Quảng Đức, Q Phú Nhuận	200.000	
74	Anh Dũng - Công ty Duy Thịnh	500.000	
75	Chị Thảo - 384B Lô 8 CX Thanh Đa	500.000	
76	Chị Hoàng Thị Thanh Hà - 18Bis/22/1D Nguyễn Thị Minh Khai, Q1, Tp HCM	1.000.000	
77	Trần Quỳnh Như 33/34 Gò Dầu - Q Tân Bình	200.000	
78	Gđinh bé Lê Hoàng Nhã Trúc - 124/16A Nguyễn Đình Chiểu, Q Phú Nhuận	300.000	
79	Nguyễn Thị Mỹ - 218 Minh Phụng, Q6	500.000	
80	Bà Trần Thị Ngọc Bích- B60/19 Nguyễn Thuần Hiến, Q4	200.000	
81	Bà Ngô Thị Huệ - 40 đường D2 Văn Thánh Bắc	500.000	
82	Anh Nguyễn Văn Quyền - Vũng Tàu	300.000	
83	Anh Đỗ Phong Trần - Q9- Tp HCM	100.000	

STT	Họ và tên	Tiền mặt	Ngoại tệ
84	Chị Vũ Thị Tháp - Học Môn - Tp HCM	100.000	
85	Gia đình Chị Nguyễn Thị Huệ - C2A Trần Quốc Toàn - Đồng Nai	2.000.000	
86	Bà Nguyễn Thị Vân - 5Q CX Bắc Hải - Biên Hòa - Đồng Nai	500.000	
87	Ông Tạ Quang Hội - Võ Thị Phương Anh - 40A Nguyễn Thị Minh Khai, Q1	3.000.000	
88	Chị Lê Hồng Đào - ĐT: 08.7105011	500.000	
89	Chị Nguyễn Thanh Thủy - 58 Nguyễn Văn Trị - Biên Hoà	500.000	
90	Chị Lê Phương Anh - 12/1A Phạm Văn Chiêu - Gò Vấp	500.000	
91	Chị Hạnh - 19B Võ Văn Tần - Q3	300.000	
92	Anh Phạm Minh Dũng - Bạn đọc Tp HCM	300.000	
93	Chị Đỗ Hoà - Cty First Alliances	200.000	
94	Anh Nguyễn Đàm Trường - đường Giải Phóng - HN	500.000	
95	Chị Loan - Tp HCM	20.000.000	
96	Cháu Hoàn Thị Xoa	35.000	
97	Ông Phạm Công Nhân - Lâm nghiệp Hà Giang	10.000.000	
98	Chị Bùi Phương Thảo	2.000.000	
99	Ông S.J.Harper (Người Mỹ) ủng hộ		50USD
100	Ông Vũ Oanh - Ctích Hội Người cao tuổi VN	2.000.000	
101	Các cháu Lan, Hảo, Hằng, Minh - Lớp 11B4 trường THPT Hải Hậu-NĐ	200.000	
102	Hoàng Trung Tín - Người chơi CT chiếc nón kỳ diệu	200.000	
103	Bà Nguyễn Lê Thanh - Người chơi CT chiếc nón kỳ diệu	200.000	
104	Nguyễn Thị Thế - Người chơi CT chiếc nón kỳ diệu	200.000	
105	Nguyễn Văn Sáu - Hữu Lũng, Lạng Sơn	10.000	
106	Đỗ Đức Anh - Cựu chiến binh phường Khương Trung	500.000	
107	Ông Nguyễn Mai Hiến - Cựu chiến binh phường Nam Đồng	500.000	
108	Cửa hàng cơm niêu Thuý Nga	500.000	
109	Nhạc sĩ Hoàng Hoà	5.000.000	
110	Gia đình ông bà Trần Văn Khôi - Bộ Xây dựng	1.000.000	
111	Dung, Tùng, Dự - Phòng TH ĐH Nông Lâm - Thái Nguyên	30.000	
112	Ông Trần Việt Thọ - Tp Huế	100.000	
113	Ông Trần Thanh Quân - Bưu điện Phú Cừ - Hưng Yên	100.000	

STT	Họ và tên	Tiền mặt	Ngoại tệ
114	Phan Duy Hiền - Thôn Càn, Hương Sơn, Bắc Giang	100.000	
115	Trương Thị Hồng: 40 Trần Quốc Toản, Tp ĐN	100.000	
116	Vũ Anh Duy và Vũ Diễm Linh	20.000.000	
117	Bà Trang Nhung	100.000	
118	Chị Ngọc và Lan số 27 Quang Trung	400.000	
119	Vũ Văn Cương, 42 Đội Cấn	100.000	
120	Nguyễn Thu Hiền, Số 5 ngõ 39, Đông Tác, Đống Đa, HN	300.000	
121	Phạm Văn Đa, Huỳnh Thúc Kháng, Hà Nội	100.000	
122	Đỗ Tiến Lai, 5/39 Phạm Hữu Đức, HP	50.000	
123	Phạm Đồng Dương, Tp HCM	100.000	
124	Nguyễn Thị Tùng, Nghĩa Đô, HN	2.000.000	
125	Đỗ Thị Dần, Thanh Xuân, Hà Nội	100.000	
126	(An Viết Nhung, Lê Hồng Phong, Phạm Xuân Thành) Công ty TNHH Taxi NB	300.000	
127	Bành Phước Bảng (25 - Mai Thanh Thế, P9, tỉnh Sóc Trăng)	100.000	
128	Ngô Quang Dung - VCB HCM	200.000	
129	Trần Thuỳ Dương	1.123.100	
130	Nguyễn Thị Chúc gửi qua ngân hàng	4.400.000	
131	Bùi Tương Hữu gửi qua ngân hàng	2.500.000	
132	Huỳnh Ái Lê gửi qua ngân hàng	3.443.200	
133	Khúc Thế Độ, Quảng Ninh gửi qua ngân hàng	100.000	
134	Ông Phạm Xuân Thu, phố Hoàng Cầu, Hà Nội	500.000	
135	Cháu Phạm Việt Long, học sinh trường Chu Văn An	500.000	
136	Bà Phí Thị Hồng, Việt kiều Canada	1.000.000	
137	Hứa Thị Kim Ngân, 118/6 Long Chí, Long Thành Trung, Hòa Thành, Tây Ninh	50.000	
138	Trần Ngọc Khanh, khu bưu điện Thụy Phong, TB	100.000	
139	Nguyễn Hà Hưng, Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Tây	1.000.000	
140	Ông Đào Ngọc Báu, bà Trương Thị Hồng Hà, khoa NN pháp luật, Học viện Chính trị quốc gia	150.000	
141	Nguyễn Thị Gạt, Tổng Giám đốc Cty TNHH Xây dựng - Thương mại Đại Hải, Hóc Môn - Tp HCM	151.750.000	
142	Ông Nguyễn Anh Tuấn - GD Cty Vật liệu XD, Xây lắp và KD Nhà Đà Nẵng	5.000.000	

STT	Họ và tên	Tiền mặt	Ngoại tệ
143	Ông Trương Minh Tiến - GD Cty Xây lắp An Giang, Mỹ Long - Tp Long Xuyên	5.000.000	
144	Bà Phạm Thị Loan - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Cty TNHH TM Việt Á, 370 Cầu Giấy - Hà Nội	5.000.000	
145	Ông Nguyễn Đức Kiên, Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế và Ngân sách của Quốc hội	1.500.000	
146	Ông Nguyễn Thành Châu - GD Cty Tư vấn thiết kế XD Ctrình CN dân dụng Sơn La	1.000.000	
147	Bà Nguyễn Tố Hoa, Cán bộ Toà soạn Thông tin KD & TT	1.000.000	
148	Ông Hoàng Văn Tiến - GD Cty Phân đạm Hoá chất Hà Bắc	1.000.000	
149	Nhà giáo Trịnh Lương, 24 Nguyễn Gia Thiều - Hà Nội	1.000.000	
150	Ông Phạm Bang Ngạn - GD Cty cổ phần Thăng Long, 25 Lạc Long Quân - HN	1.000.000	
151	Ông Trương Minh Tiến - GD Công ty Xây lắp An Giang	1.000.000	
152	Ngô Quang Huy - Cty 77 Bộ Quốc phòng, Kim Bảng - Hà Nam	1.000.000	
153	Ông Thiệu Quang Hành - Chủ nhiệm CLB trang trại, xã Phú Long - Nho Quan - Ninh Bình	500.000	
154	Ông Vũ Văn Sinh, Xã Phương Vỹ - Vũ Ninh - Bắc Ninh	500.000	
155	Ông Nguyễn Đức Hiển, Trang trại Cá cảnh Kiến An - Hải Phòng	500.000	
156	Ông Trịnh Xuân Thiêm - TGD Công ty CP Thiết bị phụ tùng Hà Nội	500.000	
157	Ông Đoàn Trọng Chử, Xã Minh Đạo - Tiên Du - Bắc Ninh	500.000	
158	Ông Đặng Danh Minh, Xã Gia Bình - Tiên Du - Bắc Ninh	500.000	
159	Ông Nguyễn Đình Dũng, Xã Tân Xã - Thạch Thất - Hà Tây	500.000	
160	Ông Nguyễn Mạnh Hiệp, Xã Hiền Ninh - Sóc Sơn - Hà Nội	300.000	
161	Ông Hoàng Thanh Nghị, Xã Mai Lâm - Đông Anh - Hà Nội	300.000	
162	Ông Lê Văn Ninh - GD Cty may Bến Thành, Q 1, Tp Hồ Chí Minh	300.000	
163	Ông Phùng Văn Thụ - GD Cty Khai thác công trình thuỷ lợi Phú Thọ	300.000	
164	Ông Hoàng Văn Lượng, Xã Tân Châu - Khoái Châu - Hưng Yên	300.000	
165	Ông Lê Hồng Ngọc, Xã Tiên Tấn - Duy Tiên - Hà Nam	300.000	

STT	Họ và tên	Tiền mặt	Ngoại tệ
166	Ông Trần Văn Nhạ, Xã Đoàn Tùng - Thanh Miện - Hải Dương	200.000	
167	Ông Nguyễn Khắc Tước, Xã Tiên Yên - Hoài Đức - Hà Tây	200.000	
168	Ông Nguyễn Duy Dụng, Xã Xuân Giang - Sóc Sơn - Hà Nội	200.000	
169	Ông Ngô Doãn Năng, Xã Nam Hoà - Yên Hưng - Quảng Ninh	200.000	
170	Nguyễn Đình Khê - GD Lâm Trường - Hữu Lũng - Lạng Sơn	200.000	
171	Ông Ngô Văn Chiến, Xã Đông Thọ - Yên Phong - Bắc Ninh	200.000	
172	Ông Phạm Thanh Hải, Công ty Xi măng Việt Nam	200.000	
173	Ông Đỗ Huy Thông - Cty XD số 1 tỉnh Hà Giang	200.000	
174	Ông Phan Hùng, Xã Nghĩa Hưng - Lạng Giang - Bắc Giang	200.000	
175	Ông Nguyễn Ngọc Thực, Xã Tân Hội - Đan Phượng - Hà Tây	200.000	
176	Ông Chủ Văn Toàn, Xã Hội Phụ - Đông Anh - Hà Nội	200.000	
177	Ông Nguyễn Ngọc Đức, Duy Tiên - Hà Nam	200.000	
178	Ông Lê Trung Cấp, Xã Gia Tân - Huyện Gia Lộc - Hải Dương	150.000	
179	Bà Đặng Thị Thơm, Xã Việt Tiến - Việt Yên - Bắc Giang	100.000	
180	Ông Trần Như Hiệp, Xã Khánh Thượng - Ba Vì - Hà Tây	100.000	
181	Ông Chu Đình Quý PGĐ- CTY 20, 35 Phan Đình Giót - Thanh Xuân - Hà Nội	100.000	
182	Bà Trần Thị Phương, Xã Văn Nhân - Phú Xuyên - Hà Tây	100.000	
183	Ông Nguyễn Công Vạn, Thanh Sơn - Phú Thọ	100.000	
184	Ông Lê Văn Bốn, Xã Tiến Xuân - Lương Sơn - Hoà Bình	100.000	
185	Ông Ngô Đăng Hải, Xã Việt Hùng - Đông Anh - Hà Nội	100.000	
186	Ông Nguyễn Xuân Việt, Xã Tú Thịnh - Sơn Dương - Tuyên Quang	100.000	
187	Ông Trần Văn Đạt, Xã Nam Tân - Nam Sách - Hải Dương	100.000	
188	Ông Lưu Văn Tuyết, Xí nghiệp Gà Ba Vì - Hà Tây	100.000	
189	Anh Thắng Cty ĐT - PT nhà và đô thị Lạng Sơn	100.000	
190	Ông Nguyễn Đức Sự, Xã Quang Lang - Chi Lăng - Lạng Sơn	100.000	
191	Ông Phạm Văn Hường, Xã Kim Lương - Kim Thành - Hải Dương	100.000	

STT	Họ và tên	Tiền mặt	Ngoại tệ
192	Ông Vũ Trọng Long, Xã Thanh Kỳ - Như Thanh - Thanh Hoá	100.000	
193	Ông Lại Hoàng Nam, Lạng Sơn	100.000	
194	Hoàng Hữu Tám - CTy Vật liệu chịu lửa Trúc Thôn, Chí Linh - Hải Dương	100.000	
195	Giang Xuân Bách, Xã Thạch Hoà - Thạch Thất - Hà Tây	100.000	
196	Ông Xuân Tú, Xã Quân Khê - Hạ Hoà - Phú Thọ	50.000	
197	Tiến sĩ Lê Võ Đình Tường - 780/17D Sư Vạn Hạnh ND Q10, Tp HCM	1.000.000	
198	Nguyễn Thị Hương - Đà Lạt	100.000	
199	Bà Nguyễn Thị Năm (NHQĐ)	930.000	
200	Phạm Thúy Quỳnh, phòng LĐTL Công ty VPS	1.000.000	
201	TT giáo viên và học sinh trường THCS Trương Tùng Quân, TN	1.302.000	
202	Trường TH Xóm Sóc, ấp Lộc Khê, Gia Lộc, Trảng Bàng, TN	102.000	
203	Trường TH Đặng Văn Trước, Trảng Bàng, Tây Ninh	245.000	
204	Hội Cựu chiến binh Việt Nam, huyện Cát Tiên, Lâm Đồng	2.415.000	
205	Trung tâm KHKT Lâm nghiệp (NHQĐ)	1.000.000	
206	Bé Diễm và Heo, Viện Công nghệ Châu Á, Băng Cốc, Thái Lan	110.000	
207	Mai Chấn Chiến, số 44 phố Nhân Hòa	100.000	
208	Đoàn Thanh niên văn phòng Quốc hội	6.000.000	
209	Cty TNHH Thăng Hoàng Trung TT ROYALCO (VCBHN)	500.000	
210	Sáu: Tổ môi trường - Công viên nước Hồ Tây	100.000	
211	CBGV - CNV Trường tiểu học Cư Pui II, Đắk Lắk	210.000	
212	Trường PTTH Nguyễn Văn Trỗi, Nha Trang	500.000	
213	CNLD Ngành Công nghiệp Hà Nội	10.000.000	
214	Phùng Phú Hữu, 14 Lý Nam Đế, Hà Nội	1.000.000	
215	Cháu Nguyễn Phương Thảo, Ngọc Khánh, Hà Nội	100.000	
216	Bà Nguyễn Thu Hà (VCBHN)	150.000	
217	Mr Gerd Jager		\$ 300,00
218	Công ty liên doanh TNHH Việt Nam - Malaysia	2.750.000	
219	Cô giáo Mai Hương và học sinh lớp 7P, trường PTCS Đống Đa, Hà Nội	550.000	

STT	Họ và tên	Tiền mặt	Ngoại tệ
220	Công đoàn khối quản lý đào tạo khu vực phía Bắc - Học viện Bưu chính viễn thông	3.440.000	
221	Chi hội Cựu chiến binh số 2, TTĐH Sư phạm HN	200.000	
222	Phạm Ngọc Lan, số nhà 9, ngõ 53 Đức Giang, Gia Lâm, Hà Nội	100.000	
223	Chi nhánh Công ty XNK các sản phẩm cơ khí Tp HCM	1.500.000	
224	Nguyễn Như Trọng, P 206 H8, Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	100.000	
225	Nguyên Cán bộ lãnh đạo Đoàn 559, Bộ đội Trường Sơn	500.000	
226	Hội Cựu chiến binh phường Văn Giang	1.395.000	
227	Cán bộ, giáo viên, sinh viên khoa tiếng Trung, ĐH dân lập Đông Đô	2.022.000	
228	Nguyễn Thị Vân, ngõ 93, Hoàng Văn Thái, Thanh Xuân, Hà Nội	200.000	
229	Phùng Thị Ánh Vân, 98, Võ Thị Sáu, P Thanh Nhàn, Q Hai Bà Trưng	300.000	
230	Công ty Máy tính NET, 276 Khâm Thiên, Đống Đa, HN	1.517.200	
231	Trường tiểu học Nguyễn Văn Châu, huyện Trảng Bàng, Tây Ninh	110.000	
232	Chi đoàn cán bộ Viện KH&CN Môi trường, ĐH Bách Khoa, Hà Nội, số 1 Đại Cồ Việt, HN	400.000	
233	Nguyễn Xuân Đặng, Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng	300.000	
234	Học sinh Trường trung học Chánh Vĩnh Phước, Lộc Hưng, Trảng Bàng, Tây Ninh	100.000	
235	Sở Y tế Lâm Đồng	1.756.000	
236	Trần Anh Tuấn - K7B - Khối Chuyên Sinh - ĐH KHTN Hà Nội	50.000	
237	Trường THPT bán công Phan Bội Châu, Khu I, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng	1.000.000	
238	Phạm Thúy Quỳnh, Công ty Bưu chính Liên tỉnh Quốc tế, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội	1.000.000	
239	Trường TH Ngô Văn Tộ, An Ninh, Trảng Bàng, Tây Ninh	461.400	
240	Trường THCS bán công chất lượng cao Đặng Thai Mai, số 2, đường Lê Văn Tám, Tp Vinh, Nghệ An	3.708.000	

STT	Họ và tên	Tiền mặt	Ngoại tệ
241	Hội Phụ nữ cơ sở, Công ty XD 621, đường Lê Hồng Phong, Q Bình Thủy, Cần Thơ	200.000	
242	Nguyễn Lê Thùy Linh, Trường PTTH chuyên Thăng Long - Tp Đà Lạt, Lâm Đồng	200.000	
243	Trần Thị Loan, Phó bí thư xã Đoàn Đồng Khởi, Châu Thành, Tây Ninh	300.000	
244	Ông Michael Sullivan, 209 Đội Cấn	250.000	
245	Chi hội Châm cứu Quân y 108	370.000	
246	Hội Châm cứu Long An	200.000	
247	Học sinh Trường tiểu học An Thành, Trảng Bàng, Tây Ninh	20.000	
248	Sở Y tế Hà Tây	4.495.000	
249	Hội Hữu nghị Việt - Hung	5.000.000	
250	Ông Nguyễn Thanh Bình, số nhà 75, ngõ 113, Thái Thịnh - Đống Đa - Hà Nội	200.000	
251	Tổng cục Hải quan	34.918.205	
252	Bùi Hồng Thúy, SN 106, ngõ 71, Tân Ấp, Phúc Xá, Ba Đình, HN	500.000	
253	Công ty bảo vệ Long Hải, chi nhánh Hà Nội	1.500.000	
254	Toàn: Thu ủng hộ tại Pháp		€ 2.269,40
255	Toàn: Thu ủng hộ tại Pháp		€ 100,00
256	Nhóm cầu thủ cũ bóng đá Quân đội đang công tác tại CHLC Đức		€ 200,00
257	Trung tâm KHKT Lâm nghiệp	1.000.000	
258	Bà Nguyễn Dương Hồng, tỉnh Bình Định	300.000	
259	Công ty TNHH Vietubes, Vũng Tàu	1.000.000	
260	Công ty TNHH Thăng Hoàng Trung, TT ROYALCO	500.000	
261	Bà Nguyễn Thu Hà	150.000	
262	Hiệp hội Nhựa Việt Nam lần 2	44.800.000	
263	Hội Mỹ thuật VN, 51 Trần Hưng Đạo, HN	3.932.400	
264	Bộ Công an	10.000.000	
265	Ông Nguyễn Văn Lộc, phố Hồng Mai, P Quỳnh Lôi, Hai Bà Trưng, HN	500.000	
266	Bà Phan Thị Thu Hiền, 144 Đại lộ 2, Phước Bình, Q9, Tp HCM	200.000	
267	Hội CCB Bộ Tài nguyên Môi trường	5.000.000	

STT	Họ và tên	Tiền mặt	Ngoại tệ
268	Trường Tiểu học Lộc Trát, huyện Trảng Bàng, Tây Ninh	265.000	
269	Trường THCS Thị trấn Trảng Bàng, Tây Ninh	1.085.000	
270	Liên đội Trường tiểu học Gia Bình, Trảng Bàng, Tây Ninh	72.000	
271	Trường tiểu học Thị trấn Trảng Bàng, Tây Ninh	700.000	
272	Trường tiểu học Hòa Hưng, xã An Hòa, Trảng Bàng, Tây Ninh	64.500	
273	Trường THCS An Hòa, Trảng Bàng, Tây Ninh	700.000	
274	Liên đội Trường THCS Thị trấn Sông Thao, Cẩm Khê, Phú Thọ	500.000	
275	Ông Trần Hữu Bảo, nhà số 2, Ngõ 7, đường Nguyễn Biểu, Tp Vinh	100.000	
276	Trường TH Tịnh Phong, ấp Tịnh Phong, xã An Thịnh, Trảng Bàng, Tây Ninh	110.000	
277	Tổ đào tạo, CT Bưu chính liên tỉnh và quốc tế	1.000.000	
278	Khối chuyên toán Trường PTTH chuyên Thái Nguyên, Tp Thái Nguyên	1.460.700	
279	Đoàn trường PTTH Hiệp Đức, huyện Hiệp Đức, Quảng Nam	300.000	
280	TT Đào tạo Bưu chính viễn thông 1	3.000.000	
281	Bà Hồ Thu Thủy, TT Bộ Nội vụ	100.000	
282	Cháu Lê Hồ Trung, lớp 11A4, Trường Nguyễn Tất Thành, Hà Nội	20.000	
283	Cháu Lê Sĩ Đạt, lớp 5E, Trường Phan Chu Trinh, Hà Nội	20.000	
284	Cháu Lưu Thị Mận, TT Bộ Nội vụ	10.000	
285	Cháu Hoa Phương Chi, lớp 8, TT Viện Thổ nhưỡng Nông Hóa	100.000	
286	Bà Đàm Thuận, Hòa Khê Thượng, Bạch Hà, Phú Xuyên, Hà Tây	100.000	
287	Lớp KH4C, Học viện Hành chính quốc gia	500.000	
287	Nguyễn Thị Hải Ngân, D4P508 Khu Giảng Võ, HN	200.000	
288	Nhà máy thiết bị Bưu điện, 61 Trần Phú, HN	10.000.000	
289	DNTN SX phụ tùng xe máy Tân Trào, 44 Yên Bái I, Hai Bà Trưng, HN	2.000.000	
290	Gia đình ông bà Điện Bình, khu 2, Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	500.000	

STT	Họ và tên	Tiền mặt	Ngoại tệ
291	Ông Vũ Đức Chính, Nhà hàng Phương Chinh, Khối 1, Phố Cò, Sông Công, Thái Nguyên	500.000	
292	Ông Đỗ Quang Minh, CTCPSXTM Minh Hạnh, Khối 2, Phố Cò, Sông Công, Thái Nguyên	200.000	
293	Hội nghĩa tình, Câu lạc bộ Ba Đình	3.000.000	
294	TT lớp 11A2, Trường PTTH Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội	100.000	
295	Gia đình ông Đỗ Ngọc Hùng, TT Viện quy hoạch Rừng, Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội	160.000	
296	Bà Nguyễn Ái Linh, C5, Lô 18, Khu Đô thị Đình Công, Hoàng Mai, HN	500.000	
297	Công ty TNHH Thương mại Quốc Hưng, 21 Trần Phú, Hải Phòng	500.000	
298	Cửa hàng Jin giày, 130 Lê Duẩn, Hà Nội	200.000	
299	CTCP đầu tư PT công nghệ điện tử Viễn thông, 18 Nguyễn Chí Thanh	8.930.000	
300	NV, trưởng ban, trưởng nhóm Đại lý khu vực 312-HP2 Frudential Việt Nam, số 206 Quang Trung, Hồng Bàng, Hải Phòng	2.555.000	
301	HS, SV trường Cao đẳng sư phạm tỉnh Hòa Bình, phường Chăm Mát, TX Hòa Bình	1.500.000	
302	Bà Lê Thùy Dương, 163, Lạc Long Quân, Hà Nội	200.000	
303	Bà Nguyễn Văn Trang, 28 Linh Lang, Hà Nội	200.000	
304	Nhà hàng đặc sản nem giò Tô Đình Dũng	1.000.000	
305	Viện kinh tế Bưu điện	3.592.000	
306	Nhà văn Nguyễn Khắc Phục	9.300.000	
307	Công đoàn Báo Hà Nội Mới	3.720.000	
308	Anh Lâm Hữu Hoà - Hà Nội	100.000	
309	Bà Đàm Thuận - Hà Tây	100.000	
310	Hải Ngân - Hà Nội	200.000	
311	Ông bà Đỗ Bình - Hà Nội	500.000	
312	Ông Chính - Thái Nguyên	500.000	
313	Ông Minh - Thái Nguyên	200.000	
314	Gia đình ông Đỗ Ngọc Hùng - Thanh Trì - HN	160.000	

STT	Họ và tên	Tiền mặt	Ngoại tệ
315	Nguyễn Ái Linh - Định Công - Hà Nội	500.000	
316	ông Hoàng Quang Vinh	500.000	
317	Bà Nguyễn Thị Kim	500.000	
318	Lê Thuý Dương - Lạc Long Quân - Hà Nội	200.000	
319	Nguyễn Văn Trang - Linh Lang - Hà Nội	200.000	
320	Nhà văn Nguyễn Khắc Phục - Hội Nhà văn Việt Nam	9.300.000	
321	Nguyễn Hoài Phương - Trảng Bàng - Tây Ninh	70.000	
322	Nguyễn Hằng Nga - Trần Hưng Đạo - Đà Nẵng	100.000	
323	Đặng Đức Nghĩa - Thái Nguyên	100.000	
324	Bà Cung Thị Hiền - Đống Đa - Hà Nội	200.000	
325	Trần Đức Côn và Trần Quang Hựu - Tp Thái Nguyên	256.500	
326	Nguyễn Thúy Vân - Thanh Trì - Hà Nội	100.000	
327	Lý Trục Dũng - phố Huế - Hà Nội	2.000.000	
328	Trần Thị Nhất - Nguyễn Chí Thanh - Hà Nội	200.000	
329	Bà Nguyễn Thị Kim Phương	1.000.000	
330	Nguyễn Thị Quyên - HV Hành chính QG	50.000	
331	Chị Lan Chi - 24 Lê Ngọc Hân	800.000	
332	Lê Đăng Hải - Kiều bào VN tại Đức	1.000.000	
333	Đình Thị Vinh - Hà Nội	1.000.000	
334	Phùng Phương Nhung - Tp HCM	1.150.000	
335	Ông Trần Hoàng Đối - Hà Nội	500.000	
336	Đỗ Thị Thanh Hằng - Hà Nội	200.000	
337	Đỗ Thanh Huyền - Hà Nội	1.000.000	
338	Nguyễn Thị Huyền - Tây Ninh	53.700	
339	Cô Hương - Hà Nội	1.000.000	
340	Bà Nguyễn Thị Út	30.363.000	
341	Vũ Quang Tùng - Hà Nội	50.000	
342	Bùi Thị Thảo - Bắc Giang	50.000	
343	Đoàn Thị Loan - Gia Lai	200.000	
344	Nguyễn Thị Tám - Tp HCM	100.000	
345	Đội Việt Bắc - Quảng Ninh	70.000	

STT	Họ và tên	Tiền mặt	Ngoại tệ
346	Trần Quang Dũng - Hà Nội	500.000	
347	Nguyễn Thị Thu Hằng - Hà Nội	100.000	
348	Trần Ngọc Thành - Hà Nội	200.000	
349	Nguyễn Thị Vân - Hà Nội	100.000	
350	Cháu Chu Việt Hoàng - Hà Nội	100.000	
351	Chị Nhung - Hải Dương	50.000	
352	Anh Phương - Hà Nội	50.000	
353	Nguyễn Minh Chánh - Tây Ninh	192.000	
354	Bà Lê Thanh Xuân - Hà Nội	500.000	
355	Ông Col Sâmpn Tanypusch Thai - Thái Lan	300.000	
356	Nhạc sĩ Peter Row - Mỹ	12.060.900	
357	Nguyễn Tuấn Anh - Hà Nội	150.000	
358	Nguyễn Ngọc Trữ - Tây Ninh	150.000	
359	Ngô Thị Mỹ Lệ - Tây Ninh	40.000	
360	Cháu Vũ Ngọc Hồng	100.000	
361	Đỗ Thị Mai Hương - Quảng Ninh	50.000	
362	Nguyễn Cúc Cẩn - Hà Giang	200.000	
363	Mr YoChinhChen - Hải Dương	1.476.000	
364	Trần Văn Khánh - Bắc Ninh	50.000	
365	Đặng Hoa Trung - Phú Thọ	10.000	
366	Nguyễn Cảnh Dinh - Hà Nội	500.000	
367	Phạm Thu Hoàn - Hà Nội	300.000	
368	Nghiêm Xuân Tường và Nguyễn Thị Phương - Đức	10.000.000	
369	Gia đình Bà Trinh - Bùi Kokkoris	6.300.000	
370	Chủ tịch nước Trần Đức Lương	10.000.000	
371	Nguyễn Thị Sáu - Cầu Giấy - Hà Nội	200.000	
372	Mai Văn Bốn - Hà Nội	300.000	
373	Nguyễn Thu Hà - ủng hộ qua VCB	300.000	
374	Bà Melez Ratner - từ chương trình gặp gỡ kỷ niệm 30-4-05	2.220.000	€ 20,00
375	Bà Melez Ratner - từ chương trình gặp gỡ kỷ niệm 30-4-05		\$ 426,00
376	Các nhà văn Trần Nhung, Đoàn Lê, Nguyễn Quang Thiều, Hoàng Minh Thường, Đỗ Minh Tuấn	2.000.000	

STT	Họ và tên	Tiền mặt	Ngoại tệ
377	Phạm Văn Lưu - Hà Nội	4.970.000	
378	Bà Phạm Thị Mỹ - Bồ Đề - Gia Lâm - Hà Nội	200.000	
379	Tống Thị Chiến - Gia Lai	250.000	
380	Bà Hoàng Thị Đài - Việt kiều Việt Nam tại Lào	3.500.000	
381	Đồng Thị Viễn - Bộ Công an	250.000	
382	Một Việt kiều tại Mỹ		\$ 44,35
383	Ông Bảo - Tp Vinh - Nghệ An	100.000	

Từ ngày 12 tháng 2 năm 2004 đến ngày 22 tháng 7 năm 2005, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đã ủng hộ Hội nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam số tiền 5.278.730.362 đồng (*Năm tỷ hai trăm bảy tám triệu bảy trăm ba mươi nghìn ba trăm sáu hai đồng*) cả tiền ngoại tệ quy đổi ra tiền Việt.

Bản sao lưu trữ

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
* <i>Lời giới thiệu</i>	5
* Tuyên bố của Hội nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam	7
* Tuyên bố của Hội nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam về việc thẩm phán J.B. Weinstein bác đơn kiện của các nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam	9
* Thư ngỏ gửi nhân dân Mỹ của Hội nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam	12
* Tuyên bố của người phát ngôn Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	14
* <i>Phần thứ nhất: Chất độc Da cam trong chiến tranh Việt Nam</i>	15
* <i>Phần thứ hai: Những câu chuyện của nạn nhân chất độc Da cam/dioxin Việt Nam</i>	147
* <i>Phần thứ ba: Thức tỉnh lương tri loài người</i>	381
* <i>Phần thứ tư: Những nạn n</i> công ty hóa chất Hoa Kỳ	trong vụ kiện các 503
* <i>Phần thứ năm: Những tấm</i>	535

**DIOXIN - NỖI ĐAU NHÂN LOẠI
LƯƠNG TRI VÀ HÀNH ĐỘNG**

Chịu trách nhiệm xuất bản: **PHẠM QUANG ĐỊNH**
Chịu trách nhiệm bản thảo: **PHẠM BÁ TOÀN**
Biên tập: **LÊ HẢI TRIỀU**
Trình bày: **TỔ VI TÍNH**
Bìa: **MAI THƠ**
Sửa bản in: **THÚY HỒNG - MINH PHƯƠNG**

Nhà xuất bản Quân đội nhân dân

23 Lý Nam Đế, Hà Nội - ĐT: 8455766, 7470780

Fax: (04) 7471106

Cơ quan đại diện tại Tp. Hồ Chí Minh

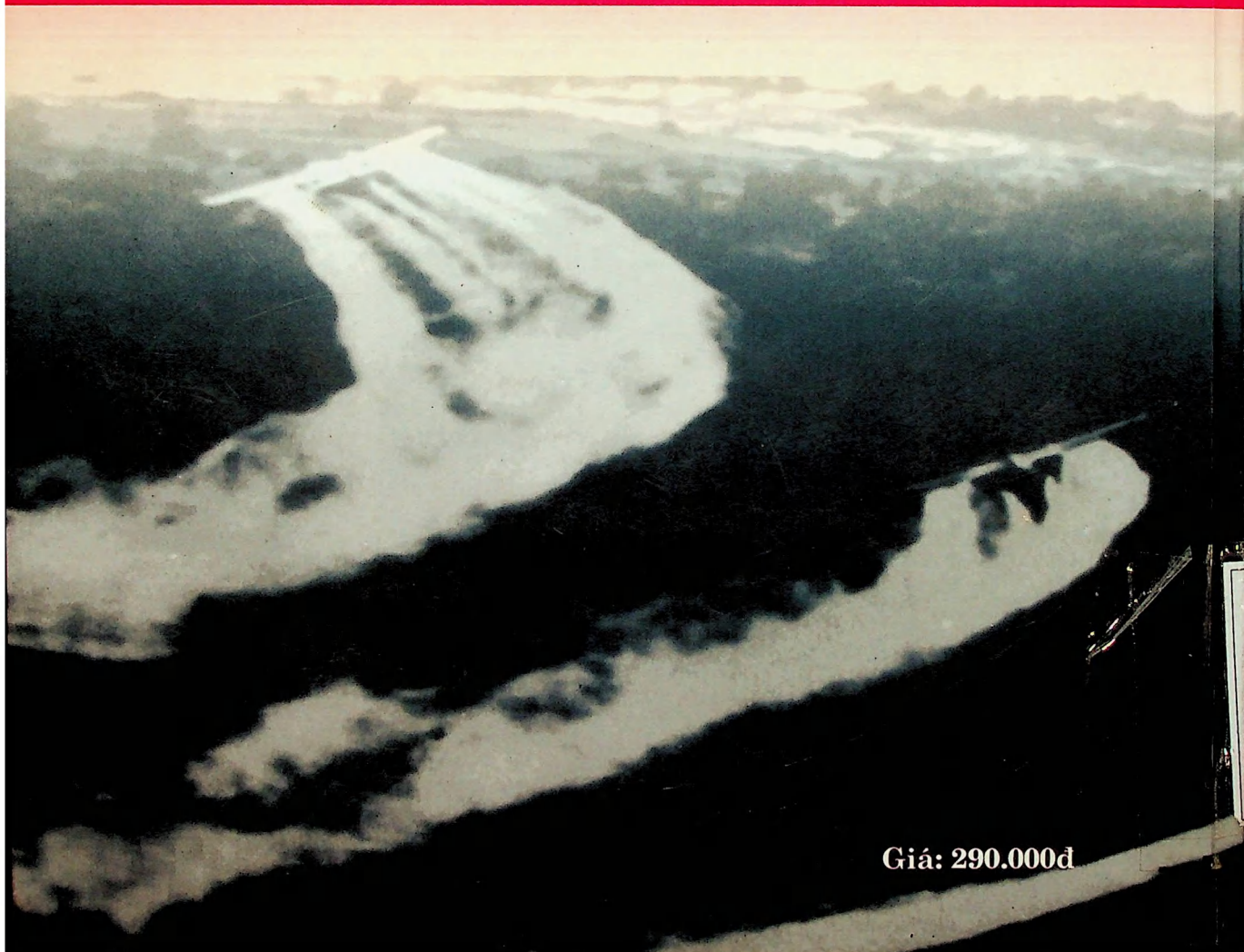
Số 1, đường Kỳ Đồng, Q.3

ĐT (069) 652165 - (08) 9311953

DIOXIN

nỗi đau nhân loại

LƯƠNG TRI VÀ HÀNH ĐỘNG



Giá: 290.000đ